

# Ý thức mới trong văn nghệ và triết học

## Phạm Công Thiện

(Luận về ý thức mới sau mười năm lang bạt)

*Tặng Phạm Trung Cang, Phạm Thế Hùng, Phạm Hoàng Dũng, Phạm Quốc Khanh,  
Phạm Ngọc Hoa, Phạm Ngọc Thanh, Phạm Ngọc Bích*

GỬI MỘT NGƯỜI ĐỌC KHÔNG QUEN  
CÙNG CHÁY MỘT THỨ LỬA THIÊNG NHƯ TÔI  
CÙNG ĐƯỢC NUÔI BẰNG MỘT THỨ NƯỚC ĐIÊN NÀO ĐÓ CHẢY TRÔI NHƯ TÔI  
CÙNG SỐNG NHƯ TÔI ĐANG SỐNG  
CHÁY  
VÀ CHẢY  
CHÁY VÀ CHẢY KHÔNG NGỪNG...

### 1.

*Sài Gòn ngày 25 tháng 4 năm 1970*

Bức thư này được viết ra để đóng lại mười năm và mở ra mười năm khác. Nhân dịp quyển *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* được tái bản lần thứ tư; ông Thanh Tuệ, giám đốc nhà xuất bản *An Tiêm* có ý muốn tôi viết đôi lời gọi là "sau mười năm lang bạt nhìn lại ý thức mới..."

Tôi thực sự bắt đầu viết quyển *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* vào năm 1960 (thực sự khởi từ năm 1959), nghĩa là lúc tôi được mười tám và mười chín tuổi. Bây giờ tôi gần 30 tuổi. Bao nhiêu nước chảy trôi phăng qua cầu trong mười năm trời. Bây giờ nhìn lại chặng đường xưa, tôi không ngờ lúc 18 – 19 tuổi tôi lại *thông minh để thương* như vậy, rồi nhớ lại lúc 13-14 tuổi cho đến lúc 16 tuổi, tôi đã xuất bản một quyển, sách về ngôn ngữ học và đã viết trên 20 quyển sách về văn học quốc tế và ngôn ngữ học (trong đó có một quyển mà Nguyễn Hiến Lê đề tựa giới thiệu và ngạc nhiên không ngờ tôi mới 16 tuổi), sau này khi tôi được 18 tuổi thì tôi đốt sạch hết tất 20 quyển ấy!

Tai nạn lớn lao nhất trong đời tôi là phải chịu đọa đầy làm *thần đồng* lúc còn thơ dại, rồi lúc lớn lên làm thanh niên thì phải chịu đọa đầy làm *thiên tài*.

Bây giờ gần 30 tuổi thì tôi lại *xuống núi* (chứ không phải *lên núi* như Zarathustra) để làm nước chảy ồn ào trong những lỗ cống của cuộc đời.

Thực ra còn đến hai tháng nữa, tôi mới đúng 29 tuổi. Tôi cho phép tôi làm nước chảy trong cống rãnh trong thời gian một năm nữa thôi, từ 29 tuổi đến 30 tuổi.

Từ 30 tuổi trở đi cho đến 40 tuổi thì *tôi sẽ không là tôi nữa*. Đó là điều bí mật chỉ có tôi mới biết rõ vì sao tôi sẽ không là tôi nữa.

Từ 40 tuổi cho đến 50 tuổi, hư vô sẽ thổi trên mặt đất.

Từ 50 tuổi cho đến 60 tuổi thì kỷ nguyên Tây lịch đã tới năm 2000.

Từ 60 tuổi cho đến 70 tuổi thì trái đất sẽ rất nhiều chim, những con chim biết nói tiếng Phạn.

Từ 70 tuổi cho đến 80 tuổi thì núi Hy mã Lạp sơn sẽ sụp đổ và chảy tan thành một đại dương mới.

Từ 80 tuổi cho đến 90 thì Thái Bình Dương sẽ trở thành năm mỡ chôn hết lục địa.

Từ 90 tuổi cho đến 100 thì mặt trời trở thành mặt trăng và mặt trăng trở thành địa cầu mới.

## 2.

Tôi không là một tên tiên tri nào cả, ngôn ngữ của tôi là ngôn ngữ của thi sĩ. Ai muốn hiểu làm sao thì hiểu.

Ngôn ngữ của người điên không khác ngôn ngữ của thi sĩ lắm, chỉ có khác một điều: xã hội loài người có dựng lên bao nhiêu nhà thương điên mà không chịu dựng lên nhà thương thi sĩ.

Khi muốn phản đối người nào thì người ta nhốt hẳn vào nhà thương điên; từ ngày bệnh điên trở thành một cái thời trang làm dáng cho bọn tự nhận là thiên tài thì phân tâm học ra đời tự nhận là phi thiên tài. Cái hạng người gọi là "bình thường" đầy dẫy ở mặt đất: trước khi nói một lời thì họ uốn lưỡi bảy lần, và vì uốn lưỡi nhiều quá cho nên lưỡi họ trở thành cong cong như lưỡi câu cá. Tội nghiệp cho những con cá mắc câu!

Nhưng nếu trường hợp chính tôi lại bị mắc câu thì cứ cho mắc câu! Vì mắc câu cũng thơ mộng! Tôi sống không cần để phòng gì cả, tất cả cửa đều mở sẵn: ai muốn len vào để "thích khách" thì cứ len vào; tôi không phòng thủ, không tự vệ, không giữ gìn. Tôi không chịu đựng nổi những hạng người hay nói đến những "phương cách đối trị"... Chỉ có một phương cách đối trị duy nhất là *buông bỏ*.

Cơ bịnh trầm trọng của thời đại là tiếng ồn ào, tiếng ồn này kéo tới tiếng ồn khác, tiếng ồn của cơ khí, của súng đạn, của động cơ, tiếng bom nổ là tượng trưng phát biểu cho tiếng nổ vỡ của ý thức con người. Sứ mạng của chúng ta, những thi sĩ của trái đất, là phải giúp cho ý thức con người bùng vỡ lên như một cái nắm đỏ khổng lồ, cho ý thức nổ lên như một trái bom một triệu tấn. Chúng ta có chịu đựng nổi tiếng nổ kinh thiên động địa ấy không?

Nếu ý thức của con người không thể bùng nổ được như trái bom khinh khí thì trái bom khinh khí sẽ bùng nổ *thay thế* ý thức con người. Hoặc là *tôi* hoặc là *cái khác thay thế tôi*. Con người chỉ chạy đuổi theo những cái thay thế cho con người. Ý thức luôn luôn chạy tìm cái thay thế cho ý thức: không bao giờ là *thế* mà luôn luôn *thay thế*.

LÀ THẾ, chữ Phạn gọi là *yathàbhùtam*.

Chỉ có một chỗ ở độc nhất là ở chỗ là thế *yathàbhùtasvalakshanàvasthànàyasthitam*.

Kinh *Lankavatara Sutra* dạy tôi rằng phải có “âm hưởng nhần” (Ghoshanugakshanti) mới *nhận* ra được tiếng nổ động trời của “chuyên thức” (Paravritti) trong cái - là - thể, trong cái- nhìn -thấy- như- là- thể: *yathatathyadarsana*.

Tôi vẫn thích viết chữ Phạn, thích nói chữ Phạn, mặc dù tôi vẫn chưa thuộc hết bảng mẫu tự chữ Phạn!

*Hãy giải thoát ra khỏi bảng mẫu tự chữ Phạn!*

Giải thoát không có nghĩa là chạy.

Giải thoát là CHÁY  
VÀ CHẢY  
Cháy như thể, chảy như thể.

Chảy như thể thì từ tu du này đến tu du khác, từ giây phút này đến giây phút khác, từ mười năm này đến mười năm khác, từ cuộc đời này đến cuộc đời khác, từ vịnh cửa này đến vịnh cửa khác, từ thiên thai này đến thiên thai khác, từ tên tuổi này đến tên tuổi khác, “từ lâu đài này đến lâu đài khác” (Céline), từ “giác ngộ” đến “một mùa ở hoả ngục” (Rimbaud), từ *Tropic of Cancer* cho đến *Tropic of Capricorn* (Henry Miller), từ chiếc taxi cho đến tiếng cười và cuộc đời vô hạn (William Saroyan)

Xin trích dẫn Saroyan: “*Một chàng trai trẻ kêu gọi một chiếc taxi và đi đến bờ đại dương, cởi áo ra, cởi cà vạt ra và bước xuống biển rộng bao la và la rỗng lên như người mới được cứu sống dậy: Ô, trời ơi, tôi đã chết. Ô trời, tôi đã chết, rồi anh chàng nhìn ra đằng xa mặt biển bao la và cười ầm lên như đứa con nít lên ba và chửi thề và khóc và nháy và nhìn và bỗng nhiên nhìn thấy và bỗng nhiên nhìn thấy và Ô Ô BỔNG NHIÊN NHÌN THẤY và vội bước đi nhanh huýt gió một điệu nhạc của cuộc sống thiên thu và bắt đầu la hét vào mặt ông trời ô ô tôi đã chết và tôi biết rằng mi điên vì phải điên để cho cái chết là cuộc đời và để cho người sống phải chết và tôi biết rằng ngài chết và bây giờ ngài sống và bước đi trên mặt nước và nó la hét lên như một đứa trẻ nít một đứa trẻ đáng thương lạc lõng trong sự vô biên của thời gian ô hỡi Trời đời sống của tôi ở đâu rồi và té ngã xuống cát ướt và ôm chặt sự ướt át ôm chặt cuộc đời mất mát của nó như ôm cát vô hạn cuộc đời của nó chôn mất trong lòng biển và la hét rằng nó sẽ không chết như con người sống mà sẽ chết như cuộc đời chết nó yêu cái chết nó cười ầm lên như một đứa bé chết như một con người chết và lúc những đợt sóng đến và đi không ngừng nghỉ nó cười ầm không dứt khi mà thời gian chảy trôi không ngừng và chết không ngừng và sẽ là thể không ngừng và CHÁY KHÔNG NGỪNG...”*

Và Henry Miller chú giải: “*BỔNG NHIÊN NHÌN THẤY... Cái đó là thể, là thể. Khi một người nhìn thấy như thế thì thế giới bắt đầu rung động lay chuyển và những cơn đại hồng thủy đổ ào vang dội náo động mọi sự”*.

### 3.

Trong ngôn ngữ nhân loại, không có dân tộc nào có được tiếng nói có âm hưởng kỳ lạ như mấy tiếng Việt sau đây:

1. CHAY (có nghĩa: *trong sạch*. Theo *Việt Nam tự điển* của Hội Khai trí Tiến Đức)

2. CHÁY (có nghĩa: *bén hay bốc lửa lên*. Theo VNTĐHKTTĐ)
3. CHÀY (có nghĩa bóng: *liều lĩnh không có lý sự*. Theo VNTĐHKTTĐ)
4. CHẬY (có nghĩa: *trôi đi, tuôn ra*. Theo VNTĐHKTTĐ)
5. CHẠY (có nghĩa: *đi nhanh, gót chân không bén xuống đất... nói về cái gì thoát, không vấp, không tắc*. Theo VNTĐHKTTĐ)

Tất cả tư tưởng triết lý đạo lý của Việt Nam đã nằm trong năm chữ trên. Con đường của tinh thần Việt Nam phải đi trên năm bước tuần tự: trước nhất phải trong sạch thuần khiết, phải giữ nguyên tính thuần túy, sạch sẽ, không pha trộn với ngoại chất (CHAY), nhờ thế thì sức mạnh tâm linh mới bùng cháy dậy như cơn hoả hoạn thiêng liêng thiêu đốt cho tan hết mọi nhỏ nhoi tầm thường rác rưởi (CHÁY) và nhờ ngọn lửa thiêng liêng bùng cháy trong tim cho nên sống hồn nhiên liều lĩnh, không cần tranh đua lý sự gì nữa cả vượt lên trên mọi dự trù tính toán và lũng lộng phăng phăng, ngang dọc, đầu đội trời chân đạp đất, liều lĩnh, không sợ hãi (CHÀY) vì sống như thế, nên sức sống ào ạt phăng mạnh như nước lũ (CHẬY) cho nên không vướng mắc gì nữa, không vấp, không kẹt vào trong bất cứ cái gì trên đời này (CHẠY).

Không cần phải đọc Platon, Aristote, Kant, Hegel hay Karl Marx, không cần phải đọc Khổng Tử và Lão Tử không cần phải đọc *Upanishads* và *Bhagavad Gita*, chúng ta chỉ cần đọc lại ngôn ngữ Việt Nam và nói lại tiếng Việt Nam và *bồng nhiên nhìn thấy rằng* tất cả đạo lý triết lý cao siêu nhất của nhân loại đã nằm sẵn trong vài ba tiếng Việt đơn sơ như CON và CÁI, như CHÁY, CHAY, CHÁY, CHÀY, CHẬY, CHẬY, CHẠY và còn biết bao nhiêu điều đáng suy nghĩ khác mà chúng ta đã bỏ quên một cách ngu xuẩn.

#### 4.

*"Bios: tên của cái cung (bios) là đời sống (bios), tác nghiệp của nó là cái chết."*

Ý nghĩa của những tiếng CHÁY, CHAY, CHÁY, CHÀY, CHẬY, CHẬY, CHẠY cũng giống như ý nghĩa của hai tiếng BIÓS - BÍOS của Héraclite: chỉ một thoáng đổi nhẹ âm thanh thì cái sống biến thành cái chết và cái chết biến thành cái sống.

Đọc nhấn mạnh chữ Hy Lạp *bios* ở nơi vần trước cuối (paroxyton) thì *bíos* có nghĩa *sống* mà có đọc nhấn mạnh ở vần cuối (oxyton) thì *biós* có nghĩa là *cây cung* và tác động của cây cung là *cái chết*.

Cây cung (*biós*) mang tên là đời sống (*bíos*) mà lại gây ra cái chết. Tất cả mọi sự mâu thuẫn đối nghịch giao hợp trên một đầu âm thanh run rẩy.

Cây cung là trò chơi của cái chết và sự chơi chữ giữa hai âm thanh run rẩy *biós* và *bíos* cũng là trò chơi của cái chết.

Sự hôn phối giữa đời sống và cái chết chính là sự giao hợp của lửa và nước: lửa và nước đã giao nhau trong một âm thanh Việt Nam duy nhất CHAY và sự ba động của âm thanh này toả ra tác động của lửa trong ý nghĩa tích cực (CHÁY) và ý nghĩa tiêu cực (CHÀY), đồng thời toả ra tác động của nước trong ý nghĩa tích cực (CHAY) và ý nghĩa tiêu cực (CHẬY).

Định phận của Việt Nam bốc lên như lửa cháy (chiến tranh) và nuôi sống những đồng

ruộng xanh như nước chảy (sông Cái và sông Cửu Long).

Triết lý của *Nước Việt Nam* phải là Triết lý Việt Nam về *Nước*. Hai ý nghĩa nằm gọn trong một âm thanh: *Nước*.

## 5.

Và đây là lời cuối cùng của một nhân vật Dostoievski:

“TÔI SỢ PHẢI TỎ RA CÓ TÂM HỒN CAO THƯỢNG.”

Và lời nói chuyện giữa Kirilov và Stavroguine mà Henry Miller trích lại trong một bức thư gửi cho Fraenkel ngày 7 tháng 9 năm 1937. -

“Một chiếc lá, một chiếc lá thôi. Chiếc lá đẹp, tất cả đều tốt đẹp”.

“Tất cả à?”

“Tất cả. Con người không hạnh phúc vì hắn không biết rằng hắn hạnh phúc. Chỉ vì lý do ấy mà thôi”.

“Tất cả mọi sự nằm ở đó! Tất cả mọi sự LÀ THẾ! Kẻ nào biết được *như thế* sẽ được hạnh phúc ngay lập tức. Nàng sẽ chết, đứa con sẽ còn lại. Tất cả đều tốt đẹp. Tôi vừa khám phá ra đột ngột như thế.”

“Và nếu có một người nào chết đói, nếu có người nào làm bậy đối với một đứa con gái bé nhỏ, lẳng nhục vấy bẩn nó, thế thì điều ấy có tốt không?”

“Vâng, cũng tốt. Và nếu người ta chề sợ kẻ ấy vì hắn đã làm bậy đứa bé thì điều này cũng tốt nữa. Và nếu không có ai làm như thế thì cũng tốt nữa, tốt, tốt. Tất cả đều tốt hết, tất cả. Chỉ có những kẻ biết rằng tất cả đều tốt đẹp thì mới là những kẻ hạnh phúc. Nếu họ biết rằng họ hạnh phúc thì họ sẽ thấy hạnh phúc ngay. Nhưng khi vừa lúc họ không biết rằng họ hạnh phúc thì họ sẽ không hạnh phúc ngay. Đó, ý tưởng đó, tất cả trọn vẹn ý tưởng ở đó. Ngoài ý tưởng này, chẳng có ý tưởng nào khác nữa”.

(*Les Possédés*, bản dịch của Jean Chuzeville, trang 220 - 221)

Tôi đang hạnh phúc, vì tôi biết rằng tôi đang hạnh phúc. Tôi xin chúc cho mọi người đều biết rằng họ đang hạnh phúc.

Tôi không còn muốn tự tử như mười năm trước, vì *tôi không muốn tỏ ra mình có tâm hồn cao thượng!* Càng lớn lên tôi càng hạnh phúc rõ rệt thêm lên. Cái tôi nhỏ bé, ích kỷ, hạn hẹp cũng đã chảy phăng ra biển cả. *Thần đồng* và *thiên tài* chỉ còn là trò chơi của trẻ thơ.

Không còn *tôi hạnh phúc* mà chỉ là *cơn hạnh phúc đang chảy liên miên bất tận*, bằng một ý thức lan rộng ra mãi mãi, bằng cách CHÁY sáng ngời hơn mãi, cho mãi đến ngày cả trí nhớ cũng phải tự chìm mất đi, không còn nữa.

“... by an ever-expanding consciousness, by BURNING more and more brightly, until even memory itself vanishes”

HENRY MILLER PHẠM CÔNG THIÊN

(*The Wisdom of the Heart*)

Heartville ngày 25 tháng 4 năm, 1970

Mười năm sau khi bắt đầu viết quyển *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học*.

**Chú ý:**

Trong những chương kể tiếp đây, phần in chữ đứng là phần nội dung của *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* giống như lần xuất bản thứ nhất, thứ hai và thứ ba.

Riêng lần tái bản thứ tư này, tác giả có viết thêm những ghi chú của mình, những cái nhìn hiện tại chiếu ngược lại quá khứ. Tất cả những ghi chú này được in bằng chữ nghiêng. Con người ba mươi tuổi đối mặt với con người hai mươi tuổi: hai bên giao tranh nhau trong một cuộc tương tranh thân ái mà sự thất bại hiển nhiên là nằm ở những giòng chữ nghiêng.

Nhưng phải chăng chỉ biết được rằng mình hạnh phúc là sau khi đã thất bại vì không chịu chảy ngược lại đằng sau?

P.C.T.

*Một số chương trong quyển này đã đăng rải rác trong những tạp chí ở Saigon vào những năm 1960-1962; mỗi bài đều phản ánh tâm trạng người viết vào những năm ấy. Tâm trạng ấy là tâm trạng của một người bị giam hãm trong đời sống.*

*Quyển sách này gợi lại một ý thức nào đó trong đời người viết, ghi lại một chặng đường gió loạn đã đi qua, một quãng đời đã trôi ra biển.*

Tháng 7 năm 1964

Sachvui.Com \*

Nha Trang, tháng 6 năm 1963 [\[1\]](#)

Huy,

Suốt đời tôi chắc chắn không bao giờ tôi quên được đôi mắt ước lệ của một nàng ca sĩ mà chúng mình đã nhìn thấy vào một đêm mưa tầm tã trong một phòng trà mờ tối ở Saigon.

*Viết những dòng chữ này vào năm đúng 22 tuổi bây giờ có lẽ tôi lạnh lùng hơn, không còn ai khócc khả dĩ làm tôi rung động như thuở 22 tuổi.*

*Thương xót, đau khổ với, Mitleiden, tôi phải tiêu diệt tất cả mọi đau khổ với. Sự cảm dỗ cuối cùng của Zarathustra là "đau khổ với" hay nói khác đi, "lòng thương hại, thương xót, trắc ẩn". Chữ Pháp "pitié" không thể diễn tả được ý nghĩa của chữ Đức "Mitleid".*

Hình ảnh đau buồn lặng lẽ ấy đã ám ảnh tôi suốt những đêm dài âm u ở vùng biển xanh.

Tôi vẫn không quên được một tối cùng ngồi với Huy nơi một quán rượu bên bờ sông Saigon. Đêm ấy, trời làm mưa, trời làm gió... Mưa phủ kín hết những chiếc tàu. Mưa phủ kín hết những hoài vọng triền miên của tuổi trẻ. Tôi nhìn những chiếc lá ướt

mưa, tôi nhìn lên đôi mắt của Huy và tôi thấy đôi mắt đó thật xa xăm, thật y buồn... Trong đêm tối, tôi chợt nghe rõ âm vang đâu đó, giọng hát ru khuya của những nàng ca sĩ yếu gầy. Rồi tôi thấy những con đường Sài Gòn phủ đầy lá vàng. Rồi tôi thấy tuổi trẻ chạy trốn, và những con sông chảy âm thầm về biển...

Tôi đã từ bỏ sông Sài Gòn để trở về biển, tôi về đây, sống biệt lập trên một đồi cao. Những đêm khuya nằm nghe gió đìu hiu và tiếng sóng vỗ xa, tôi bỗng nhớ lại những ngày vui của chúng mình ở Sài Gòn.

Ôi! Những ngày vui ấy qua mau quá. Qua mau như khói thuốc. Qua mau như nắng quái chiều hôm. Qua mau như tuổi trẻ chúng mình. Và tất cả chỉ còn là kỷ niệm sẽ làm ta đau khổ. Nước mắt sẽ tuôn chảy và tuổi trẻ gục mặt buồn...

*Tuổi trẻ gục mặt buồn như bức tượng gục đầu của Rodin. Kiên nhẫn, kiên nhẫn âm u. Tuổi trẻ Rilke gặp Rodin và hỏi: "Phải sống như thế nào?". Rodin trả lời: "Làm việc". Không phải làm việc như tên nô lệ, mà phải làm việc với tiếng hát của con chim họa mi.*

Có thể người ta sẽ bảo chúng mình là những kẻ sụt mướt. Những kẻ chạy trốn, những kẻ thua cuộc và đầu hàng trước cuộc đời. Và chúng ta chỉ biết trả lời bằng nụ cười câm lặng, hay một tia nhìn chứa chan. Rồi chúng ta lạy trời cho mưa rơi thật nhiều. Ừ, mưa rơi đi, rơi nữa đi! Mưa hãy rơi thật nhiều vì trần gian này khô cạn quá rồi. Đất đã cằn, và lòng người đã biến thành sỏi đá...

Thực ra tiếng hát đã ngừng lại trong tim chúng ta, phải không Huy? Đôi mắt bất động. Tuổi trẻ đã quên hát. Tuổi trẻ đã câm. Bởi vì chúng ta đã già trước tuổi... Tôi tưởng tượng những người phu ca hát trên một bến tàu. Tôi hình dung những trẻ nhỏ nô đùa bên xóm vắng. Tôi mừng tượng tiếng chim hót ban mai. Và thấy đó là những hình ảnh tốt đẹp cuối cùng của cuộc đời...

Những tối sống thê lê ở Sài Gòn, chúng mình đã đi lang thang trên những phố buồn, để rồi cuối cùng, tụ về những hộp đêm, gục đầu nghe tiếng hát bên ngoài gục đầu đón tiếng hát bên ngoài, vì chúng mình đã mất hết tiếng hát bên trong, và chim non đã thôi hót trong lòng tuổi trẻ.

Một tối, giữa tiếng hát náo nùng của một nàng ca sĩ bơ vơ, Huy đã than thở cùng tôi : "Rồi đây, đời mình sẽ đi đến đâu?"

*"Ai đến đâu? Đi về đâu?". Hình như Napoléon đã nói một câu đại loại: "Kẻ đi xa nhất là kẻ không biết mình đi đâu."*

"Một ngày kia sẽ chết tàn lụi trong một xóm xình nào đó, không ai hay biết..." Tôi ngậm ngùi trước lời than thở của Huy và chỉ biết nắm tay Huy mỉm cười; bởi vì, đối với tôi, lúc nào tôi cũng chỉ mong mình sẽ không đi đến đâu cả, và suốt đời, tôi chỉ mong được chết trong một xóm xình nào đó, và chẳng cần ai hay biết hết. Cả đời tôi, tôi chỉ mong được như vậy.

Người ta sống, đều cần phải đi về một nơi nhất định. Riêng tôi, thì chẳng cần về đâu cả. Và tôi mong Huy sẽ có ý muốn như tôi.

Lúc nào tôi chết, tôi chỉ muốn được người ta vui thay tôi xuống bùn, và tôi muốn mọi người sẽ quên tôi đi, như quên một con chó lạc đường. Chí có thể thôi... Huy ạ...

*"Con chó lạc đường, con chó lạc chủ"*

*Khổng Tử tự nói rằng mình giống "con chó mất chủ". Năm 22 tuổi, kẻ thù không đội trời chung của tôi là Khổng Tử. Bây giờ gần ba mươi tuổi, tôi mới thấy thấm thía rằng Khổng Tử đáng là ông cố ngoại của tôi.*

Nhớ Huy, tôi nhớ đến đôi mắt xa xôi của Huy. Tôi nhớ đến những viên thuốc ngủ của Huy và tôi nhớ đến những đêm Huy ngồi nhìn mông lung xuống dòng sông. Lần sau gặp lại Huy, tôi cũng nghe Huy than thở như những lần trước.

Trước kia, tôi thường nghĩ như Huy. Nhưng bây giờ tôi không còn nghĩ thế nữa. Tôi không còn than thở. Tôi không còn đau khổ. Bây giờ tôi là kẻ sung sướng nhất trần gian. Tôi cười cả khi tôi đang ngủ. Tôi không còn tiếc thương dĩ vãng. Con người hạnh phúc nhất là con người tuyệt vọng.

*Tuyệt vọng và hy vọng như hai quả cân, đi lên và đi xuống. Tất cả sự đi lên đều là "anh hùng rơm". Dám đi xuống, xuống, xuống tận đáy. Hồ thẳm.*

Tôi là con người ấy. Bởi vì Huy còn hy vọng, nên Huy còn đau khổ. Trái lại, tôi hết hy vọng, nên tôi mới sung sướng. Còn hy vọng, nghĩa là còn nghĩ đến ngày mai, nghĩa là đã quên ngày hôm nay. Huy đau khổ vì Huy đã quên ngày hôm nay, vì Huy đã trông chờ ngày mai. Mà ngày mai sẽ không bao giờ đến, vì ngày mai cũng sẽ chỉ là ngày hôm nay...

"Ôi những ngày vui qua mau!", Huy thường nói với bạn bè như vậy. Huy đã buồn khổ vì những ngày vui trôi đi nhanh quá. Tôi lại khác Huy, tôi hoàn toàn sung sướng khi thấy những ngày vui bỏ đi quá mau. Tôi ngược hẳn Huy. Đối với tôi, những ngày vui qua càng mau thì tôi càng sung sướng. Tôi rất yêu những đoá hoa chóng tàn. Hoa càng mau tàn thì lại càng đẹp. Tôi rất ghét những bông hoa nở lâu. Lạy trời cho những ngày vui qua thật mau. Cho tuổi trẻ chóng tàn và cho những người con gái chết lúc hãy còn xuân đẹp...

Hiện nay, mỗi ngày, tôi đều sống với sự chết trên đôi mắt tôi. Tôi yêu sự chết. Tôi đã "làm ái tình" với cái chết. Chính sự chết đã làm cuộc đời trở nên đẹp. Đẹp như một đoá phù dung chóng tàn.

Vì tôi yêu sự chết, nên tôi yêu cuộc đời đến độ ngây ngất. Tình yêu ấy chính là Ý thức mới thoát hiện lên từ cơn tuyệt vọng cùng cực của con người. Tôi đã từng nói với Huy rằng chính Charlot là một thiên tài vĩ đại nhất của nhân loại, vĩ đại hơn Shakespeare, vĩ đại hơn tất cả những văn hào, triết gia cao siêu ở thế giới. Đối với tôi, Charlot vĩ đại nhất, vì Charlot đã làm tôi cười tắt mọi sự bi đát ở đời!

*Khi có cười không? Nếu tất cả mọi người đều cười hết thì thế giới trở thành chuồng khỉ lớn rộng.*

Ừ, tôi đang cười. Và tôi muốn mọi người cùng cười với tôi.

*Người được tôi viết bức thư này bây giờ không còn là bạn tôi nữa. Hẳn đối đãi với tôi rất tốt, rất cao thượng, rất độ lượng và bao dung. Nhưng vẫn có cái gì trong hẳn đã khiến tôi cảm thấy hoàn toàn xa lạ với hẳn. Cách đây vài tháng, tôi và hẳn được dịp gặp nhau lần cuối cùng để chia tay nhau vĩnh viễn. Hẳn mong rằng tôi hiểu lòng hẳn, một tấm lòng cao thượng. Nhưng tôi không chịu hiểu và không đủ khả năng để hiểu.*



*Có thể đối với hẳn, tôi là thằng mọi rợ, bạc tình, ích kỷ. Nhưng tôi có thể là gì nữa, khi chỉ còn sự lạnh lùng là ngôn ngữ cuối cùng của con đường ngược lối? Tôi chúc hẳn hạnh phúc và xin bắt tay lại trong hình ảnh xưa. Vĩnh biệt.*

Ừ, những ngày vui qua mau! Hãy cười đi, Huy! Hãy vui lên đi, Huy! vì những ngày vui qua mau! Cuộc đời qua mau! Và rồi đây, chúng mình sẽ chết âm thầm không cần ai hay biết...

PHẠM CÔNG THIÊN

\*

*Nha Trang, tháng 6 năm 1963*

Hồng,

Quyển này tôi muốn viết riêng cho anh, nghĩa là tôi muốn viết riêng cho thế hệ trẻ, từ 15 đến 25 tuổi mà anh là hình ảnh tượng trưng.

*Tại sao giới hạn từ 15 đến 25 tuổi? Giới hạn này chỉ có tính cách tượng trưng. Bây giờ, 29 tuổi, tôi còn nổi loạn hơn lúc 9 tuổi. Nổi loạn, ai cũng có thể nổi loạn được. Nổi loạn một cách im lặng, một cách tự nhiên, một cách vô hình mới khó. Những kẻ nổi loạn hùng hổ lúc trẻ lại là những kẻ phản động nhất lúc trưởng thành. Nổi loạn một cách vô danh, đó là bốn phận của tôi.*

Tôi viết riêng cho các anh, nhưng thực ra tôi cũng viết riêng cho tôi để nhắc nhở tôi, để gây lại ý thức trong tôi; bởi vì tôi cũng đang nằm trong tuổi các anh, tôi cũng đau đớn nỗi đau đớn của các anh, chúng ta cùng nằm chung trong nỗi khủng hoảng, niềm khắc khoải quặn quai vô biên của tuổi trẻ.

Ngoài kia đang mưa, tại sao tôi không chạy ra ngoài mưa, tại sao tôi vẫn còn đây để viết lên những dòng cay đắng này? Khói lửa đang vây bủa đầy trời Việt Nam. Cũng như Alan Paton, tôi muốn kêu lên: "Hãy khóc đi, hỡi quê hương yêu dấu..."

Chúng ta đều cùng một thế hệ; sở dĩ tôi muốn xác định giới hạn từ 15 tuổi đến 25 tuổi vì dưới 15 tuổi chúng ta hãy còn hơi ngây thơ và quá 25 tuổi thì người ta bắt đầu hơi cần cỗi và bắt đầu đi vào thế giới người lớn, nghĩa là đầu hàng cuộc đời.

Thế giới người lớn là thế giới nghĩa địa, thế giới chết, thế giới ma quái ngu dại.

*Thế giới trẻ bây giờ lại còn là nghĩa địa, chết, ma quái ngu dại, hơn là thế giới người lớn.*

*Chỉ có một thế giới, thế giới đã chết.*

*Đi sâu vào thế giới chết, và chết trọn vẹn trong tin thần trước khi cái chết cơ thể vô chạp lấy mình.*

*Quyển Bardo Thodol của Tây Tạng là quyển sách đầu giường của tôi hiện nay. Tất cả đều là tưởng tượng.*

Các ông tự cho là các ông khôn ngoan, chín chắn kinh nghiệm. Chúng tôi không cần những thứ ấy và chúng tôi cũng không đụng chạm gì những thứ ấy; vì thế chúng tôi lễ phép xin các ông hãy trả thế giới hồn nhiên cho chúng tôi; đừng làm điếc tai chúng tôi với những tiếng thối nát như "khôn ngoan", "chín chắn", "kinh nghiệm".

Chúng tôi không cần kinh nghiệm.

Kinh nghiệm là gì, nếu không phải là những thói quen mà các ông đã bám vào đó để bảo đảm cái thân người hèn mọn nô lệ của các ông?

Tôi đã vô lễ hẳn học với các ông.

Nhưng sự hẳn học ấy cần thiết.

Chúng tôi, thế hệ thanh niên Việt Nam từ 15 đến 25 tuổi, muốn nói lên một sự thực đau buồn nhất trong đời chúng tôi, sự thật bi đát ấy là: **CHÚNG TÔI KHÔNG CÒN TIN TƯỞNG NƠI CÁC ÔNG NỮA.**

Hơn thế nữa, sự thực bi đát trên trở thành bi tráng: Chúng tôi không cần các ông nữa.

Đối với chúng tôi, các ông đã chết, và bây giờ đã đến lúc chúng tôi phải sống, phải đứng thẳng nhìn đời với nỗi niềm cô đơn vô hạn của tuổi trẻ, chúng tôi sẽ đi và chỉ đi một mình. Quê hương Việt Nam đang đổ vỡ; chúng tôi sẽ gánh lấy sự đổ vỡ ấy trên hai vai yếu đuối, nhưng vẫn mang niềm kiêu hãnh vô biên; chúng tôi sẽ tự tạo ra trách nhiệm cho mình; các ông đã chết;

*Chỉ có một trách nhiệm duy nhất là trách nhiệm trước hố thẳm*

tôi phải cần lặp lại một lần nữa rằng các ông đã chết, vì thế các ông không có trách nhiệm và các ông cũng không thể bắt chúng tôi nhận trách nhiệm nào cả. Trách nhiệm là trách nhiệm riêng của mỗi anh em trong chúng tôi.

Đau buồn không phải là mái nhà đang đổ vỡ; đau buồn là chúng tôi đã ngu dại để chờ những người chết xây dựng lại; những người chết là đã chết hẳn; chỉ có chúng tôi là xây dựng lại thôi, chỉ có những người sống là thổi sức sống vào thể giới điêu tàn này.

*Người sống không thể làm gì được. Chỉ có người thức dậy, bừng dậy mới có thể là. Không phải làm gì mà là. Chỉ có là mới khó đạt, "vô sở đắc".*

Các ông thường phàn nàn rằng chúng tôi là một thế hệ thối hoá, sống không biết ngày mai, không lý tưởng, trụy lạc, la cà rượu chè, hút thuốc, tục tằn, du côn, mất dạy, lấc xấc, ngang tàng, chỉ biết ăn chơi, non nớt, không làm gì ra hồn, đàng điếm, nhảm nhảm, trác táng, hoang đàng, và một triệu hình dung từ khác.

Vâng, chúng tôi hãnh diện chấp nhận hết tất cả những hình dung từ trên. Và chúng tôi chỉ xin nở một nụ cười lễ độ và cúi đầu không biện hộ.

*Cười lễ độ hay cười ngạo mạn?*

*Cúi đầu hay ngược đầu?*

Các bạn bè thân yêu của chúng tôi đang gục chết trên cánh đồng biên giới, bên bờ sông hay giữa rừng rú hoang vu; khói lửa ngút trời, máu đỏ của tuổi trẻ đang tưới trên những giải đất khô cằn quê hương, những mái tóc xanh trở thành những bãi cỏ xanh trên những nấm mồ trận địa.

Hỡi ơi, hãy khóc đi hỡi quê hương yêu dấu...

*Nước mắt không làm gì được, không là gì được? Chỉ có quê hương duy nhất đó là sự im lặng. Tôi đã hiểu vì sao Novalis định nghĩa triết lý là lòng nhớ quê hương.*

Các ông trách rằng chúng tôi sống không lý tưởng. Lý tưởng là gì? Lý tưởng là gì? Lý tưởng có phải là tranh đấu giữ gìn để cho các ông sống nốt cuộc đời tầm thường an phận của các ông? Mục đích của cuộc đời là Sống - Sống gì? Sống cuộc đời thực sự của mình. Cuộc đời thực sự không phải là cuộc đời của đám đông, của xã hội, của khuôn mòn lối cũ, của công thức tù hãm. Cuộc đời thực sự không phải là những phép tắc luân lý đạo đức. Cuộc đời thực sự không phải là những ông công an, những ông cảnh sát, những ông giáo sư trung học và đại học. Cuộc đời thực sự là chúng tôi là tuổi trẻ.

**CHỈ CÓ CHÚNG TÔI LÀ ĐẶT RA NHỮNG LỀ LUẬT.**

*Lề luật, tôi thù ghét hai chữ này. Kể từ Socrate cho đến thế kỷ XX, văn hoá Tây phương chỉ là một cuộc tranh tụng kéo dài.*

*"Chỉ có chúng tôi là đặt ra những lề luật", hồn ma của Kant ám ảnh đầu đó?*

Chúng tôi không cần lý tưởng, vì lý tưởng là lý tưởng của các ông.

Lý tưởng (dù lý tưởng nào) đều là nhà tù để nhốt lại sức sống vỡ bờ của tuổi xuân; lý tưởng là ảo tưởng; sống không lý tưởng là sống trọn vẹn, là lao mình vào cuộc đời với trọn sự hồn nhiên bỡ ngỡ của mình.

Con người hồn nhiên là không có lý tưởng.

Chỉ khi nào người ta mất mát thì người ta mới tạo ra lý tưởng để tự đánh lừa mình bằng sự phiêu lưu vô định trong thế giới tư tưởng.

Lý tưởng là sản phẩm của lý trí; lý trí là ký ức; ký ức là quá khứ là kinh nghiệm; kinh nghiệm đánh mất hồn nhiên.

Sống có lý tưởng là sống có quá khứ, lấy quá khứ mà nhìn dòng đời, dòng đời luôn luôn trôi chảy mới lạ từng giây phút; lấy quá khứ nhìn dòng đời là chặn đứng dòng đời lại, là bắt dòng đời phải chảy ngược lại chỗ cũ mà nó đã chảy qua từ lâu rồi, như thể là đã giết chết sức sống phong phú.

*Hồn ma của Krishnamurti ám ảnh đầu đây?*

*Vấn đề không phải là lý luận theo kiểu Krishnamurti. Giết Krishnamurti đi thì không còn vấn đề gì nữa. Vấn đề không phải là sống không có lý tưởng mà phải hiểu lý tưởng thực sự có nghĩa là gì, trả lại ý nghĩa nguyên thủy cho hai chữ lý tưởng. Lý là gì? Logos là gì? Idéa trong nghĩa nguyên bản Hy Lạp là gì? Lý trong ý nghĩa nguyên bản của Đông phương là gì? Rita trong nghĩa nguyên bản chữ Phạn là gì?*

Sống có lý tưởng là sống không còn ngạc nhiên nữa; người ta không thể biết ngạc nhiên trước cuộc đời khi người ta sống có lý tưởng.

Sống không lý tưởng là lao mình vào đời với trọn vẹn hồn nhiên, ngạc nhiên, thao thức, bỡ ngỡ, mới lạ trong từng giây phút một.

Ngoài kia, trời đang vẫn còn mưa, tôi lại đứng đây để lý luận với những người chết sao?

Tiếng súng nổ bên kia núi; chắc có người đang giã giụa chết trong mưa.

Hãy khóc đi, hỡi quê hương yêu dấu...

Hồng thân mến,

Trong bức thư Hồng gửi cho tôi, Hồng nhờ tôi xin cho Hồng đi tu, một ý định quan trọng mà Hồng đã nuôi dưỡng gần hai tháng nay, Hồng bảo rằng Hồng đã bỏ đi, và bỏ học trường văn khoa, và từ đây trở đi bỏ thi luôn.

Thư ấy có những dòng như sau: "Cái hố lại đào sâu thêm ra, Hồng đang chơi với giữa những dữ kiện..."

Quyết định của Hồng không phải là xuất phát trong một lúc bốc đồng, vì chán đời. Tôi nghĩ rằng tâm hồn Hồng tiềm ẩn một nỗi bi đát thâm trầm sâu sắc xuất phát từ ý thức quẩn quại, niềm cô đơn vô hạn của tuổi trẻ.

*Tuổi trẻ không cô đơn gì cả. Tuổi trẻ là nạn nhân của sự cô đơn của người lớn. Giết người lớn đi thì tuổi trẻ cũng ngu dại như người lớn. Chỉ có tuổi trẻ đúng nghĩa là "trốn học trước nhà ga và nhìn những chuyến xe lửa sắp lên đường" như Blaise Cendrars.*

*Năm giải pháp thực ra chỉ là một: làm một cái gì đó. Thực ra, không phải làm một cái gì đó mà không làm gì hết và đứng ngó thẳng vào bất cứ cái gì, dù là vách tường. Ngó thẳng vào vách tường và quen thuộc với mọi dấu vết trên vách tường (như Paul Valéry chẳng hạn).*

Đối với tuổi trẻ, đối với sự khủng hoảng hiện nay, chỉ có những lối thoát sau đây:

1. Lao vào đời sống và tự tạo trách nhiệm;
2. Tự tử;
3. Lao vào truy lục trác táng;
4. Điên;
5. Đi tu.

Hồng đã chọn giải pháp cuối cùng.

Có thể người ta cho Hồng là chạy trốn.

*Không sợ chạy trốn, cứ chạy trốn như nước chạy trốn suối nguồn và chạy trốn phẳng ra biển.*

*Chọn lựa, tất cả chọn lựa đều do ảo tưởng. Đi tu không giải quyết gì cả. Làm chủ nhà điếm, như ý nguyện của Faulkner, cũng là một cách tu.*

*Sống bi tráng hay sống "anh hùng rơm"? Sự điên loạn cũng đã trở thành "thời trang". Sáng suốt, bình tĩnh điềm đạm cũng chỉ là những cách "làm dáng".*

Nhưng khi nói thế thì họ không hiểu rằng sự chọn lựa đi tu cùng là một thái độ sống trước hư vô. Đi tu đâu phải là chuyện dễ; có lẽ có thể nói rằng phải có can đảm lắm và nhiều sức mạnh lắm mới đi vào con đường cô đơn ấy; nhưng dù sao, hành động không quan trọng; quan trọng chỉ là ý hướng thúc đẩy hành động ấy, ý hướng ấy là ý hướng gì?

Ý tưởng đến một lý tưởng? Hay là ý hướng đến sự tiêu diệt tất cả mọi lý tưởng?

Đối với Hồng thế nào, tôi không biết; nhưng đối với riêng tôi, suốt đời tôi vẫn sống trên con đường tiêu diệt tất cả mọi lý tưởng.

Sống như thế có nghĩa là sống bi tráng.

Sống bi tráng là bóp sự chết trong mười ngón tay và cắn vào sự chết như ăn trái đào tươi; sống bi tráng là tỏ tình yêu với cái chết, là lao mình trần truồng vào trong mưa và nhảy múa trong mưa một cách hồn nhiên như lên cơn điên.

Trong quyền này, Hồng sẽ thấy tôi viết về tư tưởng của những tác giả ở thế giới; nhưng viết về họ là viết về tôi; nói đến tư tưởng người khác là nói đến tư tưởng của mình, và tư tưởng ấy cũng là tư tưởng

*"Viết về tôi", nhưng tôi là ai? Không có giải đất mới. Tất cả đều là vòng tròn, bốn phận của con người là xoáy, tự xoáy vào đường tròn ốc của vòng tròn".*

thực sự của thế hệ trẻ ngày nay; tư tưởng thực sự của thế hệ trẻ ngày nay là gì nếu không phải là lên đường đi tìm một giải đất mới cho mình?

*Người được tôi viết bức thư này cũng không còn là người em của tôi như khi xưa nữa. Gặp lại hãn thì tôi chỉ muốn tự tử. Tại sao bao nhiêu khí phách say sưa của tuổi nhỏ của hãn bây giờ chỉ còn là khói và chỉ là khói?*

*Hãn hiện nay đã thành người lớn, đã cưới vợ, đã sinh con đẻ cái, đã đi làm nghề đứng đắn. Lần cuối cùng, tôi tìm đến thăm hãn tại một biệt thự sang trọng ở đường Phan thanh Giản. Hãn có vẻ bận rộn với bao nhiêu chuyện chính trị thời sự:*

*"Tại sao anh không tuyên bố về hoà bình ở Việt Nam để tuổi trẻ ngưỡng mộ anh hơn?"*

*Hãn hỏi tôi như thế và tôi chỉ trả lời:*

*"Anh cũng thích tôi tuyên bố cái này hay cái kia như mọi người thiên hạ à?"*

*Buổi chiều hôm ấy, sau khi từ giã, đứng hơn vĩnh biệt hãn, tôi muốn tự tử cho xong đời, vì quá buồn cho tuổi trẻ Việt Nam, vì dường như tuổi trẻ Việt Nam bây giờ chỉ sống với những tuyên bố, tuyên ngôn, khẩu hiệu. Đám đông đã đem chiến tranh đến Việt Nam và cũng lại đám đông đứng lên tuyên bố về hoà bình ở Việt Nam.*

*Con người đám đông đang thống trị ở Việt Nam và cả thế giới.*

[1] Bức thư trên đã làm lời tựa mở đầu cho tiểu thuyết *Ngày vui qua mau* của Tuấn Huy (Saigon, 1964)

### Phần thứ nhất: Đi vào ý thức mới

1. Định nghĩa: Ý thức tự vấn
2. Khai triển những hình thái của ý thức mới

Ý thức bất nhị  
Ý thức giải phóng  
Ý thức siêu thoát  
Ý thức bất diệt  
Ý thức sinh tồn  
Ý thức thể hiện  
Ý thức siêu thực  
Ý thức chấp nhận  
Ý thức siêu thế

### Mở đầu

#### Ý thức tự vấn - Thế nào là ý thức mới?

*Kinh nghiệm của bảy nỗi niềm cô đơn. Thính quan mới để nghe điệu nhạc mới. Thị quan mới để tìm thấy những gì xa xôi nhất, và Ý THỨC MỚI để trực nhận những sự thực mà từ lâu vẫn còn âm lặng.*

(Nietzsche, Lời tựa quyển *Der Antichrist*, 1885)

Ý thức mới là một danh từ rất hàm hồ và không có một định nghĩa rõ ràng dứt khoát.

*Chính ý thức là danh từ rời. Có thể dùng danh từ để định nghĩa danh từ?*

Hàm hồ và không thể định nghĩa được, đó cũng là những đặc tính của chính ý thức.

Làm sao định nghĩa được ý thức?

Tất nhiên, chỉ có ý thức là mới định nghĩa được ý thức. nhưng nếu ý thức muốn định nghĩa ý thức thì ý thức phải đi ra ngoài ý thức thì mới có thể định nghĩa ý thức được.

*Bóng ma của Hegel ám ảnh đâu đây? Dù lúc viết trang này tôi coi Hegel là tử thù!*

*Tương quan, chữ của Husserl?*

Nói đến định nghĩa là nói đến xác định ý nghĩa này giữa những ý nghĩa khác, là nói đến tương quan giữa những thực thể này với những thực thể khác. Nói đến định nghĩa là nói đến tương quan và thực ra chính ý thức cũng là sự tương quan; một câu đã thành sáo là: *ý thức là ý thức về cái gì.*

*Husserl là người xáo trộn mọi sự với một trật tự chẻ hai để rồi rơi vào sự xáo trộn nguyên thủy, vô phương cứu chữa.*

Trong sáo ngữ ấy chứa đựng một sự thật khó phủ nhận: không có ý thức nào là ý thức cô độc tuyệt đối vì ý thức cô độc tuyệt đối cũng vẫn là ý thức về sự cô độc tuyệt đối.

Ý thức là tương quan; nói đến tương quan là nói đến sự chuyển động từ vị trí này đến vị trí khác; sự thực thì không có vị trí vì sự chuyển động ấy liên tục, thay đổi hướng đi luôn chứ không ngừng; chỉ có vị trí là khi nào có sự bất động hay sự ngừng lại. Định nghĩa là chặn đứng, là tìm một vị trí cố định, chặn đứng sự chuyển động thì định nghĩa ấy chỉ xây trên ảo tưởng, không có giá trị, vì định nghĩa ấy đã xoay vào sự bất động, một thực thể chết cứng; định nghĩa ấy không còn là định nghĩa ý thức nữa mà chỉ là định nghĩa hình ảnh của ý thức. Tất nhiên ai cũng hiểu hình ảnh một sự vật không phải là chính sự vật ấy.

*Hình ảnh chính là sự vật. Biểu tượng là thực tại. Không có biểu tượng thì sự vật cùng tiêu mà đi. Nhưng sự khó khăn là **biết thế như là thế** trong chân trời **yathabhutam** của Phật giáo.*

Hình ảnh giữ vai trò của một biểu tượng. Mà biểu tượng không phải là thực tại. Người ta thường đồng hoá biểu tượng với thực tại, đó là tất cả bi kịch của triết học và đời sống.

Lộ trình của ý thức lướt qua ba giai đoạn: vô thức, ý thức, và ý thức mới.

*Ba giai đoạn thực ra chỉ là giả tưởng. Ý thức mới chỉ là vô thức được đánh tráo qua một ảo giác nào đó, ảo giác đeo đuổi cái mới của trí óc con người.*

Từ vô thức đến ý thức là một phép lạ, là một chặng đường đầy gió loạn, nhưng từ ý thức đến ý thức mới là một sự thay đổi mãnh liệt và huyền bí hơn nữa.

Ý thức bị giam trong vô thức; ý thức kháng cự vùng vẫy nổi loạn; từ sự vùng vẫy giằng co giữa ý thức và vô thức thoát ra một ý thức mới.

Vô thức, ý thức và ý thức mới nằm trong ba giai đoạn của biện chứng pháp.

*Biện chứng pháp là cái thùng rác mà mọi người vứt tất cả sự ngu xuẩn của họ vào đó. Phá hủy biện chứng pháp vì biện chứng pháp là con đẻ của nền văn minh đồi trụy của Tây phương.*

Ý thức mới chính là ý thức về sự tuyệt vọng của chính ý thức trong vọng giam hãm của vô thức.

Ý thức mới không phải là ý thức nữa: vì nếu là ý thức thì không thể nào ý thức được chính thực chất của mình, thực chất ấy là sự mơ hồ, sự quờ quạng, vùng vẫy tuyệt vọng trong vô thức.

Ý thức mới là ý thức về hư vô tính của ý thức.

*Bóng ma của Sartre ám ảnh đầu đây. Sartre tên ngu xuẩn cuối cùng của nền văn minh Tây phương. Sartre đã lên tiếng can thiệp cho Việt Nam nhưng chính tư tưởng của Sartre là đưa con trung thành của thế lực gây chiến tranh Việt Nam. Ai thấy được mâu thuẫn ấy?*

Nói một cách rõ ràng hơn, ý thức mới là ý thức rằng không có ý thức. Không có ý thức thì lấy gì để ý thức rằng không có ý thức? Chính câu hỏi này cũng do ý thức đặt ra. Ý thức đặt ra câu hỏi rồi ý thức trả lời, ý thức trả lời rồi ý thức lại không bằng lòng; ý thức lại đặt ra câu hỏi; cứ thế quay cuồng trong vòng luẩn quẩn, liên miên không bao giờ dứt, *ad infinitum*.

*Chính vòng luẩn quẩn này là hố thẳm mà tất cả triết gia đều thụt lùi sợ hãi. Một nền triết lý lớn mạnh phải đối mặt với cái ad infinitum này. Jorge Luis Borges đã thấy được ý nghĩa trầm trọng của cái ad infinitum này. Trái lại Saroyan thì sợ hãi và né tránh lý luận ad infinitum trong 'Être et Néant'.*

Đó chính là sự tuyệt vọng của ý thức.

Khi ý thức tuyệt vọng thì ý thức sẽ làm một cuộc tự tử theo hai nghĩa đen và bóng. Theo nghĩa đen thì ý thức tự tử thực sự như trường hợp Marilyn Monroe, Hemingway, Hedayat... vân vân. Theo nghĩa bóng thì ý thức lột xác để hoá thân, chết đi để sống lại, đóng đinh trên cây thập giá để ba ngày sau sống lại và thăng thiên như vậy sự tự tử ấy không phải là sự tự tử nữa, mà chính là một sự giải phóng hay giải thoát, ý thức đã tự giải thoát khỏi vùng tối tăm của vô thức, ý thức tự giết ý thức để biến thành ý thức mới: ý thức không còn là ý thức nữa mà là tự do. Đó là trường hợp của Henry Miller, William Saroyan và Nietzsche. Đó cũng là tư tưởng Thiền tông và Lão tử.

*Không có sự giải thoát, sống với cái-không-có-giải-thoát mà không rơi vào nihilisme hoặc nói theo chữ Phạn nhà Phật, không rơi vào "abhava". Đó mới là điều khó.*

Khi ý thức trở nên tuyệt vọng mà ý thức không tự tử (hoặc theo nghĩa đen hay nghĩa bóng) thì ý thức chạy trốn, nếu chạy trốn mà không lường gạt mình thì một thời gian sau trở nên điên loạn hoặc mang bệnh lao tâm mà chết như Kafka và Wolfe.

*Kafka và Wolfe là những người kẹt vào "nihilisme".*

*Kafka, một người không tận dụng hết sức mình và chết vì hối hận, tiếc nuối vô cơ.*

*Còn Wolfe thì lại tận dụng hết sức mình và chết vì kiệt lực. Chỉ có một sức mạnh duy nhất là sự yếu đuối rất khô hài của con người. Đâm vỡ bức tường chắn ngang, chặt đứt cái gút thắt chặt đó là sức mạnh của Gordion, sức mạnh ấy của Tây phương có thể thống trị Á châu nhưng chính sức mạnh ấy cũng sẽ quay ngược lại giết chết Tây phương. Á đông vẫn sống với cái gút mà không cần phải tìm cách mở, vì cái gút ấy chính là Á châu. Sống với vấn đề bế tắc, sống với sự khủng hoảng mà không cần giải quyết. Đó chính là quẻ **Bĩ** trong Kinh Dịch.*

Còn nếu chạy trốn mà lường gạt mình rằng mình không chạy trốn hoặc tự lường gạt mà không biết rằng mình tự lường gạt thì ý thức ấy trở nên chìm vào trong đời sống tầm thường đầy công thức; và ý thức ấy không còn là ý thức nữa mà là vô thức; sống mà sống một cách vô thức; như thế không khác gì chết giữa cuộc sống. Đó là tình cảnh của hầu hết mọi người trong chúng ta hiện nay. Tình cảnh mà Heidegger gọi là "Enftremdung" (sự xa lạ ly cách đối với chính mình) hay cũng gọi là (Absturz: sự sa ngã) mà đặc tính chuyển động là "Wirbel" (sự xoay vòng) nghĩa là xoay xuông tình cảnh tầm thường của thiên hạ, sự xoay chuyển ấy vén mở tình cảnh "Geworfenheit" (sự bỏ rơi, bị quăng ném vào đời) con người bị giam hãm trong đời sống thường nhật tầm thường ("Alltäglichkeit") đó chính là tình cảnh thất sủng sa đoạ ("Verfallen") của hiện sinh con người ("Dasein").



*Con người bị giam hãm trong đời sống tầm thường thường nhật vì chính con người là tầm thường. Nếu tôi thành Phật thì cả vũ trụ này cũng đều thành Phật, không ngoại trừ ai, không ngoại trừ cái gì cả.*

Tóm lại, ý thức mới là ý thức về sự tuyệt vọng của ý thức. Sự tuyệt vọng ấy rất là đau đớn hãi hùng. Nhưng nếu ý thức không chạy trốn sự tuyệt vọng ấy thì con đường giải thoát sẽ mở cửa.

*Vô môn Quan.*

Sự tuyệt vọng cùng cực đưa đến hy vọng cùng cực; giữa sự điên loạn và sự giác ngộ chỉ cách nhau có một sợi tơ rất mong manh.

*Giác ngộ là điên loạn, một thứ điên vượt ra ý nghĩa thông thường của tất cả bệnh lý.*

Bởi thế, đi tìm đường giải thoát cũng có nghĩa là đi tìm tuyệt vọng.

*Không thể đi tìm tuyệt vọng vì tuyệt vọng là tuyệt vọng.*

Đi đến đường cùng, ý thức và vô thức chỉ là một.

*Đi đến đường cùng? Người Pháp hay nói "jusqu'au bout". Thực sự đường cùng chỉ là "Grund" mà "Grund" chính là cái tác hại nhiều nhất đến nhân loại hiện nay. Vì lẽ đó mới có phương trình bí mật của Heidegger: "Grund: Abgrund". Phương trình này của Heidegger còn quan trọng gấp triệu lần hơn phương trình nổi tiếng của Einstein.*

Và đi sâu hơn nữa thì sự đồng nhất này cũng không có thực. Sau cùng lại chỉ còn sự im lặng mênh mông, thăm thẳm và vô biên.

*"Tất cả mọi sự còn lại chỉ là im lặng" (Shakespeare?)*

## **Chương nhứt**

**Ý thức bất nhị - Nghệ thuật phi nghệ thuật của Saroyan. Tinh thần bất nhị của Phật giáo Thiền tông và Jean-Paul Sartre.**

### **1.**

Sống vào thời đại đổ nát, một xã hội đồi trụy và chứng kiến bao nhiêu biến chuyển điêu đứng bên ngoài cũng như bên trong tâm hồn,

*Tình trạng này có khác nào ở Việt Nam hiện nay mặc dù Việt Nam hiện nay lại còn đen tối gấp trăm ngàn lần hơn nước Mỹ ở giữa hai trận chiến. Thế mà ở Việt Nam có mấy người tài lớn như O' Neill, T. S. Eliot, Dos Passos, vân vân? Việt Nam bây giờ chỉ toàn là một lũ bồi bút, một lũ nhái con văn nghệ và làm dáng cô đơn tuyệt vọng.*

*Chỉ có Bùi Giáng là người duy nhất có tài lớn, lớn bằng (hay lớn hơn) O' Neill, T. S. Eliot, Dos Passos, vân vân.*

nhà văn Mỹ ở giữa hai trận chiến tranh đều ít nhiều mang chung một tâm trạng và một thái độ trước cuộc đời. Nhìn chung, nền văn học Mỹ giữa hai trận thế chiến bị

sơn qua một lớp màu quá đen tối phủ phàng: con người hoàn toàn cảm thấy bất lực trước cuộc đời, bàng hoàng, khắc khoải, lạc lõng, bơ vơ, mất gốc, cô đơn, xao xuyến, chán chường, phần nộ, điều đứng, đau khổ, hoang mang, thất vọng hay tuyệt vọng (như Eugene O'Neill, T. S. Eliot, John Dos Passos, Hemingway, Robinson, Jeffers, A. MacLeish, Joseph Wood Krutch...)

Giữa bầu trời âm đạm đen tối mù mịt như vậy, sức sống mãnh liệt và giấc mộng huy hoàng

*Saroyan đến sau Wolfe, nhưng Saroyan chỉ yêu đời một cách "đánh lộn con đen". Sự giản dị chất phác của Saroyan là một mặt nạ khó hiểu. Có lẽ Saroyan là người chán đời nhất mà vẫn gắng gượng cười ồm lên để "pha trò" cho một tấn kịch u ám?*

của nhân dân Mỹ vẫn còn sống nong nàn trong Thomas Wolfe, Robert Frost, Glasgow, Cather.. nhưng phong phú nhất vẫn là William Saroyan. Trong một số tác phẩm quá nhiều (chẳng hạn như truyện ngắn, tiểu thuyết và kịch) William Saroyan đã nói lên hơi thở nhịp nhàng của con người. Mặc dù bị đắm chìm trong bao thực tại cay đắng, Saroyan vẫn sung sướng ca ngợi ngày hôm nay tuyệt vời và rực rỡ. Saroyan nói lên đức tin mãnh liệt nơi con người, nơi lòng tốt tự nhiên của con người, nơi hạnh phúc (trong đau khổ) của con người trên mặt đất tươi đẹp này; cùng chung một giọng nói như Anne Frank: "ánh mặt trời này, bầu trời xanh lơ này, khi tôi còn có sống để nhìn thì tôi không thể nào mà không hạnh phúc", dù tất cả những gì không tốt đẹp đã xảy ra, tôi vẫn còn tin rằng con người thực sự vẫn tốt.

*Sartre. Tôi hổ thẹn vì đã nhắc Sartre ở đây vai trò "angoisse". Ngược lại, Saroyan. Sartre là người yêu đời mà "giả đờ" chán đời, xao xuyến đây "angoisse"! Merde!*

*Sartre chỉ là con khỉ của Céline. Ồ, Céline!*

*Céline mới đúng là cái "angoisse" được nhập thể bằng xương bằng thịt. Tôi muốn quỳ lạy Céline như quỳ lạy sự thất bại của chính đời mình.*

*Đúng Céline mới là kẻ bị "sali, outragé, persecuté, braqué, broyé, depuis tant d'années et de mille manières..."*

*Sartre chỉ là một thứ nôn mửa sa lòng!...*

Tất cả các tác phẩm của W. Saroyan đều trở về một chủ đề duy nhất: "tôi đang sống"(I am alive). Nói theo Sartre, "con người là xao xuyến" (l'homme est angoisse) hay "con người là tự do" (l'homme est liberté); trái lại đối với Saroyan, thì "con người là sống" (Man is to be alive). Mà sống thì có nghĩa là chiến thắng sự xao xuyến và đó mới là tự do thực sự.

## 2.

Năm 1940 William Saroyan được giải thưởng văn chương giá trị nhất nước Mỹ, giải Pulitzer.

*Tại sao không nhận, lại làm dáng anh hùng, thái độ của Paul Valéry khi nhận mặc áo hàn lâm viện Pháp mới đúng là vĩ đại. Valéry bỏ viết im lặng trong mười, mười lăm năm, sống với hư vô bàng bạc để rồi trở về "làm chuyện tầm thường" với thiên hạ trong tinh thần "diệu hữu".*

*Tính cách "diệu dụng" của Valéry lại còn phi thường cao siêu hơn là bọn siêu thực làm trò nhát gừng.*

Chàng thần nhiên từ chối không thềm nhận. Saroyan đã nổi tiếng từ năm 1934, năm ông cho xuất bản tác phẩm đầu tiên *The Daring Young Man in the Flying Trapeze* (Người trẻ tuổi gan dạ trên cái đu bay). Từ năm ấy cho đến nay, Saroyan con người trẻ tuổi gan dạ, vẫn tiếp tục hiên ngang thoăn thoắt trên cái đu bay, khơi vơi lướt trên những lời hoan hô tán thưởng khiếp sợ của người đời, từ lớp này đến lớp người khác; đến nay thế hệ trẻ lô nhô sung sướng trở mắt ngó nhìn người nghệ sĩ tài ba của họ đang vẫn còn đung đưa nhẹ nhàng trên cái đu bay như độ nào; và họ đón nhận Saroyan như người bạn gần gũi nhất của thế hệ họ: một người bạn vẫn luôn luôn tươi trẻ và gan dạ (*The daring young man...*).

Trước khi tìm hiểu thế giới nghệ thuật của Saroyan, ta cũng nên ghi nhớ những điều quan trọng sau đây về con người của Saroyan:

*Cuộc đời riêng tư của một con người không có gì đáng nhớ.  
Những chi tiết tiểu sử chỉ cần  
cho những tên công an mật vụ!  
Xin kê khai lý lịch (năm bản)?*

- điều thứ nhất: Saroyan sinh ngày 31 tháng 8 năm 1908 tại Fresno thuộc California;
- điều thứ hai: lúc ở tiểu học, Saroyan thường trốn học và thường bị hiệu trưởng phạt;
- điều thứ ba: vì chán chường sự học vãn công thức của trường học; năm mười lăm tuổi Saroyan bỏ học luôn;
- điều thứ tư: lúc bỏ học, Saroyan đã đọc hết những cuốn sách của ở thư viện Fresno;
- điều thứ năm: Saroyan vừa đi vừa làm cả chục nghề; vừa viết vô số tác phẩm( trong những năm đầu viết văn, Saroyan đã viết trên bốn trăm truyện ngắn và cáo luận, đang lúc ông làm mười hai nghề khác nhau).

Về cuộc đời Saroyan ta thấy còn nhiều điều đáng để ý, nhưng đáng để ý nhất vẫn là năm điều trên; đó là cửa rừng trong khu rừng mênh mông thăm thẳm của tâm hồn Saroyan. Muốn gặp con

*Sống trong tác phẩm!*

*Tôi muốn chữa lại cho đúng: mơ màng qua tác phẩm.*

*Đọc một quyển sách là mơ màng qua quyển sách. Sách chỉ là cái cớ để tha hồ mơ mộng mà không bị gọi "đăng trí".*

người của Saroyan ta cứ đi thẳng vào tác phẩm và hãy sống trong tác phẩm.

### **3.**

Nghệ thuật của William Saroyan là nghệ thuật phi nghệ thuật (the art of artlessness).  
Nghệ thuật

*Viết gì thì viết, với điều kiện là phải trải qua cái kỉ luật triệt để.*

*Điều quan trọng là kỉ luật, kỉ luật sắt. Thức dậy lúc 4 giờ sáng là mỗi ngày phải làm đúng như vậy, ngồi im lặng trong 1 giờ đồng hồ, rồi mới bắt đầu viết, muốn viết gì thì viết.*

*Cái "hostinato rigore" (obstinée rigueur) là cái điều quan thiết nhất (Leonard de Vinci?)*

chỉ là biểu tượng về cuộc đời bởi thế, đối với Saroyan, vấn đề nghệ thuật không bao giờ được đặt ra một cách nghiêm trọng như các nhà văn khác. Saroyan cũng không bao giờ có một quan niệm lý luận phân minh đàng hoàng về nghệ thuật; ông muốn nói gì thì ông nói, ông muốn viết gì thì ông viết; có lúc ta thấy ông viết một truyện ngắn có bố cục chặt chẽ đàng hoàng, một truyện ngắn hoàn toàn mẫu mực cho nghệ thuật, nhưng có lúc khác ta lại thấy ông viết chuyện ngắn chả ra chuyện ngắn và cũng không hiểu ông muốn nói gì. Tôi đã nói nghệ thuật của Saroyan là nghệ thuật phi nghệ thuật. Sự thực thì cũng chưa đúng hẳn. Hiện nay, ta thấy có hai thứ quan niệm nghệ thuật: nghệ thuật có nghệ thuật và nghệ thuật không có nghệ thuật.

Trong quá trình và tiến trình diễn biến của văn nghệ, mỗi phản ứng chỉ gây ra một phản ứng khác: văn nghệ hay tư tưởng chỉ là phản ứng liên tục. Nghệ thuật không có nghệ thuật chỉ là phản ứng của

*Lý luận như thế này dễ rơi vào thảm trạng của D.T. Suzuki.*

*Thảm trạng của Schelling mà Hegel đã nhạo báng: "Đêm tối mà các con bò đều đen".*

*Phải phân ly một cách hoàn toàn triệt để rồi mới bắt đầu nói đến hoà đồng.*

*Phải bỏ Đồng Tính mà đạt Như Tính.*

*Sự khác nhau giữa "le Même" và L' Identique" mà Heidegger đã khai thác một cách sâu sắc.*

nghệ thuật có nghệ thuật. Có đến không, rồi không đến có, rồi có đến không, như vậy cứ triển miên mãi với nhau không bao giờ dứt; bởi thế vượt lên trên thời gian và đứng ở bình diện cao hơn, ta có thể nói nghệ thuật không có nghệ thuật là nghệ thuật có nghệ thuật và nghệ thuật có nghệ thuật là nghệ thuật không có nghệ thuật. Có là không, không là có, trắng là đen, đen là trắng, đúng là sai, sai là đúng; tốt là xấu, xấu là tốt; thành công là thất bại, thất bại là thành công; no là đói, đói là no; en-soi là pour-soi, pour-soi là en-soi.

... Tôi đã chơi chữ; nhưng thực ra, chơi chữ nghĩa là không chơi chữ. Lý luận trên là lý luận Bất Nhị của Phật giáo. Mấy vị thiền sư nói: "một cái núi không phải là một cái núi và một con sông không phải là một con sông, tuy nhiên một cái núi là một cái núi và một con sông là một con sông. Sự phủ nhận là xác nhận và xác nhận là phủ nhận" <sup>[1]</sup>. "Thực là không thực và chân là không chân" (le réel est le non-réel et le vrai est le non vrai) (cf. D.T. Suzuki, *l'Essence du Bouddhisme*, tr. 70)

#### 4.

Nền văn minh nhân loại hiện nay đang bị phá sản bởi vì con người không bao giờ thoát

*Lời nói của một kẻ giác ngộ không thể là giác ngộ.*

khỏi ra ngoài tinh thần phân hai; nghĩa là phân chia thực tại và làm hai phần đối nghịch nhau: Thượng Đế và tạo vật, linh hồn và thể xác, tinh thần và vật chất, lý và phi lý, vân vân... Sự chia đôi chỉ là sản phẩm của tri thức và tuy trí tuệ thức có ích lợi, nhưng ngày nay, không còn giữ địa vị độc tôn như xưa kia nữa. Tri thức có ích lợi trong một lãnh vực nào đó, nhưng ta đừng để nó can thiệp dính líu với giòng đời. Cuộc đời là cuộc đời, trọn vẹn, đầy đủ, phong phú, muốn nhìn được hình ảnh trọn vẹn được của cuộc đời, ta hãy vượt ra ngoài trí năng; vì chính trí năng đã phân tán mất mát đi tất cả hình ảnh trung thực và toàn diện.

*Bóng ma của D.T. Suzuki ám ảnh đầu đây, phải phân hai, nếu cần phân ba, nếu cần cứ phân ra một trăm, một ngàn lần. Sự phân hai chỉ có với óc phân hai. Giác ngộ là tự nguyện phân hai!*

*Tôi có giác ngộ? Có hề gì chuyện ấy! Không bận tâm đến giác ngộ nữa.*

Khi nói đối là no, no là đối thì không có nghĩa là ta hãy nhịn đối đi: ăn vô ích vì no có nghĩa là đối; khi nói phải là sai, không có nghĩa là ta làm sai đi: làm phải vô ích, vì phải là sai, vân vân... không thể nói như vậy được vì không có sự lựa chọn.

*Sartre đã biến cái "choix" thành ra một "présupposition" trong triết lý của ông vì lý do ấy, ý nghĩa của tác động "néantiser" trong triết lý ông đã mất ý nghĩa tiêu cực xứng đáng, khiến cho triết lý ông trở thành một thứ "siêu hình học" thủ cựu nhất trong những nền siêu hình học lỗi thời của Tây phương.*

Ta không nên chọn đường tốt hoặc đường xấu, bởi vì thực ra trên đời không có cái gì tốt mà cũng chẳng có cái gì xấu. Chúng ta nghĩ như thế nào thì nó như thế đó. Sự lựa chọn "choix" là một vấn đề quan trọng trong triết học hiện sinh của Sartre; khi ta nói không có sự lựa chọn thì cũng chưa đúng hẳn, bởi vì đó cũng là lựa chọn thái độ không lựa chọn, như thế tức là cũng lựa chọn nữa rồi. Je peux toujours choisir, mais je dois savoir que si je ne choisis pas, je choisis encore (Sartre, *L'existentialisme est un humanisme*, 73), vì thế, tôi phải nói lại: sự lựa chọn không đặt thành vấn đề, ta không theo thái độ lựa chọn mà cũng không theo thái độ không lựa chọn, ta vượt tất cả mọi thái độ kể cả thái độ vượt hay kể cả thái độ không thái độ: nói như thế nghĩa là ta tự mình giải thoát khỏi vòng triền phược chấp trước của tri thức vọng kiến, và vượt lên tất cả mọi sự mâu thuẫn đối nghịch để mà có thể đạt đến hình ảnh trọn vẹn của cuộc đời toàn diện.

*Hình ảnh trọn vẹn của đời sống toàn diện, tư tưởng trung tính hôm nay phải phá bỏ luôn mọi hình ảnh trọn vẹn của đời sống toàn diện, bôi sạch vết tích cuối cùng của Hegel (đồng thời trên một bình diện khác của Marx).*

Tôi xin trở lại với William Saroyan. Tôi đã nói: nghệ thuật của Saroyan là nghệ thuật phi nghệ thuật (the art of artlessness) thực ra thì chỉ đúng một phần chứ không đúng hẳn. Thoạt đầu nghệ thuật của Saroyan là phi nghệ thuật, nhưng rồi sau cùng Saroyan vượt hết tất cả mọi quan niệm mọi thái độ, vượt hết, hết,... việc làm Saroyan, nếu nói theo danh từ đạo Phật thì gọi là "Achintya".

*Giữa Saroyan và "vô niệm" của Phật giáo có một sự sai biệt trong một kể tư rất vi tế. Điều căn yếu cho Saroyan là nháy.*

Achintya nghĩa là không chia sẻ, vượt qua tác dụng của tri thức tương đối hay tất cả vọng tưởng mê chấp. Achintya cũng có nghĩa là "bất tư nghi".

Nói cho gọn lại: nghệ thuật ở đây là Saroyan; Saroyan là nghệ thuật, chứ không còn sự phân chia ra hai phần cách biệt như Saroyan và nghệ thuật của Saroyan. Chính chữ " của" này làm ta có vọng tưởng là có hai thực thể đối đãi như chủ và vật.

## 5.

Hầu hết nghệ thuật hôm nay là biểu tượng về cuộc đời chứ không phải là cuộc đời. Saroyan đem nghệ thuật ra ngoài biểu tượng mà trở thành cuộc đời, chứ không phải là biểu tượng về cuộc đời; nghệ thuật hôm nay có giới hạn, Saroyan phá tung giới hạn ấy.

*Cái nhìn hay sự vật được nhìn, chính cái nhìn mới quyết định?*

*Vết tích của chủ thể tính còn vương ở đây. phải bôi sạch luôn mọi hình thức của chủ thể tính, chiến thắng "subjectivisme".*

Nếu hỏi Saroyan có thành công hay không thì chính ta phải trả lời câu hỏi ấy khi đọc thẳng tác phẩm của ông; bởi vì chính tinh thần thưởng ngoạn nghệ thuật của ta cũng phải là tinh thần sáng tạo. Khi ta nói rằng Saroyan không thành công tức là ta nói ta không thành công, khi ta nói ông thành công tức là ta nói ta thành công chacun accomplit des actes similaires à ceux qu'il attribue aux autres; que la protection de soi – même est la destruction de soi même, etc <sup>[2]</sup>.

*Sáng tạo là mang nợ, không có sáng tạo thuần túy từ hư vô biến ra hữu thể. "Thiên tài là kẻ mang nợ nhiều nhất" (Emerson).*

Khi thưởng thức một nghệ phẩm như tác phẩm của William Saroyan, ta phải có tinh thần sáng tạo (chứ không phải là một độc giả thụ động) ta phải sáng tạo lại, ta sống tinh thần sáng tạo ấy như khi ta ngắm bức tranh trắng đen Sumiye của Thiền tông hay như khi ta đọc thơ Haiku của văn chương Nhật (chẳng hạn như mấy bức tranh đời Đường và những bức tranh của thiền sư Sesshu và mấy bài thơ của Basho hoặc Saigyô) <sup>[3]</sup>. (Xin xem quyển Zenga của Kurt Brash).

*Triết học là học về sự thất bại. Không bao giờ có một nền triết lý thành công. Triết lý "dẫn thân" là triết lý ấu trĩ.*

Nói đến nghệ thuật Saroyan, gián tiếp ta đã đặt ra nhiều vấn đề triết học quan trọng; nói đến triết học là nói đến sự thất bại của lý trí con người, là nói lên sự mâu thuẫn liên tục của suy tư; người viết đến đây cảm thấy bàng hoàng vô cùng.

## 6.

*Sở dĩ có câu hỏi "như thế nào" là vì con người sợ sự hỗn mang và muốn nhốt sự hỗn mang vào một dạng thức, một hình thức (forme). Con người xuống thang sa đọa là con người đòi hỏi một pattern, một "forme" cho tất cả mọi sự. Aristote!*

William Saroyan viết truyện ngắn như thế nào? Trước khi trả lời, ta phải tự hỏi: phải đọc truyện ngắn của Saroyan như thế nào?

Tôi thấy có hai nguyên tắc dẫn đạo để giúp ta tìm hiểu nghệ thuật viết truyện ngắn của Saroyan; đây cũng có thể gọi là Ý thức Bất Nhị.

*Ý thức Bất Nhị không phải là Bất Nhị.*

Nguyên tắc thứ nhất: không có gì là hấp tấp vội vã. Nguyên tắc thứ hai: Không có gì để nói cả.

*Hai nguyên tắc cao nhất của tư tưởng và nghệ thuật.*

*Nhưng tại sao lại gọi là "nguyên tắc"? chữ Hy Lạp là "arché" đã bị xuyên tạc thành ra chữ La Tinh "principia". Tất cả sự thất bại của truyền thống văn hoá Tây phương nằm ở sự xuyên tạc liên tục này. Newton đã đặt vòng vương miện qua nhan đề tác phẩm khoa học của ông với chữ "principia" (và Descartes!)*

Đọc truyện ngắn của Saroyan ta thường gặp Saroyan nhắc đi nhắc lại nhiều lần những câu sau đây: "tuyệt đối không hấp tấp", *There is absolutely no haste* (truyện "My self upon the Earth") "tuyệt đối không có gì để nói cả", *There was absolutely nothing to say* (truyện "The Earth, Day, Night, Self"). Ta thử ngưng lại và suy nghĩ xem Saroyan muốn nói những gì, khi ông nhắc đi lặp lại hai câu trên.

Ta còn nhớ: ở đời không có gì tốt không có gì xấu, không có phải, không có sai, không có thiện, không có ác, không có không, cũng không có có.

*Nói như thế thì rất dễ vượt qua tính cách "oihilisme" này mới quan trọng.*

*Nam Tuyền thiền sư đã vượt qua "đoạn-diệt".*

Thiền sư Nam Tuyền nói: "Đại Đạo nhất thể thật vô phàm thánh. Nhược hữu danh tự giai thuộc hạn lượng. Sở dĩ Giang tây lão túc vân "Bất thị tâm bất thị Phật bất thị vật". Tất cả đều có sự phân chia "tốt" hay "xấu", vân vân, đều là do trí năng ta. Hãy ném trí thức đi. Hãy giết trí thức đi [\[4\]](#) .

*Ý nghĩa của **Yatha** (như thị! như thị) của Phật giáo.*

Cuộc đời là cuộc đời, là như vậy, không có cái này mà cũng không có cái kia, nên ta không thể lựa chọn được. Tất cả triết lý Sartre đều quay về sự lựa chọn (choix); thực ra, ta không nên lựa chọn gì cả (và cũng không lựa chọn và không không không không vân vân); nghĩa là sự lựa chọn không đặt ra thành vấn đề; vì cuộc đời này không cái này mà cũng không cái kia hay là cái này mà cũng là cái kia.

*"Nhậm tánh"- cứ mang thể tánh như là thể tánh, so với một bình diện khác, "cứ mang nỗi chết qua nỗi chết" (Heidegger: den Tod als Tod zu übernehmen).*

"Chi Đạo vô nan, duy hiềm gián trạch, nhậm tánh hiệp đạo, tiên diên tuyệt não hệ niệm quai chơn, vật ố lục trần, lục trần bất ố, hoàn đồng chánh giác, vân vân..."

*Ý nghĩa chữ "grundlos" của Schopenhauer.*



Cuộc đời không mục đích, không ý nghĩa, không cứu cánh; khi ta có một mục đích nào đó để đạt đến thì ta hấp tấp vội vã cho mau đến đích; ta không hiểu rồi đây ta sẽ đi về đâu; ta không hiểu cho nên ta không hấp tấp vội vã, vì nếu là hấp tấp vội vã thì gián tiếp tự cho mình có mục đích để đến.

*Ý nghĩa của chữ "Langeweile" mà Johann Georg Hamann đã dùng. Hamann người tự nhận là "tình nhân của Langeweile" nghĩa là "kẻ thích sống không làm gì cả".*

*"Vội vã hấp tấp" là cơn bệnh trầm trọng của tâm hồn (ai nói thế, Rilke? Kafka? Simone Weil?)*

Saroyan không bao giờ xem trọng nghệ thuật và cũng không bao giờ có quan niệm chặt chẽ, đàng hoàng về nghệ thuật viết văn, ông không đem một mục đích cứu cánh cho việc viết văn của mình, bởi thế, ông không vội vã hấp tấp: vội vã và hấp tấp để làm gì, để đi về đâu khi không có mục đích cứu cánh gì cả. Đọc tác phẩm của Saroyan, ta thấy ông muốn viết gì thì viết, cứ theo đà xung đột mãnh liệt của lòng ông, ông không bao giờ để ý lo lắng đến lối viết văn, hình thức, không khí nghệ thuật, vân vân. Nói đến đây, ta nhớ đến mấy lời của Whitman <sup>[5]</sup>.

*Cũng chưa lôi thôi và rườm rà như Faulkner, một thứ rườm rà, dài dòng, thô thiển thần thánh của thiên tài!*

Có nhiều chuyện ngắn của Saroyan dài dòng, lôi thôi rườm rà (chẳng hạn truyện "Seventy Thousand Assyrians", truyện "Myself Upon the Earth"...) ta nóng lòng, ta hấp tấp vội vã muốn tác giả nói thẳng đi, nói mau đi cho rồi; bởi vì ta thấy ông ra ngoài đề quá xa, ông nói đi rồi nói lại, nói bên trong rồi lại nói ra bên ngoài, loanh quanh, luẩn quẩn nhì nhằng như kẹo cao su, thay vì đi đường thẳng, ông lại bình thản từ từ đi một vòng tròn thật rộng; ta sốt ruột cả lên và ông ung dung trả lời "khoan, sao mà hấp tấp thế, tuyệt đối không có gì vội vã" (*there is absolutely no haste*).

*Bùi Giáng là người duy nhất*

*thể hiện mãnh liệt nhất*

*lối viết đi ngoài khung khổ hạn định.*

*Văn nghệ Việt Nam đến bây giờ còn lết bết đi sau Bùi Giáng đến một trăm năm. Nhưng nỗi nguy hiểm nhất của Bùi Giáng vẫn là "hubris" trong ý nghĩa Hy Lạp. Hölderlin: "Wo aber die Gefahr ist, wächst das Rettende auch"!*

Người ta viết văn thường có quan niệm nghệ thuật vững chãi, nào là bố cục phải phân minh, nhập đề, thân kết, vân vân... nghĩa là người ta có mục đích đàng hoàng, người ta phải hấp tấp không dám đứng lại nhì nhằng, nhập đề phải gọn, kết luận phải ngắn và sắc, vân vân... người ta không dám ra ngoài khung khổ hạn định; con đường đi ấy ngắn, người ta phải cố gắng vội vã đi trong vòng mấy phút, không được đi lỡ giờ trong trung bình mà bao nhiêu người khác đã đi; trái lại, Saroyan không giống như vậy, ta hãy tưởng tượng một con đường ngắn đáng lẽ chỉ mất mấy phút, ông lại đi hoài đi mãi mà không bao giờ tới; bởi vì Saroyan bước đi chậm chạp, khoan thai, bước chừng vài bước lại dừng chân lại, ngồi ngủ dưới gốc cây, rồi thức dậy, ngắm mây trắng bồng bênh, nghe chim kêu, rồi lại bước đi, đi chừng vài bước lại dừng chân ngắm đoá hoa và bướm vàng bên vệ đường rồi lại bước đi, cứ như thế đi hoài đi mãi mà không bao giờ tới nơi tới chốn. Nói đến Saroyan, ta để nhớ đến tư



tương mấy thiền sư: "Đi là sống; tới là chết" <sup>[6]</sup>.

Nhưng Trung Quán Luận của Phật giáo: "Trước hết sự vận hành thành tựu rồi thì không phải là vận hành, mà sự vận hành chưa thành tựu thì cũng không phải là vận hành. Sự vận hành hiện tại ở ngoài hai sự vận hành kia (đã thành tựu và chưa thành tựu) thì không thể có nghĩa được" (nguyên bản Tây Tạng: *re zig son la mi' gro ste "ma son ba' la' an' gro ba med" son dan ma son ma gtogs par "bgom pa ses pas par mi' gyur ro"*).

Đọc tác phẩm của Saroyan, ta đừng quên nguyên tắc thứ nhất "tuyệt đối không hấp tấp vội vã", ta cứ đọc chậm chậm, đừng nóng lòng chờ đợi kết cục thế nào, câu chuyện sẽ đưa đến đâu, vân vân... Câu chuyện sẽ không đưa đến đâu cả bởi vì:

Nguyên tắc thứ hai: Không có gì để nói cả.

Mỗi nhà văn khi cầm bút đều sẵn có một số quan niệm nào đó trong đầu.

*Lại Sartre nữa! Hãy đọc lại mấy bài Sartre viết về Flaubert thì thấy rõ!*

Họ viết để nói một cái gì, chẳng hạn như những vở kịch và tiểu thuyết của Jean-Paul Sartre đều dùng để nói lên triết lý hiện sinh của ông chẳng hạn như quyển tiểu thuyết *La Nausée*, đã được Sartre viết ra là vì ông đã có sẵn trước một ý niệm (*qui s'est inspiré d'un concept*) ý niệm về triết lý hiện sinh, ý niệm về quyển *La Nausée*, nghĩa là Sartre đã có sẵn một kỹ thuật trữ tác, một *recette* (*une technique de production préalable que fait partie du concept, et qui est au fond une recette*), như vậy, quyển *La Nausée* là một cuốn sách (một sự vật) đã được trữ tác ra trong một đường lối nào đó và chứa đựng một sự ích lợi được xác định đàng hoàng: dùng để nói lên triết lý hiện sinh (*un object qui se produit d'une certaine manière et qui, d'autre part, a une utilité définie* <sup>[7]</sup>), khi viết *La Nausée*, Sartre đã muốn dùng quyển ấy để làm gì rồi, bởi thế ta có thể dùng danh từ của

*Thực ra, essentia và existentia của Sartre ở đây đã bị Heidegger vạch ra bộ mặt của Thần học công giáo Trung cổ. "Lật ngược một mệnh đề siêu hình học vẫn là siêu hình học".*

Sartre để mà nói gọn lại rằng bản chất yếu tính (*l'essence*) của quyển (*La Nausée*) đã có trước sự hiện hữu (*l'existence*) của quyển ấy (*l'essence - c'est-à-dire l'ensemble des recettes et des qualités permettent de le produire et de le définir-précède l'existence*) <sup>[8]</sup>; sự có mặt của *La Nausée* đã được xác định trước rồi; bởi thế ta có thể nói rằng khi viết tiểu thuyết hay kịch, Sartre đã có một cái nhìn kỹ thuật (*une vision technique du monde*), nghĩa là về con người thì Sartre cho rằng sự hiện hữu có trước yếu tính (*l'existence précède l'essence*) nhưng về nghệ thuật văn nghệ thì Sartre gián tiếp cho rằng yếu tính có trước hiện hữu (*l'essence précède l'existence*).

*Nên đặt lại ý nghĩa của "existence" của Saroyan trong ý nghĩa xuất (ex-) của chữ Exsistenz của Heidegger thì mới đúng hơn vì existence của Sartre kẹt vào existentia của kinh viện Trung cổ.*

William Saroyan khác Sartre; nếu nói theo danh từ của Sartre thì đối với Saroyan, về nghệ thuật văn nghệ: hiện hữu có trước yếu tính (*l'existence précède l'essence*) chẳng hạn như trường hợp của Sartre viết quyển *La Nausée* và Saroyan viết truyện *Common Prayer*. Yếu tính của *La Nausée* có trước hiện hữu của *La Nausée*; còn hiện

hữu của *Common Prayer* có trước yếu tính của *Common Prayer*. Trước khi viết *La Nausée*, Sartre đã có trước một ý niệm; trước khi viết *Common Prayer*, Saroyan chẳng có ý niệm nào cả.

*Sự trống rỗng của Saroyan ở đây là ý nghĩa chữ "le vide" trong nghệ thuật (xin đọc, Le Vide, expérience spirituelle en Occident et en Orient, trang 290-307, loại sách Hermès, Paris, 1969).*

Đầu óc của Saroyan trống rỗng. Saroyan cứ lại bàn ngồi rồi lấy bút ra viết (vì cảm thấy ngứa tay) và để ngòi bút chạy đi đâu thì chạy. Sartre có một cái gì để nói; còn Saroyan hoàn toàn chẳng có gì để nói hết. Thiền tông "*Nhữ đản vô sự ưu tâm vô tâm ư sự tắc hư nhi linh không nhi diệu*". Ta chẳng lấy làm lạ đối với Sartre, viết văn là "*une entreprise*" <sup>[9]</sup>, Sartre nói khi viết, Saroyan sống khi viết; Sartre viết để nói, Saroyan viết để sống. Saroyan: "tôi chỉ là người trẻ tuổi, tôi viết để mà viết, vì tôi chẳng biết làm gì cả" ("Myself upon the Earth"). Việc viết lách, đối với Saroyan, là một công việc thông thường của cuộc sống, như ăn, uống, ngủ hay đi tiểu tiện, đại tiện, vân vân. Saroyan viết là viết, chứ không nghĩ gì cả; bởi thế một số lớn tác phẩm của Saroyan là cuộc đời chứ không phải nói về cuộc đời. Thực sự tuyệt đối không có gì để nói: *there was absolutely nothing to say* (Saroyan).

*Giới hạn của ngôn ngữ thông thường. Trả ngôn ngữ lại vị thế ban đầu của nó thì ngôn ngữ chính là cuộc đời. Thực ra chữ quan trọng không phải là "cuộc đời" mà chính là chữ "là". Ý nghĩa của chữ Hy Lạp "eivai" rất quan trọng ở đây.*

Thi ca của Thiền tông cũng thế. Những bài thơ sống nhất của Thiền là những bài thơ chẳng nói gì hết, không có gì để nói hết; những bài thơ ấy là cuộc đời chứ không phải triết lý hay chú giải về cuộc đời (cf. Alan. Watts: *the most expressive Zen poetry is that which "says nothing", which, in other words, is not philosophy or commentary about life*) <sup>[10]</sup>.

"Con người" là gì? Phải tránh "nhân trung thuyết" ở đây.

Một số tác phẩm của Saroyan không phải là tác phẩm, sách, truyện hay tiểu thuyết: ai rờ vào đây là rờ vào một con người. *Camerado, this is no book, who touches this touches a man* (Walt Whitman, *so long*).

*Henry Miller đã đi ra ngoài tất cả những hạn chế của nghệ thuật. Walt Whitman vẫn còn kẹt vào đôi hạn chế (như Restif de la Bretonne).*

Đọc Henry Miller, Restif de la Bretonne (thiên tài dị thường của Pháp ở thế kỷ XVIII), Walt Whitman hay Saroyan ta đều có cảm giác như trên.

Đối với Saroyan, Henry Miller, Walt Whitman, Restif de la Bretonne viết là sống, sống là viết.

*Có thể bỏ viết mà vẫn sống được không? Chỉ có Henry Miller là làm được việc khó khăn này.*

Saroyan đã tự thú như vậy:

"Trong vòng sáu tháng qua, tôi phải bị xa lìa việc viết lách của tôi và tôi không còn là gì nữa hay là tôi đã bước đi quanh quẩn như một cái xác không hồn, một bóng mơ hồ trong ác mộng của vũ trụ" <sup>[11]</sup>.

*Đây cũng là thảm kịch của tôi trong nhiều năm. Thảm kịch này giống như người bị bệnh cuồng thiên. Tham thiên một thời gian rồi nghiện thiên như nghiện thuốc lá. Đó là sự nguy hiểm dễ sợ nhất.*

Khi nào không viết, Saroyan có cảm giác rằng ông đã mất đi, chết đi (unalive), bởi vì Saroyan sống trong lúc viết là viết trong lúc sống, đối với Saroyan đọc, viết, sống chỉ là một. Tác phẩm của Saroyan chính là Saroyan, là một "quyển sách sống" (mượn chữ "Livre vivant" của Restif de la Bretonne).

*Đây là một cách thủ dâm bằng chữ nghĩa. Cuộc sống như một người đàn bà. Con người luôn luôn trễ tàu. Chỉ sống sau khi hoặc chỉ sống trước khi, còn đang sống là sợ hết. Tai nạn thường trực.*

*Kinh nghiệm phi thường của Edmond Jabès. Đối với Jabès, chỉ thoát được ra ngoài quyển sách là trong quyển sách: quyển sách không ở trong thế giới là chính thế giới ở trong Quyển sách. Edmond Jabès: "Nếu Thượng đế hiện hữu thì sở dĩ là thế vì Thượng đế ở trong quyển sách" (Si Dieu est, c'est parce qu'il est dans le livre). Kinh nghiệm thần bí của Jabès: "Thế giới hiện hữu bởi vì cuốn sách hiện hữu" (Le monde existe parce que le livre existe). Khủng khiếp nhất là giây phút trực nhận của Jabès: "Quyển sách là tác phẩm của quyển sách" (le livre est l'oeuvre du livre).*

*So sánh Edmond Jabès et la question du livre trong quyển L'Écriture et la Différence của Jacques Derrida, trang 99 – 116 và 429 – 436). Viết về quyển Yael của Edmond Jabès, Gabriel Bounoure trong Critique (Juin 1968, trang 587) nói: "...Le livre de Yael n'est pas fini, qu'il se poursuivra dans un livre intérieur au livre".*

Trái tim của con người đập nhịp nhàng ngay trong tác phẩm của Saroyan; muốn gọi gì thì gọi, muốn nói gì thì nói, tác phẩm của ông đang thở. "What difference does it make what you call it, just so it breathes" (Saroyan). Tác phẩm của Saroyan không phải là nói về trái tim: chính tác phẩm ấy là trái tim; trái tim nằm trong ấy và máy động nhịp nhàng ở trong ấy <sup>[12]</sup>.

*Nhưng chính Marquis de Sade là nạn nhân tàn nhẫn của sự ngộ nhận vĩ đại!*

Những tác phẩm của Restif de la Bretonne hay Saroyan (hay Henry Miller, Walt Whitman) đều cũng thế. Những tác phẩm của họ thường bị người đời hiểu lầm; một Marquis de Sade làm gì hiểu nổi Restif de la Bretonne; một John Brown có bao giờ hiểu được thiên tài lung linh của William Saroyan; một Bertrand Russel bao giờ hiểu được thiên tài mãnh liệt của D.H. Lawrence? (cf. *Portraits from Memory*, tr. 111-116). Cả dân tộc Mỹ đã bỏ quên thiên tài phi thường của Henry Miller trong mấy chục năm trời và giờ đây mới chỉ bắt đầu mở mắt ra mà nhìn tầm vóc vĩ đại của Henry Miller.

*Thực ra ở thế giới này có mấy người hiểu được Henry Miller? Ngày trước số người hiểu được thuyết Einstein có thể đếm trên đầu ngón tay, nhưng ngày nay số người hiểu được Henry Miller thì lại khó tìm thấy hơn.*

Người ta chê Saroyan (hay chê Henry Miller, Restif de la Bretonne, Marc Chagall, vân vân), người ta chê những thiên tài này là "con nít, ngây ngô...". Saroyan lại nghĩ rằng "con nít là nòi giống duy nhất của con người thực sự; tất cả những gì còn lại đều là giả dối" <sup>[13]</sup>. Restif de la Bretonne lại trả lời: "những chi tiết trẻ con ngây ngô mới thực là cần thiết" <sup>[14]</sup>.

Người ta chê họ là "tầm thường, nói những điều ai cũng biết rồi". Saroyan lại hãnh diện nói: *"Tôi không có ý lãnh giải Pulitzer hay giải Nobel hay bất cứ giải thưởng nào khác, tôi ngồi đây trong gian phòng nhỏ bé, viết một bức thư gửi những người tầm thường và bằng một ngôn ngữ giản dị đơn sơ, tôi kể cho họ nghe những điều họ đã biết rồi"*. <sup>[15]</sup>

Chúng ta nhớ lại khi Marquis de Sade khinh chê Restif de la Bretonne viết những điều ai cũng biết – ce que tout le monde sait. Restif de la Bretonne trả lời rằng chính những điều tầm thường ấy, những điều ai cũng biết, ce que tout le monde sait, chính những điều ấy mới chứa đựng chân lý của cuộc đời, sự huyền diệu của cuộc đời, sự bí mật phong phú, phi thường của con người.

*Người ta chỉ có viết những điều có thể biết.*

*Giảm lên giới hạn của điều có thể biết là điều khó đạt nhất và bí mật nhất.*

Ta đã đau đớn biết bao khi thấy con người sống tù hãm trong những định thức thành kiến gò bó.

Chừng nào những Sade mới biết im lặng để cho những Restif de la Bretonne, những Saroyan, những Henry Miller được thung dung thổi gió về vi vu trong lòng ta? Người ta cười những lời ngây thơ của Saroyan, Restif de la Bretonne và Henry Miller; người ta cười lúc họ thành thật hơn bao giờ hết. Hãy cười đi - Người ta đã cười Picasso, đã cười Chagall, đã cười những kẻ "điên, ngu, dại, ngây ngô, khờ khếch". Người ta cứ mãi miết loanh quanh đi tìm cao siêu, sâu sắc, uyên bác, thâm trầm, trông thái, già giặn, vân vân... Một ngàn cụ Einstein cũng không thể nào sánh được với một người nhà quê dốt nát, nghèo khổ, ngây ngô, dại dột: và mộng của Einstein cũng chỉ muốn được như vậy mà thôi, được làm một người nhà quê dốt nát. Tolstoi có những điều bộ nào vào lúc già mà khiến cho tâm hồn ta phải xao động lạ lùng như vậy?

Con người cứ mãi miết đi tìm Niết bàn. Niết bàn không có ở đâu cả; Niết bàn ở ngay trong vòng Luân hồi, Luân hồi là Niết bàn <sup>[16]</sup>, các người có nghe rõ chưa?

*Nhưng trước khi thể hiện được như vậy, phải sống cho qua giữa một mùa hoả ngục.*

Khi ta đọc vài ba truyện ngắn nào đó của Saroyan mà ta chưa kịp hiểu hoặc ta thấy "tầm thường" quá thì ta hãy nhớ nguyên tắc thứ hai: "Không có gì để nói hết".

*Con người bị đoạ, vì biết nói. Nhân vật vĩ đại nhất của Carson Mc Cullers là những người câm (The heart is lonely hunter).*

Thuyết Bất nhị của Thiên tông Phật giáo lại trở về phiêu diêu... Tất nhiên, con người đã sinh ra đời không thể nào im lặng, vì im lặng cũng có tiếng nói của nó, và khi ta bảo rằng: "Tuyệt đối không có gì để nói hết" thì cũng là có gì để nói rồi; không có gì để nói là có gì để nói và có gì để nói là không có gì để nói; bởi thế có khi ta thấy tác phẩm của Saroyan nhờ thế này, có lúc ông lại đổi khác đi -

*Làm sao lý luận như vậy mà không rơi vào "ba phải"?*

tự trung, Saroyan vượt lên tất cả mọi suy tư- Khi ông muốn nói thì nói; lúc ông không muốn nói thì không nói; lúc ông muốn viết thì ông ngồi bàn mà viết; lúc không muốn viết thì thôi; lúc ông muốn suy nghĩ, ông suy nghĩ- Saroyan không tự

bắt buộc phải trung thành với bất cứ cái gì, dù trung thành với những cái gì tự ông đã đặt ra.

*Thoát ra ngoài "ý tính", vấn đề khó khăn nhất của con người.*

Saroyan muốn trước rồi nghĩ sau; Sartre nghĩ trước và muốn sau. Saroyan thấy thích viết thì viết, chứ cũng chẳng nghĩ gì hết, ngay đến chuyện nghĩ cũng thế, ông thích nghĩ thì cứ nghĩ...

*Nhưng Saroyan không phải là một thiền sư.*

Hành động của Saroyan, danh từ Phật giáo gọi là "diệu dụng". Thiền tông: "Bất khả dĩ hữu tâm đắc; bất khả dĩ vô tâm cầu".

William Saroyan viết truyện ngắn thế nào?

Ông muốn viết thế nào ông viết; ông muốn, chứ không nghĩ. Khi nào Saroyan muốn viết thì cứ ngồi xuống viết, *I just sit down and write* [\[17\]](#).

Muốn *chính* là nghĩ.

Ông không nghĩ gì hết, những lúc nào ông muốn nghĩ về nghệ thuật viết truyện ngắn, ông muốn nghĩ rằng:

- Tất cả những luật viết truyện ngắn đều sai, bởi vì những luật ấy bỏ rơi con người tôi ra ngoài.
- Đừng bao giờ để ý đến những luật viết truyện ngắn của những kẻ khác đặt ra; họ làm ra những luật ấy để che chở họ, để bảo vệ họ.
- Hãy quên Edgar Poe và O. Henry – hãy quên tất cả những nhà văn.
- Cứ viết những gì mình cảm thấy THÍCH viết: cứ nhảy xuống sông và bắt đầu bơi ngay.

*Nhưng con người chính là một thể, một "form"? rồi?*

- Không có một thể thơ (poem-form), thể truyện ngắn (story-form); chỉ có CON NGƯỜI thôi (There is Man only). Tất cả cái khác đều giả dối, lường gạt.
- Nói tóm lại, tôi không phải là một nhà văn gì hết (Briefly, I am not a writer at all)

*Không ai thoát khỏi cái nghiệp nhà văn dù là một người không viết văn gì cả thì cái óc của kẻ ấy cũng viết văn.*

Tôi định phân tích những truyện ngắn tiêu biểu của Saroyan, nhưng không thể nào phân tích cho đàng hoàng được: tác phẩm của Saroyan là con người ông. Tôi chỉ có thể diễn tả đại khái về con người ấy như sau: yêu thương những người nghèo khổ, yêu thương nhân loại (truyện "Seventy Thousand Assyrians") xót xa chan chứa giao cảm với con người lạc loài, bị xã hội ruồng bỏ hiếp đáp (truyện "Among the Lost"), tâm hồn bơ vơ cô độc (truyện "1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8,") thương mến sự hồn nhiên

ngây ngô của kẻ nghèo (truyện "Dear Greta Garbo"), thương xót tâm hồn lạc lõng của gái giang hồ (truyện "Love"), khóc than sự ngộ nhận hiểu lầm trên đời (truyện "And Man" và truyện "Laughter"), đau khổ lạc lõng xa lạ nơi quê hương mình (truyện "Going Home"), tình yêu rạo rực (truyện "Romance"), phẩm giá con người (truyện "The Man with the French Postcard", khóc than vì sự xấu tồn tại ở trần gian này (truyện "War"), chống đối chiến tranh (truyện "Fight your own War"), sự kỳ lạ nhiệm màu của nòi giống của con người (truyện "The Earth, Day, Night, Self" ), sức sống miên man của con người vươn lên trên nghịch cảnh (truyện "A Cold Day"), sự va chạm phũ phàng của một thiếu niên trước cuộc đời, trước ái tình (truyện "Seventeen"), ca ngợi cuộc đời, vinh hạnh vì biết mình sống, chống văn minh, chống tiến bộ, công thức, giả tạo, chống tất cả những lề luật, những truyền thống, gò bó, khuôn khổ (truyện "Myself Upon The Earth"), bơ vơ, đói khổ nhưng vẫn thiết tha với đời (truyện *The Daring Young Man on the Flying Trapeze*), vân vân.

*Sống chính là nhớ. "Sứ mạng của con người trên mặt đất này là nhớ" (Henry Miller). Phải hiểu nhớ trong nghĩa Andenken của Heidegger.*

Con người của Saroyan không phải chỉ có thể thôi. Ta hãy tìm thẳng vào tác phẩm của Saroyan và khi đọc, *nhớ sống*.

---

[1]D.T.Suzuki. *L'Essence du Bouddhisme*, tr. 104: Une montagne n'est pas une montagne et une rivière n'est pas une rivière; cependant une montagne est une montagne et une rivière est une rivière. La negation est une affirmation et l'affirmation est une negation. Ceci n'est pas simplement un jeu de mots. Si c'est ce que nous en comprenons, nous restons sur le plan de l'intellection et nous ne parvenons pas à sortir du cercle vicieux

[2]Henry Miller, "L'obscénité et la loi de réflexion", xem *Souvenir Souvenirs*, trang 237, NRF 1953.

[3]cf. D.T. Suzuki, "Painting, Swordsmanship, Tea ceremony", trong *Zen Buddhism*, edited by W. Barrett, Doubleday, New York, 1959, trang 194.

cf. Alain W. Watts, "Zen in the Arts" trong *The way of Zen*, New American, Library N.Y.1959, trang 194

[4]Daisetz T. Suzuki, *L'Essence du Bouddhisme*, trang 80 (Cercle de Livre Paris 1955).

[5]cf. Alain Bosquet, Whitman, trang 149 (NRF).

[6]cf. Alan W. Watts, *The Way of Zen*, trang 190: zen has no goal, it is a traveling without point, with nowhere to go. To travel is to be alive, but to get somewhere is to be dead for as our own proverb says: "to travel is better than arrive".

[7]Jean - Paul Sartre, *L'Existentialisme est un humanisme*, tr. 18 (Nagel, Paris, 1958).

[8]Jean - Paul Sartre, *L'Existentialisme est un humanisme*, tr. 18 (Nagel, Paris, 1958).

[9]Jean - Paul Sartre, *L'Existentialisme est un humanisme*, tr. 18 (Nagel, Paris, 1958).

[10]Alan W. Watts: *The way of Zen*, trang 177

[11]Saroyan: *And for the past six months I have been separated from my writing, and I have been nothing Or I have been walking about unalive, some indistinct shadow in a nightmare of the universe* ("My self upon the Earth").

[12]cf. Maurice Blancnot: "Un livre vivant" trong *Critique*, tome IV, No. 22, pp, 105 - 205, Mars, 1948).

[13]Saroyan: Babies are the only race of the earth, the race of man all the rest is pretense ("Seventy Thousand Assyrians").



[14] Restif de la Bretonne: "Il est peu de vos écrivains polis et de vos jolis versificateurs qui puissent vous apprendre ce que je vous apprendrai. Lisez -moi avec courage, malgré mes détails enfantins car ils sont nécessaires et vous verrez, après m'avoir lu, que vous saurez des choses don't vous ne doutez pas". (cf Maurice Blanchot: "Un livre vivant", trong Critique, tr. IV No 22).

[15] Saroyan: *I am not out win the Pulitzer Prize or the Nobel Prize or any other prize. I am not out here in the Far West, in San Francisco in a small room on Carl Street writing a letter to common people telling in simple language things they already know.*

[16] D. T. Suzuki: "The sense of Zen" trong *Zen Buddhism*, edited by William Barret, p. 15 (Doubleday, N-Y, 1956)

[17] Saroyan: Preface to the first edition of *The Daring Young Man on the Flying Trapeze*.

## Chương hai

### Ý thức giải phóng – Hình ảnh thanh niên thời đại trong tác phẩm của Henry Miller

*Chúng ta đã vượt qua giai đoạn thú vật, nhưng hiển nhiên chúng ta chưa là những con người thực sự.*

(Henry Miller, *Dimanche après la guerre*, tr. 33)

*Như vậy con người chính là siêu thể.*

(Heidegger, *Qu'appelle-t-on penser*, tr. 54)

#### 1.

Phạm Công Thiện vừa lưỡng lự, vừa ngượng ngùng đưa cho tôi tập "Hình ảnh thanh niên thời đại trong tác phẩm Henry Miller". Tôi đón nhận với một nụ cười. Ít hôm sau tôi mới đọc. Đọc rồi tôi có cảm giác đó là một di cảo. Tôi nóng lòng hỏi thăm về anh, và được tin anh vẫn bình thường, tôi mới tạm yên lòng.

Tôi có cảm giác đó là một di cảo, hơn thế, di cảo của một người "điên" vì mắc bệnh nan y của những tâm hồn lớn trong thời suy loạn. Thiện mắc bệnh của Miller, của con người muốn là "một con heo" để tự giải thoát, của con người ý thức sự đê tiện, nhớp nhúa của mình tự cắn để mà muốn dằm mình trong đó để công phá thế giới hiện tại, hầu đem lại một "cái gì khác hơn."

Cùng hội cùng thuyền với Miller, Thiện thấy sáng khoái vì gặp người đồng điệu. Thiện liêu lĩnh nói lên những sâu tư trong tâm khảm của mình như để trút vơi nó ra cho những kẻ đồng điệu khác, chưa hẳn là hiếm trong đám thanh niên trí thức ở thời đại này.

Tại sao Thiện nổi giận, muốn phá, muốn đốt hết cả? Chúng ta tự hỏi: những xây dựng tạo nên bằng khi gian manh của những kẻ thờ thần Mammon, bán luôn cả đến những sự linh thiêng nhất có đáng cho những ngọn lửa sinh, lửa diêm thành Sadome và Gomorrhe thăm viếng không?

Có kẻ bảo Thiện là bi quan, là thác loạn, là kẻ phá hoại. Tôi tưởng không phải, kẻ phá hoại thật có thể rung động trước cử chỉ trao nón dưới trời mưa phủ phàng của ông thầy khoán nợ? Kẻ phá hoại thật có thể có ý nghĩ muốn cải tổ cuộc sống bằng

"giao cảm", bằng tình ngây thơ của trẻ con như Chúa Ki Tô phán: "Nếu các người không trở nên trẻ con, các người không thể vào được Thiên đàng."

Có lần gần đây, Thiên bảo tôi: "Tôi chưa tự tử, vì tôi còn đang đi tìm, tôi tự tử là tôi đã lựa chọn một thái độ rồi". Câu ấy còn văng vẳng bên tai tôi. Hôm nay tôi bỗng chợt nhớ lại câu trong Phúc âm: "Hãy tìm thì sẽ thấy, hãy gọi thì sẽ mở cho..."

Và tôi lấy câu đó để chúc cho Thiên cùng cho những thanh niên như Thiên đang lang thang, lạc lõng trên phố nhân buổi xuân về...

HOÀNG MINH TUYNH  
(Tạp chí Mai, số 37-38, xuân 1962)

\*

Tôi và ông Hoàng Minh Tuynh khác nhau như Thiên đàng và Địa ngục. Ông Hoàng Minh Tuynh không có gì khả dĩ là tương hợp với tôi cả. Nhưng một điều lạ là nếu tôi không gặp ông Hoàng Minh Tuynh thì có lẽ tôi không bao giờ viết quyển này. Hình như có những người sinh ra trên đời để làm đất cho cỏ mọc lên.

## 2.

Mở cửa bước ra ngoài đường phố. Mở mắt nhìn thiên hạ. Nhìn kỹ nét mặt từng người. Tôi khổ. Anh khổ. Nó khổ. Chúng ta khổ. Chúng bây khổ. Chúng nó khổ. Bao nhiêu đêm trằn trọc; tôi thao thức không ngủ được. Tôi rùng mình: mặt trăng thờ ơ lạnh lẽo như thế kia. Tôi khổ lắm, tôi muốn hét to lên; tim tôi thoi thóp. Đầu tôi bưng lửa. Tôi quay cuồng. Tôi đi quờ quạng chung quanh gian phòng nhỏ bé. Tôi nhìn mặt tôi ở kính: tôi trợn mắt, tôi chóng mặt. Tôi tắt đèn, vội lên giường nằm, rồi thở hổn hển, nhìn chòng

*Tôi không ngờ lúc hai mươi tuổi tôi phải khổ đau dữ dội như vậy. Hiện tại, tôi khổ vì người khác hơn là khổ vì tôi. Hồi trước tôi khổ vì nghĩ quá nhiều về mình. Bây giờ có lẽ tôi ít nghĩ về mình. Càng lớn lên tôi càng nổi loạn, càng yêu đời, càng thừa sức để cười mọi sự. Tất cả hạnh phúc đã nằm sẵn trong tôi, ý thức của tôi chỉ cần xé dịch một tí thì mọi sự xấu xa liền trở thành tốt đẹp.*

chọc vào đêm tối. Tôi nằm lẩn qua lẩn lại: tôi lấy hai tay đập mạnh vào gối, vào nệm; hai dòng nước từ đâu lăn dài trên má; thế rồi bỗng nhiên tôi cảm thấy đầu óc nặng trĩu vơi đi phần nào; thế rồi bao nhiêu kỉ niệm xa xưa từ đâu bay về thấp thoáng ở đầu gương: những hình ảnh của tôi ngày xưa, những nét mặt khác nhau lần lượt hiện ra, những nét mặt ngây thơ non dại, rồi những nét mặt lặng buồn, rồi những nét mặt sầu héo; tất cả đều là những nét mặt của tôi ngày xưa, những nét mặt ấy bỗng nhiên bước lui dần vào bóng tối, trở nên xa xôi quá đến nỗi tôi cảm thấy dường như đó là những nét mặt của những kẻ khác, những kẻ xa lạ mà tôi không còn quen biết nữa; giữa bao nhiêu kỷ niệm hình ảnh chập chùng ấy, một nhạc điệu buồn thuở nhỏ tôi thường hát bỗng vi vu hiện về trong tâm tưởng: rồi một góc phố vàng nắng lung linh hiện lại chập chờn: tim tôi đau nhói lên nhẹ nhàng và nước làm ướt cả mặt; trong một thoáng giây, cả một bi kịch bi thương của nỗi đời bỗng hiện ra, tôi thấy thương tôi, thương những kẻ khác, thương tất cả những người trên thế gian này. Cả một bài thơ buồn của dĩ vãng sống lại trước mắt tôi: ngày xưa... còn



bé... cha mẹ thường đánh chửi nhau. Tuổi trẻ hồn nhiên bỡ ngỡ:

*Bây giờ cha mẹ tôi không còn đánh chửi nhau nữa, hai người rất nhường nhịn thương yêu nhau. Nhưng tại sao trẻ thế? Phải chi hai người thương yêu nhau lúc tôi còn bé nhỏ thơ dại thì cuộc đời tôi bây giờ chắc hẳn đã thay đổi khác hẳn hoàn toàn, nghĩa là hạnh phúc hơn, lạc quan hơn, ngây thơ hơn...*

Thiên đàng thiếu tình thương... Tôi sống như xa lạ trong gia đình, không ai thèm để ý đến, tôi trốn đi tắm sông, tôi trốn học, tôi chạy theo những đứa trẻ rong chơi ở đầu đường xó chợ...

*Đọc lại đoạn này, tôi thấy thương yêu tôi quá... Cả cuộc đời tôi chỉ là "rong chơi ở đầu đường xó chợ..."*

Lớn lên đi vào cuộc đời với đôi mắt thơ ngây... Rồi sống già nua - Mỹ tho, Sài gòn, Nha trang, Đà lạt... Đôi mắt bơ phờ lạc lõng giữa gió đời; tôi không còn là tôi nữa, mà là một kẻ khác: khô khan, già nua, chín chắn và mỗi chiều, thường bước đi lê thê giữa những đường phố âm u, đi mà không biết đi đâu, để cho sương mù lên mờ cả mắt, rồi bước lạnh lùng về phòng trọ, mở sách ra đọc và đọc cả giờ đồng hồ chỉ có một dòng chữ mà không hiểu gì cả, ngồi dậy tắt đèn rồi nằm ngủ để mộng mị đè trĩu nặng trên quả tim bệnh hoạn...

*Càng lớn tuổi tôi càng thấy mình trẻ lại, càng lúc càng trẻ lại. Tôi đi ngược trật tự thông thường: khi người ta trẻ thì tôi già, khi người ta già thì tôi trẻ.*

Sáng thức dậy, đầu óc mệt mỏi, vội vàng thẩn thờ liếc xem đồng hồ, hấp tấp chạy thay quần áo để đến trường, bước vào lớp lạnh lùng như bước vào căn nhà hoang trống, đảo mắt nhìn học trò như liếc nhìn những bức tượng, nhìn để mà nhìn rồi cầm phấn, giảng bài như máy tự động không ý thức, không hăng nồng; đôi khi nhìn mây trắng nắng vàng ngoài khung cửa kính để mà ý thức bước đi khốc liệt của thời gian, giờ phút trôi đi, ngày đi, tháng đi và tôi vẫn đứng đây, đứng thẩn thờ không hiểu mình đang làm gì, không hiểu mình sống làm gì, mình sẽ đi đâu...

Tôi đứng đây? Không, tôi không còn là tôi nữa, chỉ còn một cái xác không hồn đứng đây.

Mỗi ngày tôi phải chống lại một xác chết, một con ma, một thứ bệnh ung thư đang xâm chiếm tâm trí tôi và hủy hoại tôi còn khốc liệt hơn bất cứ một cơn bệnh nào khác.

*Yet every day of my life I was fighting a corpse, a ghost, a cancer that had taken possession of my mind and that ravaged me more than any bodily affection possible could.* (Henry Miller, *a Devil in Paradise*, tr. 94-95)

Biết mình đang ở đâu, từ đâu đến, rồi đi về đâu, tôi ca ngợi những kẻ như thế (*J'admiraits chez les autres cet air de savoir ou l'on est, d'ou l'on vient ou l'on va*) (Milosz).

*Những bài thơ của O. V. de Lubicz Milosz đã ảnh hưởng nhiều đến tôi trong tuổi hai mươi. Tâm trạng tôi dạo ấy giống như câu của Milosz: "Những người chết, những người chết thực ra ít chết hơn tôi".*

Biết bao nhiêu lần tôi đi lang thang, không biết đi đâu và về đâu; tôi đi thơ thẩn

trong rừng trong bụi. Hai tay ôm đầu, tôi bắt đầu cười nức nở, tôi cười tôi, rồi cười kẻ khác, rồi cười định mạng, rồi cười những làn sóng man rợ lẫn tẩn; bởi đầu óc tôi tràn đầy những làn sóng man rợ lẫn tẩn lên xuống...

*I took myself to the forest, alone, and when I had come to the usual halting place beside the pool, I sat down on a log, put my head in my hands and began to laugh. I laughed at myself, then at him, then at fate, then at the wild waves going up and down because my head was full of nothing but wild waves going up and down. (A Devil in Paradise, tr. 93)*

Bỗng nhiên tôi kinh ngạc nghe thấy mình cười và khóc, đầu cổ lắc lư, tay chân múa máy, miệng nói thì thào, bước đi nghiêng ngửa như người say rượu.

*To my astonishment I caught myself laughing and weeping, shaking my head from side to side, gesticulating, mumbling, lurching like a drunkard. (The Intimate Henry Miller, tr. 177)*

Tôi bước lê thê nghiêng ngửa. Tôi không biết bước đi về đâu; tôi bước bỡ ngỡ giữa đường phố Đà Lạt; gió lạnh lùng, sương chập chùng. Tôi phải tìm một bến để ghé vào...

*A place to go to, that's the point. (The Intimate Henry Miller, tr. 106)*

Trong túi còn vài chục đồng, tôi men vào một phòng trà; ở đây rất im lặng, ít người lui tới, chỉ có một người bồi hiên lành đứng trông coi. Bên tách cà phê, tôi ngồi mơ màng nghe nhạc du dương. Mình sung sướng mà mình không biết, tôi tự nhủ thế.

*You poor bugger. You're happy, only you don't know it. (The Intimate Henry Miller, tr. 15)*

Sung sướng? Ừ sung sướng lắm. *I love Paris. Histoire d'un Amour. Jamaica Farewell. Paris Revisited. Bambino. Tristesse de Chopin...* Ngồi uống rồi nghe nhạc. Ở Đà Lạt chỉ có một quán này là mang không khí Paris; giờ phút này, tất cả đều vắng lặng, chỉ uống và nghe nhạc.

Ngồi một mình một bóng, cuối nhà hàng vắng lặng và tự mình nói chuyện lê thê với mình...

*Un personnage abandonné, au bout du bar, se fait de longs discours. (Henry Miller, Souvenir Souvenirs, tr. 14)*

Cơ hồ như mục đích chính của đời là lãng quên... Tôi tự nhủ: "Đây là một nơi xinh xắn đầy một góc khổ ải. Mình sắp quên rằng mình là kẻ hoàn toàn cô độc và đau khổ" (*Souvenir Souvenirs, tr. 14*).

Trở về phòng trọ, bước lên giường và cố gắng đọc sách. Tôi tự bản vào đầu... Tôi muốn nói tôi tắt đèn... Và nằm duỗi ra suốt đêm không ngủ...

*... Et restez étendu toute la nuit, sans dormir. (Henry Miller, Souvenir Souvenirs, tr. 14)*

Miller thân mến... tôi chỉ muốn nói chuyện với anh, tôi cần sự giúp đỡ tinh thần. Tôi sợ gian phòng ngủ của tôi, tôi sợ ngủ một mình. Tôi sợ cô độc... Tôi nhìn ra cửa sổ,

mưa bụi đang nói chuyện với tôi mà buổi sáng không đến, dường như đêm không bao giờ dứt...

*Dear Miller ... I want to talk to you...only moral help I need. I am afraid of my room I am afraid to sleep alone... It is just raining outside and I'm looking out of the window... the rain is talking to me but morning won't come – it seems to me that night will never end. (The Intimate Henry Miller, tr. 119)*

Dường như đêm không bao giờ dứt. Hình ảnh xưa về trong khói cao. Nhớ nhưng ướt đầy chăn gối. Nhớ lại "con đường của những ưu tư thuở ban đầu". "La rue des premiers chagrins" (*Souvenir Souvenirs*, tr. 268).

Nhớ lại tuổi mười sáu đau khổ bẽ bàng tê tái; trốn vào lòng với tiếng nghẹn bi thương:

*A seize ans, j'étais lamentablement morbide: je me repliais sur moi – même... (Souvenir Souvenirs, tr. 267)*

Nhớ lại buổi trùng phùng ở quê hương. Trên nẻo đường đời xơ xác, một hôm, tôi bồi hồi trở về quê hương... Về đó, khi tới đường phố, nhìn mấy căn nhà lâu sùng sững, tôi lạnh cả người; đó là hình ảnh bi đát của Phân Tán, từ lâu tôi đã sợ bước lại trong mấy căn nhà ấy.

*For years I had dreaded the very thought of walking into that house. (The Intimate Henry Miller, tr. 180)*

Đường phố ấy nắng vàng hiu hắt, trông buồn lạ lùng; những người ở hai bên dãy phố đều có vẻ hốc hác; họ chỉ biết đuối theo tiền... Đối với tôi, dường như họ đang hấp hối vì thiếu sự nuôi dưỡng đầy đủ cho tâm hồn.

Bước vào nhà, tôi bàng hoàng gặp lại cha mẹ. Tôi giựt mình: hai hình ảnh tiêu tụy của đau khổ, hai biểu tượng bi đát của nỗi đời; chỉ mấy năm trời xa vắng, tôi đã thấy nhiều đổi thay chua xót trên hai gương mặt xanh xao; cha mẹ già đi rất nhiều... Và trong thoáng giây tê tái, tôi vội ôm ghì lấy bi kịch hãi hùng của đời sống, hai người, của đời sống tôi và của mọi con người trên trần gian này.

*They had aged terribly. For the space of a moment I had the uncomfortable sensation of gazing at two mummies who had been removed from the vault and galvanized into a semblance of life. We embraced one another fleeting moment during which I comprehended in a flash the appalling tragedy of their life and of my own life and of every animate creatures on earth. (The Intimate Henry Miller, tr. 185)*

Câu hỏi đầu tiên trên đôi môi xanh tím của mẹ tôi là: "Con có tiền không con?" Tôi đau khổ nín lặng... Bởi suốt đời, tôi chỉ là một thằng nghèo và không có đồng xu dính túi.

*I arrived... in practically the same condition in which I had left, that is, penniless. (The Intimate Henry Miller, tr. 155)*

Không có tiền, thế là hết. Mẹ tôi nhăn mặt và không buồn hỏi rằng con mình đi xa về thế nào, sức khoẻ thế nào, mặt sao xanh thối, người sao ốm thế, bệnh có bớt chưa... Không có tiền, thế là hết. Tôi nghệt thở và nằm úp mặt xuống giường để rồi nghe mẹ

than thở nức nở rằng mấy nhà lầu sấp bị đem bán đấu giá, mấy xe Huê kỳ sấp bị phát mãi, rằng hết tiền mua gạo, rằng ông ngoại hấp hối không có tiền mua thuốc, rằng chủ nợ đòi kiện thưa, rằng mấy em nhỏ đã thôi học vì không có tiền để đóng tiền trường, rằng cậu năm dì bảy bị tù oan úc, rằng rằng... Tôi vội chạy lên lầu thăm ông ngoại; ông cháu ôm nhau, ông chỉ còn là một bộ xương với da và năm thở thoi thóp... Tôi muốn hét to lên... Tối đêm đó, tôi lại bơ phờ chứng kiến thêm cảnh gây cãi chửi nhau giữa mẹ và dì tư. Tôi rụng rời tê tái: từ nhỏ đến lớn, biết bao nhiêu lần tôi khóc vì hình ảnh phũ phàng chua xót như vậy: cha mẹ tôi đánh chửi nhau, mẹ tôi, các dì tôi...

Sáng hôm sau, tôi liền lên đường, trốn khỏi nhà, trốn khỏi hoả ngục tuổi thơ... Và trên đường đi, tôi để hai dòng lệ tuôn chảy thoải mái, tôi khóc nức nở lúc lên đường...

*I embraced them in turn rapidly and fled out of the house. In the street I allowed the tear to flow freely I sobbed and wept unrestrainedly all the way to the elevated station. (The Intimate Henry Miller, tr. 174)*

Cả sự nghiệp tiêu tan đi, tôi không bao giờ buồn một chút. Nhưng đừng bao giờ để tình yêu tàn tạ trên cõi đời này. Tại sao lại là tiền? Tiền. Tiền. Tiền. Tôi đau buồn và phần nộ vô cùng. *I felt wretched and exasperated. (The Intimate Henry Miller, tr. 173)*

Tôi thấy thương hại loài người, thương hại thế giới hấp hối này. Tôi điên, anh điên, chị điên, cả nhân loại đều điên. Đây là một thế giới điên. *It is a mad world. (Henry Miller, The Colossus of Maroussi, tr. 130)*

Tôi thối nát. Gia đình thối nát. Xã hội thối nát. Từ đỉnh tới đáy, tất cả mọi người đều lo âu, bất mãn, đố kỵ và đau bệnh trong lòng. Tất cả đều bị bệnh ung thư và bệnh hủi trong tâm hồn. Kẻ ngu si nhất và đối bại nhất cũng sẽ bị đòi mang súng và tranh đấu cho một nền văn minh mà chỉ đem đến cho họ toàn khổ sở và suy đồi.

*But all of them, from the top to the bottom, are restless, dissatisfied envious and sick at heart. All of them suffer from cancer and leprosy in their souls. The most ignorant and degenerate of them will be asked to shoulder a gun and fight for a civilization which has brought them nothing but misery and degradation. (The Colossus of Maroussi, tr. 130)*

Văn minh. Tiền. Tiền. Tiền. Tiến bộ, Tiến bộ để đưa con người đến bàn mổ, đến nhà tế bần, đến nhà thương điên, đến chiến hào.

*We are making constant progress, but it is a progress which leads to the operating table, to the poorhouse, to the insane asylum, to the trencher. (The Colossus of Maroussi, tr. 81)*

Máy bay gieo sự chết, máy phát thanh gieo sự chết, súng máy gieo sự chết, đồ hộp gieo sự chết, trường học gieo sự chết, những luật pháp gieo sự chết, bộ ống thông hơi gieo sự chết, hình ảnh gieo sự chết, dao nĩa gieo sự chết, chính hơi thở của ta gieo sự chết, chính ngôn ngữ của ta, chính tư tưởng của ta, tiền của ta, tình yêu ta, lòng bác ái của ta, sự vệ sinh của ta, niềm vui của ta. Có hề gì đâu nếu ta là bạn hay là thù, có hề gì đâu nếu gọi ta là Nhật, Thổ, Nga, Pháp, Anh, Đức hay Mỹ, mỗi khi ta đi đâu, nơi nào mà in bóng, nơi nào ta thở thì ta đem đến thuốc độc và sự huỷ hoại... Hoan hô văn minh; hoan hô! Chúng tôi sẽ giết chết tất cả các anh, tất cả mọi người, ở khắp mọi nơi, ở khắp hoàn cầu. Hoan hô thần Chết! Hoan hô!

*The aeroplane brings death, the radio brings death, the machine-gun brings death, the tinned goods brings death, the tractor brings death, the priest brings death, the schools brings death, the law brings death, the electricity brings death, the phonograph brings death, the knives and forks brings death, the books brings death, our very breath brings death, our very language, our very thought, our money, our love, our charity, our sanitation, our joy. No matter whether we are friends or enemies, no matter whether we call ourselves Jap , Turk, Russian, French, English, German, or American, wherever we go, wherever we cast our shadow, wherever we breathe, wherever we poison and destroy. Hooray for civilization! Hooray! We will kill you all, everybody. Hooray for Death! Hooray! Hurray! (The Colossus of Maroussi, tr. 130 - 131)*

Hằng ngày vào lớp dạy học sinh, tôi tự hào rằng tôi khôn, tôi giỏi, tôi giàu kinh nghiệm, tôi bắt buộc các em nhỏ phải làm thế này, thế kia...thật sự tôi quá hư hỏng, tất cả mọi người quá hư hỏng, trường học hư hỏng, giáo dục hư hỏng bởi vì chính quả tim của cuộc đời bị nhiễm độc

*Because the very core of life is contaminated. (The Intimate H. Miller, tr. 71)*

Vừa mở mắt chào đời, chiến tranh bùng nổ tứ phía, lớn lên chơi vơi giữa ngã tư cuộc đời, nhìn lại đằng sau là một đống gạch vụn, nhìn đằng trước là âm u đe dọa, nhìn dưới chân là tro tàn, là điều đứng, tan tóc, phân tán, đổ vỡ; đi vào cuộc đời với con tim bệnh hoạn và bộ thần kinh hư hỏng, bao nhiêu bất công cuồng loạn hiện ra trước đôi mắt mệt mỏi, bao nhiêu giá trị rách nát từng mảnh, đầu óc tôi rỗng tuếch và đề tiện không chứa một tư tưởng cao siêu trong đầu; tính từ "cao siêu" biến thành vô nghĩa, tôi sống dật dờ như một bóng ma; sáng chiều lê bước đến trường dạy học rồi bơ phờ thất thểu lê la trên đường phố u buồn, con tim đã trở thành lạnh như đá, tôi ngơ ngác không hiểu gì cả, nhiều khi tôi muốn tự tử một cách bình tĩnh không bùng bột, tự tử trong khi rất sáng suốt, bởi vì *tôi muốn tìm lại* tôi giữa sự vắng mặt bi đát này.

*Đánh mất tôi đi thì mọi sự sẽ trở lại giữa sự có mặt thơ mộng của ngày tháng...*

Tất cả đều rỗng tuếch và vô vị. Ngõ cụt. Khoảng trống không. Hư vô vĩ đại. *C'est une impasse, le vide, un parfait néant. (Souvenir Souvenirs, tr. 89)*

Không có cuộc đời trên đường phố, không có cuộc đời trong gia đình, không có cuộc đời gì cả. Làm việc xong rồi ta trở về nhà, ăn cháo nháo, vừa đọc báo vừa nghe radio vừa ngủ, để rồi sáng mai, vội vã đi làm việc, mai một chôn mình trong xưởng, trong sở, trong hiệu buôn. Ta không bao giờ tìm được ta. Luôn luôn vắng mặt, LUÔN LUÔN VẮNG MẶT. *Il n'y a pas de vie la rue, pas de vie au foyer, pas de vie d' aucune sorte. Les hommes se précipitent à la maison au retour du travail, avaient goulument leur nourriture, s' en dorment sur le journal ou en écoutant la radio, et puis c' est le matin, le départ à la hâte pour le travail, enterrés perdus dans une usine, une fabrique, une boutique. Il ne sont jamais là ou vous les les cherchez. Toujours absent. (Souvenir Souvenirs, tr. 89)*

Cuộc đời chỉ vây phủ đầy sự trống không.

*Rien que le vide partout... (Souvenir Souvenirs, tr. 95)*

Sống như vậy, Nietzsche phải điên. Gérard de Nerval phải điên. Strindberg phải điên.

Ezra Pound phải điên. Van Gogh phải điên. Antonin Artaud phải điên. Hoelderlin phải điên, anh phải điên, tất cả chúng ta đều phải điên mất. Tôi như đứa trẻ trần truồng bị bỏ rơi trong sa mạc. Sau cùng tôi phải điên hoặc là tôi làm hoà với đời.

*One becomes like a naked infant abandoned in the wilderness. Finally one runs amok or one conforms. (The Intimate Henry Miller, tr. 129)*

Phải chọn, chỉ có hai đường, chỉ có hai lối, chỉ có hai bến sông.

Tôi u mê, ngu si, yếu đuối, không tư tưởng, không quá khứ, không tương lai. Ngay đến hiện tại cũng không có, tất cả đều vĩnh viễn và nặng nề. Nặng trĩu. Mặt trời. Mặt trăng. Sự cô độc của tôi. Đêm. Khoảng vàng. Sương mù. Rừng. Nước... và không gì cả.

*J' étais abruti, idiot, sans pensée veule. Sans pensée, sans futur, Même le présent n'existait pas... Tout était éternel et présent. Lourd. Le soleil. La lune. Ma solitude. La nuit. L' étendue jaune. Les brouillards. Le forêt. L' eau... Et rien. Merde! (Blaise Cendrars, Moravagine, tr. 173)*

Tất cả chúng ta đều bị đóng đinh vào thập tự giá.

*Nous sommes tous crucifiés, que nous le sachions ou non. (Souvenir Souvenirs, tr. 164)*

Vừa mới bỡ ngỡ ngược mắt nhìn trời ta đã bị đâm bởi ngàn lưỡi kiếm.

*A peine avons- nous le temps d' ouvrir et de lever les yeux vers le ciel que nous sommes poignardés de mille épées. (Op. cit. tr. 151)*

Tôi chấp tay quỳ lạy trời, lạy quỉ, lạy người để xin ăn mày một chút thanh bình trong lòng; chỉ có thể thôi mà suốt đời cho đến lúc mắt đã mờ, cho đến hơi thở đã tàn, thế mà tôi cũng không được một chút thanh bình ấy. Tôi xin van lạy để tôi yên một chút. Để tôi yên một chút. **ĐỂ TÔI YÊN MỘT CHÚT, CHO TÔI MỘT CHÚT THANH BÌNH, CHO TÔI MỘT CHÚT THANH BÌNH!**

*Không thể bao giờ có được Thanh Bình. Càng sống càng mất thanh bình. Thanh Bình chỉ có trong sự chết. Tôi không còn ăn mày thanh bình nữa. Cuộc đời là một sự náo động liên tục, ồn ào liên tục. Tôi phải động đậy, bất an, ồn ào. Tôi phải gây hấn với cuộc đời, không thể thì tôi sẽ bị chìm mất trong cơn thịnh nộ của âm thanh. Kinh Hoa Nghiêm dạy tôi phải chấp nhận âm thanh, kiên nhẫn chấp nhận âm thanh (âm thanh nhẫn). Kinh Lăng Già nói đến "âm hưởng nhẫn" (Ghoshànugakshánti)!*

Không ai nghe tôi cả. Chúa không nghe. Mahomet không nghe. Phật không nghe. Không ai cả. *Vox clamantis...*

*Phải sống ngay với tinh thần "vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả" của kinh Kim Cang.*

Trong nét mặt của từng người chúng ta đều trông giống như một quyển Thánh kinh sống mà từng trang giấy in lên sự đau khổ, sự khốn cùng, sự bi thống, sự dày vò, sự hấp hối, sự tuyệt vọng, sự chiến bại của nòi giống con người...

*Like a human Bible on every page of which is stamped the suffering, the misery, the*

*woe, the torture, the anguish, the despair, the defeat of the human race. (The Intimate Henry Miller, tr. 101)*

Đó là sự khởi đầu của chu kì đen. Màu sắc xám xịt.

*C' est le commencement du cycle noir. La couleur est grise... (Souvenir Souvenirs, tr. 92)*

Cả thế giới văn minh đều thối tha và sắp tan rã.

*Tout le monde civilisé d' un bout du globe à l' autre, est pourri et doit se désagréger un jour ou l'autre. (Souvenir Souvenirs, tr. 129)*

Tôi di động trong thời gian giữa những mảnh vụn của thế giới lịm chết, tạo ra những dụng cụ để tự tiêu diệt, hững hờ với vận mạng hay định mạng, không hề được một giây phút an bình trong tâm hồn, không hề được một chút đức tin giữa cuộc đời điều đúng...

*We move in clock time amidst the debris of vanished worlds inventing the instruments of our own destruction, oblivious of fate or destiny, knowing never a moment of peace, possessing not an ounce of faith... (The Colossus of Maroussi, tr. 199)*

Cả thế giới đang lịm chết. Những quyển sách của tôi sẽ không thể nào viết với giọng điệu như thế nếu tôi không hoàn toàn tin rằng mặt kỳ của thế giới đã gần sát bên.

*Je n'aurais jamais pu écrire le genre de livres que j'écrivais si je n'avais pas pleinement convaincu de la proximité de la fin. (Souvenir Souvenirs, tr. 127)*

Tôi bắt đầu văn nghiệp với ý định kể lại sự thực về tôi.

*I began my writing career with the intention of telling the truth about myself. (The Intimate H. Miller, tr. 136)*

"Và đây hỏi các người, đây là sự thực huyền diệu thứ nhất, đây là đệ nhất thánh đế; thánh đế về sự đau khổ". (Kinh Mahāvagga)

"Làm sao mà ta có thể vui được, làm sao mà ta có thể đắm chìm trong lạc thú được? Những ngọn lửa đốt cháy thiên thu. Bóng tối vây phủ, ta không muốn tìm ánh sáng sao?" (Kinh Dhammapada, tr. 146)

"Toàn thế giới bốc lửa ngùn ngụt, toàn thế giới vây phủ màn khói, toàn thế giới bị ngọn lửa thiêu đốt, toàn thế giới rung chuyển..." (Kinh Samyutta Nikāya I, tr. 133)

Chìm tận đáy tuyệt vọng, đi sâu vào hố thẳm âm u, rồi một thoáng giây giao tình nào đó, một ngọn lửa để sẽ phụt cháy nơi cõi lòng ta, rồi từ đó mà ánh sáng chiếu rọi lên, chiếu sáng cả vũ trụ...

Câu này đã soi rọi đường tôi đi trong mười năm nay. Trong đời sống ồn ào này, thường thường đều có một câu kín đáo nằm trong sự im lặng nào đó, trong xó xỉnh nào đó, thế mà chính nó tác động như cơn lốc thổi lừa đời mình đi về một phương hướng nhất định...



Một đêm tôi tuyệt vọng đến cùng cực, ý nghĩ tự tử vi vu trong đầu óc tôi... Tôi ôm đầu không hiểu gì cả. Trời mưa lênh láng, tôi bước đi khơi khơi như điên dại; thành phố Đà Lạt lúc bấy giờ tối đen như ma quái, tôi đi mênh mang, mưa rơi ướt hết cả đầu tóc rồi mà tôi cũng không hề biết, không hiểu sao lúc bấy giờ tôi lại có mặc áo mưa; còn đầu thì để trần; tôi đi hăng giờ lao đảo ngoài mưa gió; đầu óc tôi bùng lửa; tôi không hiểu gì cả ý nghĩ tự tử thánh thót vi vu theo tiếng mưa rơi trên vệ đường... Khi bơ phờ xuống lưng chừng đồi, tôi hoảng hốt đứng lại... Từ trong đêm tối, bỗng vọng ra một tiếng nói dịu dàng: "Ông hãy lấy nón của tôi ra mà đội". Tôi ngạc nhiên trừng mắt ra nhìn. Ông cụ thầu khoán ở chung nhà trọ; hồi mới dọn lại phòng ở phòng trọ đến nay chỉ mới được vài tháng, tôi chỉ gặp cụ đôi lần trong nhà và cũng chẳng bao giờ để ý đến cụ. Cụ có chết đi, tôi cũng không hề biết và cũng không hề để ý.

Thế mà hôm nay, giữa đêm mưa gió phũ phàng của lòng tôi, giọng nói cụ bỗng gây bàng hoàng kinh ngạc... Bao nhiêu nỗi khắc khoải xao xuyên biến đầu mất, nỗi tuyệt vọng khôn cùng cũng tan mất theo, một ngọn lửa nồng nàn phụt cháy trong lòng tôi... Hốt nhiên, tôi tìm lại con người tôi, hốt nhiên, đôi mắt tôi ngời sáng lên; bỗng nhiên, tôi cảm thấy sung sướng hạnh phúc; tôi thấy vũ trụ loài người không còn chống lại tôi nữa, rằng nhân loại vẫn tốt, rằng đời chưa hẳn tuyệt vọng, rằng tôi đang ở giữa loài người, loài người thực sự, con người nói chung ngôn ngữ với tôi.

*I knew I was once again with human beings who spoke my language. (The Intimate H. Miller, tr. 93)*

Tôi từ chối nhưng cụ vẫn không chịu, cụ cứ nài nỉ tôi phải lấy nón của cụ mà đội, kéo mưa ướt đầu... Cụ dỡ nón ra, đưa tôi và tôi run run cầm lấy mà đội đầu... Cụ cười và bước đi. Tôi cười và bước đi. Tôi có cảm tưởng vừa mới được đội mũ triều thiên... bước chân thoăn thoắt xuống đồi, tôi ca hát véo von như chim non buổi sáng... Tuyệt vọng? Không, không, không có gì tuyệt vọng cả, con người còn có thể ngược nhìn ánh sáng... nếu một chút giao cảm (và tình người) còn sót lại trên trần gian này.

*But hopeless – that I can't swallow. No, nobody is hopeless, not so long as there is a little sympathy and friendship left in the world. (The Intimate H. Miller, tr. 130)*

Nón cối rộng, phủ xuống gần mắt tôi. Lần đầu tiên, tôi đội nón và hãnh diện vì đội nón. Cả đời tôi chỉ đội một lần như thế. Việc ấy tự nhiên đến nỗi làm mắt tôi rưng rưng... Hai giọt nước trên má.

Tôi cảm thấy bình an trong thế giới loài người.

*In fact it sounded so good and natural that it brought tears to my eyes... I distinctly remember two big tears rolling down my cheeks and falling on to my hands. I felt safe again among human beings. (Henry Miller, Nights of Love and laughter, tr. 73)*

Trời tạnh mưa. Đà Lạt ngân lên những âm thanh du dương bất diệt. Nhạc của thông. Nhạc của cỏ. Nhạc của hoa, của lá, của chim, của gió, của sa mù huyền diệu...

Bước chân tôi chày lênh láng trên cỏ non, tôi bay lênh đênh theo gió... Tôi đến gõ cửa nhà thằng bạn, hẳn mở tung cửa ra như đoá hoa bùng nở. Chúng tôi kéo nhau vào nhà, đóng cửa lại và ngồi nói chuyện. Chúng tôi nói đến Paris, nói đến Thonon-les-Bains, đến những bistro ở Montmartre, đến cuộc đời, đến lãng tử, đến con người, sex, Pamplona, whore, hobo...masturbation, limbo. Đà Lạt, Thiên đàng, caca pipi, nghệ thuật, tự điển Webster, vân vân... Chúng tôi bàn đến nhan đề của những quyển



tiểu thuyết chúng tôi sẽ viết sau này, nào *Hobo's life* hoặc *Broken Home*... Nhưng tựu trung tất cả câu chuyện của chúng tôi đều trở về Henry Miller, nhưng hẳn là người đã hiểu Henry Miller nhiều nhất. Suốt ngày gặp nhau là chúng tôi nhắc đến Henry Miller như nhắc tên một người bạn gần gũi nhất... Nói chuyện đã rồi, chúng tôi ca hát như hai thằng điên, rồi ôm nhau cười sặc sụa.

*We laughed every day and we laughed long and hard. (The Intimate H. Miller, tr. 16)*

Cười vang cả nhà, rồi chúng tôi dẫn nhau ra đi lang thang các đường phố ở Đà Lạt. Khuya. Gió lạnh. Hẳn nhớ Paris. Đường phố Đà Lạt lúc bấy giờ vắng lặng ít thấy bóng người. Hẳn nhắc lại những năm trời chết đói ở Bordeaux. Chúng tôi cười vang lên, cả phố Đà Lạt im lặng, một thứ im lặng mênh mang của Thiên đàng, của Mộng, của Thơ. Bóng dáng khèn vênh của hai đứa tôi in dài xuống vệ đường rồi lan rộng ra khắp trái đất. Chúng tôi cười. Chúng tôi không hề để ý đến vận mạng của thế giới, bởi vì cả hai đều quả quyết thế giới sắp gần đến hơi thở cuối cùng, chúng tôi không hề đọc báo, mấy danh từ chính trị đối với chúng tôi như rơm, như pipi caca. Chúng tôi ghét chính trị như ghét chó ghẻ. Nhân loại cứ giết nhau đi, khói lửa cứ tươi bời đi, chúng tôi vẫn tươi cười sung sướng, vẫn luôn luôn sống ngoài vòng...

*Continuellement en marge. (Souvenir Souvenirs, tr. 290)*

Dẫn nhau đi lang thang cho mãi đến khuya, chúng tôi mới chia tay nhau. Mỗi người trở về phòng trọ riêng để hưởng nốt niềm cô tịch vô biên của vũ trụ nông nàn... Trên đường về, từng bước chân tôi vang lên sỏi đá và gợi lại từng khoảng đời tôi, từ thơ ngây bé nhỏ đến ngày nay, những ngày quá khứ đều đen tối thê thảm, thê mà bao nhiêu biến cố ấy, những biến cố hun đúc cuộc đời tôi bỗng nhiên trở thành quyền rũ đặc biệt, bỗng nhiên tôi cảm thấy say nồng hăng hái lên, rồi cười, nói, khóc, nghiêng ngả như say rượu. Tôi cảm thấy như sống lại... chỉ được sống thôi đã là tuyệt diệu rồi - chỉ có thể và không gì hơn nữa. Tuyệt diệu được sống, được nhớ lại bao nhiêu chuyện xa xưa...

*I was alive again, that's what it was... It was marvellous to be alive – just that and nothing more marvellous to have lived to remember so much. (The Intimate H. Miller, tr. 177)*

Bao nhiêu lần tôi sắp tự tử. Bây giờ tôi mới thấy tôi dại. Trời là. Thế giới là. Con người là. Chúng tôi là. Tôi là.

*God is. The world is. Man is. We are. (Henry Miller, A Devil in Paradise, tr. 55)*

Tôi nghĩ thế nào thì tôi thế ấy. Nếu có gì không thuận gió trong lòng anh đó là tại anh nghĩ không thuận gió.

*What one thinks, one is, if there's something wrong with you it's because your thinking is wrong. (A Devil in Paradise, tr. 92)*

*Thế giới không có gì sai nhíp. (A Devil in Paradise, tr. 90)*

Tôi phải tự than trách mình chứ đừng than trách ai cả.

Từ đây tôi có bệnh loạn thần kinh, tôi có khắc khoải, có xao xuyến trước cuộc đời; đó là tại tôi, tại tôi không mở mắt ra mà nhìn vào lòng mình. Chính mình tự tạo ra bóng ma hãi hùng: chính tôi đã giết đời tôi; đến lúc hấp hối tôi chạy loanh quanh lẫn quẩn

để tìm kẻ cứu tôi, nhưng thật sự không có ai có thể cứu tôi được, ngay đến Phật, đến Chúa, đến Mahomet: *chỉ có tôi là mới có thể cứu tôi được, chỉ có tôi mới là kẻ thù của tôi*, muốn tìm giải thoát, muốn tìm thanh bình cho cõi lòng; chính tôi, phải tự tìm cho tôi; tôi có thể tìm được nếu tôi có đủ đức tin nơi tôi, nếu tôi tự tin...

*I blame nobody but myself for my woe and afflictions...*

*Nobody can help you, but yourself... It depends greatly on you on whether you want to be helped or not. You could cure yourself, I believe, if you had enough faith in yourself.*

*Nobody has ever been cured on anything who did no want to be cured. (A Devil in Paradise, tr. 55, 90, 91, 93)*

Chính tôi hãy tự nỗ lực để giải thoát mình.

*Nul ne peut être sauvé ou guéri que par ses propres efforts. Le seul remède, c' est la foi. Henry Miller, Big Sur et les oranges de Jérôme Bosch, tr. 394)*

Sự giải quyết vấn đề chỉ hoàn toàn tùy vào riêng tôi mà thôi.

*De plus en plus clairement, je vois que la solution dépend tout entière de moi seul. C' est moi qui dois changer, c' est moi qui dois faire preuve de plus de confiance, de plus de foi en la vie elle – même. (Big Sur et les oranges de Jérôme Borch, tr. 397)*

Tối hôm đó, tôi không thể về phòng trọ để ngủ mà đi lang thang khắp Đà Lạt; lần này tôi đi man mác bồng bềnh như đám mây trôi chứ không đi trong điên loạn nghiêng ngửa như ngày xưa, tôi cảm thấy *tôi là tôi* chứ không còn là một xác không hồn, tôi thấy tôi đi giữa thế giới loài người chứ không còn đi giữa thế giới ma quái; đứng trên đồi cao, giữa đêm khuya tĩnh mịch, tôi dang hai tay ra như một tên tiên tri, bóng tối in hằn trên bầu trời, lớn dần lớn dần, lan ra khắp vũ trụ, tôi bay lượn trên trần gian và nhìn nhân thế với nụ cười thanh bình, đôi mắt chan chứa và lòng thiết tha lên tiếng chúc vi vu: "Bình an cho tất cả mọi người thành tâm ở trần thế".

### 3.

Trời bắt đầu sáng. Đứng trên đồi cao, tôi dần hoá thân theo ánh mặt trời. Tôi trở thành tôi ngày xưa, trẻ lại khoảng mười năm. Tôi biến hình thành trẻ con, chứ không còn người lớn nữa. Tôi đưa mắt bờ ngõ ngó nhìn bầu trời, ngó nhìn cảnh vật chung quanh tôi với đôi mắt ngạc nhiên lạ lùng; tất cả mọi vật đều xuất hiện trước mắt tôi như là mới xuất hiện lần đầu tiên, tôi chăm chú nhìn sung sướng, tôi nhìn cục đá, tôi nhìn con kiến, tôi nhìn lá khô, tôi nhìn ngọn cỏ, nhìn thân cây, nhìn dòng nước đục ngầu chảy trong rãnh, trong mương... Tôi cười reo, tay vẫy sung sướng như đôi cánh con bướm bướm. Tôi chạy tung tăng nô đùa bắt mấy cánh chuồn chuồn, tôi ngồi xuống hí hoáy tìm bắt mấy con ve. Tôi cười vang động cả một góc trời, từ đây tôi không thuộc vào hàng người lớn chín chắn, kinh nghiệm; tôi thuộc vào một loại khác, loại trẻ con, "loài con nít". Chúng tôi là Arthur Rimbaud, là Raymond Radiguet, Anne Frank, James Dean, Vương Bột... Chúng tôi mãi mãi chiến đấu chết sống với thế giới của người lớn, một thế giới ma quái, một thế giới điêu tàn, một thế giới điên loạn.

Thế giới này thuộc về tuổi trẻ, chứ không phải của những kẻ già nua kinh nghiệm.

*C' est aux jeunes qu'appartient le monde, pas aux vieux.* (Henry Miller, *Big Sur et les oranges de Jérôme Bosch*)

Người lớn làm cho con người quá phức tạp, phức tạp đến nỗi đưa đến tang thương như ngày này... Tôi hãy giản dị hoá cuộc đời.

*To simplify things...* (*A Devil in Paradise*, tr. 55)

*Simplifier sa vie! Cela parait la chose du monde la plus facile à entreprendre, et pourtant rien n'est plus difficile. Il y a tout a faire. Absolument tout...* (Henry Miller, *Big Sur*, tr. 366. 377)

Sống ở đời không phải là một điều mệt mỏi mà là một sự tiêu khiển vui chơi với điều kiện là ta phải sống trong giản dị và khôn ngoan (Thoureau).

Tôi phải chống đối lại tất cả những gì thuộc về người lớn. Tôi ghét tất cả những gì mà người lớn thích; bởi vì chính tất cả những gì họ thích, chính tất cả những thứ đó đã làm cuộc đời này trở nên bơ phờ điêu đứng. Trước hết là danh từ xã hội. Họ dạy chúng tôi phải phụng sự xã hội, phải làm tròn bổn phận đối với xã hội, phải phải... với xã hội. Không, không, chúng tôi là Arthur Rimbaud, là Henry Miller, là Anne Frank...

Chúng tôi không phụng sự gì cả, chúng tôi không phụng sự xã hội của người lớn; chúng tôi chỉ phụng sự xã hội của con người thực sự; chứ không phụng sự xã hội của con người ma. Tất cả những xã hội của con người ở trên trần gian này đều thối nát; bởi thế chúng tôi không phụng sự gì, chúng tôi sống ngoài lề... Rất vinh dự mà bỏ mình vì một lý tưởng, nhưng những kẻ đã chết đi rồi thì không thành tựu được gì cả.

*It is glorious to offer one's life for a cause, but dead men accomplish nothing.* (Henry Miller, *The Colossus of Maroussi*, tr. 86)

Thay vì hiến dâng cuộc sống của tôi, cuộc đời hỏi tôi dâng một cái gì khác hơn, như tâm linh, tâm hồn, thông minh, thiện chí...

Đứng bên cạnh danh từ xã hội là danh từ Tiền. Người ta thờ lạy đồng tiền, sùng kính đồng tiền hơn cả Chúa, cả Phật... Bước ra đường phố ở Sài gòn, đảo mắt nhìn chung quanh, tôi đều thấy mọi người bước đi hấp tấp vội vã, mắt họ thường đảo liếc nhìn đồng hồ, họ bước chạy làm sao cho kịp chuyển ô tô buýt hoặc taxi để đến công tư sở, họ chạy không kịp thở, vẻ mặt hốc hác, tất cả mọi người ở Sài gòn đều chạy theo tiền, chạy từ 7 giờ sáng đến khuya, họ chạy mãi mà đuổi cũng không được, sau cùng, gần hấp hối, họ mới biết rằng mình chỉ đuổi theo sự Chết... Tiền đưa đến chết...Chỉ có người lớn là mê tiền... Còn chúng tôi là những đứa con nít, chúng tôi không cần biết đến tiền, chúng tôi ghét tiền; chúng tôi không bao giờ giàu, nhưng chúng tôi sung sướng nhất trần gian.

*I am crazy enough to believe that the happiest man on earth is the man with the fewest needs.* (Henry Miller, *The Colossus of Maroussi*, tr. 136)

Sự nghèo nàn không thể làm ta khổ. Tôi có thể nói như vậy bởi vì tôi đã nghèo suốt đời tôi...

*I can say it because I've been poor all my life.* (*The Colossus of Maroussi*, tr. 136)

Về tinh thần tôi là một kẻ triệu phú.

*In spirit I'm millionaire. (The Colossus of Maroussi, tr. 136)*

Thà làm một người Hi Lạp nghèo nàn hơn là làm một chàng triệu phú Mỹ:

*I would a thousand times rather be that poor Greek than an American millionaire. (The Colossus of Maroussi, tr. 53)*

Thế là làm ăn mày ở Đà Lạt còn hơn làm triệu phú ở Sài Gòn. Làm ăn mày ở Ba Lê còn hơn là triệu phú ở Nữ Ước:

*Better a beggar in Paris than a millionaire in New York. (Night of Love and Laughter, tr. 69)*

Những danh từ thiêng liêng (như Tiến Bộ, Xã Hội, Văn Minh, Bốn Phận, Ái Quốc, Thành Công, Hiệu Năng, Cơ Giới, vân vân). Không có ý nghĩa gì với tôi, những danh từ này đã làm dòng nước trong trẻo của đời trở thành đục ngầu hôi thúi... Tiến Bộ để đưa đến chết. Văn Minh để đưa đến chết; tất cả danh từ này đã đưa nhân loại xuống hố. (*The Colossus of Maroussi*, tr. 8, 54, 79, 81, 98, 130, 131, 149, 139, 145).

Tôi không cần những danh từ thối tha trên, tôi chỉ cần một hơi thở của đời, một chút giao cảm giữa con người, một chút giúp đỡ tinh thần. (*The Intimate Henry Miller*, tr. 119).

Tôi chỉ cần hạnh phúc và thanh bình cô đơn và thư nhàn:

*We need peace and solitude and idleness. (The Colossus of Maroussi, tr. 46)*

Tôi chỉ cần cái siết tay ấm áp, ánh sáng rực ngời trong đôi mắt, chòm nho mà tôi ngấu nghiến chung nhau, cái ly mà chúng tôi nâng lên một để ghi tình bạn thắm thiết:

*The important thing was the warm handclasp, the light in the eyes, the grapes which we devoured in common, the glass we raised to our lips in sign of friendship. (The Colossus of Maroussi, tr. 44)*

Tôi chỉ cần mặt trời, sự trần truồng và ánh sáng:

*J' aime le soleil, la nudité, la lumière. (The Colossus of Maroussi, tr. 140)*

Tôi ghét lý luận, tôi ghét trí tuệ, trí năng, lý trí (*A Devil in Paradise*, tr. 51, 55; *The Colossus of Maroussi*, tr. 8).

Tôi thích mâu thuẫn, tôi thích chơn lý, tôi thích khía cạnh thi vị của mọi vật (*A Devil in Paradise*, tr. 53, 50)

Hai dòng thơ còn nói nhiều, chứa đựng nhiều hơn cả một quyển sách kèn cồng của học giả.

*Two lines of poetry often tell us more, give us more than the weightiest tome by an erudite. (A Devil in Paradise, tr. 58)*

Tôi thích phản đối, công phần, nổi loạn chống lại tất cả, kể cả cá nhân mình; để mà giằng dụa mọi sự trên đời.

Mỗi cá nhân phải phản kháng lại một lối sống nào mà không phải của chính mình; ta phải ném bỏ những ý niệm tiền định của ta về *phải* và *trái*, về *tốt* và *xấu*; về *công bình* và *bất công*... Tôi phải tự giải thoát khỏi cái nhìn chật hẹp, bưng bít của tôi trước cuộc đời (*The Colossus of Maroussi*, tr. 86)

Tôi phải tra vấn nhìn lại mọi sự vật:

*One begins to question everything. (The Intimate Henry Miller, tr. 129)*

Phải mở tung cửa ra, cho ánh sáng tuôn vào, đừng bưng bít gì cả. Tôi muốn sống một thế giới mà:

Je veux un monde où *le vagin soit représenté par une fenêtre, honnête et toute nue*, un monde qui sente le contour des os, les couleurs crues et fondamentales, un monde qui ait de la crainte et du respect pour ses origines animales; j' ai la nausée de regarder des cons tout mignards, déguisés, déformés idéalisés... (*Xin miễn dịch*). (*Henry Miller, Printemps Noir*, tr. 61)

Đốt. Đốt. Đốt hết tất cả những quyển sách ở thế giới. Đốt Dostoievsky, đốt Hemingway, đốt Nietzsche, đốt Spengler, đốt Shakespeare, Erich Maria Remarque, Apollinaire, Jean-Paul Sartre, Kierkegaard, Camus, Simone Weil, Sophocle, Thoreau, Thánh kinh, Eschyle, Kafka, Milosz, Céline, Blaise Cendrars, Hermann Hesses, Faulkner, J. D. Salinger, D.H. Lawrence, Knut Hamsun, Keyserling, Tagore, Antonin Artaud, Capote, Whitman, Giono, Francis Carco, Élie Faure, Rimbaud, Alberto Moravia, Somerset Maugham, Caudwell, Lawrence Durrell, Jack Kerouac, Ignacio Silone, Thomas Mann, Richard Wright, Garcia Lorca, Nikos Kazantzaki, Anne Frank, Julien Green, Jakob Wassermann vân vân.

Đốt hết tất cả đi. Hãy đốt tất cả những quyển sách của nhân loại. Hãy đốt Thánh kinh, hãy đốt sách của Karl Marx, của Khổng Tử, của Thoreau, của Gandhi, của Albert Schweitzer, của Shri Aurobindo, của Swâmi Vivekânanda, của Shri Râmakrishna, của John Dewey.

Hãy đốt hết. Chỉ chừa lại những quyển sách của Henry Miller. Đốt hết và chỉ chừa Henry Miller. Hãy đọc Henry Miller đi. Mở rộng đôi mắt ra mà đọc. Mở rộng trái tim ra mà đọc. Khi đọc xong rồi thì đốt luôn Henry Miller. Đốt hết. Không chừa gì cả, đốt luôn cả trái tim lạnh lẽo của ta. Đốt luôn cả cuộc đời chật hẹp của ta...

Cả thế giới sẽ ngùn ngụt lửa khói. Tất cả thư viện đều bốc cháy đỏ rực, tất cả những quyển sách của nhân loại sẽ thành tro bụi. Hỡi loài người, hãy cười ngất lên, hãy thức tỉnh, hãy đứng dậy, hãy dang hai tay lên trời, ngọn lửa thiêng của thế giới sẽ lan tràn khắp nơi.

Khi tất cả những quyển sách của trần gian đã biến thành tro bụi; lúc bấy giờ, hỡi loài người, ta hãy đứng im lặng, trang trọng ngắm nhìn mây trắng bay về ngút trời xanh và lắng tai nghe tiếng chim kêu vang ca trái đất: Triều Dương của Mùa Xuân Vĩnh Cửu bắt đầu ngự trên trần gian; một đoá hoa trắng bùng nở rung rinh trên đồng tro tàn diên loạn...

*Khi viết chương này, tôi chưa từng gặp Henry Miller. Năm 1965, tôi được gặp Henry Miller tại Pacific Palisades ở California. Trời đất đã sắp đặt cho tôi gặp Henry Miller tại*

Huê kỳ để được ông "điểm đạo". Sau khi được điểm đạo thì tôi lên sống tại Nữ Ước, sống từ địa ngục này đến địa ngục khác, rồi lại lang thang lê lết ở Paris từ quán cà phê này đến quán cà phê khác, để rồi một ngày hạ đạo đó được gặp mặt Krishnamurti tại Paris dưới bóng những cây marronnier xanh đậm, trộn lẫn với tóc trắng của mây và màu xám của những đường phố lát gạch.

Xin các ngài hình dung cảnh tượng thiêng liêng này: một chàng trai 24 tuổi gặp hai cụ già trên 74 tuổi - họ nói nhau những gì? Xin các ngài thử hình dung chàng trai Platon khi gặp cụ già Socrate và cụ Lão Tử thì cả ba ăn nói ra làm sao? Tất nhiên: một người im lặng, một người nói và một người nghe. Im lặng, nói và nghe; tất cả, tất cả đạo lý nhân loại nằm trong đó.

## Chương ba

### **Nghĩ về ý nghĩa của Phật giáo Thiên tông qua vài suy luận triết học Heidegger**

Bây giờ đọc lại chương ba này, nói về Thiên tông và Heidegger thì tâm hồn tôi lại cảm thấy táy máy bồn chồn. Lúc tôi viết chương này thì tôi đang ở một nông trại tại Phi Nôm cách Đà Lạt 20 cây số. Đạo đó tôi mới đọc D. T. Suzuki và cũng mới đọc Heidegger. Mười năm nay, tôi đã đọc đi đọc lại D. T. Suzuki và Heidegger (tôi đã tìm đọc toàn thể tác phẩm của D. T. Suzuki và toàn thể tác phẩm của Heidegger). Trong mười năm nay, tôi đã "ăn nằm" với D. T. Suzuki và Heidegger; D. T. Suzuki tượng trưng cho Đông phương và Heidegger tượng trưng cho Tây phương, tôi đã đọc từng dấu chấm, từng dấu phết của những gì họ viết; tôi đã say mê, sung sướng với từng nhịp điệu ý nghĩa của từng tư tưởng, từng trang văn của họ, nhưng bây giờ sau mười năm qua thì tôi thấy mình đã biến đổi khác hẳn: tôi không còn ảo tưởng nào về D. T. Suzuki và Heidegger nữa. Tôi kính phục họ như kính phục những thầy giáo dạy mình lúc ở tiểu học; nhưng bây giờ thì tôi không còn đi học nữa; tôi đã bỏ học vĩnh viễn.

Bây giờ đối với tôi, chỉ có hai điều phải học: TÌNH YÊU và SỰ CHẾT. Nhưng khổn kiếp cho tôi là tôi cứ học mãi về hai cái này mà không bao giờ thuộc bài được. Tôi ngu dại đến nỗi cho mãi đến bây giờ mới biết rằng Tình yêu không thể học được mà Cái Chết lại càng không thể học được. Không có gì có thể học được trong đời này!

Yêu, phải YÊU, dù không muốn yêu thì cũng phải yêu. Và chết. Chết cho tình yêu và yêu cái chết, đó là ý nghĩa đời sống tốt đỉnh mà con người chỉ biết được khi nào đất đã lúi trượt dưới bước chân mình và bầu trời chỉ còn lại trong đôi mắt người mù. Nhìn vào đôi mắt người mù, tôi thấy được những gì?

Câu hỏi không còn câu trả lời. Bài học đã được chấm điểm bằng một số zéro to lớn.

Nhìn vào số zéro to lớn ấy, tôi thấy được tình yêu ôm liền với nỗi chết. Một người học trò thi hỏng chỉ là kẻ lặp lại tấn kịch muôn đời của Vũ trụ và Hư vô, của một bàn tay vờ lên và một giọt mưa rớt xuống. Vừa lúc đứa con ra đời thì người cha và người mẹ đã cùng dặt tay nhau đi về cõi chết.

D. T. Suzuki và Heidegger, hai ông thầy giáo trường làng, hai cụ đã dạy tôi tập đánh vần, làm toàn cộng trừ nhân chia; tôi đã quá lười, tôi đã lãnh nhận những số zéro và tôi đã bị đuổi khỏi trường.

Bây giờ trước cuộc đời lớn rộng đang ôm lấy hai chân tôi. Tôi không mong chờ gì nữa



*cả. Tôi ngược lên nhìn chậu hoa phong lữ thảo để ở cửa sổ nhà lạ. Nắng mới reo lên và buổi chiều sắp tới. Rồi lại rạng đông và buổi sáng. Tôi là buổi sáng, buổi sáng hiện lên mái nhà, sưởi ấm ngôi cũ, đem màu mới cho rong rêu cây cỏ, quét lên đường nắng của dáng người đi bên xóm, lập loè đây đó lác đác cây cao. Buổi sáng càng lúc càng lên cao, đến trưa thì ngự ngay giữa trời một chốc rồi lại đi nhẹ ra xa, càng lúc càng xa, càng lúc càng lụi mất, rồi mất hẳn.*

Phạm Công Thiện

## 1.

Thiền tông hoàn toàn khác hẳn triết lý Heidegger. Đem so sánh Thiền tông với bất cứ một hệ thống tư tưởng nào đều là một việc làm ngu xuẩn.

Thiền tông là kinh nghiệm của tâm linh; còn tư tưởng Heidegger là một kinh nghiệm lý trí.

*Thực ra Thiền tông thoát ra ngoài tất cả kinh nghiệm và chỉ còn có một điều duy nhất: sống và chảy thơ mộng như nước suối ngọt Thiên thai! Còn Heidegger cuối cùng rồi cũng nhảy qua kinh nghiệm lý trí để lao vào kinh nghiệm của tư tưởng trầm lặng...*

Thực ra, tư tưởng của Heidegger không phải là tư tưởng theo nghĩa "Denken" của Đức ngữ, không phải là tư tưởng theo thể cách tri thức có đối tượng; tư tưởng của Heidegger là tư tưởng về *Tính* trong *Bản tính* (*Denken am Sein selbst*); vì thế Heidegger gọi tư tưởng ông là qui tưởng (*Andenken*), qui tưởng về *Tính* trong chính *Bản tính* (*Andenken an das Sein*). Tất cả những tư tưởng của Heidegger đều nằm tiềm tàng trong Thiền tông; nhưng tất cả Thiền tông lại không ở tiềm tàng trong tư tưởng Heidegger.

Heidegger nói lên những chân lý bằng ngôn ngữ huyền bí đặc biệt; trong khi đó Thiền tông chỉ nói lên chân lý ấy bằng những cử chỉ, hành động cụ thể.

*bằng những cử chỉ hành động cụ thể theo nghĩa "diệu dụng". Còn gì phiêu diêu tuyệt vời cho bằng cái việc tầm thường như "múc nước và ché củi". Và cầu tiêu, giọt nước chảy thì cũng thơ mộng diệu thường!*

Những điểm khác nhau rõ ràng nhất là Thiền tông đã nhắm vào sự giải thoát, còn Heidegger thì chỉ hướng về tri tính sử (*Seinsgeschichte*). Thực ra, ta thấy tư tưởng của Heidegger cũng hướng về đường giải thoát, đưa con người ra khỏi sự quên lãng về Chân tính (*das Vergessen der Wahrheit des Seins*) nhưng chưa được tiêu cực lắm và toàn triệt như Thiền tông.

*Ý nghĩa "tiêu cực" vẫn giấu kín tất cả chân trời thênh thang. Chừng nào con người sống nổi với chân nghĩa của "tiêu cực" thì mới nói tới chuyện giải thoát. Không có gì làm cho con người nô lệ khốn khổ cho bằng những việc làm gọi là "tích cực". "Tích" là "chứa", còn "tiêu" là "mất, tan, giải, hoá ra nước". Triết lý của nước phải bắt đầu từ ý nghĩa chân chính của "tiêu cực".*

Kiến tính là kinh nghiệm tối hậu của Thiền tông "Heidegger cũng đi dần đến con đường kiến tính nếu chúng ta có thể tạm dịch "Sein" là "Tính" (theo nghĩa chữ "Tính" trong "Phật tính", "Như Lai tạng tính", "Chân tính", v.v...)



Chữ "Sein" của Heidegger có thể khiến ta so sánh với chữ *Taihata* của Phật giáo. Còn chữ *Nichts* của Heidegger có thể khiến ta so sánh với chữ *Sunyata* của Trung quán luận (Madhyamika) của Long thọ. Theo Heidegger, *Nichts* (Hư không) vượt lên trên sự phủ nhận (negation) thông thường; chữ *Sunyata* của Long thọ (Nagajuna) cũng vượt lên trên mọi sự phủ nhận thông thường vượt ra ngoài bốn phạm trù tri thức (*chatuskoti-vinirmukta*) nói tóm tắt là *Sunyata* của chính *Sunyata* và nói cho rõ ràng thì *Sunyata* cũng chính là *Taihata*; điểm này nhắc ta nhớ đến Heidegger đã kết luận về chữ *Nichts* bằng cách trích câu văn của Hegel rằng *Nichts* và *Sein* cũng như nhau; và chính sau cùng, Heidegger cũng cho ta thấy *Nichts* tức là *Sein* <sup>[11]</sup>.

*Nhưng Heidegger khác hẳn Hegel: Hegel dùng "tiêu" để hiển rạng "tích", còn Heidegger dùng "tích" để phá "tích" và để cho "tiêu" được là "tiêu". Tất cả cuộc đời của Heidegger là để cho hư vô được là hư vô.*

Heidegger gần Thiền tông nhất là khi Heidegger cố vượt lên trên chủ nghĩa duy thực (réalisme) và duy tâm (idéalisme) hay nói một cách khác, theo từ ngữ Thiền tông, Heidegger hướng về con đường "Bất Nhị", tức là pháp không hai.

*Thực ra con đường "Bất Nhị" không thể đơn sơ như vậy. Nhảy vào "Bất Nhị", Heidegger chỉ giẫm chân lấy trớn mà vẫn chưa nhảy được, mặc dù ông thừa biết rằng mình cần phải nhảy. "Đốn Ngộ" và "Bất Nhị" đều đồng nghĩa. Con đường của Heidegger gần với "tiệm" hơn là "đốn" (nói cho cùng thì "đốn" và "tiệm" cũng là một. Nhưng nói như thế cũng quá dễ. Điều duy nhất: NHẢY!*

Điều này chúng ta thấy rõ nhất khi Heidegger phân tích *Da-Sein* hay *In-der-Welt-Sein* hay *Sein-zum-Tode* chúng ta thấy Heidegger đã quan niệm về *Welt* (monde) khác hẳn những triết gia đi trước <sup>[12]</sup> nghĩa là Heidegger không phân chia ra làm một thực thể biệt lập; Heidegger để cho *Welt* và *Tode* dính liền chặt với *Sein*: *In-der-Welt-Sein* không phải là *Sein* ở trong *Welt* (*In-der-Welt-Sein*) như theo nghĩa trong một vị trí không gian (như cái tách ở trong cái hộp) như thế còn là nằm trong bình diện *ontique*. *Dasein* không thể là *Dasein* nếu không là *In-der-Welt-Sein*; vì thế chúng ta thấy từ ngữ *In-der-Welt-Sein* và *Sein-zum-Tode* đi trên con đường "bất nhị" của Thiền tông. Ngoài ra những quan niệm của Heidegger về tự do và chân lý cũng đáng đem ra so sánh với Thiền tông <sup>[13]</sup>.

Ở trên, chỉ xin vạch ra ba điểm đáng so sánh, nhưng thực ra muốn bàn cho thấu đáo về Heidegger và Thiền tông, dù có viết một luận án ngàn trang; sợ cũng không nói đủ.

Những lời đơn sơ trên không ngoài mục đích nêu lên vài khía cạnh đại khái, để từ đó có thể mở ra những sự thảo luận cần thiết sau này.

## 2.

Vừa viết xong nhan đề "Nghĩa về ý nghĩa đạo Phật Thiền tông qua vài suy luận triết học Heidegger" tôi sức ý thức rằng: tôi đã viết một nhan đề trái nghịch lại hẳn với tinh thần đạo Zen (Thiền). Người nào từng thể nhập Thiền đạo đều thấy rõ ràng tôi đã sai lầm ngay từ nhan đề... Vì sao?

Thoạt tiên, chúng ta để ý đến động từ "nghĩ". Chúng ta thường nói một cách rất bình tĩnh: "Tôi nghĩ rằng... tôi nghĩ về... thánh nhân kia nghĩ rằng... triết nhân kia nghĩ..."

đại nhân kia nghĩ... Sartre nghĩ...". Động từ "nghĩ" là một động từ thông thường hằng ngày mọi người đều dùng một cách ung dung, tự tại và bình thản. Ta nào ngờ động từ "nghĩ" là một động từ rất nguy hiểm và rất tai hại.

*Tất cả mọi động từ đều nguy hiểm và rất tai hại. "Nhảy" mà không động mới là nhảy.*

Chừng nào động từ "nghĩ" không còn là một động từ phổ thông nữa thì chừng ấy những con chim mới được tha hồ tung cánh bay ngất trời xanh và chừng ấy những bãi cỏ mới tha hồ xanh mướt tươi non dưới gót chân không mang giày của chúng ta. Mỗi khi anh nói "tôi nghĩ" thì lập tức mấy con chim bị nhốt lồng, cỏ bị khô héo, cả dòng đời cũng đứng lại, cả vũ trụ thế giới cảm lạnh tàn nhẫn: sương mù tinh mơ tan biến mất, hương nồng trở thành hôi thúi, tất cả tạo vật đều chết lạnh, chết khô, chết cứng. Vừa mở miệng nói: "tôi nghĩ" thì lập tức một lưỡi dao bén nhọn đã làm đâm thấu vào trái tim cuộc đời. Nói đến nghĩ là nói đến giết: tôi giết cuộc đời tôi, tôi giết cuộc đời kẻ khác, tôi giết hơi thở nhịp nhàng của vũ trụ. Người ta gọi "người thích nghĩ" là "tư tưởng gia" hoặc "triết gia". Hãy đem xử tử tất cả mọi tư tưởng gia và triết gia, kẻ sát nhân nặng tội nhất của loài người không phải là Eichmann hay Hitler; kẻ sát nhân dễ sợ nhất của loài người là Socrate, là Hegel, là Kant, là Jean-Paul Sartre, là tất cả những người mang tên tư tưởng gia, triết gia, lý thuyết gia, phê bình gia, bình luận gia, văn gia...

*"Không nghĩ" thì cũng nguy hiểm tai hại như "nghĩ". "Phi kiến thức, phi học thức, phi tri thức..." thì cũng nguy hiểm tai hại như kiến thức, học thức, tri thức. Chỉ có điều quan trọng: làm gì thì cứ làm, cứ làm giống như cánh bay của ó rừng, bay vút lên và đáp xuống; không để lại dấu vết gì còn lại sau cánh bay.*

Ôi, trí thức, kiến thức, triết thức, học thức, tri thức, văn thức. Tôi nguyện rửa Thượng đế (nếu có!) nguyện rửa vì đã ban cho tôi một trí óc. Tôi muốn trở về sống với đồng bào Thượng. Tôi thích sống giữa những con thú vật lù đù. Tôi không thích ngồi đây nghĩ vớ vẩn về Zen, về Heidegger. Tôi sinh ra đời không phải để nghĩ. Tôi sinh ra đời để mà rong chơi, để mà không làm việc gì hết, để mà ngó nhìn bãi cỏ xanh ở Đà Lạt hay nhìn những con kiến rượt nhau hay làm bạn với những người điên khùng hoặc lang thang suốt đêm trên những con đường phố sương mù hoặc ngồi mơ màng dưới gốc cây thông bên hồ Đà Lạt hoặc ngủ li bì suốt ngày để thức suốt đêm lim dim lắng nghe những tiếng hát vi vu ở giữa Sài Gòn.

Không thể nào nghĩ về đạo Zen. Thay vì nghĩ về Zen, anh cứ đi phất phơ ra ngoài bến tận Sài Gòn vào lúc tối khuya và cứ ngồi suốt đêm như con sông đen đen; rồi lúc ấy nếu anh có chán đời thì cứ nhảy xuống đi, chứ đừng than thở lồi thối, còn nếu không dám nhảy xuống thì ngồi đó mà cười ầm lên cho vang động cả đường phố, cho vang động cả dòng sông, cho vang động cả nỗi buồn mệnh mông của tuổi trẻ chúng mình. Rồi về nhà, anh cứ xem hết những quyển sách triết học và chạy đi tìm những bức tranh của Chagall để đem treo về bàn thờ. Đừng nghĩ về Zen, Zen để sống, chứ không phải để nghĩ.

*"Sống" đã là "nghĩ" rồi. Một người thực sự sống thì không bao giờ bận tâm đến đời sống.*

Động từ "nghĩ" hoàn toàn phản nghịch lại linh hồn đạo Zen.

*"Linh hồn" đã phản nghịch lại Zen rồi. Nhưng chính sự phản nghịch thì đã phản nghịch nữa rồi. Không chống đối, không có sự phản nghịch nào, đó là Zen! Song nếu có chống đối, có phản nghịch thì đừng biến sự chống đối, sự phản nghịch trở thành*

*vấn đề ám ảnh. Không có bóng ma nào ám ảnh mình, đó là Zen! Zen có nghĩa là "không sợ ma" trong mọi ý nghĩa.*

Một môn đệ hỏi thiền sư Triệu Châu về đạo lý Zen. Thiền sư trả lời: "Chú ăn điểm tâm chưa?"; môn đệ ấy đáp: "Vâng, bạch thầy, con đã dùng điểm tâm rồi". Thiền sư lại nói: "Vậy thì chú hãy lau đĩa đi". Thiền sư vừa nói xong thì lập tức môn đệ thể nhập vào giác ngộ; môn đệ ấy đã sai lầm vì muốn nghĩ về Zen: thiền sư bèn nhắc đến những việc tầm thường hằng ngày, "nghĩ" là một hành động nguy hiểm đến tính mạng đời sống mỗi người <sup>[41]</sup>.

*Sự nguy hiểm cũng cần thiết. Chỉ có một điều duy nhất đáng sợ, đó là đánh mất nỗi nguy hiểm trong đời sống. Cuộc đời càng lớn mạnh thì nỗi nguy hiểm càng hấp dẫn thêm lên.*

Còn chữ "về" cũng thế: nói "về" là nói "về" một cái gì, một vật gì hay một người gì, nghĩa là ám chỉ có một người nghĩ và một vật bị nghĩ, tức là phân ra thành chủ thể và khách thể, tách biệt rời ra làm hai. Chủ thể đứng chống lại khách thể; người nghĩ đứng chống lại vật bị nghĩ; người biết đứng chống lại kẻ bị biết <sup>[51]</sup>. Chữ "về" cắt hai, chia đôi thực tại. Như thế hoàn toàn phản nghịch lại Zen.

Nói đến danh từ "ý nghĩa" lập tức người ta nghĩ đến cái đối nghịch với nó là "vô nghĩa" bởi vì nếu "ý nghĩa" không có "vô ý nghĩa" đối lại thì "ý nghĩa" không thể có ý nghĩa được.

"A" không thể là "A" được, nếu nó không đứng đối lại với cái không phải "A" nghĩa là cần phải có "không A" để làm ra "A".

"A" có nghĩa là "không A" ở trong "A". Khi "A" muốn là "A" thì nó ra ngoài "A" nghĩa là "không A". Nếu "A" không chứa đựng bên trong cái không phải là nó thì "không A" không thể nào ra ngoài "A" để làm "A" ra là "A" <sup>[61]</sup>.

*Thực ra "lý luận" này cũng kẹt vào "nguyên lý đồng nhất" (principe d'identité). D. T. Suzuki vẫn còn lý luận ấu trĩ, tô son phấn rề tiền vào "bản lai diện mục" của Thiền tông. Nietzsche có thể không biết gì về Thiền tông và Nietzsche lại xứng đáng là một thiền sư hơn bất cứ thiền sư nào khác (Nietzsche có thể đứng ngang hàng với Bồ-Đề-Đạt-Ma và Lâm-Tế.)*

"Ý nghĩa" không thể là "ý nghĩa" được nếu "ý nghĩa" không đứng chống đối lại với cái gì không phải là "ý nghĩa"; cần phải có "vô ý nghĩa" để làm ra "ý nghĩa"; "ý nghĩa" có nghĩa là "vô ý nghĩa" ở trong ý nghĩa. Khi "ý nghĩa" muốn có nghĩa thì nó đã ra ngoài ý nghĩa, nghĩa là "vô ý nghĩa". Nếu "ý nghĩa" không chứa đựng bên trong cái không phải là nó thì "không ý nghĩa" không thể nào ra ngoài "ý nghĩa" để làm ra "ý nghĩa" trở thành có ý nghĩa.

"Ý nghĩa" có ý nghĩa được là nhờ sự trái ngược đối nghịch. Tính chất đối nghịch là một tính chất hoàn toàn trái phản lại tinh thần đạo Zen (hay tinh thần Phật giáo nói chung).

"Nghĩ về ý nghĩa đạo Phật Thiền qua vài suy luận của triết học Heidegger..." Viết nhan đề như vậy, tôi muốn nói gì? Như tôi đã nói trên, "nghĩ về ý nghĩa của đạo Thiền..." đã là một từ ngữ phản lại tinh thần Zen, thế mà tôi lại không nghĩ *thẳng* mà lại còn nghĩ *qua*, như thế còn sai phản lại tinh thần Zen hơn nữa! Tôi muốn nghĩ về Zen mà thay gì nghĩ thẳng về Zen, tôi lại suy luận theo điệu Heidegger. Heidegger

không có viết gì về Zen, nhưng lúc đó tôi nghĩ về Zen, tôi đã nhớ đến Heidegger và tôi mượn vài suy luận triết lý Heidegger để soi rọi thêm vài ý nghĩ của tôi về Zen nghĩa là tôi đã “nghĩ qua...”, tức là đã có sự trung gian.

*“Trung gian” lại chính là ý niệm quan trọng nhất trong hệ thống của Hegel. Ít nhất cũng có người đã viết một luận án Tiến sĩ gần 400 trang về ý niệm “trung gian trong triết học Hegel” (De la Médiation dans la philosophie de Hegel của Henri Niel, Aubier, Paris, 1945)*

Mà bất cứ sự trung gian nào cũng hoàn toàn phản nghịch lại tinh thần Zen. Đối với Zen, tuyệt đối không có trung gian nào hết [\[1\]](#). Zen là kinh nghiệm riêng lẻ của từng người một; mỗi người cứ tự mình đến thẳng trực tiếp với Zen; mỗi người hoàn toàn cô đơn tuyệt đối trên đường đi của mình, không bạn, không thầy, không gia đình, không quá khứ, không truyền thống, không hành lý, không trung gian gì hết. Cứ đi thẳng và mặt đối mặt với Zen, đừng đi qua bất cứ một trung gian nào. Dù trung gian đó là đức Phật !

Tôi đã trót viết nhan đề sai phản lại tinh thần Zen; vậy có thể bỏ và thay thế lại một nhan đề khác? Không thể được, tôi đã vô ý viết một nhan đề như trên mà nếu bây giờ tôi xoá bỏ, sửa lại thì hành động này cũng phản lại tinh thần Zen! Vì sao? Vì tôi đã nghĩ, tôi đã cố ý không tự nhiên.

Cố ý và không tự nhiên là thái độ hoàn toàn phản lại tinh tuý Zen.

*Nếu đã “cố ý” thì cứ “cố ý”! Hơi đâu mà lý sự quanh quẩn, hơi đâu mà lo sợ. Tai nạn lớn nhất của con người là “cái vòng lẩn quẩn” (le cercle vicieux); ai cũng sợ kẹt vào “vòng lẩn quẩn”! Cứ nhảy vào vòng lẩn quẩn, cứ để cho kẹt vào vòng lẩn quẩn: Giải thoát là ở sự cuốn xoáy vào trong vòng lẩn quẩn này!*

### 3.

#### **Đạo Phật Zen là gì?**

Một môn đệ hỏi thiền sư một câu hỏi quan trọng như trên thì thiền sư ấy liền bước xuống ghế rồi tát tai môn đệ (cf, D. T. Suzuki, “Practical Methods of Zen Instruction” trong *Zen Buddhism*, tr. 132).

*Nếu tôi là môn đệ ấy thì tôi vừa hỏi vừa tát tai trước! Phải tát tai thiền sư trước khi hỏi ông ta!*

#### **CƠN ĐƯỜNG GIẢI THOÁT LÀ CƠN ĐƯỜNG NÀO?**

Một thiền sư hỏi một con chó: “Mi có muốn biết con đường đi đến giác ngộ hay không?” rồi thiền sư đưa chân đá con chó; chó sủa ầm lên (cf, D. T. Suzuki, *l'Essence du Bouddhisme*, tr. 99)

*Tại sao thiền sư không sủa với chó mà lại hỏi nó? Thực ra tôi biết rồi: hỏi có nghĩa là sủa! Một người hỏi một câu hỏi về đạo lý thì giống như một con chó sủa đêm.*

#### **TINH TÚY ZEN LÀ GÌ?**

Một môn đệ hỏi thầy như thế và thầy trả lời: “Cứ hỏi cột trụ này”. Một môn đệ sững sốt: “Bạch thầy, không hiểu thầy muốn nói gì...” Thầy trả lời: “Sự ngu dốt của thầy

còn hơn sự ngu dốt của con" (cf, Pierre Pégon, "Questions et Réponses dans le Bouddhisme Zen" trong *Présence du Bouddhisme*, tr. 735).

*Thiền sư Nietzsche: "Chúng tôi là những kẻ biết mà lại không biết về chính bản tính của chúng tôi". (Wir sind uns unbekannt, wir Erkennenden, wir selbst uns selbst). Vì lý do rất hay ho này: "Chúng tôi không bao giờ tìm kiếm chính chúng tôi thì làm thế nào chúng tôi có thể mong gặp thấy chính chúng tôi". (Wir haben nie nach uns gesuchi-wie sollte es geschehn, das wir eines Tages faenden?).*

*Có tìm thì mới thấy. Giác ngộ có nghĩa là không tìm không thấy.*

### ĐƯỜNG LỐI ĐI VÀO CHÂN LÝ LÀ ĐƯỜNG LỐI NÀO?

Một môn đệ hỏi thầy như thế và thầy trả lời: "Con có nghe tiếng suối reo hay không?". Môn đệ trả lời: "Vâng, con có nghe". Thầy đáp lại: "Đó là đường lối đi vào chân lý".

### Ý NGHĨA ĐẠO ZEN LÀ GÌ?

Một thiền sư thuyết giảng như sau:

Khi người ta hỏi thầy về ý nghĩa đạo Zen. Thầy sẽ trả lời rằng Zen giống như nghề thuật ăn trộm. Một đứa con trai của một kẻ ăn trộm thấy rằng cha đã già yếu, hẳn mới tự nhủ: "Nếu cha mình quá già yếu, và không thể làm nghề trộm nữa thì ai sẽ lo kiếm tiền để nuôi gia đình? Chỉ còn mình thôi. Vậy mình phải học nghề cha". Hẳn mới tỏ bày cùng cha và cha hẳn đồng ý. Một đêm, cha dẫn con lên vào một ngôi nhà giàu, đào ngõ vào nhà, mở một thùng đồ to lớn và bảo con vào thì nắp thùng liền đập lại và khoá lại. Lúc ấy, người cha đã đi ra ngoài sân và cố ý làm âm lên, khiến cả gia đình nhà ấy đều thức dậy và người cha lén trốn đi mất. Những người ở gia đình lao xao đốt đèn tìm kiếm kẻ trộm nhưng chẳng gặp gì hết. Còn đứa con trai kia, lúc bị khoá chốt trong thùng, không thể nào trốn thoát được, hẳn nguyên rủa thù ghét người cha tàn nhẫn. Một lúc sau, bỗng nhiên hẳn vụt sáng ý lên; hẳn làm sột soạt như tiếng chuột gặm đồ. Người đây tức bưng đèn đến mở thùng ra xem. Hẳn tung dậy, thổi đèn tắt, xô người đẩy chốt, rồi chạy trốn thoát. Người nhà đuổi theo. Nhìn thấy một giếng nước bên đường, hẳn khiêng một hòn đá và quẳng xuống nước. Những người nhà lại đổ xô bên giếng và lúc ấy, hẳn chạy thoát về nhà. Hẳn căn dặn với cha và người cha trả lời: "Đừng bực bội con ạ, hãy kể cho cha nghe con trốn thoát bằng cách nào?..." Lúc đứa con kể xong đầu đuôi, người cha liền nói: "Được rồi đấy, thế là con đã học được nghề thuật ăn trộm!".

### PHẬT LÀ GÌ?

Một môn đệ hỏi thầy một câu hỏi nghiêm trọng như trên. Thầy trả lời: "Con mèo trèo cây cột". Môn đệ lại hỏi: "Bạch thầy. Phật là gì?". Thầy trả lời: "Con cứ hỏi cây cột" (cf, *Truyền đăng lục, Fasc. XIV*)

### BÍ MẬT TỐI THƯỢNG CỦA ZEN LÀ GÌ?

Khi một nhà học giả đạo Khổng đến thăm một thiền sư, nhà học giả ấy hỏi: "Bí mật tối thượng của Zen là gì?", thiền sư trả lời: "Zen chẳng có bí mật gì để giấu ngài". Nhà học giả lúng túng: "Bạch thầy, tôi không hiểu gì hết". Sau đó, hai người bước đi dọc theo đường núi. Lúc bấy giờ cây nguyệt quế đang trở hoa thơm ngát. Thiền sư liền hỏi: "Ngài có ngửi được mùi thơm của cây đơm hoa?". Nhà học giả trả lời: "Vâng,

tôi đã ngủ được". Thiền sư đáp lại: "Đấy, đấy, tôi chẳng có gì bí mật để giấu ngài".

#### TINH TÚY TỐI THƯỢNG CỦA ZEN LÀ GÌ?

Một lần kia, thiền sư đứng lên giảng đường để thuyết pháp và nói: "Tinh túy tối thượng của đạo Zen là gì?" vừa đặt lên câu hỏi thì dang hai tay ra và chẳng nói gì cả, rồi thiền sư bước xuống giảng đường. Như thế là: bài thuyết pháp đã xong!

#### LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐẠT ĐẾN PHẬT TÍNH?

Một thiền sư dạy môn đệ như vầy: "Không cần phải cố gắng chịu khó nhọc nhằn mới đạt đến Phật tính. Các con cứ tiếp tục làm những việc thông thường khiêm tốn như đi tiêu, đi tiểu, mặc quần áo, ăn cơm và nằm khi mệt mỏi. Người phúc hậu giản dị sẽ cười các con, những kẻ thánh hiền sẽ hiểu các con." (Fong Yeou Lan, *Précis d'Histoire de la Philosophie chinoise*, tr.268)

#### PHẢI KÍNH TRỌNG ĐỨC PHẬT NHƯ THẾ NÀO?

Một thiền sư bước vào một ngôi chùa và phun nước miếng vào tượng Phật và lúc người ta trách vấn thầy, thầy trả lời: "Xin vui lòng chỉ chỗ cho tôi để tôi khắc nhỏ, xin chỉ chỗ nào không có Phật đấy" (cf. HG.Creel, *Chinese Thought from Confucius to Mao-Tse-Tung*, tr. 164).

#### ĐỨC PHẬT LÀ AI?

Một thiền sư nói như sau: "Kẻ thánh hiền không đi tìm Phật. Phật là kẻ sát nhân vĩ đại đã quyến rũ rất nhiều người xuống hố của quỷ dữ". "Chính tôi cũng chẳng biết gì về Zen. Tôi không phải là thầy. Tôi chẳng biết gì hết. Tôi chỉ là một thằng già ăn mày, ăn xin và mỗi ngày đi ỉa. Tôi phải làm gì bây giờ?... Chẳng có gì để làm cả". (cf. Hu Shih, "Development of Zen Buddhism" in *Chinese Social and Political Science Review XV, Bắc Kinh, 1031-32*, tr. 502)

#### PHẢI ĐỐI VỚI ĐỨC PHẬT NHƯ THẾ NÀO?

Với tinh thần phá chấp toàn diện, một thiền sư trả lời: "Hãy giết Phật đi, hãy giết Phật đi" (cf. *Introduction, Sermon sur le Bouddhisme Zen trong Presence de Bouddhisme, France-Asie*, tr. 338).

#### CÓ NÊN SÁT SANH KHÔNG?

Với tinh thần phá chấp triệt để, đôi khi những thiền sư đốt tượng Phật, giết mèo, bắt tôm, bắt cá (cf. *Ed Conze, Le Bouddhisme dans son essence et son développement*, tr. 201).

#### 4.

Những nhà văn nổi tiếng nhất hiện nay ở Mỹ là J. D. Salinger và nhóm "Beat Generation" gồm có Jack Kerouac, Lawrence Ferlinghetti, Allen Ginsberg, Gregory Corso v. v.)

Nhóm "Beat Generation" đều là môn đệ của đạo Zen, và J.D. Salinger cũng là môn đệ của đạo Phật Zen, người ta nói rằng J.D. Salinger "hăng hái say mê nghiên cứu

Zen" (cf. *Time*, sept. 15, 1961).

Có người gặp Heidegger đang đọc sách về Zen (do D.T. Suzuki viết) và ông tổ của triết lý hiện sinh háng hái nói: "Đây là những gì tôi đã cố gắng nói trong tất cả những tác phẩm của tôi" (cf. *William Barrett*, "Zen for the West" trong *Zen Buddhism*, Doubleday Anchor Books, tr. XI).

C. G. Jung và Karen Horney cũng say mê nghiên cứu Zen. Trước khi chết, Karen Horney đã viếng thăm Nhật Bản để nghiên cứu trực tiếp sinh hoạt Zen. C. G. Jung đặc biệt lưu ý đến những viễn tượng tâm lý của Zen và kêu gọi Tây – phương phải quan tâm đến Zen. (cf. C. G. Jung, "Le Zen et l' Occident" trong *L' Essence du Bouddhisme*, tr. 17 – 49).

Đạo Phật Zen đã hấp dẫn lôi cuốn những người lãnh đạo những phong trào trí thức tiền phong của Âu Mỹ như Salinger, Heidegger và C. G. Jung. Chưa bao giờ Đông phương quyến rũ Tây phương lạ lùng như vậy. Sự kiện này khiến cho ta thắc mắc tự hỏi: Zen đã chứa đựng ý nghĩa gì mà có thể giáo hoá thoả mãn được những đòi hỏi mãnh liệt của bậc thức giả tiến bộ nhất ở Tây phương?

Ý nghĩa của đạo Phật Zen là gì?

Tôi có thể trả lời rất dễ dàng, rất nhanh chóng, không hề lúng túng: đạo Phật Zen chẳng có ý nghĩa gì cả. Tại sao? Bởi vì còn ý nghĩa là còn nằm trong vòng nhị nguyên đối đãi: "ý nghĩa" đối nghịch với "vô ý nghĩa", như thế hãy còn bị ràng buộc trong danh từ, trong tiến trình biểu tượng (*processus symbolique*), do đó:

1. Đạo Phật Zen chống thuyết nhân bản, bởi vì thuyết nhân bản vẫn chỉ là sắc thái của ý thức phân biệt;
2. Đạo Phật Zen chống luận lý học, bởi vì luận lý học còn lệ thuộc vào lãnh vực ngôn ngữ;
3. Đạo Phật Zen chống lại những giá trị, bởi những giá trị chỉ là những đánh giá thực tại;
4. Đạo Phật Zen nhận rằng con người chỉ có thể giải thoát nơi cuộc đời này, nơi một trần gian duy nhất (*là trần gian này*); nơi theo danh từ triết học của Heidegger thì ta gọi thần thể tính (*Weltlichkeit*) của nhân tính (*Menschsein*) phủ nhận thể giới "bên kia" (*Jenseits*) và chỉ nhận "bên này" (*Diesseits*);
5. Đạo Phật Zen không tôn thờ đức Phật như là giá trị tối thượng, bởi vì tôn thờ đức Phật là một giá trị thì đức Phật sẽ trở thành đối tượng cho sự đánh giá của con người (nói như Heidegger là: "*Gegenstand für die Schätzung des Menschen*");
6. Đạo Phật Zen chống lại những gì mà nhân loại tôn sùng thờ phụng như là thiêng liêng qui báu.

Tại sao tôi có những nhận xét trên? Đọc lại những lời đối đáp trên giữa thầy trò Zen thì tất nhiên ta phải đi đến những nhận thức trên.

Tôi thấy những nhận thức trên chẳng những nói về đạo Phật Zen mà còn có thể dùng để nói về triết học thể tính của Heidegger, triết lý Heidegger có nhiều điểm khác đạo



Phật Zen; nhưng mỗi khi ta đọc Heidegger, ta sẽ nhớ đến đạo Phật Zen. Ít nhất là vài ba quan kiến nào đó, như quan kiến về Ngôn Ngữ, về Bản Tính, về Chân Lý, vân vân.

Về những nét chung của đạo Phật Zen, tôi đã cố gắng đưa ra những nhận xét sơ lược trên và đi từ những nhận xét ấy, tôi sẽ tha thiết "bệnh vực" đạo Phật Zen. (Thực ra Zen đâu cần "bệnh vực"). Tôi phải nói trước rằng tôi không phải là một kẻ giỏi lý luận và không phải là một kẻ đem lý trí của mình để phân tích một tôn giáo cao siêu. Khi viết về đạo Phật Zen, tôi chỉ muốn ghi lại cảm giác rất chủ quan của riêng tôi, của một kẻ vui mừng run run tìm được lương thực tinh khiết cho tâm hồn bài hoại của mình. Đạo Phật Zen đã hé mở cho tôi thấy những chân trời bát ngát mê mông; mỗi lần đi vào tinh thần Zen là mỗi lần tinh thần tôi được đưa lên cao, mọi tuyệt vọng tan biến, thần kinh hết căng thẳng, hơi thở nhịp nhàng khoan khoái, tôi cảm thấy sung sướng hạnh phúc lắm và những nỗi cay đắng nhọc nhằn của đời sống dường như vơi hẳn đi.

## 5.

Thời đại này đang hấp hối, con người trở nên bàng hoàng điều đứng, bị chà đạp thê thảm vô cùng. Tất cả những tư tưởng gia đều hốt hoảng la lối vang động trời đất: "Hãy trả linh hồn lại cho tôi" (Miguel de Unamuno). "Hãy kính trọng con người" (Saint - Exupéry): một người ngang tàng như Sartre cũng phải vội vã tuyên bố diễn thuyết rằng triết lý hiện sinh (của Sartre) là một chủ nghĩa nhân bản! (Tất nhiên Sartre hiểu nghĩa "nhân bản" hơi khác ý nghĩa nhân bản cổ điển. (cf. *L'Existentialisme est un humanisme*, tr. 90-94). Mọi người ai cũng đều bệnh vực "nhân bản"; nhưng đạo Phật Thiền (Zen) không bệnh vực "nhân bản". Heidegger cũng thế. Heidegger cũng chống lại thuyết "nhân bản". Người ta đã công kích thái độ Heidegger và ông đã đưa ra vài suy luận để bệnh vực thái độ của ông (xin xem *Heidegger, Lettre à Jean Beaufret*, tạp chí *Fontaine*, No. 63).

Trong vài trang sau đây, nói về Zen, tôi xin suy luận theo tinh thần triết lý Heidegger xin đọc *M. Heidegger, Uber den Humanismus*, Victorio Klostermann, Frankfurt am Main, 1951) [\[8\]](#).

Khi tôi nói: "Đạo Phật Zen chống lại thuyết nhân bản" chắc chắn người ta nghĩ rằng tôi muốn nói: "Đạo Phật Zen bệnh vực phi nhân tính (*L' In-Humain*) và ca tụng sự dã man tàn bạo (còn gì "hợp lý" hơn nữa, vì phủ nhận nhân bản tức là chấp nhận phi nhân bản... Đó là sự hợp lý thông thường của kẻ hạ nhân)...

Khi tôi nói: "Đạo Phật Zen chống luận lý học" tất nhiên người ta nghĩ rằng tôi muốn nói; đạo Phật Zen trục xuất mọi xác đáng tin mật của tư tưởng để thay thế bằng những bản năng và những cảm xúc hoặc để bệnh vực chủ nghĩa phi lý trí (*L' irrationalisme*), nghĩ như vậy thì "hợp lý" vô cùng vì ai cũng hiểu, chống luận lý học tức là bệnh vực phi luận lý học (*L' a-logique*). (Đó là lý luận của kẻ hạ nhân).

Khi tôi nói: "Đạo Phật Zen chống lại những giá trị" tất nhiên mọi người đều nghĩ rằng tôi muốn ám chỉ: chống lại những giá trị là nhận rằng tất cả mọi sự đều vô giá trị (Đó là lý luận của kẻ hạ nhân!).

Khi tôi nói: "Đạo Phật Zen cho rằng con người chỉ có thể giải thoát nơi một trần gian này"; tất nhiên người ta nghĩ rằng tôi muốn nói: đạo Phật Zen đã hạ thấp con người xuống hàng trần tục và chối bỏ mọi thể tính siêu việt (*Transcendance*); nghĩ như vậy

thì thực là “hợp lý”! (Đó là sự hợp lý của kẻ hạ nhân!)

Khi tôi nói: “Đạo Phật Zen không tôn thờ đức Phật như là giá trị tối thượng”; tất nhiên người ta nghĩ rằng tôi muốn nói: đạo Phật Zen không thể gọi là đạo Phật; vì đạo Phật Zen phản lại đức Phật! (đó là lý luận của kẻ hạ nhân!)

Khi tôi nói: “Đạo Phật Zen chống lại tất cả những gì nhân loại tôn sùng thờ phụng như là thiêng liêng quý báu”, tất nhiên người ta nghĩ rằng tôi muốn nói: chống lại thiêng liêng quý báu tức là tôn thờ “chủ nghĩa hư vô” tức là phá hoại, tức là vô trách nhiệm; (đó là lý luận của kẻ hạ nhân!)

Nếu tôi chống lại thiên đàng, tất nhiên người ta nghĩ rằng tôi bênh vực hoả ngục; nếu tôi chửi rủa trách nhiệm, tất nhiên người ta nghĩ rằng tôi là một kẻ vô trách nhiệm; nếu tôi chửi rủa Tổ quốc, Quê hương, tất nhiên người ta nghĩ rằng tôi là một kẻ phản quốc; nếu tôi chống lại Luân lý, Đạo đức, tất nhiên người ta nghĩ rằng tôi là một kẻ vô luân; nếu tôi chống lại Gia đình, tất nhiên người ta nghĩ rằng tôi là kẻ phá hoại; nếu tôi chống lại Văn minh, Văn hoá, Văn học, tất nhiên người ta nghĩ rằng tôi là một kẻ lạc hậu, hủ lậu. Thực là hợp lý! Thật là hợp lý! (Cái hợp lý của kẻ hạ nhân!)

Đây là những thần tượng: Thiên đàng, Niết bàn, Trách nhiệm, Tổ quốc, Luân lý, Đạo đức, Gia đình, Xã hội, Văn minh, Văn hoá, Văn học, Tiến bộ, Nhân bản, Luận lý học, Lý trí, Siêu việt thể, Thượng đế, Thiêng liêng, Giá trị, vân vân.

Tôi nghe người ta đồng thanh ca tụng những danh từ trên, rồi tôi lại nghe người ta đồng thanh mạt sát nguyên rủa tất cả những gì đối nghịch lại với những danh từ trên. Những danh từ nào đối nghịch với những danh từ trên thì được xem như xấu xa, dơ nhớp, bẩn thỉu, được xem như “phủ nhận” (“*Négatif*”) nghĩa là chẳng nghĩa lý gì cả (“*null*”, “*nichtig*”). Người ta chia ra hai thái độ: “phủ nhận” và “chấp nhận”; người ta khẳng định rằng “chấp nhận” là “tốt” và “phủ nhận” là “xấu”. Người ta định rằng không “chấp nhận” thì nghĩa là “phủ nhận”. Đối nghịch với cộng là trừ. Không phải positif thì là négatif. Nhờ luận lý học, người ta đã suy luận rất là hùng biện, nếu tôi mở miệng ra chống đối trách nhiệm, lập tức người ta mắng chửi tôi là “một thằng vô trách nhiệm”, và người ta bấu môi khinh bỉ xa lánh tôi và xem tôi như một “sâu mọt của xã hội” hay “một kẻ phá hại”. Người ta đã định xong những phạm trù nào đó và người ta chấp nhận những phạm trù này như là “xác nhận” những gì đối nghịch lại những phạm trù này được xem như là “phủ nhận”. Người ta ca tụng thái độ “xác nhận” và nguyên rủa thái độ “phủ nhận”; tất cả những gì không nằm trong lãnh vực “xác nhận” thì liền bị người ta quăng ném vào hố sâu (đã được đào trước) và hố sâu này được gọi là hố “phủ nhận”; người ta đồng hoá hố “phủ nhận” với hư vô; người ta đưa đẩy tất cả đối nghịch vào trong chủ nghĩa hư vô mà người ta đã tự phát minh bằng luận lý học (Martin Heidegger: *On s’est à tel point empli de “logique” qu’à la seule mention d’une opposition aux valeurs énumérées plus haut, l’opposé est immédiatement et exclusivement pris pour l’envers, pour le contraire nul et sans valeur. Tout ce qui ne s’en tient pas aux domaines bien connus du positif est rejeté dans la fosse, creusée d’avance, de la négation pure qu’on identifie, au Néant. On fait tout sombrer dans un nihilisme qu’on vient d’inventer soi-même à l’aide de la logique*) <sup>[9]</sup> .

Sự “đối nghịch” chỉ là “phủ nhận” khi nào người ta đã định trước, đặt sẵn cái “xác nhận”. Tôi muốn hỏi: tại sao người ta không chịu tư tưởng vượt ra ngoài sự định trước, định sẵn? Tại sao người ta không chịu tư tưởng vượt ra ngoài hai thái độ “phủ nhận” và “chấp nhận”? cf. Heidegger: *Le “contre” cependant, quand une pensée se dresse face au donné, ne conduit – il pas nécessairement à la négation et au négatif?*

*cela n'arrive – mais alor d'une façon inévitable et définitive, c'est - à - dire sans nous laisser la moindre liberté de regarder sur autre chose – que si le donné a été immobilisé auparavant en tant que "positif" dans le cadre figé de cette opposition (au "negatif"), prise au sens absolu. Derrière cette attitude se cache alors le refus de la pensée de s'avancer au-delà du donné prédonné. En se référant continuellement au logique, on se donne l'apparence de vouloir s'engager sur le chemin de la pensée, alor qu'on vient, précisément, d'abjurer tout pensée) [10]*

Tôi nói rằng cuộc đời phi lý nhưng tôi không tự tử, bởi vì "phi lý" không phải là "phủ nhận"; "phi lý" bị xem như "phủ nhận" là khi nào người ta đã định trước và bất động hoá "hữu lý" như là "xác nhận".

Người ta dùng luận lý học để phụng sự tư tưởng, nhưng thực sự, người ta đã từ bỏ phản bội tư tưởng.

Chống thuyết nhân bản không phải là để bênh vực tinh thần phi nhân và chống đối này mở ra những viễn tượng khác hẳn. Triết học Heidegger cũng thế. (Heidegger: *l'opposition à "L'humanisme" ne mène nullement à une défense de l'inhumanité, mais qu'elle nous ouvre des perspectives bien différentes*)

Đạo Phật Zen không đặt con người như "cứu cánh" hay "giá trị cao đẳng" (theo chủ nghĩa nhân bản cổ điển) và đạo Phật Zen cũng không cho rằng "con người tự chọn lựa" như chủ nghĩa nhân bản của Sartre. Và mặc dù Heidegger chống đối nhân bản nhưng việc chống đối này của Heidegger cũng mở ra những viễn tượng khác hẳn những viễn tượng của đạo Phật Zen (vì ai cũng biết rằng quan điểm căn bản của triết học Heidegger là quay về "Sein") và đạo Phật Zen không phải là "chủ nghĩa nhân bản" mà cũng không phải là "chủ nghĩa phi nhân bản", con người đạt đến Phật tính là con người phủ nhận con người, tức là chối từ nhân bản.

Chống luận lý học không có nghĩa là bênh vực phi lý mà là dẫn đến cái Lý minh mông của Trời Đất. Triết học của Heidegger cũng thế (*Être contre la logique ne signifie pas être pour l'illogique mais pour le logos et son essence*).

Khi tôi nói: "Đạo Phật Zen nhận rằng con người chỉ có thể giải thoát tại một trần gian duy nhất là trần gian này", tôi không muốn nói rằng Zen chối bỏ mọi "siêu việt thể". Đối với Zen, hai thế giới (tâm linh và vật chất) chỉ là một, không có sự chia rẽ và làm hai miền khác biệt tách rời nhau: chỉ có một vũ trụ con người (so sánh Sartre: *Il n'y a pas d'autre univers qu'un univers humain l'univers de la subjectivité humaine*) (Câu này của Sartre gợi cho ta nhớ đến thuyết Duy thức của Phật giáo). Zen không ghét bỏ trần tục để mà tìm kiếm một thế giới tâm linh xa xôi. Đối với Zen, thế giới tâm linh ở ngay nơi thế giới ô trọc này, Zen không ước vọng đến tương lai mà chỉ thực hiện đường đi của mình ở hiện tại (đây cũng là điều mà Zen tách xa Heidegger; đối với Heidegger tương lai là quan trọng nhất, để mà con người làm cái *Entschlossenheit*). Thiên đàng từ trong người tôi chứ không ở nơi đâu cả. (Ta dễ nhớ đến nhà thơ thần bí William Blake; Blake không ghét bỏ trần gian tục giới; ông chỉ nhận thế giới tâm linh ở nơi chính trần gian này).

"Đạo Phật Zen không tôn thờ đức Phật như là giá trị tối thượng" như thế không có nghĩa là Zen đã phản nghịch lại Phật giáo. Trái lại, nhiều học giả đứng đắn ở thế giới thường nhận rằng Zen mới là tinh túy của Phật giáo, bởi vì Zen mới đạt tới trung tâm điểm của kinh nghiệm đức Phật Thích Ca; trung tâm điểm ấy là mỗi người tuyệt đối đi con đường riêng của mình; đức Phật Thích Ca đạt đến chân lý ấy bằng chính những kinh nghiệm bản thân của Ngài, nếu chúng ta trung thành với đức Phật thì

chúng ta phải lìa xa Ngài; bởi vì không ai làm thầy ai cả; mỗi người phải làm thầy cho chính mình, chân lý là chân lý của riêng từng người. Hơn nữa, tôn thờ đức Phật như giá trị tối thượng là một hành động nguyên rủa đáng sợ nhất vì đã hạ thấp Phật tính. Vừa tư tưởng vừa đánh giá là xúc phạm nguyên rủa ngạo mạn nhất. (cf. Heidegger: *Proclamer "Dieu" comme "valeur suprême", c' est donc dégrader l'essence de Dieu. Penser en évaluant constitue, ici partout le plus grand blasphème contre l' être qui puisse s' imaginer*).

Đạo Phật Zen giải thoát con người ta khỏi mọi ràng buộc ở mọi phương diện và đưa con người đến tự do tuyệt đối, tôn sùng những gì thiêng liêng quý báu là tự ràng buộc mình vào vòng nô lệ; những thiên sư đều xem nhẹ truyền thống và chẳng bao giờ nô lệ những kinh điển: họ chẳng bao giờ trọng những kinh Phật như là những quyển sách thiêng liêng quý báu.

Tinh túy của đạo Phật Zen có thể thu gọn vào bốn câu sau đây:

*Ở ngoài kinh điển xa lìa truyền thống  
Không dựa vào những tiếng và những chữ  
Nhìn vào bản chất và đạt đến Phật tính  
Chỉ thẳng vào tâm thức con người.*

Những câu trên là những nguyên tắc của đạo Phật Zen và cắt nghĩa sự khác nhau giữa Zen và những tông phái Phật giáo khác.

---

[1] Heidegger, *Was ist Metaphysik* (Frankfurt am Main; Verlag G. Schmete Bulme, 1931)

[2] Heidegger, "Wom Wesen des Grundes" (*Jahrbuch für Philosophie und Phänologische Forschung*, Ergänzungsband, Halle, Niemeyer 1929).

[3] Xem Heidegger, "The Essence of Truth", bản dịch Anh trong quyển *Existence and Being* do Werner Brock giới thiệu và trình bày trong (trang 143-83) (Vision Press, London 1949).

Trong thiên cáo luận "The Essence of Truth", chúng ta thấy Heidegger định nghĩa "chân lý" theo nghĩa Hy Lạp là Aletheia (sự lột màn) chứ không phải theo nghĩa thông thường La tinh là Veritas (chân lý theo nghĩa Veritas có nghĩa là xứng hợp tương ứng giữa vật và trí, rei và intellectus).

Quan niệm Chân lý của Heidegger là lột trần màn để cho xuất hiện chân tính (Sein); nếu đem so sánh với tư tưởng Phật giáo thì sự lột màn Vô minh để cho xuất hiện Chân tính, tức là Phật tính.

[4] D.T. Suzuki, "Satori, or Enlightenment" trong *Zen Buddhism*, Doubleday, N.Y. 1956, tr. 91

[5] D.T. Suzuki, *Buddhist Philosophy and its effects on the life and thought of the Japanese people*, Kokusai, Bunka Shinkikai, 1963, tr. 4.

[6] Cf. D.T. Suzuki, "Existentialism, Pragmatism and Zen" trong *Zen Buddhism*, Doubleday, N.Y. 1959, 269.

[7] Cf. D.T. Suzuki, *Essais sur le Bouddhisme Zen*, Albin Michel, 1949-1943, tr. 21.

[8] Martin Heidegger, *Lettre sur l'humanisme*, éditions Mouton Paris, 1957

[9] So sánh nguyên tác: *Man ist so erfüllt von "Logik" dass alles sogleich als verwerfliches Gegenteil verrechnet wird, was der gewohnten Schläfrigkeit des Meinens zuwider ist. Man wirft alles, was nicht bei dem bekannten und beliebten Postiven stehen bleibt, in die zuvor angelegte Grube der blossen Negation, die alles verneint, dadurch im Nichts endet und so den Nihilismus vollendet. Man lässt auf*

*diesem logischen Weg alles in einem Nihilismus untergehen, den man sich mit Hilfe der Logik erfunden hat.*

[10] So sánh với nguyên tác: *Aber weist denn das "Gegen" da sein Denken gegenüber dem gewöhnlich Gemeinten vorbringt, notwendig in die blosse Negation und in das Negative? Das geschieht nur dann und dann allerdings unvermeidlich und endgültig, das heisst ohne einen freien Ausblick auf anderes und von diesem her über den Bezirk der möglichen Entgegensetzungen zu ihm absolut und zugleich negativ entscheidet. In solchem Verfahren verbirgt sich die Weigerung, das vorgemeinte "Positive" samt der Position und der Opposition, in die es sich gerettet glaubt einer Besinnung auszusetzen. Man erweckt mit der ständigen Berufung auf das Denken ein, während man dem Denken abgeschworen hat.*

### **Chương ba**

#### **Nghĩ về ý nghĩa của Phật giáo Thiên tông qua vài suy luận triết học Heidegger (tiếp theo)**

#### **6.**

Bởi vì muốn tránh sự đồng hoá nông cạn, chúng ta mới nói Thiên tông chống cái này, chống cái kia. Sự thực thì chữ "chống" này cũng nguy hiểm và dễ gây ngộ nhận.

Thiền là Giải thoát, là Ngộ: như thế Thiền chống lại những vọng tưởng mà người đời thường nuôi dưỡng trong tâm trí họ.

Những "biến kế sở chấp" (*vikalpa*) tựu trung là:

1. Luân lý học
2. Chủ nghĩa nhân bản
3. Luân lý
4. Bảng giá trị

Người đời thường hay viện dẫn mê tín vào bốn vọng tưởng trên; thường khi họ lấy những vọng tưởng ấy làm tiêu chuẩn cho mọi hành động; họ xem những vọng tưởng ấy như là những chân lý bất di dịch, những sự thực tối thượng.

Ở Tây phương, triết gia đầu tiên đã nhận thấy rõ những tai hại của những vọng tưởng trên là Nietzsche: Nietzsche đã can đảm quét sạch những tín điều về bốn vọng tưởng trên; đến Nietzsche chẳng những Thượng đế đã chết, mà chủ nghĩa nhân bản cũng chết theo và sau đó ngã quy tất cả thành tri của bảng giá trị cũ, của Luân lý học, của Luân lý. Sau khi Nietzsche mất rồi thì ngày nay, chúng ta thấy Heidegger đang làm tiếp sự nghiệp của Nietzsche.

Mặc dù là một triết gia, nhưng Heidegger đã đi về con đường của Thiền, khi Heidegger nhận ra những vọng tưởng trên.

Thiền đá phá Luân lý học, bởi vì Luân lý học chỉ là một lẽ lối suy tư có hạn định, không thể đưa đến giải thoát, không thể đưa đến Ngộ; một người còn mê ngủ thì dù họ có lý luận đến tuyệt vời đi nữa thì lý luận ấy cũng chỉ là lý luận trong mộng.

Thiền đá phá chủ nghĩa nhân bản, bởi vì chính chủ nghĩa nhân bản đã là phi nhân bản rồi, sở dĩ phi nhân bản là vì bị ràng buộc trong chủ nghĩa. Nhân bản đúng nghĩa là nhân bản thì không có chủ nghĩa; còn chủ nghĩa là còn nô lệ vào chủ nghĩa ấy, thế

mà vẫn chưa giải thoát được. Thiền không là Nhân bản, mà là “Phật bản”.

Thiền đả phá Luân lý vì con người cũng dễ tàn nhẫn một cách có khoa học, khi họ được Luân lý bảo vệ họ; Luân lý là một cái cớ để người ta cầu an; Luân lý xuất phát từ lòng yếu đuối nhu nhược của con người; Thiền vượt lên trên Thiện và Ác. Đại bi (*Mahakaruna*) cũng đồng nghĩa với Đại trí (*Mahaprajna*).

Thiền đả phá bằng giá trị, vì Thiền cho rằng xem đức Phật là một giá trị tối thượng, tức là đã hạ thấp Phật tính, vì đã đánh giá đức Phật; dù xem đức Phật là một giá trị tối thượng vẫn là đánh giá đức Phật; vì giá trị tối thượng cũng vẫn là giá trị, chúng ta chưa giác ngộ, chúng ta không quyền đánh giá một người đã giác ngộ; đánh giá là một hành động phạm thượng. Bởi thế, không nên xem đức Phật là một giá trị tối thượng, mà phải xem đức Phật như là khả năng vô biên mà chúng ta có thể thực hiện trong đời này, mà thuật ngữ Phật giáo gọi là “Phật tính”.

Sở dĩ tôi phải xác định thêm những dòng trên là vì tôi muốn tránh những điều ngộ nhận có thể xảy ra khi tôi nói rằng Thiền tông chống Luân lý, chống chủ nghĩa nhân bản, không xem đức Phật là giá trị tối thượng, vân vân. Sự xác định ở trên rất cần thiết, vì để có người nông nổi không đặt những nhận định vào văn mạch của toàn bài, rồi hiểu sai chủ ý thì rất đáng buồn.

## 7.

Bây giờ, tôi xin bàn về những ngộ nhận chung quanh Thiền tông. Viết về Thiền tông, hành động “viết về” ấy đã là một ngộ nhận to lớn rồi. Và chính bài này cũng đã vướng vào những ngộ nhận. Nhưng sở dĩ bài này dám nói về những ngộ nhận của người khác chung quanh Thiền tông là vì ít ra bài này cũng ý thức rằng mình đã ngộ nhận trước tiên. Và đi từ nhận thức căn bản này: mình có ngộ nhận, mình mới có thể biết những người khác ngộ nhận, vì tất cả đều nằm chung trong một hoàn cảnh giới hạn.

Tôi chưa giác ngộ, mặc dù tri thức của tôi bảo rằng tôi chưa giác ngộ, nhưng tiềm thức tôi không nhận thế; nếu tiềm thức của tôi cũng đồng ý thực sự với ý thức tôi rằng tôi chưa giác ngộ thì lúc bấy giờ chính sự đồng ý giữ ý thức và tiềm thức ấy là sự giác ngộ rồi; nói một cách khác, nếu thực sự *toàn diện* con người tôi đồng ý rằng tôi chưa giác ngộ thì ngay lúc ấy, trong lúc ấy, trong chớp nhoáng ấy, tôi đã vụt giác ngộ rồi! Giác ngộ rằng chưa giác ngộ, tức đã là giác ngộ.

Tôi vừa nói câu này như một con vẹt, nếu câu nói này đi đôi với toàn diện con người tôi thì tôi đã giác ngộ.

Thiền không có nghĩa là tham thiền, mặc dù Thiền là bởi chữ Zen mà Zen bởi chữ dhyana; nhưng đến Huệ Năng thì Thiền không có nghĩa là dhyana, mà Thiền đồng nghĩa với Trí Bát Nhã, hay nói một cách khác dhyana đổi ra Prajna. Vậy Thiền đồng nghĩa là Giác ngộ. Nói tóm lại Thiền chính là Ngộ mà người Nhật gọi là *Satori*.

Điều ngộ nhận to lớn nhất mà hiện nay tôi thấy rất nhiều vị học giả thường vướng là họ hiểu sai chữ *Thiền* trong nghĩa Thiền tông là *Thiền* trong nghĩa tham thiền hay tọa thiền, mặc dù Thiền tông cũng có tham thiền và tọa thiền, nhưng chính sự tham thiền và tọa thiền ấy không phải là tất cả nội dung của Thiền tông. *Thiền* trong nghĩa Thiền tông không phải chỉ là *Thiền* trong khi tọa thiền hay tham thiền mà trong bất cứ hành động nào thì cũng có thể được cả, và người ta có thể *Thiền* thực sự mà



không cần tham hay toạ. Càng tham thiền hay toạ thiền lại càng xa *Thiền*, nhưng mượn cố này để lừa biếng không tham thiền hay toạ thiền thì lại là cuồng thiền.

Bây giờ, để dễ thảo luận, tôi xin nêu ra một nguyên tắc, mà nếu mọi người chấp nhận nguyên tắc này thì mới có thể thảo luận được. Nguyên tắc đầu tiên là:

*Thiền có nghĩa là Ngộ.*

Ngộ ở đây có nghĩa là Giác Ngộ, tức là kinh nghiệm tuyệt đối mà chỉ có đức Phật là thí dụ cụ thể nhất mà ta đã thấy trong lịch sử nhân loại.

Nguyên tắc thứ nhất này rất quan trọng, vì chính nguyên tắc này sẽ làm tiêu chuẩn để chặn đứng tất cả mọi cuộc tranh luận bí lối và tất cả những lạm dụng nguy hiểm.

Từ nguyên tắc thứ nhất này, chúng ta có thể đi đến mọi nhận thức sau đây:

- Thiền là Ngộ, ai cũng có quyền nói về Thiền, viết về Thiền, bênh vực Thiền, chỉ trích Thiền, tranh luận về Thiền; muốn làm gì thì làm, nhưng luôn luôn cần phải tự hỏi rằng: "mình có ngộ hay không?"; nếu mình tự nhận rằng chưa Ngộ thì khi viết hay nói về Thiền thì phải đứng trên quan niệm "chưa ngộ"; còn nếu tự nhận rằng mình đã "Ngộ" thì lấy gì làm tiêu chuẩn để biết rằng mình "Ngộ"; bởi vì "Ngộ" làm gì có tiêu chuẩn và ai cũng hiểu rằng "Ngộ" mà biết rằng mình "Ngộ" thì chưa phải là "Ngộ"; vậy "không Ngộ" là Ngộ ư? Nói như thế cũng không đúng. Chỉ có cách giải quyết duy nhất là muốn biết mình "Ngộ" hay không, thì cứ đợi đến "Ngộ" rồi sẽ biết.

Tóm tắt lại từ nguyên tắc thứ nhất: Thiền là Ngộ.

Ta đi đến nhận thức này:

- Chúng ta, tôi, anh, ông, chưa được Ngộ. Từ nhận thức này, chúng ta ý thức được thẩm quyền và giới hạn của chúng ta;

- Vì chưa được Ngộ, nên muốn nói về Thiền, chúng ta phải nhớ đứng trên vị trí "chưa Ngộ". Từ ý thức trên, chúng ta đi đến những nhận xét này;

- Vì đứng trên vị trí "chưa Ngộ" thì dù có bỏ suốt đời để nghiên cứu Thiền thì Thiền ấy cũng vẫn là "Thiền chưa Ngộ".

Nếu "chưa Ngộ" mà muốn nói về Thiền thì phải nói như thế nào? Thì phải nói đến những gì là "chưa Ngộ" của chính mình; nếu mình thành thật thao thức đau khổ chấp nhận tất cả những gì "chưa Ngộ" trong con người mình thì lúc ấy là lúc "Ngộ" dễ vụt đến trong nháy mắt, bởi vì "chưa Ngộ" được thực sự hoàn toàn ý thức là "chưa Ngộ" thì đã là "Ngộ" rồi.

Bây giờ xin vào đề.

Trước hết, tôi xin phê bình tất cả những tác phẩm của D.T. Suzuki về Thiền tông.

Nhận xét đầu tiên là tôi thấy ngay trọn vẹn sự nghiệp D.T. Suzuki về Thiền tông là một cái dao hai lưỡi, biết dùng thì có lợi, nhưng vung tay thì tới đại nguy hiểm.

Tất cả những quyển sách của Suzuki chỉ có giá trị là khi Suzuki viết về Thiền mà đứng trên vị trí "chưa Ngộ" và nhất là, ý thức rằng mình "chưa Ngộ".



Tôi xin kết luận ngay rằng D. T. Suzuki là một học giả thông minh, rất uyên bác về Thiền tông, có thể nói là uyên bác nhất thế giới, nhưng tôi phải nói ngay rằng tất cả những quyển sách của D. T. Suzuki đều hoàn toàn vô giá trị, vì D.T. Suzuki đã viết về Thiền mà viết với giọng điệu đầy thẩm quyền như chính D. T. Suzuki đã "Ngộ" rồi! D. T. Suzuki "chưa Ngộ" mà khi viết về Thiền, ông đã dùng ngôn ngữ của người đứng trên vị trí "Ngộ". Thực ra "Ngộ" làm gì có vị trí.

Bởi thế, đọc trọn vẹn sự nghiệp của D. T. Suzuki, tôi chỉ thấy ông lặp đi lặp lại và càng ngày tư tưởng ông càng cạn đi, để rồi đọng lại thành khuôn thước và hệ thống.

Ngộ nhận lớn nhất mà D. T. Suzuki đã phạm là khi ông tự đặt ra câu hỏi sau đây:

Thiền là gì? [\[1\]](#)

D. T. Suzuki viết bằng Anh ngữ là:

- *What is Zen?*

Khi hỏi một câu hỏi như vậy thì đã là thiển cận rồi, vì hỏi như thế thì ít nhất cũng tự nhận mình đã "Ngộ" rồi; nhưng chính vì D.T. Suzuki chưa Ngộ, nên câu hỏi trên mới tố cáo cho ta thấy những điều này:

- Khi đặt câu hỏi thì trong câu hỏi ấy đã *giới hạn* câu trả lời;

- Khi đặt câu hỏi thì câu trả lời đã tiềm tàng có *trước* câu hỏi.

Như vậy khi đặt câu "Thiền là gì?" (*What is Zen?*) thì đã tự ý định trước là "Thiền là một cái gì" (*Zen is something*; vì *What* có nghĩa là *something*). Mà nếu cho rằng: "Thiền là một cái gì" thì đã đánh giá Thiền và lồi Thiền xuống ngang hàng một đồ vật (*What* tức là chỉ cho vật mà thực ngữ của Heidegger gọi là: "*Vorhandensein*").

Bây giờ không cần nói đến chữ "gì" (*What*), mà chỉ cần nói đến chữ "là" là đủ kết luận về một điều sai lầm của Suzuki; "là" (*Is* tức là *to be*) là xác nhận một hữu thể, một bản chất, một thể chất, một đặc chất.

Khi ta nói:

- Thiền là.

- Zen is.

Tức là ta đã nhận rằng mình đã "Ngộ" rồi, vì có "Ngộ" thì mới được bản chất, thể chất, thực chất của Thiền; biết như thế mới nói là "là".

Nếu chúng ta chưa "Ngộ", thì chúng ta không thể nói:

- Thiền là.

Mà cũng không thể nói:

- Thiền không là.

Bởi vì nếu nói là "không là" thì ít nhất cũng đã biết trước cái "là", tức là chỉ có thể

xác nhận là sau khi đã phủ nhận, mà chỉ có thể phủ nhận là sau khi đã xác nhận; đấng này chúng ta không biết gì cả, chúng ta "chưa Ngộ" thì dù có phủ nhận hay xác nhận cũng đều là vô minh.

Như thế, trong câu hỏi: "Thiền tông là gì?" chúng ta đã thấy người đặt lên câu hỏi ấy là một người hoặc nếu không ngu xuẩn thì cũng tự nhận mình đã "Ngộ" rồi, nhưng thực ra nếu "Ngộ" rồi thì cần gì phải đặt câu hỏi ngu xuẩn như vậy?

Từ những nhận thức trên, bây giờ ta thấy những đường lối mở ra như sau:

- Nói về Thiền cho đúng sự thực thì phải "Ngộ" chẳng hạn như lục tổ Huệ Năng và những vị thiền sư đời Đường, đời Tống.

- Nói về Thiền cho đúng đắn, mà đang lúc mình chưa "Ngộ" thì phải ý thức giới hạn mình và chỉ có thể được quyền đứng trên phương diện, vị trí lập trường của một sử gia, một người chép sử, một người ghi lại kinh nghiệm quá khứ.

Trong một cuộc tranh luận giữa Hồ Thích và D. T. Suzuki, chúng ta thấy cả hai đều rơi vào sai lầm [\[2\]](#). Hồ Thích đứng trên lập trường của sử gia, nhưng Hồ Thích lại hiểu sai vai trò lịch sử, khi Hồ Thích cho rằng có thể dùng phương pháp sử học để hiểu Thiền. Hồ Thích đã sai lầm rất lớn; Thiền là kinh nghiệm giác ngộ; lịch sử không phải là kinh nghiệm; lịch sử chỉ là ghi chép kinh nghiệm; Hồ Thích đã sai lầm vì đã cho rằng đứng trên vị trí "chưa giác ngộ" có thể hiểu được Ngộ; còn Suzuki đã đúng khi cho rằng "chưa Ngộ" thì không thể nào hiểu "Ngộ" được, nhưng khi nói câu ấy, Suzuki đã ngụ ý rằng mình đã "Ngộ".

Tất cả những kinh sách của Thiền tông như *Pháp bảo đàn kinh*, *Vô môn quan*, *Lăng già sư tư ký*, *Tín tâm minh*, *Truyền đăng lục*, vân vân,... đều nói lên ngôn ngữ của những con người đã "Ngộ" rồi. Và chính ngôn ngữ ấy là ngôn ngữ của Thiền.

Chẳng hạn như dở quyển *Vô quan môn* ta đọc thấy những câu sau đây của Thiền sư Vô Môn:

*Phùng Phật sát Phật, phùng tổ sát tổ.*

"Gặp Phật giết Phật, gặp tổ giết tổ."

Thiền sư Vô Môn nói câu trên, dùng ngôn ngữ mạnh bạo trên là lúc thiền sư đã "Ngộ" rồi; còn nếu bất cứ người thứ hai nào mà lặp lại câu trên, đang lúc mình "chưa Ngộ" thì câu trên trở thành rất nguy hiểm và tai hại: nó biến thành cái cớ để người ta tự bào chữa hành động ngu xuẩn của mình; nó là cái cớ để người ta ngạo mạn kiêu căng; nó là cái cớ để người ta phá hoại tôn giáo, phá hoại truyền thống, không phải phá hoại để giải thoát, mà phá hoại vì ngu si mê muội, vì đại dốt; phá hoại như thế có nghĩa là tự sát.

Chúng ta chỉ có quyền lặp lại câu nói của thiền sư Vô Môn với ý thức rằng mình chưa Ngộ và câu nói ấy là câu nói của một người đã chứng "Ngộ"; chúng ta chỉ có quyền lặp lại câu nói trên sau khi chúng ta biết rằng đó chỉ là một lối nói để phá chấp đến triệt để; còn chấp "Phật" tức là chưa thành Phật, còn chấp tổ nghĩa là thành tổ: giết Phật ở đây không có nghĩa là giết Phật, mà có nghĩa là giết ông "Phật" mà ta đã chấp trong trí ta.

Bi kịch lớn lao nhất ở đời là mỗi khi vĩ nhân xuất hiện và sau khi vĩ nhân ấy đã nói lên một lời nào thì những kẻ hạ nhân cũng bắt chước nói lại lời ấy; và mặc dù lời ấy

cũng gồm bấy nhiêu chữ, nhưng những chữ ấy không còn là những chữ của vĩ nhân nữa; chẳng hạn vĩ nhân nói "sát Phật" thì hạ nhân cũng bắt chước mà nói "sát Phật"; nhưng đau đớn biết bao là câu lặp lại bỗng trở thành thuốc độc và đưa con người đến chỗ tự sát.

Nietzsche đã hiểu bi kịch trên: chúng ta thấy biết bao nhiêu lần Nietzsche đã để cho Zarathustra cảnh cáo mỗi tai hại ấy trong quyển *Ainsi parlait Zarathustra*.

Heidegger cũng hiểu ý của Nietzsche, nên trong quyển *Qu'appelle -t-on-penser?*, Heidegger có viết: "Trước kia đó là tiếng kêu la của Nietzsche, mà ngày nay tiếng kêu la ấy đã trở thành câu chuyện ba hoa của thiên hạ".

Chẳng hạn, chúng ta thấy Nietzsche kêu: "*Thượng đế đã chết*". Đó là tiếng kêu la thống thiết của Nietzsche để báo tin một kỷ nguyên mới. Ngày nay, thường khi, trong những phòng cà phê hay giảng đường đại học, chúng ta nghe người ta say sưa nói: "*Thượng đế đã chết*"; họ nói ba hoa như vậy, và họ vẫn tiếp tay duy trì thế giới cũ và cản lối làm chướng ngại vật không cho kỷ nguyên mới mở màn. Thế là "siêu nhân" của Nietzsche đã chết theo sau đó, do những đầu miệng của kẻ hạ nhân.

Thế là Nietzsche cũng chết luôn, như Malraux đã có lần nói như vậy.

Về Suzuki tôi xin tóm lại: Thiền của Suzuki không phải là Thiền của *Vô Môn quan*, của *Pháp bảo đàn kinh*, của *Truyền đăng lục*, vân vân; nghĩa là Thiền của Suzuki là Thiền về Thiền, cũng như Luận lý học là tư tưởng về tư tưởng - la pensée sur la pensée theo kiểu nói của Heidegger. Đó chỉ là một lối suy tư đặc biệt - une façon particulière de penser - một lối suy tư đặc biệt như Thiền của Suzuki cũng là một lối Thiền đặc biệt - une façon particulière de méditer, de "Zenifier"!

Những quyển *Vô Môn quan*, *Pháp bảo đàn kinh*, vân vân; là nói lại Thiền của Thiền của vị sư đã "Ngộ".

*Vô Môn quan*, *Pháp bảo đàn kinh*, vân vân, không phải Thiền mà *chỉ nói* về Thiền.

Như vậy Suzuki đã nói về cái "nói về" ấy; còn những kẻ nào tôn sùng Suzuki và tham khảo sách của Suzuki (như Alan Watts, Christmas Humphreys, Hubert Benoit, Blyth, Sohoku Ogata, Chang Chen Chi, vân vân) thì những kẻ ấy lại nói về "cái nói về" dịch ra tiếng Pháp cho dễ hiểu là: la pensée sur la pensée sur la pensée... Như thế là vô minh quá lắm rồi.

## 8.

Trong một câu chuyện giữa người A và người B; người A nói rằng: "Tôi thích cái này, tôi ghét cái kia".

Anh B vụt trả lời: "Anh nói rằng anh có nghiên cứu Thiền nhưng tại sao anh lại nói rằng anh thích cái này, ghét cái kia? Thiền đâu có ghét, đâu có thích!".

## 9.

Trong câu chuyện trên, chúng ta thấy anh A chưa ngộ và anh A hồn nhiên nói năng tự nhiên thành thật như một kẻ chưa ngộ; còn anh B thì chưa ngộ mà lại chỉ trích

anh A; và khi chỉ trích như vậy thì tỏ ý mình đã hiểu Thiền, đã ngộ Thiền; sự thực thì anh B chưa ngộ; chẳng những thế anh còn vướng vào tội ngạo mạn ngu si vì anh B đã học lỏm được trong một quyển sách nào đó rằng "thích và ghét không phải là Thiền"; câu nói là câu nói của một thiền sư đã Ngộ; anh B chưa Ngộ mà lặp lại một câu của người Ngộ, và như thế tự cho mình cao hơn anh A, nghĩa là tự cho mình ngộ hơn người chưa ngộ! Ôi bi kịch! Chân lý mà bị lặp lại thì đã biến thành tà thuyết!

**10.**

Anh X nói chuyện với anh Y; anh Y tỏ cho anh X biết rằng anh Y đều tham Thiền vào mỗi buổi sáng. Anh X cất vấn anh Y: "Thiền tông làm gì có tham thiền, chỉ có đốn ngộ thôi, đâu có chuyện lau bụi, anh không nhớ chuyện Thần Tú và Huệ Năng sao?"

**11.**

Qua câu chuyện trên, ta thấy anh X lặp lại một câu nói của kẻ ngộ, anh X chưa giác ngộ thì anh làm gì hơn Thần Tú mà lại có ý xem nhẹ Thần Tú? Có người được "Ngộ" mới xem nhẹ người chưa giác ngộ thôi, nhưng thực ra, người đã "Ngộ" thực rồi thì không bao giờ xem nhẹ kẻ "chưa ngộ".

**12.**

Về những quyển sách của Suzuki, chúng ta thấy những quyển sách ấy chỉ có giá trị quý báu về phương diện sử học; còn nếu Suzuki muốn đứng về phương diện giải thích kinh nghiệm Thiền thì Suzuki đã thất bại ngay từ căn bản và đứng trên phương diện này, thì những quyển sách của Suzuki chẳng có giá trị gì, mà lại rất nguy hiểm.

**13.**

Dùng thuật ngữ triết học của Heidegger thì sách của Suzuki chỉ có giá trị về mặt *ontique* nhưng hoàn toàn không có giá trị về mặt *ontologique* (thực ra Zen vượt lên trên cả *ontologique*!).

**14.**

Erich Fromm và Richard de Martino trong quyển *Zen Buddhism and Psychoanalysis* (George Allen and Unwin Ltd. London, 1960) đã đem cho Phân tâm học mà giải thích Thiền và đem Thiền vào khai sáng Phân tâm học; quyển sách này rất giá trị, nhưng chỉ giá trị về mặt *ontique*!

Hubert Benolt trong quyển *La Doctrine Suprême selon la pensée Zen* (Editions du Vieux Colombier, Paris, 1960) và quyển *Lâcher Prise* (Editions du Vieux Colombier, Paris, 1954) đã lấy tâm lý học để tìm ra phương pháp trị liệu tâm bệnh theo Thiền: hai quyển sách này cũng rất giá trị và thông minh, nhưng cũng chỉ giá trị ở mặt *ontique*!

**15.**

R.H. Blyth đã viết quyển *Zen in English Literature and Oriental classics* (The Hukuseido Press Tokyo, 1942) để khám phá tư tưởng Thiền trong những tác phẩm văn chương ở Anh và ở thế giới (như Wordsworth, R.L.Stevenson, Shakespeare, Cervantes, vân vân).

R. H. Blyth đã phạm một lỗi lầm lớn nhất là *đồng hoá* tất cả mọi sự.

R. H. Blyth không có một ý thức nào về ý nghĩa học (*Sémantique* theo nghĩa của S.L. Hayakawa trong quyển *Language in Thought and Action*).

Cũng một chữ giống nhau, nhưng ý nghĩa của nó đã thay đổi theo từng người và từng hoàn cảnh; chẳng hạn như chữ A, nếu thiền sư nói A, Shakespeare cũng nói A, tôi cũng nói A, anh cũng nói A; thì tất cả đều là A, nhưng mỗi chữ A này đều khác nhau.

Thiền sư nói A để giải thoát những kẻ chưa ngộ; Shakespeare nói A để đưa lên một thái độ sống của nhân vật; tôi nói A để cho một thí dụ về ý nghĩa học; anh nói A vì anh nói để tập đánh vần, vân vân.

R. H. Blyth đã đem chữ A của thiền sư ra so sánh với chữ A của Shakespeare, rồi kết luận là chữ A của Shakespeare là giống chữ A của Thiền (vì cũng đều là chữ A mà!!!), rồi kết luận rằng ông đã khám phá ra Thiền trong Shakespeare, rồi viết một cuốn sách thật dày đặt tên là *Thiền trong văn học Anh* (*Zen in English Literature*)

Và người nhẹ dạ đọc qua quyển sách ấy liền tin theo R. H. Blyth để rồi chẳng biết "Thiền là cái quái gì" mà nhìn ở đâu cũng là Thiền, mà thực sự nói một cách tuyệt đối thì ở đâu cũng là Thiền, nếu vậy thì cần gì phải xác định là "Thiền trong văn học Anh" vì Thiền ở khắp mọi nơi, vậy thì ta cũng có thể viết về những đề tài như "Thiền trong cách bế em" "Thiền trong việc thi cử" "Thiền trong máy phát thanh", vân vân.

Cứ theo điệu đó thì sẽ đi đến chỗ cuồng Thiền.

Ai mà không biết chữ A của Shakespeare là nói lên thái độ sống của một nhân vật trong vở kịch, tức là chữ A ấy chỉ là sản phẩm của tưởng tượng; còn chữ A của thiền sư là xuất phát từ kinh nghiệm giác ngộ.

R. H. Blyth đã đồng hoá chữ A của Shakespeare với chữ A của thiền sư, đồng hoá một cách vô thức và một cách ngu xuẩn. *R.H. Blyth đã đồng hoá trí tưởng tượng với kinh nghiệm xác thực của đời sống!*

Sở dĩ tôi phải đem R. H. Blyth ra đây để phê bình nặng lời như trên là vì tôi thấy đã có nhiều vị học giả giáo sư đại học đã vô tình đề cao R. H. Blyth, mà không ý thức được sự tai hại nguy hiểm do R. H. Blyth gây ra.

## 16.

Quyển sách tệ nhất về Thiền mà tôi đã đọc là quyển *Essais sur le Bouddhisme en général et sur le Zen en particulier* của R. Linssen (dịch ra Anh văn là *Living Zen*); R. Linssen chỉ lấy tư tưởng của Suzuki, tiêu hoá một cách hời hợt nông cạn thiếu sót, không thông minh.

Một người tiêu hoá thông minh là Alan W. Watts trong quyển *The Way of Zen*, nhưng quyển này vẫn chỉ giá trị ở mặt ontique!

Sohaku Ogata lại càng tệ nhất, ông là một thiền sư khi mà viết quyển *Zen for the West* (Rider, London 1959); ông chỉ trích dẫn lại những ý tưởng của Suzuki và nô lệ Suzuki quá nặng.

Christmas Humphreys viết quyển *Zen Buddhism* (George Allen and Unwin, London 1916) và quyển *Zen Comes West* (George Allen and Ugwic, London 1960), cũng chỉ nằm trong vòng cương toả của Suzuki.

## 17.

Giáo sư Rokusaburo Nieda, khoa trưởng phân khoa triết lý về tôn giáo tại đại học đường Waseda ở Nhật bản, đã vướng vào một lỗi lầm nặng nề nhất khi ông thuyết trình tại Hội nghị Quốc tế về lịch sử tôn giáo tại Marburg an der Lahn ở Đức vào năm 1960); bài thuyết trình của ông nhan đề là "Nothing of Zen in Comparison with Christian Eschatology and Nothing in European Philosophy"; bài này có đăng lại trong tạp chí *Asian Culture* July-Dec, 1960, vol II No. 3-4.

Rokusaburo Nieda đã lầm lỗi nặng nề như sau:

1. Hiểu sai chữ "Không" của Thiền (*Zen*) theo điệu "không" trong "không có".
2. Hiểu sai câu "bất lập văn tự" hay "ly văn tự" bằng cách chấp vào chữ "bất" và chữ "ly" ấy, nghĩa là hiểu theo điệu phủ nhận và chấp nhận;
3. Không hiểu chữ "Dasein" với "Das Seiende" một lầm lẫn quá nặng nề mà bất cứ người nào đã đọc triết lý Heidegger cũng không thể tha thứ được;
4. Thiền là Ngộ, Heidegger đứng trên vị trí "chưa Ngộ" mà viết triết lý; Rokusaburo Nieda "chưa Ngộ" mà leo lên chỗ "Ngộ" của Heidegger, rồi lại đem so sánh chữ "Không" của Ngộ với chữ "Không" của người chưa ngộ. Chữ "Không" của Heidegger còn nằm trong tri thức, còn nằm trong tính luận (*ontologique*); còn chữ "Không" của Thiền, tức là *Sunyata* của Tam luận tông, là đồng nghĩa với Tri Bát Nhã (Prajna) với giải thoát, chữ "Không" của Thiền là không hoá (néantiser) cả chữ "Không" tột đỉnh, kể cả "*Nichts*" của Heidegger. Chỉ khi nào chữ "không" (*Nichts*) bị phá tan đến vỡ tung mất đi thì "*Sunyata*" mới xuất hiện lên làm việc giải thoát toàn diện.

Để chấm dứt, tôi xin có những nhận xét sau đây:

1. Thiền là Ngộ; Ngộ là giải thoát;
2. Chưa giải thoát mà nói về giải thoát thì chỉ có thể đứng trên lập trường sử học với ý thức rằng mình là kẻ chưa giải thoát;
3. Lặp lại lời nói của các thiền sư đã giác ngộ, đang khi mình chưa giác ngộ thì chính sự lặp lại ấy đã làm lời nói ấy trở nên vô nghĩa và rất nguy hiểm, đồng thời chặn đứng lại sự giải thoát của chính mình.

4. Đọc sách của Suzuki để hiểu tư tưởng của Suzuki; đọc Alan Watts để hiểu tư tưởng của Alan Watts; đọc Christmas Humphreys để hiểu tư tưởng của Christmas Humphreys; chứ đọc Suzuki, Alan Watts, Christmas Humphreys để hiểu tư tưởng Thiền là một điều sai lầm to lớn, là lăm ngón-tay-chỉ-ngón-tay-chỉ-ngón-tay-chỉ-ngón-tay với mặt trăng; lăm ngón tay chỉ mặt trăng đã là nguy hiểm; lăm ngón-tay-chỉ-ngón-tay-chỉ-mặt-trăng lại nguy hiểm gấp đôi; lăm ngón-tay-chỉ- ngón-tay-chỉ-ngón-tay, vân vân lại càng nguy hiểm vạn lần.
5. Thiền là giải thoát; chúng ta được quyền đem Thiền so sánh với bất cứ tư tưởng triết lý nào ở thế giới cũng được, nhưng khi so sánh phải nên nhớ Thiền là Thiền, còn tư tưởng triết lý nào dù cao siêu đến đâu nữa cũng còn nằm trong sự trói buộc của lý trí; dù là chủ nghĩa phi lý vẫn bị trói buộc bởi chữ "phi".

Sau cùng phải thêm rằng, kẻ viết bài này "chưa Ngộ" và bài này được viết ra trong vị trí "chưa Ngộ" ấy. Hiểu giới hạn mình như thế, phải chăng cũng là thấy được đường đi rồi?

*Hiểu Zen có nghĩa là lao vào đêm tối, bước đi trong đêm tối, không có đường, không thể thấy đường nào nữa. Cứ lúi đầu đi vào hố thẳm mà không mong đợi Giác Ngộ! Vứt bỏ luôn cả Zen! Xô ngã mọi con cờ, ném luôn cả ván cờ, đứng dậy, phủi tay và bước ra ngoài đường, ngó lên trời, ngó xuống đất, bước đi và gặp ai cũng cười, không muốn cười thì mở mắt ra nhìn thấy cái chết đang lang thang trên tất cả những hình dáng của mọi sự, rồi tự coi mình như một xác chết đang di động, cái xác chết ấy lại biết uống, biết ăn và biết đói. Và BIẾT YÊU nữa! Yêu, yêu, yêu, cái giống gì cũng yêu. Chết và yêu, yêu và chết, lúc nào cũng yêu-chết, lúc nào cũng chết-yêu. Vừa yêu vừa chết, tất cả phép lạ, tất cả phép lạ ở đây!*

<sup>[1]</sup>Xem quyển *Zen and Japanese Culture* của D.T. Suzuki trang 3-18 Routledge and Kegan Paul, London, 1959. Hoặc quyển *Introduction to Zen Buddhism* của D.T. Suzuki, trang 38 – 47 (Routledge and company, London, 1949). Hoặc bộ *Essays in Zen Buddhism* của D.T. Suzuki, cuốn 1, 2, 3 (Rider and company, London, 1949, 1950, 1953). Hoặc quyển *Zen for the West* của Sohaku Ogata, trang 11- 20 (Rider and company, London, 1959). Hoặc quyển *The Practice of Zen* của Chang Chen Chi, trang 120-124 (Harber and Brothers, New York, 1959). Hoặc quyển *Zen Buddhism* của Christmas Humphreys. (George Allen and Unwin, Ltd, London 1960).

<sup>[2]</sup>Xem chương "Zen: A Reply to Dr Hu Shih" trong quyển *Studies in Zen* của D.T. Suzuki, trang 129 – 164 (Rider, London, 1959).

## Chương tư

### Ý thức bất diệt - Biểu tượng cuộc đời trong tiểu thuyết Ivo Andric

#### 1.

Năm 1961, nhà văn Nam Tư Ivo Andric được giải thưởng Nobel về quyển *Cầu trên sông Drina*. Ông gọi tiểu thuyết của ông là "Chronique" (biên niên sử), bởi vì *Cầu trên sông Drina* bao gồm trên ba trăm năm lịch sử Nam Tư.

Tôi không nghĩ rằng tôi đang đọc lịch sử. Tôi lại có cảm tưởng man mác rằng mình là



một hồn ma; vì quá lưu luyến với cõi trần, nên trên ba trăm năm vẫn hiện về lãng vãng trên cầu Drina để theo dõi những đau thương của cuộc đời.

*Càng lớn tuổi tôi càng thấy mình là một con ma giữa đời sống cô hồn này. Mỗi người là một con ma trong tương lai. Nhưng tương lai là gì? Nghĩa địa. Khi thấy mình là ma thì đồng thời cũng thấy mình là Phật, vì chỉ có Phật mới là kẻ duy nhất biết rằng mọi sự đều trở thành ma, nhưng khi vừa biết được như thế thì tất cả bóng ma đều tan mất.*

Thế hệ này rồi đến thế hệ khác, lớp lớp người, lớp lớp sóng, bao nhiêu sương gió, mưa to bão loạn, khói lửa ngút trời: dòng sông Drina cuồng loạn, dòng sông Drina thanh bình. Cát bụi. Hương thời gian thổi qua heo hắt. Cầu Drina vẫn lạnh lùng bắc ngang dòng đời vô tận.

Thành phố Visegrad ở ngay bên cầu Drina. Từ mấy thế kỷ, cuộc đời lặng lẽ của dân cư thành phố đã bắt rễ ngay giữa cầu. *Vận mạng dân cư thành phố và vận mạng chiếc cầu dính liền chặt chẽ với nhau đến nỗi người ta không thể nào nghĩ rời ra được* [\[1\]](#). Phần quan trọng nhất trên cầu Drina là *kapia*, sân thượng ở giữa cầu. Tất cả những biến cố lớn nhỏ đều xảy ra tại *kapia*. Nơi đây, những đêm trăng thanh gió mát, ta thấy bao nhiêu người lô nhô, lổ nhổ, trò chuyện, nô đùa sung sướng; hết thế hệ này rồi tới thế hệ khác, bao nhiêu lớp người kế tiếp nhau đều lần lượt trải qua chặng đời của họ nơi giữa cầu. Cũng có lúc cầu Drina hoàn toàn vắng lạnh hoang vu; thỉnh thoảng một vài cơn gió vèo qua trên mặt đất khô khan và ánh trăng ma quái chiếu rọi vào những đầu người ứ máu treo lắc lư giữa sân cầu. Đó là những thời tao loạn biến động ở biên thù. Một vài người lính đi qua lại trên cầu; không khí nặng nề vây trùm cả thành phố. Rồi mọi sự đen tối cũng đều qua hết.

*Tất cả đen tối đều phải đi qua. Cả ánh sáng cũng đi qua. Chỉ có người mù mới hiểu thế nào là đêm tối. Khi hiểu như vậy, thì đêm khuya mười hai giờ sẽ trở thành đêm giao thoa của ánh trăng và bình minh.*

Cầu Drina lại sống bình thản như xưa; cũng từng ấy người nhỏ lớn, từng ấy câu chuyện vui buồn, từng ấy bi kịch và hài kịch của đời tiếp diễn không ngừng từ mấy trăm năm. *Cuộc đời dân cư thành phố đã trôi chảy phát triển trên cầu và tại kapia. Người ta luôn luôn nghe những tiếng "trên cầu" trong tất cả những câu chuyện về biến cố gia đình, công cộng hay riêng tư. Những bước chân chập chững đầu tiên của tuổi thơ và những trò chơi ban đầu của tuổi trẻ đều xảy ra trên cầu Drina* (trang 15). Tất cả mọi sự, như đám ma, đám cưới, tình yêu, sự thương lượng, buôn bán, giải hoà, gây cãi, tranh luận, hợm mặt, hẹn hò và chờ đợi đều xảy ra nơi sân thượng giữa cầu.

*Đời sống là cuộc nổi loạn nơi "sân thượng giữa cầu" và cái chết là dòng sông trôi chảy không ngừng "tự trời cao đổ xuống".*

Dân cư ở Visegrad mang nặng dòng máu nghệ sĩ, họ là những người thích trầm tư mặc tưởng, mơ mộng xa vời, phóng túng chơi với, triền miên, thanh thản với đời sống bên trong, tận hưởng thú đời, dễ dãi và xem thường tiền bạc. Người ta kể chuyện một tên cướp nọ, trước khi bỏ nghề vì quá già yếu, đã dặn một môn đệ như vậy: "Lúc nào anh định ẩn núp để đánh cướp và anh thấy thẳng nào khùng khùng đi ngựa, chân thòng vắt ngang dằng trước yên, tay đánh trống, miệng hát ầm lên, anh đừng đánh cướp nó, mất công vô ích. Hãy để cho nó đi. Nó là dân ở thành Visegrad. Nó chẳng có tiền bạc gì cả, bởi vì tiền bạc chẳng bao giờ bám hạng người ấy" (trang 21).

Dân Visegrad thích ngồi giữa cầu vào lúc bình minh, hoàng hôn hoặc chiều tối để ngắm muôn triệu ngàn sao trên vòm trời hay ngồi dựa tay vào thành cầu, ngắm nhìn những luồng ánh sáng lung linh trên những triền núi và trông những đám mây chơi vơi. Họ là những thi sĩ không làm thơ, những con người nghệ sĩ sống mộng lung trong mộng tưởng triền miên. Người ta nói rằng chính sân thượng *kapia* ấy đã ảnh hưởng đến vận mạng thành phố và đến cả tính tình băng quơ của dân cư thành phố.

Lịch sử của cầu Drina cũng là lịch sử đời sống thành phố và đời sống dân cư ở đó.

Mehmed Pasha, đại nhân của đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, đã có công xây cất cầu Drina. Ngày trước, những vùng lệ thuộc đế quốc Thổ đều phải chịu lệ hiến máu. Quân lính Thổ đi lòng kiếm khắp nơi để bắt những trẻ con đẹp trai khoẻ mạnh - từ mười tuổi đến mười lăm tuổi. Những đứa trẻ này được nuôi nấng đàng hoàng ở Thổ Nhĩ Kỳ để trở thành dân Thổ và sống phụng sự đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Một buổi sáng lờ mờ vào năm 1516, một đứa trẻ thông minh khoảng mười tuổi bị quân lính Thổ bắt đem về Stamboul, lúc đến dòng Drina, đứa bé ấy bỗng nhiên rưng rưng cảm thấy nhói đau trong lòng, nơi đây đã cô đọng tất cả nỗi tuyệt vọng và bất lực khôn cùng của con người, từ đây, đứa bé ấy phải lìa bỏ quê hương vĩnh viễn, theo một lối sống mới, mang tên mới và quên luôn gốc rễ của mình.

*"Trở thành người lớn" và "trưởng thành" vẫn luôn luôn có nghĩa là phải chịu cảnh "quên luôn gốc rễ của mình". Thảm kịch của con người hiện nay là mất rễ. Vũ trụ vốn không có rễ, phải sống cùng độ với sự mất gốc rễ này thì mới có thể ngó thẳng vào sự khủng khiếp ghê sợ của kiếp người: chỉ có sự sợ hãi mới giải thoát khỏi sự sợ hãi. Đi tìm lại gốc rễ là muốn nằm lại trong lòng mẹ. Tự tử.*

Về sau, đứa bé ấy trở thành một vị anh hùng tài ba thống đốc và thượng thư trừ danh, tên là Mehmed Pasha Sokolli, người đã mở mang bờ cõi Thổ Nhĩ Kỳ và tạo nhiều huân công oanh liệt; Mehmed Pasha đã quên nguồn gốc ông, nhưng một hôm, bỗng nhiên những vết tích chua xót của tuổi thơ trở về ám ảnh ông một cách đau đớn mãnh liệt và ông cho xây chiếc cầu to lớn ngang qua dòng sông Drina để nối liền miền Bosnie và phương Đông, nối liền nơi ông chào đời và nơi ông thành người.

*Phải làm sập đổ tất cả nhịp cầu trong đời mình. Đừng mong muốn bắc cầu lại, hãy để sự ngăn cách được là ngăn cách. Chịu đựng sự phân ly, yêu thương sự phân ly. Muốn bắt lại một nhịp cầu là muốn tìm lại khói nhà xưa, tìm lại cái gì đã bay lên và bay mất.*

Sau bao lần trở ngại khó khăn, cầu Drina được cất xong vào năm 1571 và ít lâu sau, Mehmed Pasha chết; nhưng từ đó cầu Drina vẫn sống vĩnh cửu với thời gian, *Qua những biến thiên phát triển nhanh chóng của thể hệ loài người, cầu Drina vẫn không ngừng thay đổi như dòng nước chảy dưới cầu* (trang 71).

*Cái gì rồi cũng thay đổi. Chỉ có một cái không bao giờ thay đổi, đó là cái chết.*

Trên ba trăm năm trời, bao nhiêu thiên tai, bao nhiêu hiểm họa xảy ra... Bao lần chiến tranh, tàn sát, biến động, nổi loạn, dịch, lụt... chẳng hạn trận đại thủy tai vào hạ bán thế kỷ mười chín (chương V), trận nổi loạn ở Serbie vào đầu thế kỷ mười chín (chương VI), bệnh dịch vào giữa thế kỷ mười chín (chương VII), cuộc nổi dậy ở Serbie vào cuối thế kỷ mười chín (chương IX), quân đội Áo chiếm Bosnie vào năm 1878 (chương IX, X, XI, XIII, XIV, XVI, XVII, và XVIII), những chiến thắng của dân Serbes (chương XVIII), đại công Franz Ferdinand bị ám sát (chương XXII)...

Tất cả những biến cố trên đã lay chuyển tới bởi đời sống thành phố; vai trò cầu Drina nhiều lúc phải thay đổi hoàn toàn; sinh hoạt trên cầu cũng thế và cầu cũng bị chiến tranh tàn phá nhiều; thế mà sau bao lần dâu biển, *cầu Drina vẫn không thay đổi qua những năm, qua những thế kỷ hoặc qua những khúc quanh đau đớn nhất trong những biến cố loài người...* (trang 101).

## 2.

Bên dòng sông Drina và nhất là nơi sân thượng giữa cầu, từ thế kỷ này đến thế kỷ khác, từng lớp người lặng lẽ đi vào cuộc đời rồi lại chết đi, để từng lớp người khác tiếp tục bước tới và chẳng bao lâu lại biến mất đi, để từng lớp người khác nữa... Cứ thế, cuộc đời vẫn miên man trôi chảy không ngừng như dòng suối ngẫu bọt giữa ven rừng: suối vẫn chảy, luôn luôn mới nhưng luôn luôn vẫn là một dòng suối cũ. Những người ấy xuất hiện trên cõi đời như những bóng nắng mùa thu. Họ sống một thời gian ở cõi trần, mang nhiều hy sinh tha thiết với đời, chịu đựng nhiều đau khổ, rồi chết đi nhẹ nhàng như làn khói mỏng băng quơ... Họ chết nhưng họ bất diệt.

Họ là Ilinka (người thiếu phụ điên và đau khổ), Radisav (vị anh hùng lẫm liệt bỏ mình vì lý tưởng), Arif Beg (người quản đốc việc xây cất cầu). Dauthodja Mutavelic (người quản thú nhà trọ bên cầu), Jelisije (cụ già ái quốc), Mile (người nhà quê ngây ngô), Salko Corkan (con người cầu bơ cầu bắt, lẳng tử), Fata (giai nhân mệnh bạc), Alihodja Mutevelic (con nhà danh gia vọng tộc), Pop Nicola (giáo trưởng), Mula Ibrahim (quí tộc), Shemsibeg Brankovic (con người cứng đầu bướng bỉnh), Milan Glasicanin (người đánh bạc), Gregor Fedun (anh lính trẻ tuổi si tình), Lotte (cô quản lý lữ quán), Nikola Glasicanin (chàng thanh niên ái quốc nghèo khổ), Vlado Maric (người thợ trẻ nghèo), Fehim Bahtijarevic (người sinh viên trầm lặng), Pavle Ranpovic (bác thương gia lạc lõng), Corka (cô giáo non trẻ) và Jamak (lão đưa đồ quái dị).

Họ sống không lâu ở cõi đời nhưng họ đã để lại trong tâm tưởng tôi những hình ảnh rực rỡ nhất của con người, nhất là Ilinka và Jamak, hai kiếp sống tâm thường nhất trong những kiếp sống trên, thế mà không hiểu vì sao tôi cứ bị hai hình bóng tầm thường ấy ám ảnh theo đuổi tôi một cách lạ lùng nhất; tôi thấy rõ nét mặt kỳ dị của Jamak và nghe tiếng than khóc ảo não của Ilinka trong tiềm thức, nhất là vào những đêm tối có trăng. Phải chăng Jamak và Ilinka là những hình ảnh trung thực nhất của con người. Con người sinh để khổ rồi chết. Phải chăng chính sự đau khổ đó làm con người trở nên một con vật cao quý nhất, tốt đẹp nhất? Con người bất diệt bởi vì con người đau khổ. Những lời nói của Faulkner (trong lúc nhận giải thưởng Nobel vào khoảng mười năm trước Ivo Andric) mà đến hôm nay vẫn còn văng vẳng bên tai tôi: "Con người bất diệt bởi vì con người có một linh hồn, một tâm hồn để trắc ẩn động lòng, biết hy sinh và chịu đựng đau khổ" <sup>[2]</sup>.

Trên đường đời luân lạc, tôi đã từng gặp biết bao nhiêu cụ già lúi đờ, tóc bạc trắng phơ, cô đơn chiếc bóng, không gia đình, không con không cái, ngày ngày hiu quạnh đưa khách sang sông. Tôi đã nghĩ gì? Trên những vỉa hè đầu phố, tôi đã từng gặp biết bao nhiêu người đàn bà điên khùng ngơ ngác, bơ vơ, lạc lõng lang thang giữa người đời như con chó ghẻ? Tôi đã nghĩ gì?

Jamak sống vào thời cầu Drina chưa được xây cất. Thuở ấy, chỉ có Jamak chèo đò đưa khách sang sông. Jamak là một cụ già lẫm liệt trông rất dễ sợ. Chiến tranh đã tàn phá tâm hồn cụ và cụ trở nên bơ phờ lạnh lùng trước cuộc sống. Con người lẫm liệt ấy

đã tung hoành ngang dọc trong mấy trận địa, mang nhiều thương tích và nhiều tiếng tăm, để rồi vào buổi hoàng hôn của đời mình trở về lặng lẽ âm thầm trên dòng Drina. Cụ không bao giờ cười và cũng không bao giờ nói chuyện với khách sang sông; mỗi lần trả tiền đò người ta cứ ném tiền xuống khoang thuyền và cụ vẫn lạnh lùng chẳng bao giờ quan tâm đến. Nét mặt trông hung dữ, nhưng tính tình cương trực ngay thẳng. Những lúc mực nước sông lên cao hay trời kéo mây, cụ kéo đò vào nghỉ và lúc bấy giờ, dòng sông Drina trở thành đại dương bao la vì không ai có thể qua sông được nữa; có kêu gọi cách gì đi nữa; Jamak cũng không bao giờ trả lời. Tiếng người gọi đò ơi đi chan hoà với tiếng mưa rơi phũ phàng, rồi biến mất giữa dòng sông. Cuộc sống lặng lẽ của cụ lái đò cô đơn và kỳ quặc ấy khiến ta bàng hoàng nghĩ ngợi. Những gì đau thương chua xót của đời đã hằn vết ray rút trong lòng cụ để rồi lúc tóc bạc trắng phơ cụ trở về sống âm thầm bên dòng Drina:

*Sầu kiến chu hành phong hựu khởi  
Bạch đầu lãng lý bạch đầu nhân*

Hình ảnh Jamak nhắc lại hình ảnh của một người lái đò khác tên là Vasudeva, trong truyện *Siddharta* của Hermann Hesse (Nobel 1946).

Jamak và Vasudeva là hai người lái đò lạ thường kỳ bí nhất trong văn chương nhân loại, mà có lẽ suốt đời tôi không bao giờ quên được.

Trong truyện *Cầu trên sông Drina*, ngoài Jamak, ta cũng không thể quên Ilinka xuất hiện vào lúc cầu Drina bắt đầu được xây cất. Nàng là một người đầy tớ nghèo khổ, khùng khùng điên điên, thế rồi bỗng nhiên nàng có thai và nàng cũng không hề nói đến tên người đã gây đau khổ cho nàng (hay là nàng cũng không biết ai). Nàng sinh đôi trong một chuồng ngựa nào đó; hai đứa hài nhi đều chết; người ta chôn hai đứa con nàng trong một vườn mận. Vài ngày sau, Ilinka ngồi dậy và đi tìm kiếm hai đứa con nàng; nàng bơ phờ đi tìm khắp nơi trong làng hoặc lai vãng bên bờ sông. Người ta cố giải thích rằng con nàng đã chết, nhưng Ilinka nhút nhát không tin. Từ đó, ngày nào người ta cũng gặp nàng đi thất tha thất thểu khắp nơi. Một thời gian sau, vào mùa đông lạnh buốt, nàng biệt tăm mất dạng luôn. Người thiếu phụ điên khùng đau khổ ấy là hình ảnh trọn vẹn đẹp đẽ nhất của người đàn bà.

Ngoài Jamak và Ilinka, đáng nhớ nhất là Fata, Gregor Fedun, Radisav, Jelisije, Dauthodja Mutavelic, Alihodja Mutavelic, Nikola Glasicanin, Salko Clirkan, Lotte...

Họ đều là những tâm hồn cao quý, *sống trung thành với quả tim của họ*, họ thà chết chứ không bao giờ *tự đánh lừa hay là để kẻ khác đánh lừa mình*, chẳng hạn Gregor Fedun, một anh lính trẻ tuổi gác trên *kapia* của cầu Drina, đã tha thiết yêu đắm một cô gái đi đường; đang lúc chàng ngây thơ dâng trọn tâm hồn mình, chàng có ngờ đâu chàng đã bị cô gái kia đánh lừa để âm mưu tìm đường tẩu thoát cho một tên cướp ghê gớm; chàng đã lỡ yêu say đắm, đến khi mọi sự đổ vỡ, chàng không thể nào sống được vì chàng đã lỡ yêu say đắm, đến khi mọi sự đổ vỡ, chàng không thể nào sống được, vì chàng đã để kẻ khác đánh lừa chàng một cách thảm thương và chàng đã tự kết thúc đời chàng. *Đó là sự kết liễu của một kẻ đã tự đánh lừa và để kẻ khác đánh lừa mình* (trang 167).

*Hãy để cho người khác đánh lừa mình. Còn sợ tự đánh lừa hay còn sợ người khác đánh lừa mình thì vẫn còn nô lệ vào sự ngu dốt của bản ngã. Cứ ngu dốt, cứ khờ khếch, cứ để cho mọi người đánh lừa mình, đó là sức mạnh vô hình của hổ thẳm.*

Hình ảnh Fata cũng đẹp đẽ vô cùng. Cha nàng bắt nàng lấy một người chồng mà

nàng không yêu. Nàng vâng lời cha để giữ trọn đạo con, nhưng đồng thời nàng cũng vâng lời quả tim nàng để giữ trọn đạo sống khi đám rước dâu đi đến giữa sân cầu, Fata đã nhảy xuống dòng sông Drina để tìm nơi chốn nào mà *tất cả mọi sự đều tự do, vô tận, vô danh và im lặng* (trang 109).

Chúng ta không thể nào quên được Radisav, vị anh hùng bất khuất, người đã hy sinh hơi thở của mình để tranh đấu chống lại tàn bạo. Radisav đã bị hành hình ngay trên cầu; chàng chết, nhưng *bất diệt như một tượng đá ngàn năm vẫn còn đó* (trang 55).

Radisav, Fanta, Gregor Rebun đều ở trong những hoàn cảnh khác nhau, nhưng cả ba giống nhau là đều *tim sự sống trong cõi chết*; khi cuộc đời không còn đáp trả lại những tiếng gọi đau thương của lòng họ; họ đã bỏ đi để tìm miền hoa thơm cỏ biển của một chân trời khác.

Jelisije thoáng hiện trên cầu Drina như *một du khách ở trần gian, một bóng phù du trong một thế giới phù du* (trang 85) Jelisije là một cụ già có hình dáng của một tiên ông, suốt ngày bênh bồng lang thang trên những nẻo đường, hết đi hành hương nơi này rồi đến nơi nọ, cuộc đời cụ như một bóng mây phiêu diêu. Vì lòng khí khái và ái quốc, cụ đã bị hành hình trên cầu cùng với người nhà quê ngây thơ vô tội, tên là Mile.

Dauthodja Mutavelic, Alihodja Mutavelic, Nikola Glasicanin, Lotte, Salko Corkan đều là những con người biết sống trọn vẹn với đời họ, cứng đầu cứng cổ, trầm lặng, chịu đựng đau khổ, đầy lòng hy sinh nhân ái, tha thiết với người, thành thật với lòng họ.

Dauthodja Mutavelic đã nói lên ý nghĩa chung của họ: *"Vận mạng chúng tôi trên mặt đất này là đấu tranh chống lại sự suy đồi, sự chết và sự phân tán; dù sự chiến đấu có hoàn toàn hoài công đi nữa, con người cũng phải chịu đựng kiên nhẫn trong sự chiến đấu này"* (trang 73).

*Sự suy đồi, sự chết và sự phân tán là những điều bí mật của đời sống. Không chiến đấu chống lại sự bí mật. Không giải quyết sự bí mật. Chấp nhận sự bí mật và sống với sự bí mật mà không cần tìm hiểu. Bốn phận của tôi.*

### 3.

Ivo Andric đã dựng lại hình ảnh của cầu Drina trên ba trăm trang giấy. Ông muốn nói gì? Phải chăng cầu Drina là *biểu tượng của cuộc đời*? Trải qua bao nhiêu tang thương biến đổi, trải qua bao nhiêu bi hài kịch của con người, dòng đời cứ trôi chảy mênh mang và bất diệt. Sau bao lần thủy tai, sau bao lần chiến tranh khói lửa, cầu Drina vẫn *trường tồn với thời gian* (trang 70, 71, trang 80, 81, trang 93, trang 101, trang 142 – 143, trang 214, trang 223, trang 234, trang 289, trang 307...)

*Không có gì trường tồn với thời gian. Thời gian chỉ là thời gian vì thời gian vẫn đi qua. Chỉ có giây phút hiện tại là thời gian duy nhất, sự trường tồn duy nhất, để vừa sống vừa chết, vừa yêu vừa thương, vừa cảm tạ vừa sáng tạo. Sự trường tồn là ảo tưởng. Chỉ có sự trường tồn duy nhất là khói thuốc. Và một đôi mắt nào đó của người yêu bắt gặp đôi mắt mình trong một thoáng nhìn lướt qua.*

Phải chăng ý nghĩa của tác phẩm *Cầu trên sông Drina* nằm gọn trong câu văn sau đây: *"Cuộc đời là một sự huyền diệu khó hiểu, mặc dù bị phá huỷ tàn hại không ngừng, cuộc đời vẫn trường tồn như chiếc Cầu trên sông Drina"* (trang 81).

Quyển truyện chấm dứt lúc Alihodja từ giã cuộc đời và lúc cầu Drina bị chiến tranh phá huỷ thế mà người đọc không cảm thấy thất vọng và lại mang đầy hy vọng triển miên như Alihodja (lúc thở hơi cuối cùng, Alihodja vẫn còn tin tưởng mãnh liệt vào cuộc đời).

Tôi cảm thấy lo lắng lúc thấy cầu Drina bị chiến tranh phá huỷ, đọc xong quyển truyện rồi, tôi băn khoăn tự hỏi không biết ngày hôm nay cầu Drina ấy có còn trường tồn ở Nam Tư hay không? Lần dở lại những trang giới thiệu của dịch giả Lovett F. Edwards, tôi vui sướng biết bao được biết rằng: "Du khách đến Nam Tư vẫn còn có thể nhìn thấy chiếc cầu trên sông Drina" (trang 7).

*Khi tôi không còn sợ hãi thì chiếc cầu sông Drina vẫn còn đó: Chỉ một thoáng sợ hãi lướt nhẹ qua tim thì một triệu chiếc cầu Drina cũng tan ngay lập tức.*

Dù có bị phá huỷ, cầu Drina vẫn bất diệt. Ivo Andric đã dựng lên biểu tượng trọn vẹn của cuộc đời.

*Sự bất diệt chỉ có ý nghĩa khi nào mình sợ chết. Không sợ chết thì cái chết trở thành chiếc cầu đưa mình qua một miền đầy hoa phong lữ thảo và nắng mới.*

Một chiếc cầu và một dòng sông. Chỉ có bấy nhiêu thôi cũng gây nhiều nghĩ ngợi.

---

[1] Ivo Andric, *Na Drina Cuprija*, nhà xuất bản Prosveta Belgrade, 1949. Bản dịch Anh văn: *The Bridge on the Drina*, dịch giả Lovett F. Edwards, nhà xuất bản Mac Millan, New York 1059, 21.

[2] He is immortal... because he has a soul, a spirit capable of compassion and sacrifice and endurance (Faulkner's address accepting the 1949 Nobel Prize for literature).

## **Chương năm**

### **Ý thức sinh tồn – Đêm ngày và William Saroyan hay là con người lang thang trong đời sống**

*Tặng Thanh Tuệ, người bạn khó quên với nụ cười dễ nhớ*

*Chương này được viết ra trong giai đoạn thơ mộng nhất của tôi ở Đà Lạt cách đây đúng mười năm, tức là năm 1960. Đạo đó, tôi dạy sinh ngữ ở trường Việt Anh tại Đà Lạt, tôi ở trọ dưới hầm nhà của một biệt thự số 14 đường Yagut. Phòng tôi nhỏ hẹp, nhưng có một cánh cửa lớn mở ra, khu vườn đầy hoa hồng và bướm. Tối đến, có những con bướm nhỏ bay lạc vào phòng tôi (bây giờ, không biết những con bướm ấy ở đâu? Chắc chúng đã chết từ lâu và chỉ còn tôi ở lại với những gian phòng đóng cửa). Những buổi sáng sớm, tôi nằm ngó ra vườn đầy sương mù và thấy rằng mình đang sống thơ mộng, yêu đời, mệnh mang, lòng tôi lúc ấy cất lên tiếng hát ngọt ngào như tiếng chim vừa mới thức dậy trong vườn. Ngày này kéo đi đến ngày khác, tôi sống từ căn mộng này đến căn mộng khác. Mộng mị tuôn chảy đêm ngày trong gian phòng rộng cửa mở ra đón tiếng chim và cánh bướm. Đôi khi có vài con ong say mật bay lảo đảo vào phòng tôi. Cánh cửa sổ phòng tôi không phải vẫn mở luôn luôn, vì tôi vẫn đi vắng gần như thường xuyên. Sau những giờ dạy là tôi đi lang thang suốt đêm khắp mọi đường phố Đà Lạt. Cả ban ngày tôi vẫn bước đi khắp đồi núi Đà Lạt, cả*



những ngày mưa, tôi cũng đi trong mưa và dường như không thấy ướt.

Có một đêm tôi đã đi suốt đêm như vậy, tôi đi đê mê trong đêm tối như đi vào trong câu chuyện thần thoại của trẻ em. Và lúc sáng trở về nhà, tôi đã ngồi viết một mạch trọn cả chương này.

Viết xong tôi nằm ngất mê man trên giường. Lúc tôi thức giấc thì Đà Lạt đã về chiều và mưa đập mạnh vào cửa sổ. Tôi vội đứng dậy, choàng áo, đi xông ra ngoài mưa. Đi suốt đêm nữa. Nước mưa ngọt một mùi vị chỉ nếm được trong tiền kiếp.

P. C. T

## 1. Đêm

Tĩnh mịch im lặng chó sủa tiếng ho buồn buồn của một người đàn ông tất cả đều tĩnh mịch im lặng thiên thu để kêu nhỏ nhẹ nặng nề mộng mị chó sủa từng hồi từ hoàng hôn Đà - Lạt đêm nay trời không làm mưa đêm nay Đà Lạt âm u tĩnh mịch ngày tận cùng của nhân loại sự im lặng thánh kinh của buổi khai thiên lập địa bầu trời nhiều sao hay không tôi khóc nước mắt bởi vì khắp nơi đều toàn là sự mù quáng ngộ nhận hiểu lầm thực là lạ lùng. *It was this other thing this incredible blindness everywhere I cried bitterly* phải thế không William Saroyan người trẻ tuổi gan dạ trên cái đu bay và người con trai sung sướng là tôi thường thức suốt đêm để hỏi mình là ai và để suốt đời hưởng được một chút thanh bình trong trái tim tôi muốn đi tu vì sợ ở đời sẽ mau trở thành người điên bởi vì cuộc đời quá tươi đẹp và nụ cười của sự chết trên đôi mắt tôi *and the smile of death in my eyes* Saroyan đã gọi thế trong chuyện *Aspirin is a Member of the NRA* bởi vì tôi là người bị bệnh thần kinh quá nặng cho nên đêm nay tôi thường nhắc lại tên Saroyan như tên quá khứ để mà thấy rằng cuộc đời đáng sống và để nhớ lại những kỷ niệm xa xôi sẽ làm thuyên giảm bệnh thần kinh như những viên thuốc Névrovitamine 4 hay như những bản nhạc buồn của Chopin của những nhạc sĩ tôi không biết tên và thường lắng nghe đau khổ trong những quán về khuya những lúc chán đời vì cuộc đời quá tươi đẹp và bởi vì William Saroyan là nhà văn Mỹ từ chối giải thưởng Pulitzer và viết văn nhẹ nhàng hay gợi lại những kỷ niệm nồng nàn xa xôi Saroyan thường cười cái chết và nghĩ rằng thực sự tuyệt đối không có gì để nói *there was absolutely nothing to say* trong truyện *The Earth Day Night Self* và Saroyan viết văn bằng bạc khơi khơi trên đời chứ không có giọng điệu bệnh hoạn thần kinh neurasthénie psychasthénie hypochondrie dépression schizophrénie et caetare như Hemingway John Dos Passos Faulkner James Joyce và Dosto và Kafka và Leonid Andreyev bởi thế đêm nay không ngủ được nằm tráo trở trên giường thao thức trong đêm tối không thắp đèn vì tôi ghét ánh sáng tôi thích ngồi trong bóng tối đen và nhớ và *the light I disliked so I used to sit in the darkness remembering* nhớ gì chỉ nhớ lại William Saroyan nhớ Saroyan có nghĩa là nhớ lại những kỷ niệm của chính mình tôi tự hỏi tại sao ngày xưa tôi chỉ ưa thích những điều giản dị và thanh bình và bình lặng và những gia đình *We went in for the simple things peace and quiet and families* thế mà loài người không bao giờ để tôi yên và trời ơi sao ở đời lại quá nhiều ngộ nhận bi thương để cho James Dean phải đi bơ vơ lạnh lẽo trên quãng đường vắng vẻ loáng nước mưa và để cho Rimbaud phải du côn đau đớn đi tìm những gì miên viễn ở mây bến Phi - châu hiu quạnh và để cho Van Gogh bàng hoàng đi ăn mày một ánh lửa mờ hồ ở mặt trời thiêu đốt và để cho Blaise Cendrars phải đau lòng cầu nguyện van xin Thượng đế hãy xót thương những gái giang hồ vào ngày lễ Phục sinh thế rồi Blaise Cendrars từ trần ngày 21 tháng giêng 1961 và trần gian mất một con chim én vàng một con chim én không làm thành mùa xuân như anh đã nói nhưng mùa xuân là cái gì tôi không cần mùa xuân ấy vì cuộc đời chỉ cần có một con



chim én thoi và thực ra tôi ghét lý luận lồi thoi và ghét lý trí phân minh cho nên hồi chiều này tôi đã xé tron 911 trang *Histoire de la Philosophie occidentale* của Bertrand Russell dù tôi rất yêu Bertrand Russell song tôi rất bức bối mà được Bertrand Russell cho biết rằng William James đã mắng chửi Santayana một cách tồi tệ và Santayana cũng ghét William James vô cùng, tôi lấy làm lạ tại sao những triết gia thường ghét nhau như thế, bởi vậy tôi ghét triết học vì triết học chỉ dạy tôi một điều là ghét triết học tôi ghét triết học cũng như con gái của Luther nói rằng ai không yêu rượu không yêu đàn bà con gái và không yêu bài hát thì vẫn là thằng điên đại suốt đời *Wer nicht liebt Wein Weib und Gesang, bleibt ein Narr sein Leben lang* tôi chỉ yêu bài hát bài ca âm nhạc chứ không hề muốn yêu con gái vì thế tôi sung sướng làm thằng điên đại suốt đời tôi ghét con gái cũng như tôi ghét Thượng đế cũng như một đứa học trò trốn học ghét thầy cũng như một đứa con hoang đang bỏ nhà mà đi và ghét cha mình và tôi ghét Thượng đế đến nỗi không bao giờ thích sống trên thiên đàng và muốn sống đời đời dưới hoả ngục để nhìn xem lửa thiêu đốt muôn triệu người triệu triệu triệu người để mà có thể đo được sức tàn nhẫn của Thượng đế và tôi muốn làm quý Lucifer để có thể chửi rửa Thượng đế cho hả giận còn nếu Thượng đế không muốn cho tôi làm quý thì tôi xin được làm người và đệ một cái đơn xin phép được sống *sometime soon I must write an Application for Permission to Live* như *The Daring Young Man on the Flying Trapeze* của William Saroyan và bỗng nhiên tôi nhớ đến hình ảnh đau buồn của một người làm vườn nghèo khổ khum num chấp tay thưa ông chủ nhà rằng xin lạy ông vui lòng cho con nghỉ làm vườn một ngày thôi vì nhà con mới lên Đà Lạt chưa quen lạnh nên đã bị đau phổi con phải nghỉ việc để chạy tiền đi bác sĩ xin ông cho con lạy ông thương hại con không hiểu sao chuyện ấy xảy ra hồi chiều này thế mà tối nay giữa đêm khuya tịch tịch tôi sực nhớ lại có lẽ sẽ nhớ mãi suốt đời cũng như tôi sẽ nhớ mãi thiên thu nét mặt lặng buồn của một người ăn mày bơ vợ đứng giữa ngã ba phố chợ giữa bao nhiêu người bình thân chen chúc vui cười ca tụng cuộc đời tươi đẹp trong khoé mắt đau thương và tôi thương người làm vườn người ăn mày bơ vợ cũng như tôi thương người Ba-lan hay người Do Thái hay người Mỹ Da đen hay người cha già Phi châu quê mùa lum khum đưa tiền con trai qua Mỹ du học như tôi đã thấy trong tạp chí *Life* là một tờ báo tôi ghét cũng như tôi ghét *Paris Match* và *Time* và *Reader's Digest* và cứ chỉ điệu bộ của André Malraux không hiểu tại sao ban đêm tôi thường hay khóc lặng lẽ trong đêm tối chắc là tôi cảm thấy đời mình quá cô độc và cuộc đời hết lối cảm thông toàn là ngộ nhận và đôi lúc tôi mỉm cười vì nghĩ rằng chính mình cũng là hiện thân của ngộ nhận không hiểu sao ban đêm tôi thường khóc có lẽ vì quá cô độc bơ vợ giữa vũ trụ lặng lẽ người sẽ bảo tôi như đứa con nít khóc trong giường vì mẹ đi vắng ư thực đúng đôi lúc như đêm nay vì quá khổ cho nên tôi tự an ủi tôi bằng cách tự nhủ như vậy *con ơi hãy ngủ đi con* tôi bắt chước giọng nũng nãn của một người mẹ và khi tự nói tôi tưởng tượng đó là những lời của một người mẹ hiền lành trên đời đang nhìn tôi khổ và ôm tôi vào lòng mà nói như thế *con ơi hãy ngủ đi con* tôi cười rồi tôi khóc bởi vì tôi nhớ đến người mẹ trần gian của tôi mỗi lần ngày xưa khi còn nhỏ mà được mẹ tôi gọi tôi là *con* thì tôi sung sướng vô cùng nhưng ít khi mẹ tôi gọi thế thường thì bị gọi là *mầy* tôi đau khổ tủi lòng nhưng tôi rất thương mẹ tôi và cha tôi cũng thế ít nói suốt ngày không nói với con một lời hình như cha mẹ tôi không bao giờ sống được một ngày hạnh phúc mặc dù ngày trước đời sống vật chất của gia đình quá thừa thãi thế mà mỗi lần cha mẹ tôi lồi thoi ồn ào với nhau thì mầy anh em chúng tôi là những đứa nhỏ bé bỏng phải xúm lại khóc lóc và quì lạy van xin cha mẹ đừng ghét thù nhau từ đó từ những ngày như vậy tôi bắt đầu biết thế nào là đau khổ từ đó trở đi khi lớn lên bơ vợ bước vào cuộc đời tôi thường bi quan chán đời dù tóc hãy còn quá xanh và tôi thường rụt rè nhút nhát tôi đã đi tìm khắp nơi để tìm thử coi ai có nét mặt mà không mang sự đau khổ nhưng tôi không gặp mà tôi nhớ đến William Saroyan như nhớ đến dòng sông nào tê tái trong giấc mộng đời *I could see the pain in the faces everybody I looked everywhere for one face that was not the mask of pained life but I did not*

*find such a face* tiếng khóc nức nở của trẻ con và trong tiếng khóc của trẻ con ta thấy tình huynh đệ của loài người *and the way they cry there you have the brotherhood of man* tiếng chuông linh quang hay linh sơn và tiếng trẻ con khóc xa xa trong đêm tối tiếng chuông nhà thờ có lẽ khoảng năm sáu giờ sáng rồi suốt đêm không ngủ Van Gogh khi tôi đau khổ tôi cố gắng cười và mỗi lúc khi muốn điên lên vì quá đau khổ tôi nhớ trong *lust for life* và tôi thấy Van Gogh và *savoir souffrir sans se plaindre* biết khổ mà không than thở tiếng chó sủa vài tiếng chim kêu Chaplin đang khóc và cuộc đời ôi cuộc đời ngõ hẹp buồn bã hương thời gian màu sắc một đêm và những con chim hải âu trên mái nhà của Anne Frank và em bé bán bánh mì rao buồn trên đường cái trời sáng rồi hay sao nét mặt trầm tư của Albert Schweitzer và Einstein viết về Gandhi và đôi mắt của Kafka không có gì để nói *there was nothing to say* không có gì để nói giọng hát tiếng hát tha thướt của Connie Francis của Dalida của Françoise Hardy mai này tôi chết đi hãy chôn tôi với cây đàn ghi-ta Federico Garcia Lorca mai này tôi chết đi xin hãy chôn tôi với cây đàn ghi-ta trời ơi não nùng cuộc đời ho lao ngội sao bạc mệnh căm căm cuối trời một người con trai cô đơn đau khổ trời bắt đầu sáng chim kêu tiếng chân ai khua động trên sàn gỗ ôi cuộc đời *O swift moment of life it ended the earth is again now* ôi cuộc đời ôi khoảnh khắc nhanh chóng của cuộc đời và chấm dứt và trần gian mặt đất bây giờ trở lại.

## 2. Ngày

Quờ quạng bật đèn lấy nước rửa mặt, suốt đêm không ngủ, nước mát rượi, lạnh và trong, nước của Trời, nước của Đà Lạt thiên thu hay là của William Saroyan (nước của *Going Home*), mùi vị, hương vị ngọt dịu dàng của nước khiến tôi ngạc nhiên lạ lùng, lúc tôi uống nước, trời, sao mà tuyết diệu, tôi cảm thấy dòng nước mát tung toé thể chất tôi, làm mát dịu thoải mái con người tôi *The sweet rich taste of the water amazed him, and as he drank he thought, God, this is splendid. He could feel the cool water splashing into his being refreshing and cooling him* (W. Saroyan *Going home*). Tôi sung sướng, hơi thở trở nên nhẹ nhàng đôi mắt mơn trớn nhìn vào kiếng soi mắt. Rất không đẹp trai. *Very unhandsome*. Tôi mỉm cười hát khê *La vie en rose, Green Field* và *A many splendored thing*; buổi sáng sắp trở về, tôi choàng áo vào người; Đà Lạt sáng tinh sương lạnh lắm; mở ngăn tủ ra còn lại năm đồng, lấy hết bỏ vào túi áo và bước ra ngoài đường phố. Đường Yagut còn ngủ trong tĩnh mịch thần tiên của buổi sáng tinh mơ, sương mai còn loáng thoáng đầu đây, gió thổi mạnh mờ mờ; tôi hát khê trên đường phố chim bay là đà khắp nơi, chim từ đâu sao bay ra nhiều quá; những con chim lí nhí như những cô gái hồn nhiên bước ra trường lúc tan học, tôi mỉm cười khi nghĩ ra một lối so sánh đa tình như vậy; tại sao buổi sáng nào gà cũng gáy sung sướng triền miên và bây giờ mấy con chó cũng không còn sủa nữa, nửa đường Yagut loáng nước, đêm vừa qua không mưa, có lẽ đây là nước ở trong mấy căn nhà đổ ra hay là người ta rửa xe vào lúc đêm, có lẽ thế. Một đàn chim vụt bay ra, không biết từ đâu... những đôi cánh mảnh khảnh khua động trên khúc đường loáng nước. Để kêu trong đám cỏ ướt sương. Tôi nhìn những hòn sỏi đá nhỏ hao mòn lác đác trên mặt đường hoang vắng. Phân bò rải rác dọc theo bờ. Những đường phố Sài-gòn không bao giờ được như vậy, tôi tự nghĩ và cười sung sướng; buổi sáng xám, lạnh, không vui, một buổi sáng cho nguồn sinh lực bên trong, thực là một buổi sáng tuyệt vời. *It was really a splendid morning: gray, cold and cheerless, a morning for inward vigor* (Saroyan, *The daring young man...*) Gà gáy trong trẻo hơn, vài ba con chó lạnh lùng sủa lên đôi tiếng, vài ba tiếng guốc khua lẻ tẻ trên mặt đường, bốn năm con ngỗng vừa chạy vừa kêu vang rền trong mấy bụi cây, tôi ca khê những bài hát ngày xưa và ngược nhìn những con chim bay đi, rồi quay về dưới mái nhà rêu bám ở đường Hoàng Diệu. Tôi đã đi đường Hoàng Diệu có cả trăm lần mà mãi đến sáng nay tôi mới thấy một ngôi nhà kia có một cây bưởi xanh, ôi con người vô tình,

mấy chục trái bưởi đung đưa nhí nhánh trên những cành lá ướt át (vì hơi đêm), trái tươi tròn, những cái vú căng sữa của những người mẹ hiền. Vài ba người vừa mới thức giấc, mặt hầy còn ngây ngủ, đứng nhìn băng quơ ra ngoài đường, một bà cụ gánh hàng đang bước nhanh trước mặt tôi, cuối đường hai ba người xách giỏ thì thào, đi chợ, hai người đàn ông đăm chiêu chạy xe đạp chầm chậm; mộng mị ban đêm còn lảng vảng chập chờn trước đôi mắt kia; bây giờ tôi đang đi ngay giữa thị thành, giữa những người đang sống. (*He was now walking in the city itself, among living men* (William Saroyan, *The daring young man...*). Một bầy chim đang bay qua mái nhà. Một con chó thiu thiu ngủ (suốt đêm đã thức nhiều nên mệt), nằm dài, lừ đừ, vài ba con chim hồn nhiên bay xuống đậu ngay trước mặt, nhưng chó vẫn nằm im lặng. Hai cậu học trò nhỏ bé đi học sớm, trên tay mỗi cậu là mấy đoá hoa tươi, có lẽ mới hái ở dọc đường. Ôi tuổi xanh đã mất. Tôi dừng lại bên cầu Hải Thượng. Hơi sáng bay thoảng vào người tôi. Tôi hít nồng nàn vào phổi. Nhìn xuống dòng nước chảy dưới cầu. Toàn là rác dơ bẩn và hôi. Trong đống rác lênh bênh ở dưới chân cầu, tôi sững sốt nhận ra một đám hoa lục bình xanh: vài đoá hoa tím nở trên ấy và vài cánh bướm trắng chập chờn. Rác. Lục bình trong rác. Hoa trong lục bình. Bướm trong hoa. Tôi mỉm cười ca hát sung sướng trong tâm hồn. Một buổi sáng huy hoàng. Tôi thở nhịp nhàng. Từng đàn chim bay chập chùng trên mái nhà xưa cũ rồi bay trên những ngọn cây cao. Gió thổi nhẹ qua những lá cỏ xanh non. Mùa này mưa bắt đầu trở về và cỏ xanh lạ lùng. Khói nhà ai đun lên tận trời. Những điệu nhạc xa xôi của Chopin trở về bàng bạc trong tâm tưởng.

*Anh hãy đàn cho tôi nghe bản nhạc Tristesse của Chopin và bản Paloma, anh đàn đi anh. Tôi thích hai bản này nhất. Thăng này mơ mộng quá, còn nhỏ quá mà thích tình tứ mộng mơ rồi, tao biết tại sao mày thích hai bản này. Gió thổi nhẹ một chiếc lá rơi xuống đất. Trông anh như thăng ngáo. Nhìn nét mặt ngơ ngác. Đi đường phố nào anh cũng tần ngần. Nhìn bộ tịch anh người ta có thể đoán anh mới đến Đà Lạt lần đầu tiên. Gặp cái gì anh cũng nhìn hết, anh chưa đến Đà Lạt bao giờ sao? Vâng đây là lần đầu tiên tôi đến Đà Lạt. Anh sao khó tính quá, anh hãy để tôi nhìn Đà Lạt chứ sao? Đà Lạt đẹp quá vậy anh? Anh trông tôi đứng lại, nhìn đằng trước cũng đẹp, nhìn bên phải cũng đẹp, nhìn bên trái cũng đẹp, nhìn lên trời cũng đẹp mà nhìn dưới đất cũng đẹp, anh nhìn xem: mấy con bướm trắng bay thơ mộng quá, tôi thương mấy con kiến kia quá, anh ơi. Tôi tự tính lại thì ngạc nhiên thấy mình đã sống ở Đà Lạt khá lâu, mấy con bướm và mấy con kiến (mà tôi gặp hồi đến Đà Lạt lần đầu tiên) chắc đến ngày hôm nay chúng nó đã chết rồi. Con người tôi ngày trước bây giờ không còn nữa, con người hồn nhiên ấy cũng chết theo dòng đời. Đôi mắt tôi ngày nay không còn là đôi mắt ngày xưa, của lần đầu tiên đến Đà Lạt. Tôi là một kẻ khác, không phải là tôi nữa. Tôi đã chết lâu rồi. Nghĩ lại mấy năm tôi sống ở Đà Lạt, tôi mới thấy rằng tôi sống như một cái xác không hồn, lãnh đạm, thờ ơ, lạnh lẽo, khó khăn, bơ phờ, mất mát, chết giữa ngày tháng tịch mịch; mỗi sáng mỗi chiều cũng bấy nhiêu cử động, ăn uống, đi dạy, ngủ, ăn, dạy, ngủ, ăn, dạy, đi, về, ngủ, thức, ăn, dạy, đi, về, đi, đi, về, đi rồi về, cũng bấy nhiêu cử động lặp đi lặp lại, ngày nào cũng như ngày nấy, cũng bấy nhiêu cử động máy móc, cũng bấy nhiêu sáng, chiều, tối trở đi, trở lại, trở đi, trở lại, bao nhiêu lần tôi đi lang thang giữa phố chợ mà không biết mình là ai, bao nhiêu lần tôi đi giữa đường phố mà đôi mắt kia không nhìn thấy gì cả, đôi mắt thao láo như đôi mắt của một người chết. Buổi sáng hôm nay bỗng nhiên tôi cảm thấy sống lại; con người tôi của ngày đầu tiên đến Đà Lạt bỗng nhiên trở về nhập lại cái xác không hồn này, tôi lắng nghe hơi thở của tôi dịu dàng trong thể xác, tôi lắng nghe điệu nhạc triền miên của thuở hoa niên xanh mộng trở về thướt tha trong lòng tôi, tôi lắng nghe tiếng lá rơi nhẹ trên mặt đất tôi trở mắt nhìn từng sự vật, tôi có cảm giác như đã mù từ lâu rồi và bỗng nhiên hôm nay mắt được sáng lại; tôi phân biệt từng đợt màu xanh khác nhau trong từng chiếc lá, tôi đứng lại để lặng nhìn một con kiến bé nhỏ đang bò lên lá cỏ; tôi ngửi được hương vị nồng nàn của*

không khí, mùi thoảng của lá khô, hương thơm của khói, của cây non, của một đoá hoa héo trong bụi cây bên đường; mấy năm nay, tôi đã đi trên đường này biết bao lần nhưng nào có thấy, nghe, ngửi, cảm gì đâu, thế mà hôm nay, cũng trên con đường này, đột nhiên tôi ý thức rằng mình đang thở nhíp nhàng, rằng bao nhiêu sự vật xinh đẹp lạ lùng đang thở quanh tôi. Tôi có cảm giác lạ lùng mới lạ của một đêm ngủ miên man trong một ngàn năm rồi bỗng thức dậy và mắt sững sốt nhìn tất cả hình ảnh huyền diệu vây phủ chung quanh mình. Tất cả sự vật chung quanh đều xuất hiện ra lần đầu tiên trước đôi mắt tôi. Thực là huy hoàng tuyệt vời. *I walked into town, into the streets where we had put up our building, and suddenly I saw them for this first time, suddenly I was really seeing them and they were splendid* (W. Saroyan, *And Man*). Tôi chỉ đứng lại trên cỏ và lắng nghe mình thở; chỉ thở thôi và sung sướng rồi, *now it was a pleasure even to breath* (Saroyan, *Going Home*). Thế rồi tôi giựt mình khi nghe tôi cười vang lên giữa đường phố; tôi cười tất cả những điều thảm thương ở trần gian, sự ngộ nhận khắp nơi, sự xung đột đời đời, sự hung dữ tàn ác, những điều đó làm con người trở nên một con vật nham hiểm, tôi cười sự chết, *he was laughing at all the pathetic things in the world, the misunderstandings everywhere, the everlasting conflict, the cruelty, the things that made man a malignant thing...* (Saroyan, *Laughter*). *The worst that can happen to any of us, I used to laugh, is death.* (Saroyan, *Aspirin is a Member of NRA*).

Tôi cúi xuống hái một lá nhỏ, lắng lẽ nhìn và hôn vào lá ấy. Một người đi đường ngỡ ngác ngó lại. Tôi cười. Tôi cảm thấy thương yêu tất cả nhân loại, yêu cả kẻ thù, yêu cả những điều tôi ghét, yêu hết mọi sự vật ở trần gian này. Tôi bước đi. Người ấy ngó theo. Năm sáu con chim én tung bay lên trời. Ý nghĩa trọn vẹn hiện ra; hình ảnh trọn vẹn của trần gian và của con người xuất hiện huy hoàng trước đôi mắt rục rịch của tôi. Ôi trần gian mặt đất này đẹp biết bao. *The earth was so lovely* (Saroyan, *The Earth, Day, Night, Self*). Chỉ sống thôi thì thực là vinh quang biết bao. *How glorious it is to be alive, to be still living* (Saroyan, *My self upon the earth*). Tôi yêu và thờ phượng cuộc đời... Tôi tin rằng tôi sống... Thoáng giây này sẽ không bao giờ bị xoá nhoà; nó vượt thời gian, *I love and worship life... I believe that I live ... and the living of this moment can never be effaced. It is beyond time* (Saroyan, *My self upon the earth*). Tôi là tôi, *je suis moi*, vũ trụ là vũ trụ, trần gian này là trần gian, cuộc đời là cuộc đời, con người là con người. Tôi đang đi đây, ngày nay, năm này tại thành phố Đà Lạt ; tôi biết rằng rồi đây tôi sẽ chết, bởi thế hôm nay tôi sống. *Chết là một thực tại*, bởi thế *sống cũng là một thực tại*. *Chết không thể nào tránh được, cũng giống như sống cũng không thể nào tránh được. In order not to be a fool, you must believe that as much as death is inevitable life is inevitable* (Saroyan). Sự huy hoàng tuyệt vời của *Sống*. Hãy để con người đi và nói và nghĩ và ngủ và mơ và thức và lại đi và lại nói và lại đi động và sống. *The splendor of the mere fact of his being alive... Let him walk and talk and think and sleep and dream and awaken and walk again and move and be ALIVE* (Saroyan, *A cold day*). Hãy sống. Đừng chết nữa. Tôi đã chết. Rất nhiều người đã chết. Hầu hết nhân loại hiện nay đang chết. Hãy sống. Hãy ca tụng tình huynh đệ của những sự vật sống, *the brotherhood of things alive* (Saroyan). Sống là tuyệt đối là trọn vẹn, vĩnh cửu, thiên thu. *Sống là chân lý*. Nhớ là sống, cười là sống, không hấp tấp vội vã là sống, *you are in a hurry but I am not: I shall witness your disintegration* (Saroyan, *Aspirin is a Member of the NRA*). Ngủ là sống, *It is only sleep that we my know that we live* (Saroyan, *The daring young man...*). Yêu thương là sống, đau khổ là sống, trung thành với chính mình là sống, *I want him to be himself* (Saroyan, *Myself upon the earth*). Luật lệ, phép tắc, quy chế, truyền thống, ngôn ngữ, triết học, lý trí không phải là sống. *All my life I have laughed at rules and mocked traditions, styles and mannerisms... I do not believe in philosophies* (Saroyan, *Myself...*). Sự thù ghét, sợ hãi, sự ham quyền lực không phải là sống, những chủng tộc, những chính quyền không phải là sống. *I do not believe in*



*aces, I do not believe in governments* ( Saroyan, *Seventy thousand Assyrians*).

Những nhà đạo đức, luân lý, những kẻ hèn nhát và những hiền nhân, thánh nhân, hiền triết không phải là sống. *I love to make small explosions with the inflated bags of moralists cowards, and wise men* (Saroyan, *Myself upon...*). Tất cả những ngôn ngữ hợp lại là sống, hay không có ngôn ngữ nào cả là sống, sự im lặng là sống, *We see the universe through the language we know, we do not see it through all languages or through no language at all through silence. If I want to do anything, I want to speak a more universal language* (Saroyan, *Seventy thousand Assyrians*). Trái tim của con người là sống, *the heart of man, the unwritten part of man that which is eternal and common to all races* (Saroyan, *Seventy thousand...*). Mâu thuẫn, nghịch lý là sống, *Every life is a contradiction... I believe in the right of man to contradict himself* (Saroyan, *Myself upon...*). Hình ảnh trọn vẹn, hình ảnh của sự trọn vẹn là sống.

Chương trình kế hoạch của tôi là SỐNG vô hạn định, *It is my plan to stay ALIVE indefinitely* (Saroyan, *Fight your own war*).

Đà Lạt có nhiều chim hơn bất cứ nơi nào ở Việt Nam. Tôi vừa đi vừa lắng nghe tiếng chim kêu. Tôi cười miên man và nhìn mấy chiếc lá đung đưa trên những cành cây gầy yếu. *Tại sao anh trông gầy yếu xanh xao như vậy? Bởi vì mấy tháng nay tôi bị bệnh mất ngủ, tối nào tôi cũng nằm trần trọc suốt đêm, nằm ngó trần nhà chứ không làm gì cả. Suốt đêm, tôi nằm trong bóng tối, không dám nghĩ gì cả, nhiều khi tôi cười sặc sụa lúc khuya khoắt hoặc tôi lấy tay đập mạnh vào giường. Tôi không hiểu tại sao tôi làm như vậy; có những đêm, tôi tự hỏi tôi là ai, tại sao lại nằm nơi cái giường này, tôi giựt mình toát mồ hôi ra; sáng thức dậy tôi cử động ăn nói vô ý thức vắng mặt, đi đứng bơ phờ, đầu óc mệt mỏi, chán chường không thích, không thêm gì cả, không ham, không ghét gì cả; tôi sống xa lạ chơi với tất cả mọi người, - tôi không biết đi đâu, không biết thuộc về đâu; tôi là ai, là ai, thân xác này thuộc về ai, mười ngón tay của ai, của tôi; tôi là gì, tôi không biết, tôi không gì cả; tôi không biết gì cả; anh đừng hỏi tôi tại sao tôi gầy yếu, anh đừng hỏi, xin đừng hỏi, tôi là ai, tôi chết, tôi sống, gầy yếu, mạnh khoẻ, trắng, đen, không, có, sống, chết, tôi không biết, xin đừng hỏi, tôi không hiểu gì cả, tôi hét đây, tôi la đây, tôi không hiểu gì cả, anh có nghe không?* Thuở ấy tôi đã chết và tôi không biết rằng mình chết, tôi chạy loanh quanh trốn tránh hư vô: tôi đã trốn tránh đủ cách, đủ đường, đủ lối mà càng trốn tránh hư vô tôi càng gặp hư vô và tôi chết; không hiểu sao bỗng nhiên sáng nay tôi thấy mình sống lại và sống là một bí mật, là sự huyền nhiệm, chân lý là đã đi trong sự chết để rồi mới thấy lại sự sống. Tôi không thể cắt nghĩa được và thực ra, tuyệt đối không có gì để nói cả, *there was absolutely nothing to say* (Saroyan, *The earth, day, night, self*). Hôm nay, tôi biết rằng tôi sống, tôi thở. Chỉ có thể thôi. Sống là Chân lý. Tìm chân lý là tìm sống. Sống là thiêng liêng, ngoài ra trên đời chẳng có gì thiêng liêng cả, *there was no sacred thing in the world* (Saroyan, *Seventeen*). Sống là gì? Tôi không hiểu. Đó là chân lý. Tôi không thể kể nói gì cả. Mỗi người phải tự tìm lấy chân lý cho chính mình. Chân lý ấy không ở trên trời mà lại ở tại trần gian này, tại mặt đất này. *I cannot tell anyone. Everyone must see for himself. Everyone must seek the truth for himself* (Saroyan, *And man*). Tôi sống cuộc đời tôi. Anh sống cuộc đời anh. Chị sống cuộc đời chị. Tôi thở cho tôi; tôi không thể nào thở hộ cho ai được. Tôi hoàn toàn vô trách nhiệm; tôi chỉ có trách nhiệm đối với riêng tôi; cũng như anh có trách nhiệm đối với anh. Tôi không có kẻ thù. Nếu có kẻ thù chẳng thì chính tôi mới là kẻ thù của tôi. Chính tôi tự cứu lấy tôi; chỉ những nỗ lực của chính tôi mới cứu được tôi; tôi không trung thành với bất cứ một ý niệm hoặc một danh từ trừu tượng nào; tôi phản bội với tất cả; đôi khi tôi cũng phản bội với chính tôi; tôi chỉ trung thành với hơi thở nhịp nhàng của tôi và của con người. Ở đời không có tốt và không

có *xấu* không có *giả*, chỉ có *chết* và *sống* mà thôi; thực ra thì chỉ có *sống* bởi vì *chết* chỉ là một hình thức triển miên của *sống* và *sống* và *chết* chỉ là *một*; sau cùng chỉ có *hơi thở* là duy nhất, thiên thu, bất diệt, vĩnh cửu, tuyệt đối, trọn vẹn.

*Hai ba chiếc lá rơi xuống, tôi đứng lại nhìn rồi lại tiếp tục bước đi. Mây trắng bàng bạc đầy trời. Chim én tung bay đầy trời. Mây trắng, chim én, lá rơi, ôi cuộc đời! Đà Lạt đẹp. Trần gian đẹp. Ôi cuộc đời!*

Mặc dù trần gian này đầy đau khổ, nhưng trần gian này vẫn luôn luôn là một trần gian tươi đẹp. Nếu sự đau khổ không còn ở trần gian này thì trần gian không còn tươi đẹp nữa. Thế giới này phải được thoát thai trong sự đau khổ để làm trần gian này trở thành một toàn thể (une totalité). Trần gian này, cuộc đời này, sự sống này là một cái gì trọn vẹn mà chúng ta không bao giờ nhìn thấy đủ hết tầm vóc. Bất cứ một hệ thống triết lý nào, bất cứ một ý thức hệ nào, bất cứ một chính trị nào cũng thất bại. Con người muốn nhìn thấy rõ sự thật, sự trọn vẹn của cuộc đời, của trần gian, của con người mình thì phải đánh đổ phá hủy tất cả những gì hiện nay mình yêu quý hoặc mình ghét; con người ấy phải là con người chỉ sống trong hiện tại, không quá khứ, không tương lai, không truyền thống, không đất đứng, không một mái nhà để che đầu. Con người ấy tự lột cả áo quần, đứng trần truồng và nhìn sự trần truồng của trần gian, của cuộc đời. Con người ấy phải là một đám mây trắng lênh đênh trên trời, bồng bồng trong sự sống không vô hạn, bay trên những ti tiện và cao siêu của nhân thế. Bay trên tất cả những chiều hướng xung khắc đối chọi nhau của cuộc đời. Đám mây trắng phiêu bạt ấy không thuộc về một bầu trời nào, không thuộc về một lũng đời nào, không thuộc một giải đất nào, không thuộc về một đại dương nào; đám mây trắng ấy không thuộc về riêng một cái gì và đám mây trắng ấy thuộc về tất cả. Con người hãy ngược nhìn mây trắng, con người không cần phải thuộc về đâu cả, không cần phải thuộc một nhóm nào, một đảng phái nào, một tôn giáo nào hoặc một chủ nghĩa nào. Con người không cần phải nhập Đảng cộng sản hay đi theo tư bản mới có thể sống được. Con người không cần phải đi nhà thờ hoặc đi chùa mới thờ được. Không cần phải đứng dưới một lá cờ nào mới có thể sống. Trái lại phải tránh tất cả những thứ ấy. Hơi thở là hơi thở; có những thứ ấy hay không hơi thở vẫn là hơi thở. Dù sao tôi vẫn tin rằng tất cả mọi sự đều được tạo ra để trần gian này được thở. Người ta sinh ra để thở. Người ta sinh ra để hạnh phúc. Bởi vì người ta không *muốn* thở, không *muốn* hạnh phúc cho nên người ta chết và không hạnh phúc. Tôi xin mãnh liệt rằng tôi đang sống và tôi *muốn* sống. Tôi không đòi hỏi những kẻ khác phải tự hy sinh để thực hiện đức tin của tôi. Tôi không cần người khác phải trung thành, phải kính trọng tôi. Tôi chỉ ước rằng những kẻ khác cũng *muốn* sống trọn vẹn như vậy. Tôi là một người có đức tin. Tôi tin nơi tôi. Tôi tin nơi con người *et ma foi est dans l'homme*. Tôi tin nơi quả tim của con người. Quả tim ấy ngừng, tôi sẽ không còn thở nữa, chỉ có thể thôi. Tôi ước mong thế giới này sẽ tiêu tan ra từng mảnh và nhân loại sẽ bị tiêu diệt hết đi để còn sót lại hai người thôi; hai người ấy sẽ sinh con đẻ cái, tạo ra những con người mới, những con người thực sự, yêu thương nhau, lắng nghe hơi thở nồng nàn và được kết hợp nhau bằng nhịp điệu du dương của con tim chó không phải bằng giai cấp, tôn giáo, tổ quốc, nòi giống, nghề nghiệp, chính trị, nhân sinh quan hay ý thức hệ. Dù sao tôi vẫn tin rằng nhân loại vẫn không đến nỗi phải đáng chịu tiêu diệt như vậy bởi vì tôi vẫn tin nơi con người; nói như Anne Frank, *tôi vẫn tin nơi lòng tốt bẩm sinh của con người* (omdat ik nog steeds aan de innerlijke goedheid van de mens geloof) *It is the heart of man that I am trying to imply in this work... Man has great dignity, do not imagine that he has not* (W. Saroyan, *Seventy Thousand Assyrians*). Tôi tôn thờ một tổ quốc: con người, nghĩa là trần gian và tất cả những người ở trần gian. Tổ quốc con người hiện nay đang đổ vỡ điêu đứng nhưng rồi đây tất cả mọi điều đứng tan thương sẽ qua hết. Tôi phải giết con người tôi hiện nay để mà có thể sống lại giữa đất nước loài người. Con người

của tôi hiện nay là con người giả dối, hèn nhát, không dám trung thành với chính mình mà chỉ trung thành với những khuôn thước mẫu mực của người, không dám ăn, không dám nói, không dám đi đứng, di động và không dám thở. Tôi phải giết tôi để tìm lại tôi. Tôi chúc anh tìm lại anh.

*Đường này là đường Phạm Phú Thứ? Nhiều cây lá lấm. Lá thông khô đưa ra một hương vị ngày xưa. Hoa đỏ từng chùm trong bụi cây xanh. Hai ba chiếc lá rơi xuống, tôi đứng lại nhìn rồi tiếp tục bước đi. Mây trắng bàng bạc đầy trời. Chim én tung bay đầy trời. Mây trắng, chim én, lá rơi, ôi cuộc đời! Đà Lạt đẹp. Trần gian đẹp. Ôi cuộc đời!*

Cuộc đời lạ lùng biết bao. Mỗi cuộc đời là một sự mâu thuẫn, một chân lý mới, một phép lạ mới. *Every life is a contradiction, a new truth, a new miracle* (W. Saroyan, *My self upon the earth*). Tôi phải bỏ tất cả tư tưởng và lặn mình vào cuộc sống. Cuộc đời đầy mâu thuẫn. Đây không phải là bi kịch; chỉ bi kịch là khi người ta sợ mâu thuẫn, chân lý là sự bí mật, đầu tiên là Trời, tiếng Trời, ngoài tất cả mọi vật mà vượt lên trên, không có không gian và không thời gian, rồi hư vô, sự trống rỗng im lặng rộng hơn trí óc của con người, trừu tượng và đích xác và thực sự và mất mát, bản thể trong sự trống rỗng, rồi lại đích xác và với sức nặng và sự cứng cỏi và hình thể, hoả và chất lỏng và rồi đi bách bộ qua những vườn nho. *The truth was the secret, god first, the word, the word god, out of all things and beyond, spaceless and timeless, then the void, the silent emptiness, vaster than any mortal mind could conceive, abstract and precise and real and lost, the substance in the emptiness, again precise and with weight and solidity and form, fire and fluid, and then, walking through the vineyards.* (W. Saroyan, *And man*).

Thế giới của tôi sống hiện nay là một thế giới hoàn toàn phi lý, không luật lệ, đầy mâu thuẫn, con người hiện nay cảm thấy bơ vạc lỏng, mất gốc. Hư vô phủ đầy trời. Ngày xưa tôi thường chạy trốn như vô, tìm nguôi khuây trong sự giả dối tạm bợ, tìm lãng quên bằng trăm vạn lỗi. Tôi đã chạy trốn và tôi đã thất bại. Hôm nay, tôi đã biến thành con người mới. Tôi không trốn hư vô nữa. Tôi không than thở nữa. Tôi không tìm về mái nhà xưa nữa. Tôi không còn đau khổ vì mình phải bị mất gốc và mất đất đứng giữa cuộc đời. Tôi sung sướng bơi lội trong hư vô. Tôi hoàn toàn cảm thấy thoải mái trong hư vô và không cảm thấy hãi hùng nữa mà lại cảm thấy tuyệt diệu thanh thoát. Hư vô không phải là bi kịch; chỉ bi kịch là người ta không muốn bơi lội trong Hư vô, khi người ta buông xuôi để cho dòng nước Hư vô cuốn trôi đến chết, khi người ta không cố gắng nhô lên mà thở, khi người ta không chịu học bơi lội. Đây là chân lý. Chân lý thường giản dị như thế.

Muốn bơi được trong Hư vô mà không bị chìm, tôi phải làm những điều giản dị như sau: trước hết tôi phải cởi bỏ tất cả quần áo giày dép nặng nề, tôi lột truồng ra để cho được nhẹ người; công việc này cũng khá khó khăn và hơi kỳ cục vì hiển nhiên người ta sẽ gọi tôi là một thằng điên. Nhưng có hề gì. Thà làm thằng điên để được sống hơn là làm thông thái thánh nhân để bị chìm mà chết. Trước hết tôi cởi bỏ *công ước* ra ngoài thân thể tôi. Công ước (convention) là một bộ phận quần áo nặng nề nhất có thể làm tôi bơi lội không được; *công ước* là kiến thức, ngôn ngữ, dấu hiệu, luật lệ, luân lý, đạo đức, nhãn hiệu, số đếm, vai trò, nghệ thuật, vân vân. Nói tóm lại, tất cả những quy ước do loài người đặt ra để tiện giao thiệp với nhau. Tôi gọi những thứ ấy là *công ước* bởi vì đó là một sự ký kết đồng ý giữa xã hội này đối với xã hội khác. Tôi lột bỏ những thứ ấy bởi vì những thứ ấy đã thất bại trong việc giúp tôi làm nhẹ nhàng thân thể tôi trong giòng nước Hư vô. Tất cả những gì thuộc về *công ước* để có thể nhìn được hình ảnh trọn vẹn của vũ trụ và của đời tôi; tôi không thể nào dùng những danh từ trừu tượng để diễn tả thực tại cụ thể. Dù muốn dù không,



khi lớn lên, con người phải sống trong giả tạo, sống trong những lẽ lỗi công thức đã có sẵn. Khi tôi bắt đầu có trí khôn, tôi phải đi học và đi học có nghĩa là học cách chấp nhận những luật lệ công ước của xã hội; nếu tôi biết chấp nhận thái độ những thứ đó thì tôi sẽ trở thành phần tử kiên cố của xã hội, một người công dân tốt và gương mẫu. Còn trái lại thì tôi sẽ trở thành một con người bị bỏ rơi, mất đất đứng, sống ngoài vòng xã hội, một *persona non grata*. Khi ra đời sống với con người, tôi phải làm hoà với công ước và nếu tôi không thể làm hoà được thì sẽ có sự giao tranh mãnh liệt giữa công ước xã hội với lòng khát sống phong phú của tôi, khi sự giao tranh ấy trở nên quá phũ phàng, tôi rất dễ trở thành một người điên, một người tội lỗi, một kẻ giết người, một tu sĩ, một người tự tử hoặc một kẻ biết sống trọn vẹn với đời mình. Chỉ có hai đường như trên, một đường thông thường của thể nhân chứa nhiều thành công, hứa hẹn nhiều hạnh phúc và một đường bất thường của một số ít người chứa nhiều thất bại cay đắng, hứa hẹn đầy nguy hiểm giông tố. Tôi tha thiết muốn sống thực sự với tôi, tôi muốn giữ gìn bản ngã tôi, *but I have said that I want to preserve my identity* (W. Saroyan, *My self upon...*) bởi thế tôi xin chọn con đường thứ hai. Anh sẽ bảo rằng tôi cực đoan bởi vì người ta không thể nào sống được nếu ở đời không có công ước giả tạo như thế, dù muốn hay không khi lớn lên tự nhiên con người đã biết nói rồi, người ta không thể nào tự mình muốn câm được. Tôi cũng có nghĩ như anh, nhưng thực ra chính công ước tự nó không có gì xấu, chỉ có *thái độ của người ta hiện nay đối với những công ước ấy mới là nguy hiểm*; người ta đã vô tình quên đi vai trò của những công ước ấy và tự đồng hoá sức sống mệnh mang của mình với những ý niệm chết cứng, khô khan trừu tượng. Khi tôi nghĩ rằng phải lột bỏ tất cả thứ gì thuộc công thức không có nghĩa là tôi phải cởi tất cả quần áo ra, cởi bỏ kiến thức, giáo dục, ngôn ngữ, tư tưởng vân vân. Tôi có thể ăn mặc sang trọng, thắt cà vạt, quần áo chải chuốt, ăn nói trượng giả, làm công công chức, ở nhà lầu, đi xe huê kỳ; nhưng mà tôi vẫn có thể tự hào là một người chống công ước mãnh liệt nhất, bởi vì chính những cái cà vạt kia, những chiếc xe huê kỳ kia, những nhà lầu kia thực sự chẳng có gì xấu cả, chỉ nguy hiểm là thái độ của tôi đối với những thứ ấy. Tôi xin lặp lại một sự thật đơn sơ; ở đời chẳng có gì là *xấu* và chẳng có gì là *tốt*; chỉ có lối nhìn của ta mới nguy hiểm thôi, ta *nghĩ* rằng có *tốt*, ta *nghĩ* rằng nó *xấu*, chỉ có thể thôi. Ta nên xem những thứ công ước ấy chỉ là phương tiện tiện lợi nhất và đừng để những thứ ấy dùng lại ta. "Con người trọn vẹn nhất ở trần gian này là những đứa hài nhi. Những đứa hài nhi chưa bị học nói bất cứ một ngôn ngữ nào mới là nòi giống duy nhất của trái đất này, nòi giống con người thực sự; tất cả những gì còn lại đều là giả dối, hư ngụy như văn minh, hờn ghét, sợ hãi, ham quyền lực, vân vân... khi lớn lên con người học tiếng và chữ của một ngôn ngữ và xem nhìn vũ trụ qua ngôn ngữ ấy". *Babies who have not yet been taught to speak any language are the only race of earth, the race of man: all the rest is pretense, what we call civilization, hatred, fear, desire for strength... we grow up and we learn the words of a language and we see the universe through the language we know* (Saroyan, *Seventy thousand assyrians*). Tuy thế hiển nhiên là ta không thể nào là hài nhi mãi mãi ta phải lớn và cũng như ông cha của ta, ta phải chấp nhận những giả tạo công ước đã có sẵn từ bao nghìn năm. Bi kịch không phải là chấp nhận những thứ ấy. Bi kịch là ta đã lãng quên vai trò giới hạn của những thứ ấy và đồng hoá *những-tên-để-gọi-sự-vật* với *sự vật*.

Tôi nhìn mây trắng trên vòm trời xanh và tiếp tục bước đi trên vệ đường, đến gần thư viện Đà Lạt, tôi đứng lại và bước qua bãi cỏ bên kia, nhìn sang thung lũng và những ngọn đồi bé nhỏ. Mùa này cỏ xanh lạ lùng và thơm. Tôi không muốn nghĩ ngợi gì nữa, vì mỗi khi nghĩ thì người ta luôn luôn quên thờ. Tôi sinh ra không phải để nghĩ. Tôi sinh ra để thờ. Một cơn gió rào rạt vi vu thoảng qua người tôi. Mát lạnh. Vài tà áo màu bay xa xôi trong rừng thông bên kia. Một con chim non đậu. Và nhìn tôi. Tôi nhìn lại chán chứa rồi lại tiếp tục bước đi nhẹ nhẹ. Tôi nhìn thấy nét mặt của Thượng đế trong một đoá hoa capucine ở một bụi lá bên đường. Tôi tiếp tục đi chậm

rãi. Bước đến nhà thờ Đà Lạt tôi đứng lại nhìn mấy cây thông rồi bước vào nhà thờ, quì xuống làm dấu thánh giá rồi thì thầm: "Xin Chúa và Đức Mẹ, không hiểu tại sao con không bao giờ chịu tin có Chúa và Đức Mẹ". Nói nhỏ nhỏ như thảng khờ, rồi tôi lại ngồi trên ghế và khoan tay nhìn thánh giá ở đằng xa, rồi bỗng nhiên đôi mắt tôi hướng về những luồng nắng vàng từ ngoài đưa vào khung cửa kính của nhà thờ. Tôi sung sướng nhìn nắng vàng và quên cả Chúa. Thế rồi tôi bước ra nhà thờ, cảm thấy khoan khoái nhẹ nhàng hơn, tôi bước đi xuống đường bờ hồ. Một cơn gió thoảng băng quơ. Hàng cây anh đào không hoa. Xuân đã xa rồi.

Tôi sống trong giây phút thiên thu bất diệt. Giờ đây tôi thấy tôi có thể làm bất cứ chuyện gì trên đời này. Tôi đang sống trọn vẹn với tôi. Tôi không còn đau khổ nữa. Tôi đã chấp nhận đau khổ "Không có sự đổ vỡ nào mà vô phương cứu chữa. Tất cả ý nghĩa cuộc đời đều nằm trong chữ đau khổ" (*Aucun désastre n'est irrémédiable. Tout le sens de la vie est contenu dans le mot souffrance.*) (Henry Miller, *Assassinez l'assassin*). Chính sự đau khổ đã làm cuộc đời có ý nghĩa và sống. Tôi không còn than van oán trách nữa. Tôi cười. Tôi thường nghĩ đến sự đau đớn và sau cùng tôi chỉ biết cười. *I used to think about the pain and in the end all I could do was laugh* (Saroyan). Sống là thiêng liêng. Đau khổ cũng thiêng liêng. Không có sự đau khổ, tôi không thể nào đi vào bên trong cuộc đời và không thể nào hiểu được những bí mật của đời người; không có sự đau khổ tôi sẽ nằm triền miên trong sự khô khan của cuộc đời tẻ nhạt. Sự đau khổ làm phong phú tâm hồn tôi. Biết đau khổ mà không than mới là chân lý của đời. *Savoir souffrir sans se plaindre*. Tôi càng bị đau khổ nhiều chừng nào, tôi càng phải cảm tạ trời đất nhiều chừng ấy. Giữa cuộc đời tôi phải đứng bơ vơ với một trái tim rỉ máu. Tôi phải lặn hụp lầy lội trong sự đau khổ. Con người duy nhất thuộc về trần gian này là con người mà thương để không bao giờ giết được. Sự đau khổ chỉ giết những kẻ yếu đuối và những kẻ không đáng sống. Tôi đang trôi miên man trong đại dương của Hư vô. Tôi không sợ và không trốn sự đau khổ. Tôi không trốn Hư vô. Tôi thênh thang đi về những phương trời miên viễn để tìm xa lạ. *Il s'agit d'arriver l'inconnu par le dérèglement de tous les sens, les souffrances sont énormes mais il faut être fort* (Arthur Rimbaud). Cuộc đời đẹp. Giây phút này thiên thu và tôi đang thờ khoan khoái.

*Le vierge, le vivace et le bel aujourd'hui.*

Tôi yêu cuộc đời không phải chỉ vì cuộc đời đẹp. Tôi là một tình nhân say đắm. Tôi yêu cả những nét xấu xa nhất của cuộc đời. Những gì xấu xa ấy, đối với tôi vẫn duyên dáng và đẹp đẽ. Tôi biết rằng ngày mai tôi chết nhưng có hề gì, bởi vì cuộc đời tôi là vĩnh cửu thiên thu; cuộc đời tôi hơi thở tôi vẫn không bao giờ chấm dứt; mỗi một kinh nghiệm chỉ là sự thay ngén ra một kinh nghiệm khác. Ngay đến cái chết cũng thế.

Sau cùng đây là đạo sống:

Hãy cố gắng tập thở cho nông nản, khi ăn cho ra ăn, khi ngủ thì cho ra ngủ, hết sức cố gắng trọn vẹn và khi cười, cứ cười âm lên, và khi giận cứ giận điên lên. Cố gắng sống. Chẳng bao lâu anh sẽ chết.

*Try to learn to breathe deeply, really taste food when you eat, and when you sleep, really to sleep. Try as much as possible to be WHOLLY ALIVE, with all your might, and when you laugh, laugh like hell, and when you get angry, get good and angry. Try to be ALIVE. You will be dead soon enough.* (William Saroyan)

Hai ba chiếc lá rơi xuống, tôi đứng lại nhìn rồi tiếp tục bước đi. Mây trắng bàng bạc

đầy trời. Chim én tung bay. Mây trắng, chim én, lá rơi, ôi cuộc đời! Đà Lạt đẹp. Trần gian đẹp. Ôi cuộc đời! Gió lạnh thổi vi vu. Mưa bắt đầu rơi. Điệu Fantaisies impromptu của Chopin từ xa xưa đưa lại theo nhịp mưa trên đường vắng. Mưa trở nên nặng hạt. Nước mưa càng ướt lạnh cả người tôi. Tôi mỉm cười sung sướng. Ngày trước mỗi lần đi đường bị mưa bất chợt, tôi thường vội vã chạy đi tìm chỗ trú mưa. Hôm nay, tôi không làm thế nữa. Tôi thản nhiên vui sướng đi dưới cơn mưa phủ phàng của cuộc đời.

Trên con đường hoang vắng, một bóng người bước lặng lẽ dưới mưa.

### **Viết thêm về Saroyan**

*Tôi bao giờ cho đến bây giờ, đối với tôi, Saroyan vẫn là một hiện tượng đáng yêu quý. Nhiều lần, tôi đã chán Saroyan, tôi thấy ông chỉ lặp đi lặp lại bao nhiêu chuyện, cũng như nhiều lần tôi nói tôi đã chán Krishnamurti, tôi thấy ông cũng chỉ lặp đi lặp lại có bao nhiêu lời, cũng như nhiều lần tôi đã chán Hermann Hesse, tôi cũng thấy Hesse chỉ lặp đi lặp lại có bao nhiêu chuyện, cũng như tôi đã chán D.T. Suzuki, tôi chỉ thấy D.T. Suzuki lặp đi lặp lại có bao nhiêu việc.*

*Nhưng tại sao tôi chưa chán kinh Phật, vì tất cả kinh điển Phật giáo cũng đều chỉ lặp đi lặp lại nói tới nói lui nói lên nói xuống nói ngang nói ngược nói thuận nói nghịch cũng trong mấy điều duy nhất? Ngày nào tôi đã chán hết mọi kinh Phật thì chắc chắn ngày đó tôi đã thành Phật! Tại sao tôi chưa muốn thành Phật mặc dù tôi có thể là Phật bất cứ lúc nào? Tại sao tôi triển hạn? Tại vì thành Phật không quan trọng bằng không thành Phật. Không chịu thành Phật, đó là khả năng tối thượng để thành Phật mà tôi muốn san sẻ với tất cả con người trên mặt đất.*

\*

*Có một buổi chiều nổi cơn điên, tôi chạy hối hả tại thư viện của trường đại học Columbia ở Nữu Ước để mượn toàn thể tác phẩm của Saroyan để đọc lại, từ trường đại học Columbia, hai tay ôm hai chồng sách, tôi thả bộ lừ đừ trở về phòng tôi ở khu phố Riverside Drive gần con sông Hudson, gió thổi lạnh vì trời sắp đổ tuyết, tôi bước đi lênh khênh như chàng say rượu, mặc dù buổi chiều ấy, tôi không uống một giọt rượu nào cả. Cả thành phố New York đã ám sát tôi, một "thiên tài hạng nặng" từ Việt Nam gửi đến, tôi, một đứa con trai của một nước nghèo nhất thế giới, một nước ngang tàng nhất thế giới. Tôi cao có một thước sáu mươi phân, thế mà tôi có cảm tưởng hai chân của tôi đang đạp lên đầu của cái cao ốc cao nhất nước Mỹ, Empire State Building!*

*Tôi, một người con trai của một đất nước quê mùa thất học nhiều nhất ở thế giới, đã nắm trọn cả văn hoá Mỹ quốc trong mười ngón chân. Tôi thừa biết rõ rằng một ngày nào gần đây trong tương lai gần đây, nếu tôi còn sống, nhất định tôi sẽ chinh phục cai trị Mỹ quốc với năm ngón tay phải của tôi; tôi sẽ viết những quyển sách ký đi bằng chữ Anh và xô đẩy toàn thể Mỹ quốc vào trong hố thẳm!*

*Lòng tôi đầy căm thù, thù hận mặc dù tôi thừa biết rằng chỉ có trái tim nguyên vẹn của tôi mới có sức chuyển hoá thế giới tan nát này thành một toà sen vĩ đại!*

*Tôi căm thù Mỹ quốc nhưng tôi sẵn sàng khoan dung tha thứ tội lỗi của Mỹ quốc: vì*

Mỹ quốc cũng tạo ra được những đứa con hoang đàng vĩ đại như Thoreau, Emerson, Whitman, Henry Miller, Faulkner, Wolfe, Robinson Jeffers, E.E. Cummings, Kenneth Patchen, Saroyan, Salinger, Tennessee Williams, Carson Mc Culler. Leswis Mumford, và **ad infinitum!**

Mấy ngày trước đó, tôi đã nhận thư mời của viện Giáo Dục Quốc tế ở New York, tức là *Institute of International Education (I.I.E)*: viện này cử tôi làm đại diện sinh viên ngoại quốc để dự buổi tiếp tân do đại sứ Arthur Golberg khoản đãi; trong một thoáng cảm hờn bốc đồng, tôi đã viết thư cho Viện Giáo Dục Quốc tế ấy rằng "tôi là thiên tài vĩ đại của nước Việt Nam gửi đến, tôi không tham dự buổi tiếp tân nào hết, tôi đã chán ngấy Mỹ quốc, vì thấy Mỹ quốc chỉ là trống rỗng, hoàn toàn trống rỗng. (utterly empty, awfully, dreadfully empty).

Có lẽ nhờ thiên thần hộ vệ, bức thư ấy được gửi đi rồi, thế mà tính mạng tôi vẫn an toàn.

Không ai ám sát tôi, vì chắc họ cho tôi là một thằng điên, điên, điên, điên.

Chỉ có những thằng điên mới cứu vớt thế giới này khỏi điên loạn.

Saroyan, buổi chiều hoang trống ở Nữ Ước dạo ấy, tôi đã đóng kín cửa phòng, đóng kín cửa sổ, bật đèn lên, cởi trướng ra, nằm soãi người ra để đọc Saroyan và tôi khóc như đứa con nít.

Sức nóng của tình người đã thổi vào phòng tôi buổi chiều hoang vắng ấy. Tôi thương hết tất cả, tất cả. Tôi thương con gà, con bò, con cá, con chó, con kiến; tôi thương trái đất, trái cây, trái vú; tôi thương dân Mỹ, dân Nga, dân Tàu, dân Pháp, dân da đen, da đỏ, dân Tây, dân Thổ, dân nghèo, dân giàu.

Saroyan còn khổ, còn đau, còn bị chà đạp gấp trăm lần tôi; Saroyan nghèo đói, cô độc, điên gan, ngu dại, ngây thơ, lung tung, bất thường gấp trăm lần tôi. Saroyan viết văn thơ mộng gấp trăm lần tôi: Saroyan thông minh tế nhị, nhạy cảm gấp trăm lần tôi.

"Trong gang tấc lại gặp mười quan san."

Câu thơ ấy của Nguyễn Du đã trở về ám ảnh tôi giữa một chiều thu lạnh giữa Nữ Ước.

Tại sao tôi phải căm thù bọn nổi loạn? Buổi chiều hôm ấy, trên các thành phố hoang vu ở Mỹ quốc, ít nhất cũng có hàng trăm triệu người cũng cô độc, cũng tàn tạ, cũng gầy đổ tan nát như tôi. Họ cũng không biết phải làm gì cho đời họ, họ cũng bắt buộc phải sống, phải hiện lên một lần cô liêu ở trái đất buồn thảm này để rồi chết đi trong đôi mắt khép kín của kiếp người.

Cuộc đời cần tình yêu của tôi, trái tim trong sạch của tôi hơn là cần hận thù chua xót.

Hận thù quá dễ. Chán đời quá dễ. Yêu thương mới khó, yêu đời mới khó.

Hãy đứng dậy đạp mạnh hai chân xuống đất, đưa hai tay lên trời, khom xuống và vùng dậy và cười lên một tiếng cười ầm ầm như sấm sét. A ha! aha, aha, aha aha aha, tôi yêu đời, tôi yêu hết, yêu, yêu, thương, thương...

Aha aha aha aha aha aha...

Nữ Uớc, ngày 8 tháng 10 năm 1965, William Saroyan thương mến.

Tôi, Phạm Công Thiện, có cha có mẹ, có tim có phổi, còn hai chân đi được, xin gửi đến anh một bức thư không gửi.

Tôi biết hiện giờ phút này anh đang yêu đời và anh đang nói chuyện với tôi, mặc dù anh không biết tôi là ai và anh cũng không thấy mặt mày tôi lần nào cả.

Tôi sướng hơn anh, vì tôi đã nhìn thấy mặt mày anh cả trăm lần, thấy hình anh đăng trong báo, đăng sau bìa sách: tôi biết mọi sự rất rõ về anh, về đời anh, về những ý tưởng trong đầu anh, về vợ con anh, về cha mẹ, ông nội ông ngoại của anh, về tuổi thơ tuổi trẻ của anh, về quê hương bạn bè của anh, tôi biết rõ rằng anh uống mấy tách cà phê mỗi ngày, anh ăn ngủ làm sao, anh đi chơi gái thế nào, thánh thiện thế nào, dâm dăng thế nào, vui buồn thế nào.

Còn anh thì anh chẳng biết gì về tôi cả, thế là có nghĩa anh đã biết hết về tôi rồi đó: anh biết rõ tôi hơn là tôi biết anh, anh biết rõ tôi hơn cha mẹ anh em tôi, hơn cả bạn bè gọi là "thân thiết" của tôi, anh biết rõ tôi hơn cả chính tôi tự biết tôi, nhưng điều huyền diệu lạ lùng là anh không gặp tôi lần nào cả, anh cũng chẳng biết tên tôi là gì cả, nhưng giờ phút này tôi biết rằng đang có hai dòng sóng điện kỳ dị đang xẹt xẹt trong không khí, một dòng đỏ và một dòng vàng, làn sóng điện của tôi có màu vàng đang xẹt xẹt với dòng sóng điện màu đỏ của anh. Tôi với anh đang nói chuyện nhau trong không khí xẹt lửa.

Tôi biết rằng anh không còn sống được bao năm nữa, nhiều nhất là hai chục năm hay ba chục năm nữa; lúc chết anh hãy đầu thai làm thằng con trai của tôi và tôi sẽ dạy anh (con trai của tôi) đọc lại tất cả những chuyện anh viết lúc anh đầu thai ở Mỹ quốc. Lúc ấy, tôi sẽ nói với anh như vậy:

"Này con, kiếp trước con đã viết những chuyện lạ lùng như thế, chỉ có tuổi thơ mới hiểu con nói gì, còn người lớn thì họ cho con điên và sống như đứa con nít; kiếp này, cha sẽ dạy con làm người lớn vì người lớn cũng thơ mộng như con nít; kiếp này, con phải sống như người lớn, lấy vợ, sinh con để cái và làm việc đúng đắn để nuôi sống con của con cho đàn hoàng, rồi cha sẽ chết và sẽ đầu thai làm con trai của con và lúc ấy con phải dạy cha (tức con trai của con và cháu của cha), con phải dạy cha cho ra hồn, phải sống như con nít, phải biết ăn ở dơ dáy, đánh lộn, trèo cây, kéo đuôi con chó; kiếp trước, cha đã lỡ làm cha của con và cha đã bỏ mất tuổi thơ của cha, cha đã sống như ông già lúc mới 9 - 10 tuổi thôi, kiếp này, con phải dạy cha sống lại cho đàn hoàng, con đừng bắt cha đi học, đừng bắt cha phải ăn nói lễ độ khả kính, cực cha lắm con ơi! Nhưng riêng đối với con, cha khuyên con hãy làm người lớn cho ra hồn, rồi bỏ quách hết mọi sự, lúi mủi vào đôi non núi lá nào đó, ngồi tham thiền nhập định, thỉnh thoảng nhớ đọc Tâm Kinh để cứu vớt mấy trăm ngàn ức tỷ con ma đang khổ bơ vơ đang chờ con tế độ... Mỗi khi con giận, thù ghét bất cứ người nào thì con phải nhớ rằng kẻ ấy vừa là người ma cũng vừa là ma-sẽ-thành, bất cứ người nào cũng sẽ là con ma trong tương lai, vậy thì con hãy đọc Tâm Kinh và hô lớn đại thần chú để giúp đỡ họ sang sông. Kiếp trước, con là một đạo sĩ ở Tây Tạng, nhưng vì con đã tỏ ra khinh khỉnh với hạng văn nghệ sĩ, cho nên kiếp vừa qua con đã đầu thai làm Saroyan và con phải viết văn lung tung, nhưng kiếp này, con đã làm con của cha thì con phải trở lại con đường đạo sĩ của con, mỗi ngày, cứ ngồi tham thiền nhập định và khi nào buồn lắm thì hãy phóng làm điện đỏ lên mây và cha sẽ rẩy lên làm sóng điện

vàng để ca cười múa hát với con...”

"Thôi, cha cũng đã nói nhiều với con rồi, cha đã xúc phạm đến cõi vô hình, bây giờ cha tập im lặng, không khéo thì cha lại bị đầu thai làm cháu, làm chắt của đứa con của con nữa thì tội cha lắm."

Anh Saroyan thân mến,

Nằm dài trên giường nệm trắng toát, tôi nghe tiếng xe điện subway chạy rầm rộ lên tiēm thức.

Nếu anh đã bắt được làn sóng điện của tôi thì sẽ hẹn gặp lại anh vào kiếp sau.

Chào thân mến.

Phạm Công Thiện

(Chép lại từ Nhật ký không ghi chép xong ngày 1-8-1970)

### Chương sáu

### Ý thức thể hiện – Phác hoạ về Somerset Maugham hay là con người hoạch định mẫu sống

#### 1.

Đi vào tác phẩm của Somerset Maugham là đi vào cuộc đời, miên man lạc vào thế giới tạp sắc của tâm hồn con người, là khơi dậy trong ta một niềm phẫn nộ, một lòng trắc ẩn, một mối hoài nghi xao xuyên, một thoáng nhìn chan chứa đối với thân phận mong manh của con người. Đi vào tác phẩm của Somerset Maugham là soi kính để thấy hình bóng của mình, là tự vấn, là tra gạn ý nghĩa của vận mệnh mình, là đi tìm ý thức thể hiện để hoạch định mẫu sống. Chẳng những thế, đi vào tác phẩm của Somerset Maugham còn là thâm thiết đi vào ngã tư của trần gian, là hít mạnh hương vị nồng đượm của mười phương trời thanh sắc, của Thái bình dương "chóng thay đổi và bất thường như lòng người" (*The trembling of a leaf*), của đảo Tahiti "khả ái như một trinh nữ tuyệt trần lãnh phí một cách duyên dáng sức mê hoặc và vẻ diễm kiều của mình" (*The Moon and Sixpence*), của những đêm Á châu huyền ảo, vạn lý trường thành sương phủ thoang thoang mùi vị nha phiến và hương trà Khổng Trang (*On a Chinese Screen*), của miền thị tứ Trung Hoa ngọt ngào dưới sự tiêu diệt tàn nhẫn của bệnh dịch "như người ta bị những bàn tay của một kẻ điên bóp cổ" đang lúc đó "màu xanh lơ của bầu trời vẫn trong suốt như cõi lòng của một đứa trẻ ngây thơ" (*The Painted Veil*) của những dấu chân người trong nẻo rừng huyền hoặc ở Mã Lai (*Ah King*), của một nội địa Ấn Độ nhiệm màu thoang thoang "mùi vị Đông phương vừa chất vừa thơm" (*The Razor's Edge*).

#### 2.

Somerset Maugham đã để lại đời những nhân vật đáng ghi nhớ nhất:

1. Nhân vật Larry Darrell của quyển tiểu thuyết *The Razor's Edge*.
2. Nhân vật Mayhew của truyện ngắn "Mayhew" trong quyển *Cosmopolitans*;



3. Nhân vật Strickland của quyển tiểu thuyết *The Moon and Sixpence*.
4. Nhân vật Edward Barnard trong quyển *The Fall of Edward Barnard*.

Tất cả những nhân vật trên đều là những tâm hồn nghệ sĩ; họ làm cuộc đời họ trở thành một bài thơ tuyệt vời; Larry Darrell là hình ảnh lý tưởng của mọi người thanh niên thời đại, con người nghệ sĩ lang thang khao khát đi tìm Tuyệt Đối trên những phương trời xa lạ, từ Âu châu đến Ấn độ; Mayhew và Larry Darrell đều từ bỏ nước Mỹ để sống vô danh trên những đất trời miền viễn để thực hiện những mộng đời miên man của họ; Strickland và Edward Barnard khước từ nền văn minh Tây phương để trở về sống hồn nhiên trên hải đảo Thái bình dương.

Chúng ta có thể quên hết tất cả những tác phẩm của Maugham và chỉ nhớ nhân vật Larry Darrell thôi cũng là đủ lắm rồi. Mỗi thanh niên đều ngạc nhiên thấy Larry Darrell là chính hình bóng của mình, một hình bóng thân yêu của Mộng đời bất tận.

Larry Darrell đi vào tâm hồn mình như là một chất rượu mạnh; Larry Darrell là hình ảnh nên thơ nhất của con người nghệ sĩ giang hồ, của lãng tử lang thang, của những giấc mộng đẹp nhất ở trần gian này.

Somerset Maugham đã tạo ra Larry Darrell bằng chữ bằng lời; nhưng Larry Darrell đã nhập thể, trở thành con người bằng da bằng thịt: Larry Darrell trở thành thân tượng của thế hệ thanh niên ngày nay. Hơn thế nữa, Larry Darrell đã trở thành chính hơi thở của mọi người trai trẻ ở thời đại này. Mỗi người thanh niên hiện nay phải xem quyển *The Razor's Edge* của Somerset Maugham là Thánh kinh của thế hệ mình và nên tôn thờ Larry Darrell như là đấng Cứu Thế của thời đại điều đúng này.

## Chú thích

Nói đến tác phẩm của Somerset Maugham người ta thường ca tụng Philip Carey trong quyển *Of Human Bondage* (Servitude Humaine), nhưng thực ra Philip Carey không đáng được ca tụng; Philip Carey chỉ đáng thương hại và chẳng có gì đáng nói. Philip Carey chỉ là một hình ảnh thanh niên nhu nhược, yếu đuối, vướng bệnh thương thân trách phận ("self-pity") và tầm thường khờ khếch, lẳng nhăng, không dám vươn lên những bầu trời phiêu lãng của Hư vô và Tuyệt Vọng.

## Viết thêm về Somerset Maugham

*Somerset Maugham là tác giả văn chương đầu tiên tôi đọc trong đời; lúc bé nhỏ khoảng 9 - 10 tuổi gì đó, tôi chỉ đọc loại sách văn chương con nít, những quyển sách của Contesse de Ségur, Trilby, Swift, Ed. de Amicis, vân vân (tôi mong rằng lúc nào tôi già được khoảng 80 tuổi thì tôi sẽ viết về những tác giả của tuổi thơ tôi với những dòng tuyệt đối cao siêu nhất). Tác giả văn chương người lớn đầu tiên tôi đọc vào khoảng 10-15 tuổi chính là Somerset Maugham; quyển sách đầu tiên ấy là quyển Of Human Bondage dày khoảng 700 trang. Đạo ấy, tôi còn sống với cha mẹ tôi ở Mỹ Tho, tôi còn nhớ nằm dài trên ghế sofa và đọc trọn quyển sách dày 700 trang từ 6 giờ chiều cho đến 9 giờ sáng trọn đêm không hề ngủ quên một giây! Ôi cái tuổi 15, cái tuổi 16! Cái tuổi yêu đương rạo rức, khát khao lãng mạn, chứa đựng tất cả những phiêu lưu vĩ đại sau này của trọn đời người...*

*Từ 15 tuổi cho mãi đến 18 tuổi, tôi đọc bao nhiêu sách của Maugham, truyện ngắn,*



truyện dài, cáo luận, kịch. Tôi nhớ dạo ấy thư viện Anh British Council còn ở đường Nguyễn Huệ, suốt ngày tôi cứ ngồi ở đó đọc tất cả những quyển sách của Somerset Maugham. Năm 18 tuổi, tôi có viết một loạt bài về Maugham đăng trong tạp chí Bách Khoa, nhưng vì toà soạn Bách Khoa chỉ cho đăng có một lần thôi và bỏ dở dang (có ý cho rằng tôi viết dòng lê thê quá), tôi nổi giận bỏ luôn ý định viết hẳn một quyển sách về Maugham. (Dạo nhỏ tuổi ấy, tôi thường thích viết bài đăng trong Bách Khoa, nhưng tôi vẫn thường nổi giận và bị cụt hứng thường xuyên vì toà soạn Bách Khoa có cái tật kỳ quái là hay cắt bỏ bài viết của tôi, chẳng hạn tôi viết 20 trang thì họ cắt lại chỉ còn 5 trang là nhiều!)

Chừng khoảng 19 tuổi gì đó, tôi bỏ đọc Maugham, vì lúc ấy, tôi cảm thấy Maugham là một văn sĩ hạng bét, ông chỉ kể chuyện và tôi thì đã chán tất cả những truyện kể; tâm hồn tuổi trẻ tôi khao khát những lương thực khó tiêu khác, tôi xô đẩy Maugham vào loại tác giả viết cho những người chưa trưởng thành! Rồi từ 19 tuổi đến bây giờ, khoảng 10 năm, tôi đã quên Maugham như quên một câu truyện cổ tích bỏ rơi trong kẹt cửa.

Bây giờ tôi gần 30 tuổi, tôi mới khám phá lại rằng thích Somerset Maugham đã ảnh hưởng tôi nhiều nhất vào chính thời gian tôi bỏ quên ông ta! Vì trong khoảng 10 năm gần đây, bây giờ nhìn lại, tôi thấy mình đã sống y hệt như những nhân vật của Somerset Maugham! Ngay đến cái tật kỳ quái của tôi, cái tật hay nghi ngờ rằng tất cả đàn bà con gái đều là kẻ ngoại tình, chính cái tật này đã được (bị) di truyền từ những tác phẩm của Somerset Maugham! Ô, tôi đã tìm ra thủ phạm (ân nhân) rồi!

Bây giờ tôi coi nhân vật Larry trong quyển The Razor's Edge như anh chàng nghệ sĩ làm trò con nít (như cái việc lang thang, nghệ sĩ, tìm đạo, vân vân), nhưng lúc 18 tuổi, đối với tôi, Larry là một cái gì phóng hiện ra để nói lên mười năm sau tuổi trẻ tôi. Trong khoảng mười năm gần đây, giống như Larry trong The Razor's Edge (Le Fil du Rasoir), tôi cũng bày đặt lẳng mạn lung tung, cũng lang thang, nghệ sĩ, tìm đạo, ôi đủ chuyện nhằm nhí buồn cười. Hiện tại, tôi đã chấm dứt những chuyện lung tung ấy và tôi đang bắt đầu mở một chu kỳ khác cho mười năm sắp tới; và trong chu kỳ tới, tôi quyết định sống lung tung, sẽ lang thang tới nơi tới chốn gấp triệu lần lúc trước. Nghĩa là tôi sắp đẩy tất cả cái chất nghệ sĩ trong tôi cho nổ vỡ tan hoang, một cơn nổ vỡ tan hoang trong sự Im Lặng, trong một ngàn nỗi im lặng trên tận đỉnh Hy mã Lạp sơn.

...Tôi xin đánh mật hiệu bằng ba dấu chấm (...) cho mười năm sắp tới...

Phạm Công Thiện  
Sài Gòn, ngày 12-8-1970

## Chương bảy

### Ý thức siêu thực – Tình yêu trong thơ Apollinaire hay là sự đồng nhất giữa Thơ và Tình

Tặng thi sĩ Ninh Chữ và xin cảm ơn một ngày ở Đà Lạt.

#### 1.

Apollinaire là người dân của thế giới, ta không biết gọi chàng là người nước nào; mẹ

chàng là người Ba Lan, cha chàng là Ý đại lợi, trước kia quốc tịch chàng là Nga, sau chàng đổi lại quốc tịch Pháp, chàng sinh tại La Mã, học ở Monaco và Pháp, sinh sống ở Đức, giang hồ luân lạc khắp Âu châu, yêu một cô gái Anh, sau chàng trở về sống ở đất Pháp, làm thơ đăng tạp chí Đức, tham dự chủ động vào tất cả những phong trào văn nghệ mỹ thuật ở Âu châu vào đầu thế kỷ; cũng như Blaise Cendrars chàng là lãng tử, lấy tất cả vũ trụ làm quê hương.

Apollinaire sinh tại Rome vào ngày 26 tháng 8 năm 1880: tên thực của chàng là Guillaume - Albert- Wladimir-Alexandre-Apollinaire- Kostrowitzky, thông minh ngay từ nhỏ, học lớp nào ở ban trung học cũng đều lãnh rất nhiều phần thưởng ưu hạng; mới 17 tuổi, chàng đã là thi sĩ, thuở nhỏ ngoan đạo lắm, nhưng sau bỏ đạo, tuy còn nhỏ tuổi, chàng đọc rất nhiều sách và bỏ học lúc chưa đầy hai mươi tuổi, bước vào đời sống văn nghệ, rồi năm hai mươi tuổi yêu một cô gái Do Thái, tên là Linda, làm thơ dâng tặng nàng, nhưng lòng nàng (cũng như lòng của nhiều cô gái) không khác gì chiếc lá khoai "đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu); còn trái lại lòng chàng (cũng như lòng của tất cả chàng trai) thì như biển sóng còn "chứa muôn con nước ngàn con sông dài", Apollinaire thất tình, sang Đức làm thầy dạy chữ Pháp trong một gia đình quý phái, rồi lại yêu một cô gái người Anh cũng làm việc ở đó và chàng lại thất tình, rong chơi phiêu lãng mấy nước Âu châu, trở về làm việc ở Paris, cô đơn đau khổ, tham gia đời sống văn nghệ, kết bạn tâm giao chí thiết cùng Picasso và Max Jacob, sống đời nghệ sĩ lang thang, la cà những quán cà phê cùng bạn bè văn nghệ, lòng vẫn hướng về cô gái người Anh thuở ấy (tên là Annie Playden) nhưng chàng đành tuyệt vọng và suốt đời là một kẻ thất tình; năm 1907, chàng gặp Marie Laurencin, hai người yêu nhau say đắm, nhưng sau này cũng chẳng đi đến đâu, nàng lấy chồng vào năm 1914; ít lâu sau, Apollinaire tự ý xin nhập ngũ, chàng thi sĩ quan nhân ấy gặp lại nàng Louise de Coligny Châtillon (tức là Lou trong những bài thơ của chàng) và chàng say mê nàng; thi sĩ vốn đa tình, trong một chuyến xe lửa, chàng gặp một cô gái khác tên là Madeleine Pages, chàng cũng say mê luôn; năm 1916, chàng bị một mảnh tạc đạn đâm thủng vào đầu, chàng bị thương, rồi băng đầu trở về Paris lay lắt sống đời nghệ sĩ trong mấy quán cà phê văn nghệ và Apollinaire chết vào ngày 9 tháng 11 năm 1918; chàng chết lúc mới 38 tuổi, cuộc đời chàng bị cắt đứt lừng chừng nhưng chàng vẫn trở thành mặt trời sáng rực trong vũ trụ thi ca hiện đại.

## 2.

Apollinaire trông to lớn; tướng người hiên ngang, nhưng nét mặt buồn buồn, nhất là đôi mắt, đôi mắt đau khổ mơ mơ màng màng.

Jean Cocteau nói rằng Apollinaire có con mắt tròn tròn của con chim họa mi <sup>[11]</sup> ; André Billy nói rằng Apollinaire vốn vui tính, yêu đời, tò mò, tọc mạch, ham thích dị vật hiếm, thích lông bông và tế nhị (*ce bon vivant, cet amateur de raretés et de curiosités, ce dilettante, ce raffiné*) <sup>[21]</sup> ...

Gertrude Stein có nhắc nhiều đến Apollinaire. Bà nói rằng Apollinaire rất khả ái, dễ cảm, dễ thương, đẹp trai thông minh rực rỡ dị thường "*Guillaume Apollinaire was very wonderful... Apollinaire was very attractive and very interesting... Guillaume was extraordinarily brilliant...*" <sup>[31]</sup> . Bà nói thêm rằng từ ngày Apollinaire chết, những bạn văn nghệ đều chia rẽ nhau, nếu Apollinaire còn sống thì chàng sẽ nối kết lại hết vì chàng có đức tin ràng buộc giữ gìn tình bè bạn giữa anh em (*Guillaume would have been bond of union, he always had a quality of keeping people together, and now that he was gone everybody ceased to be friends...*).

Đọc lại những tập hồi ký của André Rouveyre, Vlaminck, André Salmon, Toussaint Luca, Francis Carco, Faure Favier, vân vân, tôi thấy tất cả bạn bè của Apollinaire đều tỏ lòng yêu quý, mến thương chàng vô cùng tính tình của Apollinaire hiền lành lịch sự dễ dãi, hết lòng tử tế với anh em bạn.[tran1] Mặc dù là một nhà thơ rất "avant-gardiste", rất "lập dị" nhưng tính tình của Apollinaire không "du côn ngang tàng xấc xược" như Rimbaud, Apollinaire không phải là loại *poète maudit*: tính tình chàng không khó khăn, không cuồng loạn đầy thịnh nộ như những *poète maudits* (như Lucrèce, Rimbaud, Antonin Artaud, Ezra Pound, Hart Crane, Baudelaire, Mayakovsky...)

Những nhà thơ thường hay lười biếng, thi sĩ thường hay ít đọc sách, nhưng Apollinaire lại đọc sách rất nhiều, nhiều hơn cả những học giả (T. S. Eliot, Pound hay Kenneth Rexroth cũng thế) nhưng mặc dù đọc sách rất nhiều, thơ của Apollinaire không nhiễm không khí bác học thông thái như thơ của T. S. Eliot, K. Rexroth hay Pound, Apollinaire cũng giống như Leopardi, là nhà học giả trước khi là nhà thơ, nhưng khi họ làm thơ, thì thơ họ là thơ thuần túy.

Đứng giữa thời đại kỹ nghệ, cơ khí, Apollinaire không có những bức bộ phận nộ phản kháng; chàng không phải là *l'homme révolté*; chàng không cảm thấy "xa lạ, mất gốc, bị đày" như Melville hay Kafka; chàng không có cảm giác bị đất trước cuộc đời như Unamuno; chàng không phũ phàng cuồng nộ bợ phờ như Knut Hamsun, Strindberg hay D. H. Lawrence; đời sống thành phố không làm nao động thần kinh chàng (Knut Hamsun nghĩ rằng đời sống thành thị đã ăn mòn con người).

Đứng trước chiến tranh, chàng không phản kháng chống đối theo kiểu Hermann Hesse, Romain Rolland hay Bertrand Russell; đối với chàng, những trái phá tạc đạn rục trời đẹp đẽ không khác gì pháo bông; ở giữa mặt trận, chàng mơ màng ngắm tạc đạn nổ tung "như cây trinh nữ trở hoa."

*Un obus éclatant sur le front de l'armée*  
*Un bel obus semblable aux mimosas en fleurs*  
(Poèmes à Lou)

Chàng không mặt sát văn minh, chàng không chạy trốn bỏ Âu châu và Mỹ châu lại đằng sau như Rimbaud hay Lafcadio Hearn. Chàng không có những khắc khoải siêu hình như những thiên tài khác.

Ta thấy những thiên tài khai sinh nền văn học hiện đại đều là những kẻ xao xuyên khắc khoải, thác loạn (như Nietzsche, Kierkegaard, Lautréamont, Dostoievsky, Melville, Strindberg, Kafka, Joyce, Rimbaud.)

Rimbaud và Apollinaire đã khai sinh ra nguồn thơ hiện đại (Blaise Cendrars và Max Jacob cũng có tham dự vào việc khai sinh này).

Trường thơ siêu thực đã tôn Apollinaire (cùng Rimbaud và Lautréamont) là những kẻ tiền phong, những người cha khai sinh ra thơ mới. Cùng với Rimbaud và Lautréamont, Apollinaire đã mở ra những chân trời bát ngát cho thi ca hiện đại, nhưng ngược lại với Rimbaud và Lautréamont, Apollinaire không sống ở hoả ngục, Apollinaire không điên loạn ma quỷ như Rimbaud và Lautréamont, Apollinaire rất "trần tục"; Apollinaire cũng có những khắc khoải, Apollinaire cũng đau khổ; nhưng những khắc khoải đau khổ của Apollinaire không đến nỗi khiến chàng điên cuồng hoặc tự tử, những khắc khoải đau khổ của chàng không đến nỗi khiến chàng phải bỏ

làm thơ như Rimbaud; trái lại càng đau khổ, Apollinaire lại càng làm nhiều thơ.

Apollinaire đau khổ, nhưng đau khổ của Apollinaire là nỗi đau khổ của một con người hồn nhiên; chàng ngây thơ lắm; đọc thơ chàng (nhất là trong tập *Poèmes à Lou*), ta thấy chàng hay làm thơ với những danh từ tục tĩu "đỏ mặt" (Henry Miller, D. H. Lawrence cũng thế). Những dòng chữ tả chân "tục tĩu" của Alberto Moravia (hay Erskine Caldwell) mang một dụng ý phong phú, nhưng không ngây thơ hồn nhiên như Apollinaire (Tôi nhớ đến truyện "The Innocent" của Graham Greene; truyện này giúp ta hiểu rõ hơn về tương quan giữa sự tục tĩu và sự ngây thơ.)

- Apollinaire ngây thơ;
- Apollinaire không bạo động, không phản nộ, không điên loạn, không tuyệt vọng;
- Apollinaire không bận tâm thù ghét chiến tranh, không thù ghét văn minh, đời sống kỹ nghệ máy móc hay đời sống thành thị;
- Apollinaire là học giả sâu rộng mà không làm thơ tư tưởng hay thơ triết lý hay thơ siêu hình.

Đó là những nét chính mà tôi đã thấy trong con người Apollinaire. Những nét chính trên đã đi ngược hẳn với trào lưu văn học và tư tưởng hiện đại.

Văn học hiện đại thì quá già dặn, hết ngây thơ hồn nhiên, có chứa phức cảm tội lỗi, bạo động, phản nộ, điên loạn, thù ghét chiến tranh, chán mứa văn minh kỹ nghệ máy móc; nhìn chung, tiểu thuyết hay kịch hiện đại đều là nặng nề về tư tưởng; thơ hiện đại chỉ thừa hưởng những khám phá kỹ thuật của Apollinaire (và của Blaise Cendrars) còn về đường tư tưởng thì thơ ca hiện đại đi ngược hẳn màu sắc trữ tình; thơ hiện đại là thơ triết lý hoặc thơ tôn giáo. Về nội dung tư tưởng, Apollinaire đã đi ngược lại những trào lưu chính của nền văn học hiện đại, nhưng về kỹ thuật hình thức, thì thi ca hiện đại đều nằm trong hơi thở của Apollinaire.

### 3.

Nói đến con người Apollinaire mà không nói đến Tình yêu là không nói được gì cả. Có những người sinh ra đời chỉ để yêu đàn bà và mọi sự trong đời họ đều bị đàn bà chi phối mãnh liệt. Apollinaire thuộc vào hạng người này. Tình yêu đã ảnh hưởng quyết định đến sự nghiệp thi ca của Apollinaire. Đối với Apollinaire, Cuộc Đời, Thơ và Tình Yêu chỉ là Một; Cuộc Đời là Tình Yêu, tất cả mọi sự đều dẫn về Tình Yêu. Ta có thể gọi những thi sĩ nào ở thế giới là thi sĩ của Tình yêu? Robert Burns? Giacomo Leopardi? Christopher Marlowe? So wol Kim? Byung Wha Cho? Sappho? Pétrarque? Heine? Tất cả những thi sĩ không nhiều thì ít đều ca tụng Tình yêu; Tình yêu đã ảnh hưởng mãnh liệt đến Rainer Maria Rilke, nhưng Rilke vẫn xem tình yêu như "*gia tăng thêm sự cô đơn*" và suốt đời Rilke vẫn lang thang đi tìm "*một quê hương tâm linh*" mặc dù Rilke đã chết vì hoá hoa hồng của Tình yêu, nhưng phải gọi Rilke là thi nhân của Tâm linh (Gabriel Marcel gọi Rilke là "témoin du spirituel"; danh từ "Thi nhân của Tình Yêu" phải dành cho Pétrarque hay, gần đây hơn, phải dành cho Apollinaire. Pétrarque đã bất tử nhờ mối tình của thi nhân đối với Laura; Apollinaire đã bất tử là nhờ những mối tình của thi nhân đối với Anne với Marie, với Lou, với Madeleine. Tất cả nhân sinh quan hay vũ trụ quan của Apollinaire đều trở về trung tâm điểm là người đàn bà. Có người làm bao nhiêu bài thơ chỉ để ca tụng con người trong đời

sống hiện đại (như Walt Whitman), có người làm bao nhiêu bài thơ khóc than cho nỗi bi thương của mình (như Leopardi), có người làm thơ để đọc kinh cho nỗi cô đơn mãnh liệt của mình (như Hàn Mặc Tử và Hoài Khanh), có người làm thơ ca tụng Thượng đế, để tìm Vô hạn (l'inépuisable) trong Hữu hạn (như Paul Claudel), có người làm thơ để tìm Thượng Đế ở Hoả Ngục (như Rimbaud), có người làm thơ chỉ để ca tụng "ngày mai ca hát" (như Bertolt Brecht), nhưng cũng có người làm hàng ngàn bài thơ chỉ để ca tụng một người đàn bà đó là Apollinaire.

Apollinaire tham lam, suốt đời chỉ chạy loanh quanh lẫn quẩn với hình bóng nàng này và mái tóc nàng kia, Apollinaire nhìn ở đâu cũng thấy những giai nhân; suốt đời chàng cứ bận rộn với những nàng con gái "xinh như mộng"; mặc ai đánh giết nhau, thế giới có tơi bời lửa đạn đi nữa, Apollinaire cũng chẳng hề nhọc óc, chàng cứ thản nhiên làm thơ gửi về "những nàng con gái bên kia ấy"; đang lúc khói lửa và đạn bay vèo đầy trời, Apollinaire vẫn thản nhiên mơ mơ màng màng ở giữa trận tuyến; chàng nhìn mọi sự vật trên đời với cặp mắt mơ màng của một người đang yêu, bởi thế chiến tranh không ảnh hưởng gì đến chàng cả; cả vũ trụ của chàng chỉ có nàng: nhìn ở đâu, chàng Gui (Guillaume) Apollinaire cũng đều thấy nàng Lou; ở giữa trận tuyến lửa đạn nghi ngút đầy trời, thi nhân mơ màng:

*La nuit  
S'achève  
Et Gui  
Poursuit  
Son rêve  
Où tout  
Est Lou  
On est en guerre  
Mais Gui  
N'y pense guère*

Đêm tàn  
Và chàng  
Mơ màng  
Chỉ thấy  
Tất cả  
Là nàng  
Chiến tranh  
Nhưng chàng  
Vẫn chẳng hề màng

Đứng trước cuộc đời, chàng cũng có thái độ như thế. Cần gì bạo động cần gì phần nộ phản kháng, ai muốn làm gì cứ làm, ai muốn nghĩ gì nghĩ, tôi chẳng xao xuyến gì cả, tôi đứng vững hết, bởi vì thế giới của tôi chỉ có một hình bóng mà thôi. Apollinaire chẳng cần thắc mắc xao xuyến trước ý nghĩa của cuộc đời, chẳng cần run run đi tìm Thượng đế, bởi vì đối với Apollinaire, Thượng đế là nàng **Anne**, là nàng **Lou**, là nàng **Marie**, là nàng **Madaleine**, là nàng có tên gọi là la **Jolie Rousse**.

Có những kẻ thất tình vài lần thì mất tự tin và tuyệt vọng rồi trở thành triết gia hoặc kẻ độc tài (như Hitler); Nietzsche và Schopenhauer rút cục lại chỉ là những kẻ thiếu tình yêu của đàn bà và trở thành thù ghét đàn bà; những misogynes chỉ là những kẻ đại thất tình; nhưng càng thất tình, chàng càng đeo miết mấy cô, mỗi lần bị thất tình, chàng cũng đau khổ dữ dội lắm, chàng cũng thất vọng, nhưng *không bao giờ tuyệt vọng*; nàng Anne không yêu chàng, chàng đau khổ quặn quại lắm, nhưng rồi

chàng lại đi tìm nàng Anne khác (như Marie, như Lou, vân vân).

*Xin hoan hô tư cách "đàn ông" của Apollinaire. Đại gì khổ mãi? Hãy bôi sạch những nàng tiên đã đi qua trong đời mình, vì cả vũ trụ này còn có những mấy mươi trăm triệu nàng tiên khác đang rụt rè chờ đợi mình!*

Có những triết gia mà cả đời không trả lời được một câu hỏi; trái lại, ta tưởng chừng như Apollinaire trả lời rất dễ dàng. Nếu ta hỏi cuộc đời là gì? Có lẽ Apollinaire sẽ trả lời: **là chàng yêu nàng**. Thơ là gì? **Thơ là em**. Triết học là gì? **Là lời em thỏ thẻ**.

*Nietzsche đã từng gọi "chân lý" là một "cô nàng"! Và ai thấy lời thỏ thẻ nào của nàng Lou Salomé đang run rẩy đằng sau những trang triết lý cuồng nộ của Nietzsche!*

Apollinaire không chạy trốn cuộc đời (như Kafka, Hemingway, Sadegh Hedayat, vân vân); chàng bám vào cuộc đời, chàng nghiêng ngả cuộc đời như nhai một trái đào tươi, chàng uống cuộc đời như say mê uống ly rượu mạnh; bởi vì đối với chàng, **cuộc đời là tình yêu**. Đối với Apollinaire, tất cả đều mất hết biên giới: Cuộc Đời, Thơ và Tình Yêu lộn lẩn với nhau và chỉ có một ý nghĩa với nhau, Hư và Thực chỉ là một, Vô Hạn và Hữu Hạn chỉ là một, *L'intérieur* và *L'extérieur* của *L'existant* chỉ là một; *Phénomène* và *Noumène* chỉ là một, Trắng hay Đen chỉ là một, Chiến tranh hay Hoà bình chỉ là một, Essence và Existence chỉ là một; En – soi và Pour – soi chỉ là một; Sunyata và Tathata chỉ là một; Logique và Alogique chỉ là một; Xấu và Đẹp chỉ là một; Thành phố và Đồng quê chỉ là một; Tâm Thường và Cao Siêu chỉ là một; Dơ dáy và Sạch sẽ chỉ là một, và **Một là gì? Một là Nàng**. Một là chàng yêu nàng và nàng yêu chàng. Khi Hai trở thành Một thì cả vũ trụ giao hoà thuận hợp. Khi Hai trở thành Một thì Hỗn Độn trở thành Trật Tự. Một là gì? **Một là Tuyệt đối. Một là Siêu Thực Tại (Surréalité)**. Apollinaire đã khai sinh ra chữ "Surréalité" và từ đó phong trào Surréalisme chào đời để khai thác lĩnh vực hoang vu mà Apollinaire đã tìm ra.

*Nhưng chính trường phái gọi là "Surréalisme" lại đánh mất Surréalité! Giống như Bouddhisme đánh mất Bouddha và Christianisme đánh mất Christ!*

Sống và Chết chỉ là một. Thực tại và Tưởng tượng chỉ là một, Quá khứ và Tương lai chỉ là một, Trên và Dưới chỉ là một. Khi Hai trở thành Một thì mọi Mâu Thuẫn đều chấm dứt. TÔI LÀ CUỘC ĐỜI, TÔI LÀ ÂM THANH, và ÁNH SÁNG, TÔI LÀ XÁC THỊT ĐÀN ÔNG.

*Je suis la Vie... Je suis le Son et la Lumière  
Je suis la Chair des Hommes  
(Poèmes retrouvés)*

Khi HAI ôm thành MỘT, ta có thể khiêu khích thách đố cả sự chết và ta có thể gọi xanh là đỏ, gọi trắng là đen, gọi sáng là chiều:

*Et liés l'un à l'autre en une étreinte unique  
Nous pouvons défier la mort et son destin  
Quand nos dents claqueront en claquement panique  
Nous pouvons appeler soir ce qu'on dit matin  
(Poèmes à Lou)*

Đứng trước Tình yêu, Kafka cảm thấy bàng hoàng trước cái vật "gớm tởm" (abscheulich) và "dơ dáy" (schmutzig). Kafka chán sợ trước cái nhầy nhụa của xác thối, bởi thế khi Kafka định tìm giải thoát khỏi sự ám ảnh Hư Vô, Kafka không thể tìm



trong Tình Yêu và chàng đã thất bại đau đớn. Đối với Apollinaire thì trái ngược hẳn với Kafka, *Apollinaire thần tượng hoá Tình Yêu*; Apollinaire ngây thơ, chứ không mang nặng phức cảm tội lỗi như Kafka. Apollinaire hồn nhiên và trước sự nhầy nhụa ấy Apollinaire vẫn hoàn toàn "trong sạch như bầu trời đẹp".

*Tu peux défier ma volonté sauvage  
Je peux me prosterner comme vers un autel  
Devant ta **croupe** qu'ensanglantera ma rage.  
Nos amours resterons purses comme un beau ciel.*  
(Xin miễn dịch)  
(Poèmes à Lou)

Đối với chàng, những mối tình cao thượng không bao giờ xấu xa tội lỗi. **Tình yêu là thiêng liêng.**

#### 4.

Không hiểu mấy ngày vừa qua, tôi lừ đừ bơ phờ như một kẻ bị giam hãm trong ngục tù. Chẳng có lý do gì. Bỗng nhiên chán nản hết mọi sự. Thù ghét hết mọi sự. Lấy bút ra định viết ít bài đăng báo, viết được chục trang rồi xé liệng, toàn là những ý tưởng lảng nhảng bệnh hoạn. Lấy tiểu thuyết ra đọc để lấy tinh thần, đọc chừng năm trang đã thấy mệt và cũng chẳng biết mình đang đọc gì; đôi mắt nhìn vào mấy dòng chữ mà tâm trí đang bênh bồng nơi khác. Đứng dậy định bước chân ra ngoài nhưng rồi ngồi xuống vì không biết đi đâu. Đi mà không biết đi đâu. Ngồi: không biết ngồi làm chi. Viết: chẳng biết viết gì. Muốn làm một cái gì: chẳng biết làm gì bây giờ.

Tôi bước đi quờ quạng trong phòng; tình cờ bàn tay thờ ơ rờ mó vào tập thơ Hàn Mặc Tử. Tôi bơ phờ giờ ra đọc băng quơ. Thời gian bỗng ngừng lại. Đôi mắt tôi sáng lên. Tôi ngồi xuống.

Trời tối. Ánh nắng chiếu vàng vọt yếu ớt. Tôi cố gắng trừng mắt đọc. Tôi đọc. Chừng năm phút sau tinh thần tỉnh lại. Thần kinh hết căng thẳng. Hết những chán chường thất vọng. Tôi cười. Một người bệnh nan y và cô đơn ở trong một túp lều tranh tồi tàn. Nỗi chán chường bơ phờ của tôi không có nghĩa lý gì cả nếu so với nỗi bơ phờ tuyệt vọng của Hàn Mặc Tử:

*Mây chết đuối ở dòng sông vắng lặng  
Trôi thây về xa tận cõi vô biên*

Tôi hết thất vọng chán mứa. Tôi hết mất mát. Thơ làm tôi sống lại. Thơ giải thoát tôi ra khỏi vòng tù hãm nhọc nhằn của cuộc sống. Thơ đặt tôi trước đời sống.

Tôi mỉm cười bước xuống nhà dưới, tình cờ thấy tờ giấy báo dơ nằm dưới đất, tôi lượm lên đọc băng quơ:

*Mùa thu đêm mưa  
phố cũ hè xưa  
công viên lá đổ  
ngóng em kiên khổ phút giờ  
Mùa thu âm thầm  
Bên vườn Lục Xâm  
ngồi quen ghế đá,*



*không em biết giá từ tâm  
mùa thu nơi đâu  
người em tóc nâu  
tóc vàng sợi nhỏ?  
Mong em chín đỏ trái sầu...*

(Cung Trầm Tưởng)

Tôi ngạc nhiên. Tim tôi máy động. Cung Trầm Tưởng là ai mà làm thơ tài hoa vậy? Tôi mơ màng. Tôi hình dung những chiếc lá rơi. Tôi nhìn thấy dòng sông Seine lững lờ trôi chảy. Kia là tả ngạn Rive Gauche... Kia là đường phố Aumont- Thiévil và l'avenue des Ternes... Kia là những kẻ tú chiến giang hồ... Kia là cầu Mirabeau... Kia là mùa thu rơi... Kia là Pont - Neuf. Ôi Paris Souvenir Souvenirs... Remember to Remember...

Cung Trầm Tưởng làm tôi nhớ đến Apollinaire. Ừ, chỉ có Apollinaire mới có những giòng thơ bất tuyệt để làm sống lại Paris. Nói đến Paris là nói đến Kỷ niệm, nói đến Nghệ sĩ, là nói đến Tình yêu và Tuổi trẻ. Paris là thành phố của những kẻ tú chiến giang hồ, của những clochards của những femmes de joie, của những Henry Miller, những Hemingway, những Gertrude Stein, những Picasso, những Apollinaire...

*Mùa thu nơi đâu  
người em mắt nâu  
tóc vàng sợi nhỏ  
Mong em chín đỏ trái sầu*

Cung Trầm Tưởng làm tôi nhớ đến Apollinaire....

*J' ai cueilli ce brin de bruyère  
L' automne est morte souviens t'en  
Nous ne nous verrons plus sur terre  
Odeur du temps brin de bruyère  
Et souviens-toi que je t' attends*

Cũng vào mùa thu, Cung Trầm Tưởng ngóng người yêu "kiên khổ phút giờ" và "chín đỏ trái sầu", ngóng chờ mong đợi như Apollinaire đã ngóng chờ mong đợi giữa hương thời gian và mùi thạch thảo:

*Odeur du temps brin de bruyère  
Et souviens-toi que je t' attends*

Trời tối hẳn rồi. Tôi bước vào giường nằm ngủ, mắt nhắm lại, những dòng thơ của Hàn, của Cung, của Apollinaire chan hoà thướt tha đưa tôi vào giấc ngủ triền miên...

## 5.

Sáng sớm, tôi sức thức giấc. Tôi thở khoan khoái. Giấc ngủ êm đềm đã xoá nhoà tất cả những khắc khoải của mấy ngày qua. Tôi bước ra ngoài vườn; gió cao nguyên lạnh buốt. Mặt trăng còn chiếu sáng. Bỗng nhiên tôi sức muốn viết về Apollinaire. Bỗng nhiên... Ừ, chắc những dư vang của tối hôm qua còn đọng lại sau giấc ngủ nhẹ nhàng. Tôi bước vào nhà vệ vĩa ngồi vào bàn.

Nhưng...nhưng mà viết gì đây? Có thể viết về Apollinaire sao? Viết thế nào? Viết về thơ Apollinaire? Không thể được. Có thể phê bình thơ Apollinaire? Không. Ừ, không gì vô lý bằng cái việc phân tích phê bình thơ. Nói đến thơ thì chỉ có việc ca tụng hoặc thờ phụng.

Nói đến Thơ không khác gì nói đến Thượng đế. Phê bình Thơ là làm việc phạm thánh, là "blasphème."

-

Nhưng thi sĩ không phải là loài người, họ là những thiên thần, những thánh hoặc những quỷ ma. Nếu ta không chấp nhận họ được thì ta phải ca tụng họ hết lời. Ta không được quyền có thái độ của học giả hoặc giáo sư hoặc nhà phê bình. Phải giết hết những nhà phê bình để cho Keats sống, để cho Chatterton đừng chết lúc mới 18 tuổi xanh!

Anh không thể cảm thơ người ta thì anh hãy im lặng; còn nếu cảm được thì anh hãy tha thiết ca ngợi, đừng e dè giữ gìn gì cả. *Không nên có những nhà phê bình thơ mà chỉ nên có những kẻ ca tụng thơ.* Thơ là của riêng từng người; không có ai làm thầy ai cả. Phê bình văn nghệ ư? Đau đớn lắm.

Giờ lại mấy trang của André Rousseaux trong quyển *Littérature du vingtième siècle* (cuốn thứ 6), tôi đọc đôi lời thú nhận của học giả già dặn: "*Il est très difficile de parler vraiment d'Apollinaire.*"

Ừ, không thể nào nói về Apollinaire cho đàng hoàng được. Đối với những thi hào đều thế. Đối với Rimbaud cũng thế. Blaise Cendrars cũng thế. Miloz, Lorca, Georg Trakl, Seferis, Cummings, Blake, Dylan Thomas, Kathleen Raine, Cavafis cũng thế.

*Đây không phải là một bài khảo luận.* Xin anh đừng kiểm sự quảng bác thông minh. Tôi không biết lý luận; tôi không biết phân tích và phê bình. Tôi chỉ biết ca ngợi.

Tôi ca ngợi: *Apollinaire là thiên tài của nhân loại; Apollinaire là hiện thân của thơ; Apollinaire là mây trắng của vòm trời xanh bất diệt..*

---

[1] *Les Écrivains célèbres*, éditions Lucien Mazenod cuốn III, trang 195.

[2] Apollinaire, *Oeuvres poétiques*, bibliothèque de la Pléiade, préface, Paris. XXXII.

[3] Gertrude Stein, *The Autobiography of Alice B. Toklas*, trang 58-63 (Random House, N.Y.)

## (Tiếp chương bảy)

### 6.

Tập *Alcools* là tập thơ tuyệt vời nhất của Apollinaire; tập *Calligrammes* mang nặng màu sắc "avant-gardiste"; những tập thơ khác của Apollinaire (như *Poèmes à Lou*, *Le Guetteur mélancolique*, *II y a*, *Vitam Impendce Amori*, v.v...) chứa đựng hương sắc trữ tình nồng nàn ân ái vô tận.

Tập thơ đầu tiên của Apollinaire là tập *Le Bestiaire ou cortège d'Orphée*. Tập thơ này không lôi cuốn như tập *Alcools*, nhưng thỉnh thoảng tập *Le Bestiaire* cũng loé lên vài ánh ngọc lung linh như:

*Belles journées, souris du temps  
Vous rongez peu à peu ma vie*

Phòng của tôi có vài ba con chuột: tối ngủ mấy con chuột ấy cứ gặm phá ồn ào, tôi bực mình lắm. Đọc hai câu trên của Apollinaire tôi toát mồ hôi, tôi không bao giờ nghĩ được hình ảnh lạ lùng như thế. Ôi chuột thời gian mi gặm nhấm ăn mòn cuộc đời của ta!...

*Belles journées, souris du temps  
Vous rongez peu à peu ma vie*

Tập *Alcools* mở đầu với bài thơ "Zone", một trong những bài thơ lạ lùng nhất của Apollinaire và của thi văn hiện đại ở thế giới:

*A la fin tu es las de ce monde ancien  
Bergère ô tour Eiffel le troupeau des pont bêle ce matin.*

*Thế rồi sau cùng mi chán thế giới cũ kỹ này  
Ô kẻ chặn cừ Hỡi tháp Eiffel đoàn cừ của nàng là những cây cầu kêu be be sáng nay*

Chắc Apollinaire là một thiên thần mới có thị quan khơi vơi như trên? Phải chăng thiên thần Apollinaire bay liệng trên thành phố Paris và tượng tháp Eiffel là một kẻ chặn cừ và những cây cầu rải rác là một đoàn cừ? Kẻ chặn cừ ấy là một nàng con gái:

*Bergère ô tour Eiffel...*

Thành phố Paris hiện ra huy hoàng, tôi bước đi lang thang vào một con đường xinh xinh mở màng quên hết mọi sự:

*J' ai vu ce matin une jolie rue don't j'ai oublié le nom  
Neuve et propre du soleil elle était le clairon.*

*Sáng nay tôi thấy một con đường xinh đẹp mà tôi đã quên tên  
Mới tinh và sạch sẽ như kèn lính của mặt trời*

Thành phố huyền ảo nhộn nhịp, ốc hụ, chuông gặt gồng ("*cloche rageuse*"), những bảng hiệu, những tờ cáo thị, con đường kỹ nghệ yêu kiều ("*la grace de cette rue industrielle*") tôi nhớ tuổi thơ ngoan đạo hồn nhiên trong trắng ("*vous priez toute la nuit dans la chapelle du collègue*"), dĩ vãng xinh đẹp chim én bay đầy trời, nhưng hỡi ơi, hiện tại chỉ là nỗi cô đơn buồn sâu héo:

*Maintenant tu marches dans Paris tout seul parmi la foule  
Des troupes d'autobus mugissants près de toi roulent  
L'angoisse de l'amour te serre le gosier*

*Bây giờ mi đi bách bộ ở Paris và cô đơn chiếc bóng giữa thiên hạ người đời  
Những đàn cừ ô tô buýt kêu rống chạy gần mi  
Nỗi đau đớn ray rứt của tình yêu bóp cổ họng mi.*

Đi giữa thành phố Paris, bước lang thang vào con đường xinh xắn, Apollinaire bỗng

dừng nhớ đến tuổi thơ của chàng, người thi sĩ ấy nhớ lại tuổi hoa niên ngây ngô trong trắng, chưa lắm bụi đời, cái tuổi đầy mơ mộng, cậu bé nhỏ mặc áo xanh trắng ấy đã đọc kinh ngoan đạo và mơ mộng hồn nhiên ngây thơ vô cùng; nhưng hồi ơi dĩ vãng xanh mộng ấy đã qua rồi và hiện tại chỉ phủ phàng cay đắng, ngày xưa là xinh đẹp vô tư lự, nhưng bây giờ chàng đau khổ cô đơn, đang bước đi lang thang giữa đường phố đông người và đang đau đớn thất tình:

*L'angoisse de l'amour te serre le gosier.*

Đau khổ quá, chàng lẩm rẩm đọc kinh giữa đường phố, nhưng chàng giật mình hổ thẹn khi bắt chợt mình đang đọc kinh (bởi vì từ lâu, chàng đã mất đức tin và không còn ngoan đạo nữa, tuổi thơ sùng đạo mất rồi), chàng cười ra nước mắt:

*Vous avez honte quand vous surprenez à dire une prière  
Tu te moques de toi et comme le feu de l'Enfer ton rire pétille  
Les étincelles de ton rire dorent le fonds de ta vie*

*Anh hổ thẹn lúc anh bắt chợt anh đang đọc kinh  
Mi chế nhạo mi và như lửa ở Hoả Ngục tiếng cười mi nổ lẹt đẹt.  
Những đóm lửa của tiếng cười mi mạ vàng đáy sâu của cuộc đời mi*

Cười chua chát, chàng tiếp tục bước đi lang thang giữa đường phố Paris:

*Aujourd'hui tu marches dans Paris les femmes sont ensanglantées*

*Hôm nay mi đi bộ ở Paris những người đàn bà loang máu*

Lòng chàng, tim chàng cùng loang máu, tình yêu ám ảnh chàng vô cùng mãnh liệt, tình yêu hành hạ chàng một cách tủi nhục ("*l'amour dont je souffre est une maladie honteuse*"), bước đi lang thang ở Paris, chàng nhớ đến những chuyến giang hồ, những chuyến viễn trình trong đời chàng những mẫu tình vụn vặt chàng đã gặp trên bước lang thang hải hồ, những chuyến đi ở Prague, ở Marseille, ở Coblenz, ở Rome, Amsterdam...

Chàng làm những chuyến giang hồ vui và buồn, chàng đã thất tình lúc hai mươi tuổi và lúc ba mươi tuổi.

*J'ai vécu comme un fou et j'ai perdu mon temps.*

*Tôi đã sống như một thằng điên và tôi đã đánh mất thời gian.*

Chàng không dám nhìn hai bàn tay chàng ("*tu n'oses plus regarder tes mains*") và chàng muốn khóc nức nở, khóc cho chàng, cho người chàng yêu, cho tất cả những khi bế bàng kinh hãi.

Chàng tiếp tục bước đi giữa thành phố Paris và đến một quán nước, chàng dừng chân lại:

*Tu es debout devant le zine d'un bar crapuleux  
Tu prends un café à deux sous parmi les malheureux  
Tu es la nuit dans grand le restaurant.*

*Mi đứng trước quầy rượu bán thiu dâm ô.  
Mi uống cà phê rẻ tiền giữa những người đau khổ.*

*Ban đêm mi đang ở trong một nhà hàng sang trọng.*

Đêm sắp tàn bình minh ló dạng:

*Tu es seul le matin va venir,  
Les laitiers font tinter leurs bidons dans les rues*

*Mi cô đơn và ngày sắp đến  
Những người bán sữa khua động bình thiết trên những đường phố.*

Những âm thanh của buổi sáng tinh mơ trời dậy: đường phố khua động du dương, chàng nâng ly lên uống rượu trước khi rời bỏ quầy hàng.

*Et tu bois cet alcool brûlant comme ta vie  
Ta vie que tu bois comme une eau-de-vie.*

*Và mi uống rượu nồng cháy như cuộc đời mi  
Cuộc đời mi mà mi uống như rượu mạnh.*

Chàng bước trở về nhà để ngủ một giấc miên man. Mặt trời lưng chừng thoáng hiện.

*Adieu Adieu  
Soleil cou coupé*

*Giã biệt giã biệt  
Mặt trời cổ bị cắt*

Bài thơ "Zone" chấm dứt như trên. Tôi muốn trích trọn bài "Zone" vào đây, nhưng bài thơ dài quá, dài đến sáu trang giấy. (Xin xem phần chú thích) [11](#). Bài "Zone" là bài thơ tiêu biểu nhất của Apollinaire. Người ta than rằng bài "Zone" khó hiểu. Tôi đã đọc hết cả những tập thơ Apollinaire từ xưa, thế mà từ đó đến nay không có bài thơ nào ảnh hưởng tôi mãnh liệt như bài "Zone", có những bài thơ mà hồi còn trẻ nhỏ ta rất say mê nhưng đến lúc lớn khôn ta không thích, nhưng ngược lại cũng có những bài thơ mà càng lớn tuổi ta càng say mê hơn nữa. "Zone" nằm trong trường hợp sau. Thực ra, bài "Zone" chẳng có gì khó hiểu. Có khó hiểu chẳng là vì quá nhiều hình ảnh lạ lùng dồn dập hoà lẫn với nhau và biên giới thời gian không gian đã mờ nhạt đi, không còn thứ tự thường lệ nữa. Hầu hết thi ca hiện đại đều thế. Ta từng đọc những quyển tiểu thuyết khác thường của Faulkner và James Joyce, James Joyce và Faulkner đã sử dụng lối độc thoại nội tâm (monologue intérieur) trong tiểu thuyết. Apollinaire (và nhất là T. S. Eliot) đã xử dụng lối độc thoại nội tâm trong thơ. Bài "Zone" (hay bài "Cortège") của Apollinaire chỉ là những bài độc thoại nội tâm thường khó hiểu đối với những người quen đọc lối văn cũ. Chủ đề bài "Zone" là gì? Theo tôi đó là một bài trầm buồn của một người thất tình Apollinaire là một nhà thơ của Tình yêu; những bài thơ tuyệt vời nhất của Apollinaire đều là những bài hát của kẻ thất tình. Bài "Zone" đưa ta vào những đường phố Paris; Apollinaire buồn chán đi lang thang trên những đường phố Paris từ sáng đến chiều tối, rồi đến khuya sáng hôm sau mới trở về nhà mà ngủ. Đang lúc Apollinaire lững thững bước đi, những hình ảnh tưng bừng của Paris và ngày xưa trở về xuất hiện lộn xộn trong tâm tưởng chàng, chàng thấy lại lúc bé thơ ngây thơ hồn nhiên, chàng thấy lại những lúc bé thơ ngây ngô hồn nhiên, chàng thấy lại những lần lang bạt kỳ hồ ở bờ Địa trung hải, ở Prague, ở Marseille, ở Coblenz, Rome, Amsterdam; đang lúc chàng đi lang thang ở Paris, những hình ảnh ấy sống lại trong tâm tưởng chàng; mỗi bước chân chàng gợi lại những quãng đời chàng, những hình ảnh hiện tại và quá khứ xuất hiện lẫn lộn trong

tâm tưởng của một chàng thi sĩ thất tình đau khổ; đêm tàn buổi sáng trở về; trước khi về nhà ngủ, chàng uống một ly rượu mạnh như uống cuộc đời chàng:

*Et tu bois cet alcool brûlant comme ta vie.  
Ta vie que tu bois comme une eau – de – vie.*

Hai câu thơ trên là hai câu thơ hay nhất của bài "Zone"; Apollinaire đã lấy chữ Alcool trong hai câu thơ ấy để đặt nhan đề tập thơ *Alcools*. Khi viết bài "Zone", Apollinaire muốn nói gì?

*Đi trên thành phố phai nhàu  
Bước chân xiêu vẹo nghe sâu vọng âm  
Lời em trên mắt âm thầm  
Khua chân phố nhỏ giọt đẫm đìa tuôn*

(Hoài Khanh)

Có thể lấy mấy câu thơ trên để làm chủ đề cho bài "Zone" là một buổi lang thang xiêu vẹo "nghe sâu vọng âm" trên thành phố phai nhàu Paris.

Tôi không hiểu tại sao tôi lại thích mê đi lang thang trên những đường phố, bất cứ một đường phố nào. Chỉ bước đi lang thang và ngó nhìn bằng quơ, chỉ bấy nhiêu thôi là đủ hạnh phúc lắm rồi.

Nhút là đi lang thang từ tối khuya đến sáng tinh mơ. Tôi nghĩ rằng bất cứ kẻ nào đã từng lang như chó hoang, khi đọc bài "Zone", sẽ càng thắm thía vô cùng. Nếu có đọc "Zone", chắc Sherwood Anderson thích thú lắm. (Sherwood Anderson là kẻ lang thang bằng quơ nhất trên những đường phố Mỹ quốc).

Apollinaire đi lang thang ở nhiều nước ngay từ lúc còn trẻ. Blaise Cendrars cũng thế. Valéry Larbaud cũng thế. Hơi thở của "Zone" nhắc ta nhớ đến "Prose du Transbérien" hoặc "Pâques à New York" của Blaise Cendrars.

"Zone" mạnh và dồn dập thôi thúc hơn bài "Le Pont Mirabeau". Dở tập *Alcools*, ta thấy sau bài "Zone" là bài "Le Pont Mirabeau"; cả hai bài đều bất hủ; nhưng cái *style nouveau* được thể hiện rõ ràng mãnh liệt trong "Zone" hơn là trong "Le Pont Mirabeau".

Bài "Le Pont Mirabeau" nằm trong truyền thống thi ca trữ tình Pháp:

*Sous le pont Mirabeau coule la Seine*

*Dưới cầu Mirabeau sông Seine chảy.*

Apollinaire đứng nhìn sông Seine trôi chảy và thi nhân đau đớn khắc khoải sống lại dĩ vãng và những mối tình xưa:

*Sous le pont Mirabeau coule la Seine  
Et nos amours  
Faut – il qu'il m'en souvienn*

Tôi nhớ đến mấy câu thơ của Hoàng Trúc Ly; Hoàng Trúc Ly sống lại dĩ vãng và những mối tình xưa:



*Tôi đứng bên bờ dĩ vãng  
Thương về con nước ngại ngùng xuôi  
Những người con gái bên kia ấy  
Ai biết chiều nay có nhớ tôi  
Tôi muốn hôn bằng môi của em  
Mùa mưa thao thiết nắng hoe thềm.*

(Hoàng Trúc Ly)

Hoàng Trúc Ly “*Thương về con nước ngại ngùng xuôi*” mang theo mất những mối tình của thi nhân cũng như Apollinaire thỗn thức “*Tình yêu trôi đi như dòng nước chảy*”:

*L’amour s’en va comme cette courante  
L’amour s’en va  
Comme la vie est lente  
Et comme l’Espérance est violente  
Vienne la nuit sonne l’heure  
Les jours s’en vont je demeure*

Tình yêu trôi đi như dòng nước chảy. Tình yêu trôi đi, cuộc đời chậm chạp, hoài vọng mãnh liệt. Đêm đến, giờ điếm, thời gian trôi chảy, chỉ còn thi nhân ở lại bên cầu thương dĩ vãng. Chẳng biết có chịu ảnh hưởng Apollinaire hay không mà Hoài Khanh cũng có những lời thơ tuyệt tác có thể khiến ta nhớ đến những câu thơ của Apollinaire.

*Rồi em lại ra đi như đã đến  
Dòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù  
Ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng  
Nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu.*

(Hoài Khanh)

Mỗi nhà thơ mang một giọng điệu riêng, nhưng ta có thể lấy câu “*ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng*” để giải thích câu “*je demeure*” của Apollinaire trở nên bất hủ; ý nghĩa cô đọng súc tích mông lung vô cùng, ta muốn hiểu thế nào cũng được. Thời gian trôi đi mất, chỉ còn nỗi khổ triền miên ở lại cùng tôi! Đoạn thơ hay nhất trong bài “*Le Pont Mirabeau*” là đoạn này:

*Les mains dans les mains restons face à face  
Tandis que sous  
Le pont de nos bras passe  
Des éternels regards l’onde si lasse  
Vienne la nuit sonne l’heure  
Les jours s’en vont je demeure*

*Tay trong tay mặt hãy nhìn mặt  
Đang lúc dưới  
Cầu của những cánh tay đôi ta lướt dòng nước mệt mỏi của những thoáng nhìn thiên thu  
Hãy để đêm về giờ điếm  
Ngày trôi tôi vẫn còn đây.*

Thi nhân nhớ lại ngày xưa cũng tại nơi đây, thi nhân cùng người yêu âu yếm nhìn nhau, tay trong tay, mặt đối mặt, đang lúc ấy cánh tay của hai người chàng qua như một cây cầu ("*le pont de nos bras*") và dưới cầu tay ấy là những thoáng nhìn thiên thu của đôi tình nhân không khác gì dòng nước mệt mỏi lướt chảy dưới cầu ("*l'onde des éternels regards*").

Bài "Le Pont Mirabeau" chấm dứt thật tái tê thể lương:

*Passent les jours et passent les semaines  
Nile temps passé  
Nil les amours riviennent  
Sous le pont Mirabeau coule la Seine  
Vienne la nuit sonne l'heure*

Ngày đi, tháng đi, năm đi, những tuần lễ trôi đi, thời gian bên ngoài trôi xuôi đi mất, chỉ còn thời gian bên trong tâm tưởng là không đi và những mối tình cũng không trở lại ("*Ni les amours reviennent*") và nước sông Seine vẫn "xuôi lạnh một dòng sâu" dưới cầu Mirabeau để cho "mấy màu thời gian" trôi đi mất và chỉ còn lại thi nhân đứng nhìn con sông xa nguồn mà tê tái ("*je demeure*")

*Nước xuôi lạnh một dòng sâu  
Biết về đâu hỏi mấy màu thời gian*

(Hoài Khanh)

*Sous le pont Mirabeau  
Vienne la nuit sonne l'heure  
Les jours s'en vont ...*

(Apollinaire)

*Con sông nào đã xa nguồn  
Thì con sông ấy sẽ buồn với tôi*

(Hoài Khanh)

*Sous le pont Mirabeau coule la Seine  
...  
Les jours s'en vont je demeure*

(Apollinaire)

*Màu thời gian không xanh  
Màu thời gian tím ngắt  
Hương thời gian không nồng  
Hương thời gian thanh thanh*

(Đoàn Phú Tứ)

Màu thời gian không còn xanh nữa, màu thời gian đã tím ngắt và chỉ còn Apollinaire đứng lại bên cầu Mirabeau bề bàng mơ màng gửi lại "hương thời gian" như dịch mấy chữ "*Odeur du temps*" trong bài "Adieu" của Apollinaire (chắc Đoàn Phú Tứ

không đọc Apollinaire và đây chỉ là trùng nhau thôi).  
Bài "Le Pont Mirabeau" chấm dứt với hai chữ "je demeure" để lại những âm vang  
đồng vọng mãi suốt cả đời tôi:

*Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi  
Tình hoang mang gọi tứ hoang mang*

(Quách Tấn)

Tiếng dội lưng mây ấy là tiếng "je demeure" của Apollinaire. Suốt đời tiếng "je  
demeure" vẫn quện lấy lòng tôi như tầng mây trắng quện lấy núi đồi.

*...Je demeure*

Phải chăng đối với:

*....Je suis l'Autre*

(Gérard De Nerval)

Hay là:

*...Je est un autre*

(Rimbaud)

Giao hoà cùng:

*...Ta có là Ta chẳng hề Ai chứ là Người*

(Vũ Hoàng Chương)

Ngoài hai bài tuyệt tác như "Zone" và "Le Pont Mirabeau", tất cả những bài thơ khác  
trong tập *Alcools* đều tuyệt vời, bất cứ bài nào trong tập *Alcools* cũng đều đặc sắc.  
Tôi khó lòng quên những câu du dương lướt thướt như:

*Voie lactée Ô soeur lumineuse  
Des blancs ruisseaux de Chanaan  
Et des corps blancs des amoureuses  
Nageurs morts suivrons-nous d'ahan  
Ton cours vers d'autres nébuleuses  
(...)*

*L'amour est mort j'en suis tremblant  
J'adore de belles idoles  
(...)*

*Juin ton soleil ardente lyre  
Brule mes doigts endoloris  
Trisle et mélodieux délire  
J'erre à travers mon beau Paris  
Sans avoir le coeur d'y mourir*

Apollinaire suốt đời vẫn lang thang ở Paris, thành phố đẹp tuyệt trần của lòng chàng ("mon beau Paris"...); đời sống Paris vẫn gắn bó nồng nàn cùng bài hát thất tình của chàng thi nhân đau khổ ấy; ô những buổi chiều Paris... những chiều bàng bạc men nồng...

*Soirs de Paris ivres de gin*

Câu trên là câu thơ hay nhất của bài "La Chanson du Mal – Aimé."

*Men khói đêm nay sầu dựng mộ  
Bia đề thánh sáu ghi mười hai  
Tình ta ta tiếc cuồng ta khóc  
Tổ của Hoàng nay Tổ của Ai*

(Vũ Hoàng Chương)

Ôi, men khói đêm Paris...

*Soirs de Paris ivres de gin*

(Apollinaire)

*Em ơi lửa tắt bình khô rượu  
Đời vắng em rồi say với ai*

(Vũ Hoàng Chương)

Ừ, chỉ say với những đêm Paris...

*Soirs de Paris ivres de gin*

(Apollinaire)

Apollinaire yêu một cô gái người Anh tại Đức. Chàng yêu say đắm; chàng yêu nàng ngây ngất khi nàng trở về Anh, chàng đã lững thững sang đến Luân Đôn để hỏi cưới nàng, chàng bị từ khước; thất vọng chàng làm bài "La Chanson du Mal – Aimé"; cùng với bài "Zone" và "Le Pont Mirabeau", bài "La Chanson du Mal – Aimé" cũng trở thành bất hủ:

*L' amour est mort j' en suis tremblant*

Đời đã vắng em rồi...Đời vắng em rồi...*L' amour est mort...* *L' amour est mort...* từ đây anh bơ vơ lang thang khắp phố phường Paris, *J'erre à travers mon beau Paris...* lòng khô đắng, ô tình anh đã chết, men khói đêm nay sầu dựng mộ...

*Soirs de Paris ivres de gin*

Anh đi trên những buổi chiều Paris, men khói cuồng say, ôi Tổ của Hoàng hay Tổ của Ai? Ôi, những buổi chiều Paris men khói cuồng say, đời vắng em rồi say với ai? Apollinaire lang thang đau đớn trên những buổi chiều Paris... *Soirs de Paris...* Apollinaire lắng nghe tiếng xe điện khua động điên cuồng trên đường phố ("*Les tramways feux verts...*") những quán cà phê bùng khói ("*Les cafés gonflés de funée*") ; đời sống Paris quay cuồng và lòng thi nhân xót xa hướng vọng về người yêu. *L'*

amour est mort j' en suis tremblant, Duyên trăm năm đã chết...

*Duyên trăm năm đứt đoạn  
Tình một thửa còn hương  
Hương thời gian thanh thanh  
Màu thời gian tím ngắt*

(Đoàn Phú Tứ)

Hỡi ơi, tình một thửa còn hương, nhưng Hương đã chết rồi và suốt đời chàng lang thang đau khổ để lại "La Chanson du Mal – Aimé" giữa cuộc đời lạnh lẽo này. Chàng đi vào nghĩa địa hoang vu:

*Dans ce cimetière presque dézst...*  
("La Maison des morts")

Hoặc chàng đi tìm hương thơm của mấy dòng sông để cho đỡ ngùi sầu nhớ em Hương thửa ấy:

*L' odeur des fleuves dans leurs villes*  
("Cortège")

Hoặc chàng rưng rưng gõ cửa, nước mắt chàng ràn rụa, hỡi ôi, cuộc đời luân lưu bất định như dòng Euripe, chàng rưng rưng gõ cửa, nhưng cửa vẫn đóng kín, em nở lòng nào tàn nhẫn thế?

*Ouvrez-moi cette porte où je frappe en pleurant  
La vie est variable aussi bien que l' Euripe*  
("La Voyageur")

Hoặc những lần nhìn lá thu rơi lác đác chàng thấy hai bàn tay nàng thu thớt:

*Et tes mains feuilles de l'automne*  
("Marie")

Hoặc chàng lững thững bên bờ sông Seine, tay cầm sách cũ, dòng sông giống như nỗi khổ đau đớn của chàng, sông vẫn chảy mãi và không bao giờ khô cạn, biết về đâu hỡi mấy màu thời gian?

*Je passais au bord de la Seine  
Un livre ancien sous le bras  
Le fleuve est pareil à ma peine  
Il s'écoule et ne tarit pas  
Quand donc finira la semaine*  
("Marie")

Hoặc Nguyệt lên trời chàng đau thương nhìn thấy Thu đã chết, Hương thửa ấy không còn, giờ đây Thu cũng mất, Hương và Thu đã bỏ chàng bơ vơ:

*L'automne est morte souviens-t' en*  
("Adieu")

*Đã chết mùa thu em biết chưa  
Anh không khóc nữa để mong chờ  
Buồn không chờ nỗi bao niềm nhớ  
Rưng rức đâu từ vụn cổ sơ*

(Hoài Khanh)

Hoặc chàng buồn bã lắng nghe tiếng hát biển mất xa xôi, tê tái:

*J'entends mourir et remourir un chant lointain  
("La porte")*

*Some song that I might hear little by little  
Dying into the distance down a lane*

(G. Leopardi)

Hoặc chàng say lúy túy để phá tan "vụn cổ sầu", li rượu lung linh leo lét như một ngọn đèn ống ánh:

*Mon verre est plein d'un vin trembleur comme une flamme  
("Rhénanes")*

Chàng say; men lên chuyễn choáng; chàng "gắng say say để lên hề tận độ" và li rượu bể tan tành như một tiếng cười vang động thiên thu:

*Mon verre s'est brisé comme un éclat de rire  
("Rhénanes")*

Hoặc bị giam hãm giữa đường đời, mọi lối thoát không còn, chàng khóc than những năm trời trôi mất và những người con gái quá xa xôi:

*Ô mes années ô jeunes filles  
("A la Santé")*

*Những hoàng hôn mưa ướt cuộc đời  
Em cách xa rồi xa rồi em ơi!*

(Hoàng Trúc Ly)

Chàng khóc những giờ phút trôi đi thê lương như đám ma:

*Que lentement passent les heures  
Comme passe un enterrement  
("A la Santé")*

Hoặc khi Thu trở về, chàng khóc như gió khóc, rừng khóc, tiếng Thu rơi xào xạc, chàng yêu Thu chàng yêu những tiếng mùa ào ạt, trái rơi, những giọt lệ thu rơi từng lá, tiếng chân ai khua động đập trên những chiếc lá, tiếng tàu hoả buồn buồn và cuộc đời trôi chảy lênh láng:

*Et que j'aime ô Saïgòn que j'aime tes rumeurs  
Les fruits tombant sans qu'on les cueille  
Le vent et la forêt qui pleurent*



*Toules tours larme en automme feuille à feuille  
Les feuilles  
Qu'on foule  
Un train  
Qui roule  
La vie  
S'écoule  
("Automne malade")*

Ừ, em nghe chẳng mùa thu? Con nai vàng ngơ ngác, đập trên lá vàng khô thu...ôì  
tiếng thu!...

*Les feuilles  
Qu'on foule  
Un train  
Qui roule  
La vie  
S'écoule*

Một chiều trở về nhà, đi dọc theo bờ sông hoang tối, chàng lắng nghe tiếng hát trầm  
buồn vắng vắng đồng vọng:

*Un soir passant le long des quais déserts et sombres  
En rentrant à Auteuil j'entendis une voix  
Qui chantait gravement se taisant quelque fois  
Pour que parvint aussi sur les bords de la Seine  
La plainte d'autres voix limpides et lointaines*

Chàng lắng nghe tiếng hát của Paris trôi dạt trong đêm tối từng bừng són nhạc:

*Et j'écoutais longtemps tous ces chants et ces cris  
Qu'éveillait dans la nuit la chanson de Paris?  
("Vendémiaire")*

Máu giang hồ sống lại, chàng khát khao những thành phố Pháp, ở Âu châu và khắp ở  
hoàn cầu.

*J'ai soif des villes du France, d'Europe et du monde  
Venez toutes couler dans ma gorge profonde  
("Vendémiaire")*

Chàng từng làm bao nhiêu chuyến đi ngoại quốc, bao nhiêu chuyến viễn trình, nhưng  
giờ đây chàng lại khao khát muốn lên đường nữa, chàng muốn đi vào biển cả mênh  
mông, để "chôn chuyện yêu đương vào quá khứ" như người thủy thủ cô đơn này:

*Biển cả mênh mông với nhiều đảo hoang cô độc  
Sóng bạc trùm lấy đầu anh, với những tảng mây trắng vướng trên đầu anh  
Kết thành vòng hoa tang chôn chuyện yêu đương của Phương Anh ngày xưa vào quá  
khứ  
(...)*

*Anh sẽ chôn em dưới lớp lá mùa thu, mỗi buổi chiều không tên để khuôn mặt đừng  
thiếu máu thời gian cho người đời rẻ rúng*

Rồi người thủy thủ trẻ con trở về những bài thơ cuộc đời đầy bão loạn, đồng dây  
thừng buộc chặt lấy đời anh  
(.....)

Anh trở về hành lí ngày xưa chỉ còn dăm ba hàng mây trắng

(Định Giang)

Chàng khao khát những thành phố ở thế giới, vì thế chàng đã uống say mềm vì đã  
uống cả vũ trụ:

*Je suis ivre d' avoir bu tout l' univers*  
("Vendémiaire")

Ừ, hãy say lên, say để chôn em dưới lớp lá mùa thu. Bài "Vendémiaire" là bài thơ  
cuối cùng trong tập *Alcools* của Apollinaire.

Tôi xếp tập *Alcools* lại và cả tâm hồn thể xác tôi say lúy túy, tôi bước chệnh choáng  
hơi men, đã đưa cho tôi li rượu mạnh nồng cháy và tôi đã uống cuộc đời tôi như uống  
rượu mạnh:

*Et tu bois cet alcool brûlant comme ta vie*  
*Ta vie que tu bois comme une eau de vie.*

Xếp tập *Alcools* lại, tôi say tận độ, tiềm thức bùng cháy, thời gian chơi với, không lẫn  
lộn men lên ngào ngạt, tôi uống cạn *Alcools*, tôi đã uống cạn cuộc đời tôi.

*O mes années ô jeunes filles...*

Hỡi ôi, tôi đã chôn quá khứ dưới lớp lá chết mùa thu...

---

[\[1\]](#) Ý thức siêu thực bàng bạc mệnh mông trong thi phẩm của Apollinaire; sau đây, tôi  
xin dịch những bài thơ hay nhất của thi nhân. (Do phần chú thích này của tác giả  
quá dài nên chúng tôi chuyển thành phần phụ lục cuối bài viết -talawas)

## (Tiếp chương bảy)

### 7.

Tôi chỉ định viết về Apollinaire trong vòng vài ba trang sơ lược thôi, nhưng không  
hiểu vì lẽ gì tôi miên man viết mãi mà vẫn thấy chưa xong và muốn viết dài thêm  
nữa. Nhưng thôi. Bấy nhiêu cũng tạm gọi là đủ. Trước khi đặt bút viết, tôi đã đề  
nhan đề bài này là "*Apollinaire, người khai sinh nguồn thơ hiện đại*". Nhưng khi bắt  
đầu viết xong chừng vài chục trang tôi chỉ mới nói sơ sơ đến tâm tình của thi nhân  
thôi; tôi tham quá; tôi đã định viết về mọi khía cạnh của Apollinaire nhưng rồi tôi  
mới thấy rằng không thể tham lam được và chỉ nên giới hạn việc làm, vì thế tôi đổi  
nhan đề lại là "*Tình yêu trong thơ Apollinaire*".

Mấy tuần nay tôi đã hạnh phúc (tôi nghĩ rằng tôi đã hạnh phúc) vì mấy tuần nay tôi  
chỉ đọc và viết về Apollinaire; trước kia khi còn trẻ, tôi thường say mê Apollinaire,

nhưng mấy năm gần đây, tôi đã bỏ quên Apollinaire. Cuộc đời đã ném liệng tôi bồng bênh đây đó. Cuộc đời đã giết hết tất cả tình cảm trong lòng tôi, khiến tôi bơ phờ, lạnh lùng đi đứng lê thê như một thằng điên hoặc lang thang tê dại giữa phố phường xa lạ như một con chó ốm. Tôi không còn lắng nghe tiếng chim. Thỉnh thoảng lâu lâu tình cờ ngược nhìn lên bỗng gặp mây trắng trên trời lúc bấy giờ tôi mới sực ý thức rằng tôi đã chết giữa cuộc sống; ngày xưa khi còn trẻ, tôi thường ngắm nhìn mây trắng chơi vơi, say mê đọc thơ, ca hát vang cả nhà và thường hay mộng mơ ngớ ngẩn, nhưng ngày nay tất cả các thứ ấy đã hết rồi và khi những thứ ấy không còn nữa thì tâm hồn tôi đã chết lịm giữa đường đời ngày nay, tôi chỉ là một con người tồi tàn bệ rạc yếu đuối, hết tin tưởng, hết lý tưởng, hết hiên ngang kiêu hãnh; ngày nay tôi trở thành một kẻ dè dặt và lo sợ đủ mọi sự, lại hay hoài nghi và bạc nhược. Tuổi thơ hùng mạnh phách lối ngang ngược đã chết. Tôi mang thể xác tinh thần của người lớn tuổi và thường sống giả dối. (Giả dối là đặc điểm của tất cả những người lớn tuổi) Ngày xưa tôi thường khinh chê những kẻ bạc nhược, những kẻ sống lay lắt bệ rạc; nhưng ngày nay chính tôi lại là kẻ ấy.

Thế rồi những ngày gần đây, bỗng nhiên tôi gặp lại Apollinaire, tôi gặp lại Apollinaire như gặp lại một người bạn cũ của đời tôi. Những dòng thơ Apollinaire đã trả tâm hồn xưa lại cho tôi.

Tôi vui sướng. Tôi cảm thấy yêu đời. Apollinaire đã đem cả một mùa hoa xanh mộng về trả lại tôi.

Tôi sống lại. Cả vũ trụ sống lại; Tôi bắt đầu ca hát lại. Tôi bắt đầu tìm thơ đọc lại. Bất cứ bài thơ của thi sĩ nào cũng rung cảm tôi và nhất là tôi bắt đầu mộng mơ ngớ ngẩn lại như thuở "ban đầu lưu luyến ấy". Mơ mộng hình ảnh nào cũng được, ở bên Tây hay bên ta. Không cần nghĩ ngợi có thực hiện được hay không, chỉ mơ mộng thôi, chỉ có thể thôi là đủ hạnh phúc rồi. Vì đối với tôi, Mơ mộng và Thực không còn khác nhau nữa. Mơ mộng chính là Thực. Khi Mơ mộng và Thực không còn khác nhau nữa thì đó chính là Siêu thực. Với trí tưởng tượng phong phú của tôi, tôi sẽ thu gọn cả vũ trụ vào gian phòng tôi, tôi sẽ hái tất cả hoa thơm trái ngọt của thiên đàng trong lòng bàn tay, tôi sẽ lang thang ca hát trên những nẻo đường thế giới, tôi sẽ tươi cười nồng nàn với những Lou, những Laura, những Marie... Tôi sẽ nhắm mắt lại và mở đôi môi ra uống tất cả những giọt nước cam tuyền của trần gian.

Vâng, tôi sẽ tha hồ mơ mộng, tôi sẽ tha hồ tưởng tượng. Và khi tỉnh mộng, tôi sẽ cười vui sướng. Ôi vĩnh biệt hoa niên!... Giã biệt Thanh Xuân, hỡi hoa Thơm của thời gian, tôi đã thở hương nồng của em.

*Jeunesse adieu jasmin du temps  
J'ai respiré ton frais parfum*

Hôm nay, tôi đã sống trọn vẹn.

Và xin cảm ơn linh hồn Apollinaire.

\*

## Phụ lục

### 1. LA JOLIE ROUSSE

*Me voici devant tous un homme plein de sens  
Connaissant la vie et de la mort ce qu'un vivant peut connaître  
Ayant éprouvé les douleurs et les joies de l'amour  
Ayant su quelquefois imposer ses idées  
Connaissant plusieurs langages  
Ayant pas mal voyagé  
Ayant vu la guerre dans l' Artillerie et l' Infanterie  
Blessé à la tête trépané sous le chloroforme  
Ayant perdu ses meilleurs amis dans l'effroyable lutte  
Je sais d'ancien et de nouveau autant qu'un homme seul pourrait des deux savoir  
Et sans m'inquiéter aujourd'hui de cette guerre  
Entre nous et pour nous mes amis  
Je juge cette longue querelle de la tradition et de l'invention  
De l'Ordre de l'Aventure  
Vous dont la bouche est faite à l'image de celle de Dieu  
Bouche qui est l'Ordre même  
Soyez indulgents quand vous nous comparez  
A ceux qui furent la perfection de l'ordre  
Nous qui quêtions partout l'aventure  
Nous ne sommes pas vos ennemis  
Nous voulons vous donner de vastes et d'étranges domaines  
Où le mystère en fleurs s'offre à qui veut le cueillir  
Il y a là des feux nouveaux des couleurs jamais vues  
Mille phantasmes impondérables  
Auxquels il faut donner de la réalité  
Nous voulons explorer la bonté contrée énorme où tout se tait  
Il y a aussi le temps qu'on peut chasser ou faire revenir  
Pitié pour nous qui combattons toujours aux frontières  
De l'illimité de l'avenir  
Pitié pour nos erreurs pitié pour nos péchés  
Voici que vient l'été la saison violente  
Et ma jeunesse est morte ainsi que le printemps  
O Soleil c'est le temps de ta Raison ardente  
Et j'attends  
Pour la suivre toujours la forme noble et douce  
Qu'elle prend afin que je l'aime seulement  
Elle vient et m'attire ainsi qu'un fer l'aimant  
Elle a l'aspect charmant  
D'une adorable rousse  
Ses cheveux sont d'or on dirait  
Un bel éclair qui durerait  
Ou ces flammes qui se pavanent  
Dans les roses thé-qui se fanent  
Mais riez riez de moi  
Hommes de partout surtout gens d'ici  
Car il y a tant de choses que je n'ose vous dire  
Tant de choses que vous ne me laisseriez pas dire  
Ayez pitié de moi.*

(Calligrammes, 1918)

## Tạm dịch

Đứng trước tất cả các anh đây, tôi là một con người đủ đầy lương tri  
Hiểu biết cuộc đời và hiểu biết về sự chết như tầm kiến thức thông thường của thiên hạ  
Đã trải qua những nỗi đau khổ và những niềm vui của tình yêu  
Thỉnh thoảng cũng biết bắt buộc người ta phải theo những ý tưởng của mình  
Thông hiểu nhiều ngôn ngữ  
Đã du lịch khá nhiều  
Đã chứng kiến chiến tranh trong Pháo binh và Bộ binh  
Bị thương nơi đầu, bị mổ xương bằng thuốc mê chloforme  
Đã mất những bạn bè thân yêu nhất của mình trong trận chiến hải hùng  
Tôi từng biết về chuyện cổ và kim cũng nhiều như bất cứ một người đờn độc nào đó  
có thể biết được cả hai  
Và hôm nay không bận tâm lo lắng trận chiến tranh này  
Giữa bọn mình và đối với chúng mình, hồi những người bạn của tôi ơi  
Tôi xin xét xử cuộc tranh chấp lâu dài giữa Truyền thống và Sáng tạo, giữa Trật tự và  
Phiêu lưu.  
Các anh mà miệng đã được sáng tạo ra theo hình ảnh Thượng đế  
Miệng ấy chính là trật tự rồi  
Xin các anh hãy khoan dung khi các anh so sánh chúng tôi với những con người thiện  
mỹ của trật tự.  
Chúng tôi đều là những kẻ đi tìm phiêu lưu ở mọi chân trời  
Chúng tôi không phải là kẻ thù của các anh đâu  
Chúng tôi đều muốn dâng tặng các anh những lãnh thổ mệnh mỏng xa lạ  
Mà nơi đó sự huyền bí đơm hoa sẽ dâng hiến cho kẻ nào muốn gặt hái nó  
Nơi đó có những ngọn lửa mới, những sắc màu chưa từng thấy, nghìn ảo tượng vô  
lượng  
Mà chúng tôi phải thể hiện  
Chúng tôi muốn thám hiểm cõi thiện, miền cực đại mà nơi đó mọi vật đều im lặng  
Nơi đó cũng có thời gian mà chúng ta có thể đuổi đi hoặc gọi về lại  
Hãy thương chúng tôi, những người đang luôn luôn chiến đấu tại những biên thuỳ  
của Vô hạn và của Tương lai  
Hãy thương những lỗi lầm chúng tôi, hãy thương những tội lỗi chúng tôi  
Giờ đây Hè đang đến, mùa bạo hành  
Và tuổi trẻ của tôi chết như mùa Xuân chết  
Hỡi Thái dương, đó là thời gian của Lý trí nồng nhiệt  
Để mà theo đuổi nàng mãi mãi  
Tôi chờ đợi  
Hình dáng dịu dàng cao quý  
Mà nàng đã nhập thể để tôi chỉ có thể yêu nàng mà thôi.  
Nàng đến đây và lôi cuốn tôi như từ thạch hút sắt  
Nàng có vẻ đẹp duyên dáng của một cô gái yêu kiều tóc đỏ  
Tóc nàng vàng óng, người ta sẽ nói thể  
Trông như tia chớp trường cửu  
Hay như những ngọn lửa tha thướt  
Trong những đoá hồng trà tàn úa  
Hỡi mọi người khắp nơi, hãy cười tôi đi, cười tôi đi, nhất là những người ở đây  
Bởi vì có quá nhiều việc mà tôi không dám kể cho các anh  
Quá nhiều việc mà các anh sẽ không để tôi nói đâu  
Hãy thương tôi.

## 2. LE PONT MIRABEAU

*Sous le pont Mirabeau coule la Seine  
Et nos amours  
Faut – il qu'il m'en souvienn  
La joie venait toujours après la peine  
Vienne la nuit sonne l'heure  
Les jours s'en vont je demeure  
Les mains dans les mains restons face à face  
Tandis que sous  
Le pont de nos bras passe  
Des éternels regards l'onde si lasse  
Vienne la nuit sonne l'heure  
Les jours s'en vont je demeure  
L'amour s'en va comme cette courante  
L'amour s'en va  
Comme la vie est lente  
Et comme l'Espérance est violente  
Vienne la nuit sonne l'heure  
Les jours s'en vont je demeure  
Passent les jours et passent les semaines  
Ni temps passé  
Ni les amours reviennent  
Sous le pont Mirabeau coule la Seine  
Vienne la nuit sonne l'heure  
Les jours s'en vont je demeure*

(Acools, 1913)

Sachvui.Com

### **Tạm dịch**

Dưới cầu Mirabeau sông Seine chảy  
Và những mối tình chúng mình?  
Anh có nên nhớ lại chẳng?  
Niềm vui luôn luôn theo sau nỗi đau đớn  
Hãy để đêm đến, giờ đổ  
Những ngày trôi qua, và anh vẫn còn đây  
Tay trong tay, mặt hãy nhìn mặt  
Đang lúc ấy  
Dưới cầu tay chúng mình  
Dòng nước mệt mỏi của những thoáng nhìn thiên thu  
Trôi chảy qua  
Hãy để đêm đến, giờ đổ  
Những giờ trôi qua, và anh vẫn còn đây  
Tình yêu trôi đi như dòng nước chảy  
Tình yêu trôi đi  
Cuộc đời sao quá chậm  
Mà hy vọng quá nhiệt nồng  
Hãy để đêm đến, giờ đổ  
Những ngày trôi qua, những tuần trôi qua  
Mà thời dĩ vãng  
Cùng những mối tình xưa không bao giờ trở lại  
Dưới cầu Mirabeau sông Seine chảy

Hãy để đêm đến, giờ đổ  
Những ngày trôi qua và anh vẫn còn đây.

### 3. LIENS

*Cordes faites de cris  
Sons de cloches à travers l'Europe  
Siècles pendus  
Rails qui ligotent les nations  
Nous ne sommes que deux ou trois hommes  
Libres de tous liens  
Donnons- nous la main  
Violente pluie qui pègne les fumées  
Cordes  
Cordes tissées  
Câbles sous-marins  
Tours de Babel changées en ponts  
Araignées – Pontifes  
Tous les amoureux qu'un seul lien a liés  
D'autres liens plus ténus  
Blancs rayons de lumière  
Cordes et Concorde  
J'écris seulement pour vous exalter  
O sens o sens chéris  
Ennemis du souvenir  
Ennemis du désir  
Ennemis du regret  
Ennemis des larmes  
Ennemis de tout ce que j'aime encore*

(*Calligrammes*, 1918)

### Tạm dịch

Những sợi dây thừng làm thành tiếng kêu  
Những tiếng chuông vang rền khắp Âu châu  
Những thế kỷ treo lủng lờ  
Những đường rầy trói buộc những quốc gia  
Chúng ta chỉ là hai hoặc ba người  
Thoát khỏi mọi ràng buộc  
Chúng ta hãy nắm tay  
Những trận mưa mãnh liệt chải tóc khói  
Những sợi dây thừng đan dệt  
Những hải đế [tran1] điên tuyến  
Những tháp Babel biến đổi thành những cây cầu  
Những con nhện - Những vị giáo trưởng  
Tất cả những tình nhân mà chỉ mỗi một dây liên hệ trói buộc lại  
Những mối liên lạc tinh vi khác  
Những luồng ánh sáng trắng  
Những sợi dây thừng và Hoàn thiện  
Tôi chỉ viết để tán dương các người



Hỡi những cảm giác thân yêu  
Những kẻ thù của kí ức  
Những kẻ thù của khát vọng  
Những kẻ thù của hồi tiếc  
Những kẻ thù của nước mắt  
Những kẻ thù của tất cả những gì tôi đang hãy còn yêu.

#### 4. ZONE

*A la fin tu es las de ce monde ancien  
Bergère ô tour Eiffel le troupeau des ponts bêle ce matin.  
Tu en as assez de vivre dans l'antiquité grecque et romaine  
Ici même les automobiles ont l'air d'être anciennes  
La religion seule est restée toute neuve la religion  
Est restée simple comme le hangars de Port - Aviation  
Seul en Europe tu n'es pas antique ô Chirstianisme  
L'Européen le plus moderne c'est vous Pape Pie X  
Et toi que les fenêtres observent la honte retient  
D'entrer dans une église et de t'y confesser ce matin  
Tu lis les prospectus les catalogues les affiches qui chantent tout haut  
Voilà la poésie ce matin et pour la prose il y a les journaux  
Il y a les livraisons à 25 centimes pleines d'aventures policières  
Portraits des grands hommes et mille titres divers  
J'ai vu ce matin une jolie rue don't j'ai oublié le nom  
Neuve et propre du soleil elle était le clairon.  
Les directeurs les ouvriers et les belles sténo-dactylographes  
Du lundi matin au samedi soir quatre fois par jour y passent  
La matin par trois fois la sirène gémit  
Une cloche rageuse y aboie vers midi  
Les inscriptions des enseignes et des murailles  
Les plaques les avis à la façon des perroquets criaillent  
J'aime la grâce de cette rue industrielle  
Située à Paris entre la rue Aumont-Thiéville et l'avenue des Ternes  
Voilà la jeune rue et tu n'es encore qu'un petit enfant  
Ta mère ne t'habille que de bleu et de blanc  
Tu es très pieux et avec le plus ancien de tes camarades René Dalize  
Vous n'aimez rien tant que les pompes de l'Église  
Il est neuf heures le gaz est baissé tout bleu vous sortez du dortoir en cachette  
Vous priez toute la nuit dans la chapelle du collègue  
Tandis qu'éternelle et adorable profondeur améthyste  
Tourne à jamais la flamboyante gloire du Christ  
C'est le beau lys que tous nous cultivons  
C'est la torche aux cheveux roux que n'éteint pas le vent  
C'est le fils pâle ei vermeil de la douloureuse mère  
C'est l'arbre toujours touffu de toutes les prières  
C'est la double potence de l'honneur et de l'éternité  
C'est l'étoile à six branches  
C'est Dieu qui meurt le vendredi et ressuscite le dimanche  
C'est le Christ qui monte au ciel mieux que les aviateurs  
Il détient le record du monde pour la hauteur  
Pupille Christ de l'oeil.  
Vingtième pupille des siècles il sait y faire*

Et changé en oiseau ce siècle comme Jésus monte dans l' air  
Les diables dans les abîmes lèvent la tête pour le regarder  
Ils disent qu'il imite Simon Mage en Judée  
Il crient s'il sait voler qu'on l'appelle voleur  
Les anges voltigent autour du joli voltigeur  
Icare Enoch Elie Apollonins de Thyane  
Flottent autour du premier aéroplane.  
Ils s' écartent parfois pour laisser passer ceux que transporte la Sainte – Eucharistie  
Ces prêtres qui montent éternellement en élevant l'hostie  
L'avion se pose enfin sans refermer les ailes  
Le ciel s'emplit alors de millions d'hirondelles  
A tire d'aile viennent les corbeaux les faucons les hiboux  
D'Afrique arrivent les ibis les flamands les poètes  
Plane tenant dans les serres le crâne d'Adam la première-tête  
L'aigle fond de l'horizon en poussant un grand cri  
Et d'Amérique vient le petit colibri  
De Chine sont venus les pihis longs et souples  
Qui n'ont qu'une seule aile et qui volent par couples  
Puis voici la colombe esprit immaculé  
Qu'escortent l'oiseau-lyre et le paon ocellé  
Le phénix ce bûcher qui soi-même s'engendre  
Un instant voile tout de son ardente cendre  
Les sirènes laissant les périlleux détroits  
Arrivent en chantant bellement toutes trois  
Et tous aigle phénix et pihis de la Chine  
Fraternisent avec la volante machine  
Maintenant tu marches dans Paris tout seul parmi la foule  
Des troupes d'autobus mugissants près de toi roulent  
L'angoisse de l'amour te serre le gosier  
Comme si tu ne devais jamais plus être aimé  
Si tu vivais dans l'ancien temps tu entrerais dans un monastère  
Vous avez honte quand vous vous surprenez à dire une prière  
Tu te moques de toi et comme le feu de l'Enfer ton rire pétille  
Les étincelles de ton rire dorent le fonds de ta vie  
C'est un tableau pendu dans un sombre musée  
Et quelquefois tu vas le regarder de près  
Aujourd' hui tu marches dans Paris les femmes sont ensanglantées  
C'était et je voudrais ne pas m'en souvenir c'était au déclin de la beauté  
Entourée de flammes ferventes Notre-Dame m'a regardé à Chartres  
Le sang de votre Sacré-Coeur m'a inondé à Montmartre  
Je suis malade d'ouïr les paroles bienheureuses  
L'amour dont je souffre est une maladie honteuse  
Et l'image qui te possède te fait survivre dans l'angoisse  
C'est toujours près de toi cette image qui passe  
Maintenant tu es au bord de la Méditerranée  
Sous les citronniers qui en fleur toute l'année  
Avec tes amis tu te promènes en barque  
L'un est Nissard il y a un Mentonasque et deux Turbiasques  
Nous regardons avec effroi les poulpes des profondeurs  
Et parmi les algues nagent les poissons images du Sauveur  
Tu es dans le jardin d'une auberge aux environs de Prague  
Tu te sens tout heureux une rose est sur la table  
Et tu observes au lieu d'écrire ton conte en prose

La cétoine qui dort dans le coeur de la rose  
Epouvanté tu te vois dessiné dans les agates de Saint-Vit  
Tu étais triste à mourir le jour où tu t'y vis  
Tu ressembles au Lazare affolé par le jour  
Les aiguilles de l'horloge du quartier juif vont à rebours  
Et tu recules aussi dans ta vie lentement  
En montant au Hradchin et le soir en écoutant  
Dans les tavernes chanter des chansons tchèques  
Te voici à Marseille au milieu des pastèques  
Te voici à Coblenz à l'hôtel du Géant  
Te voici à Amsterdam avec une jeune fille que tu trouves belle et qui est laide  
Elle doit se marier avec un étudiant de Leyde  
On y loue des chambres en latin Cubicula locanda  
Je m'en souviens j'y ai passé trois jours et autant à Gouda  
Tu es à Paris chez le juge d'instruction  
Comme un criminel on te met en état d'arrestation  
Tu as fait de douloureux et de joyeux voyages  
Avant de t'apercevoir du mensonge et de l'âge  
Tu as souffert de l'amour à vingt et à trente ans  
J'ai vécu comme un fou et j'ai perdu mon temps.  
Tu n'oses plus regarder tes mains et à tous moments je voudrais sangloter  
Sur toi sur celle que j'aime sur tout ce qui t'a épouvanté  
Tu regardes les yeux pleins de larmes ces pauvres émigrants  
Ils croient en Dieu ils prient les femmes allaitent des enfants  
Ils emplissent de leur odeur le hall de la gare Saint-Lazare  
Ils ont foi dans leur étoile comme les roi-mages  
Ils espèrent gagner de l'argent dans l'Argentine  
Et revenir dans leur pays après avoir fait fortune  
Une famille transporte un édredon rouge comme vous transportez votre coeur  
Cet édredon et nos rêves sont aussi irréels  
Quelques – uns de ces émigrants restent ici et se logent  
Rue des Rosiers ou rue des Ecoiffes dans des bouges  
Je les ai vus souvent le soir ils prennent l'air dans la rue  
Et se déplacent rarement comme les pièces aux échecs  
Il y a surtout des Juifs leurs femmes portent perruque  
Elles restent assises exsangues au fond des boutiques  
Tu es debout devant le zine d'un bar crapuleux  
Tu prends un café à deux sous parmi les malheureux  
Tu es la nuit dans grand le restaurant.  
Ces femmes ne sont pas méchantes elles ont des soucis cependant  
Toutes même la plus laide a fait souffrir son amant  
Elle est la fille d'un sergent de ville de Jersey  
Ses mains que je n'avais pas vues sont dures et gercées  
J'ai une pitié immense pour les coutures de son ventre  
J'humilie maintenant à une pauvre fille au rire horrible ma bouche  
Tu es seul le matin va venir,  
Les laitiers font tinter leurs bidons dans les rues  
La nuit s'éloigne ainsi qu'une belle Métive  
C'est Ferdine la fausse ou Léa l'attentive  
Et tu bois cet alcool brûlant comme ta vie  
Ta vie que tu bois comme une eau – de-vie  
Tu marches vers Auteuil tu veux aller chez toi à pied  
Dormir parmi les fétiches d'Océanie et de Guinée

*Ils sont des Christs d'une autre forme et d'une autre croyance  
Ce sont les Christs inférieurs des obscures espérances  
Adieu A dieu  
Soleil cou coupé.*

(Alcools, 1913)

### Tạm dịch

Sau cùng anh cũng chán nản cõi trần gian cũ kỹ này  
Hỡi tháp Eiffel, hỡi nàng chần cừ ơi, bầy cừu kêu be be sáng nay  
Anh đã sống khá nhiều trong thời thượng cổ Hy Lạp và La Mã  
Ở đây ngay đến những chiếc ô tô cũng có vẻ như cổ kính  
Chỉ có tôn giáo là vẫn còn mới  
Và vẫn còn đơn giản như những kho trại ở Port - Aviation  
Ở Âu châu chỉ người là không cổ lỗ, hỡi Ki Tô giáo ơi  
Hỡi Đức Giáo Hoàng Pie X, người Âu châu tân tiến nhất là ngài  
Và mi mà những cửa sổ quan sát, sự hổ thẹn đã giữ mi lại, không để mi bước vào  
nhà thờ và không để mi xưng tội ở đó sáng nay  
Mi đọc những tờ giấy cáo bạch, những sổ mục lục, những tờ yết thị ca hát inh ỏi  
Đó là thi ca sáng nay và về văn xuôi thì có những tờ nhật báo, những tập sách 25 xu  
đầy những truyện trinh thám, đầy hình vẽ nhân và một nghìn chức tước  
Sáng nay tôi đã thấy một con đường xinh đẹp mà tôi đã quên tên đó  
Mới mẻ và sạch sẽ, con đường đó là cái kèn của mặt trời  
Những ông chủ, những người thợ và những cô thư ký tóc ký đánh máy xinh đẹp  
Mỗi ngày bốn lần từ sáng thứ hai đến chiều thứ bảy đều đi qua con đường đó  
Ba lần mỗi ngày vào buổi sáng tiếng còi rên rĩ ở đó  
Một cái chuông gặt gồng sữa âm lên ở đó vào buổi trưa  
Những yết thị, chiêu bài của nhà buôn ở trên những tấm bảng và trên tường  
Những tấm bảng, những tấm cáo thị la réo như con vẹt  
Tôi thích nét yêu kiều duyên dáng của con đường kỹ nghệ này  
Năm ở Ba lê giữa đường Aumont-Thiéville và đại lộ Des Ternes  
Đây là con đường trẻ trung và mi chỉ là một đứa trẻ con  
Mẹ mi chỉ cho mi mặc quần áo màu xanh và trắng  
Mi rất ngoan đạo và cùng người bạn xưa nhất của mi, tên là René Dalize, mi không  
yêu thích gì hơn là vẽ trang lệ phù hoa của Giáo hội  
Lúc ấy là chín giờ, đèn khí đã hạ thấp và tất cả đều trở nên xanh, anh lên đi ra ngoài  
phòng ngủ một cách kín đáo  
Anh đọc kinh suốt đêm trong nhà nguyện của trường trung học  
Trong lúc ấy thì sự thâm sâu màu sắc tía, vĩnh cửu và yêu kiều, sự vinh quang và đồ  
rực của đấng Ki Tô quay vòng mãi mãi  
Đó là hoa huệ xinh đẹp mà tất cả chúng tôi đều trồng  
Đó là cây đuốc tóc đỏ mà ngọn gió không thổi tắt  
Đó là đứa con trai xanh xao và đỏ hồng của người mẹ đau khổ  
Đó là cây luôn luôn rậm rạp với tất cả những lời kinh  
Đó là giàn trụ cột song đôi của vinh dự và vĩnh cửu  
Đó là ngôi sao với sáu nhánh  
Đó là Thượng Đế chết ngày thứ sáu và sống lại ngày chúa nhật  
Đó là đấng Ki Tô bay lên trời tài hơn là phi công.  
Ngài đã đoạt kỷ lục về chiều cao  
Đấng Ki Tô, con người của mắt, con người thứ hai mươi của những thế kỷ, ngài biết  
cách vận dụng

Và biến đổi thành một con chim, như đức Giêsu, thế kỷ này cũng bay lên trời  
Những con qui ở hồ thẳm ngẩng đầu lên nhìn ngài  
Bọn qui nói rằng ngày bắt chiếc Simon, đạo sĩ Judée  
Bọn qui la lên rằng nếu ngài biết bay thì chúng gọi ngài là kẻ ăn trộm (hay kẻ bay)  
Những thiên thần bay lượn quanh kẻ bay lượn xinh đẹp  
Icare, Enoch, Elie, Apollonius de Thyane  
Bay lênh đênh xung quanh chiếc máy bay đầu tiên  
Họ thỉnh thoảng tránh đường để rộng chỗ cho những kẻ nào mà thánh thể mang đi  
qua  
Những ông thầy cả này bay lên mãi mãi, đang khi nâng bánh thánh lên cao  
Rồi thì máy bay hạ xuống mà không cần xếp cánh  
Bấy giờ bầu trời lan tràn hàng triệu con chim én  
Ào ạt bay nhanh tới nơi nào là những con quạ,  
Những con ó, những chim cú  
Từ Phi châu bay đến nào là đủ loại hạc  
Chim Róc mà những văn gia thi sĩ đã làm trở nên bất hủ, cũng bay liệng đến bầu vúi  
cái sọ ông A Dong trong những ngón chân, cái sọ dừa đầu tiên  
Con chim Ưng bay sà xuống từ phía chân trời, kêu la inh ỏi  
Và từ Mỹ châu bay đến con chim sâu bé nhỏ  
Từ Trung Hoa bay đến những con chim lạ dài thon yếu điệu  
Và chỉ có một cánh và bay từng cặp  
Rồi thì bồ câu bay đến, thánh thần tinh khiết, được hộ tống bằng những con chim  
thất huyền và con công có khoen tròn lốm đốm  
Con phượng hoàng, đồng củi lửa mà nó tự thoát thai, trong một khoảnh khắc, vây  
phủ mọi vật bằng tro bụi hừng hực.  
Lià bỏ những eo biển hiểm nghèo, những con nhân ngư cũng đến dự và cả ba ca hát  
véo von  
Và tất cả, chim ưng, phượng hoàng và kỳ điểu ở Trung Hoa đều kết bạn thân thiết  
với chiếc máy bay  
Bây giờ mi đang đi giữa đô thị Ba Lê, hoàn toàn cô đơn giữa đám đông thiên hạ  
Những bầy ô tô buýt rên rĩ chạy lướt gần mi  
Nổi đau quặn quại đau đớn của tình yêu bóp nghẹn cổ họng cơ hồ như là nó sẽ  
không nên bao giờ được yêu nữa  
Nếu mi sống vào thời xưa mi sẽ xin vào tu viện  
Anh cảm thấy hổ thẹn khi anh bỗng tự bắt gặp mình đang đọc kinh  
Mi tự chế nhạo mi và tiếng cười mi nổ lẹt đẹt như lửa Địa ngục  
Những tia lửa của tiếng cười mi loé vàng đáy sâu đời mi  
Đó là một bức tranh treo trong một bảo tàng luyện đen tối  
Và đôi khi mi đi đến nhìn nó thật gần.  
Hôm nay mi đang bước đi giữa Ba Lê, những người đàn bà loang máu  
Đó là (và tôi không muốn nhớ làm gì nữa) đó là thời tàn tạ của sắc đẹp  
Vây quanh bởi những ngọn lửa hừng hực, Đức Bà nhìn tôi ở tại Chartres  
Máu của Thánh Tâm người đã tràn ngập tôi tại Montmatre  
Tôi đã chán nghe những lời lành thánh  
Tình yêu mà tôi đau khổ chỉ là một cơn bệnh xấu hổ  
Và hình bóng ám ảnh kia đã làm mi sống sót lại trong cơn mất ngủ và trong cơn đau  
nhói quặn quại  
Hình ảnh ấy cứ luôn luôn lướt qua gần mi  
Bây giờ mi đứng bờ biển Địa Trung Hải  
Dưới những cây chanh trở hoa quanh năm  
Với những người bạn mi đi dạo bằng thuyền  
Một người bạn thì ở Nice, một người ở Menton và hai người ở La Turbie  
Chúng tôi sợ hãi nhìn những con bạch tuộc ở đáy sâu và giữa rong rêu những con cá

bơi lội, những hình ảnh của đấng Cứu Thế  
Mi đang ở trong một cái vườn của một lữ quán gần thành Prague  
Mi cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc, một đoá hoa hồng trên bàn và mi ngắm nhìn con  
bọ cam nằm ngủ trong lòng hoa hồng, thay vì viết câu chuyện bằng văn xuôi  
Bàng hoàng sợ hãi, mi thấy mi in bóng trong những đá mã não ở Saint Vit  
Mi buồn bã chán đời lúc mi nhìn mi ở đó  
Mi giống như Lazare hoang hốt điên cuồng bởi ánh sáng ban ngày  
Những cây kim đồng hồ ở khu phố Do Thái chạy ngược lại  
Và mi cũng thụt lùi ngược lại chậm chạp trong cuộc đời mi lúc mi bước lên Hradchin,  
và  
Vào buổi chiều lúc mi lắng nghe những bài ca Tiệp khắc vọng lên từ trong tửu quán...  
Bây giờ mi đang ở Marseille, đứng giữa những trái dưa hấu  
...Bây giờ mi đang ở Coblenz tại lữ quán Géant  
Bây giờ mi đang ở La Mã dưới cây sơn trà Nhật bản  
Bây giờ mi đang ở Amsterdam với một cô gái mà mi cảm thấy xinh đẹp và thực ra cô  
ấy thì trong xấu  
Nàng sẽ lấy một sinh viên ở Leyde  
Người ta mượn phòng bằng chữ La tinh *cubicula locanta*  
Tôi nhớ rằng tôi đã ở đó 3 ngày và nhiều như ở Gouda  
Mi đang ở Ba Lê nơi phòng dự thẩm  
Như một tên tội đồ, họ quản thúc mi  
Mi đã làm những chuyến hành trình đau khổ và vui sướng  
Trước khi để ý đến điều giả nguy và tuổi tác già nua  
Mi đã đau khổ vì tình yêu hồi hai mươi và ba mươi tuổi  
Tôi đã sống như thẳng điên và tôi đã đánh mất thời gian  
Mi không còn dám nhìn những bàn tay của mi vào mỗi một phút giây trong đời, mi  
đều muốn gục đầu nức nở  
Nức nở khóc mình, khóc người mình yêu và khóc tất cả những gì làm mi kinh hãi  
Mi nhìn những người di trú nghèo nàn này với đôi mắt rưng rưng nước mắt  
Họ tin thờ Thượng Đế. Họ đọc kinh cầu nguyện  
Những người đàn bà cho con bú sữa  
Họ làm cho nhà ga Saint - Lazare man mác mùi hôi của họ  
Họ tin thờ ngôi sao họ như ba vua đạo sĩ  
Họ mong làm ăn được ở A Căn Đình  
Và trở về quê hương họ khi đã làm giàu  
Mỗi một gia đình mang theo một cái mền nhung mao đỏ như anh mang trái tim anh  
Cái mền nhung mao ấy và những giấc mộng của chúng ta cũng đều hư ảo  
Và người di trú ở lại đây và cư ngụ tại đường Hoa Hồng hay đường Des Ecouffes  
trong những túp lều bệ rạc  
Tôi thường gặp họ vào buổi chiều lúc họ hóng mát trên đường phố và như những  
quân cờ, họ ít khi di động  
Họ phần lớn đều là người Do Thái; những người đàn bà mang tóc giả, họ vẫn ngồi  
xanh xao tiêu tụy ở cuối hiệu buôn  
Mi đứng trước quầy hàng rượu bán thịt  
Mi uống một tách cà phê rẻ tiền, cùng với những người nghèo khổ bạc mệnh  
Lúc ấy là ban đêm mi ở trong một hiệu ăn  
Những người đàn bà này không bán tiện nham hiểm mặc dù họ sống với nhiều lo âu  
phiền muộn  
Họ đều làm tình nhân họ đau khổ, dù là kẻ xấu xí nhất  
Người đàn bà ấy là con gái của một bác cảnh sát Jersey  
Những bàn tay nàng (mà tôi chưa từng thấy trước kia) đều cứng và nứt nẻ  
Tôi rất thương hại những đường nhăn ở bụng nàng  
Bây giờ tôi hạ thấp miệng tôi với một cô gái nghèo nàn có tiếng cười kinh hãi



Mi chỉ một mình cô đơn và buổi sáng sắp đến  
Người bán sữa làm khua động những thùng sữa trên đường phố  
Đêm tàn và lướt đi như nàng Métive tuyệt trần  
Đó là Ferdine hư ngụy hay Léa chuyên tâm ân cần  
Và mi uống li rượu này đốt cháy như cuộc đời mi  
Cuộc đời mi mà mi uống cơ hồ như rượu mạnh  
Mi bước về xóm Auteuil. Mi muốn đi bộ về nhà  
Và nằm ngủ giữa những ngấu tượng đem từ miền Océanie và Guinée  
Những ngấu tượng ấy là những đấng Ki Tô theo hình thể khác và theo tín ngưỡng khác  
Đó là những đấng Ki Tô nhỏ bé của những hoài vọng đen tối  
Giã từ Giã từ  
Mặt trời bị cắt cổ.

## Chương tám

### Ý thức chấp nhận – Charles Chaplin và tâm hồn nghệ sĩ

*Con thú vật đau khổ nhứt ở trần gian này là con thú đã tạo ra tiếng cười.*  
Nietzsche (*Volonté de Puissance, c. II, tr. 368*)

#### 1.

Bản "Limelight" của Charles Chaplin là bản nhạc của Tuyệt Đối, tiếng ca vút trời thăm thẳm của một tâm hồn cô độc nhất trần gian. Nhân loại này còn đau khổ thì điệu nhạc "Limelight" tuyệt vời vẫn còn sống để tha thiết nuôi dưỡng xoa dịu nỗi đau đốn cảm lạnh khôn cùng của những con người vô danh ở dưới mọi phương trời.

Tôi chưa xem phim *Limelight* của Charles Chaplin, nhưng cần gì xem phim ấy nữa, khi mà mình đã nghe điệu "Limelight" bất tuyệt trong đời mình và qua điệu nhạc triền miên u ẩn ấy, mình đã cảm thấy hết tất cả những bi kịch xót xa nhất của con người, mình đã quì ôm sự đau khổ trong mười ngón tay nước mắt, mình đã run run khi nghe thời gian trôi đi miên man trong gió đời heo hút và nhất là trong một đêm khuya vô định nào đó, mình đã chợt bắt gặp một giọng sông xa xôi trong đôi mắt của một người ca sĩ giữa một đêm vui sắp tàn rồi cuộc đời sẽ đi vào lãng quên, khi mà ánh đèn đã tắt, khi mà người nghệ sĩ đã trở về già?

Mỗi khi nhắc đến tên Charles Chaplin là tôi run run nói không ra lời, cũng như mỗi khi nghe nhắc đến Henry Miller hay Nijinsky hay Blaise Cendrars hay Van Gogh.

Charles Chaplin. Charles Chaplin...Tên người gọi lên một mùa Thu, tên người gọi lên một mùa Đông, tên người gọi lên một mùa Xuân...

Tôi nghe người ta kể lại rằng vở *Limelight* nói lên tâm hồn bất diệt của một anh hề già, mặc dù đã bị đời lãng quên và sống bần cùng trong đói khổ và tuyệt vọng, nhưng vẫn tha thiết thương yêu cuộc đời.

Anh hề già này cứu một vũ nữ khỏi tự tử và mặc dù chính anh cũng là một kẻ tuyệt vọng chán đời, anh vẫn cố gắng hết sức an ủi, khuyến khích, gây tin tưởng cho cô vũ nữ trẻ đẹp này. Chính những cử chỉ của anh đã khiến nàng trở nên yêu đời, tin tưởng mình. Rồi nàng trở lại cuộc sống, nhảy múa như xưa, chẳng bao lâu nàng bước lên tuyệt đỉnh của thành công và danh vọng; đang khi đó thì anh hề già tóc trắng chìm



vào trong đêm tối, bị người đời quên lãng: thế rồi một hôm, đang lúc nàng vũ nữ trẻ đẹp vui tươi nhảy múa thì anh hề già gục chết âm thầm dưới ánh đèn sân khấu, không một ai hay biết.

Điều đàn "Limelight" vây phủ trọn vở kịch: những kẻ nào chưa may mắn được xem phim, chỉ cần lắng nghe điệu nhạc "Limelight" là cũng cảm được những gì mà ngôn ngữ không thể nói lên được.

Đó là tiếng chấp nhận cuộc đời, chấp nhận một cách trọn vẹn: *cuộc đời càng tuyệt vọng, càng đen tối thì lại càng trở nên có ý nghĩa và lại càng đáng sống.*

Tôi chỉ có thể sống nổi, khi tôi đau khổ. Càng đau khổ thì càng thấy rằng cuộc đời đẹp hơn.

Charles Chaplin đã nói về ý nghĩa của vở kịch: "*Trọn ý nghĩa của vở kịch chỉ là: đừng sợ sống*" (*That's what it is, that is the whole story, not to be afraid to be alive*). <sup>[1]</sup>

- Không sợ sống
- Not to be afraid to be alive (Charles Chaplin)

Charles Chaplin đã nói lên một chân lý tuyệt vời nhất của cuộc đời:

## KHÔNG SỢ SỐNG

### NOT TO BE AFRAID TO BE ALIVE

Tôi phải lặp lại câu nói trên đến lần thứ hai và nếu cần thì cũng có thể lặp lại một triệu lần; mỗi tối trước khi đi ngủ và mỗi sáng trước khi thức dậy, chúng ta cần phải nói thầm câu trên, nói đi nói lại nhiều lần như một tín đồ Tịnh Độ tông niệm Phật hay một tín đồ Hésychaste niệm Chúa...

Chúng ta đã sợ sống, đó là lý do tại sao chúng ta đã đau khổ. Chỉ khi nào chúng ta không còn sợ sống nữa thì lúc ấy chúng ta mới được giải thoát, Charles Chaplin đã thể hiện câu "không sợ sống" bằng chính cuộc đời mình.

Cả tuổi trẻ của Charles Chaplin là những chuỗi ngày đau đớn tủi nhục nhất của một đời người; Charles Chaplin đã từng sống trong đói rét, đã đi làm lụng cực nhọc ngay từ lúc chưa đầy mười tuổi, đã chứng kiến những nỗi đau khổ lớn lao nhất đời ngay từ lúc Charles Chaplin chỉ là một đứa trẻ nhỏ ngây thơ. Mới 5 tuổi, Charles Chaplin đã bị mẹ đem bỏ ở viện mồ côi, vì bà không có tiền mua thức ăn cho con. Ở viện mồ côi, mặc dù mới 5 tuổi, Charles Chaplin đã trải qua những kinh nghiệm bẽ bàng nhất, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, thỉnh thoảng vẫn bị đánh đập mắng chửi tàn nhẫn; và trong 2 năm trời ở viện mồ côi, Charles Chaplin cũng ít được mẹ đến thăm. Đến năm 7 tuổi, cậu bé mới được mẹ đem về nhà để sống những ngày lang thang tủi cực nghèo đói, thường đi rong ăn mày ở những đường phố vỉa hè. Sau này, Charles Chaplin đã nhắc lại cho con trai nghe về quãng thời gian ấy: "*Con phải tin tưởng nơi con, con ạ. Đó là sự huyền bí kì diệu. Ngay đến lúc mà cha bị bỏ ở viện mồ côi hay lúc mà cha đi rong hoang đàng ở những đường phố để kiếm chút ít đủ ăn để sống qua ngày thì ngay những lúc đó, cha vẫn tự nghĩ rằng cha là một kịch sĩ vĩ đại nhất ở thế giới. Cha phải cảm thấy sự phong phú thiên nhiên ấy thoát ra từ lòng tự tin mãnh liệt, sự tin tưởng hoàn toàn nơi chính bản thân mình. Không có lòng tự tin ấy, con sẽ kiệt quệ đâu hàng ngày*" (You have to believe in yourself, that's the secret. Even when I was in the orphanage, when I was roaming the streets trying to find enough

to eat to keep alive, even then I thought of myself as the greatest actor in the world. I had to feel that exuberance that comes from utter confidence in yourself. Without it you go down to defeat) (Charles Chaplin, Jr., *My father Charles Chaplin*, tr. 11).

Charles Chaplin không sợ sống, chẳng những thế, ông đã sống trọn vẹn nhất, bi tráng nhất. Mặc dù cuộc đời mình chỉ gồm toàn những nỗi đau khổ bất tận, thế mà Charles Chaplin cũng đã làm hề (làm Charlot) để tạo Niềm Vui, gây ra tiếng cười ở khắp mọi phương trời.

Hình ảnh Charlot đã đi vào lịch sử, đi vào Nghệ thuật. Élie Faure (cũng một thiên tài lạ thường) đã so sánh thiên tài Charles Chaplin với thiên tài Shakespeare (cf. J. Mitry, *Charlot et la "Fabulation" chaplinesque*, tr. 22, éditions universitaires. 1957).

Có người đã cho rằng Charles Chaplin là một bậc thánh, một loại thánh đứng ngoài vòng giáo đường, ngoài lề luật. Jean Duviyau nói về Charles Chaplin như sau: "*Dưới hình ảnh của anh hề người ta thấy ẩn hình ảnh Jésus; dưới nét mặt của một anh hề làm trò cười, người ta thấy một người chịu đóng đinh để cứu vớt nhân loại*" (Jean Duvigaud, "Le Mythe Chaplin" trong *Critique*, Juillet 55).

Elie Faure là một thiên tài vô danh của văn học Pháp, là một nhà thẩm mỹ học đại tài nhất thế giới, đã ca tụng Charles Chaplin là "*một thi hào vĩ đại, nhà thơ duy nhất của thời đại này đã nhìn đời dưới khía cạnh hùng tráng, một cách thường xuyên và đầy ý thức*".

Charles Chaplin đã chiến thắng được sự đau khổ vô hạn của đời mình, đã làm cuộc đời mình trở thành một bản đàn bất tuyệt, đã sáng tạo ra Niềm Vui vô hạn cho Nhân loại. Suốt đời, Charles Chaplin vẫn say sưa hăng hái:

- Ca ngợi Tình Thương giữa loài người;
- Chống đối chiến tranh;
- Chống đối chính trị;
- Chống đối đời sống kỹ nghệ máy móc.

Charles Chaplin đã bao lần kêu gọi chúng ta: "*Các anh không phải là những cái máy! Các anh không phải là thú vật! Các anh là người! Các anh mang tình thương nhân loại trong tim các anh!*" (cf. Pierre Leprohon, *Charles Chaplin*, trang 183, Nouvelles Editions Debrasse).

Một điều đáng để ý là Charles Chaplin rất ca ngợi Nijinsky (Nijinsky là một nghệ sĩ vũ sư người Nga, một thiên tài kỳ lạ, sau này trở nên điên; Nijinsky cũng là bạn thân của Charles Chaplin). Đáng để ý nhất là Charles Chaplin rất say mê Spengler và bộ *Sự suy tàn của Tây phương*; Charles Chaplin cũng say mê Nietzsche, Emerson, và Schopenhauer. Einstein là bạn thân của Charles Chaplin, lúc sinh thời, Einstein thường đến nhà Chaplin và hai thiên tài cùng đàn vĩ cầm chung nhau.

## 2.

Nói đến Charles Chaplin thì biết nói gì bây giờ, ngoài ra chỉ nói rời rạc như trên?

Charles Chaplin, tôi gọi tên người như gọi tên một rừng chim lạ, như gọi tên giòng sông Danube xanh màu đại dương.

Và sau cùng, tôi muốn trích lại đây lời của thi sĩ Blaise Cendrars nói về Charles Chaplin, một thiên tài nói về một thiên tài:

"*Đặc tính của con người là mất, là chết. Chúng ta hãy gấp lên mà cười hết mọi sự. Cảm ơn Charlot!*" <sup>[2]</sup>.

Hãy cười tất cả mọi sự!

Cười trước sự đau khổ, cười trước sự chết, cười trước tất cả những tủ nhục phũ phàng của đời sống.

Đó là con đường giải thoát duy nhất cho sự đổ vỡ hiện nay của nhân loại. Đó là đạo lý cuối cùng của con người không sợ sống; chúng ta có nên đưa Charlot lên ngôi Thượng đế?

## Chương chín

### Ý thức siêu thể - Linh hồn Faulkner và siêu hình học thời gian của Jean-Paul Satre và Aldous Huxley

#### 1.

*Tôi vừa được được tin Faulkner từ trần.*

*Năm vừa qua, Hemingway, Céline đã lìa đời; năm nay lại đến Faulkner... Những thiên tài vĩ đại lần lượt dặt nhau từ bỏ trần gian hiu quạnh này mà trở về lòng đất.*

*Tôi nghe tin Faulkner chết mà tâm hồn tôi vẫn không xao động; bởi vì Faulkner vẫn mãi mãi sống mãnh liệt trong lòng chúng tôi, trong lòng người trẻ tuổi hôm nay. Linh hồn Faulkner vẫn đứng bên cạnh chúng tôi (cũng như linh hồn bất diệt của những thiên tài khác như Nietzsche, Dostoievsky, Eugene O'Neill, Melville, Rimbaud, vân vân.)*

*Tuổi trẻ chúng tôi đã được che chở dưới những hình ảnh hiên ngang của những con người dị thường ấy; tâm hồn chúng tôi đã được nuôi dưỡng trong tâm tình máu lệ của họ.*

*Trong những lúc thất vọng đau đớn chán nản khắc khoải xao xuyến, chúng tôi đã tìm đến Faulkner (cũng như đã tìm đến Henry Miller, Saroyan, Hermann Hess, vân vân) chúng tôi tìm đến chỗ nương náu, nơi trú ẩn để tránh những cơn bão loạn phũ phàng của tâm hồn, để thấy rằng còn có những kẻ khổ như chúng tôi hoặc khổ hơn chúng tôi, để ý thức rõ thêm rằng cuộc đời quá tàn nhẫn bi đát, rằng con người vĩ đại, bất diệt bởi vì con người đã chịu đựng được sự đau khổ phi lí vô nghĩa của cuộc đời mình, rằng tình thương vẫn đơm hoa nở trái trên nấm mồ nhân loại, rằng không có gì có thể phá hủy được trái tim con người, rằng con người sẽ chiến thắng được tất cả mọi nỗi đau đớn trên đời này.*

*Đừng bao giờ sợ hãi. Cứ lên tiếng tranh đấu cho chính trực, cho sự thực và lòng*

*thương xót trặc ẩn để chống lại bất công láo khoét và tham bạo. So, never be afraid. Never be afraid to raise your voice for honesty and truth and compassion, against injustice and lying and greed. Những lời thiết tha ấy của Faulkner vẫn vẳng vẳng bên tai chúng tôi và chúng tôi không bao giờ quên được lời Faulkner khi nhận giải Nobel, những lời đơn sơ chứa đựng những chân lý ngàn đời của con tim như tình yêu, danh dự, hãnh diện, hy sinh, can đảm, chịu đựng và lòng trặc ẩn, xót thương...*

*Những tiếng giận dị quá tầm thường ấy đã trở thành thâm trầm sâu sắc thấm thía bởi vì những tiếng ấy đã được thốt ra từ đôi môi cháy bỏng của một người đã sống qua "một mùa ở hoả ngục".*

## 2.

*Ở dưới đây chỉ là những ghi chú tôi đã viết trong những lúc tiếp xúc với tâm tình tư tưởng của Faulkner. Đối với một thiên tài quá phức tạp như Faulkner, tôi không thể nào dám có những nhận định, tôi chỉ có thể đưa ra những ghi chú, nghĩa là những cảm tưởng nhất thời mà thôi. Tôi không muốn sắp xếp những ghi chú trên theo thứ tự thời gian hoặc theo thứ tự đề tài, bởi vì nói đến "ghi chú" là nói đến tàn mác, rời rạc, tạm bợ, chưa hết, chưa xong; nếu những ghi chú mà được sắp xếp thứ tự, được hệ thống hoá đàng hoàng thì ta không gọi đó là "ghi chú" nữa; ta gọi một tên khác.*

## 3.

*Tôi không bao giờ quên được giọng rên xiết thê thảm của Benjy, "tiếng than trầm trong tuyệt vọng của tất cả những nỗi đau đớn câm lặng dưới ánh mặt trời" (the grave hopeless sound of all voiceless misery under the sun), bàn tay của Dilsey vuốt ve trên mái tóc của Benjy và đoá hoa đã tan nát nhưng đôi mắt Benjy trống rỗng, xanh lơ và bình lặng; những lời giảng kinh từ giáo đường da đen vẫn đời đời vẳng đến tai tôi: Chúng giết Ta để các con có thể sống lại; Ta chết để những kẻ nào thấy và tin tưởng sẽ không bao giờ chết nữa" (Dey kilt Me da ye shall live again; I died dat dem whut sees en believes shall never die).*

*Tôi sẽ nhớ mãi hai dòng nước mắt của người đầy tớ da đen già yếu (Dilsey), hai giọt nước mắt đau thương của một kẻ đã xót xa chúng kiến buổi ban đầu và buổi tận cùng của thế hệ (I' ve seed de first en de last... I seed de beginnin, end now I sees de endin).*

*Faulkner đã để lại hai hình ảnh bất diệt: Benjy và Dilsey, một người da trắng khùng ngốc và một người da đen nghèo khổ, hai hình ảnh lý tưởng của sự Hồi Sinh nhân loại.*

## 4.

Không thể hiểu được Faulkner.

Trước khi đọc tác phẩm của Faulkner, cần phải đọc lại Thánh kinh, ta mới hiểu được hoả ngục của Faulkner. Faulkner là một tiên tri của thời đại đồ vờ này (như Strindberg, Henry Miller, Dostoievsky...)

Ở trước, ở sau, ở chung quanh những giòng chữ của Faulkner, sương khói huyền bí

thiêng liêng vây phủ: ta thoáng nghe tiếng khóc thê thảm của những oan hồn; ta thoáng nghe tiếng nói xa xôi mơ hồ: tiếng kêu ơi ơi của những con người lạc đường mất hướng trong đêm mưa bão loạn: nhiều lúc ta lại bất chợt rùng mình ớn lạnh vì bỗng nhận ra tiếng kêu ơi ơi bi thảm ấy là tiếng kêu của chính ta: những con người lạc lõng trong đêm khuya giá buốt ấy không phải là ai cả mà là chính ta...

Và trong đêm tối rùng rợn ấy, trong hố thẳm sương mù ấy, ta chợt run lên, vì linh giác cảm thấy sự Hiện Diện huyền bí của Siêu Thể giữa cơn tuyệt vọng vô hạn phủ đầy Hư Vô.

(10-X-1960)

## 5.

Những tác phẩm máu lệ của một đời người đã thai nghén trong nỗi xót xa ray rứt và mồ hôi nhầy nhựa của tâm thức tê dại - từ những chất liệu lạ lùng nhất của tâm hồn; những tác phẩm ấy có phải là những "hiện tượng thiên nhiên", *những hòn đá* hay *những cây trơ trụi xuất hiện ra ở đó* để cho người ta đem thông minh mà phân chia định loại với giọng điệu thông thái của triết gia nhà nghề? Như là điệu xô bồ của Jean-Paul Sartre khi bàn luận về Faulkner, chẳng hạn.

Faulkner là một con người *không có trí thông minh*, ông không có đầu mà chỉ có một trái tim. Đi đến Faulkner, ta đừng nên lấy thông minh của ta mà tìm kiếm thông minh của Faulkner: ta sẽ không bao giờ tìm được gì cả. Ta hãy lấy trái tim của ta ra và cầm lấy trái tim ấy trong lòng hai bàn tay, rồi bước đi tìm kiếm Faulkner: giữa đêm tối hoang vu, *một linh hồn sẽ gặp một linh hồn*.

(12-X-1960)

## 6.

Ý nghĩa của tác phẩm Faulkner?

Không có ý nghĩa gì cả. Ý nghĩa ấy là chữ "không". Đó chỉ là một câu chuyện của một anh khùng ngu dại, ồn ào và đầy thịnh nộ, chẳng có ý nghĩa gì cả. *Full of sound and fury...*

Faulkner chỉ là một người khùng ngu dại.

Những kẻ nào *sáng suốt thông minh, khôn ngoan* không nên tìm đến Faulkner. Tìm đến sẽ thất vọng, sẽ bức mình khó chịu ngột ngạt, bởi vì chung quanh chỉ toàn là tiếng rên ồn ào đầy thịnh nộ, chẳng có ý nghĩa gì cả.

Chỉ những kẻ nào ngu dại điên khùng ngây thơ mới tìm đến Faulkner.

Những kẻ tội lỗi, những tù nhân, những trẻ nít, những gái giang hồ, những kẻ thất bại, những người ngu si dốt nát, những kẻ lập dị, những người khùng, những kẻ hồn nhiên khờ dại vụng về, những kẻ lạc hậu nhà quê, những người không có quê hương, những kẻ sắp tự tử, những người chưa có quan niệm gì về văn nghệ, những kẻ không biết tư tưởng, những kẻ vô trách nhiệm, những người lạc lõng cô đơn, những kẻ bị xã hội ruồng bỏ, bị đời khinh chê, nói tóm lại là *những người có linh hồn*, chỉ những người này là có thể hiểu cảm được Faulkner.

Đó là ý nghĩa của tác phẩm của ông.

(8-X-1961)

## 7.

Đừng đem thông minh lý trí đến tìm Faulkner. *Hãy đem trái tim.* Hãy đem tâm hồn. Một tâm hồn sẽ gặp một tâm hồn; tâm hồn này sẽ dẫn dắt tâm hồn kia cùng nhau bước đi trong đêm tối phủ phàng; con đường dài thăm thẳm, gió rít ghê rợn, buốt lạnh bám vào xương da, tay chân run lẩy bẩy, răng cọ nghiến vào nhau, tóc bay rối tung, miệng thở mệt mỏi, mẫy bàn chân vẫn bước đi; tâm hồn này nương vào tâm hồn kia, dựa vào, ngả vào, kê vào, ghé vào, để bớt cô đơn, để được nâng đỡ đôi chút, để được thêm sức lên mà cùng nhau bước đi, tiếp tục bước đi, lòng chứa chan hy vọng và kiên nhẫn và can đảm và hãnh diện và vinh dự, trượt té bao lần mà vẫn cố gắng đứng dậy và tiếp tục bước đi, đi mãi đi hoài trên con đường gió lộng, mưa rơi sương khuya mù mịt, lê bước, lảo lồi bước, cố gắng bước, mạnh bước trên con đường nhầy nhụa, lầy lội, bắn thiu, dơ dáy, gai góc, đen tối, rướm máu, con đường vô tận mà người ta gọi là con đường đời.

(8-X-1961)

## 8.

Cả một đời người gần ba mươi tác phẩm, Faulkner muốn gửi gắm những gì cho thế hệ chúng ta? Từ tập thơ đầu tiên *The Marble Faun* đến những quyển tiểu thuyết cuối cùng đầy sương mù ám phủ, Faulkner muốn nói gì? Tại sao Faulkner cứ viết văn rắc rối, hỗn độn, dài dòng, lê thê, lung tung, đen tối, nặng nề? Tại sao tất cả những quyển tiểu thuyết của Faulkner đầy tràn những kẻ giết người, những tù nhân, những kẻ loạn luân, những con người rừng rú man rợ, những thằng khùng, những gái đi, những mục già, những ông già, những nông dân, những người đầy tớ, những mọi da đỏ, những người Mỹ da đen? Tại sao người lính kia tử trận địa xa xôi trở về quê hương để mà vất vưởng xa lạ bơ phờ lạnh nhạt? (*Soldiers' Pay*). Tại sao hành động lại quan trọng hơn những lời, những tiếng? (*Mosquitoes*). Tại sao Bayard Sartoris lại lảm lì yên lặng hàng giờ và sống lạnh lùng khô khan, không vui, không buồn, vô tình trơ trơ? Để Narcissa phải tìm đến Horace Benbow? (*Sartoris*). Tại sao Darl phải khùng, phải điên? (*As I lay dying*). Popeye tượng trưng cho cái gì? Tại sao Temphe Drake luân lạc lầy xanh ba chìm bảy nổi như nàng Kiều? (*Sanctuary*). Tại sao Joe Christmas muốn tự nhận mình là một kẻ da đen? Tại sao cuộc đời đã phủ phàng mà người ta vẫn gây phủ phàng thêm và không bao giờ dung thứ những sự yếu đuối của con người? (*Light in August*). Tại sao Henry lại giết Charles? Tại sao không thể nhận người da đen như là một con người, một kẻ ngang hàng với mình? (*Absalom, Absalom!*). Tại sao nàng chết và để chàng bơ vợ tù tội? (*The Wild Palms*). Tại sao người lại trở về lại nhà tù và tìm hạnh phúc trong triển phược? (*The Old Man*). Con gấu Old Ben tượng trưng cho cái gì? (*The Bear*). Tại sao phải tìm giải thoát trong đau khổ? (*Requiem for a Nun*). Tại sao Benjy cứ mãi rên siết, tru tréo khóc rống suốt cả một quyển sách? (*The Sound and the Fury*). Tại sao tôi cứ hỏi "tại sao" mãi mà vẫn không hết? Một ngàn câu hỏi, mấy ngàn câu hỏi vẫn lẩn tẩn trong đầu tôi, trong óc tôi, trong lòng tôi, trong ý thức và nhất là trong tiềm thức, lúc đi, lúc đứng, cũng như lúc ngủ.

*The Sound and the Fury* là tác phẩm mãnh liệt huyền bí nhất của Faulkner; chúng ta hãy ghé lại đây và đi vào để nhìn những đồng gạch đổ nát hoang tàn của thời đại. Rồi tìm thử trên sự đổ vỡ điều linh ấy có còn một đoá hoa nào mọc lên hay không?

Đọc hết quyển *The Sound and the Fury*, tôi sững sốt ngạc nhiên nhận ngay rằng tôi đã đi vào một thế giới phũ phàng đen tối vô cùng; thế mà không hiểu sao trong một thế giới như vậy tôi lại thấy đầy chim, nhái, bướm, cây, hoa, bầu trời, hoa kim ngân... Faulkner viết những trang văn quá thác loạn tàn nhẫn như thế, mà vẫn không bao giờ quên một tiếng chim kêu hay một con bướm vàng hoặc mùi thơm ngây ngất của hoa kim ngân. Đó là một điều lạ. Tại sao những nhà phê bình không thấy điều ấy?

Điều lạ thứ hai: ngoài những tiếng rên siết khóc rống, đau thương của một anh khùng da trắng, tôi lại nghe những tiếng hát lạnh lạnh của những người đầy tớ da đen (chương đầu và nhất là chương cuối) hay là trong lúc những người da trắng ruột thịt cùng máu mủ với nhau mà lại cấu xé hành hạ lẫn nhau, trong lúc ấy thì từ một ngôi nhà thờ của người da đen tôi nghe tiếng hát văng lên như muốn đưa tất cả những nỗi khổ ngàn năm của con người lên tới Siêu thế; ở chương cuối, tôi thấy bà cụ già đầy tớ da đen (Dilsey) vừa dọn cơm vừa hát đi hát lại những giọng thánh ca đầy nước mắt trong bầu không khí hoang vắng tịch mịch của một gia đình da trắng đổ nát tang thương.

Điều lạ thứ ba: tôi nghe biết bao nhiêu lần những câu như "chị Caddy có mùi thơm như cây lá" (She smelled like trees) "Chị Caddy có mùi thơm như lá cây" (Caddy smelled like leaves). "Chị Caddy có mùi thơm như cây lá dưới mưa" (Caddy smelled like trees in the rain). Tôi đã được nghe đi nghe lại những câu trên không biết bao nhiêu lần. Caddy là ai? Caddy là một cô gái xinh đẹp đa tình, khả ái, thông minh, lẳng lơ, số kiếp long đong trôi nổi, bị gia đình từ bỏ, sống giang hồ luân lạc; những điều ấy khiến tôi cảm thấy thương Caddy như thương một người con gái thực sự ở đời (chứ không phải như một nhân vật tiểu thuyết).

Ba điều trên là ba điều lạ lùng nhất. Đọc xong tác phẩm *The Sound and the Fury* mà không bị ám ảnh ba điều trên thì ta nên gấp sách lại, đừng đọc lại nữa, vì có đọc nữa ta cũng không hiểu gì hết và sẽ thất vọng chán chường (như Sartre, Sean O'Faolain đã thất vọng...)

Những nhân vật chính trong quyển *The Sound and the Fury* là gia đình Compsons và những người đầy tớ da đen.

Gia đình Compsons gồm có Quentin, Caddy, Jason, Benjy, Quentin (con gái của Caddy, trùng tên với cậu).

Những người đầy tớ da đen là Dilsey và Roskus (chồng của Dilsey), cùng những đứa con là Versh, T.P. và Frony, rồi đến Luster (con trai của Frony).

Quentin sinh vào khoảng 1890; Caddy (hay Candace) sinh vào khoảng 1892; Jason sinh khoảng 1894 và Benjy (hay Benjamin hay Maury) sinh khoảng 1895. Quentin, Jason, Benjy là trai, chỉ có Caddy là gái.

**Quentin** là sinh viên trường đại học Harvard tự tử ngày 2 tháng 6, 1910, vì đau buồn chán đời và nhìn thấy những cảnh đổ vỡ thối tha của gia đình.

**Caddy** chứa hoang, nên theo mẹ đi nơi khác, lấy chồng vào ngày 25-4-1910 (nàng



lấy Sidney Herbert Head); một năm sau, bị chồng đuổi, nàng đem con gái đầu lòng về cho cha mẹ nuôi, rồi bỏ đi biệt (nàng bị bà mẹ từ bỏ); đứa con gái của Caddy tên là Quentin, trùng tên với cậu (Caddy muốn hồi tưởng kỷ niệm tên anh).

**Jason** là một con người bần tiện xấu xa và tàn nhẫn; Jason thù ghét anh, chị và em, rồi đến cả cháu là Quentin (con gái Caddy), Jason cũng thù ghét và tìm cách hành hạ đủ điều. (Thời đại này lỗ nhố đầy những Jason).

**Benjy** là đứa em út, thương yêu chị Caddy lắm. Benjy thì ngốc khùng, bị anh Jason đem đi hoạn vào 1913 và lúc bà mẹ chết rồi, Jason đem Benjy bỏ vào nhà thương điên năm 1933. Benjy ngây ngô như một đứa bé.

**Quentin** là con gái của Caddy, người ta không biết tên cha là ai (có lẽ cha là Dalton Ames); tính tình Quentin giống mẹ, cũng lẳng lơ lẳng mạn phóng túng, bị cậu Jason thù ghét hành hạ đủ điều, sau bỏ nhà trốn đi mất (Truyện chấm dứt lúc Quentin trốn đi).

Trong những người đầy tớ da đen của gia đình Compsons, đáng để ý đặc biệt nhất là **Dilsey**, một bà cụ già ốm yếu, đã ở với gia đình Compsons đến ba đời.

Trước khi đọc quyển *The Sound and the Fury*, ta cũng nên lưu ý một điểm nhỏ: trong sách có rất nhiều nhân vật trùng tên với nhau, như có hai người tên là **Jason** (một ông cha và người kia là con trai, em của Caddy); hai người tên là **Quentin** (một ông cậu, tức là anh của Caddy và người kia là cô cháu, tức là con gái của Caddy); hai người tên là **Maury** (một là ông cậu và người kia là cháu, anh khùng, em út của Caddy).

Ngoài ra Caddy còn có tên là Candace; và Maury (anh khùng) sau này đổi tên lại là Benjy (hay Benjamin).

Quyển *The Sound and the Fury* gồm có 4 chương hay 4 phần:

**Phần I:** ngày 7-4-1928; *độc thoại nội tâm của Benjy* (anh khùng)

**Phần II:** ngày 2-6-1910; *độc thoại nội tâm của Quentin* (anh sinh viên đại học).

**Phần III:** ngày 6-4-1928; *độc thoại nội tâm của Jason* (tên bần tiện)

**Phần IV:** ngày 8-4-1928; *tác giả tả về Dilsey và thuật lại việc Jason rượt bắt cô cháu Quentin*.

**Phần I:** (độc thoại nội tâm của Benjy). Tôi đi vào trong ý thức của một anh khùng ba mươi tuổi. Chỉ nội trong một ngày (7-4-1928), tất cả những biến cố quá khứ cũng như hiện tại đã xảy ra hỗn độn trong ý thức Benjy; ý thức của Benjy mới ở hiện tại, rồi bỗng dưng nhảy vào quá khứ, rồi từ quá khứ này nhảy đến quá khứ khác, rồi từ quá khứ khác nhảy đến đến quá khứ khác nữa, rồi từ quá khứ khác nữa nhảy đến quá khứ khác khác nữa, thế rồi ý thức Benjy bỗng trở về hiện tại, rồi từ hiện tại lại nhảy xuống quá khứ v.v... Giòng thời gian của ý thức Benjy không trôi chảy theo một đường dài hay một đường thẳng mà lại trôi chảy theo một vòng tròn, trở đi rồi lại trở lại, trở lại rồi lại trở đi. Đường phân chia ranh giới giữa hiện tại và quá khứ đã mất trong ý thức Benjy. Hiện tại chỉ là những cái đỉnh để ý thức ấy móc những cái áo cũ. Có khi quá khứ cũng là những cái đỉnh để ý thức Benjy móc những cái áo hiện tại.

**Phần II:** (độc thoại nội tâm của Quentin). Tôi đi vào trong ý thức của một anh sinh viên trường đại học Harvard (tức là Quentin, anh của Caddy và Benjy), ở đây những hình ảnh xảy ra trong ý thức Quentin không tự lớp lang mà lại còn lộn xộn hơn phần I. Tôi chỉ biết ý thức của Quentin là ý thức của một kẻ bị thác loạn. Tôi thấy Quentin bị hình ảnh của Caddy ám ảnh dữ dội và nhất là sự chết đã ám ảnh Quentin mãnh liệt vô cùng. Đây là tâm trí của một kẻ sắp tự tử.

**Phần III:** (độc thoại nội tâm của Jason). Tôi đi vào trong ý thức của một con người có trí óc lạnh mạnh (tức là Jason, em trai của Quentin và Caddy, nghĩa là anh của Benjy). Qua ý thức của Jason, tôi thấy rõ tính ty tiện tàn nhẫn của Jason và tôi được nhìn thấy lại những tấn bi kịch quá khứ và hiện tại của gia đình Compsons.

**Phần IV:** Tác giả không dùng lối độc thoại nội tâm nữa mà lại viết theo lối thuật sự thông thường, tác giả dựng lên hình ảnh của Dilsey trong một gia đình da trắng đổ vỡ, Jason đuổi bắt Quentin (vì cô Quentin bỏ nhà trốn đi đem theo tiền của Jason) trong lúc ấy, Dilsey (cùng đứa con gái, cháu trai và Benjy) đi nhà thờ dự lễ Phục sinh [\[3\]](#).

Quyển *The Sound and the Fury* chấm dứt nơi phần IV.

(12-X-1960)

---

[\[1\]](#)Xem Al Hine, "Limelight on Life" trong *College Prose* của Boatright và Hughes, trang 397 (Houghton Mifflin Co, 1956).

[\[2\]](#)Blaise Cendrars: "Le propre de l'homme, c'est de disparaître – Hâtons – nous de rire de tout - Merci Charlot!" Xem *Parrot*, Blaise Cendrars, P. Seghers, collection *Poètes d'aujourd'hui*.

[\[3\]](#)Ta nên để ý hình ảnh tượng trưng của Faulkner. Cả gia đình người da trắng đổ nát tiêu tan và những người đầy tớ da đen đi nhà thờ dự lễ Phục Sinh. Hình ảnh này tượng trưng sự Phục Sinh của con người?

## (Tiếp chương chín)

### 9.

Về vấn đề thời gian của Faulkner, trong một quyển sách khảo luận về tiểu thuyết tâm lý, Leon Edel viết: "Ta chỉ có thể hiểu được cách cấu tạo và nội dung chủ đề của quyển *The Sound and the Fury* khi ta lãnh hội được mỗi bận tâm kỳ lạ của Faulkner về thời gian hay là phi thời gian" [\[1\]](#).

Tôi không nghĩ thế.

Vấn đề thời gian là một trong những vấn đề quan trọng (chưa phải là quan trọng nhất). Con người bị thời gian ám ảnh là một trong những đề tài quan trọng của quyển *The Sound and the Fury*.

Sartre đã kích Faulkner vì Sartre cho rằng Faulkner đã cắt bỏ tương lai, vì thể hiện tại cũng chẳng thành hiện tại mà chỉ còn có quá khứ thôi, *le présent n'est pas, il devient: tout était* [\[2\]](#), tôi hiện không tồn tại, tôi chỉ tồn tại ở quá khứ, *je ne suis pas, j'étais*; Sartre cho như thế là sai lầm, bởi vì tính chất của ý thức bao hàm ý thức tự

phóng tới đấng trước ở tương lai, ý thức ấy tự định bản chất hiện tại của nó bằng những khả năng của chính nó, *la nature de la conscience implique au contraire qu'elle se jette en avant d'elle – même dans le futur; on ne peut comprendre ce qu'elle est que par ce qu'elle sera, elle se détermine dans son être actuel par ses propres possibilités* <sup>[3]</sup>, người ta chỉ có thể hiểu được tính chất hiện tại của ý thức là nhờ tính chất tương lai của nó, vì thế con người không phải là toàn thể những gì mình có mà toàn thể những gì mình chưa có, toàn thể những gì mình sẽ có thể có, *l'homme n'est point la somme de ce qu'il a, mais la totalité de ce qu'il n'a pas encore de ce qu'il pourrait avoir* <sup>[4]</sup>. Quan niệm thời gian của Faulkner không phải như thế. Jean-Paul Sartre bênh vực tương lai và bỏ quên quá khứ. Đối với Faulkner, thời gian là một toàn thể, có quá khứ, có hiện tại và có tương lai. Faulkner không cắt bỏ phần nào.

Mỗi bận tâm của Faulkner về thời gian nằm ở chỗ khác: theo tôi, đối với Faulkner, vấn đề đặt ra không phải là quá khứ, hiện tại hay tương lai mà là **phân biệt giữa thời gian thực sự và thời gian giả tạo**.

Aldous Huxley cũng đặt ra vấn đề thời gian giống như Faulkner. Thời gian của quyển *The Sound and the Fury* (Faulkner) và của quyển *Eyeless in Gaza* (Aldous Huxley) đều đảo lộn hết, ngày tháng năm đều nằm lộn xộn chứ không theo thứ tự thường lệ. Quyển *The Sound and the Fury* mở đầu chương đề ngày 7-4-1928, rồi chương kế đó là 2-6-1910, chương tiếp theo là 6-4-1928, rồi chương cuối là 8-4-1928; quyển *Eyeless in Gaza* mở đầu với chương nhất đề ngày 30-8-1933, chương kế tiếp 4-4-1934 chương tiếp là 30-8-1933, chương kế tiếp là 6-11-1902, vân vân.

Tại sao vậy? *Pourquoi Faulkner a-t-il cassé le temps de son histoire et en a-t-il brouillé les morceaux?* (Sartre). Tại sao vậy?

Bởi vì Faulkner và Aldous Huxley muốn đạt đến thời gian thực sự, chứ không phải thời gian giả tạo.

Thời gian thực sự là như thế nào? Là thời gian không bị xác định phân chia bởi những phát sinh của con người. Là thời gian thiên nhiên, thời gian của vũ trụ.

Trước kia, vào ngày xưa, con người sống thư thái điều hoà trong lòng thời gian với tiết điệu nhịp nhàng vận chuyển luân lưu của bốn mùa; xuân, hạ, thu, đông trở đi, trở lại một cách khoan thai điều hoà. Con người sống trong lòng thiên nhiên; thời gian trôi chảy êm đềm theo những đoá hoa đào, hoa mai hoặc hoa phượng hoặc những lá vàng hay những cành cây khô; thời gian trôi chảy nhẹ nhàng theo ánh mặt trời, triêu dương rồi lại tịch dương và theo ánh trăng, trăng tròn rồi lại trăng khuyết. Thế rồi từ khi con người trở nên văn minh tiến bộ, con người phát minh ra máy móc; cùng với máy móc, người ta phát minh ra thời gian *mới*; thời gian *mới* đối nghịch lại thời gian *cũ* và xô đẩy thời gian *cũ* ra ngoài ý thức con người. Thời gian *cũ* là thời gian của mặt trời, mặt trăng, của xuân hạ thu đông. Thời gian *mới* là thời gian của tấm lịch, của đồng hồ, của cây kim dài, cây kim ngắn. Thời gian *mới* không có gì nguy hiểm. Chỉ nguy hiểm là tại người ta biến thời gian *mới* ấy trở thành một ông chủ tàn bạo và con người trở thành mất ăn mất ngủ vì suốt ngày đôi mắt bơ phờ cứ bị những con số hành hạ.

*Thời giờ là một sự phát minh gần đây... nó là phó sản của chế độ kỹ nghệ... ngày nay thời giờ đã trở thành kẻ độc tài bạo ngược đối với chúng ta* (Aldous Huxley). Đi đâu tôi cũng thấy đồng hồ! Tôi phải hấp tấp vội vã suốt ngày. Ngày xưa người thợ tha hồ

làm việc thành thoi chậm chạp, nhưng ngày nay những công nhân thường hay bị hối thúc liên miên; họ phải sản xuất cho nhiều cho nhanh để kịp ngày, kịp giờ, kịp phút, kịp giây. Chờ đợi, đối với tôi, là cả một cực hình. Tôi mất cái khoan thai ung dung của cổ nhân; nếu phải chờ đợi hay chờ đợi một việc gì, tôi cảm thấy bức bối nóng lòng vô cùng, còn đâu dáng bình thản của Khương Tử Nha bên dòng sông Vị?

*Đối với con người sống thời tiền kỹ nghệ, thời gian trôi chảy một cách chậm chạp nhẹ nhàng, người ta không bận tâm lo lắng về mỗi phút; bởi vì người ta cũng chưa bị ý thức về những thứ ấy* (Aldous Huxley).

Ngày nay, tôi lo lắng để ý từng giờ, từng phút, từng giây, thời gian *mới* ấy rất có ích lợi đối với chúng ta, nhưng đồng thời chính thời gian *mới* ấy cũng chi phối ăn mòn giết hại hình hài và tâm hồn tôi. Ý thức máy móc đã đánh mất ý thức thiên nhiên và con người phải sống tù hãm trong vòng kiểm soát của những ý niệm trừu tượng máy móc. *Thời gian của chúng ta hiện nay là thời gian giả tạo, làm bằng máy. Ngày nay phần nhiều chúng ta đã gần như hoàn toàn quên mất thời gian thiên nhiên, thời gian vũ trụ được đo bằng mặt trời và mặt trăng... Con người thời tiền kỹ nghệ không thể bao giờ quên sự vận chuyển oai nghi của thời gian vũ trụ. Kỹ nghệ và đời sống thành thị đã thay đổi hết mọi sự. Người ta có thể sống và làm việc trong một thành thị mà không cần ý thức đến sự vận hành thường nhật của mặt trời, không cần bao giờ ngẩng nhìn mặt trăng và những ngôi sao. Ngay đến sự thay đổi thời tiết cũng rất ít ảnh hưởng đến người dân ở thành thị. Người ta sống trong một vũ trụ giả tạo bị ngăn chia ra ngoài thế giới thiên nhiên bằng một bức tường. Ở bên ngoài bức tường, thời gian thuộc về vũ trụ và di chuyển theo nhịp điệu của mặt trời và những ngôi sao. Bên trong bức tường, thời gian là công việc của những bánh xe xoay tròn và được đo bằng những giây và những phút* <sup>[5]</sup> (Aldous Huxley).

Đối với Faulkner và Aldous Huxley, thời gian thực sự là thời gian thiên nhiên hay thời gian vũ trụ (natural, cosmic time) và thời gian giả tạo là thời gian của đồng hồ hay thời gian nhân tạo, do máy móc làm ra (artificial, man-made time).

Đi từ nhận định trên, tôi mới có thể hiểu ý nghĩa những câu độc thoại nội tâm của Quentin trong *The Sound and the Fury* như: " Cha tôi nói rằng **những đồng hồ đã giết thời gian**. Cha nói rằng thời gian chết khi bị ăn mòn bởi những tiếng tích tắc của những bánh xe nhỏ; **chỉ khi nào đồng hồ ngừng thì thời gian mới sống lại**". (Because Father said clocks slay time. He said time is dead as long as being clicked off by little wheels; only when the clock stops does time come to life) <sup>[6]</sup> .

"Chúa Ki tô không phải bị đóng đinh trên thập giá; Ngài đã bị ăn mòn bởi tiếng tích tắc nhỏ bé của những bánh xe nhỏ" (*That Christ was not crucified: He was worn away by a minute clicking of little wheels*) <sup>[7]</sup> hay "Thời gian là tai họa của anh" (*time is your misfortune*) <sup>[8]</sup> .

Thời gian đã ám ảnh Quentin là thời gian nhân tạo (thời gian của đồng hồ).

Trong quyển *The Sound and the Fury*, chỉ có Quentin và cha của Quentin là bị thời gian ám ảnh; còn Jason thì không bị ám ảnh; bởi vì Jason đã trở thành kẻ nô lệ của thời gian: một kẻ nô lệ mù quáng mất hết cả cá tính bản ngã. Jason đã bị thời gian (của đồng hồ) chinh phục và không ý thức rằng mình đã bị chinh phục; còn Quentin và ông cha thì ý thức được rằng họ đã bị chinh phục bởi thế họ mới bị tiếng tích tắc của đồng hồ ám ảnh ray rứt.

Benjy thì sống trong thế giới không có đồng hồ; thời gian trong thế giới ấy là thời

gian thực sự - thời gian của thiên nhiên. Spode cũng thế <sup>[9]</sup>.

Còn Dilsey **thì lại không bao giờ bị đồng hồ ám ảnh và cũng không bị đồng hồ chinh phục**, Dilsey biết dùng đồng hồ chứ không để đồng hồ dùng mình; Dilsey hiểu rõ hai thời gian: thời gian thực sự (thiên nhiên) và thời gian giả tạo (đồng hồ). Dilsey vừa ý thức thời gian nhân tạo vừa ý thức thời gian vũ trụ (vừa ý thức thời gian của đồng hồ vừa ý thức thời gian không có đồng hồ).

Dilsey chậm rãi ung dung thư thái **không bao giờ hấp tấp vội vàng lo lắng** (cf. *The Sound and the Fury*, a signet book, trang 187-211 và trang 219-224) (10).

Nhìn chung, ta thấy vấn đề thời gian đối với Faulkner (cũng như đối với Aldous Huxley) chỉ là vấn đề phân biệt và ý thức về thời gian thực sự và thời gian giả tạo: **con người thời đại đừng để thời gian giả tạo chế ngự mình và đừng bao giờ quên thời gian thực sự của vũ trụ**. Nếu có vấn đề thời gian trong tác phẩm của Faulkner thì chỉ có thể thôi, chứ không phải vấn đề quá khứ như Jean-Paul Sartre đã phê bình. Dù sao, ta cũng nên nhớ rằng vấn đề thời gian không phải là chủ đề thực sự của *The Sound and the Fury*. Tác phẩm của Faulkner không phải chỉ giản dị như thế.

(20-3-1962)

## 10.

- Người ta hỏi Faulkner:

- Ông làm nghề gì?

- Tôi là một nông dân, tôi chỉ là một người nhà quê <sup>[10]</sup>.

(15-3-1962)

## 11.

Jean-Paul Sartre, con người lạ lùng đã tạo ra một nhân vật như Roquentin, ai ngờ con người ấy có thể viết những trang văn đầy ngộ nhận. Roquentin không phải là anh em của Quentin hay của Meursault sao? Chỉ có tên là khác, thực ra ba người chỉ là một tâm hồn thôi. Ở *La Nausée* của Sartre, chàng ấy mang tên là Roquentin; đến *L'Étranger* của A. Camus, Roquentin đổi tên là Meursault; rồi đến *The Sound and the Fury*, Roquentin đổi tên là Quentin (*The Sound and the Fury* viết vào năm 1929; *La Nausée* viết vào năm 1938; *L'Étranger* viết vào năm 1942).

Roquentin đã không nhận ra anh em của mình. Sartre đã không nhận ra Faulkner và Camus. Trong mấy trang "Explication de L'Étranger" ở tập *Situations I*, Sartre đã hiểu sai Camus. Rồi đến mấy trang "La Temporalité chez Faulkner", Sartre đã lên giọng thông minh uyên bác để làm chìm mất thiên tài lạ lùng của Faulkner.

Sartre không thể hiểu được Faulkner. Sartre cũng chẳng cảm được Faulkner, Sartre đã đem lý trí minh bạch của một người Pháp đi đến Faulkner; Sartre đã thất vọng (hay là đã thất bại).

Tôi không ngờ 11 trang của Sartre viết về Faulkner đã có ảnh hưởng lớn lao biến chuyển cả một chặng đường phê bình văn nghệ về Faulkner. Với uy tín lớn lao của một triết gia có tài, Sartre đã có ý phá hoại linh hồn Faulkner.

Sartre phê bình Faulkner vào năm 1939 và từ năm ấy trở đi, những lời thông minh của Sartre đã được một lớp phê bình gia trích đi trích lại, nhắc đi nhắc lại cho mãi đến ngày nay vẫn còn.

Giảng dạy ở trường Cao học Nữ ước vào năm 1944-45, Pierre Brodin cũng phê bình Faulkner theo giọng điệu Sartre <sup>[11]</sup>. Trong quyển *L'Age du roman Américain*, một quyển khảo luận rất sâu sắc về văn học Mỹ hiện đại, Claude-Edmonde Magny, giảng sư đại học đường Cambridge, cũng trích lại những lời của Sartre <sup>[12]</sup>. Một nhà văn nổi danh như Sean O'Faolain cũng hiểu sai Faulkner và năm 1953, lúc diễn thuyết tại trường đại học Princeton, O'Faolain cũng nhắc lại câu của Sartre để đả kích Faulkner <sup>[13]</sup>. Trong quyển *Panorama de la littérature contemporaine aux États-Unis*, John Brown phê bình Faulkner với những lời lẽ của Sartre <sup>[14]</sup>.

Thực là nguy hiểm. Sartre đã sai lầm chỗ nào? Trong bài "Temporalité chez Faulkner", Sartre đả kích "siêu hình học về thời gian của Faulkner". Điểm sai lầm lớn nhất và căn bản nhất của Sartre là đồng hoá nhân vật Quentin với Faulkner; **Faulkner không phải là Quentin**; có thể Quentin thể hiện một phần nào tâm tình ý hướng của Faulkner, nhưng còn Dilsey, Caddy, con gái của Caddy, và Benjy?

Từ điểm sai lầm thứ nhất dẫn đến điểm sai lầm thứ hai: Sartre phê bình Faulkner mà không **đặt vào toàn văn (contexte)**; trọn quyển *The Sound and the Fury* gồm có 4 phần: phần I là độc thoại nội tâm của Benjy, phần II là độc thoại nội tâm của Quentin, phần III là độc thoại nội tâm của Jason, phần IV nói chung về Dilsey.

Một quyển tiểu thuyết gồm có 4 phần quan trọng, nhất là phần I và phần IV; Sartre **cố ý cắt đứt bỏ ra 3 phần và chỉ chừa lại có một phần duy nhất là phần II**, rồi đứng từ phần II ấy, Sartre thần nhiên sắp đặt cả một "siêu hình học về thời gian" và tự cho đó là "Siêu hình học của Faulkner"!.  
*www.SachVui.Com*

Giở lại những trang "Temporalité chez Faulkner" của Sartre, người ta thấy tất cả những câu văn Faulkner mà Sartre trích dẫn để phê bình, tất cả những câu trích dẫn ấy đều thuộc về phần II của quyển *The Sound and the Fury*.

Phê bình theo điệu Sartre như vậy có thể gọi là võ đoán, hơn nữa là "catastrophique par essence". Nếu phê bình riêng lẻ theo ý mình, không chịu đặt vào *toàn văn*, **nghĩa là theo điệu của Sartre**, tôi có thể đồng hoá tư tưởng quan điểm của Dilsey với tư tưởng quan điểm của Faulkner (cũng như Sartre đã đồng hoá Quentin với Faulkner). Tôi sẽ bỏ ra ngoài phần I, phần II và phần III của tập *The Sound and the Fury*, tôi chỉ lấy phần IV rồi từ phần IV ấy, tôi tự tiện xây dựng thành một "métaphysique du temps". Ta sẽ thấy ngay "métaphysique du temps" của phần IV (của Dilsey) chống đối lại với "métaphysique du temps" của phần II (của Quentin). Như vậy trong một quyển tiểu thuyết, ta có thể xây dựng hai "siêu hình học về thời gian" chống đối ngược hẳn nhau và ta có thể tự tiện cho "siêu hình học" này là của Faulkner và ta bỏ quên "siêu hình học" kia không? Quentin là một nhân vật quan trọng trong quyển *The Sound and the Fury*; nhưng Dilsey cũng là một nhân vật quan trọng? (Có thể nói là quan trọng nhất, vì nếu không có Dilsey thì giá trị tinh thần nhân bản của *The Sound and the Fury* sẽ mất hết.)



Nếu tôi đồng hoá lập trường của nhân vật với lập trường của tác giả, tôi sẽ có lý để đồng hoá Dilsey với Faulkner hơn là Quentin với Faulkner; bởi chính Faulkner cũng muốn mọi người lưu ý đặc biệt đến Dilsey và những người da đen, chẳng hạn như trong phần "Appendix" trong quyển *The Sound and the Fury* (cf. Signet Book, 1959), lúc nói về Dilsey và những con cháu của Dilsey, Faulkner đã viết: "Họ đã chịu đựng, họ **trường tồn**" (They endured).

Nhưng tôi sẽ không thể đồng hoá bởi vì Faulkner không phải là Dilsey mà cũng không phải là Quentin; Faulkner là Dilsey + Benjy + Caddy + Quentin cậu + Quentin cháu. **Faulkner là tất cả hợp lại.**

Điều sai lầm lớn lao của Sartre là chỉ nhìn thấy một khía cạnh mà cho đó là tất cả, ông lầm một phần với toàn thể.

Tại sao Faulkner phá hủy thời gian của câu chuyện và xáo trộn lại hết? *Pourquoi Faulkner a-t-il cassé le temps de son histoire et en a-t-il brouillé les morceaux ?*

Sartre tự hỏi và tự trả lời: "Một kỹ thuật tiểu thuyết luôn luôn đưa ta về siêu hình học của tiểu thuyết gia" (*une technique romanesque renvoie toujours à la métaphysique du romancier*) và "bốn phận công việc của nhà phê bình là đem ra, tìm ra siêu hình học của tác giả trước khi phê phán kỹ thuật" (*La tâche du critique est de dégager celle-ci avant d'apprécier celle là*) <sup>[15]</sup>.

Thế rồi Sartre cố gắng tìm ra siêu hình học của Faulkner: "Thực hiển nhiên, siêu hình học của Faulkner là một siêu hình học về thời gian". *Or, il saute aux yeux que la métaphysique de Faulkner est une métaphysique du temps* <sup>[16]</sup>.

**Dựa trên căn bản nào, nền tảng nào mà Sartre cho rằng siêu hình học của Faulkner là "siêu hình học của thời gian"** ("métaphysique du temps")? Đọc trọn bài Sartre, ta thấy Sartre chỉ căn cứ vào nhân vật duy nhất là Quentin (Sartre chỉ trích dẫn những trang 110, 84, 92, 87, 120, 158, 167, 83, 87, 178 của bản dịch *Le Bruit et La Fureur* do Maurice E. Coindreau dịch; *tất cả những lời trích để dẫn chứng đều là những lời độc thoại nội tâm của Quentin*).

Sartre chỉ căn cứ vào những lời nói của nhân vật Quentin để xây dựng "siêu hình học về thời gian của Faulkner". Vậy Quentin là ai? Quentin là một trong sáu nhân vật chính của quyển *The Sound and the Fury* (những nhân vật khác là Benjy, Dilsey, Caddy, Jason và con gái của Caddy).

Quentin là người con trai lớn trong một gia đình suy tàn đổ vỡ; Quentin chán đời đau đớn đến cùng cực vì đã chứng kiến bao nhiêu phân tán tồi tệ của gia đình. Quentin rất yêu em gái và rất trọng danh dự gia đình. Đó là những nguyên cơ chính đã đưa chàng đến ý nghĩ tự tử sau khi chàng thấy đứa em gái đã thỏa và thấy danh dự của gia đình bị bán rẻ đến cùng cực.

Trạng thái tinh thần của Quentin không được bình thường và mất quân bình. Quentin chưa phải là một người điên, nhưng có thể nói là sắp điên; Quentin là con người thác loạn, *mang bệnh thần kinh thác loạn* và Quentin đã chết vào năm 1910: *chàng tự tử*.

Sartre căn cứ vào phần II (của quyển *The Sound and the Fury*) để xây dựng "métaphysique du temps" của Faulkner. Và phần II là gì? Chọn phần II chỉ là phần độc thoại nội tâm (monologue intérieur) của Quentin. Đọc phần II ấy, tôi chỉ thấy **những ý tưởng xáo trộn khó hiểu của một kẻ thác loạn**. Tôi bàng hoàng tự hỏi:



“tại sao Sartre lại căn cứ vào những ý tưởng rời rạc của một **kẻ thác loạn sắp tự tử** và tự cho rằng những ý tưởng xáo trộn ấy là ý tưởng của Faulkner?”

Đọc bài của Sartre, tôi không thấy Sartre đã kích Quentin mà tôi chỉ thấy Sartre đã kích Faulkner bởi vì Sartre đã tự ý cho rằng Quentin là Faulkner! Ngoài điều sai lầm căn bản trên, tôi còn thấy một sai lầm khác. Cái *métaphysique* mà Sartre cho rằng của Faulkner như chúng ta đã thấy, đó là của nhân vật Quentin, nhưng tôi còn có thể đặt thêm một nghi vấn nữa: “Có thực đó là *métaphysique* của Quentin hay là chính Sartre đã giàu tưởng tượng?”. Có phải là Quentin đã bị thời gian ám ảnh, đã bị thời gian khoét mòn? Đúng. Có phải Quentin chỉ sống ở quá khứ và chỉ có quá khứ đối với Quentin là một thứ siêu thực tại (*une sorte de surréalité*)? Đúng. Nhưng... ta phải phân biệt *phụ* và *chính*. Đối với Quentin, **sự chết đã ám ảnh chàng mãnh liệt nhất, trên tất cả mọi sự**, trên cả sự ám ảnh của thời gian hay của quá khứ (trong phần “Appendix” cho quyển *The Sound and the Fury* chính Faulkner đã nói về Quentin như sau: “*Quentin yêu sự chết trên tất cả mọi sự...*” (cf. signet book, 1959, trang 9). Chính những hình ảnh đau thương đời trụ của gia đình (cha mẹ, những đứa em trai, nhất là em gái), chính những hình ảnh xót xa điêu đứng ấy đã làm sự chết trở nên quyển rũ đối với Quentin, đã làm Quentin trở nên khác lạ và khiến Quentin có ý nghĩ loạn luân với Caddy (ý nghĩ ấy chỉ là sản phẩm của một khối óc điên loạn muốn tìm một lối thoát kinh khủng để vượt ra ngoài Hư Vô khốc liệt).

Tại sao Quentin đã tự tử? **Vì bị thời gian ám ảnh?** Không phải thế. Chính cảnh đổ nát của gia đình chàng đã đưa chàng đến chỗ tự tử và chàng đã tự tử lúc tinh thần thác loạn nhất và bị khủng hoảng nhất. Tóm lại, tôi thấy “*métaphysique du temps*” của Faulkner (hay của Quentin) chỉ là sản phẩm của óc tưởng tượng phong phú của Sartre: Sartre đã có sẵn một số ý niệm về triết lý hiện sinh của riêng ông và bị những ý niệm *liberté* và *projet* ám ảnh quá mãnh liệt đến nỗi khi đọc Faulkner, Sartre đã bám vào một vài ý nghĩ nào đó rồi tự vẽ ra thành những bóng ma mơ hồ không đúng với sự thực hay là tinh thần của Sartre là một thứ chủ nghĩa Don Quichottisme? Và cái “*métaphysique du temps*” trong *The Sound and the Fury* chỉ là những máy xay gió, những *moulins à vent* !

(12-X-1960)

## 12.

Con người là con người của những tai họa của mình nhưng rồi một hôm anh sẽ nghĩ rằng tai họa ấy sẽ trở nên mệt chán và lúc bấy giờ thời gian đã trở thành tai họa của anh. *A man is the man of his misfortunes one day you'd think misfortune would get tired, but then time is your misfortune* <sup>[17]</sup>.

Câu này là câu độc thoại nội tâm của Quentin: chàng nhớ lại lời nói của cha chàng. Sartre trích dẫn câu trên vào trong bài “*Temporalité chez Faulkner*” và Sartre cho đó là “**chủ đề thực sự của quyển tiểu thuyết**” (Tel est le véritable sujet du roman) <sup>[18]</sup>. Con người bị thời gian ám ảnh có phải là chủ đề thực sự của *The Sound and the Fury*? Không phải. Con người bị thời gian ám ảnh chỉ là một trong những đề tài quan trọng của quyển *The Sound and the Fury*, và không phải là **chủ đề thực sự**. Vậy chủ đề thực sự của *The Sound and the Fury* là gì? Là gia đình Compson tàn tạ sụp đổ thối nát. **Là tuổi thơ hồn nhiên ngày đại đã mất**. Là một kiếp người *bi đát*. Là một thằng Benjy khủng hoảng, đau đớn *ngủ* được những tấn bi kịch ngàn năm của con người và Benjy là **con người thực sự**, con người ở trạng thái nguyên thủy trọn vẹn, chưa mất mát gì: con người ở thuở khai thiên lập địa, con người ở vườn Eden trước

khi bị lưu đày. Là Caddy đau thương chấp nhận thân phận chua xót của một người đàn bà. Là Quentin (cậu) và Quentin (cháu gái), hai con người bị hành hạ ở hỏa ngục của đời người. Là Jason mà hỏa ngục cũng không nhận và thiên đàng cũng không nhận; chỉ có thế kỷ XX này chấp nhận Jason mà thôi; Jason là con người kiểu mẫu của nền văn minh thời đại: *l'homme-masse* (xin mượn danh từ của triết gia Ortega Y Gasset). Là Dilsey, con người cuối cùng chứng kiến sự sụp đổ thể thảm, sự tàn vong của tất cả mọi thế hệ; Dilsey đứng chống đối lại *l'homme-masse* để bảo vệ, giữ lại linh hồn con người giữa bao nhiêu điều đứng tơi bời của thời đại. Là... là... là...

Đó là chủ đề thực sự của quyển *The Sound and the Fury*, chứ không phải cái "métaphysique du temps" của Jean-Paul Sartre.

(12-X-1960)

### 13.

Trong phần mở đầu của quyển *The Portable Faulkner*, Malcolm Cowley kể lại rằng Faulkner không bao giờ chịu giải thích hay cung cấp tài liệu về ông và cũng không hề cải chính hay sửa lại những điều sai lầm người ta nói về cuộc đời ông [\[19\]](#).

Malcolm Cowley còn kể thêm rằng Faulkner không bao giờ bận tâm để ý phải viết tên mình là có u hay không có u!

(10-X-1960)

### 14.

Trong bài "Faulkner ou l'inversion théologique", Claude-Edmonde Magny đã đưa ra vài khía cạnh thâm trầm sâu sắc hơn Jean-Paul Sartre nhưng tác giả lại cũng lập luận theo điệu Sartre ở đoạn nói về thời gian: cũng trở lại cái "passé figé" [\[20\]](#)! Những lý trí gặp nhau là phải!

(10-X-1960)

### 15.

Bàn về tác phẩm Faulkner, Michel Mohrt viết những lời thật thâm trầm: *Những người da đen, những phạm nhân, những gái điếm, những cụ già (trong tác phẩm Faulkner) là những kẻ sẽ ngăn cản sự tàn phá thành phố sa đọa của Sodome và Gomorrhe*", Michel Mohrt cho rằng siêu hình học của Faulkner được đặt trên ý niệm về tội nguyên thủy [\[21\]](#). Michel Mohrt có lẽ hiểu Faulkner hơn Sartre. Lời nói của Michel Mohrt khiến ta nhớ đến Kierkegaard. Những trang văn của Faulkner bàng bạc những xao xuyến siêu hình mà chỉ có tư tưởng của Kierkegaard là mới có thể giúp ta hiểu nổi ý nghĩa sâu thẳm của bối cảnh tâm linh trong tác phẩm của Faulkner, nhất là ý nghĩa của niềm tương quan huyền bí giữa Siêu thể trác việt và Hiện Thể trần gian.

(21-III-1962)

- [1] Leon Edel: *The psychological novel*, 1900-1950, J-B. Lippincott Co, NY, 1955, trang 149: The structure and content of Faulkner's masterpiece, *The Sound and the Fury*, can be understood only if we grasp his singular absorption with time or timelessness.
- [2] cf. Le présent chemine dans l'ombre, comme un fleuve souterrain et ne réapparaît que lorsqu'il est lui-même passé (Sartre, *Situations I*, trang 74).
- [3] Sartre, *Situations I*, trang 79.
- [4] Sartre, *Situations I*, trang 80.
- [5] Aldous Huxley: *The Olive Tree*, 1937 (cf *L'Olivier et autres essais*, trad. Jules Castier, Du Seuil, trang 123-125).
- [6] Faulkner: *The Sound and the Fury*, a signet book, trang 71.
- [7] Faulkner: *The Sound and the Fury*, trang 66.
- [8] Faulkner: *The Sound and the Fury*, trang 83.
- [9] Faulkner: *The Sound and the Fury*, trang 67 (Spode cũng có phong thái bình thản không hấp tấp).
- [10] John Brown: Panorama de la littérature contemporaine aux États - Unis, Gallimard, 1954, trang 184-185.
- [11] cf. Pierre Brodin, *Les Écrivains américains de l'Entre deux guerres*, Horizons de France, Paris 1946m trang 154, trang 168-169.
- [12] Claude-Edmonde Mapny, *L'Age du roman Américain*, Éditions du Seuil 1948, trang 201-202-203-204-205.
- [13] cf. Sean O'Faolain, *The Vanishing Here*, Grosset and Dunlad, NY, 1956, trang 90-93-96.
- [14] John Brown: *Panorama...*, op. cit. trang 180-181-199.
- [15] Sartre, *Situations I*, Gallimard 1947, trang 70.
- [16] Sartre, op. cit, trang 71.
- [17] Faulkner: *The Sound and the Fury*, a signet book 1959, trang 83.
- [18] Sartre, *Situations I*, trang 71.
- [19] Malcolm Cowley: *The Portable Faulkner*, Viking Press, NY, 1954. trang 4 ("Introduction").
- [20] Claude-Edmonde Mapny, *L'Age du roman Américain*, trang 200-207.
- [21] Cf. *Histoire des Littératures 2*, encyclopédie de la Pléiade, NRF, 1956, trang 601-603.

## Phần thứ hai

### Xung khắc giữa ý thức và vô thức

#### 1. Định nghĩa: Ý thức tự diệt

#### 2. Khai triển những hình thái của ý thức xung khắc

- Ý Thức bi tráng
- Ý Thức tuyệt vọng
- Ý Thức cô lập
- Ý Thức khắc khoải
- Ý Thức hư vô
- Ý Thức khước từ
- Ý Thức thoát ly

### Mở đầu

#### Ý thức tự diệt - Thế nào là ý thức xung khắc

Nhưng mi sẽ luôn luôn là kẻ thù nguy hiểm nhất của chính mi

(*Aber der schlimmste Feind, dem du begegnen kannst, wirst du immer dir selber sein.*)

Nietzsche (*Also sprach Zarathustra*, Erster Teil, *Vom Wege des Schaffenden*)

## 1.

Con người luôn luôn là kẻ thù của con người. Chính tôi là kẻ thù của tôi. Mình chạy trốn kẻ thù có nghĩa là mình chạy trốn mình.

Sự xung khắc giữa ý thức và vô thức đã khiến cho tôi là kẻ thù của chính tôi.

Mình chính là kẻ thù của mình, nên con người chỉ là con người khi con người chạy trốn. Chính sự xung khắc mâu thuẫn ấy, chính sự chạy trốn ấy làm con người trở nên con người.

Con người luôn luôn muốn tiêu diệt kẻ thù; nhưng lúc mình chiến thắng cũng là lúc mình chiến bại, vì chính kẻ thù ấy là mình, chứ không phải kẻ nào khác; như vậy ý thức đã diệt ý thức, tức là ý thức tự diệt.

Ý thức tự diệt là ý thức xung khắc với chính ý thức. Chỉ khi nào có sự xung khắc mâu thuẫn như vậy thì mới nói đến chuyện giải thoát.

## 2.

Hình ảnh con người là con người chạy trốn. Trốn, lánh, tránh, thoát là hành động của ý thức; hành động (của) ý thức chính là ý thức; ý thức chạy trốn ý thức: tôi chạy trốn tôi.

Con người luôn luôn không biết mình là con người chạy trốn. Đó là tội lỗi, vì xúc phạm sự thực; nhưng tội lỗi nặng nhất là con người không biết mình chạy trốn mình. Biết mình chạy trốn vẫn chưa đủ; phải biết mình chạy trốn mình mới là giải thoát.

Biết rằng mình chạy trốn mình mà biết bằng ngôn ngữ, kí hiệu, biểu tượng, kiến thức và lý tính thì vẫn còn xúc phạm sự giải thoát; vì ý thức phải ra ngoài ý thức mới có thể ý thức. Mà ra ngoài là chạy trốn; muốn giải thoát khỏi đau đớn, ý thức phải ý thức tự chạy trốn. Con người muốn biết mình trốn mình thì phải trốn mình; đây là mâu thuẫn lớn nhất của cuộc đời.

Chạy trốn là tội lỗi; chạy trốn cả sự chạy trốn lại còn nguy hiểm hơn; vì mình tự buộc thêm một ảo tưởng khác.

Con thú không chạy trốn nó, chỉ con người là chạy trốn mình. Con người chỉ là con người khi con người chạy trốn mình.

Sự chạy trốn nằm trong hơi thở của con người. Ý thức càng phát triển thì con người càng chạy trốn mãnh liệt hơn. Càng chạy trốn lại càng đau đớn quằn quại hơn nữa; muốn hết đau đớn thì không chạy trốn; và không chạy trốn có nghĩa là không còn là người nữa, vì con người chỉ là con người khi con người chạy trốn.

Muốn giải thoát khỏi đau đớn, con người phải biết mình chạy trốn mình, và phải biết rằng mình không thể nào không chạy trốn mình; *biết ở đây có nghĩa là biết trốn*

*người mình, biết bằng trọn người mình*, chứ không phải biết bằng một phần hay hai phần của trọn người mình. Phải biết bằng hơi thở chứ không bằng suy nghĩ hay bằng ngôn ngữ.

Ý thức ý thức ý thức: đây là giải thoát khỏi đau đớn. Đừng lầm lẫn "ý thức ý thức ý thức" với "ý thức ý thức về ý thức".

Câu thứ nhất không có văn phạm; câu thứ hai là một mệnh đề độc lập đúng văn phạm: chủ từ "ý thức", động từ "ý thức (về)" và túc từ là "ý thức" đứng sau cùng. Câu thứ hai có nghĩa là ý thức tự ý thức về mình.

Ý thức muốn tự ý thức về mình thì ý thức phải ra ngoài mình, ra ngoài có nghĩa là chạy trốn; và chạy trốn là chưa giải thoát.

Câu thứ nhất "ý thức ý thức ý thức" khác câu thứ hai hoàn toàn; câu thứ nhất không có chữ "về"; vì thế, nó có nghĩa là ý thức tự ý thức về mình mà không ra ngoài mình: đây là sự huyền nhiệm, sự bí mật và cũng là sự giải thoát; đây là biên giới ngăn chia tôn giáo và triết học (nếu cứu cánh của tôn giáo là giải thoát khỏi đau đớn và tội lỗi).

Từ hình ảnh con người chạy trốn và từ những đường nét phác họa trên, tôi có thể xây dựng một hiện tượng luận và một siêu hình học về sự chạy trốn; nhưng nơi đây tôi xin giới hạn sự thảo luận.

### 3.

Hình ảnh tượng trưng cho con người chạy trốn là Cain trong *Thánh Kinh (Cựu Ước Kinh)* của Ky Tô giáo. Cain giết em vì bất mãn với sự bất công của Thượng đế; Thượng đế trừng phạt và lưu đày Cain trở thành "kẻ chạy trốn và kẻ lang thang ở trần gian này" (*Genesis 4, 12*: "a fugitive and a vagabond shalt thou be in the earth").

Cain là hình ảnh tượng trưng nhất cho mỗi người trong chúng ta. Mỗi người chúng ta đều có mầm sát nhân trong lòng; và con người đều là con người chạy trốn và con người lang thang; lang thang, vì chạy trốn; chạy trốn vì giết em; giết em mình chính là giết mình, giết máu thịt của mình. Cũng có thể nói ngược lại: giết em là vì chạy trốn mình; chạy trốn mình là vì ý thức xuất hiện. Ý thức là cô đơn và phân chia. Ý thức trở thành cô đơn và phân chia từ khi ông Adam và bà Eve bị đuổi ra khỏi vườn địa đàng. Cain thừa hưởng tội cha mẹ; con người chịu tội tổ tông.

Tất cả mọi người đều là những con người chạy trốn. Những kẻ chạy trốn nhiều nhất là những nghệ sĩ, những tình nhân, những kẻ mơ mộng, những kẻ phạm tội, những kẻ điên và những người tự tử.

Những người hiện thân bi đát nhất cho sự chạy trốn là Rimbaud, Melville, Nietzsche, Nijinsky, Nerval, Kafka, Van Gogh, Antonin Artaud, Strindberg, Sadegh Hedayat, Hemingway.

Những con người chạy trốn trên là những tâm hồn quằn quại giữa cơn đau ngất trời.

Chính họ là hiện thân của tính chất xung khắc thường xuyên giữa ý thức và vô thức. Sự xung khắc thường xuyên ấy đưa đến sự hủy diệt ý thức nhưng chính vừa lúc ý thức bị hủy diệt thì sự bất diệt vụt xuất hiện. Vừa lúc ý thức tự diệt thì ý thức mới

được khai sinh, như chim phượng hoàng sống lại và vỗ cánh bay lên, sau khi được thoát thai từ ánh lửa huyền bí của thần thoại thái cổ.

## Chương nhứt

### Ý thức bi tráng - Con người và hố thẳm trong tư tưởng Nikos Kazantakis

*Người nghệ sĩ bi tráng không phải là người bi quan; hẳn chính là người chấp nhận tất cả sự việc khả nghi, chấp nhận ngay cả những sự việc khủng khiếp. Hẳn là người theo Dionysos.*

Nietzsche (*Die Götzen-Dämmerung*, 1889)

#### 1.

Mùi thơm những cây chanh trở hoa quay cuồng người dân hải đảo. Những con lừa bước chậm chạp trên lối mòn hay triền núi. Vài ba con dê cột bên sân nhà; bụi bay đầy đường. Những đống gạch vụn, những đèn đài sụp đổ. Mặt trời. Đá. Mây trắng. Biển. Những trái cây. Gió biển mặn nồng, bụi đá thơm ngát, những người ăn mày rách rưới, những con gà tây lụi trốn qua kệt nhà.

Nghèo nàn, nóng bức, khô cằn, nhiều trái cây, nhiều đứa con nít dơ bẩn chạy rong giữa chợ, những trái nho khô, những chùm nho tươi, đôi má đỏ hồng của cô gái nhà quê, nụ cười thần thoại của cụ già râu trắng, những đôi đá vô chôn vùi nền văn minh thượng cổ của Địa trung hải, nằm giữa Âu châu, Phi châu và Á châu.

Đó là đảo Crète, thuộc đất Hy Lạp, quê hương của Nikos Kazantzakis, văn sĩ, thi sĩ, triết gia, tư tưởng gia, kịch sĩ, phê bình gia, dịch giả, chính trị gia. Nikos Kazantzakis là nhà văn hoá nổi tiếng nhất của Hy Lạp thế kỷ hai mươi.

Quê hương ông là nơi phát sinh ra nền văn minh Tây phương, là một hải đảo muôn đời đón gió từ mười phương thổi về; người con trai Hy Lạp ấy đã lớn lên giữa những cơn gió thịnh nộ thổi từ những lục địa xa xôi, giữa những tiếng sóng cuồng loạn của đại dương, dưới một bầu trời xanh lơ đầy mây giăng hồ và những cánh hải âu đen mướt.

Những buổi chiều trên bãi vắng, lúc hãy còn trẻ, không biết Nikos Kazantzakis đã nghĩ những gì, khi ngắm nhìn những cánh buồm trắng xuôi gió thấp thoáng bên kia chân trời?

Để rồi đi vào đời, Nikos Kazantzakis trở thành con người nghệ sĩ điêu đứng, sống hốt hoảng với ý thức phân tán trước sự sụp đổ của con người và nền văn minh hiện đại; suốt đời, Nikos Kazantzakis chỉ là một cánh buồm say gió, trôi nổi bập bênh trên đại dương của Hư vô, khát khao hải đảo quê hương, nhưng hải đảo quê hương ấy cũng chỉ là thần thoại, bởi vì quê hương không phải là nơi mà mình đã chào đời và con người vẫn nhớ quê hương đang khi mình ở ngay nơi quê hương của mình; con người vẫn cảm thấy hoàn toàn xa lạ nơi mình chào đời; có lẽ phải chăng lúc mình thở hơi cuối cùng là lúc quê hương mới bắt đầu xuất hiện?

#### 2.

Trong quyển *Letter au Gréco*, Nikos Kazantzakis viết một câu văn rất giản dị mà ít

người đọc để ý, ý nghĩa thâm trầm phong phú vô cùng:

*"Hãy cứng rắn, kiên nhẫn, chịu khó... Hãy khinh bỉ hạnh phúc..."*

Những câu văn hay lời nói cũng như những hạt giống, phải gieo đúng nơi, đúng lúc thì mới có thể trở hoa đơm trái.

Chỉ vào giờ đó, phút đó, với tâm trạng đó, tôi mới thực sự nhận ra tất cả ý nghĩa kỳ lạ trong những lời nói câu văn mà vào những lúc khác tôi chỉ thấy nó tầm thường nhạt nhẽo.

*"Hãy khinh bỉ hạnh phúc..."*

Chỉ có Nikos Kazantzakis là mới nói lời trên với nỗi lòng chua xót bi tráng.

*"Hãy khinh bỉ hạnh phúc..."*

Tất cả tư tưởng và tác phẩm của Nikos Kazantzakis chỉ nói lên một câu này thôi.

Câu văn này chẳng những có nghĩa là khinh bỉ sự hạnh phúc, mà còn có nghĩa là khinh bỉ cả sự khinh bỉ hạnh phúc, vì không có sự hạnh phúc! Hạnh phúc chỉ là một danh từ rỗng, dùng để nói đến một cái gì không có thực ở đời này.

Tại sao "hãy khinh bỉ"?

Tiếng "hãy" là tiếng kêu gọi, lời thúc giục hay ra lệnh...

Tiếng "hãy" là tiếng gọi đứng dậy, tiếng kêu bước chân, tiếng thúc giục lên đường, tiếng ra lệnh phóng chạy...

Chúng ta tự tạo ra một thế giới ảo tưởng, rồi chui vào đó mà ngủ. Con người hiện nay đang nằm ngủ; con người thế kỷ XX đang còn ngủ, chưa tỉnh thức; chúng ta đang chết, nguy hiểm nhất là chúng ta không biết rằng chúng ta đang chết; chúng ta sống bạc nhược; đi đứng mệt mỏi, hết hăng hái thiết tha; chỉ nhìn lại đằng sau, tiếc thương quá khứ; mỗi buổi sáng thức dậy, chúng ta bị lôi vào một cuộc sống mà chúng ta không biết đi về đâu; chúng ta chỉ còn những cử chỉ không hồn; tất cả chỉ là phản ứng như một cái máy tự động; chúng ta nhìn sự vật chung quanh với đôi mắt thản nhiên lạnh nhạt; không có gì có thể làm chúng ta ngạc nhiên nữa; tất cả chỉ là tổng số những thói quen.

Chúng ta sống trong hiện tại mà đầu óc cứ bị chìm ứ xuống vũng lầy của quá khứ; chúng ta vuốt ve dĩ vãng vàng son; chúng ta chạy trốn hiện tại; chúng ta vuốt ve bản ngã nhỏ bé bằng cách gia nhập những đoàn thể hay những công tác vĩ đại; chúng ta đồng hoá với một sự vật bên ngoài để tăng bốc lòng quan trọng; chúng ta không dám sống, mà chúng ta cũng không dám chết; chúng ta không dám đi, mà cũng không dám đứng; chúng ta không dám nói mà cũng không dám yên lặng...

Chúng ta thích phàn nàn, than thở, thích nói "chán quá, cô đơn quá, khổ quá," mà thực sự chúng ta không hoàn toàn cảm thấy thế; những lời nói ấy chỉ là một thói quen cần thiết để chúng ta bám vào những làn khói thuốc; sự thực thì chúng ta đang chết trong đời sống.

Chúng ta ăn mà không biết mình đang ăn, uống mà không biết mình đang uống;



chúng ta thấy mình nằm mộng trong giấc mộng. Mộng của mộng!

Mỗi lời nói của chúng ta là những lời lặp lại vô ý thức, mỗi lời phê phán của chúng ta là những lời nói bâng quơ khờ khếch của một kẻ bước đi trong khi ngủ.

Tiếng "hãy" là một gáo nước lạnh đổ vào mặt chúng ta, là một cái tát tai nẩy lửa, là cái đạp chân tổng vào người để chúng ta thức dậy, để chúng ta đứng dậy, rồi chạy... Đứng dậy mà chạy. Thôi đủ rồi, ngủ đã nhiều rồi, chết đã nhiều rồi. Chúng ta hãy ào chạy, xô nhau chạy... chạy rồi nhảy múa. Nhảy múa điên cuồng như bầy mọi da đỏ. Nhảy múa trên hoả diệm sơn.

Cười, hét, tru, tréo, la, kêu, rú, réo và cứ tiếp tục nhảy múa - Nhảy như điên, như loạn. Nhảy như Nijinsky.

Cứ tiếp tục nhảy múa đi.

Rồi chết.

Chớ đừng nằm dài than thở, đừng khóc lóc, đừng chán nản. Đã hết cô độc, hết rồi cô đơn, hết rồi phi lý, hết rồi hiện sinh khắc khoải, hết rồi hư vô, hết rồi đau khổ. Bản nhạc ấy cũ quá rồi, cứ hát đi hát lại hoài. Tất cả đều lường gạt. Tất cả đều giả dối. TẤT CẢ ĐỀU XÔNG LÊN MÙI CHẾT.

Hãy cười rú lên như điên và tiếp tục nhảy múa.

Nhảy múa như bầy mọi Phi châu, nhảy múa như bầy trẻ con, chớ đừng nhảy múa như những xác chết ở phòng khiêu vũ tại Sài gòn.

"Hãy khinh bỉ" là gì? Thế nào là "khinh bỉ"?

Sự khinh bỉ là một điều thiêng liêng.

Sự khinh bỉ lên ngôi thượng đế.

Chúng ta hãy tôn thờ sự khinh bỉ.

Khinh bỉ, khinh bạc, khinh dễ, khinh khi, khinh khinh, khinh mạn, khinh miệt, khinh suất, khinh thị, khinh thường, kiêu căng, kiêu ngạo, kiêu dũng, kiêu hãnh, phách lối, ngạo mạn, xác xược. Tất cả những chữ này là những ĐỨC TÍNH thiêng liêng của những con người dám sống và dám chết.

Chúng ta hãy khinh bỉ tất cả mọi sự.

Chúng ta hãy khinh bỉ cả sự khinh bỉ.

Nghĩa là CHÚNG TA HÃY KHINH BỈ CẢ CHÚNG TA.

Khinh bỉ là đức tính đầu tiên và cuối cùng của nhân loại: **khinh bỉ sẽ là sức sống làm lại cuộc HỒI SINH NHÂN LOẠI.**

Trái đất này sẽ tan nát, thế giới này sẽ sụp đổ, nhân loại sẽ bị tiêu diệt, nếu không còn những kẻ khinh bỉ trên trần gian này.

Chúng ta hãy khinh bỉ tất cả mọi giá trị: chúng ta hãy khinh bỉ tất cả những gì cao siêu nhất đời này; chúng ta hãy khinh bỉ tất cả những vĩ nhân, tất cả những thiên tài; chúng ta hãy khinh bỉ những kẻ vị tha, bác ái, nhân đạo. Chúng ta hãy khinh bỉ những kẻ xây dựng; đồng thời, chúng ta hãy khinh bỉ những kẻ phá hoại. Chúng ta hãy khinh bỉ những nhà đạo đức và khinh bỉ những kẻ chống đạo đức.

Khinh bỉ hết tất cả.

Và quan trọng nhất là chúng ta phải khinh bỉ chính bản ngã, bản thân chúng ta; hãy khinh bỉ đời sống chúng ta, hãy khinh bỉ lời nói chúng ta, hãy khinh bỉ sự im lặng của chúng ta, hãy khinh bỉ lòng nhân đạo của chúng ta, lòng yêu người của chúng ta, lòng ái quốc, lòng xây dựng xã hội, tình thương, lòng tương thân tương ái, lòng khiêm tốn nhún nhường, sự cao thượng, đức danh dự.

Hãy khinh bỉ tình yêu, hãy khinh bỉ tất cả những người con gái, hãy khinh bỉ văn chương, triết học, hãy khinh bỉ những thi sĩ, hãy khinh bỉ những quyển tiểu thuyết, những bài khảo luận (như bài này).

Hãy khinh bỉ Nikos Kazantzakis, Henry Miller.

Hãy khinh bỉ Heidegger, Camus, Nguyễn Du. Tóm lại HÃY KHINH BỈ HẠNH PHÚC. Thế nào là "hãy khinh bỉ hạnh phúc"?

Sự khinh bỉ chính là sự hạnh phúc: vì thế, chúng ta cần phải khinh bỉ cả sự khinh bỉ ấy nữa! Sự khinh bỉ phải đi đến cùng tận, để rồi biến mất luôn mà đi vào cõi hư không của vạn vật. Lúc bấy giờ, tất cả đều huyền bí (huyền chi hữu huyền), không còn phân biệt đối đãi, sắc tức thị không, nói như Heidegger thì *Sein* tức là *Nichts* và sự **KHINH BỈ CHÍNH LÀ SỰ KÍNH TRỌNG**.

Hạnh phúc là gì?

Hạnh phúc là nhà điên. Hạnh phúc là chết trong khi còn có thể sống được. Hạnh phúc là đầu hàng trước xã hội. Hạnh phúc là sự chạy trốn. Hạnh phúc là đánh mất cá tính độc đáo của mình. Hạnh phúc là đứng lại, không dám nhảy tới, phóng tới.  
(Heidegger: *Entwurf*).

Hạnh phúc là ảo tưởng của ảo tưởng, mộng của mộng. Hạnh phúc là luân hồi, là hoả ngục nơi cuộc sống này.

Khi chúng ta còn bé nhỏ, chúng ta không đau khổ, không hạnh phúc; tâm hồn ngây thơ hồn nhiên như con chim hót trên cành, lòng trẻ thơ là mặt hồ trong suốt không gợn sóng, in hình mây trời trắng bạch; bầu trời xanh biếc rọi trọn vẹn vào hồn, nhưng thế rồi lúc chúng ta vừa lớn khôn, lúc mà ý thức bắt đầu trưởng thành thì lúc bấy giờ mặt hồ đã nổi sóng滔 bồi, bão tố vụt bùng dậy hãi hùng.

Ý thức là hạnh phúc, mà ý thức lại chạy đi tìm hạnh phúc, thế là ý thức trở nên không hạnh phúc. Ý thức đi tìm hạnh phúc, mà càng đi tìm lại càng tìm không được, vì hạnh phúc không ở ngoài ý thức vì hạnh phúc là ý thức, ý thức chạy đi tìm ý thức, mình chạy đi tìm mình; mình chạy đi tìm mình thì không thể nào tìm được.

Khinh bỉ hạnh phúc có nghĩa là không chạy đi tìm nữa. Khinh bỉ hạnh phúc có nghĩa là **MÌNH ĐỨNG LẠI NHÌN MÌNH**. Khi mình nhìn lại mình thì mình sẽ gặp lại mình. Tìm gặp lại mình thì tìm gặp cái mình đang tìm. Như thế mình chỉ có thể tìm được là khi

mình không còn chạy đi tìm nữa. Đó là chân lý, mặc dù mâu thuẫn, khó hiểu nhưng mầu nhiệm vô cùng.

"Hãy khinh bỉ hạnh phúc". Đây là một trong những chân lý cao siêu của Nikos Kazantzakis.

Câu này có thể giúp ta nhìn ra chân lý mầu nhiệm của cuộc đời.

Bằng cách nào?

Bằng cách thực hiện câu "hãy khinh bỉ hạnh phúc" không phải bằng lời nói, mà bằng tất cả bản thân mình, bằng cả đời sống mình, bằng cả máu lệ tinh thành; đánh cả một ván đời để đổi lấy câu "hãy khinh bỉ hạnh phúc", như trường hợp Nietzsche hay Van Gogh hay Rimbaud hay Nikos Kazantzakis, hay một cách tuyệt đối tận cùng như Phật Thích Ca, như chúa Jésus, như François d'Assise, như Henry Miller...

### 3.

Kazantzakis đã từng chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nietzsche. Nikos Kazantzakis và Nietzsche giống nhau như con giống cha. Kazantzakis tôn thờ Nietzsche như con người tiền sử tôn thờ mặt trời. Đời Nietzsche và đời Kazantzakis là cả một chuỗi dài chấp nhận và chối bỏ.

Kazantzakis chấp nhận Nietzsche, rồi chối bỏ Nietzsche. Kazantzakis chấp nhận Chúa Jésus, rồi chối bỏ Chúa Jésus. Kazantzakis chấp nhận đức Phật, rồi chối bỏ đức Phật. Kazantzakis chấp nhận Lénine, rồi chối bỏ Lénine.

Kazantzakis chấp nhận cuộc đời, rồi chối bỏ cuộc đời mà đi vào cõi chết... Tiến trình biện chứng vẫn ngự trị trần gian.

Chấp nhận tức là hạnh phúc; chối bỏ sự chấp nhận ấy có nghĩa là khinh bỉ hạnh phúc. Khinh bỉ sự hạnh phúc là nhìn thẳng vào sự chết, không chạy trốn cái chết mà lại phi nhổ vào mặt sự chết.

Đó là tất cả sự vĩ đại của Nikos Kazantzakis, tất cả nỗi bi tráng cực độ của người con trai đất Hy Lạp, quê hương của Homère, Eschyle, Sophocle, Euripide.

*"Vào những khoảnh khắc khủng khiếp và bất ngờ, một luồng ánh sáng vụt loé qua ý thức tôi: tất cả những cái ấy chỉ là một trò chơi tàn bạo và phù phiếm, vô thủy vô chung, hoàn toàn không có ý nghĩa gì cả"* (Nikos Kazantzakis, *Ascèse* trang 47 - 48).

Cuộc đời chỉ là một trò chơi.

Thiên đàng hay địa ngục gì cũng nằm trong trò chơi ấy.

Tất cả đều là một trò đùa, một trò chơi tàn bạo và phù phiếm. Tôi bị lôi cuốn vào trò chơi ấy, dù muốn hay không.

Nhìn đời với đôi mắt của một kẻ nằm trong cuộc chơi, đó là ý thức đầu tiên của những tâm hồn bi tráng.

Cuộc đời chỉ là một trò chơi tàn bạo và vô ích, không có sự bắt đầu, không có sự

chấm dứt, hoàn toàn vô nghĩa.

Với ý thức như thế, tôi sẽ không còn tạo cho mình những ảo tưởng xa xôi, những bến bờ hạnh phúc mà tôi không bao giờ đạt đến.

Thiên đàng chỉ nằm trong đầu, thiên đàng không phải ở trên bầu trời xanh lơ kia. Thiên đàng chỉ nằm trong cuộc chơi tàn bạo của giòng đời.

Con người nhào mình vào cuộc chơi mà hẳn biết rằng phù phiếm và tàn bạo; nhưng vì hẳn là người, hẳn không thể thoát ra ngoài vòng cuộc chơi ấy.

Đó là tâm thức bi đát của con người; niềm bi đát ấy trở thành bi tráng, khi con người nhìn thẳng vào sự thực và không nuôi những ảo tưởng, khi con người yêu trò chơi ấy và dự vào cuộc chơi ấy với tất cả mê đắm say sưa của đời mình, mặc dù biết rằng cuộc chơi ấy là phù phiếm, tàn bạo và vô nghĩa.

Biết rằng cuộc đời là vô nghĩa, nhưng vẫn sống một cách say sưa. Biết rằng việc làm vô ích nhưng vẫn làm một cách hăng say. Biết rằng trò chơi ấy nguy hiểm, nhưng vẫn lăn vào trò chơi ấy với trọn vẹn hồn nhiên của đời mình. Đó mới là sức sống bi tráng của con người.

*"Điều tôi quan tâm không là con người, không phải là mặt đất, không phải là bầu trời, mà là ngọn lửa thiêu đốt con người, mặt đất và bầu trời"* (Nikos Kazantzakis, *Toda – Raba*, trang 113).

Ngọn lửa ấy là gì? Phải chăng là SỨC SỐNG BI TRÁNG của vũ trụ, của trần gian, của con người?

Sức sống bi tráng là ngọn lửa thiêu đốt cả vũ trụ và con người. Sức sống bi tráng là hơi thở của Thần linh, của Hư vô, của Đại Ngã và Thần Ngã.

Nietzsche đã thổi sức sống bi tráng vào tâm hồn Nikos Kazantzakis:

*"Nietzsche đã làm phong phú tâm hồn tôi bằng cách cung cấp cho tôi những vũ khí để lăn vào những cuộc chiến đấu mới; chính Nietzsche đã dạy tôi biến đổi nỗi đau khổ, niềm cay đắng và lòng lưỡng lự thành ra sự kiêu hãnh"* (Nikos Kazantzakis), và sức sống bi tráng ấy đã thiêu đốt cuộc đời Nikos Kazantzakis; ông chạy quanh quẩn suốt đời trong những nẻo đường hư vô mà vẫn giữ trong tim một niềm kiêu hãnh vĩ đại của con người bị diệt, nhưng vẫn không chịu thua, của một kẻ đau khổ quằn quại, nhưng vẫn từ chối thiên đàng.

#### 4.

Trong quyển tiểu thuyết *Alexis Zorba*, Nikos Kazantzakis đưa ra hai nhân vật trái ngược hẳn nhau: một người là trí thức, người kia là công nhân. Anh công nhân tên là Alexis Zorba. Người trí thức ấy chỉ biết sống với sách vở; đầu óc đầy ứ những tư tưởng trừu tượng; trái lại Alexis Zorba thì không đọc sách báo gì cả, đầu óc Alexis Zorba chứa đầy những ý nghĩ thực tiễn hay là không chứa một ý nghĩ nào cả, hoàn toàn trống rỗng thanh tịnh. Kẻ trí thức kia quên sống, hẳn đi bơ phờ trong thế giới tư tưởng, suốt ngày hẳn cứ bận bịu với triết lý này, triết học kia. Còn Alexis Zorba sống mãnh liệt và trọn vẹn với đời mình, Alexis Zorba chỉ sống chứ không suy nghĩ; trái lại, kẻ trí thức chỉ nghĩ chứ không sống. Alexis Zorba hưởng thụ cuộc đời một cách

say đắm triền miên; còn kẻ trí thức kia chỉ là một xác không hồn bước đi hững hờ trong cuộc đời. Alexis Zorba hoàn toàn là đứa con của lòng đất; Alexis Zorba cúi quỳ hôn lòng đất: còn kẻ trí thức kia chỉ biết chạy đuổi theo một ốc đảo ở sa mạc và suốt đời không bao giờ tìm được.

Alexis Zorba là con người hoàn toàn hồn nhiên giản dị, chỉ biết ăn, uống, ngủ, đi đứng, làm ái tình, ca hát, nhảy múa, say sưa làm việc. Còn kẻ trí thức kia quên ăn, quên uống, quên ngủ, quên đi đứng, không dám làm ái tình, không biết ca hát, không nhảy múa và chỉ làm việc một cách mệt nhọc chán chường.

Kẻ trí thức kia cẩn thận, dè dặt, giữ gìn, chín chắn, tâm hồn đầy mặc cảm. Alexis Zorba dám làm tất cả mọi sự, không dè dặt, không giữ gìn; Alexis Zorba lặn vào cuộc đời như một chiến sĩ kiêu dũng lặn vào trận địa; Alexis Zorba nhảy trên những xác chết của quá khứ, say sưa hò hét trong cuộc sống điên cuồng hiện tại.

Nikos Kazantzakis đã dựng hình ảnh Alexis Zorba giữa nền văn minh trí thức thời đại, một hình ảnh hiên ngang bất khuất sống động, tượng trưng cho sự phục hồi sinh lực của truyền thống Tây phương ở vào chặng cùng đở vỡ.

Truyền thống tư tưởng tây phương đang bị lôi cuốn trong sự độc tôn của lý trí; lý trí đồng nghĩa với ảo tưởng, lý trí chặn đứng sức sống tràn lan của con người, lý trí phá hủy hồn thơ lai láng của vũ trụ, lý trí chỉ biết chia xén, phân hai, phân biệt, phân tích, lý trí tạo ra ảo tưởng của ảo tưởng, rồi sau cùng *chính lý trí quay lại chống lý trí*; đó là mối mâu thuẫn vĩ đại không thể nào vượt qua được, nếu con người vẫn nằm ngủ trong giấc mộng của giấc mộng.

Alexis Zorba của Nikos Kazantzakis là hiện thân của sự chống đối lý trí; chống đối lý trí không có nghĩa là ca ngợi sự ngu muội; mà là ngược lại thể, bởi chính lý trí là sự ngu muội, một thứ ngu muội trá hình, và vì trá hình, sự ngu muội ấy trở nguy hiểm vô cùng.

Alexis Zorba là một kẻ tỉnh ngộ: nói theo danh từ Phật giáo Thiền tông thì Alexis Zorba đã đi đến Satori (Ngộ). Alexis Zorba là con người lý tưởng mà Kazantzakis muốn đạt tới.

Nikos Kazantzakis từ bỏ thiên đàng để trở về quì hôn lòng đất mến yêu. Nikos Kazantzakis chối từ tất cả những ảo tưởng, kẻ cả ảo tưởng về sự chối từ! Nikos Kazantzakis đi tìm một giải đất mới nhưng giải đất ấy không nằm trong không gian, bởi vì: *"giải đất mới chỉ có trong lòng người"* (Nikos Kazantzakis, *Ascèse*, trang 56).

Ta phải quay trở về tìm giải đất mới ấy trong lòng người, ta phải đi tìm Tịnh độ trong Tâm; vì Tâm chính là Tịnh độ.

*"Bốn phận của mi là lên đường đi đến hồ thẳm, một cách im lặng, một cách rộng lượng và không hy vọng".*

(Nikos Kazantzakis, *Ascèse*, trang 56).

*"Bốn phận mi là..."*

Bốn phận, nghĩa vụ, chức phận...

Bốn phận mi là...

Phận mình là...

Phận là điều mình không thể không làm; phận là một việc tất yếu, một sự bắt buộc, một việc quy định.

Bổn phận nằm trong thân phận làm người của mình. Bổn phận có thể nói là xác định tính chất của thân phận con người. Bổn phận là một điều bắt buộc, một điều kiện tất yếu làm con người trở thành con người. Chấp nhận bổn phận là chấp nhận sự thực không thể tránh. Từ chối bổn phận là chạy trốn. Chạy trốn cái gì?

Chạy trốn mình.

Chạy trốn chất tính của mình là con người.

Con người dính liền với thân phận con người, bổn phận là thái độ sống riêng đưa con người trở về con người. Bổn phận có tính cách độc đáo riêng biệt; phận là phận của riêng tôi, của mình tôi nên gọi là phận mình, tức là bổn phận; phận là một sự bắt buộc; phận có nghĩa là chức vị của người; nói rộng hơn, phận chính là người vì chức vị của người (phận) và người chỉ là một; người không có chức vị của người không thể gọi là người, không thành ra người. Nói đến người là mặc nhiên đã nói cái điều làm cho con người trở thành người, tức là phận, nói rõ hơn là bổn phận.

Phận là một điều tất nhiên, một sự đã qui định từ khi tôi mở mắt chào đời và qui định trọn vẹn từ khi ý thức tôi đã trưởng thành.

Mỗi người tự nhận phận mình (bổn phận).

Người khác không có quyền bắt buộc tôi làm bổn phận tôi, vì bổn phận đã là một sự bắt buộc của tôi đối với chính tôi. Sự bắt buộc của người khác xâm phạm đến chức vị của người tôi; chính sự bắt buộc ấy thay thế sự bắt buộc của riêng tôi, vì thế người khác đã đánh mất chức vị của người tôi, vì chức vị của người tôi là sự bắt buộc của riêng tôi đối với tôi.

Người khác bắt buộc tôi làm bổn phận tôi, nghĩa là người khác đã làm tôi đánh mất bổn phận tôi rồi!

Ái quốc hay không ái quốc, đó là bổn phận riêng tôi. Người khác không được quyền bắt buộc tôi ái quốc và nói rằng như thế mới là bổn phận tôi; khi có sự tham dự trực tiếp của người khác vào bổn phận tôi thì tôi đã xa lìa bổn phận rồi, vì bổn phận là phận của riêng mình tôi.

Ái quốc, hy sinh, phụng sự xã hội, vâng lời cha mẹ, hiếu thảo, trung thành, vân vân; người khác không được quyền nói những thứ này là bổn phận của tôi. Nói đến bổn phận là nói đến sự cô đơn tuyệt đối của tôi, của riêng tôi đối với tôi; vì thế, người khác đứng ngoài vòng và chẳng có liên hệ gì với tôi cả; người khác chỉ có liên hệ với tôi là sau khi tôi đã nhìn lại bổn phận (hay là không nhìn lại thì cũng thế).

Tôi nói với tôi như sau:

*"bổn phận của mi là..."*

Tôi không thể nói như vậy với người khác:

*“bổn phận của anh là...”*

Nói như thế là trực tiếp phá hủy bổn phận của người khác, là xâm phạm chức vị làm người của người khác.

Nikos Kazantzakis tự nói với mình rằng:

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm...”*

(Nikos Kazantzakis, *Ascèse*, trang 56).

Nikos Kazantzakis không nói:

*“bổn phận của mi là ái quốc, thương người, phụng sự, làm việc, vâng lời, giúp đỡ, hay trung thành vân vân...”*

Nikos Kazantzakis lại nói:

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm”*

thế là Kazantzakis đã đập vào trung tâm điểm của ý thức con người; lên đường đi đến hố thẳm là bổn phận quan trọng nhất của tôi; tất cả những thứ khác chỉ là phụ thuộc.

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm”.*

Đó là ý thức tiên khởi mà tôi phải nhìn nhận cho riêng tôi; bổn phận của tôi là thế, vì vậy, tôi phải làm bổn phận ấy cho riêng tôi; chính tôi phải làm tròn bổn phận ấy. Làm tròn cái gì?

Làm tròn bổn - phận - lên - đường - đi - đến- hố - thẳm.

Không làm tròn bổn phận này là chạy trốn; không làm tròn bổn phận này là không xứng đáng được gọi là người; không làm tròn bổn phận này là đánh mất chức vị làm người, là tự dối, tự lừa gạt mình.

Người chỉ là người, khi người làm bổn phận; bổn phận chỉ là bổn phận khi bổn phận lên đường đi đến hố thẳm.

Sự kiện lên đường đi đến hố thẳm là một thực tại; từ chối thực tại là nuôi ảo tưởng, là tự đánh lừa.

Người dính liền với việc lên đường đi đến hố thẳm. Heidegger có từ ngữ “Sein zum Tode” (Tính hướng tử hay hướng tử tính; Pháp gọi là “L’être-pour-la-mort”). Ta bắt chước Heidegger mà đặt từ ngữ mới cho ý nghĩa câu văn trên của Kazantzakis là “Sein-zum-Abgrund” (tính hướng huyệt hay hướng huyệt tính; dịch ra Pháp ngữ là: “l’être-pour-l’abime”).

Người vừa mới chào đời là đã lên đường đi đến hố thẳm.

Người thực sự người là lên đường đi đến hố thẳm; người không thực sự người là kẻ chạy trốn vào cuộc sống thường nhật của thiên hạ (“le On de la banalité



quotidienne”) và không chịu nhận mình để lên đường đi đến hố thẳm. Việc lên đường đi đến hố thẳm là một sự bắt buộc, một sự thực bắt buộc; nhưng sự bắt buộc ấy trở thành sự tự do khi tôi bắt buộc cho riêng tôi.

Nếu để người khác bắt buộc tôi hay nếu sự bắt buộc ấy xảy đến tôi ngoài ý muốn của tôi hay nếu tôi không tự bắt buộc cho riêng tôi, thì sự bắt buộc ấy trở thành sợi dây trói buộc tôi lại, quăng tôi xuống hố thẳm như quăng một con vật, làm tôi mất sự tự do và đánh mất chức vị làm người của tôi.

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm”*

Khi tôi chịu làm bổn phận lên đường đi đến hố thẳm thì tôi trở thành con người tự do, sự tự do này mới đúng nghĩa là tự do thực sự, vì dù có ở trong tù, tôi vẫn có thể tự do; và những con người sống bên ngoài kia, họ tưởng là họ tự do, nhưng thực ra, họ bị nhốt bưng bít trong cuộc sống thường nhật nhẽo của thiên hạ “le On de la banalité quotidienne”; (Heidegger gọi là “Das Man”).

Tự do của tôi là tự do thực sự; bởi vì tôi biết rằng tôi lên đường đi đến hố thẳm cho nên tôi tự do, tôi chỉ được tự do thực sự khi sự tự do của tôi là tự do trước hố thẳm, bắt chước từ ngữ của Heidegger mà gọi là: “Freiheit zum Abgrund” (Heidegger: Freiheit zum Tode”).

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm”.*

Nikos Kazantzakis tự nói như thế.

Nhưng lên đường đi đến hố thẳm bằng cách nào?

Nikos Kazantzakis tự nói thêm:

*“một cách im lặng...”*

Như thế nghĩa là gì?

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng...”*

Im lặng là không nói, không nói là không dùng lời, không diễn tả, không bào chữa, không bênh vực.

Im lặng chẳng những có nghĩa là không nói, mà còn có nghĩa là không không-nói.

Im lặng ở đây không chỉ có nghĩa là im lặng suông, vì im lặng ở đây có nghĩa là im lặng luôn cả sự im lặng!

Im lặng luôn cả sự im lặng là không còn tiếng nói, cũng không còn tư tưởng, không còn suy nghĩ, không còn trí nhớ, nói gọn lại là tiến trình ý thức ngừng lại.

Im lặng có nghĩa là sự im lặng ý thức hay là ý thức im lặng.

*“bổn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng...”*

Nikos Kazantzakis nói thêm:

“không hy vọng...”

Tôi lên đường đi đến hồ thăm một cách im lặng, và không hy vọng.

Đó là điều hiển nhiên.

Im lặng mà còn có hy vọng, thì chưa hẳn là im lặng.

Hy vọng nuôi ảo tưởng, ảo tưởng trong thời gian.

Còn hy vọng là còn lưỡng lự, là còn ý thức; ý thức lưỡng lự ý thức bằng cách phóng tới đấng trước nhờ hy vọng; còn hy vọng thì chưa giải thoát; hy vọng là triển hạn; triển hạn là hạnh phúc; khinh bỉ hạnh phúc là không hy vọng, là mở đường giải thoát; hy vọng triển hạn và chặn đứng sự giải thoát: hy vọng giải thoát là chưa được giải thoát.

Đến bao giờ mới được giải thoát?

**Chỉ đến lúc không còn hy vọng giải thoát, ta mới được giải thoát.** Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ...

Chỉ đến lúc tôi không còn mộng sự tinh thức, tôi mới thức tỉnh.

*“bốn phận của mi là lên đường đi đến hồ thăm, một cách im lặng, không hy vọng...”*

Nikos Kazantzakis còn nói thêm:

*“một cách rộng lượng”.*

Tôi đi đến hồ thăm, một cách im lặng, không hy vọng và một cách rộng lượng.

Rộng lượng hay nhân từ cũng gần nghĩa với nhau.

Rộng lượng ở đây có nghĩa là rộng lượng mà không có đối tượng, vì tôi đang lên đường đi đến hồ thăm. Rộng lượng là mối tình bao la mênh mông; rộng lượng là xoá bỏ sự cố chấp, rộng lượng có đối tượng hãy còn là rộng lượng có sự cố chấp; tôi rộng lượng với người khác nghĩa là tôi còn chấp vào chính sự rộng lượng ấy, nghĩa là tôi còn phân biệt người khác với tôi và sự rộng lượng của tôi đối với người khác là một sự phân biệt ngay trang. Rộng lượng còn phân biệt tôi với người khác thì vẫn chưa là rộng lượng.

Rộng lượng đồng nghĩa với sự không phân biệt; rộng lượng không phân biệt mới thực sự là rộng lượng; như thế, rộng lượng không có mục đích; rộng lượng mà có mục đích, dù mục đích ấy là sự rộng lượng thuần túy thì rộng lượng chưa thuần túy là rộng lượng.

Rộng lượng chính là sự im lặng; rộng lượng chính là không hy vọng. Rộng lượng mà còn hy vọng thì chưa phải rộng lượng; ý thức rằng tôi rộng lượng thì chưa phải là rộng lượng; rộng lượng đồng nghĩa sự im lặng ý thức.

Con đường đi đến hồ thăm gồm có 3 lối.

1. trí và tình: im lặng

2. trí: không hy vọng
3. tình: rộng lượng

Đó là cố gắng phân chia cho dễ hiểu; nói một cách tuyệt đối thì con đường đi đến hố thẳm không có lối, vì còn có lối là còn hy vọng, mà còn hy vọng là không thể rộng lượng, vì rộng lượng còn hy vọng là rộng lượng chưa trọn vẹn và ý thức chưa im lặng.

*“bốn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng”.*

Hố thẳm ở đây không phải là địa điểm hay mục đích. Không phải hố thẳm ở một nơi chốn nào đó và bốn phận của tôi là đi đến hố thẳm ấy.

Hố thẳm ở đây không nằm trong không gian và sự-lên-đường-đi-đến không nằm trong thời gian; bởi vì chính việc-lên-đường-đi là hố thẳm, và hố thẳm chính là sự im lặng, là sự rộng lượng, và không hy vọng. Phương tiện (một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng) chính là cứu cánh (hố thẳm), hành động (sự lên đường đi đến) chính là mục đích (hố thẳm). Phương tiện là cứu cánh; hành động là mục đích.

Chúng ta hãy lập lại trọn câu văn của Nikos Kazantzakis: *“giải đất mới chỉ có trong lòng người... bốn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng”* (Ascèse, trang 56).

Như thế, tôi thấy rõ nghĩa như vậy:

- giải đất mới là lòng người;
- lòng người là hố thẳm
- đi tìm giải đất mới là đi tìm lòng người;
- lòng người là lòng mình;
- bốn phận mình là đi tìm lòng mình;
- tìm lòng mình là lên đường đi đến hố thẳm;
- sự đi tìm ấy chính là lòng mình;
- lòng mình chỉ là lòng mình, khi lòng mình im lặng, rộng lượng, không hy vọng;
- lòng mình là giải đất mới;
- giải đất mới là sự giải thoát.

*“giải đất mới chỉ có trong lòng người... bốn phận của mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng”* (Nikos Kazantzakis, Ascèse,

trang 56).

Trong quyển tiểu thuyết *Le Christ Recrucifié*, Nikos Kazantzakis đã dựng lên một nhân vật lạ thường, tên là Manolios, Manolios chính là hình ảnh con người lên đường đi đến hố thẳm; Manolios đi lại con đường của chúa Jésus; Manolios lên đường bước đến hố thẳm một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng. Manolios đã sống một đời thánh thiện trong sạch và đã hy sinh chịu chết để chuộc tội lỗi của con người.

Trước khi hoàn toàn quyết định sống cuộc đời của một kẻ lên đường đi đến hố thẳm, Manolios kể lại câu chuyện ngụ ngôn cho các bạn thân thiết để nói qua về sứ mạng của chàng:

*"Tôi sẽ kể cho bạn nghe một câu chuyện về một thầy tu kia... Giấc mộng lớn của đời thầy là được Thượng đế cho đi hành hương đến quỳ lạy trước thánh mộ của Chúa Jésus. Thầy đi khắp nơi trong những thôn làng để xin của bố thí. Sau nhiều năm dài, lúc đó thầy đã già, thầy thu góp được một số tiền khá lớn vừa đủ để lên đường hành hương. Thầy ăn năn khổ hạnh, xin phép thầy bề trên rồi lên đường hành hương... Vừa bước ra khỏi tu viện, thầy gặp một người nghèo khổ ăn mặc rách rưới, xanh xao, gầy yếu, trong thâm tâm đau đớn vô cùng mà đang cúi xuống đất nhỏ cỏ. Người ấy nghe tiếng gậy của thầy vang lên trên đá, liền ngước đầu lên và hỏi: "Linh mục đi đâu đó? Thầy trả lời: "Tôi đi đến thánh mộ của Chúa. Tôi sẽ đi ba vòng quanh Thánh mộ và quỳ lạy. Người ấy hỏi: "Linh mục có bao nhiêu tiền?" Thầy trả lời: "Một số tiền khá lớn". Người ấy nói: "Linh mục hãy cho tôi số tiền ấy đi; tôi có vợ và một bầy con đang chết đói, linh mục hãy cho tôi số tiền ấy đi; đi ba vòng quanh tôi, rồi quỳ và lạy trước tôi". Thầy lấy tiền ra và đưa hết cho người nghèo ấy, thầy đi ba vòng quanh kẻ ấy, rồi quỳ gối và cúi lạy. Sau đó thầy đi trở về tu viện".*

Manolios im lặng, rồi nói tiếp:

*"Buổi chiều nay, sau nhiều năm trôi qua, tôi mới hiểu rằng người nghèo khổ ấy là ai".*

Mấy người bạn hỏi:

*"Người nghèo khổ ấy là ai?"*

Manolios lưỡng lự. Sau cùng, một cách im lặng, như một trái chín ban đêm rụng trong vườn, Manolios trả lời:

*"Đó là Chúa Ki Tô."*

Một lúc sau, Manolios giải thích:

*"Như vị thầy tu kia, tôi đã xây bao nhiêu là kế hoạch to lớn, đang khi tôi chỉ là một thằng tầm thường: chuồng cừu của tôi vẫn chưa đủ đối với tôi, tôi nóng lòng muốn đáp tàu to lớn, muốn đi đến tận địa cầu để tìm giải thoát cứu rỗi. Tôi cho rằng thánh mộ của Chúa nằm rất xa xôi trùng điệp, ở tận địa cầu, và tôi đã khinh bỉ mảnh đất nhỏ bé này mà Thượng đế đặt ném tôi vào... Nhưng bây giờ tôi đã hiểu: Chúa Ki Tô ở khắp nơi trên trần gian này, ở cận nơi lòng ta. Trong thôn làng giàu sang này, Chúa Ki Tô đang nghèo đói, không nơi trú ẩn. Chúa nghèo và có một bầy con đang đói. Chúa đi ăn mày, gõ cửa từng nhà, gõ cửa từng lòng, và người ta xua đuổi Chúa, người ta đuổi Chúa từ nhà này đến nhà khác, từ lòng này đến lòng khác" (Nikos Kazantzakis, *Le Christ Recrucifié*, trang 274-276).*

Những lời nói trên của Nikos Kazantzakis đã làm sáng tỏ ý nghĩa câu:

*"Giải đất mới chỉ có trong lòng người..."*

Thánh địa không phải ở tận bên Do thái, thánh địa ở đây, nơi lòng ta *"Tuỳ kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh"*

Khi tôi không hiểu Tự Tánh, tôi chạy loanh quanh khắp mọi phương trời để tìm giải thoát, tôi cho rằng giải đất mới (hay thiên đàng) ở xa lắm, tận bên kia chân trời; cũng như vị thầy tu kia đi tìm cứu rỗi tận thánh mộ xa xôi, tôi chạy đi tìm khắp nơi, cầu Đông cầu Tây nhưng thực ra thì *"giải đất mới chỉ có trong lòng người"*, chứ không phải ở nơi nào cả.

Có nên nhắc lại lời của đại sư Huệ Năng, lục tổ Thiền tông: *"Phàm phu bất liễu tự tánh bất thức thân trung tịnh độ, nguyện Đông nguyện Tây; ngộ nhưn tại xứ nhưt"*, kẻ tầm thường chẳng hiểu tự tánh, chẳng biết cõi Tịnh độ là ở trong thân mình, mà cầu Đông cầu Tây, chứ người đã tỏ ngộ thì chỗ nào cũng vậy thôi (*Pháp bảo đàn kinh*, phẩm quyết nghi).

Ta hãy suy tưởng ba câu văn dưới đây:

1. *"thân trung Tịnh độ"* và *"Thiên đường chỉ tại mục tiền"* (Huệ Năng, *Pháp bảo đàn kinh*)
2. *"nước Chúa Trời ở trong lòng các người"* (*Thánh kinh, Tân ước, Lu ca, 17, 21*)
3. *"giải đất mới chỉ có trong lòng người"* (Nikos Kazantzakis, *Ascèse*, trang 56).

Khi biết rằng: *"Chúa Ki Tô ở khắp nơi trong lòng thế gian này, Chúa Ki Tô ở cận ngay nơi lòng ta"* (Nikos Kazantzakis, *Le Christ Recrucifié*, trang 276), thì Manolios đã quyết định làm gì? Sau khi đã biết như thế, Manolios có bốn phận nào?

Nikos Kazantzakis để Manolios trả lời cùng mấy người bạn đồng đường:

*"Này anh em, tôi đã quyết định thay đổi hoàn toàn lối sống của tôi, tôi quyết định cắt đứt quá khứ và đi theo đấng Ki Tô trên dặm đường"* (278).

Đi đâu?

Manolios trả lời:

*"Đi đâu ư? Anh đã quên rằng vị thầy tu kia đã tìm thấy thánh mộ ở đâu sao? Bất cứ người nào tranh đấu và đau khổ trên một mảnh đất nhỏ, tức là người ấy đã tranh đấu và đau khổ trên trái đất này. Tôi sẽ ở lại cùng các anh em mãi mãi! Ở nơi đây, nơi thôn làng này và nơi núi này, trên giải đất chúng ta. Chính nơi đây là nơi tôi phải gieo và gặt; chính nơi đây là nơi trời đã đặt để tôi, là nơi mà trời dạy tôi phải tranh đấu. Mỗi một cục đất ở bất cứ nơi nào cũng đều là thánh mộ"* (trang 278).

Ta hãy quì hồn lòng đất; mỗi mảnh đất đều thiêng liêng.

Trong tập *Ascèse* (tâm thuật), Nikos Kazantzakis viết nơi trang 46: *"Không nổi loạn phù phiếm, và nhận những giới hạn của trí thức con người và trong vòng giới hạn"*

*chặt chẽ ấy, hãy làm việc không ngừng”.*

Làm việc gì?

Làm việc giải thoát.

Làm việc giải thoát là gì?

“*Một cách im lặng*” là không nổi loạn phù phiếm.

“*Không hy vọng*” là nhìn nhận những giới hạn của trí thức con người.

“*Một cách rộng lượng*” là không ngừng làm việc.

Bây giờ ý nghĩa phong phú của câu văn này đã mở ra trọn vẹn.

“*Giải đất mới chỉ có trong lòng người... Bốn phận mi là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng*” (Nikos Kazantzakis, *Ascèse*, trang 56).

Ý nghĩa câu trên được cô đọng lại trong hình ảnh một người bước đi ba vòng quanh một kẻ nghèo khổ rồi cúi lạy quỳ hôn lòng đất.

## **(Tiếp phần II, chương nhứt)**

### **5.**

Người lên đường đi đến hố thẳm mới thực là tha thiết yêu đời. Chính hố thẳm làm cuộc đời trở nên quý giá.

Sống không hy vọng là sống để lên đường đi đến hố thẳm, đó là nhận thức căn bản của con người thực sự. Sự nhận thức Thực tại này không làm cho tôi rơi xuống chủ nghĩa hư vô bi quan, mà lại khiến tôi nhận ra trách nhiệm của mình; chính tôi tự nhận trách nhiệm cho riêng tôi, chứ không ai bắt buộc; trách nhiệm ấy là trách nhiệm của một thuyền trưởng trong một chiếc tàu sắp đắm chìm giữa trùng khơi.

Tàu chắc chắn sắp đắm chìm, không còn hy vọng gì nữa. Biết như vậy và biết mình đang sắp xuống hố thẳm nhưng không than thở, vị thuyền trưởng vẫn giữ niềm kiêu hãnh trên ánh mắt long lanh, nhìn thẳng vào Thực tại, không dối lòng, không chạy trốn, lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng, không hy vọng, một cách rộng lượng, thản nhiên nhận lấy trách nhiệm và hy sinh.

Tâm hồn bi tráng là tâm hồn của người thuyền trưởng trong một chiếc tàu sắp đắm; chính sức sống bi tráng ấy đã khiến những phút giây còn lại của đời người trở nên mãnh liệt, phong phú, thi vị, cao đẹp, lan tràn ý nghĩa, đáng sống nhất, vì thế, người thuyền trưởng hiên ngang trong một chiếc tàu sắp đắm lại là kẻ yêu đời tha thiết nhất. Người ta chỉ yêu đời thực sự và thấy cuộc đời có ý nghĩa là khi người ta sống sát bên cái chết từng giây từng phút. Người ta chỉ hiểu ý nghĩa cuộc đời là khi người ta rờ mó sự chết trong mười ngón tay mình.

Bi tráng không phải là chết, bi tráng là sống với cái chết; bi tráng là sống không hy vọng, một cách im lặng, một cách rộng lượng, nhân từ.

Giây phút tuyệt đối và quan trọng nhất trong đời người vẫn là một tí tắc trước khi chết; cái tí tắc nhanh chóng ấy quyết định cả đời người, cả chức vị làm người; cái tí tắc ấy là lời phán xử cuối cùng; cả một đời người hiện về trong cái tí tắc ấy: cái tí tắc ấy chỉ là một thoáng giây; nhưng đối với người sắp chết, nó lâu dài bằng cả một đời người... Khi con người sắp bước vào thế giới phi thời gian thì thoáng giây biến chuyển từ thời gian đến phi thời gian là một thoáng giây thiên thu nằm trong thời gian ngược chiều.

Con người có hoàn toàn bi tráng hay không, chỉ trong thoáng giây tí tắc ấy mới hoàn toàn quyết định; nếu trong thoáng giây quan trọng ấy, người sắp chết vẫn nhìn trừng trừng vào cái chết với đôi mắt thản nhiên, một cách rộng lượng, im lặng và không hy vọng, mỉm cười, không hối hận, không sợ hãi, không tiếc nuối thì con người ấy mới thực là con người bi tráng; đối với kẻ ấy, trong một thoáng giây thiên thu ấy, sự chết và sự sống không còn khác nhau nữa, mà chỉ là một thôi, mộng và thực đều là một thôi.

Cái tí tắc trước khi chết quyết định trọn cuộc đời người, nhưng trọn cuộc đời người cũng quyết định cái tí tắc trước khi chết. Bởi thế, sống trên đường đời, con người phải luôn luôn sẵn sàng lên đường đi đến hố thẳm; bất cứ một giây phút nào trong đời, tôi cũng phải đều sẵn sàng luôn; sự sẵn sàng từng phút một ấy làm thành ý nghĩa cuộc đời và chính ý nghĩa ấy quyết định cái tí tắc trước khi chết, cũng như cái tí tắc ấy quyết định ý nghĩa ấy; như thế, nói rõ ràng hơn, cuộc đời là một tí tắc trước khi chết và một tí tắc trước khi chết là cuộc đời.

Từ những nhận thức trên, tôi đi đến một nhận thức quan trọng:

Khi nào cái tí tắc tối hậu ấy xảy đến cho tôi?

Câu hỏi này đưa cho tôi đến nhận thức căn bản này: "tôi đang lên đường đi đến hố thẳm" vì tôi không biết cái tí tắc tối hậu ấy xảy đến cho tôi vào lúc nào, cho nên cái tí tắc ấy có thể xảy đến cho tôi vào bất cứ lúc nào, có thể xảy đến cho tôi vào mọi lúc. Do đó, tôi phải luôn sẵn sàng từng giây từng phút trong đời tôi, để khi cái tí tắc ấy hiện đến thì giữa nó và tôi sẽ có sự *gặp gỡ*, sự gặp mặt giữa hai người bạn quen thuộc, sự trùng phùng giữa tôi và mình, sự hôn phối giữa hai thực thể khác nhau, mà "mình với ta tuy hai mà một, ta với mình tuy một mà hai!", lúc bấy giờ, sự sống và sự chết sẽ làm đám cưới nhau trong tình yêu nồng thắm.

Thực ra đó cũng chỉ là sự gặp gỡ lại một lần nữa thôi, vì lúc tôi mới chào đời là lúc sự sống và sự chết đã làm đám cưới nhau rồi; và lúc tôi nhắm mắt lại lìa trần là lúc đám cưới ấy cử hành một lần nữa.

Đám cưới ấy có được cử hành lại hay không là do chính lối sống tôi quyết định, cũng như do chính cái tí tắc trước khi chết quyết định. Nếu tôi yêu sự chết, yêu theo nghĩa tình yêu sáng tạo (một vẫn là hai, hai mà lại một; đồng nhất nhưng không đánh mất tính chất độc đáo của mình); (tình yêu sáng tạo là tình yêu chứa đựng sự chăm sóc, kính trọng, hiểu biết, nhất là trách nhiệm và hy sinh), nếu tôi yêu sự chết trong tình yêu sáng tạo ấy thì sự chết ấy chính là một sự hoàn thành sự sống tôi, một sự thành tựu, đại thành, một lễ gia miện, lễ đăng quang; nói một cách khác, lúc tôi chết là lúc tôi đã sống thực sự và từ sự chết ấy tôi sẽ bước sang sự sống thực sự tuyệt đối hơn và cái chết ấy là mùa đông, nói đến mùa đông là tự nhiên ta đã thấy le lói mùa xuân ở chân trời.



Yêu sự chết trong tình yêu sáng tạo là yêu sự chết mà mình vẫn sống! Sự sống và sự chết yêu thương nhau như dương và âm điều hoà nhau; trong âm có dương, trong dương có âm, trong sự sống có sự chết, trong sự chết có sự sống. Nếu âm thịnh mà dương suy, hay dương thịnh mà âm suy thì tình yêu ấy không phải là tình yêu sáng tạo, đó chỉ là tình dục, tình dâm, bạo dâm (sadisme) và thụ dâm (masochisme); cũng như nếu sự sống thịnh và sự chết suy, hay sự chết thịnh mà sự sống suy, thì sống không ra sống, mà chết không ra chết, lúc bấy giờ con người trở thành ra những xác không hồn trong khi sống, con người sống bơ phờ giữa tù ngục thời gian.

Yêu sự chết trong tình yêu sáng tạo có nghĩa là lên đường đi đến hố thẳm, một cách im lặng, một cách rộng lượng và không hy vọng.

Con người đi đến hố thẳm một cách im lặng, một cách rộng lượng, không hy vọng, đó là vị thuyền trưởng trên chiếc tàu sắp bị đắm; vị thuyền trưởng ấy tự nhận lấy trách nhiệm và hy sinh; không phải trách nhiệm cho một cá nhân nào hay hy sinh cho một cá nhân nào; trách nhiệm là trách nhiệm trước hố thẳm, hy sinh là hy sinh trước hố thẳm; trách nhiệm trước hố thẳm là trách nhiệm đối với mình; hy sinh với hố thẳm là mình hy sinh đối với mình; đối với mình là đối với lòng mình; mà lòng mình tức là lòng người và lòng mình (hay lòng người) chính là hố thẳm. Mà hố thẳm chính là giải đất mới; vũ trụ là giải đất mới, và "*giải đất mới chỉ có trong lòng người...*"

Trong tập *Ascèse*, trang 99, Nikos Kazantzakis viết: "*Sự đồng hoá của chúng ta với vũ trụ tạo ra hai đức tính tối thượng của đạo đức chúng ta, đó là sự trách nhiệm và sự hy sinh*".

Sự đồng hoá hay sự đồng nhất.

Chúng ta và vũ trụ đồng hoá nhau hay đồng nhất nhau.

Hai mà một, một mà hai.

Hai đức tính tối thượng ấy cũng đồng hoá nhau.

Trách nhiệm là hy sinh.

Hai đức tính tối thượng của đạo đức chúng ta.

Đức cũng là đạo.

Đạo và đức cũng chỉ là một.

Vậy một của một là gì?

Là hố thẳm.

Con người lên đường đi đến hố thẳm là hai trở về một.

Khi tôi là một thì không cần trách nhiệm và hy sinh. Nhưng khi tôi là cả vũ trụ, thì tôi phải tự mang lấy sự hy sinh và trách nhiệm.

Đang khi chiếc tàu chắc chắn sắp đắm, mà vị thuyền trưởng không chịu lên đường đi đến hố thẳm thì vị thuyền trưởng ấy không đáng gọi là thuyền trưởng; vị thuyền

trường ấy đã trốn trách nhiệm và sợ hy sinh; trách nhiệm là lên đường đi đến hố thăm, hy sinh là im lặng, rộng lượng, không hy vọng.

Đồng hoá ta với vũ trụ là đồng hoá mình với hố thăm; lên đường đi đến hố thăm là lên đường đi đến mình; mình là hố thăm; lên đường đi đến hố thăm là lên đường đi đến chức vị thực thụ của thuyền trưởng.

Không ai lên đường đi đến chức vị thực thụ của mình mà không tha thiết yêu đời?

Nguyên tha thiết yêu đời là bổn phận của con người; nguyên tha thiết yêu đời là nguyên lên đường đi đến chức vị làm người, chức vị thực thụ của mình; bổn phận con người là lên đường đi đến chức vị của mình (danh từ Hán Việt "bổn phận" có nghĩa là "chức phận của mình"; chữ Hán "phận" có nghĩa là "chức vị của người").

*"Tôi nằm dài sấp xuống mặt đất, phóng chìm vào trong sự im lặng, không suy nghĩ gì hết. Tôi trở thành một với đêm và biển; tôi cảm thấy tâm hồn tôi là một con đom đóm, một ánh đèn nhỏ rực sáng, đậu trên mặt đất ướt và chờ đợi..."* (Nikos Kazantzakis, *Alexis Zorba*, trang 77).

"Phóng chìm vào trong sự im lặng" là lên đường đi đến hố thăm một cách im lặng.

"Không suy nghĩ gì hết" là rộng lượng không hy vọng.

Người mang hy vọng nhiều nhất là người hay suy nghĩ nhiều nhất. Suy nghĩ đồng nghĩa với hy vọng. Không suy nghĩ là không hy vọng; bản chất của ý thức là hy vọng! Hy vọng là hy vọng về một điều gì đó, suy nghĩ là suy nghĩ về một điều gì đó; càng suy nghĩ càng hy vọng. Khi hết còn hy vọng là lúc sự suy tư cũng chấm dứt.

Người rộng lượng là người không suy nghĩ gì hết, rộng lượng một cách tự nhiên, hồn nhiên. Sự rộng lượng mà có suy nghĩ thì đó mới chỉ là suy nghĩ về rộng lượng, chứ chưa phải là rộng lượng.

*"Tôi trở thành một với đêm và biển..."*

Không suy nghĩ gì hết, chữ Hán gọi là "vô niệm". Chính "vô niệm" làm tôi trở thành một với đêm và biển. "Vô niệm" cắt đứt sự khác nhau; "vô niệm" phá tan sự phân biệt.

Tôi và đêm và biển chỉ là một.

Đêm là hố thăm.

Biển là hố thăm.

Tôi là đêm, tôi là biển, tôi là hố thăm.

*"Tôi nằm dài sấp mặt, phóng chìm vào trong sự im lặng, không suy nghĩ gì hết. Tôi trở thành một với đêm và biển..."* (Nikos Kazantzakis, *Alexis Zorba*, trang 77).

Đó là hố thăm.

Đó là ý nghĩa của hố thăm.

Hồ thăm tức là giải đất mới.

*"Tôi cảm thấy tâm hồn tôi là một con đom đóm, một ánh đèn bé nhỏ rực sáng, đậu trên mặt đất ướt và chờ đợi"* (trang 77).

Chờ đợi gì?

Chờ đợi hồ thăm.

Đó là tâm hồn của con người lên đường đi đến hồ thăm. Tâm hồn ấy như một con đom đóm, một ánh đèn bé nhỏ rực sáng, đậu trên đất ướt chờ đợi.

Biết chờ đợi là một điều rất khó.

Con người thời đại này không biết chờ đợi.

Chờ đợi là không hấp tấp, không vội vã.

Phải biết chờ đợi hồ thăm; lên đường đi đến hồ thăm, mà lên đường bước đi không hấp tấp, không vội vã; khi người ta hy vọng, người ta vội vã, hấp tấp; rộng lượng là không hấp tấp.

Con người là một trái cây ở rừng núi; trái cây chín đỏ sẽ rơi xuống hồ thăm. Ta phải biết chờ đợi.

*"Một cách chậm chạp, một cách kiên nhẫn, dưới tác động của mặt trời, mưa, gió, trái trở nên chín muồi, rồi đến một ngày thì rụng. Hãy kiên nhẫn, hỏi anh em. Đừng hỏi han cất vấn ai cả, ngoài ra hỏi mình. Giờ tốt sẽ đến, đến cho anh; lúc bấy giờ, anh sẽ không đặt nghi vấn gì nữa; một cách im lặng, anh sẽ từ bỏ vợ, con, cha mẹ, cơ nghiệp, mà không cảm thấy một chút xót xa, đau lòng "* (Nikos Kazantzakis, *Le Christ Recrucifié*, trang 278).

Bỏ đi đâu?

Lên đường đi đến hồ thăm.

Một cách im lặng.

Từ bỏ vợ, con, cha mẹ, cơ nghiệp, không cảm thấy xót xa đau lòng, mà lại cảm thấy thiết tha yêu đời, cảm thấy tâm hồn lâng lâng như một con đom đóm, một ánh đèn nhỏ rực sáng, đậu trên mặt đất ướt và chờ đợi...

Tôi phải tự hỏi tôi:

"Mi đang làm gì đây?"

Và tự trả lời:

"Tôi đang chờ đợi"

Và tự nhắc:

"Vậy phải chờ đợi cho ra chờ đợi".

Cũng như Alexis Zorba tự nói:

"Mi đang làm gì đây?"

và tự trả lời và tự nhắc mình:

"Ta đang ngủ".

"Vậy ngủ cho ra ngủ, hãy ngủ cho ngon."

"Mi đang làm gì đây?"

"Ta đang làm việc"

"Vậy hãy làm việc cho ra làm việc, hãy làm việc cho hăng."

"Mi đang làm gì đây?"

"Ta đang ôm nàng."

"Vậy hãy ôm nàng cho đắm đuối. Và quên hết mọi sự. Chỉ có hiện tại. Chỉ có nàng. Còn những thứ khác đều lờng gạt, ảo ảnh!" Bắt chước Alexis Zorba, ta cũng tự hỏi, tự trả lời và tự nhắc mình:

"Mi đang làm gì đây?"

"Tôi đang sống."

"Vậy thì hãy sống cho ra sống, sống cho ra hồn."

"Mi đang làm gì đây?"

"Tôi đang khóc."

"Vậy thì hãy khóc cho hết nước mắt đi."

"Mi đang làm gì đây?"

"Tôi sắp chết".

"Vậy hãy chết cho ra chết, nghĩa là hãy chết tươi chứ đừng chết héo!"

Những câu đối thoại trên là ý nghĩa của sự yêu đời tha thiết. Yêu đời như vậy mới ra yêu đời; Chỉ có hiện tại (*ở đây và bây giờ*). Còn những cái khác đều là lờng gạt, ảo ảnh.

Người yêu đời tha thiết là người liễu thân, liễu mình, một kẻ dám làm hết mọi sự, một người không hề biết sợ hãi là gì.

"Dám làm hết mọi sự;" (Nikos Kazantzakis, *Alexis Zorba*, trang 382).

Kẻ liễu lĩnh lao vào tất cả những hang hố ở đời, chính kẻ ấy mới hiểu cuộc đời trong

mọi dạng thái.

Một con người bình tĩnh bình thường không thể nào hưởng thụ tận cùng những hương sắc trần gian. Phải mất quân bình. Phải điên một chút. Phải gàn. Phải mất trí.

*"Phải có một chút máu điên, điên, anh nghe không?"* (Nikos Kazantzakis, *Alexis Zorba*, trang 382).

Hãy ném quăng cái trí óc anh đi!

*"Trí óc là một tên bán thực phẩm, hẳn giữ sổ sách, tôi đã trả bao nhiêu, tôi đã thu bao nhiêu, đó là tiền lời lãi, đó là lỗ lỗ! Trí óc là một con buôn bé nhỏ dè dặt, nó không muốn vận dụng hết mọi sự, nó luôn luôn để dành lại, giữ lại"* (Nikos Kazantzakis, *Alexis Zorba*, trang 382).

Đừng giữ lại gì cả. Hãy buông hết mọi sự! Đừng nắm lại, đừng xiết lại. Tôi hãy ném trọn tâm hồn tôi vào đời. Rồi nó đi đến đâu. Mặc. Không nghĩ. Không lo lắng. Đừng tính toán. Cắt đứt hết mọi sợi dây ràng buộc. Buông xuôi hai tay đi. Thả lỏng đi. Nếu mi không làm thế thì mi còn hưởng được hương vị nào của đời? Nếu không làm như thế thì mi chỉ được hưởng một mùi nhạt nhẽo tầm thường. Phải uống rượu mạnh để rồi ngây ngất hơi men mà nhìn thế gian đảo ngược. Cuộc đời là rượu mạnh. Hãy uống cuộc đời cho nóng bừng cả mặt. Rồi nhảy tung vào hố thẳm!

*"Đừng tính toán nữa... Hãy bỏ những con số ở đó đi, hãy phá hủy cán cân quân bình, hãy đóng cửa hiệu buôn. Tôi nói với anh như thế, anh có nghe rõ chưa?"*

*Chính lúc này, chính bây giờ là lúc anh sẽ giải thoát hoặc đánh mất linh hồn anh"* (*Alexis Zorba*, trang 136).

Khối óc của mi là một hiệu buôn, hãy đóng cửa hiệu buôn lại, bây giờ là lúc quyết định cuộc đời mi nếu mi không từ bỏ những con số, nếu mi không phá đổ cán cân quân bình, nhất định mi sẽ đánh mất chức vị làm người của mi và mi không đáng gọi là con người. Mi sẽ không tự mình đi đến hố thẳm với tâm hồn siêu tuyệt của mình, mà mi sẽ bị xô ngã xuống hố thẳm, một cách thành linh và đầy hãi hùng.

Chỉ có hai con đường, mi hãy chọn lấy một là tự mình lên đường đi đến hố thẳm, im lặng, rộng lượng, không hy vọng, bước đi hùng dũng bi tráng như con sư tử rừng núi; hai là bị kéo lôi quăng ném xuống hố thẳm một cách nhục nhã, bi thảm, thành linh, như một con heo thành thị bị lôi vào lò heo Chánh Hưng.

Chỉ có người tự nguyện lên đường đi đến hố thẳm mới mang ý thức bi tráng; ý thức bi tráng không phải là ý thức bi thảm; ý thức bi tráng là ý thức sáng sủa của một người biết cười trước những gì kinh khủng nhứt của đời mình.

Chỉ có kẻ ấy mới thực sự yêu đời, yêu cuộc đời ngây ngất đến độ bốc lửa, yêu cuộc đời triển miên trong màu sắc vô thường hư ảnh yêu mà không bám vào cái yêu ấy, yêu mà vẫn siêu thoát, vừa yêu vừa im lặng lên đường đi đến hố thẳm, một cách rộng lượng, không hy vọng.

*"Trần gian này có biết bao là lạc thú, nào là đàn bà, trái cây, ý tưởng. Nhưng rẽ sóng băng qua mặt biển đó, vào một trời thu non dịu, thì thắm mỗi cái tên của từng hải đảo, thì tôi cho rằng không còn lạc thú nào hơn nữa, chỉ có niềm vui đó là đưa những trái tim con người vào cõi thiên đàng"* (*Alexis Zorba*, trang 27).

Không phải chỉ có những đàn bà, những trái cây, những ý tưởng. Con người yêu đời tha thiết nhất và trọn vẹn nhất là yêu ngay cả những sự việc tầm thường nhất của trần gian; hẳn là thi sĩ thần bí: dưới đôi mắt hẳn, văn xuôi của trần gian biến thành thơ. Chỉ rẽ sóng băng biển vào một sớm thu non dịu, chỉ khe khẽ thì thầm đọc tên từng hải đảo, chỉ có bấy nhiêu thôi là đủ cho tôi quì lạy cảm tạ trần gian; đó là lạc thú nuôi dưỡng cả một đời người; chỉ có bấy nhiêu là đủ rồi, đủ lắm rồi, không cần đòi hỏi gì thêm nữa. Chỉ cần rẽ sóng băng biển vào một trời thu bàng bạc dịu hiền, chỉ cần kêu lên từng tên hải đảo, thỏ thẻ từng âm thanh, chỉ có bấy nhiêu đủ để tôi an tâm im lặng mà đi vào hố thăm, không tiếc nuôi, mà lại mang cả lòng tạ từ thanh thoát.

Mang tâm trạng ấy, những khung cảnh giới hạn của đời sống hiện tại, như chiến tranh, như những biến cố chính trị, không còn kéo lôi tôi vào cuồng phong hỗn loạn mà trái lại những thức tại bi đát ấy làm những kích thích tố cho sự yêu đời chan chứa của tôi, nghĩa là tôi đã vượt qua giới hạn chật hẹp của trần gian.

*"Trong tâm trí của Alexis Zorba, những biến cố hiện đại chỉ còn là những chuyện cũ rích, trong lòng hẳn, hẳn đã vượt qua những biến cố ấy. Hiển nhiên, trong tư tưởng hẳn, điện tín, tàu thuỷ, tàu hoả, luân lý phổ thông, tổ quốc, tôn giáo, đều trở thành những khẩu súng hoan rí. Tâm hồn hẳn đã vượt nhanh hơn trần gian" (Alexis Zorba, trang 28).*

Văn minh, tổ quốc, luân lý, tôn giáo chỉ cần thiết đối với những con người tầm thường, không biết sống, không biết chết, không biết yêu đời tha thiết.

Đối với những tâm hồn kiêu dũng, đối với những kẻ yêu đời say đắm, đối với những người lên đường bước đến hố thăm một cách im lặng, rộng lượng, không hy vọng thì những thứ ấy (tổ quốc, luân lý, tôn giáo, văn minh) chỉ là những bài hát vọng cổ cũ rích, lặp đi lặp lại nhè nhắng, lê thê, rất nhàm, rất chán và rất hẹp, trước sự sống cường lưu của ý thức bi hùng.

Người có tâm hồn siêu thoát vượt lên trên những thứ ấy, mà lòng luôn luôn miên man tha thiết yêu đời...

## 6.

Nikos Kazantzakis rất ngưỡng mộ yêu mến nhân vật Ulysse của Homère; hình ảnh Ulysse tượng trưng cho tâm hồn tráng sĩ giang hồ, một sức mạnh bất khuất chiến thắng nỗi yếu đuối bẩm sinh của con người, đồng thời chiến thắng cả uy lực vũ bão của thần thánh. Nikos Kazantzakis viết một tập thơ trường thiên, mang tên là *L'Odyssee* xuất bản năm 1938, gồm có ba mươi ngàn ba trăm ba mươi ba câu thơ; Nikos Kazantzakis nối tiếp thi nghiệp của Homère: tập thơ *L'Odyssee* của Nikos Kazantzakis viết tiếp theo truyện *L'Odyssee* của Homère. Trong tập *L'Odyssee* của Nikos Kazantzakis, sau khi trải qua bao nhiêu gian truân chướng ngại trên bước đường giang hồ từ thành Troie, sau cùng, Ulysse trở về được quê hương, sum họp với vợ hiền con ngoan trong tình thương nồng nàn ấm cúng, nhưng được một thời gian sau, máu giang hồ sôi sục lại, người tráng sĩ lang bạt ấy lên đường lưu lạc, từ bỏ người vợ hiền lành, một lần nữa lao vào cuộc phiêu lưu bát ngát trùng dương.

Hồi chưa trở về tới quê hương, Ulysse đã tìm hết mọi cách trở về quê hương. Ulysse nhớ quê hương da diết, trong khi bị nữ thần Calypso lôi cuốn vào mối tình đắm đuối

cuồng nhiệt, Ulysse vẫn đắm chiêu nhớ về tổ ấm quê hương, nơi đó vợ con đang mỗi mòn trông đợi.

Nikos Kazantzakis đã kể lại nỗi lòng hoài hương của Ulysse trong tháng ngày ân ái cùng thần nữ Calypso bằng những dòng thơ man mác sau đây:

*"Không cười, không cảm giác một cách lặng lẽ, tôi nhón bước trên những tảng đá. Thân hình trống rỗng, trong suốt của tôi không còn phủ bóng xuống mặt đất; giữa hai chân tôi những con chim biển bay qua bay lại thản nhiên, không sợ hãi; người ta có thể ngỡ rằng đó là một vị thần vô hình đang bước đi trên bãi biển. Một buổi sáng kia, trên những hòn đá trơ trọi, tôi vấp phải một mảng bề dãi mà biển đã mửa vào bờ lúc ban đêm. Có phải đó là xương của một con cá khổng lồ? Đuôi của một con chim to lớn? cành của một cây biển? Gậy của hung thần ở biển? Sau một hồi định thần, tôi có cảm giác dường như đang cầm trong tay một mái chèo quen thuộc thân yêu. Đang lúc tôi vượt ve mái chèo, đôi mắt mờ đục của tôi vụt sáng lên và tôi thấy lại bàn tay xạm đen giữ mái chèo, tôi thấy lại đuôi tàu sủi bọt và cánh buồm trên cột tàu; những bạn đường thuở xưa của tôi chạy đến từng đám với những cánh tay xạm nắng, và nước biển cũng tràn đến và đập vỗ vào người tôi; đầu óc tôi rung động, thế rồi tôi nhớ đã lên đường phiêu lạc từ nơi nào mà tôi thao thức muốn trở về nơi đó, nơi quê hương. Ồ, bây giờ tôi mới biết rằng mình cũng là một con người hăng say, tìm tôi đang đập mạnh; ừ, tôi có quê hương, một vợ, một con và một chiếc tàu bước nhanh, nhưng hồi ơi, nào ngờ tâm hồn tôi đã đắm chìm trôi dạt nơi tiên nữ Calypso"* (Nikos Kazantzakis, *L'Odyssee*).

Ulysse nhớ quê hương mãnh liệt như thế, nhưng khi trở về quê hương được một thời gian, Ulysse cảm thấy chán nản và Nikos Kazantzakis để cho nhân vật Ulysse của ông lại lên đường cho thoả mãn lòng khao khát trời rộng trùng khơi. Ulysse lên đường cùng Hélène để phiêu lưu giang hồ; trước hết, họ viếng thăm nền văn minh tàn tạ ở Knossos tại đảo Crète, tham dự lễ nghi bò mộng ở nơi đó, huy động quân binh để đánh phá đô thị bại hoại ấy, rồi tiếp tục lên đường phiêu lưu đến những miền xa xôi trùng điệp như Ai Cập và Phi Châu. Ulysse thao thức đi tìm một đức tin cho tâm hồn khắc khoải của mình, một lễ sống để làm đuốc soi vùng đen tối của Hư vô, nhưng rồi Ulysse lần lượt chấp nhận từng thần tượng này đến thần tượng nọ, chấp nhận rồi chối bỏ rồi chấp nhận nữa, để rồi chối bỏ nữa, và sau cùng Ulysse chối bỏ hết mọi thần tượng và nhìn thẳng vào bộ mặt bi đát của trần gian, mà không còn nuôi bất cứ một ảo tưởng nào nữa. Sau hết, Nikos Kazantzakis để cho Ulysse bước lên một chiếc xuồng nhẹ và tự mình quyết định cho xuồng trôi vào cõi chết giữa những mảng tuyết lạnh giá của miền Nam cực.

Nhân vật Ulysse của Nikos Kazantzakis đã nhìn thẳng vào sự chết.

*"Hắn đứng dậy, thực thẳng, trước sự hỗn mang và hắn nhìn sự hỗn mang ấy bằng con mắt trong suốt"* (Nikos Kazantzakis, *Ascèse*, trang 35).

Bi tráng là gì?

Nhìn thẳng sự hỗn mang với đôi mắt trong suốt của mình và thấy sự hỗn mang ấy có một vẻ đẹp huyền bí, nghĩa là sự thực và sắc đẹp không mâu thuẫn nhau, mà lại hoà hợp nhau, chẳng những thế, sự thực là sắc đẹp và sắc đẹp là sự thực; nói một cách khác, chân là mỹ, mỹ là chân.

Bi tráng không phải là bi đát và bi thảm. Bi tráng là chuyển hoá nỗi đau khổ kinh hoàng thành ra niềm cực lạc ngất trời. Bi tráng là nhảy múa ca hát bên hồ thắm. Bi tráng là cuồng say ngây ngất trong sự đau đớn quặn quại. Nietzsche, Nikos



Kazantzakis, Ulysse, Alexis Zorba là hình ảnh trung thực của con người bi tráng. Tóm lại, bi tráng (tragique) là đội vương miện trên nỗi đau đớn khôn cùng của cuộc đời.

*"Khi mọi sự đã đảo lộn, thực là một niềm hoan lạc to lớn biết bao trong việc thử thách tâm hồn chúng ta, để xem nó có đủ nhẫn nại và giá trị hay không? Người ta gọi đó là một kẻ thù vô hình và toàn năng tức là Thượng đế hoặc là quỷ đang xấn vào để đánh quỵ ta, nhưng ta vẫn đứng thẳng. Mỗi lần mà bề ngoài ta hoàn toàn bại trận, nhưng bên trong, ta vẫn chiến thẳng thì con người thực sự cảm thấy kiêu hãnh và sung sướng khôn tả. Tai họa bên ngoài biến thành niềm khoái lạc cứng rắn và tối thượng"* (Nikos Kazantzakis, *La dernière Tentation*).

Dù bên ngoài là nghịch cảnh tai họa khủng khiếp, nhưng bên trong vẫn là niềm kiêu hãnh vô biên và vô tận.

Đó là ý thức bi tráng.

Đau đớn đến rã rời, nhưng vẫn mím môi kiêu hãnh. Kiêu hãnh là sự khinh bỉ hạnh phúc.

Khinh bỉ hạnh phúc là không cần an ủi vuốt ve. Không phải là đàn bà hay con gái, mà cần phải được vuốt ve an ủi.

Không cần Thượng đế vuốt ve hay an ủi. Cũng không cần tình yêu, cũng không cần những sự an ủi dễ dãi của đời sống tầm thường.

Không cần những đức tính nhỏ bé.

Chỉ cần một đức tính duy nhất thôi. Đức Tính viết hoa: VẮN ĐỨNG THẲNG.  
Vấn đứng thẳng là khinh bỉ hạnh phúc.

Khinh bỉ hạnh phúc là lên đường đi đến hố thẳm, im lặng, không hy vọng, rộng lượng.

CHÚNG TÔI ĐANG LÊN ĐƯỜNG ĐI ĐẾN NHỮNG KHÓ KHĂN.

Hãy từ bỏ sự dễ dàng.

Hãy quì xuống cảm ơn đã được CÔ ĐƠN, đã được ĐÓI và đã được RÉT; cảm ơn vì tôi đã được đủ cả, không còn thiếu gì nữa.

Tình yêu, đối với tôi, nhỏ bé quá.

Hỡi em, em quá bé bỏng đối với tôi, em không thể làm người yêu muôn đời của tôi được bởi vì:

"TA MUỐN CƯỚI CẢ TRẦN GIAN"  
"NOUS VOULONS ÉPOUSER LA TERRE"  
(Nikos Kazantzakis, *La dernière Tentation*)

Đối với con người tầm thường, sự đau khổ và sự hạnh phúc chông đối nhau như hai kẻ thù chẳng đội trời chung (và hăn chạy theo hạnh phúc mà trốn đau khổ).

Đối với con người khác thường, đau khổ và hạnh phúc hợp tác nhau.

Đối với con người lạ thường, đau khổ và hạnh phúc chỉ là một thôi.

Đối với con người phi thường, đau khổ và hạnh phúc không có hiện hữu; đó chỉ là ảo tưởng do mình tự tạo ra thôi.

Trong bức thư ngỏ trên một tạp chí xuất bản năm 1939, Nikos Kazantzakis đã viết những dòng này, thu gọn cả tư tưởng của ông:

1. Thiện và Ác chống đối nhau, như những kẻ thù;
2. Thiện và Ác đề huề hợp tác;
3. Thiện và Ác chỉ là một thôi;
4. Cái một này không có.

Tóm tắt lại là Thiện và Ác chỉ là hai ý niệm được bày đặt ra và không có thực ở đời.

Lộ trình của Ý thức Bi tráng là đi từ sự đồng nhất giữa Thiện và Ác và chấm dứt nơi sự khám phá rằng Thiện và Ác không có thực; nghĩa là Ý thức Bi tráng trở về sự im lặng:

*“Chính sự im lặng là cấp bậc tối hậu”* (Nikos Kazantzakis).

Sự im lặng là giải đất mới trong lòng người. Tất cả tư tưởng của Nikos Kazantzakis là đưa con người trở về con người, trở về khám phá giải đất mới trong lòng mình mà mình đã đánh mất giữa sự huyên náo của cuộc đời; và như thế, Ý thức Bi tráng trở thành sự Bi tráng của chính Ý thức, vì sự bi tráng chấm dứt và tự thành nơi sự im lặng của ý thức hay là ý thức lên đường đi trở về sự im lặng: con người được trở về mái nhà xưa.

## **Chương hai** **Ý thức tuyệt vọng-Triết lý bi đát của Clément Rosset trong tác phẩm của Ernest Hemingway.**

*Không... không còn gì để nói*

Hemingway (trang cuối của *A Farewell to Arms*)

### **1.**

Clément Rosset là triết gia Pháp thuộc thế hệ “đợt sóng mới”; lúc cho xuất bản quyển cáo luận về triết lý Bi đát (Philosophie tragique), Clément Rosset mới hai mươi tuổi.

Hemingway đã viết những tác phẩm quan trọng của ông trước khi Clément Rosset ra đời; nhưng toàn thể tác phẩm Hemingway đều chứa đựng ý thức bi đát mãnh liệt hơn cả triết lý bi đát của Clément Rosset. Ý thức bi đát được thể hiện mãnh liệt nhất trong quyển *The sun also rises*, truyện “The snows of Kilimandjaro”, những truyện *In our time* và quyển *For whom the bell tolls*, nhưng đến quyển *The old man and the sea* thì ý thức bi đát hoàn toàn trở thành bi tráng.

Trong chương này, tôi sẽ dùng triết lý bi đát của Clément Rosset để soi rọi vài khía cạnh của quyển *A Farewell to Arms* (Adieu aux armes), quyển tiểu thuyết tượng trưng nhứt và đặc sắc nhứt của Hemingway.

Chương này đã đăng trên tạp chí *Mai* số 47 vào năm 1962.

(Có một vài độc giả viết thư cho tôi, tỏ vẻ thắc mắc về vài ba trang trong quyển tiểu thuyết *Yêu* của ông Chu Tử; ông ấy có cho nhân vật bàn về triết lý bi đát của Clément Rosset và quyển *A Farewell to Arms* của Hemingway; vị độc giả trên tỏ vẻ thắc mắc tại sao trong quyển *Yêu* (khi bàn về triết lý bi đát của Clément Rosset và Hemingway) thì ông Chu Tử đã viết giống hệt như tôi viết trong tạp chí *Mai* vào năm 1962. Xin trả lời vắn tắt: ông Chu Tử đã chép lại bài tôi viết trong *Mai*, và vì lý do nào đó mà ông không ghi xuất xứ. Sở dĩ ông Chu Tử không ghi xuất xứ là vì điều đó có lẽ không cần thiết đối với loại văn tiểu thuyết chẳng?) (xin đọc *Yêu* của ông Chu Tử, trang 197-199, nhà x.b. Đường Sáng, 1963).

## 2.

Xin dịch chữ "tragique" (trong *Philosophie tragique* của Clément Rosset) là "bi đát" vì chữ "đát" có mang ý nghĩa về kinh ngạc, ăn khớp với định nghĩa của Clément Rosset: "*Le surprenant par essence*". Còn chữ "tragique" trong tư tưởng Nietzsche thì phải dịch là "bi tráng". Chữ "bi tráng" này cũng dùng để dịch chữ "tragique" trong tư tưởng bi tráng kịch của cổ Hy Lạp như kịch của Eschyle, Sophocle, vãn vãn. Có người hiểu sai chữ "tragique" (như một bài của ông Trần hương Tử trong tạp chí *Bách Khoa*).

"Tragique" không có nghĩa là "kinh khủng" (terrible) và "thê thảm" (triste), mà "tragique" lại có nghĩa là cái gì chống lại sự kinh khủng và thê thảm; "tragique" là ngậy ngất say sưa chinh phục và vượt lên trên tất cả những điều kinh khủng và thê thảm ở đời. "Tragique" là nghịch nghĩa của chữ "triste" và "terrible". Nếu không hiểu được như thế thì chẳng nắm được căn bản suy tư và chẳng bao giờ bước vào được ngưỡng cửa tư tưởng Nietzsche, Eschyle, Sophocle và nhất là ngưỡng cửa triết lý của Clément Rosset.

## 3.

*Cuối hè năm ấy, chúng tôi sống ở một căn nhà trong một thôn làng, nằm hướng về rặng núi, ngang qua dòng sông và bình nguyên* <sup>[1]</sup>.

Quyển *A Farewell to Arms* của Hemingway mở đầu bằng những giọng chữ lặng lẽ như trên. Cuối hè năm ấy... *In the late summer of that year...* Vàng, cuối hè năm ấy... cuối đông năm ấy. Cuối thu năm ấy. Cuối xuân năm ấy... Tất cả câu chuyện đời đều mở đầu bằng giọng điệu như vậy. Qua lời mở đầu lặng lẽ trên, ta có thể đoán mơ hồ rằng có cái gì khủng khiếp mù mờ đang nằm ẩn sau bầu không khí tĩnh mịch kia: phải chăng một tấn bi kịch chua xót sắp dàn bày trước đôi mắt hồn nhiên của ta.

Rặng núi. Giòng sông và bình nguyên. Khói và bụi vây phủ núi và đồng. Vài ba xác người lững lờ trôi theo dòng nước.

*Đầu mùa đông, một cơn mưa liên miên trở về* <sup>[2]</sup>. *Núi, đồng và sông. Rồi mưa. A*

*Farewell to Arms* mở đầu với một cơn mưa tầm tã. Và cơn mưa tầm tã ấy chấm dứt quyển *A Farewell to Arms*. Suốt quyển tiểu thuyết này, ta nghe mưa rơi liên miên... Đầu mùa đông, một cơn mưa thường xuyên trở về (trang 8). Ngoài kia sương mù biến thành mưa và trong chốc lát, mưa rơi dầm dề và ta nghe mưa rơi thánh thót trên mái nhà (trang 99). Nhưng ngoài kia mưa vẫn rơi (trang 100). Đêm ấy, trời trở lạnh và ngày hôm sau, mưa rơi...mưa rơi tầm tã (trang 112). Sương biến thành mưa... Trời đã mưa và tôi có thể ngửi đường phố ướt át (trang 119). Mưa rơi trong suốt qua làn ánh sáng của nhà ga (trang 129). Chúng tôi chia tay già từ, chúng tôi bắt tay nhau và họ rời đi. Cả hai đều cảm thấy đau buồn. Khi xe lửa lên đường, chúng tôi đều đứng ở hành lang xe lửa. Tôi nhìn ánh sáng của nhà ga và sân ga khi tàu chạy. Trời vẫn còn mưa và chẳng bao lâu cửa sổ ướt hết cả, chúng tôi chẳng thấy được gì nữa (trang 126). Mưa đã rơi trên rặng núi (trang 127). Bão suốt ngày. Gió kéo mưa và mọi nơi đều là vũng nước và bùn (trang 144). Mưa rơi không ngừng (trang 146). Mưa lại bắt đầu rơi (trang 147). Mưa đang rơi ngoài kia (trang 149). Ngoài kia, mưa rơi tầm tã (trang 150). Chúng tôi lê bước qua thành phố hoang trống dưới cơn mưa (trang 151). Mưa vẫn còn rơi (trang 152). Mưa rơi suốt đêm (trang 152). Trời lại phủ mây và một cơn mưa nhẹ bắt đầu rơi (trang 163). Mưa lạnh (trang 178). Trời mưa, tôi đứng dưới mái ga cho đến lúc tàu hoả khởi hành (trang 188). Ngoài khung cửa sổ, mưa đang rơi (trang 192). Đêm ấy, một cơn bão nổi dậy, tôi thức giấc nghe mưa đập vào kính cửa (trang 294). Tôi không thể nhìn mặt hồ, chỉ đen tối và trời mưa nhưng mà gió nhẹ thổi hơn (trang 206). Trời đã sáng hẳn và một cơn mưa bụi rơi (trang 214). Mưa bắt đầu rơi ban đêm... Mưa rơi suốt buổi sáng... Mưa rơi trên những đỉnh núi... Ngoài kia, chúng ta có thể nghe mưa rơi (trang 234-235).

Mưa tiếp tục rơi trên trang 236, trang 249, trang 251, trang 252, trang 253... Và quyển truyện chấm dứt với những dòng này:

*Sau đó, tôi đi ra ngoài và rời bệnh viện, rồi trở về lữ quán dưới cơn mưa* [\[3\]](#).

Mưa rơi ướt hết mấy trăm trang giấy *A Farewell to Arms*. Tay ta cầm dở từng trang giấy cũng thấm nước mưa. Mắt ta cũng thấm nước mưa. Và mưa cũng rơi vào cõi lòng khô hạn của ta.

Những giọt mưa này không phải là những giọt mưa dịu hiền, thi vị, thướt tha và xinh đẹp; những giọt mưa của *A Farewell to Arms* không là những giọt mưa nên thơ của Karel Capek (trong *The Gardener's Year*) của Edna St. Vincent Millay (trong *Renescence*, dòng thơ 119), của Walt Whitman (trong *The voice of the Rain*), của Frances Shaw (trong *Who loves the Rain*), Dora Sigerson (trong *April*, stanza 1), Coates Kinney (trong *Rain on the Root*, stanza 1)... Những giọt mưa trong *A Farewell to Arms* là những giọt mưa ở Pago – Pago trong truyện "Rain" của S. Maugham hay là những giọt mưa của thi hào Edith Sitwell trong "Still tells the Rain" (The Raids, 1940, *Night and Dawn*).

*Mưa vẫn còn rơi*

*Tối như nhân gian, đen như sự ly tán của chúng ta*

*Mù như một nghìn chín trăm bốn mươi cây đinh*

*Đóng vào thập tự giá* [\[4\]](#)

Cơn mưa tầm tã ở Pago - Pago đã rơi xuống xác chết của mục sư Davidson. Cơn mưa

của Edith Sitwell rơi xuống một thế giới điêu tàn khói lửa. Và cơn mưa liên miên trong *A Farewell to Arms* đã rơi xuống lúc Frederic Henry rời người yêu để ra trận tuyến, lúc đoàn quân chiến bại của Ý đang triệt thoái, lúc Frederic Henry bị bắt, lúc Catherine từ giả cõi đời...

Ở đây, mưa là hình ảnh của Ly Tán, của Đổ vỡ, của Phân ly, của Phũ phàng, của Cay đắng, của Bi thống, của sự Chết...

"Tại sao em lại sợ mưa?"

"Em không biết"

"Hãy nói cho anh nghe"

"Thôi đừng anh ạ"

"Kể cho anh nghe đi"

"Không"

"Nói đi em"

"Thôi được. Em sợ mưa vì đôi khi em thấy em chết dưới cơn mưa, anh ạ." <sup>[5]</sup>

Mưa còn là hình ảnh của Thời gian - bước đi khốc liệt của thời gian.

Một lúc sau, cả hai đứa tôi hoàn toàn im lặng và chúng tôi có thể nghe mưa rơi.

Dưới đường, một chiếc xe bóp còi.

"Sau lưng, ta luôn luôn nghe

Xe thời gian đã đến vội vàng" <sup>[6]</sup>

Trong *A Farewell to Arms*, Mưa tượng trưng sự hiện diện của cái gì thảm khốc nhất, mãnh liệt nhất, bi đát nhất, tuyệt đối nhất mà chúng ta không thể định nghĩa được: *thảm khốc, mãnh liệt, bi đát, tuyệt đối* chỉ là những tính từ...

"Nhân vật" chính trong *A Farewell to Arms* là *cơn mưa liên miên* từ trang đầu tới trang cuối (truyện *Rain* của Somerset Maugham cũng thế).

Dưới cơn mưa tầm tã này, *một số nhân vật phụ* thoáng hiện; ta thấy chàng Frederic Henry và nàng Catherine Barkley, Rinaldi, bá tước Greffi và một số người khác. Tất cả những nhân vật này đều đi lê thê dưới cơn mưa giá buốt. Họ tự nhủ với nhau rằng phải tìm một nơi chốn *nào đó* để mà về... <sup>[7]</sup> Họ bơ vơ dưới mưa lạnh. Họ tha thiết muốn tìm về một mái nhà nào đó... Nhưng về đâu?

Tất cả bi kịch thê thảm nhất đời này là *con người không biết mình sẽ đi về đâu*. Mái nhà tranh vách đất và lũy tre xanh ở phương hướng nào? Chiều mưa... đi về đâu? Không thể đứng ngóng mãi ở Giang đầu vì rừng chiều âm u rét mướt.

*A Farewell to Arms* dựng lên một bi kịch tượng trưng cho cuộc đời: dưới cơn mưa phũ phàng, Frederic Henry và Catherine Barkley ôm chàng nhau âu yếm đi tìm một mái

nhà nào đó... Nhưng rồi nàng bỗng nhiên chết dưới mưa, bỏ lại một mình chàng bơ vơ đau đớn trong giá buốt; một bóng bên trời, chàng bơ phờ lê bước và không biết đi về đâu... Và mưa vẫn rơi thản nhiên...

Đại ý của *A Farewell to Arms* là thế... trọn quyển *A Farewell to Arms*, Hemingway dựng lên *hình ảnh của Mưa ...* và dưới cơn mưa ấy, Hemingway dựng thêm hình ảnh của con người: *con người đi dưới mưa*.

Giữa lúc khói lửa tơi bời, chàng và nàng gặp nhau: Frederic Henry và Catherine Barkley gặp nhau tại mặt trận 1917 – 1918 ở Ý đại Lợi. Frederic Henry là một chàng thanh niên Mỹ, làm trung úy trong quân đội Ý; chàng làm việc tại bệnh viện chiến địa. Catherine Barkley là một thiếu nữ người Anh, làm nữ cứu thương. *Mái tóc nàng vàng hoe, da nàng hung đỏ mắt nàng xám và nàng đẹp tuyệt trần* (trang 18). Nàng đã từng yêu tha thiết một chàng trai, hai người sắp cưới nhau nhưng rồi chàng ấy chết tại mặt trận Somme và tự độ ấy, nàng sống cô đơn trong bốn vách tường vôi trắng của bệnh viện. Rồi một hôm, có chàng trai trẻ đến nơi này: chàng này không phải người xưa mà là chàng trai khác, tên là Frederic Henry. Frederic và Catherine gặp nhau. Frederic thấy gái đẹp thì vội tán tỉnh ngay. Chàng chỉ muốn đùa cợt. Còn nàng thì không bao giờ nghĩ thế. Nàng yêu chàng với lòng chân thành của một thiếu nữ cô đơn và đau khổ. *Lúc tôi ôm nàng bỗng nhiên nàng run lên. Tôi ôm chặt nàng vào tôi và nghe tim nàng máy động. Mỗi nàng mở ra và đầu nàng xoay trở lại gục vào vai tôi mà khóc.* (trang 25). *Tôi biết tôi không hề yêu Catherine Barkley và cũng không hề nghĩ đến việc yêu nàng* (trang 28). Thế rồi Frederic bị thương ở chiến trận, được đưa về bệnh viện ở Milan, rồi chàng gặp lại Catherine. Lần gặp gỡ này, bỗng nhiên chàng lại cảm thấy nàng đẹp nhất đời và không hiểu sao, *vừa mới gặp nàng chàng yêu nàng ngay. Mọi sự bắt đầu đảo lộn bên trong lòng chàng* (trang 74). Chàng đã không muốn yêu nàng, nhưng bây giờ chàng đã yêu nàng say đắm, mọi sự đảo lộn trong đầu óc chàng và chàng cảm thấy tuyệt diệu lạ lùng (trang 75). Từ đây, một thiên tình sử thơ mộng bắt đầu... chàng và nàng yêu nhau đắm đuối, chàng và nàng ôm nhau, hôn nhau nồng nàn giữa đường phố, dù là dưới cơn mưa phù phàng, dù là khói lửa chiến tranh hùng hực vây phủ mười phương. Dù sống giữa điều tàn tang tóe, dù sống giữa cơn mưa giá buốt của thời đại, họ cũng thấy cuộc đời tươi đẹp và có ý nghĩa. *Chúng mình vẫn luôn luôn cảm thấy vui sướng khi chúng mình ở chung nhau* (trang 118). Nhưng họ không thể ở chung nhau mãi, vì chàng đã hết bệnh và phải trở ra mặt trận. Trước ngày trở lại trận tuyến, chàng có hỏi rằng nàng định sẽ sanh con ở nơi nào. Nàng khuyên chàng không nên bận tâm. Rồi chàng cũng tạm bỏ qua để mà lên đường. Chiến tranh đã đến giai đoạn quyết liệt và tất cả đều trở nên hỗn độn, đoàn quân Ý ở vùng Udine và Gorizia đang triệt thoái; Frederic Henry có mặt trong đoàn thoái quân. Chàng bị bắt vì tội tháo lui bỏ trốn nhiệm vụ và bị tình nghi gián điệp. Họ vừa sắp đem chàng xử bắn thì chàng tung chạy nhảy xuống sông mà trốn thoát. Từ đây chàng không muốn dính líu gì với chiến tranh nữa. Chàng tìm gặp lại Catherine. Đêm ấy, chàng và nàng trốn bỏ nước Ý mà chèo thuyền qua Thụy Sĩ để không ai có thể tập nã chàng. Họ từ bỏ chiến tranh và đi tìm thanh bình riêng rẽ cho lứa đôi (*Separate Peace*). Từ đây, ở Thụy Sĩ, miền tuyết trắng chập chùng, chàng sẽ cố gắng quên chiến tranh để sống cùng Catherine trong thiên đàng của Ấn ái. Ôi, hạnh phúc triền miên... *Hai đứa tôi sống một cuộc đời tuyệt diệu. Tháng giêng và tháng hai trôi qua nhẹ nhàng và mùa đông đẹp lắm; chúng tôi hạnh phúc vô cùng* (trang 234). Đầu mùa xuân năm ấy, một buổi sáng, Frederic thức dậy vào khoảng ba giờ, chàng nghe Catherine vặn mình trên giường, chàng đưa nàng vào nhà thương vì ngày sanh hạ của nàng đã đến rồi. Mưa rơi là tả... vì sanh hạ quá khó khăn, nàng kiệt lực và tắt thở vào tối hôm ấy. Catherine chết. Đứa nhỏ cũng chết. Chàng không thể hiểu được gì cả. Tần ngần và bơ thờ, chàng lê bước trong đêm tối giá lạnh. Mưa vẫn thản nhiên rơi là tả. Một bóng bên trời...



## 4.

Clément Rosset là một triết gia rất trẻ (hai mươi tuổi) thuộc thế hệ mới ở Pháp. Có người gọi ông là triết gia của đợt sống mới. Ông đưa ra một thái độ mới trước cuộc đời. Ông đặt tên triết lý của ông là *triết lý bi đát* (Philosophie tragique), ông mặc một màu sắc mới, một định nghĩa mới cho chữ *Tragique*. Theo ông, *Tragique* chỉ là một tiếng để gọi một cái gì mà ta không thể giải thích được, *nous pourrions donner comme première définition du Tragique la révélation d'un soudain refus radical de toute idée d'interprétation* (*La Philosophie tragique*, trang 7); *Tragique* là một huyền nhiệm, *nous considérons le tragique comme un mystère que l'on ne peut constater* (*op. cit.* trang 19).

*Tragique là cái bất chợt#, bỡ ngỡ tự bản chất (le surprenant par essence, cf. trang 18-20). Con người bi đát (l'homme tragique) luôn luôn cảm thấy bỡ ngỡ, ngạc nhiên như một đứa trẻ, khi nào họ không bỡ ngỡ, ngơ ngác, ngạc nhiên, họ không còn là con người bi đát nữa. L'homme tragique se découvre soudain sans amour, sans grandeur et sans vie: et voilà la situation dont il ne pourra jamais donner d'interprétation, devant laquelle il aura perpétuellement l'étonnement, la surprise de l'enfant à qui, pour la première fois, on a refusé un jouet. Si sa stupéfaction cesse, il n'est plus tragique* (trang 20).

Con người bỗng nhiên *bỡ ngỡ* không hiểu gì cả. Hai người bạn cùng đang đi chơi chung với nhau, bỗng nhiên một người bị xe đụng chết. Người còn sống *bỡ ngỡ*, kinh ngạc. *L'homme tragique s'étonne au plus haut degré, et ne peut jamais cesser de s'étonner* (trang 21). Hôm qua, đang thấy cô còn ngồi học trong lớp, bỗng nhiên hôm nay, đến lớp dạy thì nghe cô đã tự tử. Tôi ngạc nhiên vô cùng. *Le tragique est sera toujours le surprenant par essence* (trang 18).

Tôi đã từng tin tưởng vào Tự do, Dân chủ, Bình đẳng, Lễ phải v.v...: Bỗng một hôm, tôi thấy những danh từ thiêng liêng này hoàn toàn trống rỗng, vô nghĩa và không hơn gì một đồng phân.

Ta ngạc nhiên vô cùng. Cái buổi ban đầu xa xưa ấy, ta đã dâng trọn vẹn tâm hồn mình cho ai, ta đứng bao nhiêu giờ để được thoáng nhìn ai đi học về; bao nhiêu đêm, ta nhìn trăng không ngủ và nằm trần trố thao thức suốt đêm. Thế rồi một hôm ta lặng lẽ ghen thờ và ngạc nhiên sững sốt vì gió đã ngừng thổi trong lòng. *L'homme tragique se découvre soudain sans amour, sans valeur et sans vie: voilà le bilan tragique, et voilà notre surprise éternelle* (trang 22).

Trước sự bi đát (*Le tragique* hay *le surprenant par essence*), trước sự mặc khải bi đát ấy (*révélation tragique*), ta ăn nói làm sao để đáp trả? Ba ý niệm cụ thể hoá sự phản ứng tất nhiên của con người trước sự mặc khải bi đát (*révélation tragique* hay *surprise éternelle*).

Ba ý niệm ấy là: "không thể hoà giải được" (*l'irréconciliable*) "không trách nhiệm" (*l'irresponsable*) và "cần thiết" (*l'indispensable*). Ý niệm "*ngạc nhiên bỡ ngỡ*" chứa đựng ý niệm "*không thể hoà giải được*", bởi vì nếu ta hoà giải được với sự kinh ngạc thì nó không còn kinh ngạc nữa. Ý niệm "*không thể hoà giải được*" hàm chứa ý niệm "*không trách nhiệm*" bởi vì nếu có một sự trách nhiệm thì chính sự trách nhiệm giải thích điều ngạc nhiên mà điều ngạc nhiên có thể giải thích được thì nó không còn là ngạc nhiên nữa (trang 37) và chính sự ngạc nhiên đó rất *cần thiết* cho ta, nó tạo ra



cho ta một niềm vui *trọn vẹn* và đời trở nên đáng sống. *Je n'ai jamais été si grand, si digne, si confiant en moi même, si heureux de vivre* (trang 63-64).

Từ những nhận định trên, Rosset làm *một sự tẩy uế triết học (purification philosophie)*; ông từ khước tất cả những triết thuyết từ trước đến bây giờ, từ Socrate đến Sartre, Camus; ông chỉ trích ý niệm Hạnh phúc (*Bonheur*), Vô phúc (*Malheur*); ông chỉ trích Luân lý (*Morale*). Ý niệm *Bonheur* khước từ ý niệm *irréconciliable* và *irresponsable*; ý niệm *Malheur* chỉ là biến thể của ý niệm *Bonheur*. *Morale* khước từ *Tragique*.

*Pour nous, tous ceux qui considèrent que l'homme est inconnu au tragique, tous ceux qui ont le sentiment d'inconnu face au tragique, tous ceux – là sont réputés moralistes* (trang 151).

Con người muốn sống cho ra hồn, muốn cho cuộc đời mình có ý nghĩa thì phải nhìn thẳng vào *Tragique*. *Si nous voulons retrouver la joie, il faut commencer par retrouver le tragique* (trang 164).

Trốn bỏ, khước từ, phủ nhận *Tragique* là trốn bỏ ý nghĩa thực sự của cuộc đời.

## 5.

Trong *A Farewell to Arms*, Mưa biểu hiệu "sự có mặt" của Bi đát (*la "présence" tragique*). Mưa không phải là *Bi đát* mà chỉ dùng để biểu hiện sự có mặt của *Bi đát*. Nếu nhìn theo thị quan của Clément Rosset, ta sẽ thấy trong *A Farewell to Arms* tiềm tàng "triết lý bi đát" (*la philosophie tragique*).

Theo Clément Rosset *Tragique* là gì? Không thể giải thích, định nghĩa được. Tự tra hỏi về *tragique* là phủ nhận *tragique*.

*Je ne peux mieux exprimer ma conception qu'en disant que s'interroger sur le tragique, c'est nier le tragique, qui est ce sur quoi on ne peut s'interroger, la seule question qu'il soit impossible à l'homme de poser* (*La Philosophie tragique*, trang 19).

*Tragique* mà được biện minh, *tragique* mà được giải thích thì không còn là *tragique* nữa.

*Tragique justifié, tragique interprété, ne voiton pas que ce n'est plus le tragique?* (trang 19).

*Tragique* là gì? *Qu'est – ce que le tragique?* *Tragique* là cái gì mà chúng ta không thể giải thích được và định nghĩa được. *D'abord donc, se garder d'interpréter* (trang 7).

Bởi ta không thể *định nghĩa Tragique*, bởi *Tragique* không thể nào định nghĩa được, nên ta có thể gọi *Tragique* là sự khải thị về một sự từ khước triệt để và đột nhiên trước tất cả ý niệm giải thích (*la révélation d'un soudain refus radical de toute idée d'interprétation*).

Ta nhớ đến Frederic Henry. Trong gian phòng lạnh lẽo, ngồi chờ đợi bàng hoàng, Frederic Henry đã nghĩ gì?

*Ta chết. Ta chẳng hiểu được gì cả. Ta chẳng có giờ để biết, để học. Họ ném ta vào đó*

và bảo cho ta biết kỷ luật, luật lệ và vừa thoát sơ suất, họ đã giết ta. Hay là họ giết ta không lý do như Aymo hay là làm cho ta bị bệnh giang mai như Rinaldi. Dù sao, sau cùng, họ cũng giết ta. Không thể ngờ gì nữa. Hãy chờ và sẽ đến lượt ta <sup>[8]</sup>.

Ta chẳng hiểu gì cả. *You did not know what it was about.* On ne comprend rien. Đó là *tragique*. Ta không thể giải thích và định nghĩa *Tragique*, nhưng ta có thể diễn tả (faire une description) bằng cách phân tích tâm lý như sau: không có *situations tragique* mà chỉ có *mécanisme tragique*, nghĩa là ý niệm *tragique* nằm gọn trong tương quan giữa hai *thế* (dans un rapport entre deux situations), nghĩa là ý niệm *tragique* là sự diễn bày về sau của sự lướt qua từ một trạng thái này đến một trạng thái khác (la représentation ultérieure du passage d'un état à un autre). Xin dờ lại trang đầu của chương nhút trong quyển *Philosophie tragique* của Clément Rosset (Presses universitaires, 1960): *il faut bien préciser que le tragique n'apparait que lorsque nous nous représentons – après coup – le mécanisme tragique, et non pas lorsque nous le vivons* (trang 7-8).

Chẳng hạn như lúc Frederic Henry bị bắt và nhìn thấy những sĩ quan đào ngũ bị xử tử hình. *Chúng tôi đứng dưới mưa và bị đem ra cật vấn từng người một, rồi bị bắn* (trang 175).

Trong trường hợp trên, Frederic Henry là một người lãnh hội được cái "*bi đát*" của sự chết (*le tragique de la mort*), không phải bởi vì chàng đã thấy xác chết, mà bởi vì chàng đã thấy những người mà chỉ trong một thoáng giây họ đã *sống*, rồi thì *chết*, bởi vì sự *bi đát* (*le tragique*) đã dàn bày trước mắt chàng như là *mécanisme* chứ không phải là *situation* – Bi đát không phải là những xác chết của những người sĩ quan đào ngũ, *bi đát* là đồng thịt đầy máu kia cũng *chính là đồng thịt* của những người sĩ quan bị xử tử khi còn sống; nghĩa là ý niệm của sự lướt qua từ trạng thái sống cho đến trạng thái chết mà sau đó chàng đã gợi tưởng lại rằng họ đã chết: "sự diễn bày về sau của sự lướt qua từ một trạng thái này đến trạng thái khác" (*la représentation ultérieure du passage d'un état à un autre*). Đó là *mécanisme tragique*.

Frederic Henry đã nhìn thấy cái bi đát của sự chết một cách thuần túy và trọn vẹn nhất, bởi vì chàng không quen biết những người sĩ quan đào ngũ này, bởi vì chàng chỉ biết họ trong lúc họ chết. Ta thấy rằng cái *mécanisme tragique* trên chỉ làm ta rùng mình bởi vì ta hình dung nó như một thực thể đông lại (une entité figée) ở ngoài thời gian. *Nous découvrons que la vision du mécanisme tragique ne nous fait horreur que parce que nous nous le représentons comme une entité figée, en dehors du temps* (trang 11).

Từ những phân tích trên, ta có thể kết luận rằng *Bi đát* là một cái gì không thể giải thích được. *Bi đát* là "*cái bất chợt tự bản chất*" (*le surprenant par essence*). Đứng trước *le surprenant par essence*, tất cả những giá trị đều bị phá hủy. Sau khi khám phá ra *bi đát*, tất cả những giá trị đều bị xét lại. *Après la découverte du tragique, toutes les valeurs sont à reconsidérer* (trang 20). Cuối quyển *A Farewell to Arms*, ta thấy Frederic Henry đi dưới mưa lạnh: chàng cảm nghĩ những gì? Không, tình người *không còn*, sự vĩ đại của con người *không còn*, cuộc đời *không còn*. Tất cả đều *không còn nữa*. *Non, l'amour humain n'est pas, la grandeur humaine n'est pas, la vie – entendons la vie telle que nous ne pouvons manquer de l'imaginer lorsque nous sommes joyeux, la vie toujours existante et toujours jeune – la vie n'est pas* (*La Philosophie tragique*, trang 20).

Frederic Henry kinh ngạc vô cùng. Chàng mở đôi mắt bở ngỡ, bở ngỡ... Aymo chết.

Rinaldi bị bệnh giang mai. Catherine chết. Rồi mình sẽ chết. Chàng kinh ngạc vô cùng. Chàng không biết gì cả. *You did not know what it was about.*

Chàng không kịp biết. *You never had time to learn (A Farewell to Arms, trang 252).*

*On*

*n'apprend pas le tragique (Philosophie tragique, trang 21-22) có ai học được chữ ngờ? You never had time to learn. On n'apprend pas le tragique...*

## 6.

Con người bi đát (*L'homme tragique*) bỗng nhiên cảm thấy sững sờ kinh ngạc. Trước cuộc đời, từ đây Frederic Henry mở đôi mắt bỡ ngỡ, ngỡ ngàng, sững sốt, kinh ngạc... *Surprise éternelle* (Clément Rosset, trang 22). Chàng ăn nói làm sao đây trong niềm kinh ngạc vô biên kia? Phản ứng của chàng? Từ đây, lòng chàng đã xao xuyến, chàng biết chắc không bao giờ quên được bao nhiêu hình ảnh chua xót kia. Từ đây, trước cuộc đời miên man kia, lòng chàng không còn được gió thổi vi vu như dạo nào. Chàng *không thể giải hoà* với cuộc đời này nữa. *Irréconciliable...* Ý niệm *Irréconciliable* là đặc tính siêu hình đầu tiên của Bi đát. Thế nào là *Irréconciliable*?

Ba giai đoạn dẫn đến ý niệm *Irréconciliable*. Đầu tiên, ta thấy tính chất "không vượt nổi" (*insurmontable*), nghĩa là đứng trước nghịch cảnh, lần đầu tiên, ta tự cảm thấy không thể nào giải quyết được, không thể nào thắng được nghịch cảnh sừng sừng ấy, lần đầu tiên, ta phải dừng chân lại, không thể nào bước đi nữa, lần đầu tiên, ta phải nhìn lại, xét lại quãng đường. Mộng tưởng mệnh mang của tuổi trẻ, hoài vọng hiên ngang của hoa niên đã dừng sững lại trước thực tại bi đát kia. *Nous nous révélons pour la première fois absolument incapables de trouver une solution, de vaincre l'obstacle qui s'est dressé devant nous. Pour la première fois, nous sommes arrêtés, nous ne pouvons parvenir à continuer dans la voie sur laquelle nous étions engagés, pour la première fois nous sommes amenés à reconsidérer notre route. Tel est le premier degré du tragique, et l'on voit, je pense, toute sa gravité: il s'agit de la remise en question de toute une croyance, la croyance à la victoire, l'espoir que toujours, dans la voie royale de la jeunesse que nous nous étions tracée, nous surmonterions les traitres obstacles qu'on placerait sur notre chemin; la découverte première de l'échec: ici, on ne passe pas* (Clément Rosset, *La Philosophie tragique*, trang 25).

Từ tính chất "không thể vượt nổi" (*insurmontable*), ta đi đến tính chất "không chữa được" (*irréremédiable*). Ta đã sa bẫy, chẳng những ta không thể vượt nổi nghịch cảnh, ta lại còn thấy không còn đường lối nào để đi nữa. Ta bó tay bó gối vì không thể động đậy gì được cả. Ta đã bị hãm vào đường cụt một chiều duy nhất. Lúc trước, đứng trước nghịch cảnh không thể vượt nổi, ta tưởng là rồi đây sẽ còn có lối khác, nào ngờ bây giờ hết phương rồi, *parce qu'il n'existe pas de remède à ce que nous prenions tout d'abord pour une insuffisance passagère* (trang 25-26).

Giai đoạn thứ ba và cuối cùng là sự khám phá ra ý niệm "*irréconciliable*" (không thể hoà được). Sau lần thất bại, ta đã biết rằng *không thể vượt nổi (insurmontable)*, và *không thể chữa nổi (irréremédiable)* nhưng bây giờ ta lại rõ thêm rằng sự thất bại "không thể vượt nổi" và "không thể chữa nổi" kia lại cũng là sự thất bại phổ quát và toàn bộ (*cet échec insurmontable et irréremédiable signifie pour nous l'échec universel et total*), Một lần bại, một lần lỡ bước sa chân, thì về sau, dù thế nào đi nữa, ta cũng không thể mỉm cười trợn vện như xưa. Trót vì tay đã nhuộm chàm... *Cet échec-là nous a marqués d'une façon indélébile: telle la clef de Barbe-Bleue, il résistera à*

*toutes les tentatives auxquelles nous le soumettrons pour tenter d'effacer enfin la trace de mort qu'il a imprimée dans notre âme (Philosophie tragique, trang 26-27).*

Bây giờ xin trở lại *A Farewell to Arms*, ta thấy Frederic Henry đã đi qua ba chặng liên tiếp: "không thể vượt" (*l'insurmontable*), "không thể chữa" (*l'irréremédiable*) và "không thể hoà" (*l'irréconciliable*).

Đứng trước cái chết của Aymo, của những người sĩ quan đào ngũ, cũng như của bao nhiêu người lính khác, tóm lại là đứng trước chiến tranh tàn khốc, Frederic Henry cảm thấy *tần ngần, ngơ ngác* trước bao nhiêu tang tóc bất ngờ, chàng nhìn thấy người chết; chàng sững người ra vì chàng biết rằng kẻ ấy mới sống đây mà bây giờ bỗng nhiên phải *chết*, không còn *sống* nữa; đứng trước cảnh chết ấy, chàng đã cảm thấy đó là một cái gì mà "không thể vượt được" (*insurmontable*). Chàng chưa hiểu *cái chết (la mort)* là gì; nhưng bỗng nhiên chàng đứng trước *một* người chết (**un mort**). Cái chết, đối với chàng, chỉ mới là thảm hoạ đối với cá nhân, chứ chưa là thảm hoạ chung. *Nous nous représentons la mort comme une catastrophe pour l'individu, non encore comme la catastrophe (Philosophie tragique, trang 27).*

Đứng trước *một* nghịch cảnh, mặc dù không thể nào vượt được, nhưng chàng chưa thấy đó là một sự thất bại đối với riêng chàng. *Nous découvrons un obstacle, insurmontable certes, mais non encore un échec* (op. cit. trang 27).

Nhìn thấy những người sĩ quan kia bị xử bắn, chàng chỉ mới sững người và thấy cái chết là điều "không thể vượt được", nhưng đến lúc họ sắp đem xử bắn chàng, chàng mới vùng vẫy bỏ chạy và nhảy xuống sông mà trốn thoát. Chàng trốn thoát được và trở về với Catherine Barkley. Từ đây, chàng và Catherine Barkley từ bỏ chiến tranh, trốn chiến tranh. Đối với chàng nàng, mặc dù chiến tranh là một mối chướng ngại không thể nào vượt qua được, nhưng cũng chưa hẳn là không phương cứu chữa, *un obstacle, insurmontable certes, mais non encore un échec*, cf. trang 27). Bởi vì từ nay chàng và nàng sẽ trốn sang Thụy Sĩ, quê hương của rừng núi chập chùng; chàng và nàng sẽ gây dựng *Thanh bình riêng biệt* (*Separate Peace*) của hai đứa đầu xanh ở riêng một cõi trời phiêu bạt.

Chàng và nàng cảm thấy hạnh phúc muôn vàn. Đã xa rồi bao nhiêu thảm khốc của chiến tranh, đã xa rồi bao nhiêu bi thương của thời đại. Lúc nhảy xuống sông để trốn thoát, Frederic Henry đã được giòng sông lạnh kia gột rửa bao oán hờn và lúc đi trốn thoát trên xe lửa, chàng đã nghĩ rằng giờ đây chàng hết trách nhiệm. *Tôi đã tự do. Tôi xin chúc họ được tất cả may mắn. Họ xứng đáng lắm, họ là những kẻ tốt, những kẻ anh hùng, những kẻ bình tĩnh và những kẻ tế nhị thông minh <sup>[9]</sup>. Tôi không phải sinh ra để nghĩ ngợi, để suy nghĩ. Tôi sanh ra để ăn. Trời, vâng. Ăn, uống và ngủ với Catherine. Có lẽ đêm nay. Không, không thể đâu. Nhưng tối mai... và một bữa cơm ngon và những tấm trải giường... và không bao giờ phải lên đường nữa... chỉ trừ hai đứa chung nhau <sup>[10]</sup>.*

Dù ở trong trường hợp nào, Frederic Henry cũng cố gắng quên chiến tranh. *Chiến tranh đã xa rồi. Có lẽ không có chiến tranh. Không có chiến tranh ở đây. Tôi biết rằng chiến tranh đã xong rồi đối với tôi. Nhưng tôi không có cảm giác rằng nó đã hoàn toàn xong. Tôi có cảm giác của một đứa con trai trốn học đang nghĩ đến những gì đang xảy ra vào một giờ nào đó ở trường <sup>[11]</sup>.*

*Anh không muốn nghĩ đến chiến tranh nữa. Nó đã xong rồi đối với anh* (trang 223).

Dù chàng hết sức cố gắng quên chiến tranh, dù chàng có quên đi nữa, trận mưa phũ

phàng kia vẫn liên miên theo đuổi hình bóng chàng.

*Hai đứa tôi đã sống một đời tuyệt diệu. Chúng tôi sống bên nhau trọn tháng giêng và tháng hai. Mùa đông tuyệt vời quá và chúng tôi hạnh phúc vô cùng... Một đêm trời bỗng bắt đầu mưa. Trời mưa suốt buổi sáng và làm tuyết thành bùn và triền núi trở nên thê lương buồn thảm. Mây bay lênh đênh trên hồ và trên thung lũng. Mưa rơi bên đỉnh núi. Hai đứa tôi có thể nghe mưa rơi ngoài kia... [12]*

Hai đứa tôi sống một cuộc đời tuyệt diệu... Một đêm, trời bỗng bắt đầu mưa... Thế rồi bỗng mưa... Nàng đau. Chàng đưa nàng đi nhà thương để sanh hạ đứa con đầu lòng. Thế rồi nàng chết vì sanh đẻ quá khó khăn. Thế rồi nàng chết. Trời mưa. Nàng chết. Chàng bỡ ngỡ ngơ ngác không hiểu gì cả. Nàng chết. Chàng đứng lặng người. Nàng chết. *Chàng nói giã từ với một bức tượng. Rồi chàng bước trở về lữ quán dưới cơn mưa [13]*.

Một hôm nào thoát chết, trên đường đi đến Stresa để tìm gặp em Catherine Barkley, chàng đã nghĩ rằng chàng sẽ quên chiến tranh. Chàng đã làm Thanh bình riêng biệt. *I had made a separate peace* (trang 88). Chàng đã gặp nàng, chàng và nàng cùng nhau chạy trốn sang Thụy Sĩ để tận hưởng *Thanh bình riêng biệt*. Hai đứa yêu nhau say đắm. Từ đây, khói lửa có mù trời, chiến tranh có mù đất, cũng không hề gì bởi vì hai đứa mình đã yêu nhau, bởi vì anh cùng em đã làm *Thanh bình riêng biệt* (Separate Peace). Thế rồi nàng chết. Chàng đã làm. Hết thanh bình riêng biệt. Hết phương cứu chữa. (Irrémédiable). Trốn chướng ngại này để rồi gặp chướng ngại khác. Trốn chiến tranh, nhưng rồi lại gặp sự ly tán của mỗi tình kia. Nàng chết. Thế là hết. Cuộc đời là thế.

Đời chàng từ đây trở đi không còn được trọn vẹn như xưa. Nụ cười chàng sẽ mang chua xót, đôi mắt chàng từ đây sẽ vĩnh viễn đọng lại buồn đau vô hạn... Trước cuộc đời, từ nay, không thể nào làm hoà lại được (*irréconciliable*). *Maintenant nous n'en sommes plus à nous demander si l'obstacle que nous avons rencontré est irrémédiable et définitif, mais nous nous apercevons qu'il signifie la perte dans tous les domaines de la vie humaine: que toutes les tentatives que feront les diverses joies pour nous réconcilier à la joie sont condamnées d'avance à l'échec* (*Philosophie tragique*, trang 28-29). Quyển *A Farewell to Arms* chấm dứt lúc Catherine Barkley chết và chàng bơ phờ trở về lữ quán dưới cơn mưa.

Thử nhìn theo thị quan của Clément Rosset, ta sẽ thấy những nhân vật trong tác phẩm chính của Hemingway mang những thái độ trước Bi đát như sau: không thể hoà (*irréconciliable*) trong *A Farewell to Arms*; không trách nhiệm (*irresponsable*) trong *The Sun Also Rises*; cần thiết (*indispensable*) trong *The Old Man and the Sea*.

*Tôi đã mượn vài khía cạnh của Triết lý Bi đát Clément Rosset để phân tích tác phẩm A Farewell to Arms. Đây chỉ là một cách trong muôn ngàn cách để nhìn một tác phẩm... A Farewell to Arms là một văn phẩm vĩ đại. Muốn nhìn trọn tầm vóc của A Farewell to Arms, tôi phải nhìn bằng muôn ngàn cách hợp lại, chứ không chỉ có một cách như trên. Có tham vọng thu gọn tầm vóc của A Farewell to Arms trong một cách nhìn như tôi đã làm ở trên thì thực là điều vô lý. Dem một hệ thống triết lý để nhìn vào một văn phẩm vĩ đại là nốt tù văn phẩm ấy và là một công việc hoàn toàn vô giá trị.*



[1] In the late summer of that year we lived in a house in a village that looked across the river and the plain to the mountains (E. Hemingway, *A Farewell to Arms*, chương 1, trang 7).

[2] At the start of the winter came the permanent rain (*A Farewell to Arms*, chương 1 trang 8).

[3] After a while I went out and left the hospital and walked back to the hotel in the rain (*A Farewell to Arms*, chương 41, trang 256, *Penguin Books*, 1935).

[4] Edith Sitwell: Still falls the Rain.

*Dark as the World of man, black as our loss.*

*Blind as the nineteen hundred and forty nails.*

Upon the cross

[5] "Why are you afraid of it?"

"I don't know"

"Tell me"

"Don't make me".

"Tell me",

"No".

"Tell me".

"All right. I'm afraid of the rain because sometimes I see me dead in it".

(*A Farewell to Arms*, trang 100)

[6] After a while we were very still and we could hear the rain. Down below on the street a motor car honked.

"And always at my back I hear.

Time's winged chariot hurrying near."

(*A Farewell to Arms*, chương 23, trang 122)

[7] Everybody ought to have some place to go (trang 116)

Let's go some place (trang 118).

[8] You died. You did not know what it was about. You never had time to learn. They threw you in and told you the rules and the first time they caught you off base they killed you. Or they killed gratuitously like Aymo. Or gave you the syphilis like Rinaldi. But they killed you in the end. You could count on that, stay around and they would kill you. (*A Farewell to Arms*, trang 252)

[9] **Anger was washed away in the river along with any obligation (...). I was through.**

I wished them all the luck. They were the good ones, and the brave ones and the calm ones and the sensible ones and they deserved it (*A Farewell to Arms*, trang 181)

[10] I was not made to think. I was made to eat. My God, yes. Eat and drink and sleep with Catherine tonight maybe. No that was impossible, But tomorrow night and a good meal and sheets and never going away again except together. (*A Farewell to Arms*, trang 181 - 182)

[11] **The war was a long way. Maybe there wasn't any war. There was no war here,**

Then I realized it was over for me. But I did not have the feeling that it was really over. I had the feeling of a boy who thinks of what is happening at a certain hour at the school house from which he has played truant (trang 189 - 190).

[12] We had a fine life. We lived through the months of January and February and the Winter was very fine and we were happy (...) **In the night it started raining. It rains**

on all morning and turned the snows to slush and made the mountain side dismal.

There were clouds over the lake and over the valley. It was raining high up the **mountain (...) outside we could hear the rain.** (*A Farewell to Arms*, trang 234-235)

[13] It was like saying goodbye to a statue. After a while I went out and left the hospital and walked back to the hotel in the rain (trang 256).

## Chương ba Ý thức cô lập – Nỗi buồn quai của Kafka

*Di chúc của tôi rất giản dị, tôi van xin anh đốt hết tất cả mọi sự.*  
(Kafka, "Thư gửi bạn")

### 1.

Một thi sĩ đọc tác phẩm của Kafka sẽ hiểu gấp ngàn lần hơn một triết gia, học giả hay nhà phê bình.

Tại sao Kafka khó hiểu?

Bởi vì chúng ta cố gắng tìm hiểu Kafka.

"Gõ cửa đi, cửa sẽ mở."

Xin đừng gõ cửa, vì cửa không bao giờ mở. Chúng ta đã đi lầm nhà, vì nhà của Kafka không có cửa.

Đi đến Kafka, xin đừng chuẩn bị. Hầu hết những nhà phê bình Âu Mỹ đã viết cả một thư viện vô ích khi họ cố gắng giải thích Kafka. Giải thích Kafka sẽ thất bại như giải thích Hư vô. Trong những nhà phê bình Âu Mỹ, chỉ có Alfred Kazin và Paul – Louis Landsberg là hiểu rõ thái độ của người đọc trước tác phẩm Kafka. Những nhà phê bình khác đã cố gắng trình bày Kafka như là một bài toán khó hiểu, rồi họ cố gắng tìm đáp số. Họ không thể nào tìm đáp số được; vì tác phẩm của Kafka không phải là một bài toán.

Tại sao Kafka viết văn? Kafka không viết. Nỗi cô đơn của Kafka đã viết. Ta không thể nào hiểu được nỗi cô đơn của Kafka, vì mỗi người có một nỗi cô đơn riêng; mỗi người cảm riêng nỗi cô đơn của mình. Không có siêu hình học Kafka; chỉ có nỗi cô đơn Kafka. Không có **vấn đề Kafka** mà chỉ có **kinh nghiệm Kafka**; không có "problème" mà chỉ có "expérience" hoặc "sensibilité" hoặc "mystère" (theo nghĩa triết lý của Gabriel Marcel).

### 2.

Tác phẩm Kafka là kinh nghiệm đau thương của những đêm ngày thao thức bên hồ thẳm Hư vô, Hư vô kinh khiếp đã biến đổi Kafka thành một kẻ xa lạ, một người bị lưu đày, một kẻ mất gốc, một người phạm tội và một con vật.

#### KẺ XA LẠ

Kẻ xa lạ là một người cô đơn tuyệt đối, sống giữa những người thân thuộc như sống giữa những sỏi đá, nhìn mười phương trời chỉ toàn là cỏ khô cháy nắng, đi giữa đời như đi vào một nghĩa địa hoang vu:

*Tôi là một người lìm lỉ, ít nói, trốn vào bản ngã, không thích giao thiệp với đời và bất mãn... Tôi sống trong gia đình, giữa những người thân yêu nhất, thế mà tôi vẫn cảm thấy còn xa lạ hơn là một kẻ xa lạ. Đối với mẹ tôi, trong những năm gần đây, tôi không nói trên hai mươi tiếng mỗi ngày; với cha tôi, tôi chỉ chào hỏi đôi lời thôi. Đối với mấy đứa em tôi, tôi không hề nói chuyện với chúng. Lý do rất giản dị: tôi chẳng*



*có gì để nói* (Kafka).

*Cha mẹ tôi chơi đánh bài: tôi cảm thấy cô đơn ở bên song thân và cảm thấy xa lạ tuyệt đối... Cha tôi bảo hãy vào bàn mà chơi cho vui... tôi từ chối.*

(*Nhật ký Kafka*, ngày 15 tháng 8)

Vạn vật trơ trơ, thế giới dày đặc, hòn đá lạnh lẽo xa lạ, cảnh sắc muôn màu phủ nhận tôi, bầu trời xanh lơ, đồi kia và cây lá kia xa xôi quá, xa xôi như một thiên đàng đã mất. Kẻ xa lạ là một người bị lưu đày khỏi thiên đàng mến yêu.

## KẺ BỊ LƯU ĐÀY

Kẻ lưu đày là một người cô đơn tuyệt đối. Xác ở đây mà hồn ở phương nào. Ở bên kia đám mây hay ở bên kia chân trời, đôi mắt mình vẫn mãi mò mẫm tìm quê hương. Lưu đày bao giờ chấm dứt để mình trở về vương quốc?

Ôi lưu đày và vương quốc! *L'Exil et le Royaume...* Nhìn về sa mạc mông lung, mình buồn đau hiu quạnh. Cát phẳng lì và không gian hiu quạnh hứa hẹn những gì? Hai dòng nước mắt chảy vào đêm lạnh thiên thu. Lưu đày là lưu đày tâm hồn.

*Vô cảm giác. Tôi bị xa lìa mọi vật bằng một khoảng cách mênh mông vô tận.*

*Tất cả chỉ là tưởng tượng, gia đình, bàn giấy, bạn bè, con đường, tất cả chỉ là tưởng tượng và xa hơn hay gần hơn, người đàn bà. Nhưng sự thực gần gũi nhất là tôi áp đầu tôi vào bức tường của phòng giam nhỏ bé không có cửa sổ mà cũng không có cửa ra vào* (Kafka).

Kafka đau đớn và lạnh run. Trong đêm tối vĩnh viễn, Kafka bị ném vào giữa những bức tường phi lý. Kafka ngơ ngác khóc thầm. Ngày xưa khi còn bé thơ... Người cha hung dữ đã hành hạ Kafka; thuở thơ ấu, Kafka đã muốn chết. Tuổi xanh non dại như thế, hư vô đã nở nào đuổi theo? Một lần khóc đêm, cậu Kafka bị cha đem ra bỏ ngoài balcon, đứng trước cánh cửa đóng kín, lòng cậu bé ngậy thơ đau đớn tủi hận. Suốt mấy đường đời, nẻo nào, phố nào, Kafka vẫn không bao giờ quên được cảnh tượng đau buồn trên. Nét mặt hăm hăm thịnh nộ của người cha vẫn đè nặng hơi thở của Kafka suốt đời. Kafka vẫn nhớ mình đã bị quăng ném ra ngoài và đứng cô đơn trước cánh cửa lạnh lùng kia. Cảm giác đau đớn vẫn theo đuổi Kafka đến chết. Kafka không thể nào quên được. Kafka luôn cảm thấy bơ vơ lạc loài và nghĩ rằng mình là kẻ bị lưu đày khổ nỗi khổ tuyệt vọng.

Người Do Thái lang thang ấy không bao giờ được trở về đất hứa:

*Chanaan là giải đất hy vọng duy nhất, không có giải đất thứ ba cho con người* (*Nhật ký Kafka* ngày 28 tháng giêng năm 1922).

Bốn mươi năm trời lăm lụi, Kafka không biết bám vào đâu để tìm ra ánh lửa hy vọng giữa nẻo đời. Bám vào đâu? Sông đã chảy xa nguồn; chim trời đã bay xa tổ ấm; con tàu đã vượt trùng dương heo hút, bỏ lại đằng sau một bến hoang sơ mõi mòn; cây đã ngã và gốc rễ chẳng chịt đã xa lìa lòng đất tương tư...

## KẺ MẤT GỐC

Kẻ mất gốc là một người cô đơn tuyệt đối; những chiều mưa u ám, mình bâng quơ đứng nhìn dòng sông xa xôi và bỗng nhiên hoang hốt, ý thức rằng mình đã bị dòng đời cuốn trôi phũ phàng xa khỏi nguồn đến ngàn vạn dặm.

Kafka là người Do thái, sinh trưởng ở Tiệp khắc. Không có mẫu ngữ, không có quê hương, nói viết bằng ngôn ngữ Đức, sống giữa người Tiệp dưới thời chiếm đóng của Áo Hung, Kafka đã bị mất gốc bên ngoài xã hội và cả bên trong tâm hồn:

*Không tổ tiên, không gia đình, không giòng giống, với lòng thèm khát mãnh liệt muốn có tổ tiên, gia đình, giòng giống (Nhật ký Kafka).*

Bi kịch Kafka cũng là bi kịch ngàn năm của Van Gogh: Kafka muốn sống tầm thường như mọi người, nhưng không thể nào được, Kafka đã mất gốc ngay từ trong lòng mẹ. Kafka bị trốc rễ và đung đưa chết đắm giữa biển đời. Hai tay chới với kêu gọi cầu cứu:

*Hãy để tôi xa nơi đây! Hãy để tôi xa nơi đây!... Bàn tay người đâu?... Ước gì tôi có thể cầm lấy bàn tay người, tôi tin người sẽ không còn quăng ném tôi nữa. Người có nghe tôi không? Có phải người đang ở trong phòng tôi không? Có lẽ người không có ở đây (Kafka, "Hochzeitsvorbereitungen auf dem Lande", trang 272).*

Tiếng than của Kafka có vọng đến lưng trời?

*Lại bị đày, lại bị đày rất xa, đày rất xa. Núi, sa mạc, những xứ mệnh mông...*  
("Hochzeitsvorbereitungen..." trang 273).

Kafka tuyệt vọng, mọi sự đều thất bại, đời sống gia đình thất bại, tình bạn thất bại, hôn nhân thất bại, nghề nghiệp thất bại, văn chương thất bại. Vì sao?

*Vì thiếu đất, thiếu không khí, thiếu lề luật (Nhật ký Kafka, ngày 23-2-1910).*

Nhân vật chính trong quyển *Das Schloss (Le Château)* của Kafka cũng "thiếu đất, thiếu không khí, thiếu lề luật". Hẳn đến một làng để đi tới lâu đài kề cận, nhưng hẳn không thể nào đến được lâu đài ấy, *Das Schloss* là bi kịch của một người đi tìm gốc rễ, sự mạo hiểm riêng lẻ của một tâm hồn đi tìm thánh sủng, của một con người đòi hỏi sự huyền bí tối thượng của những sự vật trần gian này (Albert Camus, *Mythe de Sisyphé*, tr. 173).

Tại sao Kafka lại cảm thấy mình là kẻ xa lạ, kẻ bị đày, kẻ mất gốc? Kafka không thể hiểu được, Kafka đã làm gì mà phải ra nông nổi như thế?

## KẸ PHẠM TỘI

Ngay từ lúc nhỏ, khi cha bị hành hạ đau đớn, Kafka đã mang mặc cảm tội lỗi. Lớn lên, đi vào cuộc đời, Kafka lại nghĩ rằng mình là một kẻ phạm tội. Tại sao tôi lại bị đày, bị mất nguồn, mất gốc? Tôi không biết. Chắc tôi đã phạm một tội lỗi nào đây. Người khác sung sướng, thành thơi, bình thường, hạnh phúc yên vui, thoải mái, bình lặng. Còn tại sao tôi lại đau đớn, khó chịu, khó thở, ngột ngạt, cảm thấy xa lạ mất gốc rễ. Có lẽ Trời đã đày tôi như thế. Có lẽ Trời đã hành phạt tôi như cha tôi đã hành phạt tôi khi tôi còn bé. Hành phạt một cách vô cớ (hay là có cớ mà tôi không biết?). Tôi là một kẻ phạm tội mà không biết phạm tội gì:

*Hãy thương hại tôi... Đừng ném quăng tôi vào giữa những kẻ bị xử phạt (Kafka).*

Lời van xin của Kafka thống thiết vô cùng, thế mà trời xanh vẫn thản nhiên im lặng;

*Con đã bị ném quăng, bị phán xử và bị hành phạt, chà đạp. Chỉ có ý nghĩ trốn thoát bất cứ nơi nào cũng đã an ủi con nhiều.* (Kafka, "Thư gửi cho cha")

Nhân vật chính trong quyển *Der Prozess* (*Le Procès*) của Kafka bị buộc tội là phạm nhân mà hắn cũng chẳng biết phạm tội gì. Hắn chỉ biết có điều là hắn vô tội.

Quyển *Der Prozess* mở đầu: *"Có lẽ là một người nào đó đã vu cáo Joseph K. bởi vì chẳng làm gì quấy cả mà hắn đã bị bắt vào một buổi sáng tươi đẹp"*.

Sống và không biết mình sống làm gì. Đi và không biết mình sẽ đi đâu. Chết và không biết tại sao mình chết. Bị buộc là kẻ phạm tội và không biết mình đã phạm tội gì. Đó là tất cả ý nghĩa của Phi lý.

## MỘT CON VẬT

Thế giới này là thế giới của những con người lành mạnh, trí óc quân bình, có tổ tiên, có truyền thống, có nguồn gốc, sống thoải mái trong vòng xã hội tôn ti trật tự.

Kẻ xa lạ là kẻ bị đày hay kẻ mất gốc hay kẻ phạm tội vốn là một đứa bé rụt rè nhút nhát - *"ein ängstliches Kind"*; tính từ *ängstlich* có nghĩa là *"lo âu, cảm thấy khó chịu, đau đớn, bực bội, sợ sệt dè dặt, rụt rè, nhút nhát..."* Tuổi thơ đã quyết định cuộc đời sau này; vì khi lớn lên vào đời, kẻ xa lạ ấy (hay kẻ bị đày hay kẻ mất gốc hay kẻ phạm tội) có cảm tưởng mình là một con vật, một con sâu bọ phá hoại (*das Ungeziefer*) hay một con thú rừng (*Waldtier*) giữa xã hội loài người.

Truyện "Die Verwandlung" ("La Métamorphose") của Kafka mở đầu như vậy: *"Một buổi sáng sau một cơn mộng mị, Gregor Samsa thức giấc và thấy mình biến thành con sâu bọ kinh khủng"* <sup>[1]</sup>.

Hằng ngày Gregor Samsa đã cực khổ hết sức để giúp đỡ gia đình; mỗi ngày, hắn phải thức dậy sớm để đi làm việc kiếm tiền về nuôi cha mẹ và em gái, hắn chịu mọi nhọc nhằn để cho gia đình được sống ấm cúng đầy đủ. Bỗng nhiên, một hôm giục mình thức giấc, hắn thấy mình không còn là người nữa và đã hoá thân thành một con vật. Thế xác là vật nhưng tinh thần của Gregor Samsa vẫn còn là người; đó mới là bi kịch thảm khốc của hắn. Gia đình hắn kinh tởm hắn. Ông cha ném một trái pomme vào mình hắn. Hắn bệnh, rồi chẳng bao lâu hắn chết. Cả gia đình hớn hờ. Người đọc cảm thấy lạnh xương khi đi vào gian phòng lạnh lẽo của Gregor Samsa; Kafka không có ý dàn bày để người đọc phải hoảng hốt; Kafka chỉ viết với giọng điệu lạnh nhạt để dãi; đọc truyện Kafka, ta không thể đọc theo lối truyện thông thường. Tôi không nghĩ cần phải đọc lại Kafka nhiều lần mới hiểu được Kafka.

Đọc Kafka (cũng như đọc Rimbaud hay những thiên tài phi lý khác), nếu ta hiểu được là hiểu ngay lập tức, còn nếu ta không hiểu được thì dù có công phu khó nhọc đọc đi đọc lại đến mười lần cũng không thể nào hiểu được. Kafka (hay Faulkner) viết văn không phải cố ý làm cho khó hiểu kỳ hoặc. Nếu Kafka (hay Faulkner) có khó hiểu chẳng; đó là chính ta đã làm ra khó hiểu, vì trước khi đọc, ta cố ý đi tìm xem Kafka (hay Faulkner) **muốn nói những gì**; đừng nên tìm kiếm gì cả, cứ đến tác phẩm Kafka (hay Faulkner) như đến một nghĩa địa vào buổi hoàng hôn. Và ta sẽ hưởng được nhiều cảm giác mông lung lạnh lẽo. Nếu đem cái óc lý luận phê bình của ta mà đọc Kafka, ta sẽ thấy vô lý và chán nản ngay bởi vì giọng văn của Kafka lơ thơ lạnh

lùng như mấy cơn gió hiu hắt ở bãi tha ma và phản luận lý học như những nấm mồ xơ xác...

*Một buổi sáng, sau một cơn mộng mị, Gregor Samsa thức giấc và cảm thấy mình biến thành một con sâu bọ khủng khiếp. Als Gregor Samsa eines Morgens...*

Đọc xong đoạn văn trên rồi ta cứ tiếp tục đọc tới, đừng phân vân thắc mắc lý luận.

Tất nhiên ta sẽ ngạc nhiên, với lời mở đầu lạ lùng trên nhưng đừng ngừng lại tra hỏi làm gì, cứ đọc tới, sự ngạc nhiên ấy sẽ dần dập biến thành bao nhiêu cảm giác. Gregor Samsa (hay Kafka hay chúng ta) một buổi sáng thức dậy thấy mình không còn mang xác người nữa; cả gia đình xôn xao và sợ hãi nhưng Gregor Samsa lại bình thường như chẳng có việc gì xảy ra, vẫn lo lắng sợ trễ giờ đi làm việc, vẫn những cử chỉ, những thói quen như hàng ngày; hẳn ngạc nhiên thấy người nhà hẳn khiếp sợ hẳn.

Nếu Gregor Samsa hoàn toàn là một con vật thì truyện "Die Verwandlung" ("Métamorphose") chẳng có ma lực gì để có thể đưa ta vào thế giới bi đát ấy. Bi đát không phải Gregor Samsa là một con vật; bi đát là Gregor Samsa không phải hoàn toàn là con vật mà cũng không phải hoàn toàn là con người; Samsa **ở chính giữa** nửa người nửa vật và không biết mình **thuộc về đâu**; loài người không nhận Gregor Samsa mà loài vật cũng không nhận hẳn. Trời không nhận mà đất không nhận. Khi Gregor Samsa chết, người đầy tớ đem quét bỏ và thùng rác. Gregor Samsa của Kafka nhắc ta nhớ đến nhân vật Yank của Engene O'Neill trong vở kịch *The Hairy Ape* (*Con khỉ có lông*); Yank cũng chết vì loài vật không nhận Yank vào loài chúng mà loài người cũng chẳng nhận Yank vào loài họ. Yank không biết mình **thuộc về loài gì?** Mọi nơi đều phủ nhận hẳn. Cộng sản cũng như tư bản, loài người cũng như loài vật đều khước từ hẳn.

Trước khi chết Gregor Samsa "nghĩ đến gia đình hẳn với lòng dịu dàng yêu thương".

Đọc xong truyện "Métamorphose", mình cảm thấy cô đơn lạ lùng. Tác phẩm "Métamorphose" đã chung đúc cô đọng lại tất cả bi kịch chua xót của Kafka và quyển *Château* hay *Procès* chỉ lập lại một vài khía cạnh của "Métamorphose".

Những nhà phê bình hay đặt tầm quan trọng vào quyển *Procès* và *Château*: dường như họ bỏ quên "Métamorphose" hoặc chỉ để ý sơ sài thôi (trừ ra Paul-Louis Landsberg, triết gia hiện sinh Đức, đã lưu ý đến tầm quan trọng của tác phẩm "Métamorphose"; ông đã viết riêng một bài về tác phẩm trong tạp chí *Esprit*, Sept. 1938-cf. Landsberg, "Problèmes du Personnalisme", tr. 83-98).

Kafka xa lạ, Kafka bị đày. Kafka mất gốc, Kafka phạm tội: tất cả Kafka xa-lạ-bị-đày-mất-gốc- phạm-tội đều nằm trong "Métamorphose".

Kafka (cũng như Leopardi, thi sĩ thiên tài bi đát của Ý ở thế kỷ XIX) đều là kẻ cô đơn tuyệt đối: Kafka (hay Leopardi) đều muốn sống tầm thường như mọi người nhưng rút cục rồi họ đều thất bại chua xót: cả hai đều chết khoảng bốn mươi tuổi, chết vì bệnh: nguyên nhân gây bệnh là không thể sống nổi trên đời này: Kafka coi bệnh lao của ông như là sự tràn trề thái quá của cơn bệnh tâm linh. Lúc biến thành con vật và nằm trong nỗi cô đơn khốc liệt, Gregor Samsa nghe em gái đàn vĩ cầm, Gregor Samsa cảm xúc vô cùng và bò ra khỏi phòng đi đến em gái để tỏ lòng mến thương của hẳn, nhưng hẳn đã thất bại, vì khi hẳn bước ra phòng khách, mấy người đứng nghe nhạc sững sốt và cô gái ngưng đàn. Hẳn thất vọng: hẳn có biết đâu hẳn là con

quái vật đã phá hoại cuộc vui: hẳn không còn là một người anh hay là một người con trong gia đình, hẳn chỉ là một kẻ xa lạ, một kẻ bị đày, kẻ mất gốc, kẻ phạm tội hay gọn hơn là một con vật ở giữa phòng khách lịch sự của loài người. Đó là những lý do sau này khiến hẳn hết lặng lẽ trong phòng.

Kafka cũng thế. Nằm trong nỗi cô đơn khốc liệt, Kafka đã nghe được tiếng vĩ cầm du dương của thiên hạ, cũng như Gregor Samsa, Kafka cảm xúc vô hạn và nhận ngay rằng tiếng nhạc thướt tha ấy là "con đường mở ra đưa đến lương thực xa lạ" mà Kafka đã thèm muốn suốt đời.

Cũng như Gregor Samsa, Kafka bước ra khỏi phòng và vừa mới bước ra đã bị xua đuổi...Mấy lần định lập gia đình để sống cuộc đời tầm thường như bao kẻ khác, để tìm "lương thực xa lạ" cho tâm hồn cô đơn mãnh liệt của mình, thế mà Kafka đã bị thất bại. Cũng như bao đêm ngày thao thức, tâm hồn cô đơn của Kafka đã đi tìm "lương thực xa lạ" nơi Văn chương; đối với Kafka, **viết văn là "đọc kinh"**. Kafka cũng thất bại luôn. Trước khi chết, Kafka đã dặn một người bạn đốt hết mấy tác phẩm của ông.

Hư vô đã tàn phá Kafka, ăn mòn ruỗng Kafka từng giờ từng phút. Kafka đã chạy trốn Hư vô. Nơi nào? *Que faire? Fuir? Mais où? Et à quoi bon?* (Milosz). Chạy trốn ở đâu? Kafka chạy trốn tìm giải thoát ở Tình yêu, nào là em *Felice B.*, em *Milena Jesenska*, em *Dora Dymant* vân vân, nhưng rồi các em cũng chỉ là những người đàn bà như nhiều người đàn bà khác và linh hồn tôi suốt đời vẫn buốt giá cô đơn? Cần gì tình yêu? À quoi bon? Phải không người con trai già không vợ tên là Nietzsche, tên là Schopenhauer?

Không thể giải thoát bằng Tình yêu được. *Das ist unmöglich.* Kafka chết.

*Tôi phải trở về bóng tối, tôi không thể chịu đựng nổi mặt trời, tôi đã đi lạc đường lạc lối không khác gì một con vật mất hướng.* (Kafka)

Tình yêu, Văn chương. Tất cả đều thất bại. Kafka đã trốn Hư vô, nhưng làm gì trốn được, **bởi vì Hư vô ở ngay trong người Kafka**; trốn Hư vô là trốn mình, giết Hư vô là giết mình; bởi vì Kafka và Hư vô. Bởi thế khi Kafka vừa diệt được Hư vô thì vừa lúc ấy, bóng tối kêu gọi Kafka trở về...

*Tôi phải trở về bóng tối...*

Vâng, Kafka hay tất cả mọi người ai cũng thế sớm hay muộn gì cũng phải trở về bóng tối, dù muốn hay không; **nhưng trước khi trở về bóng tối, chúng ta hãy cất tiếng lên ca tụng ánh sáng mặt trời.**

Không. Không. Không. Nein. Nein. Riêng tôi, tôi không thể nào hát nổi; vì mặt trời đã thiêu đốt buồng phổi tôi. Có lẽ Kafka sẽ trả lời như thế?

### 3.

Trời càng về khuya càng trở lạnh, mưa vừa dứt, nhưng gió vẫn thổi ào ào ngoài bãi đất hoang; hẳn nhìn về hướng rừng núi. Trời tối đen, hẳn chỉ nghe tiếng chim rừng vọng lại xa xôi. Hẳn ngồi lừ đừ trước hai cây đèn cầy. Hẳn cô đơn. Mấy năm nay, cuộc đời hẳn lênh bênh như mấy đám lục bình trôi sông. Sau mấy ngày bơ phờ vất vưởng trên những hè phố Sài Gòn bây giờ hẳn trở về đây để sống đỡ cho qua ngày

tháng. Phi Nôm là một làng bé nhỏ, núi đồi vây phủ chung quanh, chim về rất nhiều bởi vì làng nằm ngay bên rừng; thỉnh thoảng nai và heo rừng về kiếm ăn; nhất là chim, giàn đậu năm nay thất mùa, chim chim. Đêm nay, hẩn ngồi trước hai cây đèn cây và hẩn cười. Cuộc đời là danh từ trừu tượng, hẩn cười ra nước mắt. Hẩn nhìn bức ảnh Kafka để ngay nơi bàn viết. Hẩn nhìn đôi mắt Kafka, Ngọn đèn cây leo lét. Ôi quê hương, ôi miền hoa thơm cỏ biếc... *Kennst du das Land, wo die Zitronen blühen? Im dunklen Laub die gold Orangen glühen, ein sanfter Wind vom blauen Himmel weht, die Myrte still und hoch der Lorbeer steht* (Goethe). Hỡi Kafka, người có biết dải đất mà nơi đó những cây chanh trở hoa, những quả cam vàng lóng lánh trong những lá đen, một ngọn gió dịu dàng tự trời xanh tha thướt thổi về, cây sim đại lặng lẽ và cây nguyệt quế cao chên vênh. Người có biết giải đất ấy chẳng? có biết chẳng? Hỡi Kafka, hỡi Kafka, người có biết miền hoa thơm cỏ biếc ấy chẳng?

Đôi mắt Kafka khắc khoải trả lời yếu đuối: **Không phải vì cuộc đời Moise quá ngắn, nên Moise không đến được Chanaan, mà bởi vì đó là cuộc đời của con người.** Đôi mắt Kafka vương cả nỗi buồn quê hương. Làm sao trở về Chanaan? Làm sao trở về đất hứa? Đứng trên ngọn núi Nébo, Kafka đau đớn rưng rưng nhìn về Chanaan hai dòng lệ chảy dài chua xót: "ôi quê hương thân yêu... Quê hương, Quê hương... Dunkel ist das Leben und der Tod. Cuộc đời đen tối và đen tối cõi chết..." Kafka không bao giờ được trở về quê hương, bởi vì Kafka chỉ là một con người.

*Connais – tu le pays où les citrons fleurissent?* Kennst du das Land, wo die Zitronen glühen?...

Người có biết giải đất mà những cây chanh đang trở hoa? Những quả cam vàng lóng lánh... Hẩn không hỏi nữa, vì hẩn chợt thấy đôi mắt Kafka rưng rưng và hai giọt lệ chảy dài đau đớn. Hẩn cảm thấy xót xa vô hạn bởi vì hẩn cũng là một kẻ nhớ quê hương da diết như Kafka. Có những chiều tê tái, mưa đổ băng quơ, hẩn nhớ quê hương quá đến nỗi hẩn run rẩy bò lên triền núi chên vênh để mà ngóng tim mơ hồ...

Nẻo nào trở về Tipasa? hẩn nhắm mắt nheo ngào bởi vì hẩn chỉ nhìn thấy mặt biển hư vô đen tối, hẩn rùng mình ớn lạnh và thỉnh thoảng hẩn muốn nhảy xuống để thoát lìa ngục tù thân thể... Ôi cô đơn. Ôi, cô đơn khốc liệt!

*Cô đơn, cô đơn hoàn toàn cô đơn,  
Cô đơn trên mặt biển bao la!  
Không có một thần thánh nào thương xót  
Linh hồn quại của ta.*  
(Coleridge)

Những đêm thao thức, hẩn đã bàng hoàng nghĩ ngợi? Tại sao từ lúc nhỏ đến lớn, không lúc nào hẩn lại cảm thấy hạnh phúc? Tại sao tất cả những mộng đời huy hoàng đều biến thành số không? Tại sao dâng trọn cả tấm lòng chân thành cho đời mà vẫn bị đời hành hạ? Tại sao hẩn đã già trước tuổi, đã nỗ để thanh xuân phôi pha úa tàn theo dòng man dại đắng cay?

*Hỡi ôi! Tôi không bao giờ được trẻ; khi hãy còn thanh xuân, tôi đã già một ngàn tuổi hơn một cụ già.* (Kierkegaard)

Nửa đêm chợt thức, hẩn lại giựt mình tự hỏi tại sao mình nằm ở đây? Rồi mai mình chết ư? Chết. Chết. Tôi là ai sống để làm gì? để làm gì? Không có được không? Chết. Hẩn sợ loạn óc, nên không dám tự hỏi vợ vẫn nữa, hẩn bịt mắt lại, cố gắng nằm nghĩ chuyện khác. Mỗi ngày, hẩn chỉ sống bơ phờ chán nản, hẩn nghĩ rằng ngày mai sẽ



khá hơn, sẽ đỡ hơn, sẽ tươi tốt hơn, nhưng nào ngờ càng ngày hãn càng chìm xuống, chìm xuống một cách đau thương không lối thoát. Tiếng chim quốc vọng lại sau núi.

Hãn nhớ lại ngày cuối cùng trước khi giã biệt Đà Lạt, bà chủ cho thuê phòng có buồn rầu nói với hãn; “ngày đầu tiên ông mới đến đây, ông đã nói rằng đây là thiên đàng của ông, ông sẽ ở đây sau này và sẽ chết luôn tại đây, vậy sao nay ông lại bỏ đi? Ôi cuộc đời thực là buồn nhỉ? Ông đi rồi còn có nhớ thành phố này không?”

Câu nói ấy ngày nay vẫn văng vẳng bên tai hãn. Ừ, hãn đã bỏ Đà Lạt mà đi. Ngày trước, hãn đã chửi bỏ nơi sinh đẻ hãn mà bỏ đi biệt luôn; hãn thù ghét nơi hãn đã sinh trưởng và bỏ đi không bao giờ trở lại; trên nẻo đường xuôi ngược một hôm tình cờ hãn đến Đà Lạt, hãn sung sướng tự nhủ: “Nơi đây, nơi đây chắc mình tìm được thanh bình”.

Hãn tươi cười dừng chân lại và ở luôn tại Đà Lạt. Hãn đã hạnh phúc. Những đêm trăng lang thang trên đường phố đầy sương, những chiều mưa lạnh ngòi trong quán cà phê lặng lẽ nghe nhạc, những buổi chiều nắng vàng nhuộm cả đời thông. Ừ, hãn đã hạnh phúc. Hãn ở Đà Lạt gần hai năm, thế rồi bỗng nhiên một hôm đang đi lang thang giữa đường phố, bỗng nhiên hãn chợt thấy rằng hãn đã mất mát và hãn cảm thấy nhớ nhớ...

Hãn cũng chẳng biết nhớ gì, hãn chỉ thấy có gì chán chán... Ừ, Đà Lạt vẫn đẹp, nhưng bỗng nhiên hãn thấy vẻ đẹp ấy lạnh lùng quá, thờ ơ quá; vẻ đẹp ấy không còn nồng nàn đón tiếp hãn như những ngày đầu tiên... Thế rồi một sáng kia hãn cuốn cả hành lý bỏ Đà Lạt và định sẽ không bao giờ trở lại nữa. Ngày lên đường hãn chẳng lấy gì hồi tiếc. Hãn về ở Sài Gòn, nơi mà trước kia hãn thù ghét vô cùng. Mấy tuần lễ, hãn sống vui sướng ở thủ đô.

Rồi bỗng nhiên, một chiều kia, cũng đang lang thang trên mấy đường phố đông người giữa Sài Gòn, hãn bỗng cảm thấy mất mát và cảm thấy nhớ nhớ. Hãn nhớ Đà Lạt mà hãn vừa mới bỏ đi. Hãn muốn trở về lại, nhưng... và bây giờ hãn ngồi đây trước hai cây đèn cây trong một gian nhà lạnh lẽo ở một vùng rừng núi. Cô đơn. Nơi đây chỉ cách Đà Lạt có hai mươi cây số, nhưng hãn sẽ không trở về Đà Lạt nữa.

Hãn nhớ Đà Lạt lắm, nhưng không về. Hãn muốn làm một Tantale. Tâm trạng hãn kỳ quái.

Ở thiên đàng thì hãn lại chán và muốn đi xuống hoả ngục và khi đã xuống hoả ngục thì hãn lại muốn trở về thiên đàng, rồi khi được về thiên đàng thì ở một thời gian rồi hãn bỗng chán và muốn trở về hoả ngục. Phải chăng đó là ý nghĩa cuộc đời? Con người chỉ hạnh phúc khi chưa đạt được và lúc đã được rồi thì lại bỗng chán. Hãn than rằng hãn cô đơn, nhưng khi hãn không còn cô đơn nữa thì lúc bấy giờ hãn lại thèm muốn cô đơn. Như vậy nghĩa là gì? Hãn có hiểu Kafka chưa? <sup>[2]</sup> Ngoài kia mưa lại bắt đầu rơi. Tiếng dế vang rền ngoài bụi hoa. Hãn muốn được Tự do; hãn lại van xin muốn được Nô Lệ. Con người là thế?

Thần thoại Hy Lạp trở về làng vàng bên tai. Tantale đói khát kinh khủng và trái ngon đúng đưa ngang miệng, thế mà khi Tantale há miệng muốn ăn thì thần thánh lại không cho ăn. Tantale bị hình phạt bi đát thế, nhưng ta phải nghĩ rằng Tantale hạnh phúc. *Il faut imaginer Tantale heureux (Mythe de Tantale...)*.

Gió ào ào qua mái nhà. Hãn cười sung sướng khi nghĩ đến việc đổi tên Sisyphé lại là Tantale, ừ, thay vì *Mythe de Sisyphé* phải đổi lại là *Mythe de Tantale*. Gió thổi ào ào



quá mạnh, mái nhà lay chuyển dữ dội; hấn rùng mình, hai ngọn đèn leo lét. Hấn ngồi dờ dại từng trang *Tân Ước Kinh* và nói thầm bằng quơ: "bởi vì tôi đã là cô đơn ngay từ lúc chào đời và rồi đây tôi cũng sẽ chết cô đơn; tôi chỉ là con người và tôi chỉ muốn làm người ở trần gian hiu quạnh này; thiên đàng tươi đẹp, trần gian xấu xa đen tối, nhưng bởi vì tôi đã là người, tôi xin làm người đến trọn đời và tôi sẽ luôn luôn thuộc về trần gian này, tất nhiên tôi sẽ khổ nhưng tôi vẫn khước từ hạnh phúc. Nơi nào có Tình yêu, nơi đó sẽ hết cô đơn... Tôi xin khước từ Tình yêu. Nơi nào có Tình yêu nơi đó sẽ hết hư vô... Tôi xin khước từ Tình yêu và tôi xin chấp nhận hư vô, chấp nhận cô đơn".

Hấn sung sướng nhìn bức ảnh Kafka, *Hỡi Kafka*, tại sao người không chấp nhận cô đơn? Tại sao người cứ mãi trốn cô đơn? Người có trốn được không? Hỡi cô đơn, người em gái thân yêu của tôi! Hỡi Kafka, tôi là, và tôi vẫn muốn luôn luôn tôi là, tôi không muốn trở nên, tôi chỉ muốn là: trở nên thì lừa dối lường gạt; là không lừa dối: trở nên thì hạnh phúc; là thì đau khổ; hạnh phúc chỉ lường gạt; đau khổ là tôi, là con người, là trần gian này; tôi rờ mó nhìn thấy được Đau khổ.

"Là" có nghĩa "là tôi"; "là tôi" có nghĩa là "Hư vô" mà "hư vô" là "không"; bởi thế "Là" cũng có nghĩa "không là". "Trở nên" ở chính giữa, nửa "Oui" "Ja", nửa "Non" "Nein".

Tôi là chết, là hư vô, là cô đơn; tôi chấp nhận là thế và tôi không muốn trở nên cái khác. Trước cái chết, tôi nói **oui, yes, ja**; sự chết dính liền với cuộc đời, bởi thế khi tôi nói **oui** với sự chết thì có nghĩa tôi nói **oui** với cuộc đời, Hỡi Kafka, người đã lường lự, người nửa muốn nói **oui, ja**, nửa muốn nói **non, nein**; đó là bi kịch khốc liệt của người. Hỡi Kafka, đêm nay, tôi cô đơn, cô đơn vô hạn, nhưng tôi không muốn trốn cô đơn nữa, từ đây **cô đơn là tình nhân của tôi**. Hỡi cô đơn, người em gái thân yêu của tôi!

Giữa đêm khuya, bên hai ngọn đèn ma quái, hấn đã nói những gì với Kafka? Hấn đã tâm sự những gì? Mưa bắt đầu rơi lại; giọt mưa gõ tiếng ào rào trên mái nhà. Hấn gọi hồn Kafka về để hấn được chia sót đôi chút tâm tình chua xót đau thương. Một cơn gió lạnh nổi lên ào ào. Đầu tóc rối xoà, Kafka bỗng hiện hồn về trừng mắt đau đớn nhìn hấn. Ánh đèn cây chập chờn muốn tắt.

<sup>[1]</sup>Nguyên văn: *Als Gregor Samsa eines Morgens aus unruhigen Träumen erwachte, fand er sich in seinem Bett zu einem ungeheuren Ungeziefer verwandelt* ("Die Verwandlung", cf. Franz Kafka, *Die Erzählungen*) S. Fisher Verlag, Berlin 1961, trang 39.

<sup>[2]</sup>Ý nghĩa tác phẩm Kafka rất phong phú và phức tạp, có lẽ phức tạp nhất trong văn học hiện đại. Những nhà phê bình đều có những nhận định hoàn toàn phản nghịch nhau. Theo nhà văn Anh J. B. Priestley thì tất cả những nhà phê bình đều không lãnh hội được ý nghĩa tác phẩm Kafka, vì những nhà phê bình ấy đã không đi vào được *niềm bí ẩn của nghệ thuật Kafka*, khi họ đồng hoá lầm lẫn nghệ thuật *tượng trưng* (symbolism) với lối sử dụng ngụ ngôn (allegory). Đối với J. B. Priestley, sở dĩ Kafka lôi cuốn hấp dẫn được đủ mọi hạng người trí thức là vì Kafka đã viết văn theo lối *tượng trưng* một cách chân thành và sâu thẳm nhứt (xin đọc J. B. Priestley, *Literature and Western Man*, tr. 410-420). Lời nhận định của J. B. Priestley có giúp gì thêm cho niềm suy tư của ta không?

## Chương tư

### Ý thức khắc khoải - Tưởng niệm Jean – René Huguenin hay là niềm bơ vơ của thanh niên thời đại

*Một con ong chết...*

(J. R. Huguenin, *La Côte Sauvage*, trang 67)

Một con ong chết.

Nắng xế qua triền cửa sổ.

Mùa hè đổi hướng.

Cummings chết: tôi không buồn. Hemingway, Blaise Cendrars, Hermann Hesse, Faulkner chết, tôi không buồn. Một con ong chết: tôi buồn lắm.

Jean-René Huguenin vừa mới chết: tôi buồn lắm. Anh mới hai mươi sáu tuổi và chỉ xuất bản một tác phẩm; quyển *La Côte Sauvage* là quyển tiểu thuyết duy nhất của anh. Anh viết tiểu thuyết quá buồn. Nắng chiều. Đêm. Đêm tối. Raymond Radiguet. Chatterton. Anne Frank, Lenau, James Dean. M. Monroe vừa mới chết.

Jean-René Huguenin vừa mới chết.

"Tôi không biết. Anh đã tìm thấy gì?"

"Một con ong chết".

"*Je ne sais pas. Qu'est-ce que vous avez trouvé?*"

"*Une abeille morte.*"

Jean-René Huguenin đã viết hai câu trên trong quyển *La Côte Sauvage* (trang 67).

Pierre, nhân vật trong quyển ấy, là một chàng trai trẻ rất buồn, một người cô độc, một kẻ ích kỷ không tự thương mình *L'égoïste qui ne s'aime pas* (tr. 70). Pierre yêu người em gái của một người bạn thân chàng..

Một hôm. Pierre bỗng tìm thấy một con ong chết trên triền cửa sổ. *Et ce fut l'autre versant de l'été, le jour où Pierre découvrit, sur le rebord de sa fenêtre, une abeille morte* (tr. 65). Lòng người luân lưu thay đổi như những cây dương xỉ vàng xẫm, như hoa bát tiên chóng tàn, như những ngày xế bóng hoa đưa, như những con ong khô chết: *Alors l'évidence éclatait; les fougères brunissaient, les hortensias se fanaient, les jours déclinaient plus vite, les abeilles mouraient- c'était l'autre versant de l'été* (tr. 65).

Ừ, hỏi làm gì? Đời là ngộ nhận triền miên. Người làm gì biết được. Mỗi người là một vận lý trường thành, chặn lại hết giao thông. Người làm gì hiểu được ta. Ngộ nhận là chân lý: chắc người không hiểu tôi đã tìm thấy gì trên triền cửa sổ vào buổi sáng ngay?

*Vous ne savez pas ce que j'ai trouvé ce matin sur le rebord de ma fenêtre?* (tr. 66)

\*

Báo Pháp đăng tin rằng Jean-René Huguenin đụng xe chết. James Dean, Albert Camus.

Tôi giờ lại quyển *La Côte Sauvage* và tình cờ gặp lại một đoạn văn như sau:

*On ne meurt pas d'ennui*

*Non, pas d'ennui. De rien... Je mourrais comme ça, de rien* (tr. 86).

Jean-René Huguenin sinh ngày 1 tháng 3 năm 1936 tại Paris, bắt đầu viết văn hồi còn rất nhỏ, viết báo vào năm 18 tuổi, xuất bản quyển *La Côte Sauvage* vào năm 1960.

\*

Nhân vật chính của *La Côte Sauvage* là Olivier. Chàng đi quân dịch vài năm rồi được giải ngũ trở về sống lại với gia đình.

Gia đình chàng chỉ gồm có mẹ, chị và em gái. Quê hương chàng buồn lắm. Biển, Gió, Đá cuội. Sương mù. Olivier rất yêu em gái, nhưng không thích chị. Sau hai năm nhập ngũ, lúc trở về lại đời sống bình thường, Olivier thay đổi. Chàng cảm thấy cô đơn dị thường (tr. 29, 43, 57 v. v...) Đứa em gái chàng tên là Anne, chàng thương Anne ngay từ thuở bé thơ. Bây giờ chàng được tin em sắp lấy chồng; chồng Anne là bạn thân của chàng tên là Pierre. Pierre và Anne đậm ấm xoắn xít nhau. Olivier cô đơn. Olivier định ngăn cản đám cưới. Những thoáng nhìn, những câu hỏi xa xôi, những cử chỉ thông thường của Olivier đã khiến Pierre buồn nhiều. Pierre chán nản. Một dạo, Olivier cũng khiến Anne chán Pierre. Olivier vẫn muốn Anne sống mãi bên cạnh chàng. Tại sao thế? Thực khó trả lời. Sau cùng, Pierre và Anne vẫn lấy nhau. Họ dẫn nhau đi Paris và Tây Ban Nha. Chỉ còn Olivier ở lại sống cô đơn.

Quyển *La Côte Sauvage* đưa tôi vào nỗi cô đơn mênh mông của Olivier, của Pierre.

Lỗi văn của Huguenin rất ngắn và giản dị. Tôi đã đọc quyển *La Côte Sauvage* đến hai lần. Thế mà tôi không thể viết nhiều về quyển này vì *La Côte Sauvage* là một quyển để đọc và cảm và im lặng. Chúng ta đã tìm được sao mai rồi?

## **Chương năm**

### **Ý thức hư vô – Ernest Hemingway và độc thoại nội tâm: Từ chết sang sống**

*Tặng Hoàng Vĩnh Lộc*

*Hemingway qua đời. Phạm Công Thiện muốn trình bày với bạn đọc cuộc đời kỳ dị của*

nhà văn hào Mỹ chiếm giải Nobel năm 1954. Thấm nhuần tư tưởng của Hemingway được như Phạm Công Thiện kể đã là hiếm có. Tìm được cách biểu diễn tư tưởng và thân thể của nhà văn hào trong mấy trang giấy như Phạm Công Thiện kể là có một. Dưới hình thức độc thoại nội tâm, Phạm Công Thiện đã thu tóm cả cuộc đời nhà văn hào trong một đêm thao thức, không ngủ, từ canh khuya cho tới bình sáng, sau tiếng súng nổ ở Ketchum. Người thanh niên Việt bỗng bột và ham sống ấy đã nói lên gần hết cái tâm trạng nung nấu của Hemingway bị đặt trước Hư Vô. Hư Vô thật kinh khủng từ thuở còn măng non cho đến tuổi 63, Hư Vô đuổi Hemingway như bóng theo hình, không để cho Hemingway được một phút an nghỉ. Hư vô đục khoét Hemingway như một ung thư ăn mòn, ăn ruỗng tâm hồn của mình cho đến lúc chết. Phải chăng Hemingway, một kẻ có khí thế cao ngạo, không che giấu nỗi nông nỗi lo âu ray rứt khôn tả, đã tự kết liễu cuộc đời để chứng tỏ mình có thể bị "diệt" chứ không "chịu thua"? – Chúng tôi không tin như vậy. Thiên tài nào trong thế gian mà không bị một ám ảnh theo dõi mình cho đến khi tắt thở? Chính ám ảnh ấy đã tạo nên thiên tài. Cái bi kịch của Hemingway là cái bi kịch lạ lùng của một thiên tài, của một thiên thần bị trích giáng mất quê hương mà xao xuyến muốn về với quê hương. Và dường như hoá công chỉ dành cho một số rất ít có đủ năng lực mà chịu đựng treo gương muôn thuở. Cái ám ảnh Hư Vô khốc liệt có phần nào giống với cái ám ảnh Hư Vô siêu tuyệt của Chúa Ki Tô trong vườn Gethsémani khi Ngài toát mồ hôi máu mà xua tay trước chén đắng Đức Chúa Cha trao cho và bảo phải uống cho tới hết cạn. Và khi bị chết treo trên cây thánh giá, Hư Vô vẫn theo đuổi Ngài. Ngài là đấng bằng hữu trong Đức Chúa Cha, đời đời đối diện cùng Đức Chúa Cha mà phải thốt lên lời này trong cơn hấp hối: *Eli, Eli, lamma sabacthani. Lạy Cha, Lạy Cha, sao Cha nỡ bỏ con một mình? Ôi Hư Vô ghê rợn chừng nào, thử thách cấm go biết bao!*

*Nhưng, sau thử thách là chiến thắng, sau thất bại là khai hoàn, sau tối tăm là ánh sáng, sau tranh đấu là nghỉ ngơi, sau cực hình là an hưởng.*

*Khổ nạn của Hemingway có phản ảnh phần nào khổ nạn của Đấng Cứu Thế chăng?*

Hoàng Minh Tuynh (Trích từ tạp chí *Mai*, số 28. 1961)

\*

RƯỢU. Mấy con sư tử ở bãi biển. Sylvia Beach. Tại sao lại trước Shakespeare and Company. Boulevard des Capucines, boulevard Raspail. La rue de l'Odéon. *You are all a lost generation...* Papa, Sun Valley. *Tutti Mi Chiamano Bionda*. Em có một quà tặng cho anh. Mary hát hay quá. *Tutti Mi Chiamano Bionda. Tutti... Tutti...* Mary Welsh. London. Pauline Pfeiffer. Hadley Richardson. Thôi. Hãy nhắm hai con mắt lại. Ngủ, ngủ... Hadley Richardson. Oak Park, Chicago, Nick Adams và Ernest Hemingway. Hai và một. Một và hai. Thôi. Lộn xộn, Lôi thôi. Khuya rồi. Hai giờ? Khuya. Ngủ, ngủ, ngủ... 19 ngày nữa là sinh nhật. Sinh nhật lần thứ sáu mươi ba. 63. 64. 65. 66. 70. 71. 80. 89. 90... Sinh nhật lần thứ sáu mươi ba. Nhắm mắt đi, rồi ngủ, rồi ngủ, *Mister Papa*. Ừ, ba lúc chết mấy tuổi? Tại sao lại chết? *Chết có khó không, hờ ba? – Không, cũng hơi dễ, còn tùy* ("Indian Camp"). Phải rồi, hồi ở Michigan, ba có dẫn mình đi đến một làng mọi da đỏ. Ba đỡ đẻ cho một người đàn bà da đỏ. Mụ này đẻ khó quá. Mụ hét như con heo bị thọc tiết. Chồng của mụ nằm trên giường trên, chịu không nổi, lấy dao cạo râu tự cắt cổ. *Ba rất tiếc đã lỡ đem con đến đây... Ba đã vô tình đem con đến chỗ như nhuốc*. Ba buồn rầu nói thế với mình. *Có phải mấy người đàn bà luôn luôn phải đẻ khó khăn như thế này không ba? Không, đôi khi thôi. Vậy chứ tại sao chồng của mụ lại tự tử, hờ ba? Tao không biết, mầy ạ, mầy hỏi lần thần*

rắc rối, có lẽ chồng của mẹ chịu không nổi. Có nhiều người tự tử không hả ba? (Indian Camp). Mình không hiểu tại sao hồi đó mình còn nhỏ như thế mà hỏi ba lung tung vậy?

Tại sao hồi đó ba trả lời lồi thoi vậy? Sau này, mình đã viết một truyện ngắn tên là "Indian Camp" (Làng Mọi) in trong quyển *In Our Time*. Ừ, trong quyển *In Our Time* (Thời đại chúng ta) có truyện *Indian Camp*. Ừ, trong quyển *Indian Camp* có cái gì mà ít đưa phê bình nào hiểu nổi. Toàn bọn ba hoa rườm rà... Tại sao? Tại sao hình ảnh của người chồng cắt cổ kia lại ám ảnh tuổi thơ mình? Hình ảnh bi đát kia có ảnh hưởng gì đến tâm tưởng của mình? Sau này đôi mắt mình có bơ phờ trước cuộc đời phải chăng hình ảnh kia có đôi phần trách nhiệm? Ừ, *In Our Time*. Xin Thượng đế ban thanh bình cho thời đại chúng con. *Give peace in our time, O Lord ...* Thượng đế? Có một Thượng đế? *You do not love Him at all? I'm afraid of him in the night sometimes. Đôi khi ban đêm mình sợ Thượng đế (A Farewell to Arms, trang 54).* Thượng đế? Thôi khuya lắm. Đừng nghĩ nữa. Ngủ. Ngủ đi. Ngủ. Ngủ.... Tại sao lại ngủ không được? Peace. Serenity. Peace. Separate peace. Thanh bình riêng biệt... *Big Two-Hearted River*. Con sông hai lòng... *Mình cảm thấy hạnh phúc. Mình cảm thấy rằng mình đã bỏ tất cả ở đằng sau, không cần suy nghĩ mông lung, không cần viết và không cần gì cả. Tất cả đều xa xôi, đã xa xôi rồi...* ("Big Two – Hearted River"). Xa xôi hay gần gũi? Hạnh phúc hay không hạnh phúc? Nguy hiểm? Liệu mình có trốn thoát được hay không? Có thoát được chăng? Thanh bình riêng biệt? Không được. Đi nơi nào hay chốn nào, dù suối, dù núi hay dù con sông ba lòng hay bốn lòng, mình cũng khó lòng không cảm thấy có bóng hình của một cái gì bi đát đang ẩn hiện đâu đây? cái đó là cái gì? *Nada. Nada y pues nada y nada y pues nada...* ("A clean, well-lighted place") Tất cả con sông đều chảy về biển... *All the rivers run into the sea; Yet the sea is not full; and the place from whence the rivers come, thither they return again* ("Ecclesiastes"). Các anh đều thuộc thế hệ mất gốc. *You are all a lost generation (Gertrude Stein)* Mặt trời vẫn mọc, mặt trời lặn... *The sun also ariseth, and the sun goeth down...*

Chiến tranh bùng nổ, gây bao nhiêu điều đứng tang thương và Thượng đế không còn sống trong lòng mình. Không cần lý luận lồi thoi, mình hiểu ngay rằng bóng hình Thượng đế đã mất rồi. Và *Nada và Nothingness và Néant* đang ám đầy mặt mình. *Tất cả những điều mình muốn biết là biết sống thế nào (The sun also rises)* Sống thế nào mà có thể quên *Néant* đi? Mình theo Lady Brett Ashley, Mike Campbell, Cohn, Jake Barnes, Romero để lê thê nghiêng ngửa từ những hè phố Montparnasse đến Pamplona, mình cùng chung rượu trà be bét, ăn chơi đàng điếm ngày này đến ngày nọ, rồi đi xem đấu bò, rồi đánh lộn và đi câu cá. Mình làm những hành động này để trừ con tà *Néant*, song rồi cũng chẳng đi đến đâu. Trừ nó được ít lâu thì nó lại trở về như cũ và có phần mãnh liệt hơn. Bởi thế mình mới vội vã chạy theo Frederic Henry và Catherine Barkley để tìm sự giải thoát cá nhân hay tìm *an bình riêng biệt*. Nghĩa là anh em *yêu nhau* tha thiết giữa bờ tuyết trắng thơ mộng của đất Thụy sĩ hiền lành. Song *Néant* vẫn chạy theo, và em Catherine Barkley yêu dấu đã chết dưới cơn mưa tầm tã. *Néant* đã lừa đôi ta và đã phỉnh gạt đôi ta một cách dơ nhột. *It's just a dirty trick (A Farewell to Arms, trang 248).* Đi tìm giải thoát cá nhân không được, ừ, thì mình đi tìm giải thoát tập thể, mình trở lại với xã hội loài người, tìm một lẽ phải để bênh vực và bảo vệ, phát huy tự do của con người, hoà mình sống theo nhân phẩm con người, *You believe in Liberty, Equality and Fraternity. You believe in Life, Liberty and the Pursuit of Happiness. Anh tin tưởng vào Tự do, Bình đẳng và Bác ái. Anh tin tưởng vào cuộc đời, Tự do, và sự theo đuổi hạnh phúc (For whom the Bell tolls, trang 305).* Mình và Robert Jordan tìm *cường độ mãnh liệt* trong giây phút, trong tình yêu. Mình và Robert Jordan trốn *Néant* trong *Hiện tại, Maintenant, Ahora, Now, Heute...* Hiện tại thực là *mãnh liệt vô cùng*. Mình và Robert Jordan tìm *Thiên*

*Thu trong giây phút, tìm sự Sống trong sự chết, tìm Thành công trong thất bại... Any mans death diminishes me, because I am involved in Mankind; and therefore never send to know for whom the bell tolls; it tolls for thee (John Donne), sự chết của bất cứ người nào đều giảm bớt tôi đi; bởi vì tôi là một phần của nhân loại; Đừng hỏi rằng chuông đó báo ai chết, chuông ấy báo anh chết.*

Gà rừng gáy... có lẽ ba giờ khuya. Duỗi mình ra, thôi ngủ nhé... Đồng hồ nhịp tí tắc. Mắt tôi vẫn mở thao láo. Trần nhà đen tối. Mary đang ngủ mê và mơ ảm ức.

*Lạy Hư vô, chúng tôi ở trên hư vô, chúng tôi nguyện danh hư vô vang dậy; nước hư vô trị tôi xin vâng ý hư vô dưới hư vô bằng trên hư vô vậy. Xin hư vô cho chúng tôi rày hằng ngày dùng hư vô đủ và hư vô chúng tôi như chúng đã hư vô kẻ có hư vô với chúng tôi. Lại chớ để hư vô chúng tôi sa chước hư vô và chữa chúng tôi cho khỏi hư vô; Pues Nada.*

*Our nada who art in nada, nada be thy name thy kingdom nada thy will be nada as it is in nada. Give us this nada our daily nada and nada us our nada as we nada our nadas and nada us not into nada but deliver us from nada; pues nada ("A clean, well-lighted place").*

*Néant* lùa bùa chập chùng tứ phía. Cộng đồng nhân loại, Bình đẳng, Tự do, Dân chủ, vân vân, để mà làm chi? Tất cả rồi sẽ chẳng đi về đâu cả, mình muốn tạo niềm tin nào đó trong bao niềm tin đã mất. Có niềm tin mãnh liệt nào có lý do tồn tại khi đứng trước hư vô thăm thẳm? Và mỗi khi *Néant* thoáng hiện chập chờn, chỉ có *một mình ta, một thân ta là đương đầu* với nó; lúc bấy giờ không ai còn có thể giúp mình được. Những danh từ rỗng kia (Tự do, Danh dự, Xã hội, vân vân) không còn nghĩa lý gì nữa. Con người hoàn toàn cô độc.

Chính mình giúp mình, Không người hay không Thượng đế nào giúp mình cả. *He looked across the sea and knew how alone he was now. Mình nhìn qua biển và biết rằng mình hiện cô độc biết bao (The old Man and the sea, trang 58). Mình tin rằng đời là một tấn bi kịch và mình biết rằng rồi đây cuộc đời cũng chỉ chấm dứt có một lối mà thôi.* Từ trước tới bây giờ mình chỉ đi tìm đủ lối để chạy trốn hư vô, tuy nhiên chạy trốn chừng nào hư vô lại đeo miết chừng ấy, Từ *Big Two Hearted River* đến *The Sun also rises* đến *A Farewell to Arms, Death in the Afternoon, To have and have not* và *For whom The Bell tolls*, tất cả mọi đường lối rút cục chỉ đưa cho mình trốn được hư vô một thời gian ngắn nào đó mà thôi. Rồi thì những con đường ấy lại đưa mình trở về hư vô mờ tối. *Kính Mừng hư vô đây hư vô, đức hư vô ở cùng người. Hail nothing full of nothing, nothing is with thee ("A clean, well-lighted place").*

Không còn cách nào, ngõ nào để trốn hư vô, mình đánh trở lại mình, lấy sự cô độc chính mình để *đương đầu* với hư vô. Mình không tìm cách lãng quên hay bỏ chạy như trước; mình chiến đấu lại với hư vô. Chính sự nỗ lực của mình đương đầu cầm cự với nada. *BIẾT chỉ là tự HIỂU mình bị tiêu diệt* cuộc đời chỉ là một bãi chiến trường mà chúng ta luôn luôn bị chiến bại. Đương đầu với hư vô, mình sẽ bị thua cuộc. Mình chắc chắn như thế mình tự ý thức mình rằng không bao giờ chinh phục được Nada. Nhưng không hề gì? Mình cứ chiến đấu hùng dũng. Hiển nhiên là mình thua, nhưng việc đáng kể là mình *tự mình cư xử thế nào cho ra hồn trong khi mình sẽ bị tiêu diệt.* Nghĩa là khi bị tiêu diệt mà đôi mắt mình vẫn trừng, đầu mình vẫn nhìn thẳng và ôm bầu nhiệt huyết nồng nàn trong trái tim hùng hực? Mình và Santiago phải hết sức cầm cự với những con cá mập (hình ảnh của Hư vô), rút cục mình chỉ giữ được bộ xương của con kiếm ngư khi mình trở về bến cũ. Mình đã hành động nên người. Và khi về nhà, nằm dài xuống giường, mình nằm ngáy khi khò thoải mái và mộng thấy một



bầy sư tử hiên ngang. *The old man was dreaming about the lions (The old man and the sea, trang 127). Thế là mình đã thắng trong sự thua. Con người không nên bao giờ chịu thua. Một người có thể bị tiêu diệt nhưng không bao giờ chịu thua. But man is not made for defeat. A man can be destroyed but not defeated (The old man and the sea, trang 103). Mấy giờ rồi? Mary Welsh còn ngủ say quá. Tutti Mi Chiamano Bionda. Everybody Tells me I'm Blonde... Mười chín ngày nữa là mình được sáu mươi ba tuổi. Trẻ. Già. Rồi chết. Chết là gì? Sống? Từ Oak Park đến Idaho. Rồi chết. Mấy con sư tử ở bãi biển Phi Châu. Một trăm con sư tử. Một nghìn con sư tử. Hai nghìn con sư tử. Một triệu con sư tử. Hai triệu con sư tử. Một con sư tử. Một con sư tử già rồi sẽ chết. Tại sao hồi chiều lên giường, mình không ngủ luôn tới sáng. Tại sao nửa đêm lại thức dậy như thế này? Để cho đêm tối bên kia bờ làng vắng nơi đây? Mình là ngọn đèn bé nhỏ nằm ẩn trong bốn bức tường yếu đuối để trốn giông bão của phân tán và điên cuồng, mình leo lét và đôi khi gần như sắp tắt. Phải không Erich Maria Remarque? Phải không một bầy sư tử nhỏ nhố đặng kia? *We are little flames poorly sheltered by frail walls against the storm of dissolution and madness, in which we flicker and sometimes almost go out (All quiet on the western Front, trang 164).**

Mấy con chim nào luyt chuyt ngoài kia. Ngày xưa còn nhỏ mình chọc nhái tiếng chim kêu trên vòm cây. Ngày xưa, Ngày xưa. Ngày nay. Maintenant. Ahora. Now. Heute. Rút cục mình (hay Santiago) đã già rồi mà cũng không hơn mình thuở còn con nít (hay Manolin). Không chừng con thua nhiều; ừ con chim gì luyt chuyt ngoài kia? Thôi, nhắm lại đừng nghĩ lời thôi. Có gì là không lời thôi? *Néant* không lời thôi. *Néant* lời thôi? Mình không biết. Mình không biết tại sao mình không vui. Làm thẳng ngu, biết hà tiện, biết mê tiền, mê danh vọng, mê hào nhoáng, chấp nhận những cái tầm thường nhất của cuộc đời. Như thế chắc mình sung sướng? Mình không biết ý thức thì mình sung sướng. Làm thẳng ngu là sung sướng, Ừ, mà sung sướng đấy. Hoan hô những thẳng ngu, hoan hô những thẳng mê tiền, những thẳng mê làm quan, những thẳng mê công thức, những thẳng trí thức năm xu. Con xin hoan hô các ngài. Con muốn làm thẳng ngu như các ngài. Chúng con không mịa mai đâu, không phải bác Henry Miller? *I told them that i was an ignoramus (The colossus of Maroussi, trang 135).* Ernest Hemingway là *thẳng ngu*.

Đừng *biết* gì hết có được không. Mấy mươi năm trời, mình đã đi tìm *vô hạn* trong *hữu hạn*, *hy vọng* trong *thất vọng*, *thứ tự* trong *hỗn độn*, *chiến thắng* trong *thất bại*, *lẽ sống* trong *sự chết*, *đơn giản* trong *phức tạp*, *tài hoa* trong *vụng về*, *rõ ràng* trong *mập mờ*... Và mình đã đi tìm *hữu hạn* trong *vô hạn*, *thất vọng* trong *hy vọng*, *hỗn độn* trong *thứ tự*, *thất bại* trong *chiến thắng*, *sự chết* trong *lặng lẽ*, *phức tạp* trong *đơn giản*, *vụng về* trong *tài hoa*, *mập mờ* trong *rõ ràng*... Để rồi giờ đây, nằm dài trong phòng ngủ của gian nhà này (ở Ketchum Idaho), nằm dài trên giường, đôi mắt mình mở rộng trừng trừng nhìn trần nhà, trừng trừng nhìn vào đêm tối và mình thấy rằng mình đã tìm được hết, nhưng thực ra mình không tìm được gì cả. *Con người không nên bao giờ chịu thua. Một người có thể bị tiêu diệt nhưng không bao giờ chịu thua. But man is not made for defeat. A man can be destroyed but not defeat. Mais l'homme ne doit jamais s'avouer vaincu. L'homme n'est pas fait pour la défaite. Un homme, ça peut être détruit, mais pas vaincu.*

Ừ, thẳng, không chịu thua. Thẳng trong khi thua. Chiến thẳng trong thất bại. Ừ, có thể bị diệt chứ không bị thua. Nghĩa là thẳng. Nghĩa là mình là một kẻ thẳng. Ừ, mà thẳng để làm gì. Để được gì?

*Không được gì cả. Winner take nothing* Ừ, mà chàng Graham Greene muốn nói gì đây mà là *Loser takes all? Tất cả đây là không gì cả. All có nghĩa là Nothing.* Không. *Nothing* có nghĩa là *all*. Không. Không có nghĩa gì cả. Không gì cả. *Winner take*



*nothing*. Không gì cả. Không gì cả. *Nothing – Nichts – Rien – Nada*. Lạy *Nada* chúng tôi ở trên *Nada*, chúng tôi nguyện danh *Nada* vang dậy, nước *Nada* trị tới, vâng ý *Nada* dưới *Nada* bằng *Nada* vậy... Kính mừng *Nada* đầy *Nada*, đức *Nada* ở cùng người... *Some lived in it and never felt in but he knew it all was nada y pues nada y nada y pues nada. Our Nada who is in nada, nada be thy name thy kingdom nada thy will be nada in nada as it is in nada...*

Gà rừng gáy. Vài ba con chim non luýt chuýt, luýt chuýt trên cây.

Phải chăng mình chỉ là kẻ bị đày. Trần gian này là chốn tù đày. Mình biết mang máng mình là kẻ bị đày. Và ta là *kẻ bị đày mang bệnh mất trí nhớ*. Bởi thế, mình không biết vì sao mình bị đày và mình không nhớ quê hương mình ở phương nào? Có những lúc nhớ quê hương quá, mình muốn trốn bỏ nơi chốn tù đày này mà đi trở về. Nhưng trở về đâu? Khi mình không còn trí nhớ thì biết phương nào mà về?

Hết hạn tù đày thì mình đi về đâu? Ôi quê hương thân yêu. *Con người là con người ý thức được rằng mình mất quê hương*. Mình đã tìm nguôi khuây trong men rượu nồng nhất, trong truy lạc điên cuồng nhất, trong tình yêu, trong tất cả mọi lạc thú mạnh nhất của đời. Mình đã tìm nguôi khuây trong tất cả mọi sự trên đời này. Mình đã làm thánh, mình đã làm quí, mình đã làm kẻ thông thái, mình đã làm kẻ ngu đần. Thế mà không có gì làm mình quên được rằng mình là kẻ mất quê hương. Ngày mãn hạn tù đày là ngày vui nhất đời mình. Ừ, mà cũng là ngày buồn nhất và chua xót nhất đời mình; bởi vì mình không còn trí nhớ? Về đâu? Về đâu? Mình đã yêu nồng nàn, mình đã chơi hả dạ, mình đã lên xe xuống ngựa, mình đã ăn khô lân chả phụng, mình đã được sống chung những kinh nghiệm hãi hùng nhất, mình đã viết cả chục quyển sách vĩ đại, mỗi trang giấy của mình bán được vô số đô la, danh tiếng mình vang dậy cả hoàn cầu, mình đã được giải Nobel, mình đã được nhắc nhở khắp hoàn cầu. Danh vọng của mình còn hơn mấy chục ngàn vua chúa. Như thế để làm gì? Để rồi đi về đâu? Biết có quê hương nhưng không biết quê hương ở đâu mà về. Còn gì chua xót hơn?

*Chiều chiều trông nước Lai giang chảy  
Thấp thoáng buồm treo mộng cổ hương*  
(Quách Tấn)

*You are all a lost generation* (Gertrude Stein). Các anh là thế hệ mất gốc. *Génération perdue*. mình đã tìm nguôi ngoai trong men rượu, men tình, bê tha, trác táng, đấu bò, câu cá (*The Sun also rises*); mình đã tìm nguôi khuây trong tình yêu, trong thanh bình riêng lẻ của hai đứa một trời (*A Farewell to Arms*). Mình đã tìm nguôi khuây trong săn bắn trong rừng già heo hút (*Green Hills of Africa*); mình đã tìm nguôi khuây trong phiêu lưu, trong nguy hiểm, trong phũ phàng, trong lý tưởng, trong tình huynh đệ giữa loài người, trong giây phút thiên thu, trong hiện tại vĩnh cửu (*For whom the Bell tolls*); mình đã tìm nguôi khuây trong chiến đấu riêng lẻ; trong kiêu hãnh, trong sự vĩ đại của thằng ta bé nhỏ, trong sự thắng lợi cuối cùng của thân phận con người (*The old Man and the Sea*).

Thế mà niềm nguôi khuây ấy không bao giờ được trọn. Và mình vẫn buồn, vẫn băn khoăn và xao xuyến. Niềm xao xuyến sâu đậm và mơ hồ của một kẻ mất quê hương. Muốn tìm trở về quê hương nhưng không biết đâu mà tìm. *Quê hương* chỉ là một danh từ. Tất cả chỉ là *những danh từ*. Và *những danh từ chỉ là những danh từ mà thôi*.

Rắc rối. Nhắm mắt ngủ đi. Ừa, trời gần sáng rồi. Tất cả hãy còn tối đen. Hãy ngồi

dậy đi ra ngoài rừng chơi. Nằm đây nghĩ vớ vẩn hoài; mấy con châu chấu ngoài rừng không nghĩ lẫn thẩn như mình. Tinh sương. Hừ, gió thổi lạnh gớm. Sương ở đâu mà ra chập chùng ở đôi thôn bên kia. Đi chân không, mình bước nhẹ trên đường cỏ quanh đồi. Cỏ ướt và đất lạnh. Cảm giác là lạ. Gió vi vu. Dế cớm, dế nhũi, dế mèn cũng vi vu. Mình tắm bơi trong bầu trời trong veo. Trên đường đi, cành cây, cái lá, đồng đất và tảng đá đều trở nên mặn mà quen thuộc dễ thương. Mình cởi trần truồng ra và chạy tung tăng như con bò con trên nội cỏ. Mình nằm lăn tròn trên cỏ; hừ, sương mai sao mà lạnh quá. Ngày đầu tiên của buổi khai thiên lập địa. Hình như mình đang bay lênhên đênh trong mây, trong gió, trong không khí, trong làn khói. Hình như mình đang chảy rì rào trong giông nước dưới cống, dưới rãnh, dưới cầu... Hốt nhiên mình nghe tiếng cười giòn của mình. Rồi bất giác thân thể của mình bỗng nhẹ nhàng, nhẹ nhàng và thanh thoát... Mình không còn là mình nữa. Hemingway là mình. Hemingway là ai? Tại sao mình là Hemingway? Mình là ai? Hemingway? Không? Là mình? cũng không. Mình không là gì cả. Không gì cả. Không gì hết. *Nada*. *Nada* là gì? Không là gì cả. Không là *Nada*. Không là không là không là không...

Ernest Hemingway? Là mình? Mình? mình? Tại sao có lỗ mũi này? Hai con mắt này? Mình không là mình? Mình là mình, là không là mình? Không là không là không là không là không...

## Kết luận

*Trời hửng sáng. Tất cả đều im lặng mênh mênh tĩnh mịch và bát ngát. Bỗng nhiên người ta nghe tiếng súng nổ từ trong nhà Hemingway ở Ketchum (Idaho). Ngày hôm đó và vài ngày sau báo chí ở Mỹ và ở khắp hoàn cầu đều đăng tin đại khái như sau: Nhà văn hào Ernest Hemingway đã thiệt mạng vì đã "sơ ý lỡ tay trong khi lau súng"*

*Khi nghe tin buồn trên, người ta bàng hoàng chợt nhớ đến nhân vật George trong truyện The Alien Corn của Somerset Maugham. Hemingway cũng chết vào trường hợp giống như George.*

*(Trong những tờ nhật báo, người ta thường đọc nhiều bài tường thuật những "tai nạn" tương tự như vậy...)*

P.C.T

## Chương sáu

### Ý thức khước từ - Con người chạy trốn và phân tâm học nhân bản của Erich Fromm

#### 1.

*Trong chương này, tôi sẽ trình bày tư tưởng của Erich Fromm viết dựa theo sát một chương trong quyển Escape from Freedom của Erich Fromm.*

*Sự thành công lớn của Freud là đã khám phá những khía cạnh sinh lý của bản chất con người; nhưng sự thành công ấy cũng là sự thất bại của Freud: vì Freud quá nhấn mạnh những khía cạnh sinh lý ấy và bỏ quên những khía cạnh cốt yếu khác.*

Fromm đi ngược lại Freud; đối với Fromm, vấn đề cốt yếu của tâm lý học là mối liên hệ đặc biệt của cá nhân đối với thế gian bên ngoài, chứ không phải là sự thoả mãn hoặc sự dồn ép nhu cầu bản năng nào đó; chẳng những thế, Fromm quả quyết rằng mối tương quan giữa con người và xã hội là một tương quan sống động; chứ không phải tĩnh chết bất động. Sống động ở đây có nghĩa là trao đổi qua lại, lưu thông giữa hai chiều uyển chuyển. Mối tương quan giữa con người và xã hội không phải tĩnh lặng bất động, không phải là hai ý niệm trừu tượng khô cứng đứng đối diện với nhau: một bên là cá nhân với những khuynh hướng bản tính nào đó và một bên là xã hội, hai bên đứng lìa ra như hai thực thể riêng lẻ; mà cá nhân giữ vai trò thụ động còn xã hội giữ thế chủ động, như chủ với đầy tớ, nghĩa là xã hội có thể làm thoả mãn những khuynh hướng bẩm sinh của cá nhân hoặc có thể chà đạp dồn ép những khuynh hướng ấy, tùy theo từng hoàn cảnh đặc biệt.

Quan niệm như thế thì ta vẫn còn đi bên ngoài vấn đề, chứ chưa đi vào được bên trong, ta đã bất động hoá một vấn đề linh động, vì ta đã xem xã hội như là một sự vật đứng bên ngoài ta, cách biệt hẳn ta.

Sự thực thì xã hội không ở ngoài cá nhân và cũng không phải một cái gì đứng tách biệt hẳn cá nhân. Xã hội là cá nhân, nhưng cá nhân cũng là xã hội; nói thế có nghĩa là xã hội và cá nhân nằm trên tương quan qua lại. Mọi người đều có những nhu cầu căn bản giống nhau, như ăn, uống, giải quyết sinh lý dục tình; nhưng những tính tình của con người khác nhau là do tình yêu thương, sự hờn ghét, lòng tham quyền cố vị, sự đầu hàng quai phục, sự hưởng thú nhục lạc, nỗi sợ hãi nhục dục v.v...; tất cả những tính tình xã hội. Những khuynh hướng cao đẹp nhất, cũng như những khuynh hướng xấu xa nhất của con người không hẳn xuất phát từ bản chất sinh lý cố định của con người; những khuynh hướng ấy là kết quả của tiến trình xã hội; tiến trình xã hội đã tạo tác con người.

Chúng ta để ý rằng khi lập luận đại khái như trên, Erich Fromm đã dùng từ ngữ "tiến trình xã hội" (the social process).

Tiến trình (process) là dùng để chỉ một cái gì đang diễn tiến, thay đổi, bất định, triển khai, di động, sống động. Chúng ta cũng nên nhớ rằng nguyên tắc căn bản mà Fromm đặt ra để chống lại Freud là nguyên tắc: tương quan giữa con người và xã hội không phải là tương quan tĩnh chết và bất động (Fromm: "*the relationship between man and society is not a static one*").

Xã hội chẳng những đè nén, chà đạp, mà lại còn giữ vai trò sáng tạo (creative function).

Bản tính con người, những khát vọng, tính tình và những nỗi lo sợ hãi hùng của con người đều là sản phẩm văn hoá; nói như thế, chính nỗ lực của con người đã và đang sáng tạo ra con người; chính con người là sáng tạo và sự thành tựu quan trọng nhất do nỗ lực liên tục của con người.

## 2.

Có thể định nghĩa một cách giản dị rằng lịch sử là sự ghi chép những nỗ lực không ngừng của con người.

Tìm hiểu tiến trình sáng tạo con người trong lịch sử chính là đối tượng của khoa tâm lý xã hội. Mỗi giai đoạn lịch sử mang một sắc thái đặc biệt; tính tình con người không phải nhất định: bản tính con người uyển chuyển thay đổi không ngừng. Hiển nhiên,

ai cũng nhận rằng tính tình con người thay đổi từ giai đoạn lịch sử này đến giai đoạn lịch sử khác. Tâm trí con người thời lãng mạn khác thời cổ điển, thời Đường khác thời Minh, thời Văn nghệ Phục hưng ở Âu châu khác thời Trung cổ. Cơ cấu tính tình con người ở thời Tư bản độc tôn khác hồi thế kỉ XIV.

Khoa tâm lý học xã hội phải cắt nghĩa lý do tại sao những khả năng mới và những đam mê mới, tốt hoặc xấu, đã xuất hiện trong một giai đoạn nào đó, Fromm cho ví dụ rằng từ thời Phục hưng văn nghệ ở Âu châu cho đến nay, con người thường nung nấu say đuổi danh vọng; ngày nay việc chạy đuổi theo danh vọng rất là thường tình, nhưng ở xã hội thời Trung cổ, con người ít có tham vọng như vậy. Cũng vào thời đó, con người Âu châu phát triển cảm giác thưởng ngoạn vẻ đẹp thiên nhiên mà trước kia, họ chưa phát triển cảm giác ấy. Ở những nước Bắc Âu, từ thế kỷ XVI trở đi, con người đã phát triển khuynh hướng lao công; ở vào những thế kỷ trước, con người chưa phát triển khuynh hướng ấy.

Lịch sử làm ra con người; nhưng tương quan giữa con người và lịch sử không phải chỉ một chiều như vậy; vì đồng thời con người cũng làm ra lịch sử.

### 3.

Con người thực hiện nỗ lực và nỗ lực thực hiện con người; nói một cách khác, con người tạo ra nỗ lực và nỗ lực tạo ra con người. Tiến trình sáng tạo con người trong lịch sử đi như sau; con người tạo ra lịch sử và rồi lại nô lệ vào lịch sử; sau đó, con người cố gắng tự giải thoát khỏi lịch sử, rồi lại sáng tạo ra lịch sử, sau cùng lại cũng nô lệ vào lịch sử. Cứ thế, lịch sử đi vòng tròn; cũng như con người đi vòng tròn theo như lịch sử.

Hiện nay, tiến trình con người và lịch sử đang nằm vào thế thẳng của lịch sử. Thế kỷ XX là thế kỷ con người trở thành nô lệ của lịch sử nghĩa là lịch sử sáng tạo ra người. Thoạt nhiên, con người sáng tạo ra máy móc, rồi hiện nay bị nô lệ máy móc và trở thành máy móc.

Nhưng con người không phải chỉ bị lịch sử sáng tạo; mà lịch sử cũng bị con người sáng tạo (Fromm: *But man is not only made by history - history is made by man*).

Erich Fromm cho rằng sự giải quyết mỗi mâu thuẫn này là phạm vi của tâm lý học xã hội; nhưng tôi nghĩ rằng tâm lý học xã hội sẽ bất lực và chỉ có thể đi chung quanh vấn đề thôi, nghĩa là chỉ giải thích đại khái, chứ không thể giải quyết được. Sự giải quyết mâu thuẫn giữa lịch sử và con người nằm trong phạm vi bản thể luận, siêu hình học, tôn giáo, v.v...

Tâm lý học xã hội chỉ có thể trình bày tiến trình biến đổi của những đam mê, thèm khát và lo âu sợ hãi như là kết quả của tiến trình xã hội; và trình bày ngược lại rằng những năng lực của con người được kết thành những hình thể đặc biệt để trở thành những lực lượng sáng tạo dùng để un đúc uốn nắn ra tiến trình xã hội.

Chẳng hạn như, theo Fromm, lòng tham danh vọng, tham thành công và khuynh hướng lao động của con người là những động lực quyết định mà nếu không có những động lực này thì tất nhiên chế độ tư bản hiện đại không thể nào phát triển được.

### 4.

Trong quyển *Van Gogh, le suicidé de la société*, thi sĩ Antonin Artaud đã lấy hết tâm lực thiết tha mà bệnh vực rằng Van Gogh không phải là một người điên (Antonin Artaud: "*Non, Van Gogh n'était pas fou, mais...*"); sở dĩ Antonin Artaud nói như vậy là vì ông muốn đẩy lui sự bất công tàn nhẫn của những con người tầm thường đối với thiên tài phi thường của Van Gogh; nói khác đi, Antonin Artaud muốn đặt lại một bảng giá trị mới cho con người nhất là đặt lại hai ý niệm về tầm thường và điên loạn.

Xã hội gồm có hai hạng người chính: hạng người có đầu óc bình thường (normal) và hạng người có đầu óc thác loạn, điên loạn, bất quân bình (neurotic).

Trong một cuộc chạm mặt giữa hai hạng người trên, thường thường người bình thường hay có thái độ chiếu cố từ trên nhìn xuống hoặc tỏ lòng thương hại hoặc tỏ lòng khinh bỉ: "anh chỉ là thằng điên". Tất nhiên dù thương hại hay khinh bỉ, người có trí óc bình thường đều tỏ thái độ rõ rệt rằng người bình thường cao hơn người điên, giá trị hơn người điên.

Đó là một sự lầm lẫn lớn lao mà hầu hết mọi người đều không ý thức. Chúng ta không được quyền thương hại hoặc khinh bỉ người điên, trái lại, chúng ta bị bắt buộc phải kính trọng người điên vì người điên cao hơn người bình thường trong bảng giá trị nhân bản. Hầu hết những nhà y sĩ thần kinh hay những nhà phân tâm học đều không nghĩ như trên. Chỉ trừ Erich Fromm là đã nhận thấy bảng giá trị nhân bản thực sự và địa vị của người điên trong bảng giá trị ấy.

Hầu hết những y sĩ thần kinh hay những nhà phân tâm học hay nhiều người đều bệnh vực cơ cấu xã hội và cho rằng bất cứ người nào không thể thích nghi, thích ứng với xã hội thì không đáng sống ở đời, tức là không còn giữ được giá trị con người nữa. Con người bình thường là con người có thể thích nghi, thích ứng với xã hội; còn con người điên loạn không thể nào sống thích nghi thích ứng với xã hội được.

Sự thực không giản dị như thế. Chính Fromm đã nhận thấy rằng con người bình thường (theo nghĩa thích nghi được với hoàn cảnh xã hội) thường khi không được lành mạnh như con người điên ở trong bảng giá trị nhân bản (Fromm: "*the person who is normal in terms of being well adapted is often less healthy than the neurotic person in terms of human values*").

Xét cho tận cùng, ta thấy con người thích ứng chỉ có thể thích ứng được là vì họ đã chối bỏ bản ngã, họ đã hy sinh bán mất tâm hồn họ để đổi lấy sự thích ứng trên; vậy, cái tính chất thực thụ và lòng hồn nhiên tự nhiên của họ đã bị đánh mất.

Họ không còn là họ; họ mang mặt nạ. Họ đầu hàng trước những công thức; vì thế họ không còn hồn nhiên bỡ ngỡ trước cuộc đời; họ không khác gì một lưỡi dao cùn; họ có những phản ứng giả tạo hoặc máy móc; họ dễ bị lôi đi; họ không còn tinh thần sáng tạo; chính những người như họ đã đưa nhân loại đến những thảm trạng hãi hùng nhất hiện nay.

Trái lại, người điên loạn là con người không chịu đầu hàng; họ điên là vì họ không chịu chấp nhận công thức xã hội; họ muốn cứu giữ bản ngã nhưng họ thất bại; và họ tìm giải thoát trong điên loạn, rút lui vào một thế giới ảo hoặc kỳ lạ. Vì thế đứng trên quan điểm giá trị nhân bản, người điên ít bại hoại hơn là hạng người đánh mất trọn cả tính tình.

Hiển nhiên, ngoài hạng người (điên loạn và bình thường), cũng có một hạng người

khác rất ít thấy, đó là hạng người không điên loạn mà vẫn có thể giữ được cá tính mình trong khi thích ứng thích nghi với những đòi hỏi của xã hội.

Đứng trên quan điểm theo những giá trị nhân bản, xã hội điên loạn là xã hội mà con người đã đánh mất cá tính nhân phẩm của mình (như những người thích nghi với xã hội bằng cách đánh chìm tâm hồn mình); nhưng có bao giờ xã hội tự nhận là điên loạn? Chỉ có những người điên là chịu đựng bao nỗi bất công tủ nhục.

## 5.

Lúc con người cô độc cảm thấy sống trong tình trạng bất an, lúc ấy hẳn chỉ nghĩ đến những đường chạy trốn.

Khi còn bé nhỏ, hẳn được sống trong một trạng thái tâm hồn tương đối thanh bình hơn; nhưng khi lớn lên, lúc bước vào cuộc sống và đi làm nuôi thân, lúc đã ý thức rằng mình là người, hẳn phải đối mặt với đời và cảm thấy bơ vơ, hẳn cảm thấy cuộc đời đứng bên ngoài hẳn, một thực thể hoàn toàn biệt lập. Hẳn cảm thấy cô đơn và hoàn toàn bất lực; hẳn không thể chịu đựng được nữa; thế là hẳn chạy trốn.

Đường chạy trốn mở ra nhiều lối nhưng tựu trung, ta thấy có hai đường chính; một đường đưa đến sự sống và một đường đưa đến sự chết (chết trong tâm hồn hoặc thể xác).

Nếu may mắn hẳn đi vào con đường đi đến sự sống thì hẳn sẽ tìm đến chân trời tự do thực sự; hẳn tự nối liền hẳn với cuộc đời trong tình yêu, tình thương, trong việc làm, trong những khả năng trí thức sáng tạo, trong sự bày tỏ chân thành, thể hiện đời sống nội tâm. Sự nối liền của hẳn với cuộc đời được xây dựng trên tính chất *hồn nhiên tự nhiên* chứ không máy móc hay có sự tính toán của lý trí. Như thế, hẳn trở thành một với người đời, thiên nhiên và với cả chính hẳn; hẳn sống điều hoà thanh bình với tâm hồn hẳn và tâm hồn rộng lớn của vũ trụ; hẳn cảm thấy sống với mọi người mà vẫn giữ được sự độc lập và sự nguyên vẹn của cá tính bản ngã.

Nếu chẳng may hẳn đi vào con đường đưa đến sự chết thì hẳn sẽ rơi thụt lùi lại đằng sau, hẳn phải đánh mất sự tự do của hẳn và để khỏi đau khổ cô đơn, hẳn cố gắng bôi mất tâm hồn bằng cách thụ động đua chen vào cuộc đời; con đường thứ hai này không thể nào đưa hẳn đến tự do và cũng không thể nào nối liền tâm hồn hẳn với tâm hồn rộng lớn của đời sống; trong một lúc sợ hãi; trong một tình cảnh đầy đe dọa hãi hùng, hẳn không thể chịu đựng nổi và hẳn liền chạy trốn; bất cứ sự chạy trốn nào cũng đều mang tính chất bắt buộc và tính chất rõ ràng nhất của sự chạy trốn là sự đầu hàng của cá tính và sự đánh mất trạng thái nguyên vẹn của tâm hồn. Con đường thứ hai nhất định không thể nào đưa hẳn đến thanh bình tâm hồn, hạnh phúc nội tâm và tự chân thực, tích cực; theo nguyên tắc, con đường thứ hai này luôn luôn đưa đến tất cả những hiện tượng thần kinh suy nhược, thác loạn, điên loạn, mất thăng bằng trí não. Đi vào cuộc sống, hẳn có những cử chỉ hành động như một cái xác không hồn và những phản ứng thái độ của hẳn luôn chỉ là những phản ứng máy móc, tự động, bắt buộc. Hẳn trở thành tổng số của những thói quen; tinh thần sáng tạo bị bóp chết trong trứng.

## 6.

Tính chất nổi bật nhất trong sự chạy trốn là chạy trốn chính bản thân mình; vì chạy

trốn bản thân mình, nên hẳn ném mất sự độc lập của bản thân và tâm hồn hẳn, và hẳn tìm hết cách đánh chìm bản ngã vào một người khác hoặc một cái gì khác ở bên ngoài hẳn để tìm thấy một sức mạnh bên ngoài mà hẳn cảm thấy thiếu thốn. Ý thức cắt đứt giây liên lạc nguyên thủy của con người với thế giới bên ngoài, bây giờ ý thức đau đớn và chạy đi tìm một thứ giây liên lạc khác; nhưng ý thức lại đánh lừa ý thức.

Con người tự đồng hoá vào một cái gì quan trọng và con người chạy trốn bằng cách bám vào sự quan trọng ấy; hay ngược lại con người tự đồng hoá với sự yếu đuối, sự nhún nhường, sự nhỏ bé thấp mọn để chạy trốn vào sự vuốt ve, lòng thương hại của kẻ khác.

Hai hình thức chạy trốn dễ thấy là; tranh đấu cho sự đầu hàng và tranh đấu cho được sự thống trị. Khuynh hướng thứ nhất, trong danh từ tâm lý học mang tên là "masochistic", nghĩa là tự mình gây khổ cho mình, thích gây khổ cho chính mình; khuynh hướng thứ hai, gọi là "sadistic", nghĩa là gây khổ cho người khác.

Cả hai khuynh hướng này đều xuất phát từ nỗi cô độc cùng cực, sự bơ vơ ngạt thở của con người.

## 7.

Những hình thức thông thường của khuynh hướng đầu hàng hay khuynh hướng tự do đau khổ (masochistic) là những cảm giác tự ty, cảm giác bất lực, cảm giác bản thân thấp hèn. Nếu ta phân tích những người bị ám ảnh bởi cảm giác này, ta nhận thấy rằng mặc dù ý thức họ phàn nàn than thở về những cảm giác này và tỏ vẻ muốn dứt bỏ hết những cảm giác tự ty ấy; song, trong thâm tâm họ, trong tiềm thức họ thì có một sức lực vô hình bên trong thúc đẩy họ vuốt ve mơn trớn những cảm giác bé nhỏ hèn mọn này.

Hạng người này thích hành hạ bản thân, thích xem nhỏ con người mình, tỏ vẻ yếu đuối và không thể làm chủ sự vật được; họ thường phóng đại nỗi đau khổ và sự bất lực yếu đuối của họ; sự thực thì những cảm giác của họ xuất phát do tưởng tượng, chứ thực ra thì sự nhược điểm, khuyết điểm, tính yếu đuối của họ không phải như họ tưởng. Hiển nhiên, hạng người này thường hay nương tựa vào những sức lực bên ngoài họ, nương tựa vào những kẻ khác hay tạo vật. Họ thường nhu nhược, không hiên ngang, họ không thể làm những điều họ muốn làm, họ thường dễ bị lôi đi và buông mình theo những mệnh lệnh của những sức lực bên ngoài họ. Thường khi, họ không thể nào thể hiện được câu "tôi muốn" hay "tôi là". Chưa đánh giặc, họ đã xin đầu hàng vô điều kiện. Đối với họ, cuộc đời và thế gian bên ngoài là một sức lực hùng mạnh hoàn toàn lấn át họ, họ không thể nào tự làm chủ và tự chiến thắng sự yếu đuối của họ.

Trong những trường hợp cực đoan, ta thấy có những người thuộc hạng này thường bán mất tâm hồn họ cho những sức lực bên ngoài, họ thường có khuynh hướng hành hạ dày vò ray rứt day nghiền mình, tự mình gây đau khổ cho mình.

Khuynh hướng này còn mang nhiều hình thức khác. Chẳng hạn, ta thấy có những người hay tự kết án họ và tự chửi rủa chỉ trích họ một cách tồi tệ; họ thích tự đả kích họ một cách tàn nhẫn đến nỗi kẻ thù họ cũng khó lòng tưởng tượng được.

Trong một vài trạng thái thần kinh suy nhược, ta thấy có một hạng người thích được bệnh hoạn đau yếu; và một cách ý thức hay vô ý thức, họ thấp thòm chờ đợi cơn



bệnh như là đón chờ quà tặng của người thân yêu (nói mạnh hơn như Fromm: “như là quà tặng của những thần linh”).

Thường thường họ tưởng tượng những tai nạn cho họ và nhiều khi những tai nạn tưởng tượng ấy có thể trở thành sự thực, mà nguyên nhân cũng là do khuynh hướng tiềm thức hoạt động trong người họ khiến cho sự tưởng tượng ấy trở thành sự thực.

Fromm đưa ra những trường hợp để làm thí dụ, chẳng hạn như có những người không thể trả lời những câu hỏi trong lúc đi thi cử; mặc dù lúc đi thi ấy, họ có thể hiểu biết hết những câu trả lời. Có những kẻ khác thích (trong tiềm thức hay ý thức) gây tai nạn hoặc thất bại hoặc sự hiềm khích cho mình bằng cách chỉ trích, khiêu khích sự hờn giận của những người mà họ yêu mến hay những người họ phải nương tựa vào để sống; xét cho cùng, trong tận đáy lòng, họ vẫn cảm thấy thân thiết mến yêu những người ấy và họ cũng thường ít khi có ý định nói lên những lời lẽ phiền rầy như vậy.

## 8.

Ngoài những hình thức của khuynh hướng tự gây khổ cho mình như trên, chúng ta thấy có những hình thức khác của một khuynh hướng đi ngược lại, đó là khuynh hướng thống trị hay gây khổ cho người khác (sadistic tendencies).

Khuynh hướng này thường gồm ba loại; loại thứ nhất là làm cho kẻ khác nương tựa vào mình và lấy quyền lực tuyệt đối vô hạn của mình để chế ngự kẻ khác, làm kẻ khác trở nên những dụng cụ của mình. Loại thứ hai chẳng những thích thống trị kẻ khác một cách tuyệt đối, mà lại còn thích khai thác, lợi dụng, đánh cắp, rút tĩa về mình những gì có thể rút tĩa được ở người khác. Tham vọng này chẳng những hướng về vật chất mà còn cả những tính chất trí thức hay tình cảm của kẻ khác. Loại thứ ba là thích thú làm cho người khác đau khổ và nhìn người khác đau khổ. Hạng người này thích phi báng, sỉ nhục, gây khổ làm phiền muộn cho kẻ khác.

Đứng về phương diện xã hội, khuynh hướng tự gây khổ cho mình không nguy hại bằng khuynh hướng gây khổ cho người khác. Hạng người theo khuynh hướng gây khổ cho người khác thường ít có ý thức việc làm của họ hơn là hạng người tự gây khổ cho mình và họ thường hay viện lý do bào chữa nhiều hơn.

Họ thường nuôi ảo tưởng tốt đẹp về họ; họ làm khổ kẻ khác, nhưng họ cho rằng hành động ấy hợp lý vì họ viện lý rằng sở dĩ họ làm như thế vì họ chăm sóc lo nghĩ nhiều đến kẻ khác, chẳng hạn họ lý luận đại loại như vậy: “Tôi đã tàn nhẫn với anh, tôi đã đè nén, cai trị anh, vì tôi muốn làm điều tốt cho anh và làm lợi cho anh, vậy anh phải tuyệt đối theo tôi, không được chống cự lại, tôi hiểu anh, vân vân”. Hoặc họ cũng lý luận: “Tôi là thiên tài độc đáo, tôi có quyền đối xử với anh như thế này, tôi có quyền đối xử với anh như thế kia, v.v.” Họ cũng viện lý để bào chữa khuynh hướng lợi dụng khai thác của họ như vậy: “tôi đã giúp đỡ anh quá nhiều, bây giờ tôi được quyền lợi dụng anh những điều gì mà tôi cần thiết.” Hạng người này cũng có kẻ hiểu chiến gây sự và thích biện lý đại khái như: “tôi đã bị người khác làm khổ nhiều; bây giờ tôi phải được làm khổ lại để trả thù”, “Tôi đánh anh trước là vì tôi muốn tự bảo vệ và bảo vệ gia đình hay bị bạn bè tôi khỏi bị anh đánh, vân vân”.

## 9.

Trước khi nói rõ hơn về nguồn gốc của khuynh hướng này, chúng ta hãy xác định lại hai chữ "Masochistic" và "sadistic". Chữ *Masochistic* là tính từ của danh từ *Masochism*; thông thường trong tâm lý học, *Masochism* có nghĩa là khuynh hướng tình dục ưa thích bị thống trị hoặc bị đối xử tồi tệ; khuynh hướng này thích bị người khác hành hạ mình, thích gây đau khổ cho mình. Chữ *Masochism* xuất xứ từ tên của một tiểu thuyết gia người Áo, Von Sacher Masoch (1836 -1895); tác phẩm ông thường mô tả ám ảnh bệnh hoạn về khuynh hướng này.

Chữ *Sadistic* là tính từ của danh từ *Sadism* bởi chữ Pháp *Sadisme* do tên của văn sĩ Pháp là Marquis de Sade (1740 – 1814); người ta dịch *Sadism* là "khuynh hướng bạo dâm", Marquis de Sade là tác giả những quyển tiểu thuyết mà những nhân vật đều tàn bạo thích thú gây đau khổ cho người khác.

Chúng ta thấy rằng khuynh hướng đầu hàng hay khuynh hướng tự gây khổ (masochism) và khuynh hướng thống trị hay khuynh hướng gây khổ cho người khác (*Sadism*) đều dùng để chỉ những xung động tình dục (xin đọc Satre trong *L'Être et le Néant*, trang 431-484).

Nhưng đến Fromm thì hai khuynh hướng này không giới hạn lại trong phạm vi tình dục mà lại bao quát cả một phạm vi; vì, đối với Fromm, nguồn gốc của hai khuynh hướng này là sự chạy trốn của con người trước cảm giác cô đơn và bơ vơ bất lực của mình. Hẳn cô đơn quá đến nỗi không còn chịu đựng được nữa và hẳn liền chạy trốn trong hai khuynh hướng trên hoặc khi thì chạy trốn vào khuynh hướng đầu hàng, khi thì chạy trốn vào khuynh hướng thống trị. Hẳn không thể chịu đựng được nữa; hẳn liền chạy tìm người khác hay một vật gì khác để cột buộc bản ngã hẳn vào đó; làm như thế, hẳn muốn quên mất đi bản ngã của mình và được cảm thấy an ninh bằng cách đánh mất cá tính của mình.

## 10.

Fromm dùng danh từ "*Symbiosis*" (tình trạng cộng sinh) để cội mục đích căn bản của khuynh hướng *Sadism* (gây khổ cho người) và khuynh hướng *Masochism* (tự gây khổ cho mình).

Trong nghĩa tâm lý học, "*Symbiosis*" (Hy Lạp *Sym* là "với", và *bios* là "sống", "sinh") có nghĩa là kết hợp một bản ngã với một bản ngã khác (hay sức lực nào khác ở bên ngoài). Sự kết hợp này trở thành duy nhất đến nỗi mỗi bên đều mất tính cách nguyên vẹn của mình và hai bên đều mất nương tựa vào nhau hoàn toàn.

Khuynh hướng *Sadism* mặc dù thoát nhìn thấy khác khuynh hướng *Masochism*; nhưng đứng về mặt tâm lý học mà xét thì cả hai đều có khuynh hướng đều có chung một nguồn gốc, một nhu cầu, cùng chung xuất phát từ sự bất lực của con người trước nỗi cô đơn của thân phận mình.

Người thích gây khổ cho kẻ khác cần kẻ khác để giải quyết sự chạy trốn của mình; cũng như người thích tự gây khổ cho mình cũng cần kẻ khác để hành hạ mình. Một bên tìm cách muốn chạy trốn bằng cách "nuốt" người khác, một bên tìm cách chạy trốn bằng cách để bị "nuốt". Đó là tình trạng cộng sinh (*Symbiosis*). Trong cả hai trường hợp, tính cách nguyên vẹn của cá tính đều bị đánh mất. Một bên thì chìm vào người khác, một bên thì để người khác chìm vào mình. Tình trạng cộng sinh chỉ đưa con người đến chỗ chết, trên phương diện vật chất hoặc tinh thần.

Tương quan cộng sinh xuất phát từ sự bất lực của con người trong việc chịu đựng sự cô độc của bản ngã, cá tính mình. Vì thế, ta không lấy làm ngạc nhiên khi thấy khuynh hướng Sadism và Masochism đều hoà trộn lẫn nhau. Bên ngoài, hai khuynh hướng có vẻ như mâu thuẫn với nhau, nhưng thực sự thì cả hai đều bám rễ nơi một nhu cầu khẩn thiết của thân phận con người. Không ai là hoàn toàn có khuynh hướng Sadism, cũng không ai hoàn toàn chỉ có khuynh hướng Masochism; hai khuynh hướng này luân phiên thay đổi nhau trong một người, khi một bên nhiều, khi một bên ít hoặc ngược lại; nhưng dù sao, trong cả hai trường hợp, sự tự do của con người đã bị đánh mất. Mất theo cả bản ngã và cả nhân phẩm hay giá trị con người.

Bất cứ một triết lý hay một ý thức hệ nào được xây dựng trên một trong hai khuynh hướng trên đều không đáng gọi là nhân bản, vì cả hai khuynh hướng trên đều là những khuynh hướng chạy trốn sự tự do của con người. "Escape from Freedom" (Fromm).

D. H. Lawrence có viết như vậy: "Sự chạy trốn không phải là một sự giải quyết. Khi người ta chạy đi thực xa, người ta thấy rằng trái đất thì tròn và nếu người ta tiếp tục chạy nữa thì sau cùng người ta thấy mình vẫn còn đứng lại trước cửa nhà mình, đứng trước ngôi nhà mà mình đã chạy trốn. Đó là số phận con người". (D.H. Lawrence, *Etudes sur la littérature classique américaine*, trang 178).

D. H. Lawrence đã nói một câu thắm thía và phải chăng chính D. H. Lawrence đã tự nói về mình? Và cũng nói luôn về mỗi một người trong chúng ta?

## Chương bảy

### Ý thức thoát ly - Ngày trở về của đứa con hoang hay là A. F. Schmidt, Thomas Wolfe và André Gide

#### 1.

Augusto Frederico Schmidt là một thi sĩ xứ Ba Tây (Brésil) ở Mỹ châu La tinh.

Thomas Wolfe là thiên tài dị thường của văn học Mỹ. Ai cũng biết André Gide là nhà văn Pháp, giải Nobel năm 1947. "Ngày trở về của đứa con hoang" là một câu chuyện ngụ ngôn trong Thánh Kinh Thiên Chúa (Luc XV, II, 32).

Trong kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* (Saddharma Pundarika Sutra) của Phật giáo, chúng ta cũng thấy câu chuyện ngày trở về của đứa con hoang (Phần thứ 4, truyện "cùng tử") nhưng truyện đứa con hoang trong kinh *Pháp Hoa* mang một ý nghĩa thâm sâu, khác hẳn với truyện đứa con hoang trong Thánh kinh Thiên Chúa. Đứa con hoang trong kinh Pháp Hoa trở về nhà cha *mà không biết rằng mình đã về nhà cha*; như thế sự trở về ấy không thể gọi là sự trở về và sự kiện này đã nói lên sự giải thoát của con người bằng chính nỗ lực riêng tư của mình, còn đứa con trong Thánh kinh thì trở về nhà cha và biết rằng mình trở về nhà cha, hơn nữa sự trở về này là do sự yếu đuối của đứa con.

Sự khác nhau căn bản ở trên đã dẫn đến những chỗ dị đồng khác, mà chương này chỉ giới hạn trong "ý thức thoát ly".

## 2.

Dở lại Phúc Âm Thánh Luc (Chương XV), ta đọc:

*Người nọ có hai đứa con trai. Đứa ít tuổi hơn thưa cùng cha: "Xin cha cho con phần gia tài của con". Người cha liền chia gia tài. Mấy ngày sau đứa con thứ nhất nhặt tất cả của cải của mình và đi tới một phương xa đem tiền ra phung phí trong những cuộc chơi bởi tử sắc. Khi y đã tiêu hết tiền thì ở phương ấy bỗng xảy ra nạn đói kém trầm trọng. Y khởi sự thấy thiếu thốn nên phải xin đến giúp việc cho một thế gia trong vùng, người này sai y về ruộng chăn heo. Chàng thanh niên thực muốn nhét đầy bụng thứ đậu dành cho heo ăn mà chẳng ai cho.*

*Hồi tưởng lại mình, y tự nhủ: Có biết bao nhiêu người làm công trong nhà cha ta có bánh ăn dư thừa mà ta đành chết đói ở đây!... Ta phải chỗi dậy đi tìm cha ta. Ta sẽ thưa cùng người: "Lạy cha, con thực đáng tội với Trời, với cha; con không còn đáng gọi là con của cha nữa; con chỉ xin cha đãi con như người làm công trong nhà". Chàng bèn chỗi dậy và đi về tìm cha. Từ xa, người cha đã trông thấy chàng. Bối rối vì cảm động, ông chạy ra đón con, ôm chầm lấy cổ con và hôn con luôn mãi. Người con mở đầu: "Thưa cha, con thực đắc tội với Trời, với cha, con không đáng gọi là con của cha nữa." Song người cha đã kêu bảo tôi tớ: Hãy mau mau đem áo của con ta ra bện cho nó; hãy lấy nhẫn đeo vào tay nó, lấy dép xỏ vào chân nó. Hãy đem một con dê béo ra làm thịt đi! Phải làm một bữa tiệc thật linh đình! Vì con ta đây đã chết, nay lại sống lại, đã lạc nay lại tìm thấy..." Bữa tiệc khoản đãi liền nay lúc ấy...*

*Bây giờ người con lớn đang ở ngoài đồng. Khi trở về gần tới nhà, người ấy nghe thấy tiếng đàn hát liền gọi một tên đầy tớ lại hỏi cho biết có việc gì. "Em cậu đã trở về rồi! Ông sai mổ bê béo (ăn mừng) vì thấy cậu vẫn được mạnh giỏi!" Người con lớn tức, giận, không chịu vào nhà. Bấy giờ người cha vội ra năn nỉ con. Đứa con ấy nói: "Con vất vả làm việc với cha từ bao nhiêu năm! Không bao giờ con không vâng giữ lời cha. Thế mà chẳng bao giờ cha cho con một con dê nhỏ để đãi bạn bè. Còn đối với đứa con đã xài phí hết cơ nghiệp cho điếm, thì cha đã vội giết bê béo để ăn mừng, khi nó vừa thoát trở về!"; người cha liền đáp; "Con ơi! Con ở với cha luôn luôn từ trước đến nay. Những gì của cha đều thuộc của con. Nhưng phải làm tiệc ăn mừng vì em con đã chết nay lại sống lại, đã lạc nay lại tìm thấy!" (bản dịch của H. M. T)*

Đứa con trai hoang đàng ấy tượng trưng những gì? Người cha? Đứa con trai lớn? Tôi yêu đứa con hoang đàng ấy lắm và tôi cũng cảm động đau đớn hối hận trước tấm lòng vô hạn của người cha; đứa con trai lớn kia chỉ đáng cho ta thương hại và không đáng cho ta ghét. Đứa con hoang đàng trôi thân lạc chợ ấy cao hơn đứa con trai lớn kia gấp trăm vạn lần.

Đứa con hoang đàng ấy là mỗi người trong chúng ta, là những kẻ phạm tội, những kẻ bê tha rượu chè, những nghịch tử, những kẻ du côn, những kẻ phá trời phá đất, những người ruồng bỏ xã hội hay bị xã hội ruồng bỏ, những kẻ sống ngoài vòng, những kẻ *étrangers*, những *outsiders*, những *exilés*, những kẻ *désaxés*, *déséquilibrés*, những *putains*, những kẻ khùng điên, những tử tù, những hiện tượng thuần tuý, những quái vật, những Raskolnikov hay Sonia hay Kirilov hay Gregor Samsa hay Joseph K. hay Caligula hay Meursault hay Martha hay Sisyphé.

Đứa con hoang đàng bản thủ dơ dáy ấy là Strindberg hay Nietzsche hay Dostoievsky hay Henry Miller hay Van Gogh hay D. H. Lawrence hay Rimbaud hay Lautréamont hay Kafka hay Henry Miller hay Thomas Wolfe hay James Joyce hay Blaise Cendrars hay Lenau hay Leopardi hay Charles Henay Ford hay Caragiale hay Antonin Artaud

hay Jean Genet hay Lucrece hay Eschyle hay Sophocle hay Hàn Mặc Tử hay Przybyszewski hay Knut Hamsun hay Céline...

Người cha ấy là Thượng đế, là Chúa, là Phật, là Xã hội loài người, là Luật Lệ, Thứ Tự, Hạnh phúc...

Tôi tự hỏi: đứa con hoang đàng trác táng ấy đã trở về nhà cha, nhưng liệu hẳn có được hạnh phúc hoàn toàn hay không? hay là hết cực khổ rồi và bây giờ cứ sống mãi trong hạnh phúc thì hẳn đâm ra chán và lại thèm nhớ những miền xa xôi bát ngát? Vâng, cha thương con vô hạn, cha lo lắng săn sóc cho con được hạnh phúc đủ mọi bề, nhưng không hiểu sao, chiều nay, lòng con buồn triền miên, con cảm thấy có gì thiếu thốn đâu đây, trông về sa mạc mênh mông kia, lòng con tê dại, vâng, con đã được ấm cúng dưới mái nhà sang trọng này, nhưng... dường như con thờ không nhịp nhàng, sáng, trưa, tối, ăn, uống, ngủ rồi ngày mai sáng, trưa, tối ăn uống ngủ, rồi sáng trưa tối ăn uống ngủ, sáng trưa tối ăn uống ngủ, sáng trưa tối ăn uống ngủ, SÁNG TRƯA TỐI ĂN UỐNG NGỦ SÁNG TRƯA TỐI ĂN UỐNG NGỦ, SÁNG TRƯA TỐI ĂN UỐNG NGỦ, con muốn điên lên, con đã mất mát nhiều, con tưởng con là cái máy chạy đều đều ngày nào cũng như ngày nào, con chóng mặt; một làn gió từ vườn thoảng đưa vào phòng con, mang theo hương thơm ngào ngạt của những đoá hoa, hoa hồng, hoa huệ, hoa lan, hoa... vàng, vàng, những đoá hoa ấy muốn nhắc nhở con phải lia xa nơi đây, lần này con sẽ không trở lại, không trở về như lần trước nữa; vâng, ở xa cha ngàn vạn dặm, nhưng tình yêu của đứa con đối với cha còn nồng nàn thắm thía hơn là ở đây, những rừng hoa man dại ngào ngạt đang chờ đợi con ở cuối trời, ở đây đầy đủ thừa thãi cơm gạo tiền bạc heo bò đầy tớ, thừa thãi bánh ngon chần ấm, thừa thãi, thừa thãi... nhưng ở đây thiếu sương mù ban mai, thiếu tiếng chim, thiếu những dòng suối ngẫu bọt, thiếu ánh trời lung linh bên triền núi, thiếu cây, thiếu lá, thiếu hơi lạnh triền miên, thiếu mùi thơm thảo dã, thiếu mây trắng vắt ngang đồi, thiếu cỏ xanh tơ non, thiếu vạt cánh bướm ngập ngừng, thiếu những chiều vàng thung lũng, thiếu hết, thiếu hết... vâng, con biết lần này con đi, con sẽ khổ sở chết đói như lần trước, nhưng con không muốn chết trong khi con nghệt thở, con chỉ muốn chết sau khi hơi thở con đã nhẹ nhàng tha thướt với đất trời, con chỉ muốn chết giữa bụi giữa rừng rú, con chỉ muốn chết sau khi đã sống trọn vẹn với lòng con; *vì quá thương yêu cha, nên con mới bỏ cha mà đi...*

*Tôi tưởng tượng như trên, nhưng tôi nghĩ cũng có kẻ khác không nghĩ thế; mỗi người có một đời sống, tôi không phê bình phán đoán lối sống của anh và xin anh cũng đừng phê bình phán đoán lối sống của tôi. Cám ơn anh.*

### 3.

Paul Claudel, Julien Green, Gabriel Marcel, Graham Greene, Charles Dus Bos, Francis Jammes, Thomas Merton đã trở về mái nhà cha và đã sống hạnh phúc với cha. Họ không bao giờ muốn bỏ nhà ra đi nữa, bởi vì họ đã hạnh phúc. Mặc dù họ cũng có những xao xuyến khắc khoải ray rứt siêu hình diêu vợi, nhưng họ vẫn nghĩ rằng họ chỉ có thể sống được trong mái nhà của cha mà thôi, họ nghĩ rằng chỉ có con đường duy nhất để dẫn đến Tình yêu; con đường ấy là mái nhà của cha, ở bên cạnh cha, là phụng sự cha, Augusto Frederich Schmidt cũng nghĩ như thế.

Từ lúc thi sĩ Jorge de Lima từ trần, những thi sĩ dẫn đầu ở Ba Tây là Manuel Bandeira, Carlos Drummond de Andrade và Augusto Frederico Schmidt (cf. *New World Writing*, 7<sup>th</sup>. Mentor Selection, 1955, trang 195).

Augusto Frederico Schmidt Ernest sinh năm 1906 tại Rio de Janeiro và ngày nay rất nổi tiếng ở Ba Tây. Một trong những bài thơ hay nhất của Augusto Frederico Schmidt là bài "Ngày trở về của đứa con hoang". Đọc bài thơ ấy, tôi khó lòng không nhớ đến bài "Con tôi trở về nhà" của thi sĩ Đức Stefan George. Hai bài đều cảm động xót xa, khiến ta bàng hoàng hồi hận khôn cùng, lòng người cha thật mênh mông lai láng.

*Sắc hồng vẫn còn nhuộm và đốt cháy trên đôi má con:*

*Trái cây chín mau*

*(.....)*

*Tay cha ôm chặt*

*Một kẻ thờ ơ lạnh lùng, đã lớn lên và trở hoa*

*Ở những miền xa xôi miên viễn*

*Đứa con ruột của cha, nhưng hỡi ơi sao quá xa lạ tình cha con!*

*(Stefan George)*

Bài thơ của Augusto Frederico Schmidt khá dài và cũng khiến ta xúc động miên man:

*Những thềm muốn trốn thoát đang giữ kín trong đôi mắt hấn.*

*Đứa con hoang mơ mộng những niềm vui và những nẻo đường trần gian.*

*Vào giờ gia đình đoàn tụ lại quanh bàn mờ để dùng cơm tối.*

*Công việc cực nhọc trên đồng áng vừa xong,*

*Đứa con hoang nuôi những mộng hải hồ và những kế hoạch,*

*Hấn không hiểu sao thế, hấn cảm thấy khác mọi người, khác những kẻ sinh đẻ trong*

*ngôi nhà to lớn của cha hấn. Khác những kẻ làm việc với cha ở cánh đồng.*

*Hấn cảm thấy mình tách rời ra xa cây cổ thụ*

*Những gốc rễ của cây cổ thụ ấy đã dính chặt từ thuở hồng hoang*

*Cùng trong lòng đất, cùng trong những giải đất này*

*Mà mồ hôi của cha, của anh cả, của bà con thân thuộc và những đầy tớ*

*Đã làm đơm hoa nở trái luôn luôn*

*Đứa con hoang đau khổ và vào đêm xưa đôi mắt hấn đã tìm*

*Con đường mới lạ huyền bí để trốn thoát.*

*Và giấc ngủ hấn trĩu đầy hình ảnh như một kẻ điên mừng tượng*

*Đang lúc trong mái nhà tĩnh mịch mọi người đều say ngủ và tìm trong giấc ngủ*

*những đèn bù cho nỗi nhọc nhằn của ngày dài dằng dặc*

*Đứa con hoang bị những hình tượng, những cảm dỗ ám ảnh đè trĩu tâm tư*

*Những vốc dáng ấm áp và những đôi môi mát rượi đã hấp dẫn hấn đến lối sống trụy*

*lạc và hổ thẫm.*

Thế rồi buồn chán tất cả mọi sự, đứa con hoang ấy lên đường đi tìm những "thực phẩm trần gian"; ngày đứa con hoang đàng lên đường, đôi mắt của cha già rưng rưng...

*Không còn gì buồn hơn cái nhìn của người cha lúc con mình từ già*

*Không còn gì buồn hơn cái nhìn của người cha*

*Cảm thấy rằng đứa con mình là một cái gì khác lạ mình*

*Con đường đi con mình khác con đường đi của mình*

*Bỗng nhiên người cha nhận ra đứa con mình.*

*Là một kẻ khác với những tư tưởng xa lạ với mình.*

*Với xa vọng bí ẩn, với những thềm khát lạnh lùng mãnh liệt*

*Giấu ẩn trong trái tim đã tách rời xa tim cha*

Đứa con hoang ấy đã bỏ nhà cha và đi mất biệt; hấn sống bê tha, tiêu hoang hết tiền bạc và trở nên khốn khổ cùng cực:



*Từ những giây phút ban đầu điên loạn của khoái lạc  
Đến những giây phút bề bồng khi thực tế ngược đầu lên.*

Lúc bấy giờ, đứa con ấy mới đau đớn hiểu được tấm lòng chua xót mênh mông của cha già; sống cực khổ quá đỗi, chịu không kham nữa, đứa con ấy lại trở về mái nhà xưa và cha già sung sướng mừng rỡ đón tiếp đứa con thân yêu ngu dại của mình:

*Hãy vui chơi đi bây.  
Đứa con ta đã mất và ta đã tìm lại được.  
Đứa con ta đã đi hoang và đã trở về nhà.  
Đứa con ta đã mù và bây giờ đây được thấy lại.*

Bài thơ của Augusto Frederico Schmidt khá dài, nhưng tôi chỉ trích vài đoạn như trên thôi; tôi không thể nào dịch lại cho đàng hoàng; tôi đã làm mất hết cả hồn thơ dồn dập của A. F. Schmidt.

Đứa con hoang của A. F. Schmidt đã trở về đoàn tụ với gia đình và qua dòng thơ, người ta hiểu rằng từ đây trở đi, đứa con ấy đã an phận và sống vui sướng thanh bình trong mái nhà êm ấm: đứa con hoang đã hối hận vì đã bỏ nhà đi và hẳn đã không hạnh phúc và bây giờ hẳn đã tìm lại hạnh phúc; hẳn đã mù và bây giờ hẳn đã mở mắt ra trông thấy mọi sự, hẳn đã tỉnh thức và đã hiểu rõ đâu là mộng tưởng viễn vông đâu là thực tế gần gũi. Phải thế không, hỡi đứa con tên là Augusto Frederico Schmidt, tên là Paul Claudel, tên là Thomas Merton?

Nhưng không phải tất cả đứa con hoang đều giống nhau. Còn những đứa con hoang khác nghĩ ngược lại Thomas Merton. Chẳng hạn như Nietzsche, như Henry Miller như André Berton, như André Malraux, như André Gide, như Thomas Wolfe.

#### 4.

Thomas Wolfe là một trong vài ba hiện tượng lạ lùng nhất của văn học Mỹ; Thomas Wolfe chết lúc 38 tuổi (sinh năm 1900 và chết 1938); Wolfe viết văn ào ào như suối chảy, hàng ngàn trang, hàng triệu chữ, hằng đồng bản thảo, ban ngày đi dạy học, tối thức suốt đêm viết, viết, viết... đến lúc mệt Wolfe bước ra ngoài trời khuya lạnh lẽo đi lang thang tê dại khắp đường phố rộng lớn như một thẳng điên. Cà phê, rượu, thức đêm, làm việc đêm, đi đêm, bấy nhiêu cũng đủ giết Wolfe và chàng chết lúc 38 tuổi là cũng phải. Nếu ta gọi Faulkner, Hemingway, John Dos Passos, Eugene O' Neill, John Steinback, Erskine Caldwell là thiên tài, nếu ta gọi những nhà văn trên là thiên tài thì ta phải gọi Thomas Wolfe là siêu thiên tài. Tôi sẽ trở lại Thomas Wolfe, tôi sẽ viết riêng một bài dài (hoặc một quyển sách dày) để gợi lại hình ảnh phi thường phi phi thường của Thomas Wolfe (đối với những con người như Thomas Wolfe, Henry Miller, hay Blaise Cendrars, suốt đời tôi đều phải trở lại thăm viếng luôn; đó là giòng suối ngọt thơm giúp tôi đỡ chết khát giữa cuộc đời nóng bức khô hạn này).

Tôi buồn vì hôm nay tôi chỉ nói rất sơ sài về Thomas Wolfe, nói đến một khía cạnh rất nhỏ là *"Ngày trở về của đứa con hoang"*.

Thay vì bàn đến những quyển tiểu thuyết vĩ đại của Thomas Wolfe như *Look Homeward, Angel* hay *Of Time and the River* hay *The Web and the Rock* hay *You Can't Go Home again*, tôi đành phải nhượng bộ với đề tài hôm nay và chỉ viết về truyện ngắn *"The Return of The Prodigal"* (Ngày trở về của đứa con hoang) trong



quyển *The Hills Beyond* của Thomas Wolfe.

Truyện "The Return of The Prodigal" rất giản dị đơn sơ; câu chuyện rất tĩnh mịch và rất ồn ào. Truyện gồm hai phần: phần đầu rất lặng lẽ, rất tịch mịch; phần sau rất huyền ảo ồn ào; tác giả đưa ta đi vào hai thế giới trái ngược hẳn nhau.

Câu chuyện đơn sơ như vậy: Eugene Gant là một nhà văn rất nổi danh; tiếng tăm vang lừng khắp nơi, đi đâu ai cũng nể vì trọng vọng duy chỉ có quê hương chàng là khước từ chàng, bởi vì chàng đã xây dựng những nhân vật tiểu thuyết theo những người ở quê hương mà chàng đã sống hồi còn bé thơ. Gần như tất cả những người ở quê hương chàng đều phản đối chàng và có kẻ còn hăm dọa chàng; bởi thế *trong vòng bảy năm trời chàng không trở về quê hương nữa, chàng trở thành một kẻ bị lưu đày và một kẻ lang thang giang hồ lãng tử*, And for seven years thereafter he did not go home again, he became an exile and a wanderer ("The Return of The Prodigal", *The Hills Beyond*, Pyramid books, tr. 93). Trong bảy năm trời lang bạt kỳ hồ, chàng vẫn lưu luyến nhớ quê hương, chàng nhớ quê hương đến nỗi chàng tưởng tượng hình dung ngày trở về quê hương như sau: *ngày ấy là một đêm gió loạn vào mùa thu, trong một thành phố bé nhỏ ở một vùng đồi núi quê hương, chàng bước đi lặng lẽ trên một con đường hoang vắng và mưa rơi lạnh lẽo, gió lướt lê thê buồn thảm, cũng những nhà cửa ấy như độ nào nhưng bây giờ trông thế lương biết bao, khi bước đi đến một ngôi nhà cũ kỹ nọ, chàng dừng bước, buồn bã nhấn chuông, một bà cụ già yếu chậm chạp bước ra mở cửa, chàng hỏi thuê phòng để ngủ một đêm rồi sáng lên đường; bà cụ lếch thếch dẫn chàng đến một phòng trống lạnh, chàng bợ phờ bước vào; lúc bà cụ đi khỏi rồi, chàng lấy hai tay vò lên mái tóc rối, lắc đầu tắt đèn và đau đớn lắng nghe tiếng giông bão ào ào đập vào nhà, chàng ngủ nhưng rồi đột nhiên bỗng sực thức dậy vì chàng nghe một tiếng nói mơ hồ xa xôi, chàng tự nhủ: *phải chăng đó là giông bão với một triệu tiếng nói? Phải chăng đó là mưa? Phải chăng đó là bóng tối đã vây phủ ngôi nhà cũ của cuộc đời và đem tiếng nói về cho im lặng? Hay đó là sự ghê rợn của im lặng lạnh lẽo đã làm ngày trở về của tôi chẳng thành ngày trở về, đã làm tôi trở thành một kẻ xa lạ trong nhà này, mà chính mẹ của tôi đã quên tôi?**

Is it the storm that has million voices? Is it the rain? Is it the darkness that fills an old house of life and give a tongue to silence? Or is it the terror of cold silence that makes of my returning no return and of me an alien in this house where my very mother has forgotten me? (trang 102) *Bà cụ già yếu cho thuê phòng ấy chính là mẹ chàng và ngôi nhà cũ xưa ấy là ngôi nhà chàng đã sống thuở bé thơ, nhưng hồi đó, mẹ chàng không còn nhận ra chàng nữa.*

Đó là những gì chàng đã tưởng tượng, nhưng tưởng tượng vẫn luôn cách xa thực tại. Chàng đã tưởng tượng chàng sẽ trở về quê hương lặng lẽ âm thầm như trên, nhưng sự thực lại khác, vì lúc chàng trở về nhà, mọi sự đều xảy ra khác hẳn trí tưởng tượng chàng, cả quê hương nhộn nhịp đón rước chàng, bạn bè, người thân quyến thuộc đều kéo đến vây bủa chàng, hỏi chàng, điện thoại réo ầm cả nhà, mẹ chàng phải trả lời liên miên, hết điện thoại của người này mời chàng, đến điện thoại của người khác, chuông điện thoại kéo suốt ngày, rồi những lời nhai nhắng của mẹ; "con hãy nên đi dự...họ có địa vị cao trong xã hội... con nên... ông X giàu có lắm". Truyện chấm dứt với câu sau đây: "Lại điện thoại nữa kìa con! Con hãy chờ một phút - Mẹ sẽ trả lời cho họ". *There goes that phone again! Just a minute, son, - I'll answer it* (trang 119).

Truyện gồm có hai phần: phần thứ nhất là phần Eugene Gant tưởng tượng ngày trở về quê hương; phần thứ hai là Eugene Gant thực sự trở về, chứ không phải tưởng tượng. Trong phần đầu, ta đi vào một thế giới lặng lẽ trầm buồn, ta chỉ bước nhẹ nhẹ

khe khế. Trong phần sau, ta lọt vào một thế giới huyền ảo âm ỉ, làm mệt cả thần kinh.

Truyện "The Return of The Prodigal" chỉ đơn sơ như trên và dù Thomas Wolfe chẳng nói gì rõ ràng nhưng ta có thể thấy được, cảm được nỗi bức mình của Eugene Gant khi trở về quê hương; bảy năm trước, cả quê hương từ bỏ chàng, bảy năm sau lúc trở về, cả quê hương ào đến đón rước chàng, quấy rầy chàng với tiếng chuông điện thoại, với những lời mời mọc âm ỉ, phá mất sự cô đơn, đánh mất đời sống nội tâm của chàng. Mặc dù Thomas Wolfe không nói gì rõ ràng, nhưng ta có thể đoán rằng đứa con hoang ấy (Eugene Gant) sẽ bỏ nhà đi nữa vì không chịu nổi không khí ngột ngạt đó.

Trong tác phẩm cũng như trong cuộc đời, Thomas Wolfe vẫn là một đứa con hoang không bao giờ trở về, dù có trở về nhà đi nữa, rồi sớm muộn gì cũng lại bỏ đi luôn.

Quyển tiểu thuyết cuối cùng của Thomas Wolfe mang nhan đề là *You Can't Go Home again* (Anh không trở về quê hương nữa).

Năm 1937, sau một thời gian luân lạc, Thomas Wolfe lại trở về viếng thăm quê hương, cả quê hương ân cần đón rước Thomas Wolfe nhưng Thomas Wolfe lại cảm thấy rằng "anh không trở về quê hương nữa" và Thomas Wolfe lên đường bỏ đi biệt luôn, đứa con hoang ấy cảm thấy xa lạ nơi quê hương mình.

*Mất mát, mất mãi mãi... Trần trướng và cô đơn, ta bị đi đày. Trong lòng đen tối của mẹ, ta không biết nét mặt của mẹ ta; từ ngục tù của xác thịt mẹ, ta đi vào ngục tù của trần gian này, một ngục tù bưng bít hết ngõ giao thông hết lối để nói. Lost, lost, forever... Naked and alone we came into exile. In her dark womb we did not know our mother's face; from the prison of her flesh we come into the unspeakable and incommunicable prison of this earth (Thomas Wolfe)*

Đối với gia đình và quê hương, Thomas Wolfe là một đứa con hoang. Đối với xã hội, Thomas Wolfe cũng là một đứa con hoang.

*Ta quá mất mát, quá trần trướng và quá cô đơn ở Mỹ châu. Bầu trời mênh mông và tàn nhẫn chiu nặng hạ xuống trên đầu ta và tất cả chúng ta cứ bị đuổi đi mãi mãi và ta không có quê hương. We are so lost, so naked and so lonely in America... Immense and cruel skies bend over us, and all of us are driven on forever and we have no home (Thomas Wolfe).*

Trước Thượng đế, Thomas Wolfe cũng là đứa con hoang. Trong bài tiểu luận "God's Lonedy Man", Thomas Wolfe viết: "Bây giờ mặc dù tôi nhận thấy rằng con đường và ý nghĩa của đời sống Chúa Ky tô rất cao quý, cao quý hơn con đường và ý nghĩa của đời sống tôi, nhưng tôi không thể nào theo lối sống ấy được"

(And now I know that though the way and meaning of Christ's life is a far, far better way and meaning than my own, yet I can never make it mine).

Thomas Wolfe cũng là đứa con hoang như Augusto Frederico Schmidt, nhưng hai người khác nhau, vì Augusto Frederico Schmidt trở về mái nhà cha và đã tìm được an bình hạnh phúc; còn Thomas Wolfe cũng trở về, nhưng không thể nào tìm được an bình hạnh phúc; chàng cảm thấy khắc khoải xa lạ ngay nơi quê hương và chẳng bao lâu, Thomas Wolfe lên đường bỏ nhà đi biệt luôn, làm lãng tử lang thang đến khi thở hơi cuối cùng. André Gide cũng thế.

5.

Trong những tác phẩm của André Gide, tôi thấy biết bao tác phẩm quan trọng như *L'immoraliste*, như *Nourritures terrestres* như *Porte étroite* và *Faux monnayeurs*, nhưng tôi nghĩ rằng chính những tác phẩm của Gide như "Le Retour de l'Enfant Prodigue", như "Thésé", chính những tác phẩm ngắn này đã thu gọn lại tất cả mọi xao xuyến đau thương, mọi chân thành chua xót của Gide.

Gide mượn truyện đứa con hoang trong Thánh kinh và viết lại thành một truyện ngắn khác hẳn. Thay vì có hai người con trai như trong Thánh kinh, truyện "Le Retour de l'Enfant Prodigue" của Gide gồm có đến ba người con trai; Gide xoay đổi ý nghĩa khác hẳn.

Gide viết truyện ngày với tấm lòng đau đớn không cùng:

*"Lạy Chúa, như một đứa con nít, hôm nay con xin quỳ trước Chúa, mặt đầm đầy lệ"*  
(Mon Dieu, comme un enfant, je m'agenouille devant vous aujourd'hui, le visage trempé de larmes).

Sau một thời gian sống bê tha hoang phí hết tiền bạc, đến lúc quá đói khổ, không thể chịu đựng được nữa, đứa con hoang mới trở về nhà cha, đứng từ đồi cao xa xa, hẳn nhìn thấy mái nhà đun khói chiều, nhưng hẳn vẫn chưa về nhà, hẳn chờ cho tối hẳn mới dám về để màn đêm che giấu sự bần cùng của hẳn... *Nhưng hẳn không thể chịu đựng được nữa, hẳn chạy xuống đồi và bước vào sân nhà, chó không nhìn ra hẳn và sủa, hẳn muốn nói với mấy người đầy tớ nhưng chúng ngờ vực tránh ra chạy đến báo tin cho chủ.* Người cha chạy ra dang hai tay đón con và sau đó mở tiệc ăn mừng ngày trở về của đứa con hoang:

*"Hỡi con ơi, tại sao con lại lìa cha?"*

*"Con đã lìa cha thực sao? Thưa Cha. Không phải cha ở khắp nơi sao? Không bao giờ mà con đã không yêu thương cha, không bao giờ..."*

*"Mon fils, pourquoi m'as-tu quitté?"*

*"Vous ai-je vraiment quitté? Père! N'êtes-vous pas partout? Jamais je n'ai cessé de vous aimer."*

*"Cha có một ngôi nhà để giữ con. Ngôi nhà được xây cất cho con. Những thế hệ đã làm việc khó nhọc để tâm hồn con có thể tìm nương náu đó, tìm sự xa hoa xứng đáng, sự tiện nghi và việc làm, con là kẻ thừa tự, vậy tại sao con đã trốn thoát bỏ nhà mà đi?"*

*"Bởi vì Ngôi nhà đã nhốt giam con. Cái Nhà không phải là Cha, Cha ạ."*

*"J'avais une maison qui t'enfermait. Elle était élevée pour toi. Pour que ton âme y puisse trouver un abri, un luxe digne d'elle, du confort, un emploi, des générations travaillèrent. Toi, l'héritier les fils, pourquoi t'être évadé de la Maison?"*

*"Parce que la Maison m'enfermait. La Maison ce n'est pas Vous, mon Père."*

"Sau một thời gian ngắn, hỏi đứa con hoang con còn lại những gì?"

"Con còn lại sự hồi nhớ những vui thú khoái lạc ấy."

"Và sau đó là sự nghèo nàn xơ xác."

"Trong sự nghèo nàn đó, con cảm thấy gần cha, Cha ạ."

"Au bout de peu de temps, que t'est il resté, fils prodigue?"

"Le souvenir de ces plaisirs,"

"Et le dénuement qui les suit."

"Dans ce dénuement, je me suis senti près de vous, Père."

"Thế thì xa cha, con có hạnh phúc hay không?"

"Con không cảm thấy xa cha."

"Vậy thì những gì đã khiến con trở về đây. Hãy kể cho cha nghe."

"Con không biết. Có lẽ là sự làm biếng."

"Étais – tu donc heureux loin de moi?"

"Je ne me sentais pas loin de vous."

"Alors qu'est-ce qui t'a fait revenir? Parle."

"Je ne sais. Peut-être la paresse."

Sau khi đã nói chuyện với cha, đứa con hoang phải đối đáp với người anh cả:

"Hãy kể cho tôi nghe, những gì đã thúc đẩy chú bỏ nhà đi như thế?"

"Em cảm thấy quá rõ ràng rằng Ngôi Nhà không phải là trọn vũ trụ. Em không thể nào mà không muốn tưng đến những nền văn hoá khác, những giải đất khác và con đường để chạy đến nơi đó, những con đường chưa ai vạch ra."

"Dis-moi, maintenant: qu'est – ce qui te poussait à partir?"

"Je sentais trop que la Maison n'est pas tout l'univers. J'imaginai malgré moi d'autres cultures, d'autres terres, et des routes pour y courir, des routes non tracées..."

Hết đối đáp với anh cả, đứa con hoang lại nức nở bên cạnh mẹ, người mẹ âu yếm hỏi con:

"Con có nghĩ rằng con sẽ hạnh phúc khi con xa gia đình."

"Thưa mẹ, con không đi tìm hạnh phúc."

"VẬY con đã tìm gì?"

"Con đã đi tìm coi... con là ai."

"Pensais – tu donc être heureux loin de nous?"

"Je ne cherchais pas le bonheur."

"Que cherechais-tu?"

"Je cherchais... qui j'étais."

Sau đó, người mẹ tỏ vẻ lo âu về đứa con út; người mẹ nhờ hẳn sẵn sóc trông nom đứa em út, bởi vì đứa em út cũng có những cử chỉ hành động như anh nó, cũng muốn hoang đàng bỏ nhà đi như anh nó. Tối đêm đó, hẳn bước vào phòng ngủ của em út, hai anh em nói chuyện đối đáp với nhau khá lâu, sau cùng đứa em út ấy lại lên đường bỏ nhà cha mẹ mà đi, cũng như hẳn ngày xưa. Truyện chấm dứt với lời ân cần nhắn gởi của hẳn trước khi đứa em út lên đường:

"Anh ơi... hãy đi chung với em đi."

*"Thôi hãy để anh ở lại! Hãy để anh ở lại! Anh ở lại để an ủi mẹ. Không có anh, em sẽ can đảm hơn. Đến giờ rồi. Trời bắt đầu xanh nhạt rồi. Em hãy đi đừng làm tiếng động. Hãy đi đi em! Hãy hôn anh, đứa em nhỏ của anh, em đang mang theo em tất cả hy vọng của anh. Hãy mạnh em nhé! Hãy quên gia đình. Hãy quên anh. Ước gì em đừng trở về... Hãy bước im lặng. Anh xách đèn cho..."*

"Mon frère... Pars avec moi."

"Laisse – moi! laisse-moi! je reste à consoler notre mère. Sans moi tu seras plus vaillant. Il est temps à present. Le ciel pâlit... Pars sans bruit. Allons! embrasse-moi, mon jeune frère: tu emportes tous mes espoir. Sois fort; oublie-nous; oublie-moi. Puisse tu ne pas revenir... Descends doucement, Je tiens la lampe..."

Chính đoạn kết luận này đã làm truyện "Le Retour de L'enfan prodigue" của Gide trở nên đặc biệt lạ thường. Đoạn kết luận này đã làm buồn lòng Francis Jammes và Paul Claudel, vì Jammes và Claudel vẫn mong chờ ngày Gide trở lại đạo công giáo (cf. Pierre de Boisdeffre, *Métamorphose de la littérature*, I, trang 118-119).

Thế là Gide vẫn là đứa con hoang và không bao giờ chịu trở về mái nhà cha. Những người bạn thân của Gide như Claudel, Julien Green, Charles du Bos, Jammes đều mong chờ ngày trở về của Gide (tức là theo đạo công giáo) nhưng họ đã thất vọng.

Trong một truyện ngắn cuối cùng, truyện "Thésée", Gide đã viết, "Tôi vẫn là đứa con của trần gian này... Tôi đã sống trọn vẹn". Je reste enfant de cette terre... J'ai vécu.

André Gide đã nói tiếng nói cuối cùng trong "Thésée" (cf. R. M. Albérès, *L'Odyssee d'André Gide*, trang 263-279).

Năm 1951, André Gide từ trần, miệng thì thào: "C'est bien"; tôi nhớ đến Kant, lúc lìa đời, Kant cũng thì thào: "Es ist gut" (C'est bien).

## 6.

*Viết đến đây thì đã quá nửa đêm, tôi phải tắt đèn và đi ngủ ngay, vì ngày mai tôi phải thức dậy sớm để lên đường. Vâng, cũng như Wolfe và Gide, tôi sẽ không bao giờ trở về...*

### Kết luận

#### Ý thức tự quyết - Thư gửi Nietzsche

*Chúng ta phải là những kẻ phá hoại*  
(Nietzsche, *Votonté de Puissance*, cuốn II, tr. 375)

## 1.

*Nha Trang, tháng 6, 1964*

Nietzsche,

Buổi trưa hôm nay, gió thổi quá mạnh. Ngoài cửa sổ, cây rung chuyển ầm lên như những tiếng sóng biển dưới kia. Đôi lúc đứng trên đồi cao này trông xuống biển, tôi chợt thấy quang cảnh dưới kia giống như vùng Portofino mà người đã từng sống trong những ngày cô đơn nhất của đời người.

Nietzsche thân quý, tôi tin rằng người vẫn còn sống, sống hơn bao giờ cả. Tôi tin rằng người đã trở lại trần gian này, trở lại như tất cả sự vật của vũ trụ này. Tất cả mọi sự đều trở lại, *một sự trở về vĩnh cửu*, như ngày xưa người vẫn từng khám phá vào những lúc tâm thức người bừng sáng lên như một vì tinh tú rực ngời trên kia. Tôi tin rằng hiện nay người đang bước lang thang trên một bến bờ xa lạ nào đó, mà mọi người xung quanh không nhận ra nét mặt bi tráng của người, một vẻ mặt đầy phần nộ đau đớn, với đôi mắt sâu thẳm hơn cả những đại dương sâu nhất; người đang buồn khổ bước đi trong những vĩa hè bơ vơ nhất của cuộc đời chỉ đưa mắt ngó nhìn sự vật xung quanh mà không còn muốn mở miệng nói lên một lời nào nữa; người không còn muốn nói nữa, người chỉ muốn im lặng trong nỗi lòng quằn quại của thiên tài, bởi vì tất cả mọi ngôn ngữ của loài người đã bị lở loét; mỗi một lời nói, dù là một lời nói cao đẹp nhất, chỉ là một viên đạn bắn thêm vào thân thể ngắt ngư của nhân loại.

Ngày xưa, người ta từng kêu la đầy chua xót:

*"Nhưng tại sao tôi phải nói khi mà không còn ai nghe tôi nữa? Thôi thì hãy để cho tôi la hét vào tất cả những phương trời gió loạn: Các người đang trở nên nhỏ bé, càng lúc càng trở nên nhỏ bé hơn lên, hỡi các ngài nhỏ bé kia! Các người đang sụp đổ tàn phế, hỡi các người tự tại an nhàn kia! Rồi đây thì các người sẽ bị tiêu diệt do quá nhiều đức tính nhỏ bé của các người, do quá nhiều sự kiêu dè bé nhỏ của các người, do quá nhiều sự an mệnh nhỏ bé của các người. Đất của các người quá dễ dãi, quá nhân nhượng. Nhưng muốn cho một cây có thể trở thành cao lớn VĨ ĐẠI thì cây ấy phải đâm rễ mạnh sâu vào những tảng đá cứng rắn" (Also sprach Zarathustra, phần thứ 3).*

Trên nửa thế kỷ trước, người đã hét lên những lời nói đầy đau đớn trên; thế kỷ XX này càng già đi thì lời hét trên càng trở nên tru tréo vang ầm lên như tiếng rống của

sư tử ở giữa sa mạc thiêu đốt này.

Hỡi Nietzsche, những dòng chữ này được viết ra đang lúc ngoài kia gió đang rú lên từng trận kinh hồn, và lắng hồn sâu trong tiếng gió, tôi vụt nghe tiếng người thét lên lạnh lạnh: *"Các người đang trở nên nhỏ bé... Càng lúc càng trở nên nhỏ bé, hỡi các người nhỏ bé kia!..."*

Thế giới đang muốn bốc lửa, nước Việt Nam đã bốc lửa cháy từ bao nhiêu năm nay, hỡi ngọn lửa kia, hãy bốc cháy mạnh thêm lên nữa, hãy cháy bùng lên và thiêu đốt hết tất cả những con người nhỏ bé ở mặt đất này. Những cây nào mọc trong đất mềm thì phải trốc gốc. Cuồng phong ơi, hãy thổi tươi bời lên đi, hỡi cuồng phong, hãy thổi tung gốc tất cả những cây nhỏ bé bám trong đất bùn tanh hôi; những cây nào không chịu đựng sức gió thì những cây ấy đáng chết, đáng tiêu ma đi cho rồi đời. Chỉ những cây nào sống được thì mới đáng sống, chỉ những cây nào đâm rễ vào đá cứng không hề bị lay chuyển thì mới đáng sống!

*"Hỡi anh em của tôi, hãy trở nên cứng rắn".*  
(Zarathustra, phần III, tr. 326)

Chiến tranh đang bùng nổ khắp thế giới. Chúng tôi đang ca hát chờ đợi chiến tranh và tàn nhẫn nhất là chúng tôi đang CA TỤNG CHIẾN TRANH.

Hãy lạnh lùng

Hãy tàn nhẫn

Hãy vô nhân đạo

Hãy cứng rắn

Hãy ca tụng chiến tranh

Hãy hung dữ

Hỡi nhân loại, hãy giết nhau đi, hãy bắn nhau đi; hỡi chiến tranh, hãy tiêu diệt cả nhân loại nhỏ bé này đi, hãy giết cho đến người tận cùng, để tạo lại một nhân loại mới cho trái đất, một Ý THỨC MỚI cho trần gian này.

Chiến tranh thiêng liêng.

Chiến tranh là cần thiết.

Bởi vì chiến tranh đã góp sức vào VIỆC SÁNG TẠO LẠI THẾ GIỚI NÀY và VIỆC THAI SINH MỘT CHÚNG LOẠI MỚI Ở TRẦN GIAN NÀY.

Chiến tranh góp sức vào VIỆC PHÁ HỦY TẬN GỐC RỄ TẤT CẢ NHỮNG GIÁ TRỊ Ở MẶT ĐẤT NÀY.

Loài người phải bị tiêu diệt! Nhân loại phải bị tiêu diệt cho đến NGƯỜI cuối cùng.

Chữ NGƯỜI là một chữ dơ bẩn, hôi thúi.

Chữ NGƯỜI gợi lên những gì lở lói đê tiện nhất ở mặt đất này; mỗi khi các anh nghe



nói lên tiếng NGƯỜI, các anh hãy móc súng ra và bắn tung vào tiếng NGƯỜI ấy cho bắn tung ra từng mảnh! Phải nói như thế, phải không Nietzsche?

Hỡi Nietzsche, lắng hồn vào sâu trong tiếng gào thét của cuồng phong, tôi đã nghe Nietzsche kêu gọi những gì? Nietzsche đã nói gì với tôi?

*"Ta chúc người đau khổ dẫn vật, ta chúc người bị bỏ rơi, ta chúc người đau bệnh, ta chúc người bị đối đãi tồi tệ, ta chúc người bị nhục nhã và ta chúc người không còn xa lạ với việc tự khinh bỉ mình cho đến tận cùng, và hành hạ ngờ vực chính bản thân người: ta không thương xót người bởi vì ta chỉ muốn được một việc duy nhất, việc ấy là thử xem người hôm nay có chứng tỏ rằng người có xứng đáng hay không – có đủ sức đứng vững hay không". (Der Wille zur Macht, 1887, 910)*

Cảm ơn Nietzsche, tôi đã nghe rồi.

Nghe thôi, cũng chưa đủ.

Tôi đã thấy rồi.

Cũng chưa đủ.

Tôi đã nghe, thấy và cảm.

Hãy còn chưa đủ.

Tôi phải nghe, thấy, ngửi, cảm, hiểu, và quăng trọn thể xác và tâm hồn vào trong sự đau khổ dẫn vật, trong cơn đau bệnh trong khi bị người đời đối đãi tồi tệ, bị nhục nhã và sự khinh bỉ cho đến tận cùng và tự hành hạ ngờ vực chính bản thân.

Tôi phải chịu trải qua những nỗi đau đớn lớn lao nhất ở đời này trong từng giây phút.

Tôi phải chịu đau khổ với tất cả thể xác và tinh thần của mình. Nếu tôi chịu tất cả những nỗi khổ trên mà vẫn còn đủ sức đứng vững thì tôi mới xứng đáng sống. Còn chịu không nổi thì hãy chết đi cho rồi.

Không thương hại

Không thương người

Không đạo đức luân lý

Không than thở

Không vị tha

Không bác ái

Không công bình

Không bình đẳng

Không dân chủ

Không bi quan

Không lạc quan

Không triết lý

Không hệ thống

Không ý thức hệ

Không cải thiện xã hội hay cải thiện nhân loại.

Tất cả những thứ trên là những đức tính bé nhỏ của tất cả những con người bé nhỏ, tất cả những đức tính bé nhỏ trên được thoát ra từ sự YẾU ĐUỐI HÈN NHÁT CỦA CON NGƯỜI.

Con người càng yếu đuối, càng tồi tệ, càng hèn nhát, càng nhu nhược, càng suy đồi thì con người lại càng ca tụng lòng thương hại, lòng thương người, đạo đức, luân lý, than thở, vị tha, bác ái, công bình, bình đẳng, dân chủ, bi quan, lạc quan, triết lý, hệ thống, ý thức hệ, cải thiện xã hội hay cải thiện nhân loại.

Không.

Tôi không muốn để các người bé nhỏ lườm gạt.

Tôi không muốn để con người nhỏ bé của chính tôi lườm gạt tôi.

Và nhất là tôi không bao giờ quên một điều kiện tối thượng của sự đạt đạo:

KHÔNG TRUNG THÀNH

Nghĩa là phải PHẢN BỘI.

Nghĩa là trò phải phản thầy. Đó là điều kiện duy nhất của sự đạt đạo.

*"Mỗi một bậc thầy chỉ có một người đồ đệ và người đồ đệ ấy phải trở thành phản bội thầy, không trung thành với thầy, bởi vì chính người đồ đệ ấy cũng có sứ mạng là làm thầy". (Vermischte Meinungen und Sprüche, 357)*

## 2.

Bây giờ, trời đã tối đen, trời càng về đêm thì gió càng lặng xuống.

Bây giờ thì mọi sự đã trở về im lặng.

Tiếng gió đã ngừng. Sư tử đã hết gầm. Sư tử đã biến thành trẻ thơ.

Hỡi Nietzsche, người đã biến thành trẻ thơ và TRẺ THƠ ĐANG NỞ NỤ CƯỜI HỒN NHIÊN.

Người ta chỉ nhớ Nietzsche là một con sư tử tàn bạo, người ta quên rằng, sau khi làm sư tử, Nietzsche lại trở thành một đứa trẻ thơ.

"Tại sao một con sư tử phải trở thành trẻ thơ? Vì trẻ thơ là sự hồn nhiên và sự quên lãng, là một sự bắt đầu mới, là một trò chơi, là một bánh xe tự xoay chuyển, là một hành động đầu tiên, là một tiếng chấp nhận thiêng liêng" (Also sprach Zarathustra, phần nhút).

Đêm đã đến rồi.

Và Nietzsche ơi, người đã thăm thì với tôi những gì?

"Đêm đã đến rồi, bây giờ tất cả những suối nước đang nói rì rào ầm ĩ hơn và tâm hồn tôi cũng là một suối nước".

Tôi đã nghe rõ những lời thăm thì huyền diệu của Nietzsche.

Người hãy nói tiếp đi.

"Đêm đã đến rồi, bây giờ chỉ có tất cả bài ca của những người yêu thương là tình thức thôi. Và tâm hồn tôi cũng là một bài ca của kẻ yêu thương".

Tôi đã nghe rồi.

Thì thăm nữa đi, Nietzsche ơi!

"Có một cái gì chao động rung rẩy trong lòng tôi, nó muốn lên tiếng. Sự thèm khát tình thương tràn đầy lòng tôi; lòng tôi nói lên ngôn ngữ của tình thương" (Also sprach Zarathustra, phần hai).

À, tôi đã hiểu ra rồi.

Tôi đã để ý đến sự khác thường từ trưa đến bây giờ.

Lúc trưa thì gió thổi loạn ầm lên và tôi đã nghe tiếng sư tử hét lên vào buổi trưa nóng cháy ấy; bây giờ đã đến đêm tối thì tôi không còn nghe tiếng gió rú nữa; khi đêm đã đến rồi, tôi không còn nghe tiếng sư tử gầm hét nữa, mà tôi chỉ nghe tiếng suối reo vui tươi và tôi chỉ nghe những bài ca du dương của những kẻ yêu thương.

"Tâm hồn tôi cũng là một suối nước" (Also sprach Zarathustra, phần hai).

"Tâm hồn tôi cũng là một bài ca của một kẻ yêu thương" (Also sprach Zarathustra, phần hai).

"Lòng tôi nói lên ngôn ngữ của tình thương" (Also sprach Zarathustra, phần hai).

Đó là ba câu nói cao siêu nhất của Nietzsche.

Hỡi Nietzsche, tư tưởng của người đã đi một vòng tròn, quay theo một vòng tròn của trái đất.

Tư tưởng của người đã đi từ Bình Minh (*Die Morgenröte*) đến tuyệt đỉnh là Buổi Trưa bốc lửa rồi đến [Hoàng hôn của những thần tượng](#) ("*Die Götzen Dämmerung*") rồi đến Đêm Tối rồi đến Khuya, rồi lại bình minh, rồi đến trưa, tối, cứ như thế quay tròn ngày đêm theo trái đất.

Ngôn ngữ của bình minh là ngôn ngữ của sự tỉnh thức.

Ngôn ngữ của buổi trưa là của sự chói dầy sôi sục.

Ngôn ngữ của buổi hoàng hôn là ngôn ngữ của sự đưa ma những thần tượng.

Ngôn ngữ của đêm tối là ngôn ngữ của tình thương, của ruối reo, của những bài hát tình yêu.

Hỡi Nietzsche, tư tưởng của người đã quay tròn theo tiết điệu trời đất, sáng, trưa, đêm, ngày, rồi sáng, trưa, đêm, ngày, từ xuân, hạ, thu, đông, cứ quay tròn triển miên, SỰ TRỞ VỀ VĨNH CỬU, Le Retour Eternel,

Chính sự Trở Về Vĩnh Cửu ấy đã giết Thượng đế.

Và THƯỢNG ĐẾ ĐÃ CHẾT.

Dass Gott tot ist!

"Ta dạy đạo siêu nhân cho các người. Con người là một sinh vật phải được thẳng, được vượt qua" (*Ich lehre euch den Übermenschen. Der Mensch ist etwas, das überwunden werden soll*).

Và Siêu nhân là gì?

Siêu nhân là vượt lên trên cả Thiện và Ác "Jenseits von Gut und Böse"

Siêu nhân là kẻ Giác Ngộ

Siêu nhân là Hành Động Thuần Tuý

Siêu nhân là Siêu Thoát

Siêu nhân là Tự Do

Siêu nhân là Trẻ Thơ

Siêu nhân là hiện thân của Bất nhị, Không hai

Siêu nhân là Tình thương không đối tượng.

Siêu nhân là vượt lên trên Người; vượt lên trên người là vượt lên trên sự phân chia đối đãi giữa Thiện và Ác của con người, là vượt lên trên Hành động có mục đích của con người, là siêu thoát ra ngoài Ngã và Vô ngã để bay đến chân trời không (Sunyata), là Tự do để chấm dứt hoàn toàn tất cả những vọng tưởng, những "biển kế sở chấp" (Vikalpa; sarva-kalpanàksayo hi nirvanam), là Trẻ thơ, nghĩa là Bất nhị (Advaya), tức là Tình Thương không có đối tượng (Karuna); và sự Trở Về Vĩnh Cửu (Retour Eternel) của Nietzsche có khác gì vòng nhân quả của đức Phật? Phải chăng Nietzsche cũng đã nhận như thế trong quyển *Der Wille zur Macht (Volonté de Puissance, cuốn II, tr. 14)*?

Và Nietzsche, Siêu nhân của Nietzsche hoàn toàn giống Bodhisattva trong Phật giáo

(mà Coomaraswamy cũng nhận ra như thế khi nói về Nietzsche; cf. Coomaraswamy, *Comsmopolitan View of Nietzsche*, trong the Dance of Shiva, tr. 140- 148).

Và không ai lấy làm lạ khi thấy Nietzsche hết sức ca tụng Phật giáo (*Volonté de Puissance*, traduction de G. Bianquis, tập I, trang 157, 159-161, 179; tập II, trang 14-28, 30, 39, 98, 169), đang khi Nietzsche quyết liệt hạ bệ tất cả những thần tượng khác.

Và nếu ngày xưa Nietzsche thường ca ngợi chiến tranh, ca tụng sự tàn nhẫn cứng rắn hay hô hào lòng thù ghét, hay chửi rửa lòng trặc ẩn, mắng chửi lòng vị tha, vân vân, đó chẳng qua chỉ là những phương tiện tối hậu mà Nietzsche dùng để làm "thuốc độc để trừ thuốc độc" "dùng gai để nhổ gai" mà đưa con người đến bờ giác ngộ như những vị Thiền sư thường đánh đập những đồ đệ một cách tàn nhẫn, vì đó chỉ là một hành động cần thiết để đưa dẫn môn đệ đến Ngộ (Satori).

Tất nhiên, không phải tất cả sự đánh đập đều là cần thiết, cũng như không phải tất cả những thuốc độc đều có thể trị lại thuốc độc hay tất cả gai đều có thể nhổ gai.

Nietzsche thừa hiểu điều trên, cũng như những vị Thiền sư cũng thừa hiểu như vậy.

Rốt ráo rồi thì Nietzsche cũng phải nói:

*"Lòng tôi nói lên ngôn ngữ của Tình Thương"*

Và không phải Nietzsche chỉ biết có hét, gầm la hay mắng chửi thối, ngoài những cử chỉ thịnh nộ ấy, Nietzsche còn biết nhảy múa vui tươi và biết ca hát véo von như chim non đầu xuân, như suối reo về đêm. Nietzsche ơi, phải chăng Nietzsche cũng đã từng tha thiết van nài một lần cuối trong đời

*"Hãy hát cho tôi nghe một bài ca mới"* (Thư Nietzsche gửi cho Gast, từ Turin, ngày 4 tháng 1 năm 1889).

Bài ca mới ấy là **Ý THỨC MỚI**, là tiếng hát trong vút của Siêu nhân vượt lên trên những khuôn mòn nhỏ bé của loài người.

### 3.

Đêm đã về khuya.

Tất cả đều lặng lẽ.

Tôi nghe tiếng chân ai bước xa xa dưới thung lũng kia, cùng với tiếng gió nhẹ vèo theo. Phải chăng Nietzsche đang âm thầm bước đi dưới kia. Tôi tin rằng Nietzsche đã trở về trần gian này, Nietzsche trở về mãi mãi trên mặt đất này, trở về để nhìn thấy những con người bé nhỏ đang đi vào hố tiêu diệt.

Hỡi Nietzsche. Nietzsche đã nghĩ gì khi trông thấy rằng những con người nhỏ bé tàn nhẫn, vô nhân đạo, cứng rắn, ca tụng chiến tranh, hung dữ, không thương hại, không thương người, không đạo đức luân lý, không vị tha, bác ái, vân vân...

Họ làm tất cả những thứ trên và họ hãnh diện cho rằng làm như vậy mới là theo Nietzsche.

Họ có biết đâu rằng có hai bảng giá trị:

1. Bảng giá trị của hạng người nhỏ bé;
2. Bảng giá trị của hạng Siêu nhân.

Giá trị của Siêu nhân là giá trị vượt lên trên mọi giá trị, một thứ giá trị không giá trị, nghĩa là Vô giá, tức là vượt ngoài ý thức con người.

Siêu nhân tàn nhẫn mà không tàn nhẫn, cứng rắn mà không cứng rắn, vô nhân đạo mà không vô nhân đạo, ca tụng chiến tranh mà không ca tụng chiến tranh, bởi vì Siêu nhân đã vượt lên trên Thiện và Ác; và mỗi hành động của Siêu nhân là Hành động Thuần Tuý không mục đích, không đối tượng, thoát ra từ **Ý Thức Mới**, hay Ý Thức Vũ Trụ, hoà nhịp với Tiết Điệu Thiên Nhiên.

Còn hạng người bé nhỏ mà tàn nhẫn thì đúng là tàn nhẫn, cứng rắn là cứng rắn, vô nhân đạo là vô nhân đạo, ca tụng chiến tranh là ca tụng chiến tranh. Hạng người bé nhỏ làm bất cứ điều gì đi nữa thì điều đó vẫn bé nhỏ. Ông Trời của hạng người bé nhỏ cũng vẫn là ông Trời của hạng người nhỏ bé.

Lòng ái quốc bé nhỏ

Sự hạnh phúc bé nhỏ

Tình thương bé nhỏ

Đạo đức, luân lý bé nhỏ

Lòng vị tha bé nhỏ

Lòng bác ái bé nhỏ

Dân chủ bé nhỏ

Công bình bé nhỏ

Bình đẳng bé nhỏ

vân vân...

Loài Siêu nhân chưa ngự trị trần gian này và con người càng lúc càng trở nên bé nhỏ.

#### 4.

Tôi không tin rằng Nietzsche đã điên. Tôi tin rằng Nietzsche đã giác ngộ và là một Bodhisattva đã sinh ra tại Tây phương. Nietzsche đã đi vào im lặng tuyệt đối. Và con người nhỏ bé đã tưởng rằng sự im lặng tuyệt đối ấy là sự điên loạn.

Nietzsche là một Siêu nhân cô đơn giữa những con người bé nhỏ.

Đầu năm 1889 tại Turin, Nietzsche thấy một người phu xe đánh đập con ngựa một cách tàn nhẫn, Nietzsche đã vụt chạy đến quàng tay ôm vào ngựa mà hôn, rồi té quỵ

ngất đi; người ta chờ Nietzsche về phòng, lúc Nietzsche tỉnh lại, Nietzsche viết những hàng chữ khó hiểu gửi cho những người bạn thân (Walter Kaufmann, *The Portable Nietzsche*, trang 684).

Đọc những dòng chữ khó hiểu trong những bức thư ấy, người ta cho rằng Nietzsche điên.

Hỡi Nietzsche, suốt đời người vẫn cô đơn và bị ngộ nhận.

Hỡi Nietzsche, người ta cho rằng người trở nên điên, nhưng đâu biết rằng chính lúc người chạy lại ôm ngựa và té quỵ là lúc người đã đạt đến Đại Ngộ, té quỵ bất tỉnh là vì ánh sáng chân lý ào ào tràn ngập vào tâm thức bừng sáng của người.

Người đã giác ngộ hoàn toàn vào giây phút thiêng liêng ấy, và chính lúc ấy Siêu nhân hoàn toàn là đứa con nít ngây thơ mở mắt nhìn đời trong màu ánh sáng mới lạ của buổi khai thiên lập địa.

*"Hãy ca cho tôi nghe một bài hát mới".*

Đó là câu cuối cùng và huyền diệu nhất mà người đã thốt ra khi bước vào cõi im lặng huyền bí, đó là tiếng chấp nhận thiêng liêng của một tâm hồn siêu thoát.

Hỡi Nietzsche, thế giới này đang chuyển động vì người đang trở về lại trên mặt đất này.

Có ai hát lên cho Nietzsche nghe bài hát mới chưa?

## 5.

Phải phá hoại tất cả mọi sự! Nietzsche đã nói thế, phải không Nietzsche? Đó là sức mạnh duy nhất của kẻ sáng tạo, của những con người siêu đẳng.

Không hối tiếc, không thương hại, không động lòng.

Phải lạnh lùng, sáng suốt, lắm lì, trơ trơ, cô đơn.

Làm chủ, làm thầy, chứ không làm nô lệ. Nhất định không tham gia để phục tùng. Lãnh đạo hoặc là bỏ đi trong cô đơn độc đạo.

Biết vâng lời, nhưng chỉ vâng lời Ý Chí Mạnh liệt của mình. Không nhập vào đám đông mà chỉ im lặng, chối từ quyết liệt những bầy, lũ, nhóm, đảng phái. Không nhập vào một đảng nào cả hay một hệ thống ý thức nào cả. Mỉm cười khinh miệt tất cả mọi sự. Luôn luôn ngạo mạn.

Cuồng bạo say sưa. Chết trong đam mê phần nộ hơn là sống lơ mờ trong mực thước. Lao cả thể xác và tâm hồn vào đam mê cuồng dại nhưng vẫn làm chủ ý chí bốc lửa. Ôn ào nhất khi im lặng, và im lặng nhất khi ôn ào.

Đôi mắt luôn luôn hừng hực lửa thiêng. Đi tìm nguy hiểm.

Sống cực đoan, sống hết mình, sống tận cùng.



Cười ngất ngây trong đau khổ. Không biết tình cảm.

Khắc nhỏ vào những lời khen, những lời tâng bốc đẽ cao. Lòng luôn luôn tràn đầy nước biển. Không tìm thanh bình.

Phải tàn nhẫn với tất cả những con người bé nhỏ.

Không làm hoà, không khiêm nhường, không lễ phép. Gây xáo trộn khắp nơi, gây thù ghét oán hờn khắp nơi.

Khoái lạc cuồng nộ của kẻ sáng tạo. Không lãng mạn.

Nhảy xuống tận hố sâu để tự thử thách, luôn luôn ngây ngất!

Khinh thường tất cả mọi quyển sách của nhân loại.

Bỏ đọc sách, xa lánh tất cả những thi sĩ, văn sĩ, học giả.

Độc tài tàn bạo với chính bản thân, với chính cuộc đời mình. Chống lại tất cả mọi chủ nghĩa.

Siêu nhân là tiêu chuẩn, là mục đích, là vấn đề sống hay chết. Chịu khó. Chịu khó. Kiên nhẫn như Hy mã Lạp sơn. Đi tìm chướng ngại để vượt lên. Ca tụng bản năng huyền bí. Đạp đổ luân lý. Đi ngược lại thiên hạ. Người ta làm Đông thì mình làm Tây, người ta nói phải mình nói sai. Người ta nói "ừ" ta nói "không"!

Từ bỏ bản ngã. Tiêu diệt bản ngã để giải thoát. Nếu cần có thành kiến, cứ đeo dính vào thành kiến, không lung lay, không đầu hàng. Chống trí thức. Chảy tràn ngập khắp nơi như sông vỡ bờ. Phải hơi điên điên gàn gàn và hoàn toàn lập dị.

Muốn sống làm sao thì sống, miễn đạt đến Siêu Nhân, bỏ rơi hết mọi lý luận chặt chẽ. Chống lý trí. Rất ít nói.

Không cần suy tư có hợp lý hay không. Bất chấp.

Không có chân lý, chính mình là chân lý, chỉ có mình mới là chân lý, tất cả những chân lý khác đều là ảo tưởng. Cầu mong bị sét đánh. Mong chịu thêm nhiều đau khổ nữa.

Suốt đời, phải thường xuyên khinh bỉ chính bản thân và tư tưởng mình. Không sợ hãi. Luôn luôn kiêu ngạo. Phải chiến thắng đau khổ. Vươn lên, vượt lên, bay lên.

Sau khi đã phá hoại đến cùng cực, đã la hét đập đánh mắng chửi điên cuồng, sau khi đã làm ấm lên khắp hang cùng ngõ hẻm, đã bới tung lên đầy hỗn loạn ngổn ngang, đã làm náo động khắp nơi thì bắt đầu rút lui về sa mạc và đi múc nước để tưới cỏ. Hoặc vào nhà thương điên. Đi vào im lặng.

*Chào Dyonisos Philosophos*

PHẠM CÔNG THIÊN

- Hết -

.....

**Nguồn:** Phạm Công Thiện, *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* (Luận về ý thức mới sau mười năm lang bạt), tái bản lần thứ tư, NXB An Tiêm, Sài Gòn, 1970. Bản điện tử do talawas thực hiện.